

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu

TAM TRUYỆN

TẬP 3



Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN
春秋三傳

TẬP BA

Bản dịch : **HOÀNG KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

XUÂN THU QUYỂN THỨ BẢY

文公

VĂN CÔNG

Dương Sĩ Huân - Theo sách Lỗ Thế gia, Văn Công tên là Diên, con Hi Công, lên ngôi năm thứ 26 đời vua Tương Vương nhà Chu. Xét tính tình từ huệ, yêu dân, cho nên đặt tên Thụy là Văn.

Năm Ất Mùi, vua Tương Vương năm thứ 26.

元年

NGUYỄN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Tương năm thứ hai. Tề Chiêu năm thứ 7. Vệ Thành năm thứ 9. Sái Trang năm thứ 20. Trịnh Mục năm thứ 2. Tào Cung năm thứ 27. Trần Cung năm thứ 6. Kỷ Hoàn năm thứ 11. Tần Mục năm thứ 34. Sở Thành năm thứ 46.

春王正月公即位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG,

LỖ CÔNG LÊN NGÔI

Cốc - Nối ngôi chính đáng, thế là được chính.

Xét - Hồ Truyện căn cứ vào Kinh Thư, về thiên Lễ Cư Tang, và các thiện nhà Ngụ, nhà Thương, có bàn rằng, vị Trùng Tề thay mặt vua làm lễ cáo miếu, rồi điều khiển bách quan, trừ

vua ra, không thân dự. Nay lấy sách Chu Tử xét lại, thì biết rằng việc khác có thể thay mặt, chứ việc lên ngôi, thì không có lý thay mặt được. Tằng Tử hỏi về lễ nghi lúc cư tang, thì được biết mọi lễ tế, cứ qua năm, mới cáo miếu, vậy người khác thay mặt được, nhưng đến việc lên ngôi, và đổi niên hiệu để giám lâm các bầy tôi, thì sao thay mặt được. Cho nên không theo Hồ Truỵen.

二月癸亥日有食之

NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỘI, NHẬT HỮU THỰC CHI
THÁNG HAI, NGÀY QUÝ HỘI, CÓ NHẬT THỰC

Theo Công Dương, thì trên chữ nhật có chữ sóc.

Đỗ Dự - Không chép chữ sóc, là Sử bỏ sót.

Triệu Bằng Phi - Không chép chữ sóc, là đã bỏ lễ sóc.

天王使叔服來會葬

THIÊN VƯƠNG SỬ THỨC PHỤC LAI HỘI TÁNG
THIÊN TỬ (VUA CHU) SAI THỨC PHỤC
TỚI DỰ LỄ TÁNG (CHÔN)

Tả - Năm dậu, mùa xuân, Thiên Tử sai chức Nội sử là Thúc Phục tới dự lễ táng. Công Tôn Ngao nghe nói Phục sành về khoa tướng số, mời đến coi tướng cho hai người con. Thúc Phục nói: Một người là Cốc thì biết cung dưỡng, một người là Nam thì biết tế tự. Cốc mặt mũi đầy đặn, tất là người có hậu ở đất nước Lỗ này.

Phụ lục Tả Truyện - Năm đó, lịch đặt tháng nhuận vào tháng ba, thế là không theo đúng lễ. Xưa Tiên Vương đặt lịch đúng thời: Bắt đầu tính từ buổi dậu, thì toán số không sai nhảm. Giữ phần chính ở giữa, thì dân tin tưởng không nghi ngờ. Các ngày thừa cho vào cuối thì việc không rối loạn.

Chú thích: Theo Tả Thị thì tháng nhuận năm ấy không phải ở tháng ba.

Công Thị - Sao lại chép là tới dự táng? Vì dự táng là đúng lễ.

Cốc Thị - Chép dự táng là tôn trọng lễ nghi Thiên tử.

夏 四 月 丁 巳 葬 我 君 僖 公

HẠ, TỬ NGUYỆT, ĐINH TÝ,

TÁNG NGÃ QUÂN HI CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY ĐINH TÝ,

TÁNG VUA TA LÀ HI CÔNG

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Đinh Tỵ, táng Hi Công.

Cốc Thị - Khi mất, chép là Công hoảng. Khi táng chép là vua ta. Chép có trước, có sau. Mất rồi mới đặt tên thụy, là để hoàn thành đức tính. Thế là khi chết rồi mới đặt thêm.

天 王 使 毛 伯 來 錫 公 命

THIÊN VƯƠNG SỬ MAO BÁ LAI TÍCH CÔNG MỆNH

THIÊN TỬ SAI MAO BÁ ĐEM

SẮC PHONG TỚI CHO VUA LỖ TA

Tả Thị - Vua sai tước Bá nước Mao tên là Vệ đem sắc phong tới (tích mệnh).

Công Thị - Tích là gì? Là tứ, là cho. Mệnh là gì? Là thêm phẩm phục.

Cốc Thị - Theo lễ, thì có thụ mệnh, là tới nhận, chứ không có lai tích mệnh. Tích mệnh không phải là chính.

晉 侯 伐 衛

TẤN HẦU PHẠT VỆ

TẤN HẦU ĐÁNH NƯỚC VỆ

Tả Thị - Về cuối đời Tấn Văn Công, các chư hầu tới châu nước Tấn. Vệ Thành Công không châu, sai Khổng Đạt xâm Trịnh,

đánh đất Diên Tý và đất Khuông. Tấn Tương Công nổi ngôi đã qua năm, cho báo cáo các chư hầu để phạt nước Vệ cùng đất Nam Dương. Tướng Tiên Thả Cư nói: Xin đừng theo vết xe Vệ, sẽ có họa (Vệ không cháu). Xin nhà vua hãy cháu Thiên tử, rồi tôi sẽ cầm quân. Tấn Hảo mới cháu Thiên tử ở đất Ôn, Tiên Thả Cư, Tư Thần, đem quân tới Vệ. Tháng năm, ngày Tân Dậu, mừng một, vây đất Thích. Tháng sáu, ngày Mậu Tuất lấy được, bắt được Tôn Chiêu Tư.

Khuông ở về Dinh Xuyên. Thích là ấp nước Vệ.

叔孫得臣如京師

THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ KINH SƯ

THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ KINH SƯ (NHÀ CHU)

Tả Thị - Lỗ đại phu Thúc Tôn Đắc Thần tới châu Thiên Tử.

Đỗ Dự - Tạ ơn tích mệnh. Đắc Thần là cháu Thúc Nha.

衛人伐晉

VỆ NHÂN PHẠT TẤN

NGƯỜI VỆ ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Người Vệ báo cáo nước Trần. Trần Cung Công nói: Nếu Tấn còn tới đánh, thì ta cũng cố hòa. Vệ Khổng Đạt cầm quân đánh Tấn. Người quân tử cho là Vệ theo đúng đường lối xưa, tức là bàn với nước Trần.

Lưu Sưởng - Tả thị cho là đúng đường lối xưa. Tả Thị bàn sai. Xưa tuy có bàn mưu với nước ngoài, việc bàn đó tất do việc nghĩa. Nay Trần với Vệ bàn mưu gì: Mưu phản bạn, xâm lấn nước nhỏ. Thế đâu có phải là theo đường lối xưa.

秋 公 孫 敖 會 晉 侯 于 戚

THU, CÔNG TÔN NGAO HỘI TẤN HẦU VU THÍCH
MÙA THU, CÔNG TÔN NGAO HỘI VỚI TẤN HẦU TẠI ĐẤT THÍCH

Đây là mở đầu, đại phu chuyên đi hội họp với chư hầu.

Tả Thị - Mùa thu. Tấn Hầu phân ranh giới đất Thích, cho nên Công Tôn Ngao mới đi hội.

冬 十 月 丁 未 楚 世 子 商 臣 弑 其 君 都
ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, ĐINH MÙI, SỞ THẾ TỬ
THƯƠNG THẦN, THÍ KỶ QUÂN QUÂN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10 NGÀY ĐINH MÙI, SỞ THẾ TỬ
LÀ THƯƠNG THẦN GIẾT VUA LÀ QUÂN

Công thị và Cốc Thị, viết chữ Quân ra chữ Khôn.

Tả Thị - Trước kia, Sở Tử (vua Sở, tức Tử) định cho Thương Thần làm Thái tử, có hỏi Lệnh Doãn Tử Thượng. Tử Thượng nói: “Nhà vua tuổi chưa cao, mà yêu nhiều con, không riêng ai. Đã lập mà bãi đi thì sinh loạn. Nước Sở ta, lập làm vua, thường là con nhỏ, không cứ phải con trưởng. Và lại, Thương Thần, mắt như mắt ong, tiếng như tiếng lang, thế là tướng người tàn nhẫn, không nên cho nối ngôi”. Vua không nghe, cứ lập Thương Thần. Thế rồi lại muốn phế đi mà lập Vương Tử Chúc. Thương Thần nghe đoán, nhưng tin chưa được chắc, mới hỏi Sư phó là Phán Sùng, làm thế nào được biết rõ.

Sùng nói: Đặt tiệc mời bà Giang Mễ, rồi làm ra cách bất kính (Giang Mễ là em vua lấy chồng ở đất Giang). Thương Thần theo kế. Giang Mễ giận, thốt ra mấy câu: “Đồ thất phu, thảo nào, vua muốn giết mày mà lập Chúc”. Thương Thần báo cho Sư Phó.

Sư Phó nói: Thế thì tin đúng rồi. Ngài có thể thờ Chúc làm vua không?

Đáp: Không.

Hỏi: Có muốn chạy trốn ra nước ngoài không?

Đáp: Không.

Hỏi: Có dám làm đại sự không?

Đáp: Làm được.

Mùa đông tháng 10, lấy giáp sĩ trong cung mình vây Thành Vương. Vua xin hãy cho ăn xong món chân gấu, rồi hãy chết. Con không cho. Thành Vương phải tự vẫn (ngày Đinh Mùi). Đặt tên thụy cho là Linh thì mất không nhắm. Đặt lại cho là Thành, mới nhắm mắt.

Thương Thần nổi ngôi tức là Mục Vương. Cho Sư Phó Phan Sùng, nhà cửa, lâu đài, và cho làm Thái Sư, kiêm Chương Vệ Quân, coi giữ Vương Cung.

Cốc Thị - Khôn (tên vua Sở theo Cốc Thị) chết mà chép ngày, là để ghi cẩn thận việc Thương Thần giết vua. Đối với Di Địch thì không có nói chính hay bất chính.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói chép ngày là để ghi cẩn thận việc Thương Thần giết vua. Nói thế sai. Ví như không chép ngày thì không ghi cẩn thận việc Thương Thần giết vua hay sao.

Vương Tích Tước - Truyện chép: Nghe đặt Thụy là Linh, thì không nhắm mắt, đổi là Thành thì nhắm mắt. Vua chết rồi, lúc táng mới đặt tên thụy, chứ có đâu chưa chôn đã đặt tên Thụy. Đó là Tả Thị xuyên tạc.

Xét - Đường Quách Du nói với Thế Tử Hoành rằng: Kinh Xuân Thu, ý nghĩa bao hay biếm, để lấy thiện khuyến khích, lấy ác răn dạy. Cho nên tiếng ác của Thương Thần nghìn năm không mất. Lời đó là hợp với ý chí Thánh nhân. Cho nên, Xuân Thu được viết ra, là bọn loạn thần, tặc tử phải kinh sợ. Hoành, trời cho tính nhân ái sẵn, cho nên không nỡ đọc, chứ không phải là Quách Du giảng sai nhầm nghĩa Kinh, mà cho là nên bỏ Xuân Thu đi.

Hồ Truyền rất chê thuyết đó, cho là thần chết rồi, tiếng ác cứ còn, chưa đủ để giảng buộc tâm trí kẻ gian tà. Bao là nên răn ke làm ác, dần chứng bằng lời bàn họ Đồng, việc thoán thì không quá trách, nài nguyên do việc ác thì xét rất gắt gao,

thường nhiều lần kể tội Thánh Vương, việc Thương Thần y như tư phải đến. Thế là Hồ Thị đã làm loạn danh và phận trong Kinh, cân đo nặng nhẹ đảo ngược. Vậy bỏ Hồ không chép.

公孫敖如齊

CÔNG TÔN NGAO NHƯ TÊ

CÔNG TÔN NGAO SANG TÊ

Tả Thị - Mục Bá (Công Tôn Ngao) sang Tê, khởi đầu lễ sinh. Thế là đúng lễ. Phàm vua mới lên ngôi, chức Khanh tới sinh, là để sửa soạn lại việc giao hiếu cũ, để mong giúp nhau. Giao hiếu với nước láng giềng là để giữ xã tắc mình. Đó là đạo trung, tín, ty, nhượng. Trung là cái chính, cái ngay của đức. Tín là làm cho đức được bền. Ty nhượng là nhường nhịn, kém vế, là nền tảng của đức.

Phụ lục Tả Truyện - Về việc ở Hào, người Tấn đã thả các tướng Tần về. Các đại phu và quan chức Tần đều nói với Tần Bá (vua Tần): Việc thua này là tội ở tướng Mạnh Minh, xin giết đi. Tần Bá nói: Đó là tội ta. Kinh Thi có câu: Gió to hại vật, người tham hại người hay. Người hay nghe đạo đức thì mừng rỡ, người dờ nghe diễn pháp thì u mê. Ta không dùng hay, ta thành dở. Đó tham là như thế. Ta thực là tham, cho nên gây họa cho đại phu. Đại phu đâu có tội. Thế rồi cứ dùng Mạnh Minh ở chức cũ.

Uông Khắc Khoan - Chư hầu triều sinh nhau, Tả Thị đều cho là có lễ. Tả Thị đã không xét lễ nghi trong việc tang, thông thường ai cũng phải biết, lại không khảo cứu đến việc tôn Chu, việc giao tế. Lỗ Hi Công năm thứ 30, Tề Chu Công tới sinh, thì Công Tử Toại đáp lễ tại Kinh, mà bắt đầu sinh ở Tấn. Cũng năm đó, Mao Bá tới Lỗ tích mệnh, thì Đắc Thần tới Kinh tạ ơn, mà Ngao cùng mới tới sinh lễ ở Tê. Dem các việc ra so sánh, tuy không cần chê, mà sự không phải đã thấy rõ.

Xét - Vua chư hầu cư tang, kiêng dưng có thân dự hội thể. Còn như cho bảy tội đi thay thì sao không được.

Lễ bang giao có kỳ hạn thường, sự đi lại có định, theo lễ

nghi, ba năm là lâu rồi, chả nhẽ đóng cửa quan, đình việc giao thiệp, bỏ hết lễ chủ khách. Phần nhiều bác Tả Thị quá lắm. Duy có Uông Thị lấy việc tôn Chu, việc giao hiếu với nước láng giềng, bàn xét có lý, vậy lời bàn của Uông Thị để lại, cùng với lời xét của Tả Thị.

Năm Bính Thân - Vua Tương Vương năm thứ 27.

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tấn Tương năm thứ 3. Tề Chiêu năm thứ 8. Vệ Thành năm thứ 10. Sái Trang năm thứ 21. Trịnh Mục năm thứ 3. Tào Cung năm thứ 28. Trần Cung năm thứ 7. Kỳ Hoàn năm thứ 12. Tống Thành năm thứ 12. Tấn Mục năm thứ 35. Sở Mục Vương Thương Thần năm đầu.

春王二月甲子晉侯及秦師戰

于彭衙秦師敗績

XUÂN VƯƠNG NHỊ NGUYỆT, GIÁP TÝ. TẤN HẦU CẬP

TÂN SU CHIẾN VU BÀNH NHA. TÂN SU BẠI TÍCH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY GIÁP TÝ, TẤN HẦU CÙNG QUÂN TẤN CHIẾN TẠI BÀNH NHA, QUÂN TẤN THUA TAN

Tả Thị - Năm thứ hai. Mùa xuân. Tấn Mạnh Minh đem quân đánh Tấn để báo thù trận thua ở Hào Tháng hai. Tấn Hầu chống giữ. Tiên Tha Cư làm tướng đạo Trung quân, có Triệu Thôi làm Phó. Cui dám quân Nhung, có Vương Quan, Phó là Hồ Cúc Cư ngày giáp tý cùng quân Tấn chiến ở đất Bành Nha, Quân Tấn thua tan. Người Tấn bảo đó là quân Tấn đến tạ ơn (Mạnh Minh khi được tha có nói: Ba năm sau sẽ đến tạ ơn Tấn tha). Khi đánh nhau ở Hào, bên Tấn coi quân Nhung, là tướng Lương Hoàn, có tướng Lai Câu làm Phó. Ngày giáp trận, Tấn Tương Công bắt được tù binh, sai Lai Câu lấy giáo giết đi. Tù kêu lên, Lai Câu đánh rơi giáo. Tướng Lang Đàm nhặt giáo giết tù. Rồi được theo

xe vua làm xa hữu. Khi có trận đánh nhau ở đất Cơ, Tiên Chân bãi Lang Đàm, lấy Gián Bá thay. Lang Đàm giận lắm. Có người bạn nói, thà chết còn hơn. Đàm nói: Chưa phải nơi chết. Bạn bảo, tôi xin giúp cùng giết nó. Đàm nói: Phép nhà Chu có chép, "Dùng có hại cho người trên, sẽ không được ghi công", vì chết về việc bất nghĩa thì không phải là dùng, làm việc quốc gia là dùng. Ta vì dùng mong làm xa hữu, vô dùng mới bị bãi, thế là đúng. Sao bảo rằng trên không biết ta, nếu đáng bị bãi, thế là biết ta. Anh hãy chờ đợi.

Khi có trận ở Bành Nha, trận bày xong, Lang Đàm đem quân bán bộ xông vào đám quân Tần, rồi bị chết, nhưng toàn quân Tần xông theo đánh tan được quân Tần.

Người quân tử bàn rằng: Lang Đàm đúng là quân tử, Kinh Thi có câu: Người quân tử nổi giận, thì loạn chóng dẹp. Lại có câu: Khi vua Văn Vương nổi giận, thì chính bị quân đội để dẹp loạn. Nay giận mà không làm loạn, lại dẹp giặc thì đáng là quân tử.

Tần Bá cứ dùng Mạnh Minh, Mạnh Minh cố sửa sang quốc chính, cố săn sóc đến dân, Triệu Thành Tử (Triệu Thôi) phải bảo các quan rằng: Quân Tần mà rở (trở) lại, thì ta phải tránh đi. Họ sợ mà cố sửa đức thì không ai đương nổi. Kinh Thi có câu: Hãy nghĩ tới tổ tiên, để giữ đức sáng tổ tiên. Mạnh Minh chính là đang nghĩ, không nhắc. Thế thì ai địch nổi.

Xét - Hồ Truệ bàn rằng: Địch mà đánh ta, thì ta tự xét ngay. Nếu có tội thì phải tự trách. Nếu ta không có tội, mà địch đánh ta một cách bất nghĩa, thì ta lấy lời phải chăng, giàn xếp. Nếu không xong, thì ta tâu lên Thiên Tử, trình với Phương Bá. Chứ đừng có vội vàng ứng chiến ngay, thế là lấy hạng Kiệt chống với hạng Kiệt. Hồ thị bàn thế là vu khoát về sự tình. Đương thời đó, Chu đã suy, kém, dù có tâu lên Thiên Tử thì liệu có ngăn nổi được cuộc xâm lăng không. Vả lại Hồ Thị vẫn thường nói, nếu Thiên Tử coi trị được chư hầu, thì đã không có sách Xuân Thu. Còn, nếu trình với Phương Bá, thì Tấn chính là Bá, ừ khi Tương Vương ban huy hiệu Bá cho Tấn Văn Công, mà Tấn Tương Công tiếp tục. Thấy các nước chung quanh xâm phạt

nhau, Tấn cũng có phận sự xét hỏi, hướng chỉ dịch tới ngay nước Tấn. Thế mà như còn phải tậu Thiên Tử, trình Phương Bá, rồi mới ra quân, thì quân dịch đã vào tới quốc đô rồi, nên xả tắc đã thành đất bằng rồi. Vậy lời bàn của Hồ, không kể đến nữa.

丁丑作僖公主

ĐINH SỬU, TÁC HI CÔNG CHỦ

NGÀY ĐINH SỬU, ĐẶT THẦN CHỦ HI CÔNG

Tả Thị - Ngày Đinh Sửu, đặt thần chủ Hi Công. Chép để biết việc không đúng lúc.

Công Thị - Dựng Thần chủ Hi Công là thế nào? Phàm tế Ngu (vừa chôn xong) thì dùng thần chủ gỗ dâu. Khi tế Luyện (là đầy năm) thì chôn thần chủ gỗ dâu, mà làm thần chủ gỗ lật. Đây chép là chê. Chê vì làm thần chủ không đúng thời. Tức là muốn cho tang lâu ra, mà rồi lại không được.

Cốc Thị - Tác nghĩa là làm. Đáng nhẽ làm Ngu chủ, lúc chôn; Luyện chủ lúc đầy năm. Đây chê là làm sau, chậm. Hoặc làm thần chủ, hoặc thay miếu thờ, phải cho đúng thời, tức là lúc đầy năm (lúc tế Luyện). Việc thay miếu, thì có khi chỉ thay mái hiên, hoặc quét sơn lại cũng được.

Lưu Sưởng - Công Dương nói: muốn cho tang lâu mà không được. Nói thế là sai. Lỗ Công chỉ là lười nhác chậm làm thần chủ. Chứ sao lại biết là Công muốn cho tang lâu.

三月乙巳及晉處斧盟

TAM NGUYỆT, ẤT TỴ, CẬP TẤN XỬ PHỦ MINH

THÁNG BA, NGÀY ẤT TỴ, CÙNG THỂ VỚI XỬ PHỦ NƯỚC TẤN

(Bắt đầu có việc nhân tới châu mà thể).

Tả Thị - Người Tấn, vì Lỗ Công không châu, tới đánh. Lỗ Công sang Tấn. Mùa hạ, tháng tư, ngày Kỷ Tỵ, người Tấn sai Dương Xử Phủ thể với Công để làm nhục Công. Kinh chép: "cùng thể với Xử Phủ nước Tấn", bớt chữ Công đi, cho rõ sự không phai của Tấn. Không chép Công sang Tấn là kiêng.

Chú thích của người dịch - Kinh chép tháng ba, ngày Ất Ty. Truyện chép tháng tư ngày Kỷ Ty. Vậy hoặc Kinh hoặc Truyện sai.

Công Thi - Đây là Xứ Phủ họ Dương. Sao không chép tên. Là ý kiêng chép Công thể với đại phu.

Cốc Thi - Không chép chữ Công, vì kiêng không để Công ngang với Xứ Phủ. Sao biết là cùng thể với Công. Vì có chép ngày. Sao không chép Công sang Tấn. Vì cho là điều xấu, khi đi không chép đi, khi về không chép về.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn: Sao biết là cùng thể với Công, vì có chép ngày. Cốc Lương bàn thể sai. Công thể không chép ngày, trường hợp đó có nhiều.

夏六月公孫敖會宋公陳侯鄭

伯晉士穀盟于垂隴

HẠ, LỤC NGUYỆT, CÔNG TÔN NGAO HỘI

TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ,

TẤN SĨ HỘC, MINH VU THÙY LŨNG

MÙA HẠ, THÁNG 6, CÔNG TÔN NGAO,

HỘI VỚI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ,

TẤN SĨ HỘC, THỂ TẠI ĐẤT THÙY LŨNG

Cốc Thi chép chữ Hộc ra chữ Cốc, chữ Lũng ra chữ Liễm. Thùỵ Lũng là đất nước Trịnh.

Tả Thi - Lễ Công chưa tới. Mục Bá hội chư hầu cùng Tư Không nước Tấn là Sĩ Hộc thể tại Thùỵ Lũng. Nguyên nhân vì Tấn đánh Vệ. Chép là Sĩ Hộc để rõ Sĩ Hộc phải chịu trách nhiệm. Trần Hầu vì Vệ xin với Tấn cho hòa. Bất Khổng Đạt để chiều lòng Tấn.

Cốc Thi - Đại phu trong nước có thể hội với vua chư hầu.

Vương Tích Tước - Phàm vị Khanh đã có mệnh chủ, là đều có chép tên, còn việc gì phải nói chịu trách nhiệm hay không chịu trách nhiệm.

四十有二月不雨至于秋七月

**TỰ THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT BẤT VŨ
CHÍ VU THU, THẤT NGUYỆT**

TỪ THÁNG 12 KHÔNG MƯA, CHO ĐẾN MÙA THU THÁNG 7

Công Thị - Sao lại chép. Là ghi việc lạ. Nếu đại hạn thì chép là tai. Đây cũng là hạn, sao lại chép là lạ. Vì đại hạn thì ít ngày cho nên gọi là tai. Đây không mưa đã lâu ngày, mà lại không sinh tai, cho nên chép là việc lạ.

Cốc Thị - Qua mấy mùa, mà nói không mưa, là không có ý lo cho mưa. Không lo là không để ý đến dân.

Uông Khắc Khoan - Theo lễ, thì nếu đến tháng tám mà không mưa, thì vua ăn uống tiết giảm. Nay Văn Công từ tháng 12 đến tháng 7 không mưa, thế là khí âm, khí dương các mùa không điều hòa, thường sinh tai. Đã tám tháng rồi, mà Văn Công không tỉnh ngộ, dù chưa hết tang mà cứ triều sinh, hội thề, tế lễ luôn, không để tâm trí đến dân, thế thì có đáng đứng đầu dân không? Công Dương nói, không chép hạn, vì ngày không mưa đã lâu mà không có tai, Phạm Uông cũng nói chưa có tai, hai người bàn thế là nhầm.

Phạm hạn mà có tai, mà không lâu thì chép là hạn. Hạn mà có tai mà lâu, thì chép tháng ấy không mưa cho đến tháng ấy. Trong sách Cương Mục thời Hán Hiến Đế có chép tháng 4 không mưa cho đến tháng 7, cảnh dân đói sinh tai thế nào, ta đã biết.

八月丁卯大事于太廟躋僖公

**BÁT NGUYỆT, ĐINH MÃO, ĐẠI SỰ
VU THÁI MIẾU, TẾ HI CÔNG**

**THÁNG TÁM NGÀY ĐINH MÃO, ĐẠI TẾ Ở NHÀ
THÁI MIẾU ĐỂ ĐẶT HI CÔNG TRÊN VUA TRƯỚC**

Tả thị - Mùa thu, tháng tám, ngày Đinh Mão, trọng tế ở Thái Miếu để đặt Hi Công trên vua trước. Thế là ngược lễ. Khi

đó, Hạ Phủ Phát Ky, giữ chức Nghi Lễ quan. Muốn tôn Hi Công, mới phân trần rằng: Tôi thấy mới thì lớn, mà cũ thì nhỏ (mới chỉ Hi Công là thứ huynh, và cũ chỉ Mẫn Công là em). Cho nên đặt lớn trước, nhỏ sau, thế là thuận. Đặt người thánh hiền (chỉ Hi Công) lên trên, thế là minh (sáng). Thuận và minh là lễ.

Người quân tử (Tả Thị) cho là thất lễ. Đã là lễ, thì phải thuận Tế tự là việc lớn của một nước. Thế mà làm ngược thì có gọi là lễ không. Con tuy là Thánh, không hưởng trước cha được, từ xưa vẫn nhận như thế. Cho nên vua Vũ, không đứng trước ông Cồn. Vua Thang không đứng trước ông Tiết. Các vua Văn, Vũ, không đứng trước ông đứng trước ông Bát Khuất. Nước Tống có tổ là Đế Ất. Nước Trịnh có tổ là Lệ Vương. Thế cho nên, Kinh Thi, trong Lỗ Tụng có câu: Xuân, thu, dùng trề nhác, tế lễ dùng sai lạc. Đường hoàng Hậu Đế, Hoàng tổ Hậu Tắc. Người quân tử bàn: Theo lễ thì Hậu Tắc, tuy là nhân, nhưng phải lấy Đế đứng trên. Kinh thi có câu: Hối các cô ta, rồi đến chị ta. Người quân tử bàn: Theo lễ, chị dù gần, nhưng phải đứng sau cô.

Trọng Ni nói: Tang Văn Trọng có ba việc bất nhân, ba việc bất trí, Đặt Triển Cầm vào chức vị kém (biết Triển Cầm, Liễu Hạ Huệ là hiền mà đặt vào chức vị kém); bãi bỏ sáu quan ải (cản ngăn cấm du dăng); cho người nhà dệt chiếu (tranh lợi của dân nghèo) là ba việc bất nhân. Dùng đồ dùng không phải chức vụ mình được dùng; cho lễ đặt Hi Công lên trên là phải; bắt dân cúng viên cư (thứ chim lạ bay qua, cho là thần vật). Đó là ba việc bất trí.

Công Thị - Đại tế là gì? - Là đại hợp, là hợp tế. Hợp tế thì hình thức thế nào? Bỏ thần chủ đi, đặt vào miếu Thái Tổ, đến năm năm thì tế gọi là Ân tế. Còn đặt tên trước là gì. Là đặt ngôi vị đứng trên, ý chê. Chê là ngược với lễ. Dù sao, Hi Công trước vẫn là thần của Mẫn Công. Thần trên, quân dưới không được.

Cốc Thị - Đại tế là gì? Là việc tế lớn, việc hợp tế. Bỏ thần chủ ở miếu thờ; đặt vào miếu Thái Tổ. Khi chưa bỏ thần chủ, thì cúng tế cả ở hai miếu. "Đặt lên trước" là gì? Là đặt người

thần trên, đặt Tổ xuống dưới. Thế là lẽ ngược. Đã ngược thì không có hàng Chiêu, hàng Mục nữa. Đã không có Chiêu, Mục thì không có tổ. Không có tổ thì không có trời, tức là không thay trời làm việc. Người quân tử không vì tình thân, người thân, mà quên tên người tôn. Đó là nghĩa Kinh Xuân Thu.

Gia Huyền Ông - Ba truyện đều nói rõ là lẽ ngược. Xét: Cho Mẫn và Hi là Chiêu và Mục, mỗi vị mỗi đời thì cần phải biện bạch rõ ràng. Tả Thị nói: Con dù ngang hàng thánh, không hưởng (ăn) trước cha. Nói thế tức cho là vua tôi, như cha con, chứ không báo Mẫn là tổ của Văn Công. Công Dương thì báo không có Chiêu, Mục thì không có tổ. Đồ Dự thì báo Mẫn và Hi không thể coi là cha và con. Thường là bầy tôi, thì vị phải ở dưới. Nay ở trên Mẫn, thế là ngược. Khổng Đình Đạt phát minh ra ý của Đồ Dự rõ ràng. Nếu lấy cách anh em cho vào Chiêu, Mục, thì rối loạn, không thể quyết đoán được.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương báo là tể ngược, không có Chiêu, Mục. Phạm Ninh thì nói: Lấy Chiêu, Mục, hàng cha, hàng tổ làm ví dụ. Hà Hưu thì nói: Huệ Công với Trang Công, nên cùng ở vị tây, ngành về Nam. Ân, Hoàn, cùng Mẫn, Hi, cùng nên cùng ở vị tây, mà ngành về Bắc. Khổng Đình Đạt thì nói: Mẫn, Hi, không được là cha với con, phải ở hàng Mục. Nay nhắc Hi lên trước Mẫn, thế là vị thứ hai Công thành ngược, chứ không phải là loạn hàng Chiêu, Mục. Ví như anh em thay nhau thì khác Chiêu, Mục. Lại thiết sử bốn anh em cùng lập lên ngôi, thì miếu tổ phụ dành phái hủy bỏ. Lễ ất không cho như thế. Nay xét kỹ lời Kinh, Truyện, thì cha làm Chiêu, con làm Mục. Hi là bầy tôi của Mẫn. Tôi và con là cùng hàng. Mà Mẫn Công, Hi Công mỗi người phải là một đời. Ai Công thì coi Tương Công là Hoàng Khảo. Như thế thì Chiêu Công, Đình Công, mỗi vị là một đời. Thành ra hàng Chiêu Mục đối khác.

Vậy mà để Anh Tể trên Quy Phủ, thì theo Hà Hưu cho là loạn hàng Chiêu, Mục.

Thiết nghi, cổ nhân, cứ mỗi vua một miếu, thì anh em cùng hàng Chiêu, Mục thì cùng là một đời, việc hợp tể ở Thái Miếu,

thì Lỗ nên lấy Hi Công riêng đặt vị ở dưới Mẫn Công. Đời sau, cùng cha khác mẹ, không thể lấy hai vua cùng tể ở một miếu, tất phải chia Chiêu, Mục khác, mà vẫn cứ để anh em cùng vào một đời.

Tuy nhiên, Tăng Tử hỏi: Bảy miếu, năm miếu, không có miếu bỏ không. Chư hầu mà hợp tể, thì chúc từ phải ngược lại thần chủ bốn miếu. Thế mà chư hầu không được quá bốn miếu. Chiêu, Mục của Thiên tử không được quá sáu miếu. Nay xét Xuân Thu, đời Ai Công, vẫn còn Hoàn Cung, thế là tể tám đời, gồm 10 vua, Định Công có dựng Dạng Cung, thế là tể 21 đời. Miếu Thiên tử về hậu thế, có hơn 10 đời, gồm 14, 15 vua, mà miếu đều không hủy bỏ. Bàn về lễ cứ dẫn Xuân Thu làm chứng, mà pháp chế của Thánh Vương đặt ra, không còn thấy nữa vậy.

Xét - Về phép miếu: Chiêu, Mục, anh, em với thuyết năm năm là một tể “ân tể”, về phép ấy, thuyết ấy, các nhà chuyên môn nghi lễ, mỗi bàn mỗi khác. Vậy ta không thể bỏ qua, không biện bạch. Cái hệ thống về tể là: đặt ra Chiêu, Mục để phân biệt cha con, xa gần, lớn nhỏ, thân sơ, thứ bậc; thì không có rối loạn. Theo Chu Lễ, bàn về Chiêu, Mục, thì Trịnh chú có thấy ghi: Nhà Chu lấy Hậu Tắc làm miếu Thủy tổ, cha Bất Khuất làm Chiêu, con Cúc Tử làm Mục. Cứ theo thế lần lượt, về sau đều cha làm Chiêu, con làm Mục. Thế cho nên, cha con khác hàng Chiêu Mục. Anh em cùng hàng Chiêu Mục, em tất nhiên không làm con anh, con tất nhiên không làm cháu bố được. Quan nghi lễ nhà Chu phải biện bạch thế, là sợ cha con, anh em loạn ngôi thứ chẳng. Y như cả ba truyện, cùng cả Hồ Thị, đều lấy Mẫn, Hi, làm hàng cha con, thế là lấy anh làm con em, lấy con làm cháu bố, thế là loạn hàng thứ Chiêu Mục quá lắm.

Trịnh Thị bảo rằng nhà Thương có sáu miếu từ ông Tiết đến ông Thang, hai Chiêu, một Mục. Xét xử nhà Ân (Thương Ân) thì các vua Dương Giáp, Bàn Canh, Tiểu Tân, Tiểu Ất, anh em bốn vua. Như quả là anh em phải khác hàng Chiêu, Mục, cứ mỗi người làm một đời, thì tể Vũ Đinh không tể được đến tổ vậy.

Tân Hạ Tuần có nói: Theo lễ, anh em không nối dõi nhau (làm con nối dõi tông đường), không được lấy việc nối ngôi nhau

mà kế đời (đời cha, đời con). Lại nói rằng, anh em kế tiếp nối ngôi, thì kế là một đời cùng Chiêu hoặc cùng Mục, không được kiêm hoặc bỏ hai miếu; đó là lệ thường của lễ. Bàn Canh nhà Ân, không nối Dương Giáp, mà nối lên trên vua trước, lấy có là em không nối ngôi anh.

Hoa Hằng thì nói: Anh em nối nhau là biến lễ. Nên làm riêng miếu để thần chủ. Không nên lấy nhà miếu hạn định thần chủ. Lại còn nói rằng: Miếu là để đón thần chủ, thì bất chấp số nhiều ít. Lại còn nói, lấy số bảy làm số chính, chứ không lấy làm hạn định. Dù có anh em nối nhau, không vượt qua ngôi hàng Chiêu, Mục.

Ôn Kiệu nói: Anh em cùng một đời, ơn đã thuận, thì nghĩa không trái.

Đường, Lễ quan nói: Anh em không được làm “hậu” cho nhau, không được làm Chiêu và Mục.

Thời Tấn Vũ Đế, vua Cảnh và vua Văn cùng miếu, miếu tuy có 6 đời, thực ra là 7 thần chủ. Đến vua Minh Đế, vua Nguyên Đế, có mười ngôi miếu.

Tống, Lễ quan cũng nói: Anh em nối ngôi nhau, thì cùng một đời. Như nước Lỗ, vua Ân, vua Hoàn, nối ngôi nhau, thì cũng ở hàng Mục. Nhà Ân, từ vua Dương Giáp đến vua Tiểu Ất, anh em bốn người nối ngôi nhau, cho nên không gọi là con nối (tự tử) mà gọi là vua sau (cấp vương). Thế là rõ rệt em không nối dõi anh (nối dõi tông đường). Thời Đường, các vua Trung Tôn, Duệ Tôn, đều ở hàng Chiêu. Các vua Văn, Vũ, thì ở hàng Chiêu, hàng Mục. Rồi xét mỗi tế lớn, đến các hàng Chiêu, Mục, thì văn tế đều xưng hiếu tử, vậy anh em là một loại, không có lý lại là cha con. Cha là Chiêu thì con là Mục. Điển lễ không thay đổi trai bao đời vua, các lễ quan đều phải nghĩ thế. Xét thêm vào lời bàn của Hà Thị, của Khổng Thị, thì biết các truyện là sai.

Uông Khắc Khoan, châm chước tình và lý, có thể cho là rất phải, cho nên riêng chép ra đây.

Còn như bảo rằng năm năm lại Ân tế, thì bọn Hán nhỏ

cho là tế Đế và tế Hợp nối nhau. Hà Thị cùng Trịnh Thị thì bảo rằng ba năm tế Hợp, năm năm tế Đế. Từ Mạc thì cho rằng, các tế cách nhau ba mươi tháng: 30 tháng tế Hợp, 30 tháng tế Đế. Nhà Đường từ vua Thuận tôn về sau, thì 5 năm một lần Đế; 3 năm một lần Hợp, mỗi tế mỗi tính riêng năm, chứ không tính chung nhau. Niên hiệu Khai Nguyên nhà Đường, năm thứ 27, vừa tới tế Đế, tế Hợp cùng một năm. Niên hiệu Hi Ninh nhà Tống, năm thứ 8, lại như thế. Đế rồi đến Hợp. Thế thì không có gì là nhất định, cho là phải.

Dương Phục có nói: Ân tế là gì? Là tế đại Hợp. Năm năm thì lại Ân tế, và còn nói rằng: Thế là ba năm một hợp, năm năm lại một hợp, không có dính dáng gì với tế Đế. Bàn thế có thể bỏ hết bình luận bản khoản của mọi người khác.

冬 晉 人 宋 人 陳 人 鄭 人 伐 秦

ĐÔNG, TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, TRẦN NHÂN,

TRỊNH NHÂN PHẠT TẤN

**MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TRẦN,
NGƯỜI TRỊNH ĐÁNH NƯỚC TẤN**

Tả Thị - Mùa đông, Tấn, Tiên Thả Cư, Tống, Công tử Thành, Trần, Viên Tuyền, Trịnh, công tử Quy Sinh cùng đánh Tấn, lấy đất Ưông, và đất Bành Nha, rồi đem quân về, để báo thù trận thua Bành Nha trước. Kinh không chép tên các tướng là vì quý Tấn Mục Công, người có đức.

Lưu Sưởng - Người Tấn, người Tống, người Trần, người Trịnh phạt Tấn. Tả Thị nói, Kinh không chép tên các vị khanh, tướng cầm quân, vì tôn vua Tấn. Nói thế sai, ở kinh, biết đầu dùng chữ nhân, người lại không phải là coi thường, coi rẻ.

公 子 遂 如 齊 納 幣

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ NẠP TỀ

CÔNG TỬ TOẠI SANG NƯỚC TỀ ĐỂ ĐƯA LỄ NẠP TỀ

Tả Thị - Tương Trọng (công tử Toại), sang Tề nạp tề, thế

là đúng lễ. Phàm vua lên ngôi, về cậu cháu, về thông gia, về việc cưới vợ, để lo việc tế tự, thế là có hiếu, thế là gốc lễ.

Công Thị - Thường nạp tệ không có chếp. Đây chếp là để chê. Chê cưới xin trong lúc tang. Đây là đã hết ba năm rồi, thì còn chê gì. Thế thì còn ở trong ba năm, sao lại dự bị việc hôn. Lễ “Cát Đê” Trang Công thì chê, sao không nhân lúc ấy chê việc hôn. Vì ba năm cũng còn là chóng, ai cũng biết thế, thì chê hôn thú lúc ấy là thừa lời. Việc lấy vợ là việc đại cát, không phải thường cát. Cho là cát là ở mình. Nếu còn có tâm người thường, thì việc nên biến đổi đi.

Xét - Tả Truyện bảo Tương Trọng sang Tề nạp tệ là đúng lễ. Phàm vua lên ngôi, giao hiếu, lấy tình cậu cháu, kết hôn nhân, lấy vợ, để lo phụng sự tổ tiên, đều là hiếu, là gốc đạo hiếu. Ta không cần bàn luận, biết ngay là Tả thị sai rồi. Vua lên ngôi, trừ hạng vua sáng lập (mới được phong), thì vẫn cứ có tang ba năm. Trong thời gian tang, mà sửa soạn việc hôn nhân, thì lễ ở đâu.

Không Sớ cứ theo phép tính nói rằng, tang vừa hết, trước lễ nạp tệ, phải có các lễ nạp thái, vấn danh, nạp cát, thì không thể cùng làm trong một tháng được. Cũng có nói là Công đã làm các hôn lễ ấy khi còn là thái tử. Thế là phụ vào Tả thị, để cho Tả Thị được đúng.

Năm Đinh Dậu - Vua Tương Vương năm thứ 28.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ BA

Tấn Tương năm thứ 4. Tề Chiêu năm thứ 9. Vệ Thành năm thứ 11. Sái Trang năm thứ 22. Trịnh Mục năm thứ 4. Tào Cung năm thứ 29. Trần Cung năm thứ 8. Kỷ Hoàn năm thứ 13. Tống Thành năm thứ 13. Tần mục năm thứ 36. Sở Mục năm thứ 2.

春王正月叔孫得臣會晉人宋人
陳人衛人鄭人伐沈沈潰

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT. THÚC TÔN ĐẮC
THẦN HỘI TẤN NHÂN, TỔNG NHÂN, TRẦN NHÂN, VỆ
NHÂN, TRỊNH NHÂN, PHẠT THẨM, THẨM HỘI
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, THÚC TÔN ĐẮC THẦN
HỌP VỚI NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI
VỆ, NGƯỜI TRỊNH, PHẠT NƯỚC THẨM, THẨM TAN VỠ**

Dại phu nước bá chủ, họp với đại phu các nước, để đánh một nước, khởi đầu là từ đây. Thẩm là tên một nước.

Tả Thị - Năm thứ 3, Trang Thúc, hội quân các chư hầu để phạt nước Thẩm, vì cơ Thẩm theo Sở. Thẩm tan vỡ. Phàm dân trốn gọi là tan vỡ (hội). Người trên trốn gọi là đào.

Phụ Lục Tả Truyện - Vệ Hẫu sang Trần, tạ ơn việc hòa với Tấn.

Xét - Về việc đánh nước Thẩm, năm nước đều chép là người. Tiên nho cho là uy phúc, nay chuyển xuống người dưới, chính quyền vào tay đại phu. Cao Kháng, Hồ Thuyền cho là chư hầu đã sai lầm trong việc chinh phạt, và Tấn Tương Công đã bỏ việc lớn, chỉ chăm việc nhỏ, không phải là người biết làm việc. Tôn Giác, Gia Huyền Ông, Triệu Bằng Phi, đều cho việc chép chữ nhân (người), là chê (biếm). Hồ Truyện thì bảo rằng, dù không phải việc do nghĩa, thì cũng cho là được, vì báo tư oán.

E rằng đều không đúng ý của kinh, cho nên không chép ra đây.

夏五月王子虎卒

**HẠ, NGŨ NGUYỆT, VƯƠNG TỬ HỔ TỐT
MÙA HẠ, THÁNG 5, VƯƠNG TỬ HỔ MẤT**

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Hợi, Vương Thúc Văn Công mất, có gửi cáo phó, như việc đồng minh. Thế là đúng lễ.

Công Thị - Vương Tử Hồ là ai? Là đại phu của Thiên Tử. Đại phu nước ngoài không chép mất. Đây chép là vì mới sang sứ nước ta.

Cốc thị - Đó là Thúc Phục. Sao lại chép? Vì trước có tới ta dự lễ táng, cho nên ta chép khi chết. Hoặc cho là người chức vị quan trọng, mà ta chép.

Dạm Trợ - Cốc Lương cho là Thúc Phục. Nếu Thúc Phục là Vương Tử thì sao khi tới dự táng, không chép là Vương Tử.

Triệu Khuông - Bầy tôi không có lễ ngoại giao. Nay chết mà được phó cho nên chép là chề. Tả Thị báo, phúng điệu như đối với đồng minh, thế là lễ. Nay xét đại phu của Thiên Tử đối với chư hầu không có lễ hội thê, thế mà báo là lễ. Vậy có phải là ý Kinh Xuân Thu không?

Trần Phó Lương - Công Thị, và Cốc Thị, cho là Thúc Phục. Không phải.

Uông Khắc Khoan - Hoặc giả báo là Hồ với Quyển đều giúp Thiên Tử trong những lúc gian nan nguy khốn, cho nên Xuân Thu mà chép lúc chết. Thế thì Thiện Mục Công, Kỳ, với Lưu Văn Công, Dục, cùng giúp Kính Vương để yên Chu thất đều không chép lúc chết, thiết nghĩ là vì Vương Tử Hồ đã có cùng chư hầu thê ở sân Thiên Tử, Lưu Văn Công làm chức Vương Quan Bá, Doãn Thị cảm quyền trong triều đều là những người giúp chính cho nhà vua, cho nên đặc biệt cáo phó đến chư hầu, mà Lỗ sử chép chữ (tốt) "mất", Xuân Thu giữ nguyên không tước bỏ, là để cho biết bầy tôi Thiên Tử không nên cáo phó cho các chư hầu vậy.

秦人伐晉

TÂN NHÂN PHẠT TẤN

NGƯỜI TÂN PHẠT NƯỚC TÂN

Tả Thị - Tân Bà phạt nước Tấn, qua sông, đốt thuyền (ý quỵet chiến), lấy đất Vương Quan, và đất Giao. Người Tấn không ứng chiến. Người Tấn từ bến đò Mao Tân sang sông, tới đất

Hào, nhật xương quân sĩ chết ở Hào trước, chôn cất xong, rồi về. Thế là Tần làm Bá xứ Tây Nhung và cứ dùng Mạnh Minh. Người quân tử cho là đáng làm vua, dùng người chu toàn, nhất tâm tin dùng. Mạnh Minh là bầy tôi, cố sức làm phận sự, biết lo nghĩ việc nước. Tử Tang là người trung, biết xét người, biết tiến cử người hiền. Kinh Thi có câu: “Đi hái rau hao, dưới bên trong ao, dùng vào mọi việc, tại cửa Công, Hầu”. Xét Tần Mục được như thế. Lại đến câu: “Ngày đêm không nhấc lưỡi, để giúp việc một người”. Xét Mạnh Minh được như thế. Muu vì con cháu. Yên vui giống nòi. Xét Tử Tang được như thế.

Vương Quan, Giao, đều là đất nước Tấn.

秋 楚 人 圍 江

THU, SỞ NHÂN VI GIANG

MÙA THU, NGƯỜI SỞ VÂY NƯỚC GIANG

Tả Thị - Quân đội Sở vây nước Giang Tương Tiên Bộc nước Tấn phạt Sở để cứu Giang.

雨 蟲 于 宋

VŨ TRÙNG VU TỔNG

Ở NƯỚC TỔNG, SÂU TRÙNG ÀO XUỐNG NHƯ MƯA

Tả Thị - Mùa thu, ở nước Tống, sâu trùng, sa xuống đất như mưa.

Công Thị - Mưa sâu trùng, là thế nào? Là trùng chết rồi sa xuống đất. Sao lại chép? Vì là việc lạ. Việc lạ nước ngoài, theo lệ không chép. Đây sao chép? Vì Tống là dòng dõi vương (vua Thiên Tử), cho nên chép việc lạ.

Cốc Thị - Tai họa nước ngoài không chép. Đây sao lại chép? Bao rằng tai quá lắm. Thế nào là quá lắm? Là ăn cả đến cỏ tranh, cỏ lau. Trên cao, dưới thấp, cùng thấy rõ, cho nên gọi là mưa sâu.

Triệu Bằng Phi - Sâu trùng sinh ra ở dưới đất. Nay từ trên

mưa xuống, thì lạ thật. Thế là trời ra tai. Thường, tai ở nước ngoài, không chép. Đây chép vì có báo cáo cho ta. Hoặc cho là chết rồi mới rơi xuống. Sao biết là chết. Ta muốn cho rõ.

Vương Tiều - Đã là tai, thì không phải sa xuống mà chết. Tả thị vì thấy chữ vũ là mưa, mà nghĩ ra ý đó. Từ Mặc có nói: Hết cả lúa rau, đậu rồi ăn đến cỏ tranh lợp mái, giống đó thường vẫn thế.

冬 公 如 晉 十 有 二 月 己 巳 公 及 晉 侯 盟

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT

KỶ TÝ, CÔNG CẬP TẤN HẦU MINH

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG SANG TẤN, THÁNG 12,

NGÀY KỶ TÝ, CÔNG CÙNG THỂ VỚI TẤN HẦU

Ở đây bắt đầu chép Công sang Tấn.

Tả Thị - Người Tấn sợ vô lễ với Công, xin đổi lễ thể. Công mới sang Tấn, cùng thể với Tấn Hầu. Tấn Hầu thết tiệc, cho hát bài Thanh Nga: “Được thấy người quân tử, vui vẻ mà lễ nghi”. Trang Thúc báo Công lui xuống, lạy tạ, và nói: “Tiểu quốc theo mệnh đại quốc, đâu dám không đủ lễ nghi, nhà vua lại khen cho là quân tử, vui vẻ. Chính tiểu quốc được vui, là nhờ ơn đại quốc”. Tấn Hầu cũng bước xuống, nhường nhin, rồi cùng lên. Thế là lễ thành. Lỗ Công cho hát bài Gia Lạc (tán dương Tấn Hầu).

晉 陽 處 斧 出 師 伐 楚 以 救 江

TẤN, DƯƠNG XỬ PHỦ SUẤT SƯ

PHẠT SỞ DĨ CỨU GIANG

TƯỚNG DƯƠNG XỬ PHỦ NƯỚC TẤN CẨM QUÂN,

PHẠT NƯỚC SỞ ĐỂ CỨU NƯỚC GIANG

Công Thị và cóc Thị không viết chữ dĩ (để).

Tả Thị - Mùa đông, Tấn đem việc nước Giang tâu với vua Chu. Chúc Khanh ở triều Chu và Vương Thúc Hoàn Công, cùng với Dương Xử Phủ nước Tấn, phạt Sở để cứu Giang. Tới thành

Phương Thành, gặp tướng Sở là công tử Chu (Chu đi đánh Giang, nghe Tấn tới, vội bỏ Giang về). Thế là Tấn đem quân về.

Công Thị - Đây là phạt Sở. Sao lại nói là cứu Giang? Là nói dối ra thế.

Cốc Thị - Đây là phạt Sở, sao lại nói là cứu Giang. Giang xa, Sở gần. Phạt Sở để cứu Giang.

Hồ Truyền - Để (đi) tức là không để. Cứu Giang là việc hay. Sao chép là để? Là Sở thường phạt Trịnh. Tề Hoàn Công kết giao với các nước Giang, Hoàng, ở xa, họp quân các nước ở đất Thiệu Lăng. Thế là mưu đánh Trịnh phải bỏ. Sở lại thường vây đánh nước Tống. Tấn Văn Công có hẹn khôi phục cho nước Tào, nước Vệ họp quân bốn nước ở đất Thành Bộc. Thế là việc vây Tống phải giải. Nay nước Giang nhỏ mà yếu, không ví với Tống. Trịnh được. Người Sở vây Giang chắc không phải đem toàn quân trong nước đi đánh. Khi ấy, Sở đang có tội rất lớn, nước có thể nghiêng đổ. Tấn là minh chủ, nên họp chư hầu, đem quân đi hỏi tội. Thế mà đây chỉ sai một cánh quân đi xa, đánh nước mạnh, liệu có song toàn được không. Cho nên chép phạt Sở để cứu Giang. Nói cứu Giang tuy là hay, nhưng làm việc để cứu thì không đúng đường lối. Đó là Xuân Thu ghi chép phép dùng binh.

Xét - Sở diệt nước Huyền, nước Hoàng. Thế mà nước Tề xưa, chưa từng huy động đến một lữ trong quân đội. Ngày nay, Sở vây Giang, mà Tấn phải động binh. Trước đã sai tướng Tiên Bộc, sau lại xin Vương sư, dùng vị Thượng Khanh, huy động quân chúng, kẻ tội mà tới đánh, không phải là chỉ đem một cánh quân ra làm việc cho tác trách. Vả lại, truyện có chép: tới đóng ở ngoài phương thành thấy quân Công Tử Chu về, thì rồi mới về. Chú thích rằng, Tử Chu cầm quân đánh Giang, nghe thấy Tấn động binh, thì giải vây Giang mà về. Thế thì Xử Phủ cũng không phải là vô công. Năm thứ 3, mùa thu, chép là vây. Năm thứ 4, mùa thu, chép là diệt. Thế thì nước Giang gần nước Sở, quân Tấn đã về, quân Sở lại tới, mới đến việc diệt. Cho nên Tấn có tội ở chỗ không hay giữ được Giang. Còn như phạt Sở để cứu Giang thì chưa thấy có tội. Hồ Truyền đã được đời đọc

từ lâu, bọn tiên nho phần nhiều theo. Nay cứ giữ lời bàn mà phụ thêm cho rõ nghĩa.

Năm Mậu Tuất - Vua Tương Vương năm thứ 29.

四年

TÚ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tấn Tương, năm thứ 5. Tề Chiêu, năm thứ 10. Vệ Thành, năm thứ 12. Thái Trang, năm thứ 23. Trịnh Mục, năm thứ 5. Tào Cung, năm thứ 30. Trần Cung, năm thứ 9. Kỷ Hoàn, năm thứ 14. Tống Thành, năm thứ 14.

Tấn Mục, năm thứ 37. Sở Mục, năm thứ 3.

春公至自晉

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

Phủ lục Tả Truyện - Năm thứ 4. Mùa xuân. Người Tấn thả Khổng Đạt về Vệ, vì cho là người khá. Mùa hạ, Vệ Hầu sang Tấn tạ ơn. Tào Bá sang Tấn hội.

夏逆婦姜于齊

HẠ, NGHỊCH PHỤ KHƯƠNG VU TỀ

MÙA HẠ, ĐÓN VỢ LÀ KHƯƠNG Ở NƯỚC TỀ

Tả Thi - Đón vợ là Khương ở nước Tề. Không cho vị Khanh đi là không phải lễ. Do đó, người quân tử biết rằng, họ Khương không có thành tín ở Lỗ (cho nên khi vua chết, phải trở về Tề). Lễ sinh thì quý, mà lễ đón dâu thì tiện. Cho lên hàng vua mà khinh. Đã dựng mà lại bỏ. Mất đức tin, hại cho chủ. Đối với nước thì loạn, đối với nhà thì hồng. Chỉ vì không có thành tín. Kinh Thi nói: Sợ uy trời mới giữ được phúc lộc. Thế là kính trọng vị chủ.

Công Thị - Sao lại bảo là đón vợ là Khương ở Tề. Là chép lược qua. Cao Tử có nói: Lấy vợ ở hàng đại phu thì lược qua.

Cốc Thị - Chép “vợ là Khương”, vì lễ thành tại đất Tề. Đón thì ai đón? Có thân nghênh thì mới chép là vợ. Hay là Công đi đón chăng? Sao vội dùng chữ phụ là vợ? Nếu thật là Công thì sao lại không chép Công. Vì ở Tề không gọi là thành lễ được. Có chữ đón vợ, chắc dựa vào ý có mẹ chồng. Không gọi họ là vì sao? Là chê. Chê cả đến phu nhân.

Xét - Lễ nạp tỳ thì sai vị khanh đi, thế thì đón dâu chắc không phải là việc nhỏ. Chắc Văn Công tự đi. Thánh nhân ghét việc thành lễ ở đất Tề, cho nên bỏ công không chép để tỏ ý là chê. Cốc Lương nghĩ đúng, mà Tả Thị thì nghĩ sai. Công Dương cho là vợ ở hàng đại phu thì lại quá sai. Đón vợ tuy ở thời gian đã hết tang, nhưng lễ nạp tỳ ở trong tang, bọn tiên nho trách là cưới trong tang thì cũng cho là bàn phải. Và lại mưu sửa soạn việc hôn, ở thời gian tang, mà thành lễ thì ở nhà vợ, thế là trong việc thất lễ, lại thất lễ nữa.

狄 侵 齊

ĐỊCH XÂM TỀ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Vương Bảo - Nước lớn như nước Tề, mà rợ狄 còn xâm tới bốn lần. Vậy các nước Hình, Vệ, Lỗ, Trịnh, bị xâm không nên lấy làm lạ.

秋 楚 人 滅 江

THU, SỞ NHÂN DIỆT GIANG

MÙA THU, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC GIANG

Tả Thị - Người Sở diệt nước Giang. Tần Bá được tin, thay mặc áo xâu (màu trắng), không nằm chính tẩm, bãi yến tiệc, đối với nước chung quanh thương quá lễ. Các quan can, Công nói: Nước đồng minh với ta bị diệt, tuy không thể cứu được, đâu dám không xót xa. Ta phải lo cho ta.

Người quân tử bàn: Kinh Thi có câu: Hai nước đó (Hạ và Thương) chính trị không được lòng dân. Bốn phương chư hầu đều sợ, đều mưu với nhau... Đó là hoàn cảnh của Tần Mục Công vậy.

晉侯伐秦

TẤN HẦU PHẠT TẦN

TẤN HẦU ĐÁNH NƯỚC TẦN

Tả Thị - Mùa thu, Tấn Hầu đánh Tần, vây ấp Nguyên, vây ấp Tân Thành, để báo thù trận Vương Quan.

Trương Hiệp - Tấn Tương cho rằng, trận Vương Quan mà không báo thù được thì xấu hổ. Không bằng Thương Thần đắc chí ở đất Giang, nghĩ ra Tấn xấu hổ đến đâu. Biết báo thù Tần, mà không biết giết Thương Thần, khiến cho loạn thần tặc tử, tru diệt hạng nhỏ yếu, tha hồ làm dữ, làm độc. Tấn Tương mà làm mình chủ là cuối thời rồi. So việc mà chép lại, thì đáng ghi tội Tấn Hầu chỉ chăm báo oán việc Tần, mà không xấu hổ về việc nước Giang bị diệt.

Xét - Việc phạt Tần, kinh chép là Tấn Hầu, Trương Hiệp cho là vạch tội Tương Công. Đúng đấy, từ việc chiến ở đất Hào đến nay, Tấn vẫn luôn luôn thắng Tần. Cho nên khi Tần Bá sang qua sông Hà, đốt thuyền, thì Tấn tránh không ứng chiến. Thế thì hai nước ngang nhau về sự được thua. Nay lại phạt Tần, thế là luôn luôn gây chiến tranh, gây thù nhau. Cứu nước Giang thì sai có một đại phu. Phạt Tần thì vua thân chinh. Cho nên chép Tấn phạt Tần, ở sau việc diệt nước Giang, để tỏ rõ là nghĩ đến oán thù thì cấp tốc, mà cứu cấp kẻ hoạn nạn thì lần chần. Triệu Bằng Phi cho việc Tấn báo thù là phải. Xét Tần Tấn giao chiến, khởi hân, là tự Tần, cho nên không trách Tấn được. Triệu bàn nghe cũng xuôi. Hồ An Quốc bảo rằng Xuân Thu lấy thường tình đãi Tấn Tương, mà lấy việc Thiên Tử, ra trách Tần Mục. Không trách Tấn Tương là vì mong Tần Bá hay. Chu Tử cũng nghĩ là như thế. Cho nên đây không chép.

衛侯使甯俞來聘
VỆ HẦU SỬ NINH DU LAI SÍNH
VỆ HẦU SAI NINH DU TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Ninh Vũ Tử tới sinh. Lô Công thiết tiệc, tấu nhạc, cho hát bài Trăm Lộ, rồi đến bài Đồng Cung. Ninh Vũ Tử không từ chối mà cũng không hát đáp lại. Có cho người hỏi riêng. Ninh Du đáp: Thần cho là bọn ca công tập hát đến các thiên ấy (chứ không dám nhận là hát cho mình). Xưa như hầu châu Thiên Tử, vua cho ăn tiệc lấy vui, cho hát bài Trăm Lộ, ý nói vua là mặt trời, chư hầu thi hành mệnh lệnh. Chư hầu biết ý muốn của vua, cố làm việc tâu công, vua mới ban cho một cung đồng, trăm tên đồng, và nghìn cung tên thường để tỏ cách báo đền công trạng. Nay ke bồi thần này, tới để nối lại tình giao hiếu, nhà vua cho thần dùng đại lễ, thần dân dẫu dám đương, sinh tội.

冬十有一月壬寅夫人風氏薨
ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT NHÂM DẦN,
PHU NHÂN PHONG THỊ HOẢNG
MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY NHÂM DẦN,
PHU NHÂN LÀ PHONG THỊ MẤT

Tả Thị - Mùa đông, Thành Phong mất.

Tô Triệt - Người thiếp sinh ra Hi Công mất. Phàm mẹ vua Lỗ là thiếp thì lúc sống, kêu là phu nhân, lúc chết cũng dùng lễ phu nhân. Thiên Tử và chư hầu cũng dùng lễ phu nhân phúng viếng. Xét về điển lễ cũ, thế là phi lễ. Tuy nhiên, Kinh Xuân Thu cũng chép, không đổi chữ khác. Đó là theo lễ vua tôi.

Năm Kỷ Hợi, vua Tương Vương năm thứ 30.

五年
NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 5

Tấn Tương, năm thứ 6, Tê Chiêu, năm thứ 11. Vệ Thành, năm thứ 13. Thái Trang, năm thứ 24. Trịnh Mục, năm thứ 6. Tào Cung, năm thứ 31. Trần Cung, năm thứ 10. Kỷ Hoàn, năm thứ 15. Tống Thành, năm thứ 15. Tần Mục, năm thứ 38. Sở Mục, năm thứ 4.

春王正月王使榮叔歸含且贈

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, VƯƠNG SỬ
VINH THÚC QUY HÀM THẢ PHÚNG**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA SAI VINH THÚC,
ĐƯA ĐỒ PHẠN HÀM VÀ ĐỒ PHÚNG**

Tả Thị - Năm thứ 5, mùa xuân, vua sai Vinh Thúc tới phúng và phạn hàm.

Công Thị - Hàm là gì? Là thứ bỏ vào mồm. Sao lại chép đưa đồ phạn hàm và đồ phúng? Là kiêm hai việc. Một người kiêm hai việc là không đúng lễ.

Cốc Thị - Hàm là một việc, phúng là một việc. Kiêm đem tới một lúc, không phải là chính. Lại chép chữ thả là và, là ý nói kiêm hai việc. Không nói là tới, là không trọn vẹn việc sai khiến. Phúng thì sớm, mà hàm thì muộn.

Triệu Khuông - Công và Cốc đều cho kiêm hai việc là phi lễ, cứ như các việc hàm, phúng, khâm liệm theo lễ thì một người làm được. Nếu lại mỗi việc cần mỗi người, thì cả các quan trong triều không đủ sai trong việc tang lễ.

Xét - Ở nước Lỗ, giết vua mở đầu là Hoàn. Hàng thứ, tiếm hàng đích, mở đầu là Thành Phong. Thiên Tử đã không chính đồn được, mà lại còn hoàn thành cho. Cho nên các việc vua sai tích mệnh, sai đưa đồ phạn hàm, đồ phúng, sai dự lễ táng, chép

chữ Vương (vua) không dùng chữ Thiên là để cẩn thận từ gốc. Thứ tiếm đích, lễ không cẩn thận, là từ Trọng Tử. Trọng Tử không gọi là phu nhân, rồi lại lập riêng cung, thì không hẳn hoàn toàn tiếm. Cho nên về việc đưa đồ phúng, chỉ dùng tên quan thôi. Hoặc giả nghĩ rằng, không có chữ Thiên, là chép thiếu sót. Vậy trong câu: Vinh Thúc đưa phạn hàm và phúng, ngẫu nhiên sót một lần, chứ đâu lại sót cả trong câu Thiệu Bá dự lễ táng.

三月辛亥葬我小君成風
TAM NGUYỆT, TÂN HỢI, TÁNG NGÀ
TIỂU QUÂN THÀNH PHONG

THÁNG BA, NGÀY TÂN HỢI, LỄ TÁNG TIỂU QUÂN
NƯỚC TA LÀ THÀNH PHONG

Công Thị - Thành Phong là ai? Là mẹ Hi Công.

王使召伯來會葬
VƯƠNG SỬ THIỆU BÁ LAI HỢI TÁNG
VUA SAI THIỆU BÁ TỚI DỰ LỄ TÁNG

Tả Thị - Chiêu Công tới dự lễ táng là đúng lễ.

Cốc Thị - Dự lễ táng ở ngoài thành.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo là lễ. Tả Thị nhầm. Theo lễ, con thứ làm vua, không có tang phục mẹ đẻ, là để không lẫn ngôi vị tôn quý. Mẹ là thiếp, mà gọi là phu nhân, làm Thiên Tử không hay sửa lại được, mà còn cho sứ, cho Công, Khanh dự táng, thế thì còn lễ nghĩa gì.

夏公孫敖如晉
HẠ, CÔNG TÔN NGAO NHƯ TẤN
MÙA HẠ, CÔNG TÔN NGAO SANG TẤN

Cao Kháng - Vua cho phạn hàm và phúng, lại cho tới dự táng.

Thế mà bỏ Thiên Tử, chỉ cứ châu vua Tần, chẳng đợi chē cũng rõ chỗ bậy.

秦 人 入 都

TẦN NHÂN NHẬP NHƯỢC
NGƯỜI TẦN VÀO NƯỚC NHƯỢC

Tả Thị - Xưa Nhược phản Sở, thân Tần, rồi lại nhậ tâm với Sở. Mùa hạ Tần vào nước Nhược.

秋 楚 人 滅 六

THU, SỞ NHÂN DIỆT LỤC
MÙA THU, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC LỤC

Tả Thị - Người nước Lục, tức là Đông Di phản Sở. Mùa thu, tướng Sở, Thành Đại Tâm và Trọng Qui đem quân diệt nước Lục. Mùa đông, Công Tử Tiếp diệt nước Liễu. Tang Văn Trọng nghe thấy nước Lục và nước Liễu bị diệt, có nói rằng: Thôi thế là xong, ông Cao Dao không còn được thờ nữa (vua nước Liễu và vua nước Lục là dòng dõi ông Cao Dao). Vua không nuôi lấy đức, dân không được nước lớn cứu giúp, thật đáng thương.

冬 十 月 甲 申 許 男 業 卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, GIÁP THÂN,
HỨA NAM, NGHIỆP TỐT
MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY GIÁP THÂN,
VUA NƯỚC HỨA LÀ NGHIỆP, MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Dương Xử Phủ lễ sinh ở nước Vệ. Trở về, qua ấp Ninh, ấp nước Tấn. Đại phu Doanh đi theo, đến đất Ôn thì trở về. Vợ hỏi, Doanh nói: Ngài tính chỉ có cương. Sách Thượng Thư (Kinh Thư) có nói: Tính trầm lặng thì có thể cương được. Tính cao minh thì có thể nhu được. Ngài chỉ chuyên một thứ cương thì sao tránh khỏi chết bất đắc kỳ tử. Đến như

trời là đức cương mà còn phải có mùa nóng lạnh, hướng chi là người. Vả lại hoa mà không kết quả, tức là chỉ tụ tập oán. Chỉ trị người, mà tụ tập oán, thì liệu thân có được yên không. Tội sợ ngài đã không được lợi mà còn mắc nạn nữa, cho nên thôi bỏ đi không gần.

Ở nước Tấn, Triệu Thành Tử, Loan Trinh Tử, Hoắc Bá, Cừ Quý đều chết.

Năm Canh Tý, vua Tương Vương năm thứ 31.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Tương, năm thứ 7. Tề Chiêu, năm thứ 12. Vệ Thành, năm thứ 14. Thái Trang, năm thứ 25. Trịnh Mục, năm thứ 7. Tào Cung, năm thứ 32. Trần Cung, năm thứ 11. Kỷ Hoàn, năm thứ 16. Tống Thành, năm thứ 16. Tần Mục, năm thứ 39. Sở Mục, năm thứ 5.

六年春葬許儋公

XUÂN, TÁNG HỨA HI CÔNG

MÙA XUÂN, LỄ TÁNG HI CÔNG NƯỚC HỨA

Phủ lục Tả Truyện - Năm thứ 6, mùa xuân, vua Tấn săn ở đất Di. Bỏ bớt đi hai đạo quân (còn ba đạo). Sai Hồ Xạ Cô làm tướng trung quân, Triệu Thuần làm phó tướng, Dương Xử Phủ vừa ở đất Ôn tới, xin rời nơi săn ra đất Đồng, và đổi chức tướng trung quân. Dương Xử Phủ vốn là đại phu thuộc hạ của Triệu Thôi (bố Triệu Thuần) xưa, tức là ở đẳng họ Triệu. Nói với vua là Thuần có tài, mà dùng người tài thì lợi cho nước. Vua nghe, rồi Triệu Thuần được phong. Thế là từ đây Tuyên tử (Thuần) coi chính trị, đặt pháp luật, định tội nặng nhẹ, xét hình án, truy nã gian ngoan, công văn, giấy tờ phải có bằng chứng, xét lại các việc có tính cách mờ tối, giữ trật tự theo lễ nghi, đặt lại các chức quan bị phế bỏ, nâng đỡ người hiền năng bị ở chức

kém. Tổ chức xong thì giao cho thái phó là Dương Xử Phủ và thái sư là Giả Đà cho thi hành trong nước Tấn để làm phép thường.

夏季孫行斧如陳

HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TRẦN

MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TRẦN

Tả Thị - Tang Văn Trọng cho là Trần, Vệ hòa mục muốn cầu giao hiếu với Trần. Mùa hạ, Quý Văn Tử lễ sinh ở Trần, rồi nhân tiện lấy vợ.

Phụ lục Tả Truyện - Tần Bá là Nhâm Hiếu mất. Lấy ba con họ đại phu Tử Xa, là: Yêm Túc, Trọng Hàng, Kiêm Hổ đem chôn sống theo (theo tục Tần). Ba người đều là lương thân. Người trong nước thương xót, có làm bài ca Hoàng Diệu. Người quân tử bàn: Tần Mục không làm mình chủ được là đúng lắm. Chết mà bỏ không nghĩ đến dân. Tiên Vương xưa, mất đi, còn để lại phép tắc, thế mà nay đi lại đem theo người giải đi. Kinh Thi có câu: Người hay đi, thế là trong nước sạch không. Đã không có người hay, có thì lại đem đi mất. Các vị vua xưa, biết là không sống mãi, mới cố dùng người sáng suốt, nhân tục mà lập giáo hóa, giảng rõ các màu sắc dùng vào vật, các danh từ đúng, để răn dạy, định đoạt pháp độ, thu hoạch vừa phải, đúng số nhất định, cho biết thế nào là uy nghi, là pháp chế, là huấn điển, là phòng gian, sinh lợi, đặt đúng người vào việc cai trị thường xuyên, chỉ cho: đường lối lẽ nghĩa, và khiến cho dân làm việc không sai thổ nghi. Dân chúng tập theo rồi quen dần. Vương giả như thế xong xuôi mới tròn được sứ mệnh.

Nay lấy cái vô pháp truyền lại cho các đời nối dõi, mà còn đem người hay chết theo, như thế khó mà ở ngôi trên người ta được. Vì thế, người quân tử biết là Tần thôi không để dìm sang phương Đông mong làm bá chủ được.

秋季孫行斧如晉

THU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN
MÙA THU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả thị - Mùa thu. Quý Văn Tử sắp đi lễ sinh nước Tấn. Bảo đem theo thêm đồ dùng về tang lễ. Tùy tùng hỏi: Có dùng đến làm gì. Quý Văn Tử bảo: Dự bị việc không ngờ, xưa vẫn dạy thế. Thiếu mà cần đến mới khó. Có thừa không cần thì có hại gì.

八月乙亥晉侯驪卒

BÁT NGUYỆT, ẤT HỘI, TẤN HẦU HOAN TỐT
THÁNG TÁM, NGÀY ẤT HỘI, TẤN HẦU TÊN LÀ HOAN MẮT

Tả Thị - Tháng tám, ngày Ất Hợi, Tấn Tương Công mất. Linh Công còn nhỏ. Người Tấn sợ vua bé dễ sinh tai nạn, muốn lập vua lớn tuổi. Triệu Mạnh (Triệu Thuần) nói: Lập Công tử Ung, người tính hiếu thiện mà lại lớn tuổi. Vua trước yêu. Lại thân với nước Tấn. Tấn là nước xưa vẫn giao hiếu. Đặt người thiện thì được bền. Có vua lớn tuổi là cảnh thuận. Chọn người vua đã yêu, tức là người có hiếu. Kết giao với nước bạn cũ, thì được yên. Vì sợ tai họa nên lập người lớn tuổi. Được đủ bốn đức như thế, thì tất là trừ khử được tai nạn.

Già Quý nói: Không bằng lập Công tử Lạc Hoài Doanh được cả hai vua (Hoài Công và Văn Công) yêu quý. Nay lập người con lên, thì dân tất là được yên.

Triệu Mạnh nói: Hoài Doanh hèn, ngôi thứ 9 ở trong cung thì còn có uy gì. Và lại được cả hai vua yêu quý, thế là hạng dâm. Đã là con Tiên quân (Văn Công) lại không cầu thân với nước lớn, đi thân với nước nhỏ, thế là trái ngược. Mẹ thì tà dâm, con thì trái ngược. Nước Trần thì nhỏ mà ở xa, không dễ mong cứu viện, thế thì dân yên sao được. Đồ kỳ (mẹ công tử Ung) vì việc vua (Tương Công), nhường cho Bức Kết ở trên (Bức Kết tức là phu nhân của Văn Công), lại vì nước Địch (Văn Công một

thời gian trốn ở nước Địch), nhường Thúc Ngỗi đứng trên, thế cho nên ở ngôi vị thứ 4 (đáng nhẽ thứ 2). Vì thế Tiên quân mới yêu người con, cho làm quan ở Tần với chức Á Khanh. Tần là nước lớn mà ở gần, có thể nhờ viện trợ được. Mẹ thì có nghĩa, con thì được yêu, thế là đủ có uy với dân, dân phải sợ, lập lên không phải hay sao.

Mới sai Tiên Miệt và Sĩ Hội sang Tần đón công tử Ung.

Giả Quý cũng sai mời công tử Lạc ở Trần. Triệu Mạnh sai đón giết Lạc ở đất Tỳ là đất nước Tấn.

冬十月公子遂如晉

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, CÔNG TỬ TOẠI NHU TẤN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, CÔNG TỬ TOẠI SANG TẤN

葬晉襄公

TÁNG TẤN TƯƠNG CÔNG

LỄ TÁNG TẤN TƯƠNG CÔNG

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, Tương Trọng sang Tấn, dự lễ táng Tương Công.

晉撥其大夫陽處斧晉狐射姑出奔狄

TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU DƯƠNG XỬ PHỦ

TẤN HỒ XẠ CÔ XUẤT BÔN ĐỊCH

NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU DƯƠNG XỬ PHỦ

HỒ XẠ CÔ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC ĐỊCH

Tả Thị - Giả Quý giận Dương Xử Phủ về việc thay đổi vị tướng Trung quân, mà biết rằng ở Tấn không ai giúp, tháng 9 mới sai Tục Cúc Cự giết Dương Xử Phủ, kinh chép "Nước Tấn giết đại phu" vì đã chạm đến ngôi thứ các quan (việc thay đổi tướng trung quân), tháng 11, ngày Bính Dần, nước Tấn giết Tục Giản Bá (Tục Cúc Cự). Giả Quý chạy sang nước Địch. Tuyên Tử

sai Du Biền tống đưa vị con Quý. Nhớ đến chuyện bị Giả Quý làm nhục khi đi săn ở đất Di, người nhà Du Biền muốn giết hết họ Giả để báo thù. Du Biền nói: Không được. Ta có nghe người xưa nói, ơn giặc, oán giặc, không dây dưa đến con cháu, đó là đạo người Trung. Phu Tử (chỉ Triệu Thuần) lấy lễ đối với Giả Quý. Mà ta lại vì được người trên tin dùng, đi báo thù riêng, thì không nên. Lợi dụng được người tin dùng, không phải là đúng. Trừ được việc oán mà lại thêm người thù, thì không phải là trí. Lấy việc riêng hại việc công, không phải là trung. Thiếu ba điều ấy, thì đối với Phu Tử còn được việc gì. Nói thế rồi đưa vợ con Quý cùng đồ đạc, của cải, trông nom cho đến biên giới.

Công Thị - Đã là nước Tấn giết đại phu Dương Xử Phủ, thì sao Hồ Xạ Cô lại chạy trốn. Vì Xạ Cô giết. Đã là Xạ Cô giết, thì sao lại chép là nước giết. Vì nhà vua tiết lộ việc kín. Vua sắp cho Xạ Cô làm chính tướng, Dương Xử Phủ can rằng: Xạ Cô không được dân chúng ưa, không nên cho làm tướng. Thế là việc bỏ. Dương Xử Phủ vừa đi ra, thì Xạ Cô vào. Vua bảo cho biết các câu Dương Xử Phủ vừa nói. Xạ Cô giận, giết Dương Xử Phủ ở triều rồi chạy.

Cốc Thị - Chép là nước giết, là tội liên lụy đến trên vậy. Tương Công đã táng, mà bảo rằng tội lụy đến trên là thế nào? Vua tiết lộ lời nói. Trên hở thì dưới kín. Dưới căm thì trên điếc. Vừa căm vừa điếc thì không liên lụy nhau. Chính là Xạ Cô giết. Xạ Cô giết thế nào. Truyện như sau: Tấn sắp đánh nhau với nước狄, sai Hồ Xạ Cô làm tướng, Triệu Thuần làm Tá. Dương Xử Phủ nói: Không nên, ngày xưa, vua sai bầy tôi, thì sai người nhân tá người hiền, chứ không sai hiền tá nhân. Nay Triệu Thuần hiền, Xạ Cô nhân, liệu có được chăng. Tương Công nói vâng, rồi bảo Xạ Cô rằng: Ta trước muốn sai Thuần tá người, nay người tá Thuần. Xạ Cô nói kính vâng. Tương Công chết. Vì Xử Phủ chịu trách nhiệm, việc khuyên vua thay đổi, cho nên Xạ Cô sai người giết đi. Chỉ vì vua nói hở ra. Cho nên, kẻ sĩ, vua có hỏi đến thì nói, ra ngoài không được nói lại như thực. Dùng ta thì hay; không dùng ta thì đừng làm hại tới đức ta.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo đã là chạm tới ngôi thứ các quan.

Xét về việc này, đầu đuôi Tả Thị quy vào Dương Xử Phủ, chỉ khen có Triệu Tuyên Tử là có tài. Thay nơi sẵn, đổi vị tướng đều là do Tấn Hầu, việc gì đến Xử Phủ chạm ngôi thứ các quan, mà nói đến Xử Phủ. Vua dùng người không đúng thì đi đến chỗ hỏng việc. Phàm đã ăn lương lộc, là ai cũng nên can gián vua, hướng chỉ Xử Phủ ở Tấn giữ chức Thái Phó. Nếu cho thế là chạm tới chức vị các quan thì ra đại thần cứ nên khoanh tay ngồi nhìn hay sao. Bảo rằng, đại thần thấy hiền tiến cử, thế là chạm tới chức vị các quan, thấy hiểm mà dùng tiến cử, mới là đúng chức vụ, bảo thế có bậy không.

Tôn Giác - Theo lệ Xuân Thu, về việc giết đại thần. Ở dưới mà giết, thì chép là người Mỗ giết. Vua mà giết thì chép là nước Mỗ giết. Vua Tương Công đã chết; vua mới thì còn bé, việc giết đó quyết không phải tự vua. Tuy nhiên, kinh, sách cứ chép là vua giết. Xét lời bàn của Công Thị, Cốc Thị cho là vua tiết lậu, cho nên Hồ Xạ Cô giết Xử Phủ, thì giết Xử Phủ là vua, tuy không phải tự tay, nhưng tự lời, vì lời mà người ta chết thì cũng như giết người ta. Cả hai truyện bàn như nhau.

閏月不告月猶朝于廟

**NHUẬN NGUYỆT BẤT CÁO NGUYỆT,
DO TRIỀU VU MIẾU**

**THÁNG NHUẬN, NGÀY MỪNG MỘT, VUA LỖ KHÔNG
CÁO MIẾU VỀ CÔNG VIỆC HÀNG THÁNG,
NHƯ CÁC THÁNG KHÁC, NHƯNG VẪN CÒN CÓ TẾ MIẾU**

Tả Thị - Tháng nhuận, ngày mừng một, không cáo miếu. Thế là phi lễ. Tháng nhuận là để điều chỉnh các mùa. Các mùa là để điều chỉnh công việc đồng áng. Công việc đồng áng là để cho dân sinh sống. Không cáo ngày mừng một tháng nhuận là bỏ các thể lệ về mùa. Như thế sao gọi là trị dân.

Công Thị - Không cáo ngày mừng một tháng nhuận là vì sao. Vì trời không có tháng ấy, vì nhuận là thừa, vì không phải tháng thường. Chữ “do” là “còn có” là ý gì? Là có thể thôi được.

Cốc Thị - Không cáo ngày mừng một tháng, là vì tháng nhuận, tức là tháng phụ, gom góp các ngày thừa ở các tháng khác lại cho đủ một tháng. Thiên Tử không cáo sóc (mừng một) mà việc tang không kể tháng đó. Chữ “do” là còn, là ý có thể thôi được.

Đạm Trợ - Công Thị và Cốc Thị cho không cáo là phải. Cả hai bàn thế là sai. Xét Kinh Xuân Thu mà chép không cáo tức là đáng nhẽ phải cáo.

Lưu Sưởng - Chư hầu nhận lễ sóc ở nơi Thiên Tử, lui về lễ cáo sóc ở miếu tổ trong nước mình rồi ban lệnh cho bách quan. Thế mới là chính. Tháng nhuận mà không cáo, thế không phải là chính. Lễ miếu để cáo sóc. Đã lễ miếu mà không cáo sóc, cũng không phải là chính.

Công Dương bảo không cáo sóc là lễ, mà lại còn lễ miếu thì không phải là lễ. Công Dương bàn sai. Tháng nhuận tuy là vô thường, nhưng việc “chính” vẫn phải thường, sao lại không cáo. Giả sử, tháng chạp nhuận tất có tiết lập xuân. Cái “chính” của tiết lập xuân là phải cáo. Nếu cáo tháng trước, thế là đi trước mùa, nếu cáo tháng sau, thế là đi sau mùa. Kinh Thư về nhà Hạ có nói: Trước mùa tội chết không tha, sau mùa tội chết không tha. Cứ như đó mà xét thì nên có lễ cáo.

Năm Tân Sửu - Vua Tương Vương năm thứ 32.

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tấn Linh Công Di Cao năm đầu, Tề Chiêu, năm thứ 13. Vệ Thành, năm thứ 15. Thái Trang, năm thứ 26. Trịnh Mục, năm thứ 8. Tào Cung, năm thứ 33. Trần Cung, năm thứ 12. Kỷ Hoàn, năm thứ 17. Tống Thành, năm thứ 17. Tần Khang Công, Oánh, năm đầu. Sở Mục, năm thứ 6.

七年春公伐鄆

XUÂN, CÔNG PHẠT CHÂU

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Năm thứ 7. Công đánh nước Châu, nhân dịp nước Tấn đang bận việc.

三月甲戌取須句

TAM NGUYỆT, GIÁP TUẤT, THỦ TU CÂU

THÁNG BA NGÀY GIÁP TUẤT, LẤY ẤP TU CÂU

Tả Thị - Tháng ba, ngày Giáp Tuất, lấy Tu Câu, để cho phân thần nước Châu là Văn Công Tử có chỗ ở. Thế là phi lễ.

Công Thị - Chiếm lấy ấp, không chép ngày. Đây chép ngày là coi như chép việc nước ngoài.

Cốc Thị - Lấy ấp không chép ngày. Đây chép ngày là tại sao? Là vì không cho là phải, việc chiếm lần thứ hai, cho nên cẩn thận ghi ngày.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn, lấy ấp không chép ngày. Đây chép là trong nước chép như việc nước ngoài. Công Dương bàn sai. Thời vua Lỗ Hi Công, cũng đánh Châu, lấy ấp Tu Câu, sao không theo cách chép như lần này.

Cốc Lương thì bàn là không cho là phải, việc chiếm lần thứ hai. Cốc Lương bàn sai. Nếu như không chép ngày, thì cho việc chiếm ấp là phải chăng. Vậy mọi việc chiếm ấp, không chép ngày, là phải cả.

遂城吾

TOẠI THÀNH NGÔ

RỎI ĐÁP THÀNH NGÔ (ẤP NƯỚC LỖ)

Cốc Thị - Chữ toại là rồi, là chỉ việc nối tiếp, kế tiếp.

夏 四 月 宋 公 王 臣 卒

HẠ, TỬ NGUYỆT, TỔNG CÔNG VƯƠNG THẦN TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TỔNG CÔNG LÀ VƯƠNG THẦN, MẤT

宋 人 搬 其 大 夫

TỔNG NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU
NGƯỜI TỔNG GIẾT ĐẠI PHU

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, Tổng Thành Công mất. Khi đó, công tử Thành làm chức hữu sư (coi đạo hữu quân). Công Tôn Hữu làm tả sư. Nhạc Dự làm tư mã, Lân Quán làm Tư Đồ. Công Tử Đãng làm Tư Thành, Hoa Ngự Sự làm Tư Khấu. Vua Tống Chiêu Công muốn trừ một ít các công tử. Nhạc Dự can: “Không nên, họ nhà vua là cành, là lá, nếu trừ bỏ đi thân và gốc không còn được che chở. Đến đây cát, đây sấm, còn phải cần được che. Cho nên người quân tử thường lấy cành lá mà so sánh (trong kinh Thi có nói đến). Huống chi là vua. Trừ đi thì y như tục ngữ có nói, lấy rìu, búa chặt thứ che cây, tức là cành lá. Không nên, xin nhà vua nghĩ kỹ. Nếu yêu họ, ra ơn cho họ, thì họ sẽ như chân, như tay, hại nhà vua thế nào được. Sao nhà vua lại định trừ”. Vua không nghe.

Thế là dòng họ Mục Công, Tương Công, gióng dã dân chúng đến đánh, rồi giết Công Tôn Cổ, Công Tôn Trinh ở ngay trong cung. Sáu vị khanh (kể trên) lấy lại được trật tự trong họ nhà vua. Nhạc Dự từ chức Tư Mã, nhường cho công tử Ngang, em vua Chiêu Công. Chiêu Công lên ngôi, rồi làm lễ chôn vua bố. Xuân Thu chép rằng: người Tống giết đại phu. Không chép tên vì nhiều. Và ý nói là người bị giết không có tội.

Công Thị - Sao không chép tên. Nước Tống đã ba đời vua không có đại phu, không có hôn nhân với nước ngoài.

Cốc Thị - Giết người chép là “người Tống” là giết kẻ có tội.

Đỗ Dự - Không chép tên kẻ giết lẫn kẻ bị giết. Kẻ giết đông, kẻ chết không có tội. Hai người ở trong cung bị loạn binh giết chết.

Triệu Khuông - Lấy có ba đời, lấy vợ trong nước, mà nói rằng ba đời không có đại phu. Thuyết của Công Dương như thế không có nghĩa lý. Nếu thực là giết kẻ có tội, thì sao lại không chép tên kẻ chết. Thuyết Cốc Lương lại là sai.

戊子晉人及秦人戰于令狐晉先蔑奔秦

MẬU TÝ, TẤN NHÂN CẬP TẤN NHÂN CHIẾN

VU LINH HỔ. TẤN TIỀN MIỆT BÔN TẤN

**NGÀY MẬU TÝ, NGƯỜI TẤN ĐÁNH NHAU VỚI NGƯỜI TẤN
TẠI LINH HỔ (ĐẤT NƯỚC TẤN). TẤN TIỀN MIỆT
CHẠY TRỐN SANG TẤN**

Tả Thị - Tấn Khang Công cho đưa Công Tử Ung tới Tấn nói rằng: "Xưa Tấn Văn Công vào nước, không có quân giúp, cho nên bị họ Lã, họ Khước làm khó khăn". Vì thế, Khang Công cho nhiều quân hộ vệ.

Trước khi Ung về tới Kinh, Mục Doanh (vợ Tương Công) ẵm Thái Tử (sau là Cảnh Công) ra triều, khóc nói: "Tiền quân có tội gì, tự quân (vua nối ngôi) có tội gì, mà bỏ con đích không lập, lại đi mời người ở nước ngoài về. Người con này, các ông định sao".

Ra khỏi triều, Mục Doanh ẵm con tới nhà họ Triệu, rạp đầu trước Tuyên Tử, nói: "Tiền quân đã đem con này giao phó cho ông và nói: Đứa bé này nếu làm được thì tạ ơn ông, nếu không làm được thì trách ông. Ngày nay, dù tiền quân không còn nữa, nhưng lời vẫn như nghe thấy. Tôi quên sao được".

Tuyên Tử cùng các đại phu đều cảm động. Vả lại cũng sợ bị dân áp bức, mới trái lời với Tiên Miệt (Tiên Miệt đã đưa công tử Ung ở Tấn về, và tới Tấn), lập Linh Công, rồi sửa soạn chống quân đội Tấn. Cơ Trịnh ở lại giữa kinh thành. Triệu Thuần làm tướng trung quân, Tiên Khắc làm phó. Tuân Lâm Phủ làm phó thượng quân (tướng thượng quân là Cơ Trịnh phải ở lại giữ kinh thành). Tiên Miệt làm tướng hạ quân, có Tiên Đô làm phó. Bộ Chiêu làm Ngự Nhung (chiến xa của Ung) có Nhung Tân làm

xa hữu. Khi các quân đội tới Cận Âm (đất nước Tấn), Tuyên Tử nói: “Nếu ta đón Tấn, thì coi Tấn như khách, nếu ta không tiếp Tấn, thì phải coi Tấn như giặc. Nay ta đã không đón tiếp, mà lại chậm chạp về việc quân, thì quân Tấn sẽ hăng hái thêm. Người xưa cho mưu hay nhất là giảm nhuệ khí quân địch mà kế khôn nhất là đuổi giặc như đuổi bọn chạy trốn”. Tuyên Tử mới dẫn dò quân sĩ, sau lau chùi sửa soạn quân cụ, thêm cỏ ăn cho ngựa, người thì cho ăn no, thế là đêm hành quân. Ngày Mậu Tý đánh bại quân Tấn ở đất Linh Hồ, rồi tiến quân đến Khô Thủ. Ngày Kỷ Sửu, Tiên Miệt trốn sang Tấn. Sĩ Hội (trước cùng đi với Tiên Miệt) chạy theo.

Khi Tiên Miệt được cử làm sứ sang Tấn, đón công tử Ung về, thì Tuân Lâm Phủ có can dừng đi: “Vợ chính Tương Công và Thái Tử đều ở đây cả, mà lại cầu vua ở nước ngoài. Việc ông không xong đâu. Ông lấy cớ có bệnh, từ chối đi, có hơn không. Nếu không, sẽ có họa. Có người khác đi thay ông, cứ gì cứ phải ông. Cùng giữ một chức vụ là đồng liêu. Tôi là đồng liêu, nên phải nói thực”. Tiên Miệt không nghe. Sĩ Hội lại dẫn chứng ba thiên bản Kinh Thi. Tiên Miệt cũng không nghe. Khi Miệt chạy rồi, Tuân Bá cho đưa cả gia đình, đồ đạc, của cải sang Tấn, và nói rằng vì tình đồng liêu mới giúp nhau.

Sĩ Hội ở Tấn ba năm, không chịu gặp Sĩ Bá (Tiên Miệt). Người nhà hỏi: Khi còn ở trong nước, ông rút ra đi theo người ta lưu vong, nay cùng lưu vong, ông không gặp người ta. Tại sao thế? Sĩ Hội nói: Tôi với hấn cùng tội. Tôi có khen hành động hấn đâu. Tôi gặp làm gì. Về sau, khi Sĩ Hội và Tiên Miệt cùng về Tấn, hai người cũng không gặp nhau bao giờ.

Công Thị - Đây gọi là “thiên chiến” nghĩa là hai bên ở hai nơi, hẹn ngày dàn trận rồi đánh nhau. Sao không chép là đánh tan. Vì hai bên cùng bằng sức. Đây Tấn nhân, người Tấn, chính là Tiên Miệt. Sao lại chép Tấn nhân, người Tấn. Là chê, biếm. Tại sao. Là rời khỏi quân đội, đem quân rời khỏi quân đội. (Công Thị chép trên chữ “bôn, chạy”, có hai chữ “dĩ sư, đem quân” nghĩa là ở Kinh Xuân Thu, trên chữ chạy trốn, có hai chữ đem quân). Sao không chép là đi ra. Vì rời mới ra ngoài.

Cốc Thi - Không chép là đi ra, vì đã ở ngoài rồi. Thôi chiến là chạy sang Tần. Thế là đào quân, đào ngũ.

Xét - Công Dương nói đó là thiên chiến. Lại nói đó là Tấn Tiên Miệt, sao lại chép là người Tấn, vì chê, chê là giúp người ngoài, đem cả quân ra. Cho thế là thiên chiến, mà người Tấn thì là Tiên Miệt. Công Dương nói thế tức là không biết rằng: Tam quân của nước Tấn đều có mặt, mà tướng trung quân chính là Triệu Thuần. Tuy nhiên, Tiên Miệt, đã là tướng hạ quân, mà lại chạy sang Tần, thế là đào ngũ. Bảo thế cũng phải. Cho nên san bớt Công Dương, mà giữ lại lời bàn của Cốc Lương.

狄侵我西鄙

ĐỊCH XÂM NGÃ TÂY BÍ

RỢ ĐỊCH XÂM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA

Tả Thi - Rợ Dịch xâm biên giới phía tây nước ta. Lỗ Công sai cáo với nước Tấn. Triệu Tuyên Tử sai Giả Quý tới yết kiến Phong Thư rợ Dịch và khuyên đừng gây hấn. Phong Thư hỏi Giả Quý: Triệu Thôi và Triệu Thuần ai hiền. Giả Quý đáp: Triệu Thôi êm dịu như mặt trời mùa đông, mà Triệu Thuần thì như mặt trời mùa hạ.

秋八月公會諸侯晉大盟于扈

THU, BÁT NGUYỆT, CÔNG HỘI CHU HẦU,

TẤN ĐẠI PHU, MINH VU HỔ

**MÙA THU, THÁNG TÁM, LỖ CÔNG HỌP VỚI CHƯ HẦU,
VÀ MỘT ĐẠI PHU NƯỚC TẤN, ĐỂ THỂ TẠI
ĐẤT HỔ (ĐẤT NƯỚC TRỊNH)**

Tả Thi - Mùa thu, tháng tám, Tề Hầu, Tống Công, Vệ Hầu, Trần Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam, Tào Bá, hội với Triệu Thuần nước Tấn, thể ở đất Hổ, nguyên nhân là Tấn Hầu lên ngôi. Lỗ Công tới chậm cho nên không chép tên những ai dự hội. Mỗi khi vua Lỗ hội với các vua chư hầu, mà Xuân Thu không kể tên

ra là vì vua Lỗ tới chậm không chép tên các nước, không muốn lộ ra ý vua Lỗ nhác, không siêng năng.

Công Thi - Chư hầu không kể tên các nước, đại phu không chép tên, tại sao. Là tại Lỗ Công không được chép. Vua chư hầu không thể cho Lỗ Công thề, mới đưa mắt ra ý để đại phu Tấn cho Lỗ Công thề.

Cốc Thi - Chép chư hầu, là chép lược qua.

Triệu Khuông - Không chép tên các nước là vì Lỗ Công không được cùng dự thề. Thế mà nói rằng: Công hợp chư hầu thề, là nói Công phụ vào minh ước vậy. Minh ước không thể cùng theo phụ vào, vì như thế là ngang hàng với đại phu của mình chủ. Trách Công sao không tới sớm để tránh bị nhục.

Lưu Suồng - Công Dương bàn không thể để cho Lỗ Công thề, mà lại để cho đại phu Tấn cho Công thề. Công Dương bàn thế là sai. Ở hội cùng là chư hầu, đã cùng Lỗ Công thề, thì sao còn nói nhờ Tấn đại phu. Và lại chư hầu đã không muốn cùng Lỗ Công thề, sao còn dám liếc mắt ra ý cho đại phu Tấn cho thề. Tất cả không phải là việc như thế đâu.

Tôn Giác - Tấn Tương Công đã chôn. Linh Công còn nhỏ. Đại phu Tấn cầu mong cùng thề với chư hầu, để cho rõ công nghiệp của tiên quân. Rồi chư hầu đều hội. Vua Tấn còn nhỏ không thể thề được, thì đại phu quyền nghi mà thề với chư hầu. Cứ xét đại phu mà ngang với vua thì có tội. Nhưng không may, vua còn bé, thì cũng phải theo thời, quyền nghi. Vì thế không chép tên, chỉ nói là Tấn đại phu. Phép Kinh Xuân Thu, bầy tôi nước ngoài, thề với vua ta thì cứ chép cả tên là để rõ tội. Không may, nước không có vua như thời Vô Tri đương có loạn, thì đại phu Tề được khỏi tội lỗi. Đại phu mà thề với chư hầu cũng cứ chép tên để cho rõ tội. Không may, vua chết, con còn nhỏ, như Linh Công còn đang ẵm bế, thì đại phu Tấn được miễn kể tên. Bỏ những lẽ ấy đi, thì chưa thấy đối với Xuân Thu là không có tội.

Trình Tử - Văn Công nhác việc chính trị, công việc bị chậm trễ nhiều. Đã ước hẹn tới thề với Tấn, mà lại tới hội chậm cho nên chép có đến hội, mà giấu việc không kịp hội. Không liệt

kê chư hầu, để rõ ý là không có mặt lúc hội. Cho nên năm sau, công tử Toại lại tới Tấn, cùng Tấn thề.

Xét - Các vua chư hầu không liệt kê, Tả thị cho là vì Lỗ Công đến sau. Lưu Suồng, Tôn Giác, đều bác lời bàn đó. Lưu Suồng lại nói chư hầu không liệt kê, vì muốn trị nước Tống, mà rồi sau không trị được, cùng với năm thứ 15 thề ở Hổ, Tả thị sợ dĩ bảo rằng, chư hầu không làm nổi, chư hầu không nên công cán gì, hai ý đó đều hợp nhau. Nghe ra như có lý. Triệu Khuông, Hồ An Quốc, đều lấy Tả Thị làm chủ, mà Trình Tử thì lại dẫn hội thề ở đất Hành Ung và việc Tấn đánh Lỗ, vì Lỗ Công chậm tới hội đất Hổ, dẫn việc đó làm chứng. Cho nên nay cứ theo Tả Thị.

Triệu Thuần không chép tên, Hồ Truyện cho rằng Thuần trong nước chuyên quyền phế lập ngôi vua, ngoài nước thì bắt hiệp chư hầu, làm hội minh đó, vì thế giản lược cả không chép tên. Bàn như thế, Hồ Truyện đã bàn sai. Thuần từ việc Tân Thành về sau đều chép tên. Duy năm đó, thề ở Hổ, chủ còn nhỏ, mới được không bị biếm. Lời bàn của Tôn Giác là đúng.

冬徐伐莒

ĐÔNG, TỪ PHẠT CỬ

MÙA ĐÔNG, NƯỚC TỪ ĐÁNH NƯỚC CỬ

公孫敖如莒蒞盟

CÔNG TÔN NGAO NHƯ CỬ LỊ MINH

CÔNG TÔN NGAO SANG NƯỚC CỬ ĐỂ THỀ

Tả Thị - Mục Bá (Công Tôn Ngao) lấy vợ ở nước Cử tên là Đái Kỷ, sinh ra Văn Bá. Em Đái Kỷ là Thanh Kỷ (theo chị lấy Mục Bá) sinh ra Huệ Thúc. Đái Kỷ chết. Mục Bá lại muốn lấy vợ ở Cử. Người Cử từ chối, lấy cớ là Thanh Kỷ còn sống. Mới xoay ra hỏi vợ cho Tương Trọng (là anh em).

Mùa đông, nước Từ đánh nước Cử. Nước Cử xin đồng minh với Lỗ. Mục Bá sang Cử để ký minh ước, và cũng để đón vợ

cho Tương Trọng. Khi tới Yến Lãng, trên đất nước Kỷ, thấy cô dâu đẹp, chiếm luôn làm vợ mình. Tương Trọng xin phép vua Lỗ đánh. Vua định cho thì Thúc Trọng Huệ Bá (cháu nội Thúc Nha) can: “Thần nghe, ở trong nước thì gọi là loạn, ở ngoài nước thì gọi là giặc, giặc thì hại người, loạn thì tự hại mình, Nay bấy tôi làm loạn, mà vua thì không ngăn, lại mở đường cho giặc ngoài, thì ngài nghĩ thế nào?”. Lỗ Công mới thôi, không cho chép, Huệ Bá dàn xếp khiến cho Tương Trọng từ người vợ không lấy nữa, mà Công Tôn Ngao thì cho người đàn bà trở về nước. Anh em lại hòa hợp với nhau như cũ.

Phụ lục Tả Truyện - Khích Khuyết nước Tấn nói với Triệu Tuyên Tử rằng: “Trước đây, nước Vệ không theo ta, ta mới chiếm đất. Nay đã hòa với ta, ta nên trả đất, nước phản mà không đánh, thì còn thị uy sao được. Nước đã phục mà không khoan, thì còn gia ơn sao được. Không uy không ơn, thì không rõ đức. Không rõ đức, thì sao gọi là minh chủ. Ngài giữ chức Chính Khanh làm chủ chư hầu, mà không chuộng đức, thì còn ra sao. Kinh Thư về nhà Hạ có nói: “Dùng thưởng để khởi nhấc việc. Dùng phạt để ngừa lầm lỗi khuyên khích bằng cửu ca (các bài ca về chín nghề). Chớ để hỏng việc”. Các đức tính trong chín nghề nghiệp đều được phổ vào thi ca gọi là cửu ca. Chín nghề nghiệp tức là sáu nguồn sinh lợi, và ba việc. Sáu nguồn sinh lợi là: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cốc. Ba việc là: a) điều chỉnh phong tục hay, b) thu hoạch, tạo tác các đồ dùng cần thiết, c) lo liệu sinh kế cho đầy đủ. Thắng thắn trong việc thi hành phận sự thì gọi là đức lễ. Thiếu lễ, thì không vui, rồi đi đến phản bạn. Nếu đức ngài không đáng để cho người ta ca tụng, thì còn ai tới với ngài nữa. Sao ngài không để cho những người đương hòa hợp với ta ca tụng ngài. Tuyên Tử nghe theo.

Cốc Thi - Ly minh, ly nghĩa là vị, là ngôi thứ, ý nói: đã định trước. Vì đã định trước, cho nên không chép ngày. Minh ước đã được định trước, thì không có chép ngày.

Năm Nhâm Dần. Vua Tương Vương năm thứ 33.

八 年
BÁT NIÊN
NĂM THỨ 8

Tấn Linh năm thứ 2. Tê Chiêu năm thứ 14. Vệ Thành năm thứ 16. Thái trang, năm thứ 27. Trịnh Mục năm thứ 9. Tào Cung năm thứ 31. Trần Cung năm thứ 13. Kỷ Hoàn năm thứ 18. Tống Chiêu Công Chử Cửu năm đầu. Tần Khang năm thứ 2. Sở Mục, năm thứ 7.

春 王 正 月
XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 8, mùa xuân Tấn Hầu sai Giải Dương trả nước Vệ ruộng đất Khuông và đất Thích. Trả cả đất đã cho người Trì, từ đất Thân nước Trịnh đến đất Hồ Lao.

夏 四 月
HẠ TỬ NGUYỆT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, người Tần đánh nước Tấn, chiếm ấp Vũ Thành, để báo thù việc Linh Hồ.

THU, BÁT NGUYỆT, MẬU THÂN, THIÊN VƯƠNG BĂNG
MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY MẬU THÂN, THIÊN VƯƠNG MẤT

Tả Thị - Mùa thu, Tương Vương mất.

冬十月壬午公子遂會晉趙盾盟于衡雍

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ TOẠI

HỘI TẤN TRIỆU THUẦN MINH VU HÀNH UNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ TOẠI

HỘI VỚI TRIỆU THUẦN THỂ Ở HÀNH UNG, GẦN HỒ

Tả Thị - Vì việc hội minh ở Hồ, người Tấn tới đánh. Mùa đông. Tương Trọng (Toại) hội với Triều Mạnh (Tấn) tại Hành Ung để đáp lại minh ước ở Hồ.

乙酉公子遂會雒戎盟于暴

ẤT DẬU, CÔNG TỬ TOẠI HỘI LẠC

NHUNG MINH VU BẠO

NGÀY ẤT DẬU, CÔNG TỬ TOẠI HỘI THỂ VỚI RỢ LẠC

NHUNG Ở ĐẤT BẠO, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Toại hội với rợ Nhung ở đất Y Lạc. Xuân Thu chép là công tử Toại, là quý.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo là quý, chép rằng Toại quyền nghi, cùng với Nhung thể, cho nên khen, chép là Công tử. Tả thị bàn sai. Nếu chép là Công tử mà cho thể là khen, thì năm Hy Công thứ 30, Công tử Toại tới kinh sư, rồi tới Tấn, thì chê hay sao. Ấy thể, mà chính không phải là chê, là sao?

公孫敖如京師不至而復丙戌奔莒

CÔNG TÔN NGAO NHƯ KINH SƯ,

BẤT CHỈ NHỊ PHỤC, BÍNH TUẤT, BÔN CỬ

CÔNG TÔN NGAO (LỖ MỤC BÁ) ĐI KINH SƯ, CHƯA TỚI THÌ

QUAY LẠI. NGÀY BÍNH TUẤT CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC CỬ

Tả Thị - Mục Bá sang nước Chu để điều tang (theo lệnh chủ). Chưa tới kinh thì đem cả các đồ lễ, chạy đến nước Cử, theo họ Kỷ (trước đã phải cho về nước).

Công Thị - Không đến, trở lại là thế nào. Là người trong nước nói, là không nên sai đi. Đã không nên sai đi, mà chép là đi Kinh Sư là thế nào? Là theo ý Lỗ Công. Sao không chép là bỏ nước. Vì là đã ở ngoài.

Cốc Thị - Không chép nơi đến, vì chưa đi đến, Đã chưa có đến thì có trở về, Chưa đi đến mà nói là đi đến, tức là không bỏ mệnh vua. Chưa trở về, mà nói là trở về, là không chuyên quyền. Vậy nói đi mà không đi, nói về mà không về. Duy chỉ có chạy sang nước Cử là đúng, cho nên cẩn thận chép ngày.

Tôn Phục - Công Tôn Ngao đi Kinh Sư điều tang. Không tới mà trở về. Ngày Bính Tuất, chạy sang nước Cử. Vua Lỗ Văn Công không hay trị tội. Ngao thì tự tiện. Cái dở của Văn Công đã thấy rõ. Về sau chép nơi đi tới, là để rõ Kinh Sư là quan trọng.

Xét - Không đến mà về, lời trong Kinh rất là rõ. Tôn Phục cho là giữa đường mà trở lại, thế là đúng sự thực. Các nhà bàn khác cho rằng, đã được mệnh mà không thi hành, bàn thế là sai. Nếu quả là không đi. Thánh nhân cứ thực mà chép thì có gì là ngại, là khó.



CHUNG

SÂU CHUNG

Hà Hưu - Trước kia Lỗ Công sang Tấn, Công Tôn Toại, Công Tôn Ngao cùng đi ra, không sai được. Thế lực hơn cả đại phu. Thế là loạn.

Đỗ Dự - Chung làm ra tai hại, cho nên chép.

宋人搬其大夫司馬宗司城來奔

TỔNG NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU TƯ MÃ.

TỔNG TƯ THÀNH LAI BÔN

**NGƯỜI TỔNG GIẾT ĐẠI PHU, LÀ CHÚC TƯ MÃ,
CHỨC TƯ THÀNH CHẠY TRỐN SANG NƯỚC LỖ**

Tả Thị - Phu nhân Tổng Tương Công là em vua Tương Vương, không được ngay cháu nội mình là Tổng Chiêu Công kính trọng. Phu nhân mới dùng bọn người họ Đái, giết Khổng Thúc là một cháu nội của Tương Công. Công Tôn Chung Ly và Đại Tư Mã, Công tử Ngang, em Chiêu Công. Tất cả đều là đảng Chiêu Công, Đại Tư Mã cố giữ cờ tiết cho đến lúc chết (giữ chức vụ không chuyển núng) cho nên Xuân Thu chép cả tước. Quan Tư Thành là Đãng Ý Chư chạy trốn tới Lỗ, khi ra đi giao cờ tiết cho quan coi kho. Chiêu Công cho gọi lại và cứ cho giữ chức cũ, cho nên cũng chép cả chức tước. Cả hai đều được quí.

Phụ lục Tả Truyện - Khi đi săn mùa xuân ở đất Di. Tấn Tương Công muốn thăng chức cho Cơ Trịnh Phủ và Tiên Đô, và muốn cho Sĩ Cốc cùng Lương Ích Nhĩ tướng trung quân. Tiên Khắc nói:

“Công lao của Hồ, của Triệu không nên quên”. Tương Công nghe. Về sau, Tiên Khắc chiếm lấy của Khoái Đắc, các ruộng đất ở xứ Cận Âm. Kết quả. Cơ Trịnh Phủ, Tiên Đô, Sĩ Cốc, Lương Ích Nhĩ, Khoái Đắc, nổi loạn.

Công Thị - Tư Mã và Tư Thành là ai? Là chức quan được cất nhắc lên. Tại sao? Là vì Tổng đã ba đời không có đại phu, không có cưới xin ở nước ngoài.

Cốc Thị - Tư Mã là quan, chép quan chức là ý nói vô quân. Tư Thành là quan. Chép quan chức là ý nói vô quân, Chép là chạy trốn tới, chứ không chép là xuất, bỏ nước đi, ý khen việc đến Lỗ ta.

Lưu Suồng - Tư Mã, Tư Thành là gì? Là quan chức. Sao lại đều là chức được cất nhắc, thế tức là tài không xứng chức.

Thế là thế nào? Là vua không có quyền. Việc chính thì rối loạn, bấy tôi thì thế lực chuyên quyền. Tuy nhiên, sao lại không chép tên. Vì không phải nước trị tội. Thế thì ai trị tội, chính là Hoa Tôn giết, Hoa Tôn đuổi. Kinh chép người Tống giết đại phu Tư Mã. Tống Tư Thành chạy tới Lỗ. Thế là thế nào. Là vị Khanh đó không có tài làm việc, chứ tội không ở người khác.

Tả thị báo Tư Mã cầm vững cờ tiết cho đến chết, Tư Thành giao lại cờ tiết rồi ra đi. Vua sai ngay người giữ cờ tiết, theo đón về, cho nên đều chép quan tước. Tả Thị bàn thế sai. Tư Mã mà giữ tiết chưa ai được như Cừ Mục. Tư Thành toàn thân rút lui, sao bằng Tuân Tức, mà Tả Thị cho là hai người bị biếm chê, còn Tư Mã, Tư Thành nay lại là khen, bên khinh, bên trọng, khác nhau quá.

Và lại thân ở trong cảnh binh loạn, giá có bỏ cờ tiết để lấy sống, thì đã là tội lớn rồi. Giữ tiết mà chết chính là việc thường của kẻ làm tôi. Đã không có trí, có sức để chống loạn, lại muốn giữ tiết riêng để trốn, cũng là tội lớn vậy. Giao cờ tiết để ra đi, chỉ là cầu khỏi tội mà thôi, chưa thấy cái gì là đẹp, là quý. Vua Lỗ là người tài thường, không biết đại nghĩa, trái phép thường cho chức quan, cho ngân đón, Xuân Thu vì có gì mà khen được.

Công Dương bàn là Tống đã ba đời không có đại phu. Công Dương bàn sai. Hi Công năm thứ 25, Tống giết đại phu, cũng không thấy chép tên họ, cũng bảo là Tống không có đại phu. Đến nay quan chức mới cất nhắc lên, mà cũng bảo là không có đại phu. Nếu thực là không có đại phu, và chỉ có hèn nhân quanh quẩn trong nước thì cũng không có sự cất nhắc quan chức. Hoặc cất nhắc, hoặc không cất nhắc, thế là tại sao?

Cốc Lương bàn, chép quan tước là ý nói vô quân. Trịnh Khang Thành thì giải nghĩa rằng: "Thế nghĩa là không có đức, của vị vua". Cả hai đều bàn sai. Đã có đại phu thì sao lại không có vua. Lại như Tấn giết đại phu Khích Kỳ, Khích Sư, Khích Chi, phanh ba thấy ra, cũng nên cho là không có đức vị vua, vì sao lại không lấy chức quan mà chép.

Xét - Đại phu là trật. Tư Mã, Tư Thành, là chức. Chép "Tống

giết đại phu, Tư Mã, Tư Thành chạy tới Lỗ", cũng như chép: giết Tư Mã trong bọn đại phu và Tư Thành trong bọn đại phu chạy tới Lỗ, Dưới chữ đại phu, chép luôn chữ, Tư Mã, Tư Thành. Y như các quan nhà Chu, Khanh không phải chỉ có một người, có Thái Tể, Đại Tư Không, Đại Tồn Bá. Đại phu cũng không phải chỉ có một người. Có Thiếu Tể, Tiểu Tư Đồ, Tiểu Tồn Bá. Coi đó thì rõ.

Năm Quý Mão. Vua Khoảnh Vương năm đầu.

九 年
CỬU NIÊN
NĂM THỨ 9

Tấn Linh năm thứ 3. Tề Chiêu năm thứ 15. Vệ Thành năm thứ 17. Thái Trang năm thứ 28. Trịnh Mục năm thứ 10. Tào Cung năm thứ 35. Trần Cung năm thứ 14. Kỷ Hoàn năm thứ 19. Tống Chiêu năm thứ 2. Tấn Khang năm thứ 3. Sở Mục năm thứ 8.

九 年 春 毛 伯 來 求 金
XUÂN. MAO BÁ LAI CẦU KIM

MÙA XUÂN, MAO BÁ (MỘT CHÚC QUAN TRIỀU ĐÌNH NHÀ CHU) TỚI ĐÒI VÀNG (TIẾN VỀ VIỆC CHÔN CẤT THIÊN TỬ)

Tà Thị - Năm thứ 9. Mùa xuân, Mao Bá tên là Vệ tới đòi phần đóng góp. Thế là phi lễ, không chép là mệnh vua. Vua chưa chôn.

Công Thị - Mao Bá là ai? Là đại phu của Thiên Tử. Sao không gọi là sứ. Đương ở trong tang, chưa có vua. Qua năm rồi, sao lại bảo rằng chưa có vua? Lên ngôi rồi, nhưng chưa xưng là vua. Tại sao biết là lên ngôi rồi? Cứ coi như chư hầu, qua năm là lên ngôi, thì Thiên Tử qua năm cũng lên ngôi. Cứ xét Thiên Tử hết ba năm rồi mới xưng vương. Cũng như chư hầu ở trong nước mình, ba năm cứ xưng là tử là con. Qua năm thì

gọi là Công, sao trong nước mình ba năm còn xưng là tử là con. Là vì theo tâm tôi con, không thể một ngày không có vua, vì nghĩa thủy chung, trong một năm không có hai vua, nhưng hết năm không thể khuyết vua. Còn thể theo tâm người hiếu tử, thì trong ba năm không nỡ thay.

Mao Bá tới đòi, sao lại chép. Chép là chê. Vương giả không có đòi. Đòi tiền là phi lễ. Thế thì chính là Vương đòi ư? Không phải. Đã không phải thì sao lại bàn là Vương đòi. Đó là con đòi. Nói nghiệp Văn Vương, thì theo pháp độ Văn Vương. Trong pháp độ Văn Vương, không có cầu mà lại cầu. Vì thế chê.

Cốc Thị - Đòi xe còn được, đòi tiền thì quá lắm.

Lục Thuần - Công Dương bàn sao không gọi là sứ. Là vì sau ba năm mới xưng vương. Xét lệ từ xưa, cứ qua năm là thành vua. Nói sau ba năm là nói bảy.

Xét - Công Dương bảo trong ba năm tang, Thiên Tử không xưng Vương. Lục Thuần thì dẫn lệ qua năm là thành vua để bác thuyết Công Dương đi, thế là đúng. Tuy nhiên, Công Dương lấy việc không gọi là sứ, là trong tang chưa làm vua. Hồ Truyện cũng bàn như thế. Đâu có việc lễ: Tang đã qua năm thì được xưng Vương mà lại còn cứ không can thiệp đến chính sự, không sai Khanh và đại phu. Năm Hi Công thứ 9, trong hội Quỷ Khuu, Tương Vương cho Hoàn Công phân tể, là do Tế Khổng truyền mệnh tới. Mỗi câu nói là Thiên Tử sai Khổng, vậy thế là thế nào? Hồ Thị bàn rằng Xuân Thu không gọi là sứ giả là không muốn cho vị Chúng Tế cứ lấy mệnh vua mà hiệu lệnh cho các nước. Nay xét trong Kinh Thư, thiên Cố Mệnh, và thiên Khang Cáo, thì thấy rằng: Chúng Tế được ra lệnh duy chỉ có thời gian chưa sách phong. Khi đã có sách phong, thì bách quan vào chầu, tung hô Thiên Tử, mà vua từ đó xưng là “đur nhất nhân”. Thế nghĩa là vua đã lên ngôi rồi, thì Chúng Tế dù có cầm quyền chính cũng không thể “không phụng mệnh” mà thi hành được. Cho nên nay bỏ lời bàn của Công Dương mà lời của họ Hồ cũng không chép.

夫人姜氏如齊

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ TÊ

PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ ĐI SANG NƯỚC TÊ

Triệu Bằng Phi - Cha mẹ còn, thì phu nhân về thăm, gọi là quy ninh, đó là việc thường, sao phải chép. Tức là có cố, không thể không chép được. Lỗ Văn Công không phân biệt phi và Dịch tử, con gái Tê (sau là xuất Khương) sinh ra hai con tên là Ấc và Thị, rồi lại yêu quý thiếp là Cung Doanh, sinh ra con là Uy Doanh được yêu thì Uy được quý. Cho nên Xuất Khương sang Tê bàn với bố mẹ. Vậy qui ninh là có cố, cho nên thánh nhân chép để cho rõ năm thứ 18, cái nguyên nhân phải bỏ Lỗ về Tê.

二月叔孫得臣如京師

NHỊ NGUYỆT, THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ KINH SƯ

THÁNG HAI, THÚC TÔN ĐẮC THẦN TỚI KINH SƯ

Cốc Thị - Kinh nghĩa là lớn. Sư nghĩa là đông. Là Kinh đô nhà Chu. Ý muốn nói đông là lớn.

辛丑葬襄王

TÂN SỬU, TÁNG TƯƠNG VƯƠNG

NGÀY TÂN SỬU, LỄ CHÔN TƯƠNG VƯƠNG

Tả Thị - Tháng hai, Trang Thúc sang Chu, dự lễ táng Tương Vương.

Công Thị - Vua thì không chép lễ táng. Đây sao lại chép. Là vì chỉ chép khi: không kịp mùa táng, hoặc quá mùa mới táng, hoặc nước ta có dự táng.

Cốc Thị - Đã là Thiên Tử thì chép lúc mất, chứ không chép lúc táng. Lấy cả các nước mà táng một người, thì không nên thế. Chép táng khi có việc nguy, không được táng; ghi cả ngày lại càng nguy. Thế cũng như nói là không táng.

Lưu Sưởng - Họ Đỗ bảo rằng, vị Khanh đi dự lễ táng, là

đúng lễ. Họ Đỗ nói thế là sai. Cho vị Khanh đi dự táng, thế là cuối đời nhà Chu đã suy mới có việc ấy chứ điển lễ không có.

Cốc Lương bảo ghi cả ngày lại càng nguy, thế là không táng. Cốc Lương nói sai. Trong Kinh câu trên đã nói Đắc Thần sang Kinh Sư tức là người đi dự táng. Thế sao còn nói được là không táng.

晉人搬其大夫先都
TẤN NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU TIÊN ĐÔ
NGƯỜI NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TIÊN ĐÔ

Tả Thị - Năm thứ 9. Mùa xuân, Vương tháng giêng, ngày Kỷ Dậu, Cơ Trịnh Phủ sai giặc giết Tiên Khắc. Ngày Ất Sửu, người Tấn giết người Tiên Đô và Lương Ích Nhi.

三月夫人姜氏至自齊
TAM NGUYỆT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ CHỈ TỰ TỀ
THÁNG BA, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ TỪ
NƯỚC TỀ VỀ TỚI NƯỚC

Cốc Thị - Phận kém mà dùng lễ trọng “về tới” tức là khi về tới nơi, có lễ cáo miếu. Thế là chê Văn Công.

Triệu Khuông - Cốc Lương bảo phận kém, mà dùng lễ đối với bậc tôn trọng là lỗi Văn Công. Xét khi trở về mà cáo miếu là đúng lễ. Sao lại cho là lỗi ở Văn Công.

晉人搬其大夫士穀及箕鄭斧
TẤN NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU SĨ
CỐC CẬP CƠ TRỊNH PHỦ
NGƯỜI NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ
SĨ CỐC VÀ KỲ TRỊNH PHỦ

Tả Thị - Tháng ba ngày Giáp Tuất, người nước Tấn giết Ky Trịnh Phủ, Sĩ Cốc, Khoái Đắc.

Cốc Thi - Chép là người giết là giết kẻ có tội. Trịnh Phủ là bị liên lụy.

Xét - Việc đi săn mùa xuân ở đất Di, về năm cuối đời Tương Công, mà việc giết Dương Tử Phủ, Tiên Khắc thì vào năm Linh Công mới lên ngôi. Dương Xử Phủ tiến cử Triệu làm cho Xạ Cô uất hận, thì Xạ Cô giết Xử Phủ. Tiên Khắc tiến cử Hồ, Triệu, mà làm cho Tiên Đồ uất hận, thì Tiên Đồ giết Tiên Khắc. Chú còn bé, nước chưa tin. Bấy tôi có thể lực chuyên quyền, chưa có thời nào quá đến thế. Làm nhân thần, chú công luận, tiến người hiền, trừ kẻ bất tiểu, thế mà kẻ bất tiểu dám dùng khí giới giết chết, loạn quốc gia, không thời nào bằng, cho nên Kinh Xuân Thu, về việc Xử Phủ, thì chép là nước giết mà liên lụy đến người trên. Về việc Tiên Đồ, Sĩ Cốc, Cơ Trịnh Phủ, thì chép là người giết, mà liệt vào hàng có tội, bị giết, như pháp rất là rõ rệt. Thế mà Hồ Truyền bảo rằng chép "người" giết vì nước loạn không có chính quyền, và chúng nhân tự quyền giết, Hồ bàn thế là không phải. Kinh mà chép nước khác giết đại phu là (không phải nước Lỗ) đều chép là nước, mà duy ba người này là chép "người giết", thế là ý giết kẻ có tội, không còn phải nghi ngờ nữa. Nếu cho là nước loạn, không có chính quyền, thì kẻ bị giết cũng không nên chép tên, như Tống đại phu Tư Mã. Hồ Thị lại còn cho Cơ Trịnh Phủ mà chép là "và", tức là nên giảm nhẹ tội đi. Hồ Thị nói thế không đúng. Xét chữ cập là và, là kể việc có đầu đuôi, chứ không phải là để bàn tội nên cho nặng hay nhẹ. Cho nên, nay thôi không chép Hồ Truyền.

楚人伐鄭公子遂會晉人宋人衛人許人救鄭

SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH, CÔNG TỬ TOẠI HỘI TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN HỨA NHÂN CỨU TRỊNH
NGƯỜI SỞ ĐÁNH TRỊNH, CÔNG TỬ TOẠI HỘI HỢP NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI HỨA CỨU NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Đại phu Phạm Sơn nói với vua Sở rằng "Vua Tấn còn bé không trông nom được các chư hầu. Bắc phương, ta có thể mưu đồ được". Thế thì vua Sở họp quân tại Lang Uyên, để đánh

nước Trịnh. Bắt làm tù ba đại phu Trịnh, là Công tử Kiên, Công tử Mang, và Công tử Lạc Nhĩ. Thế rồi Trịnh, Sở hòa, công tử Toại hội với Triệu Thuần nước Tấn, với Hoa Ngẫu nước Tống, với Khổng Đạt nước Vệ, với một đại phu nước Hứa, để đi cứu Trịnh. Nhưng không tới kịp để được gặp quân Sở. Các vị Khanh, Xuân Thu không chép, vì làm việc chậm chạp, đáng chê trách.

夏狄侵齊

HẠ, ĐỊCH XÂM TỀ

MÙA HẠ, RỖ ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, nước Sở xâm nước Trần, chiếm ấp của Trần là Hồ Khu, vì Trần đi với Tấn. Mùa thu, Sở Công tử Chu. Đi từ rợ Đông Di tới đánh Trần. Bị người Trần đánh cho thua, bắt được Công tử Phạt. Tuy nhiên, Trần cũng sợ, rồi cùng với Sở hòa.

秋八月曹伯襄卒

THU BÁT NGUYỆT, TÀO BÁ TƯƠNG TỐT

MÙA THU THÁNG TÁM, TÀO BÁ TƯƠNG MẤT

九月季酉地震

CỬU NGUYỆT, QUÝ DẬU, ĐỊA CHẤN

THÁNG CHÍN, NGÀY QUÝ DẬU, ĐỘNG ĐẤT

Công Thị - Đất động được chép, là chép việc lạ.

Cốc Thị - Đất làm gì mà động. Có động cho nên cẩn thận chép ngày.

冬 楚 子 使 椒 來 聘

ĐÔNG, SỞ TỬ SỬ TIÊU LAI SÍNH

MÙA ĐÔNG, VUA SỞ SAI TIÊU (TỬ VIỆT TIÊU)

TỚI LỄ SÍNH (LỄ THĂM)

Tả Thị - Mùa đông. Tử Việt Tiêu nước Sở sang Lễ lễ sính. Khi đi, nhận các đồ lễ sính một cách ngạo mạn ở nhà Tổ miếu. Thúc Trọng Huệ nói: "Người này tất là diệt họ Ngao. Hồn lảo với Tiên quân, thì thần linh nào ủng hộ nữa."

Công Thị - Tiêu là đại phu nước Sở. Sở có đại phu. Sao đây lại chép. Thế là mới có đại phu. Đã mới có thì sao không chép họ. Vì đối với Di Định thế là đủ rồi.

Cốc Thị - Sở không có đại phu, sao chép Tiêu. Vì tới với ta, thì khen.

Lục Thuần - Công Dương bảo Tiêu là Sở đại Phu. Sở không có đại phu, đây sao lại chép, là mới có đại phu. Xét lệ, phạm chưa được sách mệnh, mà tới Lễ thì đều chép tên, chứ không có lý do gì khác. Còn Cốc Lương mà bảo Sở không có đại phu, sao lại chép Tiêu, là vì tới với ta thì khen. Thánh nhân dạy người, dấu lại cho là cứ tới Lễ là được khen.

Xét - Vua Sở thì chép tước. Bấy tôi Sở thì chép tên. Bọn tiên nho cho là Xuân Thu mộ nghĩa. Mà thuyết khen của Cốc Lương thì Lục Thuần không cho là phải, Xét. Sở biết lấy lễ giao thiệp với chư hầu, thì nâng Sở lên, tức là ý vui thấy người làm điều hay. Chứ không phải thấy tới Lễ ta mà khen. Vậy nên theo lời bàn họ Lục.

秦人來歸僖公成風之燧

TÂN NHÂN LAI QUY, HI CÔNG,

THÀNH PHONG CHI TOẠI

**NGƯỜI TÂN ĐEM TỚI LỖ ÁO QUẦN KHÂM LIỆM (ĐỒ PHÚNG
ĐIẾU) HI CÔNG, THÀNH PHONG (VỢ TRANG CÔNG,
TÁNG NĂM THỨ 5 VẦN CÔNG, THẾ LÀ CHẬM)**

Tả Thị - Người Tân đem tới Lỗ đồ liệm Hi Công, Thành Phong. Thế là lễ, chư hầu, diếu nhau, mừng nhau, tuy đồ không dùng tới, nhưng vẫn là có đủ lễ. Chép đề cho biết không quên sự giao hiếu cũ.

Công Thị - Chép Hi Công. Thành Phong là thế nào. Là gộp cả lại. Gộp cả lại là phi lễ. Sao không nói “và” Thành Phong. Vì Thành Phong là bậc tôn.

Cốc Thị - Người Tân không coi là phu nhân, tức là nước ngoài không coi là phu nhân. Thế mà đồ phùng diếu thì theo lễ trọng.

Lưu Sưởng - Chép là Hi Công, Thành Phong là tại sao? Là vì mẹ quý nhờ con. Đã thế sao không xưng là phu nhân. Không được xưng, vì phận là thiếp, đến con nối ngôi vua không được đại tang mẹ, là thiếp tôn quý thì vẫn tộn quý, nhưng vẫn cứ theo lễ.

Đỗ Thị bảo rằng chung phúng cả Hi Công, cho nên gồm cả Thành Phong. Đỗ Thị bàn sai. Hi Công Thành Phong nghĩa là người thiếp mẹ (thêm tên con vào cho rõ người mẹ là thiếp). Chư hầu không được lập hai đích (đích mẫu), cho nên thiếp mẫu (chứ không phải đích mẫu). Vì con làm vua mà thành quý, thế tức là mẹ được quý vì con vậy.

Công Dương thì bàn là gộp cả là phi lễ. Công Dương bàn sai. Hi Công Thành Phong chép thế y như là chép Huệ Công Trọng Tư trước. Nếu mà bảo chép hai người thì chả lẽ chép tên mẹ dưới tên con. Theo lễ thì phu nhân có tam tông, không bao giờ một mình đứng riêng được. Thế mà nay để con trước mẹ thì không thể nói là biết lễ được.

葬 曹 供 公

**TÁNG TÀO CUNG CÔNG
LỄ CHÔN TÀO CUNG CÔNG**

Năm Giáp Thìn. Vua Khoảnh Vương năm thứ 2.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tân Linh năm thứ 4, Tề Chiêu năm thứ 16. Vệ Thành năm thứ 18. Thái Trang năm thứ 29. Trịnh Mục năm thứ 11. Tào Văn Công Thọ năm đầu. Trần Cung năm thứ 15. Kỳ Hoàn năm thứ 20. Tống Chiêu năm thứ 3. Tần Khang năm thứ 4. Sở Mục năm thứ 9.

十 年 春 王 三 月 辛 卯 臧 孫 辰 卒

**XUÂN, VƯƠNG TAM NGUYỆT, TÂN MÃO,
TANG TÔN THẦN TỐT**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA, NGÀY TÂN MÃO,
TANG TÔN THẦN MẮT**

夏 秦 伐 晉

HẠ, TÂN PHẠT TẤN

MÙA HẠ, NƯỚC TÂN ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Mùa xuân người Tấn đánh Tân, chiếm đất Thiệu Lương. Mùa hạ, Tân Bả đánh Tấn, chiếm đất Bắc Trung.

Xét - Tấn đánh Tấn, chép rõ ràng nước nọ đánh nước kia. Bọn tiên nho cho rằng tội ở Tấn, luận bàn đó thành ra nhất định không thể thay đổi. Xét Tấn và Tấn thường đánh nhau, mà theo Kinh thì riêng Tấn là có tội. Tại sao? Tấn làm mình

chủ, tôn Chu, trị Sở, các nước trông cậy. Trần Thành Bộc, Tần thực có giúp. Thế mà Tần lại bội lời thề, kết với nước Trịnh, rồi lại đánh lên Trịnh mà diệt nước Hoát. Thế là gây hấn tự nước Tần. Việc ở đất Hòa, theo chức phận thì bá chủ không dung được, thế mà nhân đó lấy làm thù, luôn luôn đem quân tới đánh, lại còn liên kết với nước Sở để Sở giúp. Thế thì trước kia Tần giúp Tấn trị Sở, nay lại giúp Sở để trên Tấn. Mối thù Tấn Tần càng ngày càng sâu. Mà Tấn thì bị yếu về công việc chống đối với các nước ở phía tây, trong khi Tần với Sở hợp nhau, Sở được đặc chí với các nước phía nam, như các nước Trần, Sái, Trịnh, Hứa theo nhau sợ uy Sở. Các nước nhỏ như Giang, Liễu, Dung, Tiêu nối nhau bị Sở diệt. Tấn mà không được mạnh, Sở mà dần dần được hùng cường, chính là tại Tần. Kinh Xuân Thu sơ dĩ riêng khép tội Tần, Tô Triệt, Gia Huyền Ông, Vương Triều đều chủ trương bàn tới lời văn thiếu sót. Còn Hoàng Trọng Viêm, Doãn Sướng thì nói thêm rằng năm đó Tần đánh Tấn: Thành Công năm thứ 3, Trịnh đánh Hứa, Chiêu Công năm thứ 12, Tấn đánh Tiên Ngụ, đều bỏ chữ nhân, người, (như Tần nhân bỏ chữ nhân; người Tấn bỏ chữ người. Lại so sánh với câu “hạ ngũ”. Đáng nhẽ viết là “hạ ngũ nguyệt”, mà quên không viết chữ nguyệt. Bàn như thế nghe ra cũng có lý.

楚 搬 其 大 夫 宜 申

SỞ SÁT KỶ ĐẠI PHU NGHI THÂN

NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ NGHI THÂN

Tả Thị - Xưa, ở đất Phạm trong nước Sở, có người thầy bói tên là Duật Tự, bói cho Thành Vương cùng Tử Ngọc và Tử Tây, có đoán rằng: “Ba vị sẽ bắt đặc kỳ tử”. Sau trận Thành Bộc, vua Sở nhớ đến câu đoán ấy, vội sai sứ ra lệnh không được giết chết. Sứ đến thì Tử Ngọc đã chết rồi. Tử Tây thất cố vừa kịp sứ tới thành ra được sống. Sở Vương phong Tử Tây làm Thương Công. Tử Tây xuôi dòng sông Hán, ngược lên sông Giang, sắp vào đất Dinh, trong đảo giữa sông có lâu. Vua đang ngự trên lâu trông xuống, thấy Tử Tây. Tử Tây sợ (sợ vua nghi), mới phân trần: “Thần được khỏi chết, nhưng lại bị giam là muốn trốn, thần

xin về để quan Tư Bại (quan coi Hình) xét và xử tội". Sở Vương mới cho giữ chức Công Doãn, rồi lại cùng Tử Tây bàn tính việc giết Mục Vương. Mục Vương được tin, tháng năm, giết Đấu Nghi Thân (Tử Tây) và Trọng Quy.

自正月不雨至于秋七月

TỰ CHÍNH NGUYỆT BẤT VŨ CHÍ,

VU THU THẤT NGUYỆT

TỬ THÁNG GIÊNG CHO ĐẾN

THÁNG BẢY KHÔNG MƯA

Cốc Thi - Qua các mùa chép là không mưa. Không thấy có ý lo sợ. Thế là không nghĩ đến dân.

及蘇子盟于女栗

CẬP TÔ TỬ MINH VU NHŨ LẬT

Ở ĐẤT NHŨ LẬT, VUA LỖ CÙNG THÊ VỚI TÔ TỬ
(SỨ CỦA THIÊN TỬ)

Tả Thi - Mùa thu, tháng 7, Lỗ cùng Tô Tử thề ở Nhữ Lật, nhân việc Khoảnh Vương lên ngôi.

冬狄侵宋

ĐÔNG, DỊCH XÂM TỐNG

MÙA ĐÔNG, RỢ DỊCH XÂM TỐNG

Cao Kháng - Dịch mà xâm vào các nước lớn, duy có nước Tống là chưa bị. Từ sau thời Tống loạn. Dịch mới xâm. Quân Sở đình tại đất Quyết Mạch định đánh Tống. Nước Tống có cơ nguy.

楚子蔡侯次于厥貉
SỞ TỬ, SÁI HẦU THỨ VỤ QUYẾT MẠCH
VUA SỞ. (SỞ TỬ), VUA SÁI (SÁI HẦU),
DỪNG QUÂN TẠI QUYẾT MẠCH

Tả Thi - Trần Hầu và Trịnh Bá hội với Sở Tử tại đất Túc. Mùa đông cùng Sái Hầu dừng quân tại Quyết Mạch, sắp đánh Tống, Hoa Ngự Sự nước Tống nói: “Sở muốn làm cho ta yếu, thì ta cho biết là ta yếu. Hà tất gì phải khích ta ra trận. Ta yếu thực. Dân ta có tội gì mà bị nạn chiến tranh”. Thế là Tống Công tìm tới Sở Tử, đưa đồ lễ tặng và xin theo mệnh, rồi cùng dự cuộc săn tại Mạnh Chư. Tống Công coi cánh quân bên hữu. Trịnh Bá coi cánh quân bên tả. Kỳ Tư Công tên là Phục Toại làm Hữu Tư Mã. Tử Chu và Văn Chi Vô Ủy là tả Tư Mã. Lệnh chung cho toàn quân là gióng xe từ sớm, và sửa soạn cũi đuốc. Tống Công sai mệnh. Vô Ủy lấy roi đánh xa ngự (giong xe) của Tống Công để làm gương cho quân đội. Hoặc có người bảo Tử Chu (Vô Ủy) rằng: Vua một nước, chớ nên làm nhục. Tử Chu đáp: Đương tại chức, phải làm phận sự, sợ gì ai. Kinh Thi có câu: Không nhả thứ rắn, không nuốt chứng thứ mềm, Không để cho kẻ sàm nịnh lộng hành. Làm cho kẻ không biết luật lệ phải cẩn thận. Mấy câu sau đó bảo ta đừng quyền thế. Tội đâu dám tham sống để loạn phép.

Mạnh Chư - Đất nước Tống. Ở hội Quyết Mạch, Quân Từ (Vua nước Quân) trốn về.

Năm Ất Tỵ. Vua Khoanh Vương năm thứ 3.

十 有 一 年
THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 11

Tấn Linh năm thứ 5, Tề Chiêu năm thứ 17, Vệ Thành năm thứ 19, Sái Trang năm thứ 30, Trịnh Mục năm thứ 12, Tào Văn năm thứ 2, Trần Cung năm thứ 16, Kỷ Hoàn năm thứ 21, Tống Chiêu năm thứ 4, Tần Khang năm thứ 5, Sở Mục năm thứ 10.

春 楚 子 伐 麋

XUÂN, SỞ TỬ PHẠT QUÂN

MÙA XUÂN, VUA SỞ ĐÁNH NƯỚC QUÂN

Tả Thị - Năm thứ 11, mùa xuân Sở Tử đánh nước Quân. Thành Đại Tâm đánh tan quân nước Quân ở Phòng Chư. Phan Sùng lại tiếp đánh Quân, tiến đến Tích Huyệt.

Phòng Chư: đất nước Quân, Tích Huyệt: đất nước Quân.

夏 叔 仲 彭 生 會 晉 卻 缺 于 承 筐

HẠ, THÚC TRỌNG BÀNH SINH HỘI TẤN

KHÍCH KHUYẾT VU THỪA KHUÔNG

MÙA HẠ, THÚC TRỌNG BÀNH SINH HỘI VỚI KHÍCH KHUYẾT NƯỚC TẤN TẠI THỪA KHUÔNG (ĐẤT TỔNG)

Tả Thị - Mùa Hạ, Thúc Trọng, Huệ Bá (Bành Sinh) hội với Tấn Khích Khuyết tại Thừa Khuông bàn việc các chư hầu bỏ Tấn theo Sở.

秋 曹 伯 來 朝

THU, TÀO BÁ LAI TRIỀU

MÙA THU, TÀO BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị - Mùa thu, Tào Văn Công tới chầu. Vừa lên ngôi tới chầu.

公 子 遂 如 宋

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỔNG

CÔNG TỬ TOẠI SANG TỔNG

Tả Thị - Tương Trọng (Công tử Toại) sang nước Tống lễ sinh và nói cho chức Tư Thành là Đãng Ý Chư, để Chư được trở về nước Tống. Nhân dịp mừng Tống không bị quân đội Sở gây hại.

狄 侵 齊

ĐỊCH XÂM TÊ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TÊ

冬 十 月 甲 午 叔 孫 得 臣 敗 狄 于 鹹

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, GIÁP NGỌ,

THÚC TÔN ĐẮC THẦN, BẠI ĐỊCH VU HÀM

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY GIÁP NGỌ,

**THÚC TÔN ĐẮC THẦN ĐÁNH BẠI QUÂN ĐỊCH TẠI ĐẤT
HÀM (ĐẤT NƯỚC LỖ)**

Tà Thi - Rợ狄, Suu Man, xâm nước tê, rồi tràn vào nước ta. Lỗ Công cho bói về việc sai Thúc Tôn Đắc Thần đuổi quân狄. Bói được quẻ tốt. Hầu Thúc Hạ làm xa ngự (đánh xe) cho Trang Thúc (Đắc Thần). Miên Phòng Sanh giữ chức xa hữu. Phú Phủ Chung Sanh giữ chức Tứ Thặng (người thứ tư trên chiến xa). Mùa đông, tháng 10, ngày Giáp Ngọ, đánh bại quân狄 tại đất Hàm, bắt được Tù chương là Kiều Như, Phú Phủ Chung Sanh cầm giáo đâm vào cuống họng giết chết. Lấy thủ cấp chôn ở giữa Tứ Câu thành nước Lỗ. Đắc Thần nhân trận thắng đó, đặt tên một con là Tuyên Bá. Xưa, thời vua Tống Vũ Công, rợ Suu Man đánh Tống. Quan Tư Đồ là Hoàng Phủ cầm quân đánh. Nhi Ban làm xa ngự cho Hoàng Phủ Sung Thạch. Công tử Cốc Sanh làm xa hữu. Quan Tư Khấu là Ngưu Phủ giữ chức Tứ thặng.狄 bị đánh ở Trường Khưu đất nước Tống.

Người狄 là Duyên Tư bị bắt. Hai người con của Hoàng Phủ chết trận. Vua Tống thưởng công cho Nhi Ban chức giữ một quan ải, được tự lấy thuế, cửa ải gọi tên là Nhi Môn. Khi quân Tấn diệt rợ Lộ, có bắt người em Kiều Như tề là Phần Như, Năm thứ hai Tề Tương Công. Rợ Suu Man đánh Tề. Vương Tử Thành Phủ làm quan ở nước Tề bắt được em Phần Như là Vinh Như, còn chôn thủ cấp tại cửa bắc thành Chu Thủ, thành nước Tề. Quân đội Vệ bắt được em Vinh Như là Giản Như. Từ đó, rợ Suu Man bị diệt hẳn.

Công Thị - Dịch là ai? là Trường Dịch. Anh em ba người. Một sang Tề. Một sang Tấn. Một sang Lỗ. Người sang Tề, bị Vương Tử Thành Phủ giết chết. Người sang Lỗ bị Thúc Tôn Đắc Thần giết. Còn không biết người sang Tấn ra sao? Chép là bại là thế nào? Là cho to chuyện. Chép nơi đánh là thế nào? Là cho to chuyện. Sao lại chép? Chép việc lạ.

Cốc Thị - Không nói là cầm quân (suất sư), mà nói là đánh bại, đánh thua, là sao? Là bại có một người. Một người sao lại dùng chữ bại? Là phải nhiều người mới đánh được. Theo Truyện thì có ba anh em Trường Dịch, thường quấy hại Trung Quốc. Có tướng lạ, xương đầu rất rắn, đá gạch đập không chuyển. Thúc Tôn Đắc Thần là tay bắn giỏi. Bắn vào mắt. Tuy nhiên, sao không nói là bắt được. Vì rằng chép xưa không có đánh ai bị thương hai lần. Không bắt người hai thứ tóc, cho nên không nói là bắt, vì kiêng. Người đi sang Tề, thì bị Vương Tử Thành Phủ giết. Còn người sang Tấn thì không biết ra sao.

Lưu Sưởng - Cốc Lương báo không chép là cầm quân mà lại chép là đánh bại là sao? Là thực chỉ có đánh bại một người. Cốc Lương bàn thế là sai. Không nói cầm quân, vì là quân ít, có gì là nghi ngờ nữa. Lại bàn rằng không chép là bắt. Vì ngày xưa không làm ai hai lần bị thương, không bắt người hai thứ tóc, cho nên không nói là bắt vì kiêng. Lỗ đã bắn vào mắt rồi chặt đầu cho nên kiêng. Cốc Lương bàn thế là sai. Bản ý của Cốc Lương là một Trường Dịch, đủ sức địch nhiều người, cho nên đổi chữ bắt được làm chữ bại được, để rõ cái sức mạnh của Trường Dịch, đã đổi bắt được làm bại được, thì bại được tức là bắt được. Thế thì sao lại bàn được rằng, không nói bắt được là kiêng.

Xét - Tả Truyện, trước thì nói là bại địch ở đất Hàm. Sau nói là bắt Trường Dịch Kiều Như. Xét như lấy Trường Dịch làm một người trong bọn Dịch, thì không phải chép chữ Trường Dịch là cả một nước. Hồ Truyện dùng thuyết chính danh của Lưu Sưởng bác di, tựa như chưa rõ ý của Truyện. Cốc Lương cũng nhân ý Tả Truyện mà giải thích suy diễn ra. Lời nói tuy quái lạ, chắc có được tài liệu nào đó, nay cứ để cả ba Truyện. Còn các lời bác thì hãy bỏ đi.

Năm Bính Ngọ, Vua Khoảnh Vương năm thứ 4.

十 有 二 年
THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 12

Tấn Linh năm thứ 6. Tề Chiêu năm thứ 18. Vệ Thành năm thứ 20. Sái Trang năm thứ 31. Trịnh Mục năm thứ 13. Tào Văn, năm thứ 3. Trần Cung, năm thứ 17. Kỳ Hoàn, năm thứ 22. Tống Chiêu, năm thứ 5. Tần Khang, năm thứ 6. Sở Mục, năm thứ 11.

春 王 正 月 成 伯 來 奔
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, THÀNH BÁ LAI BÔN
MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG THÀNH BÁ CHẠY TỚI
LỖ

Tả Thị - Thái tử nước Thành tên là Chu Nho vẫn ở yên ở ấp Phù Chung. Người trong nước không ưa, không theo mệnh. Lỗ Văn Công, năm thứ 12, mùa xuân, vua nước Thành là Thành Bá mất. Người Thành lập vua khác. Thái tử chạy ẩn ở nước Lỗ, biếu hai ấp Phù Chung và Thành Khuê. Vua Lỗ lấy lễ đối với vua chư hầu đón tiếp. Thế là phi lễ. Cho nên chép là Thành Bá chạy tới. Không chép đất, là tôn chư hầu.

Công Thị - Thành Bá là ai? Là vua mất đất. Sao không chép tên? Vì được coi như nước anh em.

Triệu Khuông - Chư hầu mà nối ngôi, chưa qua năm vẫn xưng là tử, là con. Đâu sao lại có hạng người vua cha bệnh ốm, mà không dòm ngó, chết mà không tang, thân chưa nối lên ngôi, đã lấy ấp chạy ra nước ngoài, mà lại xưng là Thành Bá? Đến như Trịnh Hốt, Tào Kỳ, Cừ Triền, đều đã lên ngôi khi phải chạy ra ngoài, còn cứ xưng tên, hưởng chi hạng chưa nối ngôi. Thuyết của Tả Thị là không phải. Vua mất đất, cứ lệ là chép tên. Nếu lấy cơ là nước anh em không gọi tên thì Tào Bá Dương, Vệ Hâu Khẩn, sao lại chép tên. Thuyết của Công Dương cũng là vậy.

杞伯來朝

KỶ BÁ LAI TRIỀU

VUA NƯỚC KỶ LÀ KỶ BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị - Kỷ Hoàn Công tới chầu. Đây là lần đầu. Kỷ Bá xin thôi việc cưới Thúc Cơ (con gái Hi Công), nhưng vẫn không tuyệt hôn với Lỗ. Lỗ Công Thuận. (Thúc Cơ có tật. Sau một người em gái lấy Kỷ Bá).

Phạm Ninh - Hi Công năm thứ 27, vua Kỷ xưng là tước Tử. Nay xưng là Bá. Chắc là Thiên Tử đương thời cất nhắc phong cho.

二月庚子子叔姬卒

NHỊ NGUYỆT CANH TÝ, TỬ THÚC CƠ TỐT

THÁNG HAI, NGÀY CANH TÝ, THÚC CƠ MẤT

Tả Thị - Tháng hai, Thúc Cơ mất. Không chép Kỷ. Vị đã tuyệt. Chép là Thúc Cơ là coi như đàn bà, chứ không phải con gái (vì đã hồi).

Công Thi - Đây là đi ra khỏi nước. Sao lại chép lúc mất. Vị đã được hứa gả. Đàn bà đã hứa gả, thì có lẽ cài trâm kê. Chết thì dùng tang lễ người đã có chồng. Chép là Tử (Tử Thúc Cơ) vì địa vị quý. Quý là ở hàng trên (con vua Hi Công).

Cốc Thi - Chép là Tử Thúc Cơ là quý. Quý là chị em với vua. Trong truyện có chép: Đã hứa gả, rồi mất. Con trai hai mươi tuổi có lẽ đội mũ liệt vào hạng người lớn, ba mươi tuổi thì lấy vợ. Con gái mười lăm tuổi thì hứa gả chồng, hai mươi tuổi thì lấy chồng.

Uông Khắc Khoan - Hai truyện đều chép chữ Tử, cho là em cùng mẹ. Nhưng Văn Công, năm thứ 14, lại chép Tử Thúc Cơ. Nếu đã cùng mẹ, thì không nên cùng tên.

Xét - Lỗ Trang năm thứ 25, Bá Cơ gả về nước Kỷ. Năm thứ 27, công hội với Kỷ Bá Cơ tại đất Thao. Mùa đông, Kỷ Bá

Cơ tới. Hi Công, năm thứ 5, mùa xuân, Kỷ Bá Cơ đưa con lại châu. Năm thứ 9, Bá Cơ mất. Vậy đó là riêng một Bá Cơ.

Đến năm 23, mùa đông, Kỷ Tử mất. Năm thứ 27, mùa xuân, Kỷ Tử tới châu, tức là vua nối ngôi. Năm thứ 28, mùa thu, Kỷ Bá Cơ tới. Năm thứ 21, mùa đông, Kỷ Bá Cơ tới, cầu hôn cho con.

Lỗ Văn Công, năm thứ 12, mùa xuân, Vương, tháng giêng, Kỷ Bá tới châu. Tháng hai, ngày Canh Tý, Tử Thúc Cơ mất. Cùng với Hi Công, năm thứ 9, chép Bá Cơ mất. Vậy tựa như riêng một Thúc Cơ, chứ không phải là người con dâu, mà Bá Cơ hỏi cưới.

Từ đó, hơn 20 năm tới Thành Công, năm thứ 5, mùa xuân, Kỷ Thúc Cơ "lai quy". Năm thứ 8, mùa đông, Kỷ Thúc Cơ mất. Năm thứ 9, mùa xuân, Kỷ Bá lại đón tang Thúc Cơ đem về nước.

Thế là ba lần chép Thúc Cơ. Nghi là chính là người con dâu Bá Cơ xin cưới.

Tả Thị nhân việc Kỷ Bá tới châu, cùng với Tử Thúc Cơ liên nhau, mới cho Thúc Cơ chính là người con dâu Bá Cơ xin cưới, để rõ không phải là Kỷ bỏ mà bị tuyệt. Lại nhân Thành Công năm thứ 5, Kỷ Thúc Cơ "lai quy" năm thứ 8, Kỷ Thúc Cơ mất, năm thứ 9, Kỷ Bá tới Lỗ đón tang Thúc Cơ về Kỷ, rồi bảo là Kỷ Bá xin tuyệt (bỏ) Thúc Cơ, mà không tuyệt hôn. Mà tên Thúc Cơ được chép chết năm Thành Công năm thứ 8, tức là người mà vua Kỷ (Kỷ Hoàn) xin cưới thay Thúc Cơ. Không khỏi có chép gượng.

Tuy nhiên, việc kể trong Xuân Thu thì lại bằng cứ vào Tả Thị mà dựa vào nhau đã lâu rồi. Nay cứ ghi cả. Còn như Đạm Trư, Lưu Sương, bảo Truyện đó nhầm lẫn, nên ở vào đời Thành Công năm thứ 8. Quý Bản bảo rằng Kỷ Bá Cơ là nhầm, thế là Quý Bản ước đoán, chứ không có bằng chứng, chưa có thể vì thế mà nghi kinh, và bỏ truyện được.

Cải nghĩa chữ Tử trong câu Tử Thúc Cơ, mọi nhà bình luận không cùng một ý. Hoặc cho là con gái tiên quân. Hoặc cho là con gái vua đương thời. Tất cả đều không phải. Bá Cơ ở Trang

Công năm thứ 25, gả về Kỷ, đến thời Hi Công thì chắc chắn là con gái tiên quân, thế thì sao lại cho con tới châu vào năm thứ 5. Năm thứ 31, tới cầu cưới con dâu, đều không xưng là Tử. Quý Cơ cùng Tăng Tử gặp ở đất Phòng, tiên nho chê Hi Công quá chiều con gái, thế tức là con gái vua đương thời, thế thì sao lại chép là về, chép là mất mà không xưng là Tử. Cứ xét toàn kinh thì chưa rõ được. Vậy san bỏ không chép.

夏 楚 人 圍 巢

HẠ, SỞ NHÂN VI SÀO

MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ VÂY NƯỚC SÀO (SÀO LÀ MỘT NƯỚC NHỎ Ở GIỮA KHOẢNG NƯỚC NGÔ VÀ NƯỚC SỞ)

Tả thị - Lệnh Doãn nước Sở là Tả Tôn Bá mất. Thành Gia lên thay. Các nước Thư phản Sở. Mùa hạ, Tử Không bắt “chủ” nước Thư tên là Bình, và Tôn Tử. Rồi vây nước Sào.

Các nước Thư, là Thư Dung, Thư Cưu.

秋 滕 子 來 朝

THU, ĐĂNG TỬ LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA NƯỚC ĐĂNG TỚI CHÂU

Tả thị - Mùa thu, Đăng Chiêu Công tới châu. Lần đầu châu Lỗ Công.

秦 伯 使 術 來 聘

TÂN BÁ SỬ THUẬT LAI SÍNH

VUA TÂN LÀ TÂN BÁ SAI THUẬT TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Tân Bá sai Tây Khất Thuật tới sinh và nói sẽ đánh Tấn. Tương Trọng (Công Tử Toại) từ chối không nhận ngọc do vua Tân sai sứ tặng vua Lỗ và nói: “Nhà vua không quên tình hiếu hữu của tiên quân đối với vua tôi, đã đoái đến nước Lỗ tôi, cho xã tắc tôi được thêm yên vững, và ban cho đồ quý.

Quả thân tôi xin từ không dám nhận ngọc". Thuật nói: "Vật này có là bao, xin chờ từ chối". Tương Trọng giữ địa vị chủ ba lần từ, khách đáp: "Quả quân tôi, muốn cầu thần linh Chu Công Lỗ Công ban phúc, đã sai kẻ hạ thần này, trình với quan chấp sự Lỗ, chút vật của các tiên quân, để biểu hiện sự kết hiếu của hai nước. Vậy dám xin trình ngài". Tương Trọng nói: "Không có người quân tử thì không thành một nước được. Đã gọi là một nước thì không coi thường được". Rồi biểu Thuật nhiều lễ vật quý.

Công Thị - Thuật là ai? Là đại phu nước Tần, Tần không có đại phu. Đây sao lại chép? Là vì khen Mục Công hiền. Hiền vì biết sử biến. Xét lệ: Đại phu nước ngoài tới Lỗ mà chưa được sách phong thì cứ chép tên, không có nghĩa gì khác. Từ trước đến đây, Tần chưa sai đại phu tới, cho nên nay chép.

冬十有二月戊午晉人秦人戰于河曲

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, MẬU NGỌ,

TẤN NHÂN, TẤN NHÂN CHIẾN VU HÀ KHÚC

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY MẬU NGỌ, NGƯỜI TẤN,

NGƯỜI TẤN ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT HÀ KHÚC

Tả Thị - Tấn đánh là vì trận thua ở Linh Hồ. Mùa đông. Tấn Bá đánh Tấn, chiếm ấp Ky Mã nước Tấn. Quân đội Tấn sửa soạn chống. Tấn Triệu Thuần làm tướng Trung quân, có Tuân Phú làm Phó. Khích Khuyết làm tướng thượng quân có Du Biền làm phó. Loan Thuần làm tướng hạ quân, có Tư Giáp làm phó. Phạm Vô Tuất làm xa ngự (giọng xe cho vua), đón đánh quân Tấn ở Hà Khúc. Du Biền nói: "Tấn tính không chịu được lâu. Xin đắp đồn lũy chờ". Lời đề nghị được theo. Người Tấn muốn đánh. Tấn Bá hỏi Sĩ Hội rằng: "Có nên không". Sĩ Hội đáp: "Họ Triệu mới dùng một người là Du Biền, chắc bàn mưu là để quân ta đợi lâu yếu thế dần. Triệu lại có cháu là Xuyên là rể vua Tấn. Xuyên được vua yêu mà ít tuổi lại chưa hiểu việc quân. Tính dùng mà ngông, lại ghét Du Biền, được làm phó thượng quân. Ta cho khinh binh khiêu chiến, thì Xuyên phải ra đánh. Tấn

Bá mới lấy ngọc bích tế thần sông Hoàng Tháng 12, ngày Mậu Ngọ, cho quân khiêu chiến thượng quân Tấn, rồi lui ngay. Triệu Xuyên đuổi không kịp, trở lại tức giận nói: “Gạo đầy kho. Ngồi trên đồng giáp. Đợi giặc. Nay giặc tới. Ta còn chờ gì”. Tướng tá nói xin đợi. Xuyên nói: “Tôi chả cần biết mưu kế gì. Tôi ra đánh một mình”. Rồi đem bộ thuộc ra đánh. Tuyên Tử nói: “Tần thắng, trở về. Ta làm thế nào báo được”. Thế là cùng ra đánh. Hai đạo quân gặp nhau, nhưng chưa giáp chiến. Tối đến, Tần cho người tới quân Tấn nói: Hai quân ta chưa bên nào bị thương tổn. Ngày mai, xin cùng ra mắt (tương kiến). Du Biền bàn: sứ giả, mất hoàng hốt, mà lời nói không cứng rắn, tức là sợ ta, rồi trốn, ta nên theo sát trên bờ sông Hoàng, nhất định đánh được”. Tư Giáp, Triệu Xuyên, đứng ở công trại, kêu to: “Chưa đánh cho chết, cho bị thương, mà đã bỏ, thì còn ra gì. Không dàn trận, mà đi đánh lên nơi hiểm yếu là nhất”. Quân Tấn nghĩ, đêm quân Tần lên ra, lại đánh vào quân Tấn, rồi tràn vào ấp Hà.

Công Thị - Đây gọi là thiên chiến. Sao không chép là quân tan vỡ. Vì hai bên ngang sức nhau. Sao lại lấy tên sông làm nơi chiến. Vì khúc sông Hà dài đến nghìn dặm.

Cốc Thị - Không chép chữ cập, với, vì Tần Tấn đã luôn luôn chiến tranh, cho nên chỉ chép lược qua.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn lấy tên sông chỉ nơi đánh nhau, vì khúc sông dài nghìn dặm. Công Dương bàn sai. Chữ Hà Khúc đó là tên đất, đâu có phải là khúc sông nghìn dặm. Nếu như một khúc sông nghìn dặm, thì tất cả phải gọi là Hà Khúc. Vậy thì khoảng cả ba sông Hà, không có đất tên khác, chỉ gọi cả là Hà Khúc mà thôi, như thế có bậy không.

Xét - Trận đánh nhau ở Hào, Tần không nghĩ đến tang vua đất Tấn mà đi đánh nước đồng tông với Tấn, Tấn chưa báo thù, mà lại tới đánh, cho nên cả hai bên đều có ý nhè. Xét ra Tần luôn luôn dùng binh, thì còn nghĩa gì. Vì thế Tấn bị yếu về phía Tây, để cho Sở, nhân thế mạnh lên, chiếm cứ nước nhỏ, uy hiếp thiên hạ, tức là tự nước Tần sinh ra. Cho nên Xuân Thu, cứ lấy trường là tự nước Tấn sinh ra. Cho nên Xuân Thu, cứ lấy trường hợp vô danh đem quân đánh Tấn luôn mà mang tiếng cho Tần.

Nay việc chiến ở Hà Khúc, chép Tấn Tấn, cùng dùng chữ nhân, người, lại không chép là Tấn và Tấn, thế tức là cả hai, đều có tội, đều đáng chê, mà Tấn thì có tội hơn, Cốc Lương bàn không chép “và”, là chép lược, bàn như thế là không hiểu rõ ý Kinh Xuân Thu.

季孫行斧帥師城諸及鄆

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SUẤT SƯ THÀNH CHƯ CẬP VẬN

**QUÝ TÔN HÀNG PHỦ ĐEM QUÂN ĐỘI ĐẮP
THÀNH CHƯ VÀ THÀNH VẬN (PHÒNG NƯỚC CỬ)**

Tả Thị - Đắp thành Chư, thành Vận, chép cả mùa (mùa đông).

Cốc Thị - Nói đem quân đội, biết là việc khó nhọc.

Trương Hiệp - Vận ở phía đông nước Lỗ. Bắt đầu từ đây. Lỗ và Cử tranh nhau đất Vận. Trước kia hai nước chưa có tranh giành nhau và lại chưa thường có việc gì ở đất Vận. Nay, Hàng Phủ đem quân đội đắp thành hai ấp, là mở mối đầu sự thù nhau, nhất là đắp thành Vận.

Lã Đại Khuê - Lỗ có hai đất Vận. Thành Công năm thứ 4, đắp thành Vận, là ấp Vận ở giáp nước Tấn, cho nên Đỗ Thị có nói để phòng thủ cho Tấn. Năm nay đắp thành Vận là ấp Vận giáp nước Cử, cho nên Đỗ Thị nói là nơi hai nước Cử Lỗ tranh chấp.

Gia Huyền Ông - Đắp thành một ấp đã làm khổ dân. Nay một bận đắp hai thành, thì dân khổ lắm. Chép đắp thành Chư, thành Vận là chê. Theo phép Xuân Thu, xây thành không đúng mùa, là đáng chê, xây thành không đúng phép là đáng chê. Hưng binh để xây thành là đặc biệt phải chê.

Năm Đinh Mùi - Vua Khoảnh Vương năm thứ 5.

十 有 三 年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Linh, năm thứ 7. Tề Chiêu, năm thứ 19. Vệ Thành,

năm thứ 21. Thái Trang, năm thứ 32. Trịnh Mục, năm thứ 14. Tào Văn, năm thứ 4. Trần Cung, năm thứ 18. Kỷ Hoàn, năm thứ 23. Tống Chiêu, năm thứ 6.

Tần Khang, năm thứ 7, Sở Mục, năm thứ 12.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 13, mùa xuân. Tấn Hầu sai Chiêm Gia tới ở ấp Hà, để giữ biên giới Đào Lâm phòng bị nước Tần.

夏五月壬午陳侯朔卒

HẠ NGŨ NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TRẦN HẦU SÓC TỐT
MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY NHÂM NGỌ,
TRẦN HẦU TÊN LÀ SÓC MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Người Tấn lo người Tần dùng được Sĩ Hối. Mùa hạ, sáu quan Khanh gặp nhau ở ấp Chư Phù. Triệu Tuyên Tử nói: "Sĩ Hối ở Tần, Giả Quý trốn ở Địch. Nếu có việc xảy ra, ta làm thế nào". Trung Hàng Hoàn Tử nói: "Xin gọi Giả Quý về, cho coi việc ngoại giao. Và lại tổ tiên xưa có công (Hồ Đột, Hồ Yển)". Khước Thành Tử nói: "Giả Quý loạn, và đã có tội lớn. Nên gọi Tùy Hối (Sĩ Hối). Hối khiêm nhượng, liêm sỉ, nhâ nhận, không phạm đến ai, không chế chức vụ nhỏ, mà lại không có tội".

Tuyên Tử mới sai Ngụy Thọ Dư tới Tần, yết kiến vua Tần, nói dối rằng: ấp Ngụy (ấp của Thọ Dư được ăn lộc) làm phản, vua Tần bắt giam vợ con. Thọ Dư đêm chạy trốn, sang Tần, xin làm quan bên Tần, và đem ấp Ngụy của mình dâng vua Tần. Vua Tần thuận nghe. Sở Sĩ Hối ngăn ở trong triều, Thọ Dư ngầm dẫm lên chân Sĩ. Sĩ Hối hiểu ý. Quân đội vua Tần ở Tây ngạn sông Hoàng, mà người Ngụy thì ở Đông ngạn. Thọ Dư nói: "Xin

nhà vua cho một người Tấn cùng đi với tôi sang bên kia, nói với chúng, chúng sẽ về Tấn". Vua Tần sai Sĩ Hối. Sĩ Hối từ chối nói: "Người Tấn, tâm như hổ lang, nếu họ không giữ lời, thì thần chết, vợ con ở Tấn sẽ bị giết, thần đi, nhà vua không có lợi gì, mà thêm hối". Tần Bá nói: "Nếu Tấn bội tín, thì ta cũng giao trả vợ con, chứ không bội ước. Có sông Hoàng Hà chứng minh". Thế là Sĩ Hối ra đi. Có viên quan là Nhiều Triều đưa tặng cái roi ngựa nói: "Chớ bảo là Tấn không có người. Tôi đã nói đừng cho ông đi. Lời tôi nói không được nghe". Khi Sĩ Hối qua sông, quân Ngụy đón mừng đưa về triều. Còn vua Tần, giữ lời, cho đưa vợ con trả về. Họ hàng còn người nào ở lại Tần đều đổi họ là họ Lưu.

鄒子蓬萊卒

CHÂU TỬ CỪ TRƯ TỐT

VUA NƯỚC CHÂU (CHÂU TỬ) TÊN LÀ CỪ TRƯ MẤT

Châu Văn Công bói về việc thiên đô tới đất Dịch. Bói được quẻ: thiên đô thì lợi cho dân, nhưng không lợi cho vua. Vua nói: "Nếu đã lợi cho dân thì cũng phải lợi cho vua. Trời đã sinh dân, thì đặt ra vua để lợi cho dân. Nếu thiên đô mà dân có lợi, thì vua cũng có lợi". Tả hữu nói: "Nếu mệnh vua còn được lâu, thì sao vua lại trái". Vua nói: "Vua sống, cần làm cho dân sống. Chóng hay chậm, vua cũng chết, chỉ là thời gian thôi. Nếu thiên đô mà lợi cho dân, thì cứ thiên đô, không điếm nào tốt hơn được". Châu Văn Công tới đất Dịch. Tháng năm, năm đó mất. Người quân tử bàn: Vua Châu tri mệnh (biết mệnh trời).

自正月不雨至于秋七月
TỰ CHÍNH NGUYỆT BẤT VŨ CHÍ VU THU,
THẤT NGUYỆT

TỪ THÁNG GIÊNG TỚI MÙA THU THÁNG BẢY, KHÔNG MƯA

世室屋壞
THẾ THẤT, ỐC HOẠI
NHÀ THẾ MIẾU, MÁI SẬP

Tả Thị - Mùa thu tháng bảy. Nhà Thế thất đổ. Chép một việc bất kinh.

Công Thị - Thế thất là gì? Là miếu Lỗ Công. Miếu Chu Công gọi là Thái miếu. Miếu Lỗ Công gọi là Thế miếu. Miếu các Công sau, gọi là Cung. Đây là miếu Lỗ Công. Tại sao lại gọi là Thế thất? Đúng như chữ thường dùng, nghĩa là đời đời còn mãi không bỏ. Chu Công ở Lỗ sao được gọi là Thái miếu? Là vì, phong Lỗ Công thay mặt Chu Công. Vậy lẽ Chu Công trước; lẽ Lỗ Công sau. Cắt nghĩa rằng: Lúc sống thì nuôi Chu Công. Lúc chết thì làm thần chủ thay Chu Công. Thế thì Chu Công có ở nước Lỗ không? Đáp: Không ở nước Lỗ. Phong Lỗ Công cho làm chủ nước Lỗ. Vậy tại sao Chu Công lại không tới ở Lỗ? Vì muốn cho tất cả các nước thống nhất về Chu.

Lỗ mà tế Chu Công thì dùng sinh như thế nào (sinh là loài vật làm thịt cứng như trâu, bò, heo, dê). Tế Chu Công thì dùng bạch sinh là bò sắc trắng. Tế Lỗ Công thì dùng bò sắc đỏ. Tế các Công sau thì dùng bò không thuần một màu.

Nước Lỗ tế Chu Công về ngũ cốc thì thế nào. Tế Chu Công thì dùng thóc mới, Lỗ Công thì thóc cũ. Các Công khác thì thóc trong kho.

Mái nhà Thế Thất đổ. Chép để chê. Chê là sao đã lâu ngày, không tu sửa để cho đổ.

Cốc Thị - Mái nhà Thế thất đổ. Chê là không tu sửa để

cho đến đồ sập. Thái thất cũng như Thế thất. Thờ Chu Công ở Thái Miếu. Thờ Bá Cầm ở Thái thất. Thờ các vị khác ở Cung. Theo lễ, về việc nhà tôn miếu, vị vua thân coi cất thái, phu nhân thân coi giã gạo. Thế là tỏ lòng cung kính. Làm chủ xă tắc mà để miếu tiên quân đổ, chép kỹ thế là để ghi việc bất kính.

Trình Tử - Xem trong kinh Xuân Thu, Văn Công đối với tôn miếu rất là không cẩn thận, mới có việc biến là mái nhà thế miếu đổ, đối với trời, đối với người, thật là đáng sợ.

Xét - Ngô Trưng nói là chữ Thế và chữ Thái hai chữ thông dụng. Xét như Thế Thái nói là Thái Tử, Thế Thúc nói là Thái Thúc cũng vậy.

冬 公 如 晉 衛 侯 會 公 于 沓

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN. VỆ HẦU HỘI CÔNG VU ĐẠP.

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG TỚI NƯỚC TẤN. VỆ HẦU
GẶP LỖ CÔNG TẠI ĐẤT ĐẠP

Ngô Trưng - Lỗ Công tới châu. Tấn Vệ Hầu hội với Công ở giữa đường, đất Đạp, muốn nhân dịp nhờ Lỗ Công xin cho hòa với Tấn.

狄 侵 衛

ĐỊCH XÂM VỆ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC VỆ

Triệu Bằng Phi - Rợ Dịch từ trận thua ở đất Hàm, nhuệ khí đã nhụt rồi, nay lại tới đánh Vệ. Vệ bị Dịch áp bức. Vua Vệ mắc đi hội họp, thế là Dịch thừa cơ đánh. Dịch dòm ngó như thế, Vệ sao lại không để ý.

十有二月己丑公及晉侯盟公還自晉
鄭伯會公于棐

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ SỬU, CÔNG CẬP
TẤN HẦU MINH. CÔNG HOÀN TỰ TẤN, TRỊNH
BÁ HỘI CÔNG VU PHỈ**

**THÁNG 12, NGÀY KỶ SỬU, LỖ CÔNG CÙNG THỂ VỚI TẤN
HẦU KHI LỖ CÔNG Ở TẤN VỀ, THÌ TRỊNH BÁ ĐI TỚI
GẶP CÔNG Ở ĐẤT PHỈ, NƯỚC TRỊNH**

Tả Thị - Mùa đông, Lỗ Công tới châu Tấn, và xin thể. Vệ Hầu hội với Công tại đất Đạp, xin cùng Tấn được yên. Công trở về. Trên đường đi, Trịnh Bá gặp ở trong nước Trịnh, đất Phỉ, cũng muốn xin Tấn cho hòa. Lỗ Công đều giúp cho được việc cả. Trịnh Bá với Công yến tiệc tại Phỉ. Tử Gia cho ca khúc Hồng nhan. Quý Văn Tử nói, quả quân tôi chưa được thể. Văn Tử cho ca khúc Tứ nguyệt. Tử Gia cho ca chương thứ tư thiên Tả Tri. Văn Tử cho ca chương thứ tư thiên Thái Vi. Trịnh Bá bái tạ. Lỗ Công đáp bái.

Công Thị - Trở về là ý gì? Là chữ có ý khen. Khen gì. Trên đường đi, tới Tấn, thì có Vệ Hầu hội ở đất Đạp. Đến Tấn thì hội thể với Tấn Hầu. Trên con đường ở Tấn về, thì có Trịnh Bá hội ở đất Phỉ. Thế cho nên khen.

Cốc Thị - Dùng riêng chữ Hoàn, về thì ý nghĩa là việc chưa xong, dùng với chữ "từ Tấn", là công việc đã xong.

Triệu Bằng Phỉ - Tấn Tương Công đã mất. Người Sở đánh Trịnh, mà giao thiệp với Lỗ, dùng quân tại đất Quyết Mạch, mưu thật là thâm. Rồi Sở đánh nước Quân, vây nước Sào, chẳng còn sợ nể ai, dần dần quân tới Trịnh, tới Vệ. Cho nên Vệ, nhân Lỗ Công đi tới Tấn, mà gặp Lỗ Công ở Đạp. Trịnh, nhân Lỗ Công ở Tấn về, mà gặp Lỗ Công ở Phỉ, để nhờ cậy Lỗ mà được gần Bá Chủ Tấn. Nhưng Vệ, Trịnh không dám trực tiếp với Tấn, mà phải qua Lỗ, là vì Lỗ với Tấn rất hòa mục, đi lại rất thân, Tấn mạnh yếu thế nào đã rõ. Theo kế dễ làm, là nhờ Lỗ. Cho

nên năm sau, mới có hội thể ở Tân Thành, đó là ý năm nay Vệ và Trịnh muốn gặp Lỗ Công. Vì thế, trong kinh, cả ba nước, không có lời chê.

Lý Liêm - Hội ở Đạp, ở Phi, là Vệ Trịnh không quên Tấn Bá chủ, mà nhờ Lỗ để được thông hiếu, cứ coi lại bài Hồng nhận, bài Tài Trì, thì rõ tình ý.

Năm Mậu Thân - Vua Khoảnh Vương, năm thứ 6.

十 有 四 年
THẬP HỮU TỬ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tấn Linh, năm thứ 8. Tề Chiêu, năm thứ 20. Vệ Thành, năm thứ 22. Thái Trang, năm thứ 33. Trịnh Mục, năm thứ 15. Tào Văn, năm thứ 5. Trần Linh Công. Bình Quốc năm đầu. Kỳ Hoàn năm thứ 24. Tống Chiêu năm thứ 7. Tần Khang, năm thứ 8. Sở Trang Vương, Lữ năm đầu.

春 王 正 月
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 14. Mùa xuân. Vua Khoảnh Vương mất. Chu Công là Duyệt cùng với Vương tôn là Tô tranh quyền. Cho nên không cáo phó. Phàm vua mất mà không cáo phó, thì Xuân Thu không chép. Các việc họa phúc mà không báo cáo, Xuân Thu cũng không chép. Để chê sự bất kính.

公 至 自 晉
CÔNG CHÍ TỰ VẤN
LỖ CÔNG TỪ NƯỚC TẤN VỀ

Cao Kháng - Lỗ Công từ đầu mùa đông, rời nước đi tới nước Tấn, nhân dịp hội với nước Vệ. Đã hội thể ở Tấn xong trở về,

thì lại hội với Trịnh ở giữa đường, lâu ngày thành ra vắng coi việc triều chính. Chép "về đến" để rõ.

鄉人伐我男鄙叔彭生帥師伐鄉

**CHÂU NHÂN PHẠT NGÃ NAM BÍ THỨC BÀNH SINH
SUẤT SƯ PHẠT CHÂU**

**NGƯỜI NƯỚC CHÂU ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA NAM NƯỚC TA
THỨC BÀNH SINH CẨM QUÂN ĐÁNH CHÂU**

Tả Thị - Châu Văn Công mất. Lỗ Công sai sứ tới điều tang. Sứ tỏ vẻ bất kính. Người Châu mới tới đánh biên giới phía Nam nước ta. Vì thế Huệ Bá, Thúc Bành Sinh đánh Châu.

Gia Huyền Ông - Lỗ Văn Công năm thứ 7, đánh Châu, chiếm ấp Tu Câu. Người Châu không báo thù được, đến nay mới hưng binh đánh biên giới phía Nam. Tả Thị bảo là người Châu đánh Lỗ vì sứ Lỗ điều tang bất kính. Xét một nước nhỏ dẫu dám trách về lễ một nước lớn, để gây thù oán. Xuân Thu chép luôn hai việc để cùng trách.

Quý Bản - Đây là Thúc Trọng Bành Sinh. Sốt chữ trọng.

夏五月乙亥齊侯潘卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ẤT HỢI, TÊ HẦU PHAN TỐT

**MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY ẤT HỢI TÊ HẦU
TÊN LÀ PHAN MẤT**

Tả Thị - Từ Thúc Cơ nước Lỗ lấy Tê Chiêu Công sinh con là Xá. Thúc Cơ không được vua sủng ái, thành ra Xá không có uy thế. Một công tử con Hoàn Công, tên là Thương Nhân, rộng giao du, thu thập kẻ sĩ trong nước, huy hoác hết cả của cải, phải vay của vua, của các quan, để cố theo dõi. Mùa hạ, tháng 5. Chiêu Công mất. Xá lên ngôi.

六月公會宋公陳侯鄭伯晉趙盾癸酉
同盟于辛城

**LỤC NGUYỆT, CÔNG HỘI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,
TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, TẤN TRIỆU THUẦN,
QUÍ DẬU, ĐỒNG MINH VU TÂN THÀNH.**

**THÁNG SÁU, LỖ CÔNG HỘI VỚI TỔNG CÔNG, TRẦN HẦU,
TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, TẤN TRIỆU THUẦN, NGÀY
QUÝ DẬU, HỘI THỂ, TẠI TÂN THÀNH, TRÊN ĐẤT NƯỚC TỔNG**

Tả Thị - Tháng sáu, đồng minh tại Tân Thành. Các nước xưa nay, theo Sở, nay phải theo về Tấn. Hội còn bàn đến công việc nước Châu.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu tháng bảy, đêm ngày Ất Mão, Tề Thương Nhân giết Xá, rồi nhường ngôi cho anh là Nguyên. Nguyên nói: "Đã lâu, người định truất Xá, ta có thể thờ người làm vua, người không thể nhường nhịn lâu được. Liệu có dung ta không. Thôi thì người lên ngôi".

Cốc Thị - Chữ đồng, cùng là có việc đồng. Tức là việc cùng chống nước Sở.

Hồ Truyện - Đồng minh ở Tân Thành. Đồng (cùng) để Sở ra ngoài hội. Dùng chữ đồng, cùng là ghi việc chư hầu cùng muốn, chứ không phải đồng minh để cùng mạnh. Tống Công, Trần Hầu, Trịnh Bá, có mặt tại hội, thì biết rằng khi Sở dùng quân ở Quyết Mạch, ba nước Tống, Trần, Trịnh, tuy theo, mà thực Sở không phục nổi, cho nên không chép, mà đọc tự hiểu. Còn như nước Thái mà không hội thể, thì biết là thực đi với Sở. Nay xét kỹ công việc làm ăn nước Tấn, nước Sở thì chưa thấy có gì là khác nhau lắm. Mà Xuân - Thu thì chép như thế. Biết là Sở đã tiếm tước Vương, nếu Tấn lại cùng Sở đồng minh, để lảng miệt chư hầu, tức là thay Chu cùng làm chủ, không còn nghĩa vua tôi nữa. Cho nên, cần thận là phải.

秋室月有星孛入于北斗
THU, THẤT NGUYỆT, HỮU TINH BỆT
NHẬP VU BẮC ĐẤU

MÙA THU, THÁNG BẢY, CÓ SAO CHỐI
LÂM VÀO PHẬN SAO BẮC ĐẤU

Tả Thị - Có sao Chối lâm vào phận sao Bắc Đẩu. Quan Nội Sử nhà Chu là Thúc Phục nói: Không quá bảy năm, vua các nước Tống, Tề, Tấn, đều chết giữa cảnh loạn.

Công Thị - Bệ là sao chổi, Chép là lâm vào, tức là mọc trong khoảng. Sao lại chép? Vì việc lạ.

Cốc Thị - Chữ Bệ như chữ Phát. Sao Phát vào Bắc Đẩu, tức là vào khu vực Bắc Đẩu.

Phạm Ninh - Đặt sao Bệ ở nơi sao lớn, và ở phương Đông, thì không gọi là vào. Đây chép là vào, tức là Bắc Đẩu có khu vực, vào khoảng giữa vậy. Lưu Hưởng có nói rằng, Bắc Đẩu là sao quý, tượng trưng cho vua, sao Phát là loại loạn thần, tà thần, đứng một chỗ là tượng giết vua.

Khổng Đình Đạt - Thích Thiên có nói, sao chổi gọi là sao Sầm Thương. Quách Phác thì bảo là yêu tinh, hoặc Bệ tinh, hình dáng như cái chổi để quét. Tuệ tinh dài mà có đuôi, lâm vào giữa khoảng Bắc Đẩu.

Hoàng Chấn - Lý Thuần Phong nhà Đường, tính đường đi của sao Bệ, có nói sao đó ở nơi sao Giốc, từ sao Tiêu đi vào sao Đẩu. Tháng đó, từ phía Bắc đi vào. Tấn ở phía Bắc. Tề, Tống ở phía Đông nước Tấn. Cho nên Tấn, Tề, Tống đều cùng có ảnh hưởng. Số sao là bảy, cho nên bảo là bảy năm.

公 至 自 會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỬ HỘI VỀ LỖ

晉 人 納 捷 芟 于 鄴 弗 克 納

TẤN NHÂN NẠP TIỆP CHI VU CHÂU, PHÁT KHẮC NẠP
NGƯỜI TẤN ĐƯA TIỆP CHI VÀO NƯỚC CHÂU, ĐỊNH GIÚP
CHO LÊN NGÔI, NHƯNG KHÔNG XONG,
KHÔNG ĐƯỢC DÂN THUẬN

Tả Thị - Tê Khương, nguyên phi (vợ đầu) của Châu Văn Công, sinh ra Định Công. Phi thứ hai là Tấn Cơ, sinh ra Tiệp Chi. Văn Công mất, người nước Châu lập Định Công. Tiệp Chi chạy trốn sang nước Tấn. Triệu Thuần nước Tấn lấy quân chư hầu, có đến tám trăm chiến xa, để đưa Tiệp Chi về làm vua nước Châu. Người Châu từ tạ nói rằng, người con do Tê Khương, tức là **Quốc Thư** (Định Công), lớn hơn, Tuyên Tử cho từ tạ là thuận, không nghe, là bất tường. Thế là kéo quân về.

Phụ Lục Tả Truyện - Chu Công (tôn thất là Chu), sắp kiện Vương Tôn Tô (cũng là tôn thất), kiện tại nước Tấn. Vua Chu thì ghét Vương Tôn Tô, sai hai người sứ tới Tấn là **Doãn Thị** và **Đam Khải**, để giải bày cho Chu Công. Triệu Tuyên Tử giảng hòa được. Chu tôn thất, thế là yên.

Sở Trang Vương lên ngôi. Từ Khổng, Phan Sùng muốn đi vây chiếm các nước Thư. Mới sai Công Tử Tiệp cùng Tử Nghi ở lại giữ kinh đô, rồi đi đánh Thư Liêu, Tiệp và Nghi làm loạn đập thành Dinh rồi sai giặc giết Từ Khổng. Quân Sở đánh Thư Liêu không được, quay về. Tháng tám, Tiệp và Nghi đem vua Sở rời kinh đô, đến ở Thương Mật, Lư Tiệp Lê, và Thúc Quân dùng mưu dụ tới giết cả hai công tử Tiệp và **Đấu Khắc** (Tử Nghi).

Xưa, **Đấu Khắc**, còn bị tù ở Tấn, Tấn bị thua ở trận Hào, mới cho Khắc về Sở và cầu hòa, Khắc đề nghị được hòa. Nhưng không được triều đình thương công, còn công tử Tiệp thì xin làm lệnh doãn không được. Vì thế, hai người làm loạn.

Công Thi - Nói là nạp Tiệp Chi. là đưa Tiệp Chi, Chép là phát khắc nạp, không được dân thuận, là làm cho to chuyện, cho chuyện thành quan trọng. Tấn Khích Khuyết cầm quân, có đến 800 chiến xa để đưa Tiệp Chi vào nước Châu Lâu, xem thế là sức có thừa. Người Châu Lâu nói: "Tiệp Chi, có mẹ người Tấn, Quốc Thư có mẹ người Tề. Hai người không hơn kém nhau mấy. Nếu lấy thế nước lớn áp bức thì chưa chắc Tề, Tấn ai được, Quý thì cùng quý. Tuy nhiên, Quốc Thư lớn tuổi". Khích Khuyết nói: "Không phải sức ta không thể làm được cho lên ngôi, nhưng nghĩa thực không nên". Thế là kéo quân về, cho nên người quân tử cho là quan trọng việc tự chối không ưng nạp, là do ở Khích Khuyết.

Sao lại chép là người (người Tấn). Là chê. Không cho đại phu được chuyên quyền phế lập vua. Sự thực chính là cho, mà lời văn chép cứ không cho, vì theo nghĩa, đại phu không được chuyên quyền phế lập.

(Công Thi viết chữ Tiệp Chi ra chữ Tiệp Chi).

Cốc Thi - Đây là Khước Khắc. Chép là người là chê. Năm trăm chiến xa, đi xa ngàn dặm, qua các nước Tống, Trịnh, Đằng, Tiết, thâm nhập vào một nước chư hầu, muốn thay đổi vua nước người ta. Khi tới chân thành, mới nghĩ ra. Sao nghĩ ra chậm thế. Không nạp được. Chưa đánh mà sao đã nói là không nạp được. Chỉ là nghĩa không nạp được. Tiệp Chi, mẹ là người Tấn, Quốc Thư, mẹ là người Tề. Quốc Thư là chính, Tiệp Chi không phải là chính.

Xét - Kinh chép: Không xong việc, là khen. Còn chép chữ nhân, người, người Tấn, là chê. Đại phu đem quân đội làm việc phế lập ở một nước chư hầu, đem người không chính để cướp người chính, dù nghĩ ra, thấy nghĩa, mà thôi, thì vẫn là có tội. Cho nên Cốc Lương trách việc "nghĩ ra chậm", mà Lưu Sưởng thì cho là không khỏi được lời chê. Công Dương tuy cho là chê, mà thực chỉ cho là văn chê, chứ thực không chê, thế thì thánh nhân còn răn dạy được ai, làm cho nghìn đời sau, cứ học văn lại phải xét sự thực, văn và thực đâu có trái nhau. Hồ Truyền thì theo Triệu Khuông bảo là chép nhân, người, vì có kiêng, bàn như thế, dường như sai nguyên tác Kinh Xuân Thu.

九 月 甲 申 公 孫 敖 卒 于 齊

**CÚU NGUYỆT, GIÁP THÂN,
CÔNG TÔN NGAO TỐT VU TÊ
THÁNG CHÍN, NGÀY GIÁP THÂN,
CÔNG TÔN NGAO MẤT TẠI NƯỚC TÊ**

Tả Thị - Mục Bá (Công Tôn Ngao) đi theo Kỷ Thị. Người Lỗ lập Văn Bá thay. Mục Bá có hai con sinh ra ở nước Cử, xin về Lỗ. Văn Bá xin hộ. Tương Trọng cho về Lỗ, nhưng không cho vào triều. Mục Bá về, cứ ở nhà, không ra khỏi cửa. Được ba năm, lại đem cả nhà sang nước Cử. Văn Bá ốm, xin với vua: "Con tôi còn nhỏ. Tôi xin cho em là Nan thay làm chủ họ". Vua chấp thuận. Văn Bá mất. Nan tức Huệ Thúc thay. Mục Bá hồi lộ rất nhiều để được trở về Lỗ. Huệ Thúc cố xin vua được. Mục Bá sửa soạn về thì tháng chín mất ở Tê. Cáo tang. Xin làm lễ táng (chôn). Không được.

Cốc Thị - Đại phu đã chạy trốn thì không chép lúc mất. Đây sao chép. Vì còn phải để tang thì không thể không chép lúc mất được. Còn như nơi mất là ở nước ngoài.

齊 公 子 商 人 弑 其 君 舍

**TÊ CÔNG TỬ THƯƠNG NHÂN THÍ KỲ QUÂN XÁ
CÔNG TỬ THƯƠNG NHÂN NƯỚC TÊ GIẾT VUA LÀ XÁ**

Tả Thị - Người Tê định xong ngôi vua là Ý Công, mới sai tới Lỗ báo nạn. Cho nên chép là tháng chín. Tê, công tử Nguyên, không ưa chính trị của Ý Công, không gọi là Công, chỉ cứ gọi là họ Kỳ.

Công Thị - Đây là vua chưa qua năm. Sao lại chép "vua tên là Xá". Tức là lập làm vua, rồi giết di. Vậy đã coi trọng khi chết và coi thường khi sống.

Cốc Thị - Xá chưa qua năm, mà sao chép là vua? Là công nhận Xá là vua để cho nặng tội. Thương Nhân giết vua. Sao không chép là họ nhà vua. Là không lấy hiềm thay hiềm. Sao Xá chết không ghi ngày. Vì chưa thành vua.

Xét - Giặc thí nghịch, tức là giặc giết vua, hoặc lấy nước làm họ, hoặc xưng là công tử, Công Tôn, nên cứ theo thuyết của Trình Tử. Hồ Truệ về Châu Hu thì nói rằng có liên lụy đến người trên, về Thương Nhân, thì nói rằng, chỉ ở một mình, bàn như Hồ thế là sai, không phải lời nghị luận xác đáng, cho nên bỏ. Thuyết Trình Tử năm thứ tư Ân Công rất là rõ.

宋子哀來奔

TỔNG TỬ AI LAI BỐN

TỬ AI NƯỚC TỔNG CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Cao Ai nước Tống giữ chức phong nhân đất Tiêu, nghĩa là giữ cửa quan ải đất Tiêu, rồi làm đến chức Khanh là quan to, hàng nhất. Vì không ưng hành vi của vua. Cao Ai bỏ nước đi, rồi chạy sang Lỗ, Kinh chép Tống Tử Ai chạy tới, thế là khen.

Công Thị - Tống Tử Ai là ai? Không nghe thấy nói đến.

Cốc Thị - Chép là Tử Ai, chắc là sử thiếu sót.

Gia Huyền Ông - Đồ Thị cho Tử Ai là tên tự, cố cho là đáng khen. Như tôi, thì lấy làm nghi. Tống Công mà không có tài đức làm vua thì có loạn. Tử Ai ví như không ở vị cao, thì có thể muốn cho thân mình được trong trắng, cứ ra đi, như thế còn được. Nhưng đã giữ chức Khanh, mà tới nạn thì bỏ, để riêng mình thoát nạn, thế là làm tôi bất trung, còn tội nào to hơn. Thế mà bảo rằng Xuân Thu quý không chép tên, thánh nhân đâu có làm phép cho đời như thế.

Xét - Tả Thị cho rằng Tử Ai là tên tự, chép tên tự là được khen. Các nhà bình luận đều theo thuyết đó. Riêng Gia Huyền Ông bao là tới nạn, thì riêng mình thoát nạn, chả có gì đáng quý. Bàn luận thế là chính lí, cho nên giữ lại đây.

冬 單 伯 如 齊 齊 人 執 單 伯

ĐÔNG, THIỆN BÁ NHƯ TÊ, TÊ NHÂN CHẤP THIỆN BÁ
MÙA ĐÔNG, THIỆN BÁ TỚI NƯỚC TÊ, NGƯỜI TÊ BẮT
THIỆN BÁ

Hồ Truyền - Vua Tê tên là Xá, là cháu ngoại nước Lỗ. Thương Nhân giết Xá, vì thế sợ Lỗ. Lỗ sai Thiện Bá tới Tê. Người Tê muốn làm cho Lỗ nhục, mới bắt Thiện Bá.

齊 人 執 子 叔 姬

TÊ NHÂN CHẤP TỬ THÚC CƠ
NGƯỜI TÊ BẮT TỬ THÚC CƠ

Tả Thị - Tương Trọng sai sứ báo cáo Thiên Tử, và xin vua đòi Tê Chiêu Cơ (tức là Tử Thúc Cơ, con gái vua Lỗ, vợ Tê Chiêu Công, mẹ vua Tê, Xá). Tương Trọng sai sứ tâu rằng: "Đã giết con, thì mẹ còn ra gì. Xin đòi mẹ về hỏi tội". Mùa Đông, Thiện Bá, tới Tê, xin Tử Thúc Cơ. Người Tê bắt Thiện Bá, và bắt cả Tử Thúc Cơ.

Công Thị - Việc bắt người, khi thì chép rõ là sứ giả, khi thì không nói là sứ giả. Khi ghi là sứ giả, là vì việc công mà bắt. Khi không ghi là sứ giả, là riêng bắt người. Tội Thiện Bá là gì. Là tội dâm, thông dâm với Tử Thúc Cơ. Nhưng sao không nói là người Tê bắt Thiện Bá và Tử Thúc Cơ. Là Sứ Lỗ chép, coi như việc lạ.

Cốc Thị - Đây là tội riêng, tội tư, tội Thiện Bá dâm ở nước Tê. Người Tê bắt Thúc Cơ cùng một tội.

Hồ Truyền - Tử Thúc Cơ là mẹ vua Tê, tên Xá. Giết vua, bắt mẹ vua đều là Thương Nhân. Chép là người Tê bắt là tại sao. Cái tội Thương Nhân giết vua đã rõ lắm rồi, mà người Tê theo về phe giặc thì chưa thấy rõ. Thương Nhân xưa nay rộng thi ân, phát nhiều của cải cho dân chúng, sĩ phu, mua chuộc nhiều người nước Tê, che đậy được việc ác. Người Tê nhớ ơn riêng Thương Nhân, quên hân nghĩa vua tôi trong nhân luân. Không biết đánh

kẻ giết vua, để giặc bắt mẹ vua, mà không biết cứu. Thế thì toàn người nước Tề, đều là có tội, không thể tha được. Thiết sử, có người, giữa triều đình, nghiêm sắc mặt, thì ai muốn giết vua, bắt mẹ vua, mà không phải ngó tới người đó trước đã. Cho nên Thánh nhân chép rằng: người Tề bắt Tử Thúc Cơ, sợ di để cho vào một bọn đảng giặc, để cùng trị tội. Trị tội thế là nghiêm. Vì thế mới có lời bàn là Xuân Thu soạn xong mà loạn thần tặc tử sợ.

Lưu Sưởng - Ta Thị bàn rằng. Thiên Tử sai Thiện Bá tới nước Tề. Ta Thị nói sai, nếu Thiện Bá là đại phu triều Chu, thì sao năm sau lại chép Thiện Bá tự nước Tề tới. Công Dương thì bảo là Thiện Bá thông dâm, Công Dương nói sai. Xét vua Xá nước Tề làm vua, chưa qua năm, người Lỗ đầu đã vội đem con về. Túng sử đời cô suy, còn trong tang mà cưới xin, thì Xuân Thu đã chép là Tử Thúc Cơ quy ơ Tề.

Cốc Lương thì bao tội riêng. Cũng sai, sao không theo lối bình luận Trần Viên Đào Đồ nước Tề, hoặc Sái Trọng nước Trịnh, mà cất ghĩa chữ người (người Tề).

Trình Tử - Cái tội Thương Nhân giết vua đã rõ rệt, mà việc bắt Thúc Cơ thì Thánh nhân không buộc tội riêng một Thương Nhân. Người Tề không đánh giặc, đều thờ là vua, để cho lại dám bắt mẹ vua, thế thì người Tề cũng cùng có tội cho nên chép người Tề.

Triệu Bàng Phi - Xá đã chết. Thiện Bá tới Tề thăm viếng Thúc Cơ. Con đã bị giết, mẹ ở yên ở Tề làm gì. Con đã chết, thì Khương quy về Tề. Xá đã bị giết thì Khương quy về Tề. Xá đã bị giết, thì Thúc Cơ quy về Lỗ. Cái thế phải nên như vậy. Tuy nhiên, Tề lấy cớ gì mà bắt Thiện Bá và Thúc Cơ. Xét đứa ăn trộm vẫn làm nghề ăn trộm, thế mà có người biết, thì nó vẫn quắc mắt nhìn, mà giận người ta. Nay Xá chết. Thương Nhân đầu có nói thẳng: ta giết đây, tất đặt ra lời nói khác. Thương Nhân đã đặt ra, mà Thiện Bá lại cứ thẳng nói sự thực. Thúc Cơ thì minh chứng. Vì thế, Thiện Bá, Thúc Cơ bị bắt. Thương thay, mẹ Xá cũng là mẹ Thương Nhân. Giết con, bắt mẹ, thế là Thương Nhân tự bắt mẹ mình. Công Thị Cốc Thị lấy tội dâm

bàn luận, thì không hiểu văn Kinh, không xét rõ sự thực, thật là đại dột.

Xét - Tả Thị chép là Tương Trọng sai tâu với Thiên Tử, xin mệnh vua để đòi Chiêu Cơ. Nhân ở Triều nhà Chu có Thiên Tử, rồi nghĩ Thiện Bá là bầy tôi của Thiên Vương Công Dương nhân Thiện Bá không chép là hành nhân (sứ thần) nghĩ là tội riêng Thiện Bá. Lại nhân Kinh chép bắt Thiện Bá và bắt Tử Thúc Cơ, hai câu liền nhau, rồi nghĩ là thông dâm. Cốc Lương không xét, cũng bảo Thiện Bá riêng có tội, Tử Thúc cùng cùng tội ấy, hai Truyện đã sai bậy, lại dựa vào Tả Thị càng thêm bậy.

Cái chức Hành nhân, sứ thần, thuộc về bộ Tả Tư Khấu có chuyên viên. Phàm đã phụng mệnh đi sứ thì phải gọi là Hành nhân (sứ giả). Bị bắt mà không gọi là Hành nhân, lại cho là có tội riêng tư, cố tìm móc ở Kinh ra, thì có nghe được không. Sái Trọng mà dụ người ta để bắt, vốn không phải tội riêng mà Kinh không chép là Trịnh Hành nhân. Nhạc Kỳ Lê lấy việc uống rượu bắt, vốn là tội tự mình mà Kinh chép là Tống Hành nhân, đâu có phải cứ có chức quan Hành nhân mới chép là Hành nhân. Nhầm lấy sự không chép chữ Hành nhân, cho là có tội tư, riêng, tìm ra tội mà không ra, lại vu cho là thông dâm, để cho Thúc Cơ bị tiếng oan, không thân oan được, như thế thì sách còn để dạy ai. Nay lấy thuyết của Lưu Sưởng làm chủ, mà ba truyện đều bỏ đi.

Hai lần Kinh chép “người Tề”, Triệu Bằng Phi cho là biếm chê Thương Nhân, Hồ An Quốc, cho là buộc tội người nước Tề, Trình Tử thì dùng cả hai thuyết Triệu và Hồ. Theo nghĩa thế mới đủ.

Năm Kỷ Dậu. Vua Khuông Vương năm đầu.

十 有 五 年
THẬP HỮU NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 15

Tân Linh năm thứ 9, Tề Ý Công Thương Nhân năm đầu,

Vệ Thành năm thứ 23, Sái Trang năm thứ 34, Trịnh Mục năm thứ 16, Tào Văn năm thứ 6, Trần Linh năm thứ 2, Kỷ Hoàn năm thứ 25, Tống Chiêu năm thứ 8, Tần Khang năm thứ 9, Sở Trang năm thứ 2.

春季 孫 行 斧 如 晉

XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHU TẤN

MÙA XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ TỚI NƯỚC TẤN

Tả Thị - Năm thứ 15. Mùa Xuân Quý Văn Tử tới nước Tấn, vì việc Thiện Bá và Tử Thúc Cơ.

Trương Hiệp - Nước Lỗ không tổ chức được chính pháp, hình pháp cho hay, dễ vì nghĩa đánh Tề, mà phải nhờ thế Tấn, để xin việc Tề Hàng Phu là đại phu, mà không biết đánh đũa giặc giết vua. Nước Tấn làm minh chủ, mà không biết xin mệnh Thiên Tử đánh Thương Nhân. Tất cả đều là có tội.

三月 宋 司 馬 華 孫 來 盟

TAM NGUYỆT, TỔNG TƯ MÃ HOA TÔN LAI MINH

THÁNG BA, TƯ MÃ NƯỚC TỔNG, LÀ HOA TÔN, TỚI LỖ THỂ

Tả Thị - Tháng ba, Hoa Ngẫu (Hoa Tôn) tới thể. Các quan đi theo. Xuân Thu chép Tổng Tư Mã Hoa Tôn là tỏ ý quý. Lỗ Công thết tiệc. Hoa Tôn từ tạ nói: "Bây tôi ngài, là đốc (ông cha Hoa Tôn) đã có tội với Tống Thương Công, tên còn trong các sử chư hầu. Thần vẫn cùng tể. Đâu dám nhận vinh dự nhà vua ban. Chỉ xin nhận mệnh ở nơi một đại phu". Người Lỗ cho là Hoa Tôn có đức mẫn (sáng trí).

Cốc Thị - Tư Mã là chức quan. Chép chức quan, tức như coi là vô quân. Tới thể là thể nào? Là đã định trước. Là thay cho nước.

Lưu Sưởng - Tả Thị chép, Tống Hoa Ngẫu lại thể, các quan đi theo, Tả Thị chép sai. Theo Chu lễ. Chư hầu lễ sinh nhau, số sử già có hạn định. Chưa từng thấy nói: Các quan đi theo, cho là hợp điển lễ.

Xét - Trong Xuân Thu, việc tời thể mà không chép là sử giả, thì có ba trường hợp: Cao Tử, Khuất Hoàn, Hoa Tôn, Hồ Truyền, về việc Khuất Hoàn, Cao Tử không chép sử giả, cho là quyền ở Khuất, quyền ở Cao Tử. Khen về tài là việc theo lẽ phải, mà định được loạn thì có Hoa Tôn. Nay không gọi là sử, mà cho là chuyện quyền, là vô quân, tại sao thế. Cái thuyết vô luân bắt đầu nói từ Cốc Lương. Tuy nhiên, Cốc Lương cho cách chép quan chức là to ý hạng vô quân, nhưng chưa thường thấy không chép chữ sử mà là ý cho là vô quân. Xét ra, chỉ tại vì, vua tời, vua hèn, không biết sai sử đi giao hiếu, mà Hoa Tôn có tài tự làm hết phận sự trong chức vụ cho nên chép bằng quan tước. Chữ đầu có bảo rằng Hoa Tôn có tâm vô quân. Cho nên tự đi không ngại, không dợi được vua sai.

Hồ Truyền thì bảo là chép Hoa Tôn là tại từ khi Đốc giết vua Thương Công, chư hầu ăn hối lộ, tha giặc không đánh, cứ để cầm chính nước, rồi đời sau giữ lấy binh quyền, tức là điều mà Xuân Thu cho là cầm kỳ. Cho nên Truyền chép: "Xin theo mệnh các đại phu". Mà Kinh thì chép câu: "Tổng Tư Mã Hoa Tôn lại thể". Xét chép chữ Hoa Tôn thì cũng như loại Quý Tôn, Thúc Tôn, Trọng Tôn, Tang Tôn. Cứ theo ý nghĩa Xuân Thu, thì muốn cho đời sau chọn người hiền, hay con cháu công thần, mới giao cho giữ quốc chính. Bàn như thế cũng là không phải.

Kinh đối với bảy tời nước Lỗ. Chưa thấy chép thẳng là Quý Tôn, Thúc Tôn, Trọng Tôn, Tang Tôn, mà không kèm theo tên. Bảo là cứ chọn người hiền, cứ lấy con cháu công thần làm quan, cũng vị tất đã hợp với nghĩa của Thánh nhân. Cho nên sách nào mà cứ theo Hồ thì đều bỏ.

Cốc Lương cho "lại thể" là đã định trước. Đồ thị thì cho là tời Lỗ. Rồi sau mới "định" việc thể, hai thuyết không giống nhau. Vậy lấy Tả thị làm chính, làm đúng.

夏 曹 伯 來 朝

HẠ, TÀO BÁ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, TÀO BÁ LAI CHẦU

Tả Thị - Mùa hạ, Tào Bá lại chầu. Thế là đúng lễ. Chư hầu cứ năm năm chầu nhau. Để xem xét mệnh vua. Đó là phép xưa.

Lưu Suồng - Tào Bá lại chầu. Tả Thị bao là đúng lễ, chư hầu cứ 5 năm lại chầu nhau, để tu sửa mệnh vua, đó là theo phép cổ. Tả Thị đã nói sai. Xét trong Kinh thư, về Chu quan, thì trong 6 năm, các quan đứng đầu năm coi đến chầu ở Kinh đô một lần, (năm coi: do chữ ngũ phục, Hầu, diện, nam, thái, vệ, muốn hiểu cho rõ, coi Kinh Thư) Tại 6 năm sau, vua đi tuần thú các nước. Còn chư hầu thì 5 năm một lần tới chầu Thiên Tử, chứ không phải chư hầu chầu nhau. Vả lại cứ lấy việc thời sự trong Xuân Thu mà xét, thì Tào là một nước nhỏ, đã chầu Lỗ thì cũng phải chầu Tấn, Tống, Vệ. Đến Sở, Trịnh, Trần, Kỳ, Tân, Tề, Sái, Đằng, cũng phải tới chầu. Chầu như thế, thì sao cho hết được. Lễ lấy ở đâu ra thế. Chế ở đâu ra thế? Theo Chu lễ, chức vụ của sứ gia là: Phàm chư hầu có việc giao thiệp với nhau, bang giao thì hàng năm thăm nhau, lễ sinh nhau, đời đời chầu nhau. Như thế là được vừa phải.

齊 人 歸 公 孫 敖 之 喪

TÊ NHÂN QUY CÔNG TÔN NGAO CHI TANG

NGƯỜI TÊ CHO ĐƯA TÁNG (ĐƯA MA, ĐƯA XÁC)

CÔNG TÔN NGAO VỀ NƯỚC

Tả Thị - Người Tê hoặc giả vì họ Mạnh (họ Công Tôn Ngao) nước Lỗ, bàn định với họ Tôn thất Tê rằng: "Họ Mạnh vốn có họ với nhà vua Tề, ta cứ trang sức áo quan đặt ở Đường Phụ (một ấp ở biên giới Tề gần Lỗ). Người Lỗ tất là đem về". Đề nghị được chấp thuận. Người Lỗ ở ấp Biện (ở biên giới) báo cáo về Kinh. Huệ Thúc, (Công Tôn Ngao) dương đại tang, vào đứng trong triều xin. Được phép, đi đón cữu về. Người Tề tiễn đưa.

Kinh Xuân Thu chép: “Người Tề đưa tang Công Tôn Ngao về”. Đó là vì họ Mạnh ở Lỗ, mà cùng là vì nước Tề. Lễ chôn Công Tôn Ngao cũng giống lễ chôn Cung Trọng. Thanh Kỳ (vợ Ngao, mẹ Huệ Thúc), không muốn nhìn cữu, chỉ đứng sau màn làm lễ khóc. Tương Trọng (người em mà bị Ngao cướp vợ) muốn bỏ lễ khóc. Huệ Bá, (Thúc Bành Sinh) nói: “Tang là phần việc cuối cùng trong thân thích. Dù không được cùng nên có chung. Sử Dật có nói: Anh em giúp nhau việc hay, cứu nhau khi thiếu thốn, mừng nhau khi hưng thịnh, thăm hỏi nhau khi tai nạn, tế thì kính, tang thì ai, tính dù không giống nhau, tình không nên tuyệt. Đó là đạo người thân thích đối với nhau. Ngài không nên bỏ đạo, oán người ta làm gì”. Tương Trọng nghe ra, giống già các anh em làm lễ khóc.

Hai người con của Ngao sinh ở nước ngoài, một năm sau trở về Lỗ. Mạnh Hiến Tử rất yêu quý, trong nước đều biết. Nên có người gièm là hai người sắp giết Mạnh Hiến Tử. Hiến Tử nói với Quý Văn Tử. Hai con nói: “Phụ tử yêu chúng ta ai cũng biết. Chúng ta bị tiếng là muốn giết Phụ tử. Thế thì còn lễ nghĩa gì? Thôi chết còn hơn thiếu lễ”. Thế là một người chết về việc chống giặc ở cửa thành Câu Manh; một người chết về việc chống giặc ở cửa thành Lệ Khu. Câu Manh, Lệ Khu là ấp nước Lỗ.

Công Thị - Sao không chép là tới. Vì sử trong nước chép. Bất buộc ta đưa về. Lấy xe bằng tre đưa về.

Lưu Suồng - Công Dương nói: Lấy xe bằng tre đưa về. Xét: Ngao chết gần tháng mười. Đâu có để lên xe tre mà đi được. Không có lý.

六月辛丑朔日有食之鼓用牲于社

LỤC NGUYỆT, TÂN SỬU, SÓC NHẬT HỮU

THỰC CHI, CỔ DỤNG SINH VU XÃ

THÁNG 6, NGÀY TÂN SỬU, MỪNG MỘT CÓ NHẬT THỰC,

ĐÁNH TRỐNG VÀ CÚNG TAM SINH TẠI NỀN XÃ

Tả Thị - Tháng 6, ngày Tân Sửu, mừng một, có nhật thực. Đánh trống và cúng tam sinh tại nền xã. Thế là phi lễ, Khi

có nhật thực, thì Thiên Tử ăn không đủ bữa, cho đánh trống tại nền xã. Chư hầu thì cho đánh trống tại nền xã, cho đánh trống tại triều, để tỏ rõ việc thờ thần, dạy cho dân việc thờ vua, cho dân biết chia thứ bậc. Đó là theo đạo xưa.

Xét - Năm đó có nhật thực, cùng với Trang Công năm thứ 25. Xuân Thu chép giống nhau, mà Tả Thị thì trước sau lời có khác. Tại sao Tả Thị lấy tháng chính dương cứu mặt trời thì đánh trống. Tháng 6 nhà Chu là tháng 4 nhà Hạ, thế là tháng chính dương Trang Công, năm thứ 25. Kinh chép là tháng 6, mà vốn không phải là tháng 6, cho nên bảo là phi thường. Năm nay, thực là tháng 6, cho nên đánh trống là nên là phải. Có không phải là đáng đánh ở triều, thì lại đánh ở nền xã, không dùng vãi lụa, lại dùng tam sinh. Cho nên bảo là phi lễ.

單伯至自齊

THIỆN BÁ CHÍ TỰ TẾ

THIỆN BÁ TỪ NƯỚC TẾ VỀ LỖ

Tả Thị - Người Tể sợ Tấn phải cho Thiện Bá về. Để cho về Lỗ phục mệnh. Xuân Thu chép. Từ nước Tể về Lỗ là khen.

Cốc Thị - Đại phu bị bắt, lúc về chép là chí, lại chép tên. Đây không chép tên là tại sao? Tại đây là Thiên Tử mệnh cho đại phu đi.

Trương Hiệp - Nếu cứ như thuyết của Tả Thị, thì Thiện Bá là đại phu Triều Chu. Vậy đây là nước Tể bắt sứ của Thiên Tử. Xuân Thu đã không chép là từ Chu tới nước Lỗ, lại chỉ chép việc về đến Lỗ (chỉ Lỗ) mà thôi, không chép là về Kinh đô Chu. Thế là cho cùng với tôi con vua Lỗ, không phân biệt đại phu Lỗ, đại phu Chu. Mà cũng không làm cho sáng tỏ người Tể bắt sứ của Thiên Tử. Biện bạch trên dưới để đúng nghĩa tôn Chu Xuân Thu đâu có thế.

Vương Bảo - Đại phu trong nước đi ra nước ngoài, không cứ xa, không cứ lâu, khi về chưa thường chép chữ chí. Duy bị bắt mà lại được về, thì chép chữ chí.

晉郤缺帥師伐蔡戊申入蔡
TẤN KHÍCH KHUYẾT SUẤT SƯ PHẠT SÁI
MẬU THÂN, NHẬP SÁI

TẤN KHÍCH KHUYẾT CẨM QUÂN ĐÁNH NƯỚC SÁI,
NGÀY MẬU THÂN VÀO QUỐC ĐÔ NƯỚC SÁI

Tả Thị - Hội Thê ở Tân Thành, người Sái không dự. Tấn Khích Khuyết đem hai đạo Thương Quân, Hạ quân, đánh Sái và nói: "Vua còn ít tuổi, ta không được trể nhác. Ngày mậu thân, vào thành nước Sái. Dưới Thành, cho thê, rồi kéo quân về. Chiếm một nước, thì gọi là diệt nước ấy. Lấy một thành, thì gọi là nhập, là vào."

Công Thị - Vào thì không chép là đánh. Đây sao chép là đánh? Là quân tới thì vào. Sao chép ngày? Là chép ngày tới.

Lục Thuần - Công Dương nói: "Vào thì không chép đánh. Đây sao chép vào. Là quân tới thì vào ngay. Triệu Tử nói: Nếu như thế, thì đáng lẽ phải chép: Ngày Mậu Thân, Khích Khuyết cầm quân đánh Sái, vào Sái. Đây thì trước là đánh. Sau nói là vào. Thế biết rõ ràng là không phải vào ngay được."

Xét - Sái bội Tấn, theo Sở cho nên Tấn đánh Sái. Sái ứng chiến không phục. Tấn mới vào thành. Vì thế Triệu Khuông cho là Sái cũng đáng ghét. Tuy nhiên Tấn làm minh chủ, đã không hay trị Sở để che chở cho Sái, mà còn đem quân đánh Sái, đã đánh lại còn vào chiếm thành, thì không khỏi mang tiếng là bạo ngược. Cao Kháng, Trương Hiệp cho rằng chép chữ "phạt", (đánh) chép chữ "nhập" (người) là chê Tấn lắm. Cho thế cũng phải. Lý Liêm bàn là người Tấn dùng quân có phép, mà Kinh Xuân Thu khen; Lý Liêm bàn thế là sai.

秋齊人侵我西鄙
THU, TÊ NHÂN XÂM NGÃ TÂY BÍ

MÙA THU, NGƯỜI TÊ XÂM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA

Cốc Thị - Nói biên giới là ở xa, là không ngại, mà lại là ở nước ta.

Cao Kháng - Thương Nhân nước Tề, hạng cướp ngôi giết vua, lại bắt "mệnh" đại phu của ta, xử tử cũng không hết tội, lại đem quân đến nước ta cho nên chê, chép là người.

季孫行斧如晉

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa thu, người Tề xâm tây bĩ của ta, cho nên Quý Văn Tử báo cáo sang Tấn.

冬十有二一月諸侯盟于扈

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT,

CHU HẦU MINH VU HỒ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, CHU HẦU THÊ TẠI ĐẤT HỒ

Tả Thị - Mùa đông tháng 11, hội thê tại đất Hồ, có Tấn Hầu, Tống Công, Vệ Hầu, Sái Hầu, Trần Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam, Tào Bá. Hội cốt để nhắc lại hội Tân Thành mà cũng để bàn việc đánh Tề. Người Tề hối lộ Tấn, cho nên không đánh mà về. Thê là Lỗ bị lôi thôi với Tề, Cho nên Lỗ Công không dự hội. Sứ chép chư hầu thê ở Hồ, là vì cố không có làm được việc gì. Phàm có hội chư hầu mà Lỗ Công không dự, thì Kinh không chép, là kiêng không nói lỗi của vua Lỗ. Phàm có hội chư hầu, Lỗ Công có dự mà Kinh không ghi, là vì công tới sau.

Triệu Khuông - Tả Thị báo phàm chư hầu hội, Lỗ Công không dự thì Kinh không ghi. Xét chư hầu hội, Lỗ Công không dự mà cứ kể hội ra thì không phải chỉ có một lần. Vậy biết là Tả Thị nói sai.

Trình Tử - Có hội minh này là vì nước Tề có loạn. Nước Lỗ phải phòng bị chống nước Tề, nên không có mặt tại hội, cho nên không kể tên các nước. Lại chép chữ chư hầu, chỉ là số đông, đông mà chẳng nên công cán gì.

Trần Phó Lương - Hội đây, toàn thị các vua cả, sao không

kể, chỉ nói chung thôi. Hội Tân Thành thì không thể không kể, là để biết chí của chư hầu. Thế mà Tấn Hầu lại không có mặt. Thế là Sở thành nghiệp bá. Mà Thiên Tử Khoảnh Vương khi mất, khi táng, không thấy trong Xuân Thu. Chư Hầu không còn hệ thống đến thế là cùng. Cho nên suốt thiên Linh Công, phạm hợp chư hầu là dùng lời nói chung. Truyện có bàn: “không nên công cán gì”.

十有二月齊人來歸子叔姬
THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÊ NHÂN LAI
QUY TỬ THỨC CƠ

THÁNG 12, NGƯỜI TÊ ĐEM TRẢ TỬ THỨC CƠ VỀ LỖ

Tả Thị - Người Tê đem trả Tử Thúc Cơ về Lỗ là vì Thiên Tử.

Công Thị - Chép chữ lai, là lai, là về. Tại sao?. Đã có tội, sao còn thương? Cha mẹ đối với con, dù con có tội, cũng vẫn như không nhận là con có tội.

Cốc Thị - Chép là Tử Thúc Cơ, là còn quý. Sao lại chép là lai quy? Cha mẹ đối với con, tuy có tội vẫn còn muốn tha.

Lưu Suồng - Sao lại chép là lai quy? Là đuổi đi. Đạm Bá Cơ mà lai quy, thì sao không chép là nhân (người)? Chép nhân (như Tê nhân), đuổi, là đuổi người vô tội... Khi không chép chữ nhân, người đuổi là đuổi người có tội.

Công Dương nói chép chữ lai là còn thương. Công Dương nói sai. Thêm chữ lai sao lại là thương. Không thêm chữ lai, sao lại là không thương. Đây cứ thẳng thắn nói là lai quy, chứ không phải nói gượng.

Cốc Lương nói: Cha mẹ đối với con, tuy con có tội, vẫn còn muốn tha. Cốc Lương nói sai. Khi Đạm Bá Cơ lai quy, là vì có tội bị đuổi. Người Tê mà “lai quy” Tử Thúc Cơ, Thúc Cơ vô tội mà người Tê áp bức đuổi về.

Xét - Tả Thị nhầm, cho Thiện Bá là đại phu triều Chu. Cho nên Thiện Bá tới, thì Tả Thị chép là, tới đem mệnh cho; Thúc Cơ về thì Tả Thị chép là vì Thiên Tử. Nay đều gạt bỏ đi.

齊侯侵我西鄙遂伐曹入其郭

TÊ HẦU XÂM NGÃ TÂY BỈ,

TỤY PHẠT TÀO, NHẬP KỲ PHU

**TÊ HẦU ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA,
RỒI ĐÁNH TÀO, LỘT VÀO QUÁCH THÀNH TÀO**

Quý Văn Từ nói: Tê Hầu không thoát tội được, chính mình vô lễ mà đi đánh người có lễ, như bảo người ta rằng: sao người lại giữ lễ. Lễ là thuận trời. Mình đã phản lại trời, mà lại đánh người, thì khó mà thoát tội được. Kinh Thi có câu: Sao không cùng kính nể nhau, sao không kính trời, người quân tử không có tàn ngược kẻ yếu hèn là vì sợ trời. Trong Thiên Chu Tụng có câu: Sợ uy trời thì được che chở, hạng không sợ trời thì còn ai che chở. Đã làm loạn rồi cướp nước, giá cứ cố theo lễ, để giữ nước, còn sợ gì không được trọn. Huống chi người làm nhiều việc trái lễ, mong sống sao được.

Công Thị - Phu là gì? Là Quách ngoài thành. Việc vào được quách thường không có chép. Đây chép là vì động chạm đến ta, có quan hệ đối với ta.

Lưu Suồng - Công Dương bảo vào quách không chép, bảo thế là sai. Vào quách là nguy đến nơi rồi. Đã vào không còn dễ chống giữ như khi còn đương bị vây. Sao lại không chép.

Cao Kháng - Thương Nhân giết vua, tự lập làm vua. Chư hầu họp tại Hổ, mưu đánh. Nước Tấn ăn hối lộ, rồi không đánh. Về, Thế là chấp nhận cho Thương Nhân làm vua. Cho nên từ đó mới chép Tê Hầu. Thương Nhân biết là các nước không làm gì được, lại càng không nể ngại, cứ bạo ngược, Vả lại giận Lỗ đã ỷ vào Tấn, để mưu đánh Tê mình. Cho nên một năm hai lần xâm nước Lỗ. Giận Lỗ rồi lây cả đến Tào, thật rất là vô lý. Phàm đã đánh, không chép nhập là vào. Vào trong quách là quá lắm.

Năm Canh Thân, Vua Khuông Vương năm thứ 2.

十 有 六 年
THẬP HỮU LỤC NIÊN
NĂM THỨ 16

Tấn Linh năm thứ 10. Tề Ý năm thứ 2. Vệ Thành năm thứ 24. Sái Văn Công Trung năm đầu. Trịnh Mục năm thứ 17. Tào Văn năm thứ 7. Trần Linh năm thứ 3. Kỷ Hoàn năm thứ 26. Tống Chiêu năm thứ 9. Tần Khanh năm thứ 10. Sở Trang năm thứ 3.

春 季 孫 行 斧 會 齊 侯 于 陽 穀
齊 侯 弗 及 盟

XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ, HỘI TỀ HẦU VU
DƯƠNG CỐC. TỀ HẦU PHÁT CẬP MINH
MÙA XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ HỘI VỚI TỀ HẦU
Ở DƯƠNG CỐC. TỀ HẦU KHÔNG DỰ THỂ

Tả Thị - Năm thứ 16, mùa xuân, tháng giêng. Lỗ cùng với Tề bình, (hòa). Công có bệnh, sai Quý Văn Tử (Quý Tôn Hàng Phủ) hội với Tề Hầu tại Dương Cốc xin lập minh ước. Tề Hầu không chịu, bảo hãy đợi vua Lỗ khỏi bệnh.

Công Thị - Chép không thể, tức là không cùng thể.

Cốc Thị - Không cùng thể, là sử Lỗ chép. Hàng Phủ không làm xong sứ mệnh, Tề có lý.

Uông Khắc Khoan - Tề Ý mà không cùng Hàng Phủ thể là không phải. Nếu quả thực lấy lễ đại phu không được ngang với vua chư hầu, lấy lễ đó trách Lỗ để không thể. Tề lấy thể lực hiếp Lỗ, cứ bắt Lỗ Văn Công phải thân hành tới. Nếu quả như thế, thì sao? Khi Tề được ăn hối lộ của Tương Trọng rồi, thì thôi không trách Văn Công về việc không thân hành tới.

Cho nên cứ thẳng chép là Tề Hầu không cùng thể, chứ không nên nghĩ rằng Thương Nhân cố ý làm nhục, để cho phải xấu

hổ đầu. Tuy nhiên hội thể Bình Khưu thì chép: Lỗ Công không dự thể. Đây lại không chép là Hàng Phủ không cùng thể, mà lại chép là Tề Hầu không cùng thể, như thế Quý Tôn cũng không thể cho là không có lỗi.

夏 五 月 公 四 不 視 朔 朔

HẠ, NGŨ NGUYỆT, CÔNG TỬ BẤT THỊ SỐC

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, LỖ CÔNG NGÀY MỪNG MỘT, LẦN THỨ TƯ, KHÔNG THỊ SỐC, (THỊ SỐC LÀ MỘT LỄ NGHI, VUA TRÌNH NHÀ TÔN MIẾU CÔNG VIỆC LÀM TRONG THÁNG)

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 5, Công lần thứ tư, không thị sóc. Vì ốm.

Công Thị - Tại sao Lỗ Công lần thứ tư không thị sóc? Là Công có bệnh. Sao nói là Công có bệnh? Là vì không thị sóc. Đường như là Công không có bệnh, mà cứ không thị sóc. Thế sao không chép? Công không có bệnh, mà không thị sóc. Có bệnh còn nói được, không có bệnh, không thể nói được.

Cốc Thị - Thiên Tử "Cáo sóc" cho chư hầu. Chư hầu được mệnh ở Nễ Miếu (miếu thờ bố mẹ). Thế là đúng lễ. Lỗ Công bốn lần không Thị sóc, thế là bất thần không phải lễ làm tội. Thế là sai đường chính lắm rồi.

Khổng Đình Đạt - Từ đây trở đi, không cáo sóc thì không chép vào Kinh nữa. Chê đã rõ rồi, không cần phải còn chê nữa.

Trương Hiệp - Lối Xuân Thu chép các việc rõ rệt, các việc mờ ám, không việc nào sót, tuy kiêng việc xấu của nước mình, mà không sai sự thực. Văn Công lấy cơ ốm không thị sóc. Xuân Thu không dùng lối chép Chiêu Công ốm, để chép rằng Văn Công ốm, không thị sóc. Không dùng lối ấy, cứ chép thẳng rằng. Văn Công bốn lần không thị sóc. Xét từ đó. Văn Công lần lần không làm lễ thị sóc nữa, rồi các chư hầu khác cũng thế. Vì thế, vào thời Định Công, Ai Công. Thánh nhân đã có câu: Ta thích lễ, không muốn còn dè, mà mất lễ. Câu đó khởi thủy từ đó chẳng (muốn hiểu rõ ý nghĩa câu đó coi truyện Luận ngữ).

六月戊辰公子遂及齊侯盟于鄆邱

LỤC NGUYỆT, MẬU THÌN, CÔNG TỬ TOẠI CẬP

TÊ HẦU MINH VU THÊ KHUU

THÁNG SÁU, NGÀY MẬU THÌN CÔNG TỬ TOẠI CÙNG TÊ

HẦU THÊ TẠI ẤP THÊ KHUU (ĐẤT NƯỚC TÊ)

Tả Thị - Lỗ Công sai Tương Trọng hội lộ Tê Hầu, cho nên có hội thê ở Thê Khưu.

Cốc Thị - Lập lại việc thê với Hàng Phủ.

Cao Kháng - Xuân Thu chép. Lỗ Công bốn lần không thị sóc, không phải riêng chê Công lười nhác, mà cũng là để biết lý do Công tử Toại được đi hội thê. Lại còn biết, việc thê đó không phải Tê Hầu có ý mong muốn. Cho nên năm sau, Tê Hầu lại đánh vào biên giới phía tây nước Lỗ. Thế chỉ là tạm hoãn trong ít lâu.

秋八月辛未夫人姜氏薨

THU, BÁT NGUYỆT, TÂN MÙI,

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOẰNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY TÂN MÙI,

PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ MẤT

毀泉臺

HỦY TUYẾN ĐÀI

GỠ BỎ ĐÀI TUYẾN ĐÀI

Tả Thị - Có răn từ Tuyến đài bỏ ra ngoài. Mười bảy con, số các Tiên Công thờ ở cung miếu. Mùa thu, tháng tám, Thanh Khương mất, Tuyến đài được lệnh phá hủy.

Công Thị - Tuyến đài chính là Lang Đài. Khi chưa hoàn thành thì gọi là Lang đài. Khi hoàn thành rồi thì gọi là Tuyến đài. Gỡ bỏ Tuyến đài, sao lại chép? Là chê. Xây cũng đáng

chè. Mà phá cũng đáng chè. Tiên tổ đã xây. Minh phá đi. Sao bằng chỉ dừng ở là được rồi.

Cốc Thị - Trong tang không làm việc khác. Làm việc khác tức như hoãn tang lại. Văn Công đã nhiều việc sai đạo. Đài xây từ trước. Nay hủy đi. Sao bằng cứ để chỉ dừng ở thôi.

Tề Lý Khiêm - Hủy Tuyền đài, Cốc Lương có nói: Trong tang không làm việc khác. Làm việc khác là hoãn tang lại. Chiêu Công năm thứ 11, có cuộc săn lớn ở Tị Bô. Tả Thị cũng nói: Vua có đại tang, mà trong nước không bỏ cuộc săn, trong ba năm, không có một ngày thương xót. Hai Truyện cùng phát ra ý kiến đó.

楚人秦人巴人滅庸

SỞ NHÂN, TẤN NHÂN, BA NHÂN, DIỆT DUNG

NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI BA DIỆT NƯỚC DUNG

Tả Thị - Người Sở bị nạn đói. Rợ Nhung tràn vào phía tây nam, tiến đến Phụ Sơn, dừng quân ở Đại Lâm. Tràn vào cả đông nam, cho đến Dương Khuu, rồi phá Tì Chi. Người nước Dung giống giả các rợ Man, phản nước Sở. Người rợ Quân, họp trăm rợ Bộc, tại đất Tuyền, để đánh Sở. Khi đó, các ấp Thân, và Tức không dám mở cổng thành phía bắc, sợ Địch.

Người Sở đã bàn tính thiên đô tới Bản Cao. Vì Giả nói: kế ấy không nên. Ta mà thiên tới, thì giặc cũng tiến tới được. Chỉ bằng đánh nước Dung. Xét người Quân và bách Bộc cho là ta bị đói thì không dùng binh được. Cho nên tới đánh ta. Nếu ta đem quân ra, tất nhiên chúng sợ mà phải rút về. Bọn Bộc khi về, mỗi rợ về mỗi xứ họ, còn ai mưu họp lại để hại người được.

Thế là Sở họp quân lại. Được 15 hôm, các rợ Bộc thôi không đánh nữa. Từ đất Lư trở đi, dân còn thóc đem chia cùng ăn với quân đội Sở. Quân đội Sở dừng lại ở Câu Phệ, rồi cho Lư Tập Lê đánh vào nước Dung. Khi tới Phương Thành, bị quân đội Dung đánh đuổi được và bắt được một tướng là Tử Dương Song. Đến đêm thứ ba. Song trốn thoát. Về nói: "Quân Dung đông, các rợ

Man đều có mặt. Ta nên trở về họp với đại binh ở Câu Phê. Dem cả quân nhà vua đi, rồi cùng tiến". Tướng Sở là Sư Thúc bàn: "Không nên, ta cứ đánh cho địch sinh kiêu. Khi địch kiêu đến tột bậc, mà quân khí ta bị kích thích, thì ta thắng. Chính vì kế ấy mà Tiên quân Phần Mạo đã hàng phục được Hình Thấp".

Thế là quân Sở lại gặp quân Dung. Bảy lần gặp bảy lần thua. Chỉ có quân Dung ở các thành Tỳ, Điều và Ngư là đuổi theo quân Sở. Người Dung nói: Sở không đáng cùng ta chiến. Thế rồi không cần sửa soạn phòng bị nữa. Vua Sở lên ngựa trạm, tới quân đội tại đất Lâm Phẩm. Chia quân làm hai đạo đánh Dung. Từ Việt, đi từ Thạch Kê vào. Từ Bối đi từ Nhận vào. Người Tần, người Ba, theo quân Sở. Các rợ Man đều xin thả. Nước Dung bị diệt.

Tỳ, Điều, Ngư là ba ấp nước Dung, Nhận, Thạch, Khê, đều là đường đi vào nước Dung.

Trương Hiệp - Người Dung thừa cơ Sở bị nạn đói mới họp các rợ Man tới đánh Sở. Nếu Sở sợ mà di cư thì không còn gì giữ được nước. Tuy nhiên, ở trong cảnh biển đê đợi địch, vốn chỉ là việc giữ đất nước. Còn như phá diệt tôn miếu xã tắc nước người ta, vương pháp đâu có dung. Vua Sở đánh được Dung mà rồi diệt Dung, tội rất to. Cho nên chép là nhân, là người, tức là Sở có tội diệt nước Dung.

Xét - Hồ Truyền bảo là nước Dung tự di đến chỗ bị diệt, mà Vĩ Giả thì khéo mưu việc nước, cho nên chép là ba nước. Sở mà không chép quân Sở, là giảm tội Sở. Bàn thế là sai.

Dạm Trợ nói: Phàm diệt một nước thì cứ chép thẳng là diệt, tội ở việc diệt. Bị diệt là vì sức kém phải chết. Nay thẳng chép diệt nước Dung. Thế là buộc tội Sở, chứ không buộc tội Dung.

Phàm chép diệt, lại chép thêm vua chạy trốn, thế là cả hai cùng có tội, tội ở chỗ sao không vì xã tắc mà chết. Xét: Trang Công năm thứ 10. Tề diệt Đàm, vua Đàm chạy sang nước Cử, thế là cả hai cùng có tội, mà Tề thì lại chép là quân Tề. Trang Công năm thứ 13. Tề diệt Toại, không chép vua Toại chạy trốn, thế là chỉ buộc tội có Tề, mà lại chép là người Tề. Thế thì đâu có phải gọi là người, không gọi là quân đội, là giảm bớt tội Sở.

Như bảo là Tả Thị chép người Tấn, người Ba, thực theo quân Sở, thế là chép đều ba nước, không phân đẳng cấp, lấy đó chứng minh Kinh Xuân Thu giảm tội Sở, như thế là không biết đọc kỹ truyện, mà lại dám nghi Kinh. Vua Sở ở quân đội, mà cùng tướng tá nước Trần, nước Ba cùng chép là người, thế là chê Sở vậy. Vả lại nước Dung giáp với ba nước Tấn, Sở, Ba. Biết đâu ba nước đã không mưu chia nhau đất nước Dung, vì thế mới chép gọi đều là ba nước. Thánh nhân lấy việc hưng phục nước đã bị diệt; nối tiếp nước đã bị tuyệt, làm việc, phải để tâm. Mà nay nhân nước Sở một lần mưu mô, mà lại cho là phải, cái việc lật đổ tôn miếu xā tắc người ta, không trị tội Sở, còn cho việc lợi về cường Sở, chê việc chia lợi với các nước khác, Thánh nhân đâu có thế. Vậy giữ thuyết Trương Hiệp. Còn thuyết của Hồ Truận thì bỏ đi.

冬十有一月宋人弑其君杵臼

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT,

TỔNG NHÂN THÍ KỲ QUÂN CHỦ CỬU

MÙA ĐÔNG THÁNG 11, NGƯỜI TỔNG GIẾT VUA LÀ CHỦ CỬU

Tả Thị - Công tử Bào (con Tổng Thành Công và Tổng Chiêu Công) đối với dân trong nước có lễ độ. Trong khi nước Tống bị nạn đói, Bào đem hết thóc gạo cho dân vay. Người già ngoài bảy mươi tuổi được phát thức ăn, đầu mùa được thêm các cửa mới lạ. Ngày thường khi lui tới các cửa quan lục Khanh, các người có tài năng đều được phụ giúp. Họ hàng từ ngành Hoàn Công trở xuống, là được giúp đỡ. Bào vốn người đẹp, mặt sáng sủa. Tương phu nhân muốn cầu thông dâm, tuy không được như nguyện, nhưng về việc bố thí, thì cũng gom góp với Bào.

Chiêu Công không tốt. Dân theo về Bào, mà dựa vào Tương phu nhân. Khi đó, Hoa Nguyên giữ chức Hữu Sư, Công Tôn Hữu giữ chức tả sư. Hoa Ngẫu giữ chức Tư Mã. Lân Quán giữ chức Tư Đồ. Đãng Ý giữ chức Tư Thành. Công tử Chiêu giữ chức Tư Khẩu. Xưa Tư Thành Đãng mất, con là Công Tôn Thọ từ không nối chức, và xin nhường cho Ý Chư là con mình. Được rồi, mới

nói rằng: “Vua thì vô đạo, tôi mà gần vua, sợ bị họa lây, nhưng nếu bỏ hẳn chức thì sợ họ hàng mất nhờ. Con tôi cũng như tôi. Chẳng qua là tôi hoãn ngày chết của tôi. Tôi làm mất con, nhưng không dám làm mất họ”.

Tương phu nhân lập mưu dụ vua Chiêu Công đi săn tại Mạnh Chư, để giết đi, Công biết mưu, đem hết của quý cùng đi. Đàng Ý Chư nói: “Sao không chạy sang một nước chư hầu”. Chiêu Công nói: “Làm vua đã không phục được bách quan, được phu nhân tổ mẫu, thì còn chư hầu nào chứa ta. Vả lại đã ở ngôi quân, mà lại đi làm thần, chẳng thà chết”. Dem các vật quý phân phát hết cho cận thần, bảo họ đi đi. Phu nhân sai bảo Tư Thành bỏ Công mà đi. Tư Thành đáp: “Làm tôi thấy vua có nạn bỏ đi, đối với vua sao còn ra sao”. Mùa đông, tháng 11, ngày Giáp Dần. Tống Chiêu Công đi săn ở Mạnh Chư. Công chưa tới nơi, thì phu nhân Vương Cơ sai tướng chỉ huy cuộc săn đánh và giết đi. Đàng Ý Chư cùng chết. Xuân Thu chép: Người Tống giết vua là Chử Cửu. Vua vốn là vô đạo, Văn Công nổi ngôi, sai em cùng mẹ là Tu giữ chức Tư Thành, Hoa Ngẫu chết, Công sai Đàng Hoài (em Đàng Ý Chư) làm Tư Mã.

Công Thị - Kẻ giết vua sao có khi chép tên họ, sao có khi không chép tên họ. Đại phu giết vua, mà chép tên họ, bị khinh rẻ, không gọi là đại phu. Đại phu giết nhau mà chép là người, là coi như trộm cướp.

Lục Thuần - Tả Thị tả nguyên do sao mà bị giết. Nói rằng: Phu nhân bảo Công đi săn ở Mạnh Chư rồi sai giết Công. Công biết thế, đem cả bảo vật đi. Triệu Tử nói, Truyện vẫn chép là vua vô đạo, Phàm người vô đạo, thường tính ngang tàng, người người đều sợ. Tổ mẫu có uy quyền gì mà vua phải tự để cho giết. Nếu như giấu giấu mưu mô thì còn có thể bán tín, bán nghi. Nay nói rằng vua biết thế, đem của cải đi cùng, phân phát cho tả hữu, rồi ung dung đợi chết, cứ xét về lý thì không có chuyện như thế.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: đại phu giết vua, thì chép tên họ, khinh rẻ coi như cùng đinh. Đại phu giết nhau, coi là người, khinh rẻ coi như trộm cướp. Bàn thế sai. Đại phu giết

vua, có kẻ bị chép tên họ, có kẻ bị chép tên không, có kẻ chép là người, nếu là khinh rẻ, thì bọn đó đều là trộm cướp cả rồi. Vậy không còn nói được là khinh bọn đã khinh. Còn như đại phu mà giết nhau, thì chính là nên chứng minh rõ tội. Như Vương Trát Tử, giết Thiệu Bá, Mao Bá. Chép là người tức là có tội. Lời văn và ý tứ rõ ràng, không phải giảng mà hiểu ngay, sao lại cứ bàn lời thôi.

Xét - Lục Thuần dẫn lời bàn của Triệu Khuông, bảo là Tống Chiêu Công biết sẽ bị giết, tất là không có lý gì ung dung chờ chết. Cứ đoán thế, xét tình, thì việc vua biết là đúng. Tuy nhiên các việc trong Xuân Thu, thì coi Tả Thị để hiểu thêm. Vậy giữ lời bàn của Tả Thị, để ghi lý do việc mất vua, mà lời bàn của họ Lục cũng giữ cả. Nay khảo sát về 12 đời Công, thì thấy chép là “người nước giết”. Có ba lần: Người Tống giết vua Chử Cữu. Người Tề giết Thương Nhân, người Cử giết Mật Châu, chép “nước giết” có bốn lần: nước Kỳ giết Thứ Kỳ, nước Tấn giết Châu Bồ, nước Ngô giết Liêu, nước Tiết giết Tị.

Hồ An Quốc thường bàn đến vua vô đạo, mà Chử Cữu với Thương Nhân thì tội ở người trong một nước. Châu Bồ thì Tấn Loan Thư có nhẹ lời hơn. Ngô Liêu Tiết Tị, thì tội ở đại thần coi việc nước. Mật Châu thì cho là cận thần nhầm nhớ. Thứ Kỳ thì Truyện không được rõ: cùng việc mà nghĩa khác, nghĩa nào cũng có lý. Huống lấy toàn thể trong Kinh, thì Tấn, Sở, Trần, Ba vua, đều là vô đạo, thì sao lại chép thẳng tên Triệu Thuần, hạ Trưng Thư, Công tử Tị Như thế chưa gọi là hợp lệ hẳn được. Thế thì ý của Kinh ở đâu, thế nào? Đáp: Thành nhân, nhân có sử cũ mà làm sách Xuân Thu. Sử cũ cứ theo lời phò cáo, thiếu thì có, mà thêm thì không dám. Thần mà giết quân, con giết cha, cứ thực cáo phò cho nước thân cận, liệu có được mấy. Xét nếu không báo cáo lấy sự thực, thì tội tất có thể xuyên tạc. Đại khái hạng chức phận nhỏ, là phải chịu tội hết. Thánh nhân tham bác, kê cứu quốc sử, rồi đến các điều được biết trong 72 nước, muốn đính chính việc đáng trừng trị, thì căn cứ vào phò các khác nhau. Nếu cứ theo, tin báo người bị buộc tội, thì kẻ có tội thực, lọt khỏi lưới, tội chuyển cho người khác, để giấu kẻ có tội. Thà cứ để nguyên án không kết tội, để rõ có kẻ có tội. Cho nên

Kinh chép: nước Mỗ giết vua, người nước Mỗ giết vua, tuy rằng không chỉ mặt đặt tên, nhưng kẻ loạn thần tặc tử không trốn tránh được khỏi tội.

Năm Tân Hợi. Vua Khuông Vương năm thứ 3.

十 有 七 年
THẬP HỮU THẤT NIÊN
NĂM THỨ 17

Tấn Linh năm thứ 11. Tề Ý năm thứ 3. Vệ Thành năm thứ 25. Sái Văn năm thứ 2. Trịnh Mục năm thứ 18. Tào Văn năm thứ 8. Trần Linh năm thứ 4. Kỷ Hoàn năm thứ 27. Tống Văn Công, Bào , năm đầu. Tấn Khang năm thứ 11. Sở Trang năm thứ 4.

春 晉 人 衛 人 陳 人 鄭 人 伐 宋
XUÂN, TẤN NHÂN, VỆ NHÂN, TRẦN NHÂN,
TRỊNH NHÂN PHẠT TỐNG
MÙA XUÂN, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRẦN,
NGƯỜI TRỊNH, ĐÁNH NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Năm thứ 17 mùa xuân, Tuân Lâm Phủ nước Tấn, Khổng Đạt nước Vệ, Công Tôn Ninh nước Tấn. Thạch Sở nước Trịnh, đánh nước Tống. Tuyên bố hỏi tội sao giết vua? Rồi chấp nhận Văn Công được nối ngôi. Xong kéo quân về, Xuân Thu không chép tên các vị Khanh dự việc này, vì việc không nên làm.

Lục Thuần - Tả Thị bảo Kinh không chép các vị Khanh vì việc không nên làm. Đạm Tử thì nói, xét Kinh Xuân Thu phạm các vị Khanh vì việc không có sách phong thì đều chép "người" chứ không phải cứ chép người là chê. Ví như vị Khanh thực thụ (có sách phong) làm việc không đúng mà bị chê, bị chép là người, thì các vị Khanh không thực thụ, phải chép thế nào.

Xét - Việc đánh nước Tống tiên nhò phần nhiều theo lời bàn của Tả Thị cho việc không chép Khanh là làm việc không đúng.

Riêng Đạm Trợ cho rằng Xuân Thu chép là người loại Khanh không sách phong, chứ không phải chép người như thế là chê. Nay xét thời đó, cầm đầu các quan nước Tấn, là Triệu Thuần mà Tuân Lâm Phủ chỉ gần như phó Trung Quân. Cầm đầu các quan nước Vệ, là Ninh Du, mà Khổng Đạt chưa thường dự quyền chính. Công Tôn Ninh nước Trần đặt sau Vệ thì vị chức bé nhỏ biết ngay, Thạch Sở nước Trịnh chưa từng nghe tên tuổi. Vậy lời bàn của Đạm Trợ, không phải là sai. Vả lại cái tội tha giặc, nên chê ngay vào ngày tha giặc không đánh, chứ không nên dự định chê lúc cầm quân đánh giặc. Thế cho nên đánh Tống thì liệt kê bốn nước mà không chê trách, bắt tất phải ước đoán cái ý định tha giặc. Hội ở Hổ, nói qua loa chứ không kể rõ từng chư hầu để cho rõ ý chê trách, có thể rồi mới rõ cái tội tha giặc. Không như thế, như Tương Công năm thứ 25, Tề Thôi Chử giết vua, chư hầu hội tại Di Nghi bàn định đánh Tề, mà rồi được hối lộ là thôi, cứ xem việc đó, sao lại liệt kê vua 12 nước, tất là đợi hội thể tại Trọng Khưu khi đã tha giặc Tề, nhiên hậu mới lược qua chư hầu chứ không kể rõ từng nước, là để rõ ý biếm chê chẳng. Vì thế cho nên lời bàn của Đạm Trợ, cứ chép lại đây.

夏四月季亥葬我小君聲姜
HẠ, TỨ NGUYỆT, QUÝ HỘI, TÁNG NGÃ
TIỂU QUÂN THANH KHƯƠNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY QUÝ HỘI, LỄ CHÔN TIỂU
QUÂN TA (PHU NHÂN) LÀ THANH KHƯƠNG

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Quý Hợi, lễ táng Thanh Khương. Vì có nạn nước Tề, cho nên hoãn đến ngày đó.

Công Thị - Thanh Khương là ai? Là mẹ Văn Công.

Lưu Sưởng - Lễ chôn tiểu quân là Thanh Khương. Truyện chép rằng có nạn nước Tề mới hoãn. Nay xét sau khi Thanh Khương mất, không có nạn nước Tề. Lễ táng rồi mới có quân đội Tề.

齊侯伐我西鄙六月癸未公

及齊侯盟于穀

**TÊ HẦU PHẠT NGÃ TÂY BỈ. LỤC NGUYỆT, QUÝ MÙI,
CÔNG CẬP TÊ HẦU MINH VU CỐC**

**TÊ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA NAM NƯỚC TA.
THÁNG SÁU, NGÀY QUÝ MÙI, LỖ CÔNG CÙNG
TÊ HẦU THÊ TẠI ĐẤT CỐC**

Tả Thị - Tê Hầu đánh vào bắc bỉ nước ta. Tương Trọng xin thề. Tháng sáu, thề tại đất Cốc.

Cao Kháng - Tê thấy Lỗ Công không thân hành tới thề, cho nên đem quân đánh, để bắt ép Lỗ Công ra thề. Ta thấy cuộc thề ở đất Thê Khưu là vô ích.

Gia Huyền Ông - Lỗ nên đánh Tê. Bị Thương Nhân làm nhục. Bắt bầy tôi thề, rồi lại đem quân đánh, bắt vua phải thề, Tê thật là quá vô đạo. Lỗ mà không chấn chỉnh, thật là quá kém. Tê Thương Nhân càng ngày càng ngạo ngược, Lỗ càng ngày càng kém yếu. Đều là trung triệu chết. Thương Nhân nhiều tội quá, cho nên gấp tới nạn.

諸侯會于扈

CHU HẦU HỘI VU HỒ

CHU HẦU HỘI TẠI ĐẤT HỒ

Tả Thị - Tấn hầu đi săn tại đất Hoàng Phủ. Rồi họp chư hầu tại đất Hồ, về việc mưu cho Tống yên loạn. Lỗ Công không dự hội vì đang mắc có việc chống đối với nước Tê. Kinh chép hai chữ chư hầu thôi, là ý chư hầu không nên công cán gì. Trong hội, Tấn Hầu không thấy Trịnh Bá, cho là Trịnh bỏ mình theo Sở. Tử Gia nước Trịnh cho sứ tới, đưa thư cho Triệu Tuyên Tử. Trong thư nói: "Quả quân tôi lên ngôi được ba năm, có Triệu Sái Hầu đồng tâm theo nhà vua. Tháng chín Sái Hầu tới tề ấp (nước tôi) để sang Tấn. Vì việc Hầu Tuyên Đa lời thôi, quả quân

tôi không cùng với Sái Hầu tới Tấn được. Tháng 11, loạn Hầu Tuyên đã giảm bớt được, quả quân tôi theo Sái Hầu đến châu quan chấp sự. Năm thứ 12, tháng 6, Quý Sinh theo con lớn quả quân tôi, tên là Di, khuyên Trần Hầu rời nước Sở, để theo về nhà vua. Năm thứ 14, tháng 7, quả quân tôi lại châu để hoàn thành việc Trần. Năm thứ 15, tháng 5, Trần Hầu từ nước tôi tới châu vua Tấn. Năm ngoái, tháng giêng, Chúc Chi Vũ, đưa Di tới châu Tấn. Tháng 8, quả quân tôi lại tới hầu. Trần, Sái ở gần Sở mà không dám bỏ Tấn, theo Sở, nguyên nhân là ở nước tôi. Nước tôi thờ Tấn như thế, sao không khỏi bị dị nghị. Quả quân tôi từ khi lên ngôi, đã tới châu Tương Công, rồi hai lần tới châu nhà vua. Di, cũng đã cùng vài bảy tôi quả quân, tới Giáng, kinh đô Tấn. Dù nước tôi nhỏ, không nước nào trung thành hơn. Nay đại quốc bảo: "Người chưa vừa lòng ta", thế là nước tôi sẽ nguy, không còn cách trừng phạt nào hơn. Người xưa có nói: Đà sợ đầu, sợ đuôi, thì thân không còn gì nữa. Lại nói: Con hươu sắp chết, không còn chọn nằm dưới bóng cây nào. Khi một nước nhỏ thờ nước lớn, nếu được xử với đức độ, thì hành vi như người, nếu không được xử với đức độ thì hành vi sẽ như con hươu. Khi chạy thì hươu nhảy bừa vào nơi hiểm, vì quá nguy còn biết chọn sao được. Mệnh đã hết, thì biết là phải chết. Xin thu thập hết quân đội, dời ngài ở đất Điều (giáp giới Tấn và Trịnh). Xin theo mệnh quan chấp sự Tấn. Trịnh Văn Công, năm thứ 2, tháng 6, ngày Nhâm Thân, tới châu nước Tề. Nhưng năm thứ 4, tháng 2, ngày Nhâm Tuất, vì nước Tề xâm nước Sái, Văn Công mới hòa với Sở. Ở giữa các nước lớn, thì phải theo lệnh nước mạnh nhất, đâu có phải là tội. Nếu quý quốc không định liệu, thì nước tôi không thể theo lệnh ngài (nghĩa là xin đánh ngài)".

Cùng Sóc nước Tấn nghị hòa với nước Trịnh. Tiêu Xuyên và Trì (Rể Tấn Hầu) làm con tin ở Trịnh.

Đỗ Dự - Truyện không liệt kê các nước, mà chép là họp lại, thế biết là như 15 năm trước, chư hầu họp nhau tại đất Hổ để thề. Chiêu Công tuy bị giết vì vô đạo, mà Văn Công còn bị đánh vì tiếng giết vua. Cho nên Lâm Phủ đánh Tống, vì không đúng việc, mà bị chép là người. Tấn Hầu bình loạn cho Tống

vì không nên công, mà không được kê các chư hầu họp. Rõ ràng là dù vua không đáng vua, tôi không được không đáng tôi. Có thể mới dạy đời người.

Lưu Sưởng - Chư hầu vì có gì mà không kể ra. Vì không bỏ. Không bỏ vì muốn trị Tống, mà chả làm nên công cán gì.

秋公至自穀

THU, CÔNG CHÍ TỰ CỐC

MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ HỘI CỐC VỀ

Phụ lục tả truyện - Mùa thu, đại phu nhà Chu là Cam Súc đánh được Rợ Nhung ở Thẩm Thùy (đất nhà Chu), lợi dụng lúc bọn rợ đang say rượu. Mùa đông, tháng 10, thái tử Trịnh là Di, và Thạch Sở sang Tấn làm con tin.

Cao Kháng - Lỗ Công không dự hội ở đất Hổ, mà lại hội thề với Tề ở đất Cốc, để tạm khỏi nạn Tề. Kinh chép từ đất Cốc, thì biết là Lỗ Công không có ở hội đất Hổ.

Triệu Bằng Phi - Tháng 6, Lỗ Công và Tề Hầu, thề ở Cốc, đến mùa thu, mới từ Cốc về nước. Thế thì hội Hổ, Công không có rảnh mà dự được. Công không hội, thì có thể đừng chép. Đây sao lại chép. Là vì: Hội ở Cốc, không đáng thề, mà thề. Hội ở Hổ nên hội, mà lại không hội. Không đáng thề, mà thề, là nhin, là chịu lấy nhục. Nên hội mà không hội, là bỏ lẽ phải, mà đi theo kẻ thù. Cho nên thánh nhân chê, chép là Công cùng Tề Hầu thề ở Cốc mà chư hầu thì hội ở Hổ. Chép thế để rõ là Công đã bỏ mất việc đáng làm.

冬公子遂如齊

ĐÔNG, CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ TOẠI ĐI SANG TỀ

Tả Thị - Tương Trọng (Toại), sang Tề tạ (cảm ơn) việc thề ở Cốc. Khi về có nói: "Thần nghe, người Tề sẽ sang Lỗ ăn lúa mạch (tức là quân Tề tới cướp lúa vào mùa gặt). Cứ như ý thần

ngiht, thì họ không thể tới được. Vua Tề ăn nói vớ vẩn. Tang Văn Trọng có dạy rằng: địa vị chủ dân, mà nói vớ vẩn, thì chết đến nơi”.

Uông Khắc Khoan - Từ khi Thương Nhân cướp ngôi, Lỗ luôn luôn bị đánh. Thương Khanh phải nộp hối lộ để xin thể, vua lại thân hành thể. Xong rồi, Khanh lại lễ sính. Mà vẫn không yên. Chịu hèn kém, mà không bớt được họa. Như thế, vì không nhờ có tay Súc, tay Chúc, thì Lỗ đến phải nguy.

Năm Nhâm Tý - Vua Khuông Vương năm thứ 4.

十有八年
THẬP HỮU BÁT NIÊN
NĂM THỨ 18

Tấn Linh, năm thứ 12. Tề Ý, năm thứ 4. Vệ Thành, năm thứ 26. Sái Văn, năm thứ 3. Trịnh Mục, năm thứ 19. Tào Văn, năm thứ 9. Trần Linh, năm thứ 5. Kỷ Hoàn, năm thứ 28. Tống Văn, năm thứ 2. Tấn Khang, năm thứ 12. Sở Trang, năm thứ 5.

春王二月丁丑公薨于臺下
XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, ĐÌNH SỬ,
CÔNG HOẰNG VU ĐÀI HẠ
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY ĐÌNH SỬ,
LỖ CÔNG MẤT Ở DƯỚI ĐÀI

Tả Thị - Năm thứ 18, mùa xuân, Tề Hâu báo cáo kỳ cảm quân (đánh Lỗ). Nhưng bị bệnh. Thấy thuốc cho là không sống đến mùa thu. Gần chết. Vua Lỗ được tin, mới sai bói rùa, mong rằng vua Tề không tới được, ngày xuất trận. Huệ Bá bói. Sở Khưu đoán: Tề Hâu không được đến kỳ hẹn xuất trận, không phải chết vì ốm. Nhà vua (vua Lỗ), không được nghe cáo phó, người bói sẽ có tai họa (Huệ Bá). Tháng hai, ngày Đình Sửu, Lỗ Công mất.

Cốc Thị - Dưới đài, không phải là nơi chính tẩm.

Triệu Bằng Phi - Quyền nhà vua cứ mất dần, tội tự Văn Công. Con cháu ba nhà, tuy nẩy nở từ đời Hi Công, nhưng suốt đời Hi Công, chưa từng dám chuyên quyền. Đến đời Văn Công, trong họ Mạnh, có Công Tôn Ngao, mở hội ở Thích, thề ở Thùylung. Trong họ Thúc Tô, thì Đắc Thần, hội với Tấn để đánh nước Thâm, đánh rợ Địch ở đất Hàm. Trong họ Quý Thị, thì Hàng Phủ, sang Trần, sang Tấn, đem quân đắp thành ấp. Trong họ Đông môn, có Tương Trọng, thấy chín lần chép trong Kinh, không hội thường, thì hội thề, không hội thề thì lễ sính, không lễ sính thì cầm quân đánh các nước, ngang dọc lại hơn cả ba nhà. Cho nên Lỗ chóng bị họa. Ví thử Văn Công không nhu nhược hèn dòn, thì đại phu chưa dám chuyên quyền. Lúc đầu mới lên ngôi, việc hội bá chủ, việc giao hiếu với các nước gần, chưa thường có thân hành dự. Cứ để cho đại phu đi. Thảng nhưn, không báo việc. Các thảng thường không có lễ thị sóc, lưỡi nhác mè muối, không ra khỏi cung riêng thì còn trị nước sao được. Cho nên lần lượt các đại phu lo chiếm địa vị riêng, ngoài thì phụng sự nước lớn, trong thì ra ơn huệ, tự xén chiếm đất ấp. Nhà vua yếu dần. Quyền hành rời ra tay kẻ khác. Một thân, mắt chưa nhắm, mà hai con bị giết, phi thiếp không được giúp đỡ. Họ Đông Môn, họ Thúc, họ Quý, tranh nhau đi lại với Tề, quay giáo phản nước, giết hại con cái dòng đích trưởng. Tô là Chu Công, còn linh thiêng chưa mất, tôn miếu xã tắc chưa bị diệt, thế mà chủ quyền nhà vua xuống dần, suốt thời Xuân Thu, không lấy lại được. Lỗ kém yếu dần, trách nhiệm ở Văn Công không tránh được.

Lý Liêm - Văn Công ở ngôi 18 năm là một vị vua, về chính trị, thì lưỡi nhác, nước Lỗ bắt đầu suy. Ngay năm mới lên ngôi, còn thừa hưởng được chính trị của Hi Công, trong nước không có việc gì, cho nên Kinh chép lên ngôi, chính trị vốn còn thề thống, mới có những việc Thiên Tử sai quan dự lễ táng, Mao Bá tới ban tích mệnh, Thiên Tử đối đãi với nước Lỗ thật là quý hóa. Thế mà sao vua Lỗ xử sự thì sai bấy tôi đến châu ở Kinh Khuyết.

Công Tôn Ngao thì đi hội với Tần Hầu, đối với Vương, đối với Bá, đến thiếu lễ như thế. Chưa được vài năm, mà lưỡi nhác

việc thờ cúng tổ tiên, trông nom tôn miếu, đến nỗi thế miếu hư sụp, mà lễ nghi cũng bỏ. Việc đón vợ không biết cẩn thận lúc đầu. Việc dùng thiếp là Kinh Doanh không phân biệt chính, thứ, thành ra lễ vợ chồng thế thiếp sinh loạn. Cho nên tiên nho có nói: Kinh ba lần chép không mua, là không có chí tự cường. Xứ Phủ tới thế, bị nhục với Tấn, việc hội minh ở đất Thê Khuê phải hối lộ, bị nhục với Tề, bọn tiên nho bàn thế mà đúng. Tuy nhiên, từ năm thứ 7, sau hội Hồ, năm thứ 13, trước hội Tân Thành, Sở Thương Thân đang lấy công việc bá chủ mà hiệu triệu chư hầu, các nước Tống, Trịnh, Sái, đều ùa theo, thời đó riêng Lỗ vẫn cứ theo Tấn, cho nên việc hội thê Hành Ung, việc Công Tử Toại cứu, việc bàn định ở Thừa Khuông, việc hội ở Đạp, ở Phí, đều không phải là không có ích cho nghiệp bá của Tấn. Trong khoảng vài năm, Sở Tiều, Tấn Thuật tới sính, Tào Bá hai lần lại châu, Lỗ vẫn làm cho chư hầu để ý. Tại sao Tấn không chấn hưng được, Tề thì cứ ngang ngược, Hàng Phủ hai lần cáo mà viện binh không tới, vì thế mới có hội thê ở Dương Cốc, hội thê ở Cốc, rồi nước Lỗ bị khó khăn với Tề. Tuy rằng đến nông nỗi ấy, là vì vua Lỗ Văn Công lười nhác, nhưng cũng là lỗi ở vua Tấn. Còn như việc Kinh Doanh, Tương Trọng, chỉ là tập tục của Thành Phong, nhưng Văn Công trước mặt có người gièm mà không trông thấy, sau lưng có giặc mà không nhận biết, sau khi mình đã chết, thì dòng dõi trưởng bị giết hại, thế có phải là cùng loại Trang Công không.

Uông Khắc Khoan - Hoặc truyền lại là ngã từ trên cao xuống rồi chết, là không được chết chính, chết thuận, thế gọi là phi mệnh. Nay tuy không khảo cứu được cho rõ, nhưng Kinh mà chép chết ở dưới đài, thì cứ cái việc chết không được theo đường chính, cũng là đáng chê.

秦伯 罃 卒
TÂN BẢ ANH TỐT
TÂN BẢ TÊN LÀ ANH MẮT

夏 五 月 戊 戌 齊 人 弑 其 君 商 人

HẠ, NGŨ NGUYỆT, MẬU TUẤT.
TÊ NHÂN THÍ KỲ QUÂN THƯƠNG NHÂN

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY MẬU TUẤT,
NGƯỜI TÊ GIẾT VUA LÀ THƯƠNG NHÂN

Tả Thi - Tê Ý Công, khi còn là công tử, có việc tranh đất cát với bố Bình Xúc, nhưng không tranh được. Khi lên ngôi rồi, mới cho quật mả, lấy xác chặt hai chân đi. Tuy nhiên, cứ cho Xúc giữ chức xa ngự. Rồi chiếm lấy vợ Diêm Chúc, mà lại cho giữ chức Tham Thặng. Mùa hạ, tháng 5, vua Tê ra chơi ở ao Thân Trì, gần cửa tây thành. Hai người Xúc và Chúc, tắm ở ao, Xúc lấy tay đập vào Chúc. Chúc giận. Xúc nói: Người ta cướp vợ anh, anh không giận, một cái đập bằng tay có gì đáng giận, Chúc nói: Người ta chặt chân bố đi, mà không buồn tủi, thì thế nào? Hai người bàn với nhau, rồi giết Ý Công, giấu xác trong bụi tre, xong rồi ra về. Uống rượu, cạn chén, bỏ nước ra đi. Người Tê lập công tử Nguyên (con Hoàn Công).

Tôn Giác - Người Tê giết Thương Nhân là vì chuyện riêng, không phải là đánh giặc, giết giặc. Cứ nghĩa Xuân Thu, giết vua tội lớn nhất. Phải trị tội rõ rệt, chính đính. Nếu không trị tội, mà lại cho là chuyện riêng, thì vẫn cứ là giết vua. Vậy cứ nguyên tình định tội, để còn phòng giữ về sau.

Trương Hiệp - Thương Nhân là thứ giặc đáng phải đánh, phải giết, mà người Tê không cho là giặc, rập đầu xưng làm tôi, coi là vua trong ba năm. Nếu cho là giặc thì không thờ làm vua. Đã thờ làm vua thì không được giết. Nay thờ đã ba năm, một sớm mai, giết đi, loạn xảy ra sau khi ngôi vị đã định. Cho nên chép là giết vua. Hướng chi Thương Nhân đã rộng ra ơn

huệ, mua chuộc nhiều kẻ sĩ, để làm việc thoán thí, thế là người Tề đã cùng đảng, cùng tội. Vì thế, tuy giết Thương Nhân là hai tên Xúc, Chúc, mà đặc biệt chép là người Tề giết.

六月癸酉葬我君文公
LỤC NGUYỆT, QUÝ DẬU, TÁNG NGÃ
QUÂN VĂN CÔNG

THÁNG 6, NGÀY QUÝ DẬU, LỄ CHÔN VUA TA LÀ VĂN CÔNG

秋公子遂叔孫得臣如齊
THU, CÔNG TỬ TOẠI, THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ TỀ
MÙA THU, CÔNG TỬ TOẠI, THÚC TÔN ĐẮC THẦN ĐI SANG TỀ

Tả Thị - Tháng 6, lễ chôn Văn Công. Mùa thu, Tương Trọng và Trang Thúc sang Tề, vì việc lập Huệ Công, và cũng là để tạ việc Tề cho sứ tới dự táng Văn Công. Bà phi thứ hai của Văn Công là Kinh Doanh được sủng ái, sinh ra con là Tiếp (sau lập làm Tuyên Công). Doanh hết sức riêng giúp Tương Trọng. Tuyên Công lớn lên, cứ trông nhờ vào Tương Trọng. Tương Trọng muốn thân với Lỗ ưng thuận ngay.

Cốc Thị - Sứ đi ra, công việc lớn, đến nước lớn, mà không gọi là chánh, là phó. Thế tức là cùng một loại, phụ họa nhau, cho nên chỉ liệt kê tên.

Lưu Sưởng - Văn Xuân Thu, có thường, có biến. Văn biến dùng vào việc biến, văn thường dùng vào việc thường, không phải chỉ có một loại. Văn biến thì rất tế nhị, độc giả khó nhận ra, rồi cứ cho là cứ Sứ chép ra, tức là những chỗ Xuân Thu chỉ gợi ý thôi, do ý đó mà hay dở được rõ. Công Tử Toại sắp giết vua, mưu việc ở Tề, mà sau mới quyết định. Kinh Xuân Thu chép "tử tốt", con mất. Thực ra, việc còn giấu. Cho nên xét nguyên nhân việc họa loạn, nguyên nhân mưu kế gian tà, là rõ ở ngày phụng mệnh đi sứ. Mới biết việc không phải thường.

冬 十 月 子 卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TỬ TỐT

**MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, TỬ MẤT
(TỬ ĐÂY LÀ CON VĂN CÔNG)**

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, Tương Trọng giết Ác và Thị, hai anh em con Văn Công (con người vợ chính là Khương thị) để lập Tuyên Công nối ngôi. Kinh chép "tử tốt", là tránh nói việc thực. Tương Trọng lấy mệnh vua (mệnh của Ác) triệu Huệ Bá (Huệ Bá không ưng việc Tuyên Trọng nối ngôi). Viên Tề, gia thần của Huệ Bá là Công Nhiễm Vụ Nhân ngăn lại và nói: Đi tới tất chết. Thúc Trọng nói: Chết về quân mệnh thì được. Công Nhiễm Vụ Nhân nói: Nhưng không phải quân mệnh thì có nên đi không? Huệ Bá không nghe, cứ đi tới. Bị chết. Xác vùi trong đồng phân ngựa. Công Nhiễm Vụ Nhân đưa vợ con Huệ Bá chạy sang nước Sái, giữ được dòng dõi Thúc Trọng.

Công Thị - "Tử mất" là ai? Là con nhỏ. Sao không chép ngày? vì tránh. Tránh không nữ chép.

Cốc Thị - Tử mất không chép ngày, là có cố.

Trần Phó Lương - Địa vị của Ác chưa định rõ. Thì sao lại gọi là tử. Là muốn chính thức vua đương thời có tan. Phàm vua ở thời tang thì xưng là tử. Chưa lễ chôn vua trước thì xưng là tử mỗ. Chính thức vua ở thời tang, là muốn cho tội giết vua quy vào Tuyên Công.

Xét - Tử mất không chép ngày, Cốc Lương cho là có cố. Không phải thế đâu. Tử Ban trước cũng có cố, sao lại chép ngày. Cốc Lương bảo Tử Ban chết có thấy việc, cho nên chép ngày. Đó là xét thiên lệch không nghe theo được.

夫 人 姜 氏 歸 于 齊

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ QUY VU TỀ

PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ ĐI VỀ NƯỚC TỀ

Tả Thị - Phu nhân Khương Thị về Tề, thế là về hẳn. Khi

ra đi, khóc, qua chợ kêu lên: Trời sao để Trọng vô đạo thế, giết con đích lập con thứ. Người trong chợ đều khóc. Dân nước Lỗ gọi là Ai Khương.

Cốc Thị - Tuyên Công thế là có tội. Có khi không đợi chê trách, mà tội thấy rõ. Có khi chê trách rồi, tội mới thấy. Còn chị em với nhau cả, cứ hiền là quý, sao không vui vẻ xót thương.

Hỗ Truyện - Chép là phu nhân, thì biết là vị chính. Chép là Khương Thị thì biết là không chính, vì đã bị tiên quân bỏ. Chép về nước Khương Thị để lập Tuyên Công nối Tề, thì biết là không có tội, khác lối chép "tôn vu châu", chạy sang nước Châu. Thần tử nước Lỗ giết đích, lập thứ. Kính Doanh, Tuyên Công, đã không biết thờ vua, giữ đích mẫu. Tội tuy không chép mà cũng thấy có.

Uông Khắc Khoan - Lấy chi họ để có liên hệ với họ. Lấy họ để cho liên hệ với chức hiệu, rõ là khác hẳn với bọn thiếp, giáng.

Văn Công đã làm lễ chôn xong, phu nhân mới ra đi, thì biết là con nối đã bị giết, mà phu nhân không thể ở nước Lỗ được nữa. Trường hợp Văn Khương, Ai Khương dự vào việc vua bị giết đều bị chép là chạy trốn. Đây phu nhân bỏ nước Lỗ về Tề, mà chép chức hiệu (phu nhân) chép họ, chép "quy", về, không có một lời chê, thì đủ biết tội con nước Lỗ đều bị chê trách, mà Khương Thị thì không có tội. Đó lời văn của thánh nhân thấm thía rõ ràng như thế. Để cho người khảo sát biết, là vì sao Tử Ác bị giết, và công tử Tiếp nối ngôi.

癸孫行斧如齊

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TỀ

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ ĐI SANG NƯỚC TỀ

Cao Kháng - Trước khi "tử mất", chép sang Tề. Sau khi "tử mất", cũng chép sang Tề. Tề thực là có biết chuyện. Thế là Tề cũng có tội. Tuyên Công năm thứ 18, Hàng Phủ nói: Sai ta giết con đích, lập con thứ là Trọng. Rồi họ Trọng bị đuổi, mà Hàng Phủ thực là có cùng mưu giết Tử Ác để lập Tuyên Công. Cho

nên Xuân Khương ra về Tề, mà Hàng Phủ vội sang Tề. Tử Ác là cháu ngoại vua Tề, Hàng Phủ sợ người Tề nghe phu nhân tố cáo công việc, mà rồi đem quân hỏi tội. Thế cho nên nghị bàn hồi lộ, để cầu được yên chuyện. Cái tội Hàng Phủ, không phải đợi chờ, mà thần tử nước Lỗ đều không thể không trị.

莒弑其君庶其

CỬ THỊ KỶ QUÂN THỨ KỶ

NƯỚC CỬ GIẾT VUA LÀ THỨ KỶ

Tả Thị - Kỷ Công nước Cử có con là Thái Tử Bộc. Sau lại sinh con nữa là Quý Đà. Yêu Quý Đà mà truất ngôi thái tử của Bộc. Trong nước còn làm nhiều việc trái lễ nghi. Bộc dựa vào dân để giết Kỷ Công, rồi chạy sang nước Lỗ, mang theo ngọc quý, hồi lộ cho Tuyên Công. Công ra lệnh cấp cho ấp: Cho ngay từ hôm nay. Quý Văn Tử sai quân Tư Khẩu đuổi Bộc ra khỏi nước và nói: Từ ngày hôm nay phải xử việc cho xong. Công cho hồi duyên cớ. Quý Văn Tử sai thái tử đáp lại: "Tiên đại phu là Tang Văn Trọng có dạy Hàng Phủ (Quý Văn Tử) về lễ thờ vua. Hàng Phủ theo lời dạy không dám sai. Tang Văn Trọng có nói: Thấy người có lễ với vua thì thờ người ta như con thờ cha mẹ. Thấy người vô lễ với vua, thì trị người ấy như điều hâu đuổi chim sẻ. Tiên quân Chu Công chế ra Chu Lễ có nói: Xét người thì xét đức. Đức là chủ việc. Việc có công quả. Công quả là để cho dân sinh sống. Trong các mệnh ban hành, có câu: người bỏ pháp chế là giặc. Người che chở cho giặc là trử gian. Lấy của của người khác là ăn trộm. Ăn trộm của quý của nước là phản quốc. Đó là những thói rất xấu, không pháp luật nào dung tha được. Đoạn ấy ở trong cửu hình (chín hình). Ai mà quên được - Nay xét kỹ hành vi của Bộc nước Cử thì Hàng Phủ tôi không thay có gì đáng lấy làm phép. Hiếu, kính, trung, tín, là các đức hay. Ăn trộm, làm giặc, chứa giặc, phản quốc, là các đức hung. Xét Cử Bộc, về hiếu, kính thì hấn giết vua cha. Về trung tín, thì hấn ăn trộm ngọc quý. Con người đó là trộm, là giặc. Các bảo vật hấn đem theo, chúng tỏ là tên phản quốc. Che chở hấn, giúp hấn là oa trử giặc. Thế là làm gương xấu cho dân. Dân

sẽ không làm điều hay nữa, mà quay về con đường đức hung. Vì thế phải đuổi Bộc đi.

Ngày xưa họ Cao Dương (vua Chuyên Húc), có tám người hiền giúp việc: Thương Thư, Đồi Ngai, Đào Dẫn, Đại Lâm, Mang Hàng, Đình Kiên, Trọng Dung, Thúc Đạt. Tám vị đó rất sáng suốt, thông minh, tài năng, đức độ, thực là hoàn toàn. Dân trong thiên hạ đều phục là bát khải.

Họ Cao Tân (vua Đế Cốc) có tám vị là: Bá Phấn, Trọng Kham, Thúc Hiến, Quý Trọng, Bá Hồ, Trọng Hùng, Thúc Báo, Quý Ly. Các vị đó, trung chính, cẩn thận, kính cẩn, hiền hòa. Dân trong thiên hạ gọi là bát Nguyên.

Mười sáu họ đó, đức hay vẫn truyền đời, không bị quên. Khi vua Nghiêu làm vua, chưa dùng được ai, nhưng có ông Thuấn giúp. Ông Thuấn tiến cử bát Khải (dòng dõi các vị trên) coi việc đất nước. Từ đó, mọi công việc đều hợp mùa, và có trước sau. Đất được san sửa. Trời lại ban lộc. Thuấn tiến cử bát Nguyên (dòng dõi các vị trên) sai truyền bá khắp nơi, năm đạo thường là cha nghĩa mẹ từ, anh hữu, em cung, con hiếu. Thành ra, trong ấm, ngoài êm.

Xưa kia, họ Đế Hồng (Hoàng Đế) có một người là Hoan Dâu, không có tài đức, ghét bỏ người hay, che chở giặc cướp, cứ thích theo ác đức, thích hợp đảng với bọn ác, thiên hạ gọi là Hồn Đôn (tối tăm). Họ Thiệu Hiệu cũng có một người như thế, gọi là Cung Công không có trung, tin mở mồm là nói điều ác, chuộng kẻ gian ác, ưa siểm nịnh vu oan cho người ngay. Thiên hạ gọi là Cung Kỳ (quá ngu).

Xưa, vua Xuyên Húc, có Tướng, không ai khuyên dạy được, không biết lời hay lẽ phải. Bảo cho biết thì ngang ngạnh không nghe. Để cho tự làm thì gian xảo. Đã ngạo lại ác đối với người hay, làm loạn hết phép thường. Thiên hạ gọi là Đào Ngột (quái vật). Ba họ ấy tên ác còn truyền lại. Khi Nghiêu lên ngôi mà cũng không trừ khử được bọn theo nếp các họ ấy.

Họ Tấn Văn, có nhiều phụ tá hung ác, chỉ biết ăn, biết uống, ưa thích đồ hối lộ, tham quyền, có bao nhiêu cũng không đủ, lấy thuế nặng, tích trữ của cải, tham gian không còn giới hạn, không

để ý đến cô quả, khôn cùng. Thiên hạ so với Tam Hung, gọi là Thao San (tham ăn, tham của).

Thuấn làm tôi vua Nghiêu, tiếp chư hầu tứ phương, đuổi bốn hạng Hung ra ngoài cõi. Cho nên khi Nghiêu mất, thiên hạ quay về một mối, đồng lòng tôn Thuấn lên ngôi Thiên Tử, vì đã tuổi tứ Hung, đã cử 16 Nguyên, Khai. Vì lẽ ấy mà Sách Ngu Thư kể công vua Thuấn, có nói: Thuấn cẩn thận thi hành ngũ điển (năm phép). Từ đấy không ai dám trái ngũ điển. Thuấn còn coi xét bách quan, tùy theo thời và theo thứ tự, không có việc gì nhân bỏ. Tiếp chư hầu từ bốn phương lại, yên vui, không có người hung ác. Công to, tính ra Thuấn có đến hai mươi công. Rồi lên làm vua.

Hàng Phũ nay chưa có cử được một người hay, chưa có đuổi một người hung. Nhưng mong rằng chưa làm nên tội gì.

Phụ lục Tả Truyện - (Tổng Chiêu Công bị em là Bào sai giết. Bào lên ngôi thay, khi chết, thụy là Tổng Văn Công). Họ Vũ Mục nước Tống xui một con Chiêu Công giúp đỡ quan Tư Thành, tên là Tu (em Văn Công) để làm loạn. Tháng 12, Tống Công xử tử em (em cùng mẹ) là Tu và một người con Chiêu Công. Sai các dòng dõi Đái Công, Trang Công, Hoàn Công, đánh họ Vũ ở dinh quan Tư Mã Tư Bá. Xong rồi, đuổi họ Vũ đi, phong cho Công Tôn Sư làm Tư Thành. Sau khi công tử Chiêu chết rồi, phong Nhạc Lữ làm Tư Khẩu để dân được yên tâm.

Công Thị - Tại sao lại chép là nước (nước Cử) giết. Là vì nhiều người giết.

Ngô Trùng - Cứ như lời Tả thị, thì chính thái tử Bộc giết nó. Xuân Thu sao lại chép là nước giết? Vả lại Bộc đã cùng người trong nước giết vua, thì đáng lẽ tự nhiên lập làm vua, chứ sao lại chạy sang Lỗ. Nghi rằng, dưới những chữ "nhân quốc nhân", thì chữ dĩ nên đổi là chữ chi (phải coi bản chữ của Tả Truyện), như thế, nghĩa câu đó sẽ là: Bộc nhân thấy người trong nước giết vua, mới sợ họa lây đến mình mà chạy trốn.

Trác Nhĩ Khang - Kỷ Công ăn ở vô lễ, Bộc nhân thấy dân ghét, nhân dịp giết đi, tất là được nối ngôi, sao lại còn chạy trốn. Người trong nước đã ghét Thứ Kỳ, sao không lập người mà dân ưa.

Nếu như thực là Bộc giết, sao Xuân Thu lại không chép, họ Ngô đã nghi rồi có thuyết của Triệu Khuông, thuyết đổi chữ, nói rằng: Trong tả truyện, câu “Bộc, nhân người nước, để (dĩ) giết vua” phải đổi chữ dĩ ra chữ chi (chữ chi có nghĩa là đã). Đổi thế, thì văn Kinh dễ hiểu là Bộc không giết vua, mà rồi mọi điều nghi kỵ được cởi mở. Nhưng có biết đâu thời xưa, thường dùng hai chữ 以 và 已 như nhau. Vậy hai chữ cùng có nghĩa là đã. Văn thì viết mặt chữ 以 mà nghĩa thì là chữ 已. Vậy không cần bàn đến việc đổi chữ (chữ dĩ ra chữ chi). Ngay như nhân 因 cũng có hai nghĩa. Chữ nhân trong nhân duyên không như chữ nhân trong nhân phụ.

Bộc thấy người trong nước giết vua sợ mình bị họa, trộm lấy vật quý, rồi chạy trốn, chỉ là vì lợi cho mình mà thôi.

Xét - Tả Thị bảo là Cử Bộc, nhân người trong nước mà giết vua. Ngô Trùng, Trác Nhĩ Khang đều nghi, mà Trác Nhĩ Khang thắng lợi. Nay đều nghi cả.

XUÂN THU QUYỂN THỨ TÁM

宣 公

TUYÊN CÔNG

VUA LỖ TUYÊN CÔNG

Khổng Đình Đạt - Xét Lỗ Thế Phả, Tuyên Công tên là Nuy, hoặc viết là Tiếp, là con vua Văn Công, do thiếp Kính Doanh sinh ra, lên ngôi vào niên hiệu Chu Khuông Vương năm thứ 5. Theo phép đặt tên thụ, hay hỏi việc cho đủ, cho rõ thì gọi là Tuyên.

Năm Quý Mão - Vua Khuông Vương năm thứ 5.

元 年

NGUYỄN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Linh, năm thứ 13. Tề Huệ Công, Công năm đầu. Vệ Thành, năm thứ 27. Sái Văn, năm thứ 4. Trịnh Mục, năm thứ 20. Tào Văn, năm thứ 29. Tống Văn, năm thứ 3. Tần Cung Công, năm đầu. Sở Trang, năm thứ 6.

春 王 正 月 公 即 位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

Công Thị - Nối vua bị giết, không chép việc lên ngôi. Đây chép là tại sao? Là có ý.

Cốc Thi - Nổi vua bị giết mà chép lên ngôi, biết là có ý.

Trương Hiệp - Tuyên Công được giặc giết vua, lập lên ngôi, thì tội như tội Hoàn Công. Thế mà trong khoảng 18 năm, đều chép chữ vương đầu năm, khác lối chép về Hoàn Công, là vì pháp lệ đã áp dụng thời Hoàn Công trước rồi. Lý lẽ của trời không thể quên đi mãi được, mà phép của Vương không thể bỏ lâu được. Cho nên chép chữ vương để giữ phép lớn, mà cũng để cho rõ tội của Tuyên Công.

公子遂如齊逆女

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ

CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ ĐÓN VỢ CHO TUYÊN CÔNG

Tả Thi - Năm đầu, mùa xuân, tháng giêng, Công Tử Toại sang nước Tề đón vợ cho Tuyên Công, là tôn mệnh vua. Tháng ba, Toại đưa phu nhân là Phụ Khương từ nước Tề tới. Thế là tôn phu nhân.

Đỗ Dự - Trong tang mà cưới vợ, Kinh không chê. Vì không dợt chê trách mà việc đã sáng rõ.

三月遂以夫人婦姜至自齊

TAM NGUYỆT, TOẠI DĨ PHU NHÂN,

PHỤ, KHƯƠNG CHÍ TỰ TỀ

THÁNG BA, TOẠI ĐƯA PHU NHÂN PHỤ,

LÀ KHƯƠNG TỪ NƯỚC TỀ VỀ LỖ

Công Thi - Toại sao không chép là công tử? Vì có một việc mà hai lần kể, thì nói tên thôi. Phu nhân sao lại không chép chữ họ, họ Khương. Thế là chê. Sao lại chê? chê vì trong tang mà cưới. Đây là Lỗ Công cưới. Sao lại chê phu nhân. Vì người trong nước không nên chê vua nước, thì chê phu nhân, vì phu nhân và vua cũng là một. Sao lại chép chữ phụ. Ý nói như đón dâu.

Cốc Thi - Không chép chữ họ vì tang chưa hết, cho nên chép

thế là chép lược qua. Chép chữ phụ là đi đón dâu.

Toại "tự Tề về", tự Tề là có lễ nghi quan trọng. Chính thực là phu nhân tự Tề về. Cho nên Toại mà đưa về, cũng được dùng chữ tự Tề về.

Phục Kiện - Thời xưa, trong lễ cưới, thiếu một lễ, thì người con gái biết tự trọng, không về nhà chồng. Cho nên Kinh Thi có nói: Dù có kiện ta ngay, ta cũng không thuận nghe. Tuyền Công trong tang cưới vợ. Phu nhân thuận nghe theo cũng là phi lễ. Cho nên không chép họ. Chép qua loa, tức là tỏ ý khinh khi, không đếm xỉa.

夏季孫行斧如齊

HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHU TỀ
MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TỀ

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Văn Tử sang Tề. Nạp hồi lộ, để xin hội thề.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu chép là Hàng Phủ sang Tề, mà không chép nguyên nhân. Bảo là nộp hồi lộ để xin Tề cho hội, là Truyện chép thế. Đọc Kinh, có khi không phải đọc thêm Truyện, cứ so sánh các việc là biết rõ ngay. Ở dưới có chép công hội với Tề Hầu tại Bình Châu thì biết có được hội đó là do Hàng Phủ xin được. Kinh lại chép người Tề lấy ruộng Tề Tây, thì biết rằng có hối lộ bằng ruộng Tề Tây mới xin được hội. Dù Truyện không chép mà việc đã rõ. Chư hầu lập ra chức khanh để giúp nhà vua chư hầu, cũng như trong nhà có cột. Thế mà lo việc nước như Hàng Phủ, thì không đợi chờ, đã thấy rõ tội lỗi rồi. Nếu không thế, giá như Hàng Phủ cần lao, cung kiệm, trải ba đời vua không tích trữ của riêng, thế tất làm cho vua được hay, mà tên mình ngang với tên Ân Anh.

晉放其大夫胥甲斧于衛

TẤN PHONG KỲ ĐẠI PHU TƯ GIÁP PHỦ VU VỆ
NƯỚC TẤN ĐUỔI ĐẠI PHU LÀ TƯ GIÁP PHỦ
ĐI SANG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Người Tấn trị Tư Giáp Phủ về tội đã không tuân mệnh. Phóng trực Tư Giáp Phủ sang nước Vệ, cho con là Tư Khắc thay chức tùy tướng là Tiên Tân chạy trốn sang nước Tề.

Công Thị - Phóng là thế nào? Cũng như nói là không triệt. Thế sao lại chép. Vì là việc gần được chính (thắng ngay). Thế nghĩa là thế nào? Thời xưa đại phu đã bỏ nước đi, trong ba năm đợi lệnh vua đuổi. Vua mà đuổi là không phải. Đại phu mà đợi đuổi là phải.

Thời xưa, bấy tôi mà có tang bố mẹ, thì vua ba năm không gọi sai việc, hết một năm tang, có thể mũ áo vào triều, hoặc mặc giáp trụ theo quân. Vua mà sai thì không phải. Tôi mà theo mệnh là phải (đúng lẽ). Thấy Mẫn Tử còn đại tang mà làm việc theo lệnh vua, vẫn theo lệnh, nhưng có nói: "Cứ đạo xưa, sao lại thế, không thể tắt lòng người". Rồi Mẫn Tử xin thôi làm quan. Không Tử cho là phải.

Cốc Thị - Phóng cũng như là trừ bỏ. Chép là nước phóng, là phóng người vô tội.

Hồ Truyền - Tấn và Tấn đánh nhau ở Hà Khúc. Làm hại mưu của Du Biền, là Triệu Xuyên. Nếu trị kẻ không tuân mệnh, thì đáng lý ra, Xuyên là thủ phạm. Chỉ một việc ở cửa trại mà nói to lên, là đủ buộc tội. Thế mà chỉ phóng có một mình Tư Giáp Phủ. Triệu Thuần cầm quyền chính trong nước mà che chở cho cháu là Xuyên thì biết rằng, việc sử ghi giết vua ở Đào Viên đã hình hiện ra từ đây. Cho nên chép là nước phóng (đuổi), dù biết chính trị ở nước Tấn vì việc riêng mà hại đến việc công, để cho đời sau lấy làm răn.

Xét - Công Dương mà kể rằng, đại phu bỏ đi, ba năm sau mới bị phóng trực, tức như Mạnh Tử nói rằng, đại phu đã bỏ đi ba năm không về, rồi sau nhà vua mới tịch thu ruộng ấp.

Nếu không đợi, mà vội phóng trục, tức như Mạnh Tử nói, ngay ngày đại phu bỏ đi, thu ngay ruộng ấp.

Từ trận Hà Khúc tới nay đã tám năm, Tấn mới phóng trục Tư Giáp Phủ, thế là có đợi rồi mới phóng trục. Cho nên Công Dương cho là gần được chính, mà Hồ Truyện thì bác đi, cho rằng đại phu đã giữ chức quan không xin mệnh thiên tử mà cứ tự phong cho; rồi lúc đại phu có tội, không trình với quan Tư Khấu mà cứ tự tiện trừng phạt. Vì các cơ ấy, Hồ Thị cho là xa chính, chứ không gần chính. Xét đầu thời nhà Chu, có một nghìn tám trăm chư hầu, nếu các việc hình ngục đều phải tâu thiên tử, thì quan Tư Khấu nào mà làm việc cho xuể được. Tư Giáp Phủ là Phụ Tá đạo Hạ quân đã không phải là đại phu do thiên tử phong, chỉ có bị phóng trục, chứ không có việc tự chuyên xử tử, thế mà lại buộc Tấn vào tội không cáo với quan Tư Khấu, thế tức là câu nệ về nghĩa tôn vương mà không biết là việc không làm được. Thế chỉ là cố chấp. Tuy nhiên kinh sao lại chép. Chép là trách Triệu Xuyên cùng tội mà riêng Tư Giáp Phủ bị trị. Phép Xuân Thu, chép là nước giết, mà không bỏ quan tước, cứ chép cả quan tước, là tội có liên lụy đến trên, chính là trường hợp này. Ví như Tư Giáp Phủ thực là có tội, mà phóng trục không đúng hần lý lẽ, thì chép việc cũng là rõ ý liên lụy đến trên, đã cho rõ nghĩa.

Nay san bớt Hồ Truyện, chỉ bàn luận lại thôi.

公會齊侯于平州

CÔNG HỘI TÊ HẦU VU BÌNH CHÂU

LỖ CÔNG HỘI VỚI TÊ HẦU TẠI BÌNH CHÂU, ĐẤT NƯỚC TÊ

Tả Thị - Hội tại Bình Châu, để định ngôi vị của Lỗ Công.

Uông Khắc Khoan - Tê Huệ, nhân việc nghịch của hai tên Xúc, Chúc mới được lên ngôi vua, cho nên khi Lỗ Tuyên nộp hối lộ để cầu được hội, thì Tê Huệ rất vui vẻ thuận theo, thế là cùng có tội hay cùng che chở cho nhau. Nước Tê vốn đã mạnh, đã lớn sẵn, đủ để bênh vực Lỗ, cho nên vua tôi nước Lỗ hết sức cố kết với Tê.

公子遂如齊

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TÊ

CÔNG TỬ TOẠI SANG TÊ

Tả Thị - Đồng môn Tương Trọng (ở gần cửa đông, thành tên là Đồng Môn) sang Tề tạ việc Tề đã cho hội Bình Châu.

Uông Khắc Khoan - Toại và Đắc Thần cùng sang Tề, xin cho công tử Tiếp được lập, mưu kẻ nghịch thần khởi thủy lúc đó. Nay đã định được ngôi vị Tuyên Công xong, sang Tề tạ ơn việc đã thành, thế là mưu của nghịch thần kết chung.

六月齊人取濟西田

LỤC NGUYỆT, TÊ NHÂN THỦ TẾ TÂY ĐIỀN

THÁNG SÁU, NGƯỜI TÊ LẤY RUỘNG TẾ TÂY, (ĐỔ CHÚ CHO RUỘNG ĐÓ TRƯỚC LÀ CỦA NƯỚC TÀO. HI CÔNG NĂM THỨ 31, TẤN VĂN LẤY RỎI CHIA CHO NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Tháng sáu, người Tề lấy ruộng Tề Tây, ruộng đó, Lỗ Công hồi lộ cho Tề để được nối ngôi.

Công Thị - Nước ngoài lấy ấp thì không chép. Đây sao chép? Là vì hồi lộ cho nước Tề. Sao lại hồi lộ. Là vì giết vua nhỏ.

Cốc Thị - Đã là Sử trong nước thì không chép chữ thủ là lấy. Đây chép lấy, là vì đất ấy của nước khác giao cho Lỗ, Lỗ lại cho Tề.

Trình Tử - Tuyên Công nhân việc bất nghĩa, được ngôi vua, hồi lộ Tề để cầu Tề giúp. Tề nhận, giúp kẻ bất nghĩa. Cho nên chép là lấy. Đã bất nghĩa thì không giữ được đất, cho nên không chép là của ta. Mà cũng không phải dùng quân đội để lấy, cho nên không phải kiêng. Đã không phải là của mình có, mà lại mất thì đều tránh kiêng nói rõ.

秋 鄭 子 來 朝

THU, CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA NƯỚC CHÂU TỚI CHÂU

Hồ Ninh - Phàm việc triều sinh, thì kinh không chép. Chưa từng câu nào chép mà lại không có ý nghĩa. Tuyên Công được bọn giặc giết vua lập lên, Châu Tử tới châu mà không thấy có lời chê, vì khi Châu Tử châu Lô Hoàn đã bị chê. Công Dương có nói, về sau cứ theo đó, nghĩa là cũng chê như thế, cũng lời đó.

楚 子 鄭 人 侵 陳 遂 侵 宋

SỞ TỬ, TRỊNH NHÂN, XÂM TRẦN, TỤY XÂM TỔNG

**VUA SỞ, NGƯỜI TRỊNH XÂM NƯỚC TRẦN,
RỒI XÂM NƯỚC TỔNG**

Tả Thị - Người Tống giết Chiêu Công. Tuân Lâm Phủ đem quân các chư hầu đến đánh Tống. Tống và Tấn hòa. Tống Văn Công chịu thể với Tấn, lại hội cùng chư hầu tại đất Ung. Sắp cùng với Lỗ đánh Tề. Thế rồi mỗi nước được đồ hồi lộ, là kéo quân về. Trịnh Mục Công nói: Tấn không đáng theo. Rồi chịu thể với Sở. Trần Cung Công mất. Người Sở đối với Trần không có lễ. Trần Linh Công mới hội thể với Tấn. Mùa thu, vua Sở đem quân xâm nước Trần, rồi xâm nước Tống.

晉 趙 盾 帥 師 救 陳

TẤN TRIỆU THUẦN SUẤT SƯ CỨU TRẦN

TRỊỆU THUẦN NƯỚC TẤN CẦM QUÂN CỨU NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Tấn Triệu Thuần cầm quân cứu nước Trần, nước Tống.

Cốc Thị - Khen việc cứu nước Trần.

Trương Hiệp - Trần không có tội mà bị đánh, đáng được cứu. Tống có tội giết vua, không nên cứu, cho nên chép lược qua.

Gia Huyền Ông - Truyện chép là cứu Trần và Tống. Kinh không chép cứu Tống, không cho việc cứu Tống là phải. Tống mang tội giết vua. Người Tấn nhận hối lộ không đánh, mà Sở lại đánh, tuy rằng Sở mục đích không phải vì việc nghĩa mà đánh Tống, nhưng giặc thí nghiệm thì ai nấy đều có quyền trị. Sở trị, Tấn cứu. Cho nên Xuân Thu không cho cứu là phải.

宋公 陳侯 衛侯 曹伯 會晉師于 棐林 伐鄭

TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ,

HỘI TẤN SƯ VU PHỈ LÂM PHẠT TRỊNH

TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, HỘI VỚI QUÂN TẤN Ở ĐẤT PHỈ LÂM, ĐẤT NƯỚC TRỊNH, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Hội tại Phỉ Lâm để đánh Trịnh, Tướng Vi Giã nước Sở cứu Trịnh. Hai bên quân gặp nhau ở Bắc Lâm, đất nước Trịnh, Sở bắt được tướng Tấn là Giải Dương, Quân Tấn lui về.

Công Thị - Đây là quân đội của Tấn Triệu Thuần. Tại sao không nói là quân đội của Triệu Thuần? Vì vua chư hầu không thể chép là cùng hội với đại phu.

Cốc Thị - Liệt kê cả các chư hầu mà hội với Triệu Thuần nước Tấn, thế là làm cho việc của Triệu Thuần thành to, thành quan trọng. Sao lại viết là quân đội. Để làm cho to chuyện. Dùng lại đất Phỉ Lâm rồi mới kéo đi đánh Trịnh. Sao lại chép nơi dừng quân. Là để cho rõ cách oai hùng.

Đỗ Dự - Quân đội Tấn cứu Trần, Tống. Vua bốn nước tới hội để cùng đánh Trịnh. Không nói hội với Triệu Thuần, mà nói là hội với quân Tấn. Thế là hội hợp binh, chứ không phải hội giao hiếu.

Lục Thuần - Công Dương nói, đó là quân đội của Tấn Triệu Thuần. Sao không nói ngay là quân đội của Triệu Thuần. Vì vua không hội với đại phu. Triệu Thị có bàn: "Xét trong thời Xuân Thu, chư hầu hội với đại phu không phải chỉ có một lần. Sao ở đây lại cứ phải bàn về nghĩa". **Cốc Lương** có nói: Liệt kê chư hầu, mà hội với Tấn Triệu Thuần là làm cho việc Triệu Thuần

to ra, quan trọng ra. Đạm Tử thì bàn rằng, quân đội Tấn trước đã chép. Nay bốn nước tới hội, thì việc cũng là lệ thường. Còn có gì mà phải giải nghĩa. Lại nói: Ghi nơi họp, rồi sau mới đánh Trịnh là lời chép nghi ngờ. Triệu Tử có bàn: Phàm nhiều nước họp lại cùng làm việc, thì cái lý do, Xuân Thu chỉ ghi đại cương, để cho rõ là phải hay không phải chứ đâu có lệ cứ phải xét “có mưu bàn” hay “không mưu bàn” mà họp. Lại nói: Đây chép nơi họp là cho việc đẹp thêm quan trọng thêm. Xét Xuân Thu chưa có lấy việc ghi nơi họp làm lệ khen.

Xét - Hồ Truyền bàn là sau câu “Tấn, Triệu Thuần suất sư”, mới thấy chép liệt kê các vị chư hầu, mà lại chép tên họ đại phu, thì thành ra thần ngang với quân, thế thì không còn để dạy ai được. Vì thế, chép là hội với quân Tấn, là để cần trọng lễ nghi. Đây là gốc cái thuyết của Công Dương bảo “vua không hội với đại phu”. Thế mà khảo câu trong Kinh Xuân Thu thì chưa hẳn là như thế. Bảo rằng: “Thần không thế ngang với đại phu, cho nên quân không hội với đại phu”, thì hội với quân đội cũng vậy, mà hội thế cũng như thế. Thư Văn Công, năm thứ 14, thế ở Tân Thành, mà tên Tấn Triệu Thuần, liệt kê dưới các vua chư hầu, đầu có hiêm là ngang với vua: Hi Công Công năm thứ 25, thế ở Thao, có Cử Khánh: năm thứ 26 thế ở Hương, có Vệ Ninh Túc hành Công năm thứ 15, thế ở Thích, có Tề Quốc Tá, Định Công năm thứ 4. Thiệu Lăng xâm Sở, thì có Tề Quốc Hạ, đều có vua hội với đại phu, văn Kinh Xuân Thu đều liệt kê, mà không có lời nào khác cả. Sao đôi với những trường hợp ấy, không thấy cần trọng về lễ nghi. Vậy ở nơi đây, chép là quân đội Tấn mà không chép Triệu Thuần, thì cái nghĩa là thế nào. Vả lại hoặc quân đội, hoặc đại phu, thì cùng như nhau. Ở một hội thì lấy người cùng hội làm chủ. Ở việc chinh chiến, thì các người cùng dự đều tôn trọng, nghĩa, mà có cần đến đại phu, thì chép đại phu, nghĩa mà có cần đến quân đội thì chép quân đội, bất tất là cứ phải chép đại phu. Đỗ Dự bảo rằng hội về quân thì vẫn không phải là hội hay. Đỗ Dự bàn phải. Cốc Lương bàn rằng: Hội ở đất Di, trước chép tên đất, sắp chép việc đánh, cho là nghi từ, là để cho rõ ý hay. Hồ Thị nghe theo. Triệu thì bác đi rất là phân minh cho nên nay không chép vào đây lời bàn của Công Thị, Cốc Thị, Hồ Thị.

冬 晉 趙 穿 出 師 侵 崇

ĐÔNG, TẤN TRIỆU XUYỀN SUẤT SỰ XÂM SÙNG

MÙA ĐÔNG, TRIỆU XUYỀN NƯỚC TẤN

CẨM QUÂN XÂM NƯỚC SÙNG

Tả Thị - Tấn muốn cầu hòa với Tần. Triệu Xuyền nói: Ta xâm nước Sùng. Tần giáp Sùng tất tới cứu. Bấy giờ ta cầu hòa mới dễ. Mùa đông, Triệu Xuyền xâm Sùng. Tần không chịu hòa với Tấn.

Công Thị - Sùng là gì? Là ấp của Thiên Tử. Tại sao không nói đến Chu? Là không muốn cho đánh Thiên Tử.

Lưu Sưởng - Công Dương cho Sùng là ấp của Thiên Tử. Không nói đến Chu. Vì không có đánh Thiên Tử. Công Dương bàn sai. Giả thử cứ cho như Công Dương nói đất của Chu là đúng sự thật thì Triệu Xuyền mà dám đánh, là Tấn bị tội lớn, sao Kinh Xuân Thu lại không chê.

Gia Huyên Ông - Tấn muốn cầu hòa với Tần, sao không sai sứ tới nói rõ tình giao hiếu các vua trước, thì Tần cũng chịu hòa. Nay lại xâm nước Sùng để cầu hòa Với Tần. Thì Tần lại càng phải tức giận, mà việc chiến tranh lại càng khó gỡ. Xét cái chí của Xuyền chỉ là sinh chuyện, để giữ lấy binh quyền.

晉 人 宋 人 伐 鄭

TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, PHẠT TRỊNH

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Người Tấn đánh Trịnh là để báo lại việc Bắc Lâm. Thế là vua Tấn bắt đầu ngang ngược. Triệu Tuyên Tử nhiều lần can mà không được nghe, cho nên Tấn không hơn được Sở.

Cóc Thị - Đánh Trịnh là để cứu Tống.

Gia Huyên Ông - Mùa thu, Tấn đánh Trịnh thì chép cả tước. Nay đánh Trịnh, thì chép là người Tấn. Sao thế? Vì Trịnh hợp với Sở, đánh Trịnh là vì lẽ công. Tấn ăn hối lộ, giúp việc

thoán nghịch, rồi lại đi với Tống để đánh Trịnh là vì lợi tư. Cho nên đánh Trịnh thì chép tước, vì Tống mà đánh Trịnh thì chép người Tấn, đánh Trịnh thì nên. Vì Tống mà đánh Trịnh thì không nên.

Năm Giáp Dần. Vua Khuông Vương năm thứ 6.

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tấn Linh năm thứ 14. Tề Huệ năm thứ 2. Vệ Thành năm thứ 28. Sái Văn năm thứ 5. Trịnh Mục năm thứ 21. Tào Văn năm thứ 11. Trần Linh năm thứ 7. Kỳ Hoàn năm thứ 30. Tống Văn năm thứ 4. Tần Cung năm thứ 2, Sở Trang năm thứ 7.

春王二月壬子宋華元帥師及鄭公子歸生

帥師戰于大棘宋師敗績獲宋華元

**XUÂN VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, NHÂM TÝ, TỔNG HOA
NGUYỄN SUẤT SU CẬP TRỊNH, CÔNG TỬ QUY SINH
SUẤT SU, CHIẾN VỤ ĐẠI CỤC. TỔNG SU
BẠI TÍCH HOẠCH TỔNG HOA NGUYỄN**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY NHÂM TÝ,
HOA NGUYỄN NƯỚC TỔNG CẦM QUÂN VÀ QUY SINH
CON VUA VĂN CÔNG NƯỚC TRỊNH, CẦM QUÂN
ĐÁNH NHAU Ở ĐẠI CỤC. QUÂN ĐỘI TỔNG TAN VỠ,
HOA NGUYỄN NƯỚC TỔNG BỊ BẮT**

Chiến tranh từ đây bắt đầu chép đại phu cầm quân.

Tả Thị - Năm thứ hai, mùa xuân. Trịnh Công tử Quy Sinh, tuân mệnh Sở đem quân đánh Tống. Hoa Nguyễn và Nhạc Lữ nước Tống chống lại. Tháng hai năm Nhâm Tý, đánh nhau tại đất Đại Cốc. Quân Tống tan vỡ. Hoa Nguyễn Nhạc Lữ, bị bắt

cùng với 460 chiến xa, và 250 quân. Một trăm quân bị giết lấy mất đầu. Một người Tổng tên là Cuồng Giáo đương đầu với một quân Trịnh. Quân Trịnh nhảy xuống giếng. Giáo quay cán giáo đưa cho vịn vào lên được khỏi giếng. Thế là Giáo bị tên quân Trịnh đó bắt. Người quân tử bàn: Đã trái lẽ thường và sai lệnh trên, bị bắt là đáng lắm. Lẽ thường là ra trận phải có can đảm, có nghị lực, mà theo lệnh trên. Giết được giặc là can đảm đến tột bậc là có nghị lực. Trái thế là đáng bị xử tử. Khi sắp sửa đánh nhau. Hoa Dương có cho làm thịt con dê đãi tướng sĩ. Viên Xa ngựa là Dương Châm không được phần thịt. Đến khi chiến, Châm nói: Hôm qua việc chia thịt dê, ngài là chủ, việc hôm nay, tôi là chủ. Đánh xe Hoa Nguyên, hấn cho ngựa đi thẳng vào giữa đám quân Trịnh, vì thế Sinh thua to. Người trí thức bàn là Dương Châm không đáng làm người, vì một chút hận nhỏ mà hại nước, chết dân, còn tội nào nặng hơn, Kinh Thi có thiên: Người vô lương, chính là hạng Dương Châm, làm hại dân để báo được thù vật.

Người Tổng lấy một trăm cỗ chiến xa và một trăm xe thương giống bốn ngựa dê chuộc Hoa Nguyên. Khi một nửa số xe vào Trịnh rồi, thì Hoa Nguyên trốn ra được và trở về Tổng. Dừng lại ở cửa Thành, xưng tên rồi vào. Gặp Thúc Tường (Dương Châm) nói: Lỗi ở ngựa không hay. Châm đáp: Không phải tại ngựa, chính là tại người. Nói xong, bỏ đi sang Lỗ.

Thành quách Tổng phải tu bổ lại. Hoa Nguyên đốc công, đi quanh thành, thường nghe tiếng phu hát: Mất lỗi bụng phê họ giáp mà về, mất mày râu rìa, bỏ giáp mà về. Hoa Nguyên cho một phu dịch lên cùng ngồi xe hỏi: bỏ còn có da, tê giác chưa thiếu, bỏ giáp có làm sao. Người phu nói: Đã dành da bỏ còn, nhưng tìm đâu ra sơn, ra thuốc để chế giáp Hoa Nguyên nói: Cho xuống, người cãi ta thì nhiều, ta một mình chống đối sao (ý nói Hoa Nguyên tự biết mình mà không thù ai).

Cốc Thi - Dùng chữ hoạch là chữ xấu, không hay gì cho người bị hoạch, lấy toàn quân để cứu tướng, đem cả ba quân dịch với một Hoa Nguyên. Có bị bắt Hoa Nguyên cũng không phục. **Hồ Truyện** - Hai bên quân đánh nhau. Chủ tướng bị bắt. Thua là

rõ lắm. Lại chép quân đội tan vỡ, thì lời chép thừa. Rõ ràng là đại phu dù cho có quý, cũng như quân thôi. Cho nên tướng quý mà quân ít thì chép tướng, chứ không chép quân. Quân đông, tướng kém hèn, thì chép quân đội, không chép tướng. Tướng quý, quân quý cùng chép cả, là để vị nhân quân biết rõ, đừng nên khinh thường việc dùng quân đội kén chọn tướng lĩnh. Nghĩa thật là sâu sắc.

Có người bàn rằng: Nguyên súy là cầm đầu tam quân, mà khinh trọng đến như thế. Lấy việc hành binh mà xét thì nguyên súy là cầm đầu. Lấy việc nước mà xét, thì được lòng dân chúng là căn bản. Nước Trịnh sai Cao Khắc cầm quân, chống với rợ Địch ở biên cương, ý muốn cho Khắc đi xa, mà không để ý đến quân. Sở lấy ít quân đi theo Đắc Thần, là sợ hại đến quân mà không để ý đến tướng. Cho nên Trịnh có tội khinh thường bỏ quân đội. Sở có tội giết đại phu. Có rõ nghĩa đó, sau mới hiểu được đạo vương giả và quyền hành có nặng nhẹ.

Xét - Việc chiến ở Hào, không chép là quân đội bị tan vỡ, mà chép là bị bắt. Cốc Lương cho là Tấn hầu đã mất dân. Đây thì, trước chép quân đội tan vỡ, mà sau thì chép bị bắt. Thế tức như là cho Hoa Nguyên đã được quân dân. Triệu Khuông thì lại bác lời bàn ấy. Lý Liêm cho là Triệu Khuông nói có lý. Nay xét trong kinh, phạm không chép quân tan vỡ, mà chép vua hay tướng bị bắt, có hai trường hợp, một là việc chiến ở Hàn, hai là Tương Công năm thứ 8, Trịnh bắt được Sái, Công tử Tiếp.

Trước chép quân đội thua, mà sau chép bắt được vua và tướng có năm trường hợp: việc kể ở đây và các việc, Trang Công, năm thứ 10, Sở đánh thua quân đội Sái bắt vua Sái về; Hi Công năm đầu, Lỗ đánh tan quân nước Cử, bắt Cử Nô; Chiêu Công, năm thứ 23, Ngô đánh tan quân đội Đốn, Hồ, Thẩm, Sái, Trần, Hứa bắt Trần Hạ Khiết; Ai Công năm thứ 11, quân Tề tan vỡ. Tề Quốc Thư bị bắt. Sái Tiệt, vốn chưa thấy là mất dân, không được dân phục. Hiến Vũ, Hạ Khiết, Quốc Thư, cũng chưa nghe thấy nói là được dân, tựa như là Tướng cũng trọng mà quân cũng trọng.

Cho nên nay bỏ lời bàn của Cốc Lương mà giữ lời bàn của Hồ Truỵên.

秦 師 伐 晉
TÂN SƯ PHẠT TẤN
QUÂN TẤN ĐÁNH TẤN

Tả Thị - Quân Tấn đánh Tấn, để báo lại trận ở Sùng, rồi vây Tiêu, một ấp ở ngoài nước Tấn.

Hồ Truyền - Xét Tả Thị cho là báo trận Sùng rồi vây tiêu. Tấn mà dùng đại binh ở Sùng là do ý riêng của Triệu Xuyên, vây quân đem ra là vô danh, cho nên chép là xâm. Người Tấn vì thế, nhưng binh báo thù để hỏi Tấn về tội đem quân vô danh tới. Cho nên chép là phạt. Ở đời có nước nào muốn cầu hòa với một nước lớn, mà lại đi xâm một nước nhỏ vốn thân với nước lớn đó, để mong được hòa. Tình ý của Xuyên thật là rõ. Tuyên Tử cầm vận mệnh nước sao không biết tính toán lo liệu lại hôn mê thế mà nghe theo, tình ý của Thuần cũng rõ rồi. Kinh Xuân Thu chép việc, hoặc chép hay san, hoặc theo hay bỏ, tất là có cớ. Một chữ xâm, một chữ phạt, dùng khác nhau, lại không chép việc vây ấp Tiêu sở dĩ để trị tội Khanh sĩ nước Tấn về việc xâm, nguyên nhân từ đâu cứ dần dần rõ.

夏 晉 人 宋 人 衛 人 陳 人 侵 鄭
HẠ, TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN,
TRẦN NHÂN, XÂM TRỊNH
MÙA HẠ, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ,
NGƯỜI TRẦN XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, Triệu Thuần nước Tấn cứu Tiêu. Rồi từ đất Âm Địa (nước Tấn) đem quân chư hầu xâm nước Trịnh để báo thù trận Đại Cước. Đấu Tiêu nước Sở cứu Trịnh có nói: “Đã muốn làm chủ các chư hầu, mà lại còn muốn tránh các điều khó khăn”. Thế mà đình quân tại nước Trịnh, để đợi quân Tấn tới, Triệu Thuần nói: “Tiêu đang mạnh, gần như Sở. Đánh sẽ bị thua. Hãy để cho nó yếu dần”. Triệu Thuần đem quân về.

Đỗ Dự - Trịnh vì Sở mà đánh Tống bắt được đại phu Tống,

Tấn Triệu Thuần cùng quân chư hầu muốn báo thù cho Tống, nay sợ Sở mà kéo quân về, mất hẳn cái nghĩa của ngôi bá chủ, cho nên chê, mà chép là “người Tấn”.

秋九月乙丑晉趙盾弑其君夷皋
THU, CỬU NGUYỆT, ẤT SỬU, TẤN TRIỆU THUẦN
THÍ KỲ QUÂN DI CAO
MÙA THU, THÁNG 9, NGÀY ẤT SỬU,
TẤN TRIỆU THUẦN GIẾT VUA LÀ DI CAO

Tả Thị - Linh Công nước Tấn là hạng không đáng làm vua, lấy thuế nặng, dùng vào việc sơn chạp cung điện, đứng trên đài cao, bắn dân, để xem người chạy tránh đạn. Có người bếp, sai luộc món chân gấu, luộc chưa được chín, bị giết, xác gói buộc, đặt vào trong sọt to, sai một thị nữ mang ra khỏi cung. Triệu Thuần và Sĩ Hội vô tình trông thấy, một cánh tay thò ra ngoài sọt, giữ người thị nữ lại, hỏi biết chuyện, rất lo buồn, muốn can vua: Sĩ Hội nói: Nếu ngài can mà vua không nghe thì còn ai dám can nữa. Xin để tôi can trước, không được đến lượt ngài. Sĩ Hội vào cung, tiến vào ba lần cửa mới gặp ở dưới hiên. Vua nói ngay: “Tôi biết lỗi rồi. Tôi sẽ sửa lỗi” Sĩ Hội dập đầu lại tâu: Người ta ai mà không có lỗi, có lỗi mà biết sửa thì còn gì hay bằng. Kinh Thi có câu: Người ta lúc đầu ai chả hay, nhưng ít người được hay đến lúc cuối. Thế thì ít người biết sửa lỗi. Nhà vua có thể hay đến lúc cuối, tức là làm cho xã tắc vững bền, đâu có phải chỉ riêng bách quan được nhờ. Kinh Thi lại có câu: Khi áo còn có chỗ rách, thì đã có quan Trọng Sơn Phủ vá lại (Kinh Thi, Đại Nhã). Khi vua biết sửa lỗi thì áo còn không hư. Thế rồi chẳng thấy đổi lỗi gì cả.

Tuyên Tử nhiều lần can. Vua lo ngại, sai Sừ Nghê giết. Một buổi sớm, Nghê tới nhà Tuyên Tử, thấy cửa buồng đã mở. Tuyên Tử đã mặc áo trào sắp sửa đi chầu. Trời còn sớm, cứ mù áo, ngồi thiu thiu đợi. Nghê lui ra thở dài, nói to: Người mà không quên cung kính, đáng làm chủ dân. Giết người chủ dân là bất trung, bỏ mệnh vua không tuân là bất tín. Bị một trong hai tội

ấy, thà chết còn hơn". Thế là đứng giữa sân, đập đầu vào cây hòe chết.

Mùa thu, tháng chín, Tấn hầu mời Triệu Thuần ăn tiệc, phục giáp binh để giết. Gia thần là Đề Di Minh biết bước vội lên thêm nói to, bấy tôi hầu rượu vua không được quá ba chén. Thế là đỡ chủ bước xuống sân. Vua suýt chó đui. Minh đập chết chó. Tuyên than rằng: Bỏ người dùng chó, dù đây là chó ngao, chó dữ, có làm gì được. Các giáp sĩ ồ ra. Triệu Tuyên chống đỡ, thoát được, nhưng Đề Di Minh chết. Xưa kia, Tuyên Tử đi săn ở núi Thủ Sơn, nghỉ ở bãi Ế Tang, thấy một người xưng là Linh Chiếp đói gần chết. Tuyên Tử hỏi bị bệnh gì. Chiếp thưa là đã ba ngày không được ăn. Tuyên Tử cho ăn, Chiếp để riêng ra nửa xuất ăn. Thấy thế, Tuyên Tử hỏi, Chiếp nói: Đã ba năm, đi học xa, không về nhà, không biết mẹ còn sống không. Nay đã gần tới nhà. Đem nửa phần này biếu mẹ. Tuyên Tử bảo cứ ăn hết đi, rồi sai đặt vào bao, một giỏ cơm, đồ ăn, để cho đem về biếu mẹ. Về sau, Chiếp được ở trong số giáp sĩ, Chiếp quay giáp lại, chống với các giáp sĩ của vua, để cho Tuyên Tử đi thoát. Tuyên Tử hỏi duyên cớ. Nói: Tôi là người chết đói ở Ế Tang. Hỏi tên ngày nay và nơi ở không nói. Rồi rút lui, đi mất.

Ngày Ất Sửu, Triệu Xuyên đánh và giết Linh Công ở Đào Viên. Khi đó, Tuyên Tử đã bỏ, định ra khỏi nước, nhưng chưa vượt biên giới, nghe tin, vội quay về, Quan Thái Sử sau có chép: Triệu Thuần giết vua. Cả triều đều biết Tuyên Tử cãi là không phải. Thái Sử đáp: Ông làm Chính Khanh, bỏ đi, chưa ra khỏi nước thì chưa trở lại. Đã trở lại mà không làm tội bọn giết vua, thế thì chả là ông giết vua, còn là ai. Tuyên Tử than: Kinh Thi có câu, vì lòng luyện tiếc, di họa về sau. Thật đúng việc của ta ngày nay.

Không Tử nói: "Đồng Hồ là một lương sử thời xưa. Cứ theo phép chép đúng, không giấu việc. Còn Triệu Tương Tử là lương quan thời xưa, cứ theo phép chịu tiếng xấu. Tiếc thay, nếu ra khỏi được biên giới thì không có tội".

Tuyên Tử sai Triệu Xuyên đón Công tử Hắc Đôn ở Chu về, lập lên ngôi. Ngày Nhâm Thân, lễ chầu tại Vũ Cung.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, thời loạn Ly Cơ, nước Tấn bỏ hẳn lệ cho các Công tử con vua, chức vụ và ruộng ấp. Từ đó, Tấn không có hạng Công tộc nữa. Đến khi thành Công Hắc Đồn lên ngôi, mới sinh ra lệ cho con cả vợ đích các vị khanh được ấp ruộng lấy làm Công tộc. Các con thứ của vợ đích cũng được chức vị ruộng đất, lập ra làm Công hàng. Tấn từ đây có công tộc. Công hàng, Triệu Thuần xin cho Quát và Công tộc (Quát là em khác mẹ của Thuần, mẹ là con gái Văn Công, em Thành Công). Tuyên Tử nói: Đó là con quý của vua Cơ thị. Không có Cơ thị thì thân đâu có được như ngày nay. Thành Công chấp thuận. Mùa đông, Triệu Thuần được coi đoàn chiến xa, mới để cho Quát chức vụ Trưởng tộc. Vì thế, Quát được phong là, Công tộc đại phu.

Cốc Thị - Xuyên giết vua. Thuần không giết vua mà chép là giết. Tại sao? Là tội ở Thuần. Sao vậy? Linh Công bấy, như bắn người để coi người tránh đạn. Thuần vào triều can. Vua không nghe. Thuần chạy trốn ra gần biên giới, thì ở nhà Xuyên giết vua, rồi mời Thuần trở về. Sử Hồ chép là Triệu Thuần giết vua. Thuần nói: Ngài là chính Khanh. Can vua, vua không nghe, trốn đi, ra chưa khỏi nước. Vua bị giết. Lúc về, ngài không trị giặc, thế là đồng mưu, thì chép là giết, không phải là ngài giết thì còn ai.

Vì thế, Kinh chép Tấn Triệu Thuần giết vua là Di Cao. Ở dưới lại chưa bàn: như Thuần thì đáng gọi là trung thần, như Hứa Thế Tử. Chỉ thì đáng gọi là hiếu tử.

Triệu Khuông - Tả Thị có kể rằng Trọng Ni nói: "Tiếc thay, ra khỏi nước thì khỏi tội". Xét, Đồng Hồ có nói, đi chưa ra khỏi nước, thế nghĩa là đi chưa xa mà vua đã bị giết. Lúc về lại không trị giặc, tức là đồng mưu, chứ đâu có phải chỉ ra khỏi nước là hết tội. Viết truyện không hiểu rõ ý đó, rồi đặt nên lời truyền lại. Nếu thực như thế thì kẻ gian thần cứ việc sai người giết vua, trong lúc đó mình tránh ra khỏi nước, thế là mình khỏi mang tội giết vua hay sao?

Chu Tử - Tả Thị kiến thức hẹp hòi bàn rằng: Khổng Tử nói tiếc thay qua biên giới là khỏi tội, như thế thì cứ tránh đi

rồi coi lúc thuận là được. Thánh nhân làm Kinh Xuân Thu, mà loạn thần tặc tử phải sợ. đâu lại có chuyện trường hợp trái ngược, tha tội được.

冬十月乙亥天王崩

**ĐÔNG THẬP NHỊ NGUYỆT, ẤT HỢI,
THIÊN VƯƠNG BĂNG**

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY ẤT HỢI, THIÊN TỬ MẤT

Năm Ất Mão. Vua Định Vương năm đầu.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ BA

Tấn Thành Công, Hắc Đôn, năm đầu. Tề Huệ năm thứ 3. Vệ Thành năm thứ 29. Sái Văn năm thứ 6. Trịnh Mục năm thứ 22. Tào Văn năm thứ 12. Trần Linh năm thứ 8. Kỷ Hoàn năm thứ 31. Tống Văn năm thứ 5. Tần Cung năm thứ 5. Sở Trang năm thứ 8.

春王正月郊牛之口傷改卜

牛牛死乃不郊

**XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, GIAO NGƯU CHI KHẨU
THƯƠNG, CẢI BỐC NGƯU. NGƯU TỬ NẠI BẤT GIAO.**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CON BÒ NUÔI ĐỂ
TẾ GIAO ỒM, MỖM BỊ THƯƠNG BỎI CHỌN BÒ KHÁC
BÒ KHÁC CHẾT, THÔI, KHÔNG CÓ TẾ GIAO NỮA**

Công Thị - Sao lại chép mồm bị thương? Là lời có khoan hoãn. Sao không bói nữa? Phép nuôi súc vật để tế thì nuôi hai con. Con vật tế Đế, bói không được quả cát, thì lấy con vật tế nền Tắc bói thay. Vật tế Đế ở chuồng riêng ba tháng. Vật tế

nền Tắc cùng thế. Tế giao sao lại cứ phải có tế Tắc? Vì Vương giả tất là phải lấy tổ tiên phối vào. Tại sao thế? Tại vì cùng như lễ thường. Từ trong đi ra, thì phải có bạn lứa. Từ ngoài đi vào, tức là khách, phải có chủ đón mời dừng lại.

Cốc Thị - Chi khấu, mớm, là lời hòa hoãn. Ốm đau là tự bỏ làm ra. Bói đổi bò. Bò sau lại chết, mới thôi tế Giao. Thế là việc biến. Mới thôi, là không có nữa, đó là người định.

Cao Kháng - Lỗ tiếm dùng lễ Giao đã lâu. Dưới các đời vua Lỗ, Ẩn, Hoàn, Trang, Mẫn, không chép, thế là thánh nhân không dám vô cớ lấy lời chê trách lỗi của hàng quân phụ. Cho nên chỉ nhân có việc biến, việc lạ mới chép.

Uông Khắc Khoan - Xuân Thu chép về bò tế giao chết, phải bói bò khác, tất cả bốn lần. Lần năm nay, bói đổi bò, rồi bò khác lại chết. Thành Công năm thứ 7, chuột độc cắn bò tế, phải bói đổi bò khác. Cho nên đều bỏ tế Giao. Định Công năm thứ 15. Ai Công năm đầu chuột độc cắn bò tế, bói đổi bò, mà không có việc biến nữa, lại tế Giao được. Cho nên biết được rằng, bỏ tế Giao không phải là có ý hối không được tế. Vì có sự gì phi lễ. Sự thật là bò tế hai lần bị tai biến, thì bất đắc dĩ mà bỏ tế Giao, đặc biệt chép: “mới thôi” tế Giao, cũng như chép mới về, mới lại, mới chôn, chữ mới là nói rồi đấy, kế tiếp việc trước, chỉ biết nguyên do là bò tế bị tai dị. Kinh Xuân Thu chép “bỏ tế Giao” tất cả bốn lần: Thành Công năm thứ 10, Tương Công năm thứ 11, đều nhân bói thấy quẻ bất cát mà bỏ tế. Tức là sự thành ý của vua Lỗ không đủ để tế trời, Năm nay và Thành Công năm thứ 7, vì bò bị tai biến bỏ tế Giao, nhưng giữ tế Tam Vọng. Thế là trời đã cho biết ý trách mà người không biết thôi.

猶 三 望

DO TAM VỌNG

CÒN TẾ TAM VỌNG

Tả Thị - Mùa xuân, không tế Giao, mà tế Vọng. Đều là phi lễ, Vọng là thuộc về Giao. Đã không có Giao thì dừng Vọng mới là phải.

Hồ Truyền - Về Tam Vọng, Công Dương nói là tể Thái Sơn, tể Hà, tể Hải. Xét, Thiên Tử có cả thiên hạ. Phàm trong vũ trụ, núi cao, sông lớn, Thiên Tử đều trông coi. Cho nên có tể trời, và các phương đều được vọng tể, không đâu là quên sót, là không tới được. Còn như chư hầu, mỗi chư hầu có một nước, ngoài nước mình có người khác làm chủ, như thế thì tể Vọng sao được. Nhà họ Quý tể ở Thái Sơn, Nhiệm Cầu không hay cản ngăn cứu vãn. Phu Tử trách là Lỗ Hầu làm chủ, có việc gì đến đại phu. Họ Quý đã không được phép tể Thái Sơn thì Hà và Hải có ở trong đất nước Lỗ đâu mà Lỗ Hầu được tể. Lý lẽ rõ ràng. Chữ do (chữ còn), chép ra đây, ý nghĩa là không nên làm, mà cứ làm.

葬 匡 王

TÁNG KHUÔNG VƯƠNG

LỄ CHÔN VUA KHUÔNG VƯƠNG

Phụ lục Tả Truyền - Tấn Hầu đánh nước Trịnh, quân tiến tới đất Diên (nước Trịnh). Trịnh cùng Tấn hòa. Sĩ Hội chủ thế.

Gia Huyền Ông - Hoàn Vương 7 năm mới lễ chôn, chệ là chậm. Khuông Vương bốn tháng đã lễ chôn, chệ là vội.

楚 子 伐 陸 渾 之 戎

SỞ TỬ PHẠT LỤC HỒN CHI NHUNG

SỞ TỬ ĐÁNH RỢ LỤC HỒN (RỢ NHUNG)

Tả Thị - Sở Tử đánh rợ Nhung Lục Hồn. Rồi tiến tới đất Lạc, diễn binh ở biên giới nhà Chu. Vua Định Vương sai Vương Tôn man ra thăm hỏi, Sở Tử hỏi Vương Tôn về chín đỉnh nặng nhẹ. Vương Tôn đáp: Quan trọng là đức độ, chứ không ở cửu đỉnh. Xưa vua Hạ, đương thời có đức, các phương xa dâng đồ vật tới. Chín châu đưa kim chất tới, vua mới cho lấy vàng đúc thành hình núi, sông, phương vật đầy đủ, để cho dân biết rõ ngay, gian, để cho dân khi qua sông, ngòi, rừng, núi không bị trắc trở, ránh được tà ma, quý quái. Thế là trên dưới vua dân biết hòa

hiệp, để hưởng lộc trời. Vua Hạ Kiệt đức mờ tối, đỉnh mới dời về nhà Thương, trị vì sáu trăm năm. Vua Thường Trục bạo ngược, đỉnh mới dời về nhà Chu. Khi đức sáng, thì đỉnh dù nhỏ, mà vẫn nặng. Khi gian tà hôn loạn, thì đỉnh dù to, mà vẫn nhẹ. Trời cho đức sáng, có chừng mực, có thời hạn. Vua Thành Vương đặt đỉnh ở đất Giáp Nhục. Bói trước đời vua, được 30 vua. Bói số năm, được 700 năm, Nhà Chu đức dù có suy, mệnh trời chưa đổi. Đỉnh nặng nhẹ chưa nên hỏi tới.

Triệu Bằng Phi - Lục Hồn ở khoảng các sông Y và Lạc, ở giáp thành nhà Chu. Sở đối với Lục Hồn không có hận thù gì. Quân của Sở trang Vương không có ghét Lục Hồn. Sở chỉ là thèm đỉnh nhà Chu. Muốn dụng nghiệp bá, theo nghĩa, cứ phải là tôn Chu. Bỏ nghĩa ấy, thì không thể ra lệnh được chư hầu, mà Sở Trang Vương đã phạm vào điều cấm kỵ của thiên hạ, cho nên không thể bá chủ chư hầu được, mà chỉ đứng đầu được rợ Nhung thôi. Vậy không nên lạ.

夏 楚 人 侵 鄭

HẠ, SỞ NHÂN XÂM TRỊNH

MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, người Sở xâm Trịnh vì có Trịnh theo Tấn.

Gia Huyền Ông - Kinh Xuân Thu, sau câu: Sở đánh Lục Hồn, chép luôn câu, người Sở xâm Trịnh, là ghét Sở, Trang vội vàng mưu làm bá chủ.

秋 赤 狄 侵 齊

THU, XÍCH ĐỊCH XÂM TÊ

MÙA THU, RỢ XÍCH ĐỊCH XÂM NƯỚC TÊ

Dư Quang - Xích Dịch họ Ngỗi, thành riêng một giống, tại phía bắc Lộ Châu. Sơn Tây, phía đông giáp giới Lê Thành, tức là nước Lê thời cổ. Về giống, thì họ Lộ Thị, có Giáp Thị, ở gần nhau trên đất Lưu Hu. Xích Dịch cách nước Tê rất xa, nay mới thấy Kinh chép là Xích Dịch xâm nước Tê.

宋師圍曹
TỔNG SƯ VI TÀO

QUÂN ĐỘI NƯỚC TỔNG VÂY NƯỚC TÀO

Tả Thị - Tổng Văn Công lên ngôi ba năm, giết Tu là em cùng mẹ, và một người con Chiêu Công. Vì họ Vũ trước muốn lập người khác lên ngôi. Văn Công sai họ Đái và họ Hoàn, đánh họ Vũ ở dinh quan Tư Mã Tử Bá, đuổi hết họ Vũ Mục. Họ Vũ Mục mới lấy quân nước Tào tới đánh Tổng. Mùa thu, quân đội Tổng vây Tào, báo thù loạn họ Vũ.

Cao Kháng - Loạn họ Vũ không phải người Tào sinh ra. Tổng đã không giữ được hòa mục trong các họ, mà còn đem quân vây nước người ta, thì cũng là không phải.

Gia Huyền Ông - Tổng Bào có tội lớn chưa bị trị, đã đem quân đi đánh người. Xuân Thu chép thế là chưa cần chê trách mà tội đã rõ.

冬十月丙戌鄭伯蘭卒
ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, BÌNH TUẤT,
TRỊNH BÁ LAN TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY BÌNH TUẤT,
TRỊNH BÁ TÊN LÀ LAN, MẤT

Tả Thị - Mùa đông. Trịnh Mục Công mất. Xưa Trịnh Văn Công có người tiện thiếp tên là Yến Kết. Yến Kết mộng thấy người nhà trời cho một bông lan, và bảo rằng: "Ta là Bá Điều tổ nước Nam Yên của ngươi. Ngươi sẽ có một người con như hoa này, sẽ thành quốc hương, dân sẽ tin yêu". Rồi sau một hôm. Văn Công tới cho bông lan, và cho hầu. Yến Kết nói: Thiếp hèn hạ, nếu may ra sinh con, không ai tin, vậy xin cho phép giữ bông lan này làm tin. Công nói được. Sau sinh ra Mục Công, đặt tên là Lan.

Văn Công thông dâm với vợ Trịnh Tử (chú Văn Công) là Trần Qui, sinh ra con là Tử Hoa, Tử Tang, Tử Tang có tội, phải

trốn ra nước ngoài. Văn Công Tử Hoa giết đi ở Nam Lý, rồi sai cướp giết Tử Tang ở khoảng hai nước Trần, Tống. Văn Công lại thấy một người con gái ở đất Giang, sinh con là Công tử Sĩ. Sĩ tới châu vua Sở. Người Sở cho uống rượu có thuốc độc, khi về đến đất Diệp thì chết. Văn Công lại lấy người con gái đất Tô sinh được hai con là Tử Hà, và Tử Du Di. Du Di thì chết non. Đại phụ Duệ Giá ghét Hà, Văn Công cũng ghét không cho nối ngôi. Văn Công mới đuổi hết các Công tử, Công tử Lan chạy trốn sang nước Tấn, theo Tấn Văn Công trong trận đánh Trịnh.

Thạch Quý có nói: “Tôi nghe nói khi hai họ Cơ và Kết lấy nhau, con cháu vẫn được đông. Họ kết nghĩa là cát. Vợ chính xưa của Hậu Tắc là họ Kết. Nay Lan có mẹ là họ Kết (bố là họ Cơ). Nếu đời giúp cho, tất là được làm vua, con cháu sẽ đông. Hãy cho về Kinh dã, rồi sau ta sẽ được nhờ”. Thạch Quý cùng với Khổng Tương Thư và Hậu Tuyên Đa đưa Lan về Kinh, lập mình ước ở tôn miếu, rồi lập lên làm vua để cùng với nước Tấn hòa.

Khi Mục Công ốm nặng có nói: “Khi Lan chết thì ta chết. Ta là Lan mà sinh ra đời”. Đến hết mùa lan người ta tĩa lan, thế là Mục Công chết.

葬 鄭 穆 公

TÁNG TRỊNH MỤC CÔNG LỄ CHÔN TRỊNH MỤC CÔNG

Triệu Bằng Phi - Chôn mà không chép tháng là vẫn có thiếu sót, ngày Bính Tuất chết, mà lại ngày Bính Tuất chôn, thì không có lý. Chư hầu chết, năm tháng mới chôn. Nay tháng 10 chết, có chôn phải trong tháng ba, Trịnh mà vội chôn như thế là do mưu của Qui Sinh, Qui Sinh có ý hại vua nối ngôi, cho nên chôn mau để dễ làm việc thoán nghịch.

Nam Bính Thìn. Vua Định Vương, năm thứ hai.

四年
TỨ NIÊN
NĂM THỨ 4

Tấn Thành năm thứ 2. Tề Huệ năm thứ 4. Vệ Thành năm thứ 30. Sái Văn năm thứ 7. Trịnh Linh Công Di năm đầu. Tào Văn năm thứ 13, Trần Linh năm thứ 9. Kỷ Hoàn năm thứ 32. Tống Văn năm thứ 6. Tần Cung năm thứ 4. Sở Trang năm thứ 9.

春王正月公及齊侯平莒及郯

莒人不肯公伐莒取向

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG CẬP TÊ HẦU,
BÌNH CỬ CẬP ĐÀM, CỬ NHÂN BẤT KHẮNG,
CÔNG PHẠT CỬ, THỦ HƯƠNG**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG CÙNG
TÊ HẦU CỐ GIÀN HÒA NƯỚC CỬ VÀ NƯỚC ĐÀM. NGƯỜI
CỬ KHÔNG CHỊU. LỖ CÔNG ĐÁNH CỬ, CHIẾM ĐẤT HƯƠNG**

Tả Thị - Năm thứ 4, mùa xuân, Lỗ Công cùng Tê Hầu bình nước Cử và nước Đàm. Người Cử không chịu, Công đánh Cử, chiếm đất Hương. Thế là phi lễ. Bình một nước bằng lễ, chứ không bằng loạn. Đánh mà không trị cho yên, thế là làm loạn. Dùng loạn, để bình loạn thì sao gọi là bình trị, sao bảo là theo lễ, mà chả là phi lễ.

Công Thị - Đây là việc bình (làm cho yên) nước Cử. Sao lại chép chữ không chịu. Vì sao có chữ chiếm đất Hương?

Cốc Thị - Chép chữ "cập" cùng là sử trong nước (Lỗ) chép. Bình cũng như thành, cho là xong, cho yên. Không chịu tức là không có thể chịu được. Đánh Cử thì còn được. Chiếm Hương thì bậy. Người Cử từ chối, không chịu cho nước Yên. Đem quân đánh Cử là vì nghĩa. Nhưng chiếm Hương không khái là nghĩa. Thế là nhân dựa vào nghĩa mà lấy lợi.

Đạm Trợ - Công Dương bàn tại sao chép là không chịu, là vì chiếm Hưởng. Thánh nhân dạy người há lại đem việc Lỗ muốn lấy Hưởng mà vu cho Cử về việc không chịu.

Triệu Khuông - Cốc Lương bàn, chép chữ không chịu là cũng có thể chịu. Xét kinh chép không chịu rõ là Cử không phải vì có gì khác thế mà bị Lỗ đánh. Rõ là chê Lỗ Công. Đánh nước Cử, Cốc Lương bảo là vì nghĩa, xét: không có mệnh Thiên Tử, không có mệnh bá chủ sao lại bảo được là nghĩa binh.

Lưu Sưởng - Người Cử không chịu, Công đánh Cử chiếm Hưởng. Chép để chê. Chê gì? Binh Cử và Đàm thế là vì nghĩa, người Cử không chịu, tất là ta có điều không đúng nghĩa. Đánh Cử là cương quyết. Chiếm Hưởng là vị lợi, không phải đường lối của người quân tử.

Vương Bảo - Chữ cập là, cùng có hai nghĩa. Cùng Tề, là chép việc Lỗ Công (cùng Tề Hầu). Cập Đàm và nước Đàm, là kể từ nước lớn, nước Cử đến nước nhỏ, nước Đàm.

Gia Huyền Ông - Lỗ với Cử xưa nay vốn không nhường nhau. Lỗ lấy uy thế người Tề để bắt ép Cử nghe theo mình. Cử không chịu là phải lắm. Lỗ Tuyên Công đem ngay quân tới Cử mà chiếm lấy một ấp, thật là vô đạo. Cứ xem việc lấy ấp Tề Tây hồi lộ cho Tề, mà nay bắt Cử phải đền cho. Kinh đầu việc thì chép Lỗ Công cùng Tề Hầu mà cuối việc, thì chép chiếm Hưởng. Thế là Kinh tất chê trách.

秦伯稻卒
TẦN BÁ, ĐẠO TỐT
TẦN BÁ TÊN LÀ ĐẠO MẤT

夏六月乙酉鄭公子歸生弑其君夷
HẠ LỤC NGUYỆT, ẤT DẬU, TRỊNH CÔNG TỬ
QUY SINH THÍ KỲ QUÂN DI
MÙA HẠ, THÁNG SÁU, NGÀY ẤT DẬU TRỊNH CÔNG TỬ
LÀ QUY SINH GIẾT VUA LÀ DI

Tả Thị - Người Sở biểu Trịnh Linh Công con rùa to. Công tử Tống (Tử Công) và Tử Gia (Quy Sinh) sắp vào triều. Tử Công thấy ngón tay trở động mới bảo Tử Gia: “Khi ngón tay trở động là tôi sắp được ăn món lạ”. Khi vào châu, thấy người đầu bếp đang làm thịt rùa. Hai người nhìn nhau cười. Linh Công hỏi. Tử Gia nói thật. Khi dọn ăn, Linh Công mời các đại phu cùng ăn, cho gọi Tử Công, nhưng không cho ăn thịt rùa. Tử Công tức giận, nhúng ngón tay vào nồi, chấm mứt, rồi đi ra. Vua Linh Công giận, có ý giết Tử Công. Tử Công bàn với Tử Gia nên giết vua trước, Tử Gia nói: “Con vật nuôi trong nhà đã già, còn không nỡ giết huống chi là vua”. Tử Công mới cố gièm pha Tử Gia. Tử Gia cũng sợ vua giết nốt mình, mới đành lòng theo ý Tử Công. Mùa hạ, cùng giết Linh Công. Xuân Thu chép: Trịnh Công tử Quy Sinh (con Văn Công) giết vua là Di. Không chép chữ Tử Gia, vì Tử Gia nhát, không đủ quyền để ngăn nổi Tử Công. Người trí thức bàn: Người tốt có nhân, mà thiếu sức mạnh, thiếu vũ, thì làm việc không đạt được ý muốn.

Phàm vua bị giết, mà chép là vua, tức là vua vô đạo. Nếu chép bầy tôi, tức là tội ở bầy tôi. Người Trịnh lập Tử Lương, con Mục Công. Tử Lương từ chối: “Nếu vì hiền mà chọn thì Khứ Tật tôi không đáng. Nếu chọn tuổi thì Công tử Kiên lớn hơn”. Thế là Kiên được lập tức là Tương Công. Tương Công muốn đuổi hết con cái của bố là Mục Công, trừ Tử Lương. Tử Lương can

nói: “Nếu giữ lại thì giữ lại hết, mà đuổi thì đuổi hết. Tôi ở lại làm gì?” Thế là được ở lại tất cả, và làm đại phu cả.

Lục Thuần - Tử Công là giặc giết vua. Mà Tử Gia cứ để cho làm việc thí nghiệm. Tức Tử Gia là thủ phạm tội rất lớn. Kinh chép là để dạy cho thiên hạ đạo làm nhân thần. Xuân Thu ra đời, là Thánh nhân vốn muốn sáng tỏ lẽ phải, rất tế nhị. Chuyện này giống như chuyện Triệu Thuần giết vua.

Ngô Trùng - Quy Sinh là vị Khanh hàng tôn thất rất gần, cầm quyền binh. Vua thì mới lên ngôi, tất là có điều gì không bằng lòng vua. Nhân thấy tên Tống có mưu gian, giả cách can bằng câu con vật già còn không nở giết, mà tâm muốn là mượn tay Tống để giết vua. Tức là thủ phạm bọn loạn thần, còn Tống chỉ là tòng phạm.

Xét - Tả Thị nhận xét là vua bị giết mà chép là vua tức là vua vô đạo. Nhận xét thế là sai. Quân, dù là bất quân, thần sao lại được là bất thần. Tả Thị lại bảo rằng Quy Sinh không đủ quyền, mà chỉ chê là có nhân không có vũ, Tả Thị bảo thế cũng sai. Quy Sinh chức vị là Thượng Khanh, tay giữ binh quyền, sao lại nói được là không đủ quyền. Bọn loạn thần tặc tử có thể khen là nhân được không? Vì thế, san bỏ không chép.

赤狄侵齊

XÍCH, ĐỊCH XÂM TÊ

RỢ XÍCH ĐỊCH XÂM NƯỚC TÊ

Cao Kháng - Cui Tê mạnh như thế, mà luôn luôn bị địch xâm thì biết là Tê Huệ Công, chính trị kém.

秋公如齊公至自齊

THU, CÔNG NHƯ TÊ, CÔNG CHÍ TỰ TÊ

MÙA THU, LỖ CÔNG SANG NƯỚC TÊ. CÔNG TỰ TÊ VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Xưa Sở Tử Mã là Tử Lương có con tên là Việt Tiêu, Tử Văn (anh Tử Lương) nói: “Phải giết đứa

trẻ này đi, coi nó có đáng là con hổ, con gấu mà tiếng nói con lang. Nó mà sống, thì họ Nhục Ngao ta sẽ bị diệt. Tục ngữ có nói: Người lang thì tâm dã, nghĩa là người mà giống con lang, thì tâm phải dã man. Hấn chính là con lang nuôi làm gì”. Từ Lương không nghe. Từ Văn lo buồn. Khi gần chết, họp cả họ lại, nói: “Tiêu mà dự chính, thì cả họ đi ngay, đừng ở để khỏi bị họa”. Rồi khóc nói thêm: “Quý thần cũng cần ăn, tổ tiên họ Nhục Ngao ta rồi đói đấy”.

Đến khi Lệnh Doãn Từ Văn mất. Con là Đấu Ban lên làm Lệnh Doãn. Từ Việt làm Tư Mã. Vĩ Giả làm Công Chính. Vĩ Giả ngầm vu tội cho Từ Ban giết đi, để cho Từ Việt thay làm Lệnh Doãn mà mình thì làm Tư Mã, Từ Việt (khi trước đã gièm Từ Ban) cũng ghét cả Vĩ Giả. Được người trong họ Nhục Ngao giúp, Việt mới bắt giam Bá Doanh (Vĩ Giả) tại Liễu Dương rồi giết đi. Xong tới ở ấp Chung Dã, để sửa soạn đánh Sở Vương. Sở Vương vội gởi ngay ba con các vua Văn, Thành, Mục làm con tin. Từ Việt không nhận. Đóng quân tại Chương Phệ. Mùa thu tháng bảy, ngày Mậu Tuất. Vua cùng họ Nhục Ngao giao chiến tại đất Cao Hử. Bá Phần (Từ Việt Tiêu) bắn vào vua Sở một phát tên. Tên lướt vào càng xe và trống trận, rồi cắm vào giá chuông. Bắn phát nữa, lướt càng xe, xuyên thủng lọng che trên bánh xe. Quân đội Sở sợ, lùi lại. Vua đi khắp hàng trận nói: “Tiền quân là Văn Vương có ba mũi tên, lấy được của nước Túc, Bá Phần lấy trộm mất hai. Thế là hết”. Thúc trống cho tiền quân. Rồi diệt cả họ Nhục Ngao.

Xưa kia, Nhục Ngao lấy người vợ ở nước Vân sinh ra Đấu Bá Tỷ. Khi Nhục Ngao chết, Đấu Bá Tỷ theo mẹ, rồi được nuôi ở Vân, Lớn lên, Bá Tỷ đi lại với người con gái vua nước Vân, sinh đứa con, sau là Từ Văn. Người coi gái vua sai vứt đứa bé trong đầm Mộng. Vua nước Vân đi săn, thấy con hổ đang cho đứa bé bú, sợ, khi về nói chuyện với vợ, rồi cho đem đứa bé về nuôi. Tiếng nước Sở, bú là cầu, hổ là Ô đồ. Đứa bé được đặt tên là Đấu Cầu Ô Đồ. Vua Vân gả con gái cho Bá Tỷ. Về sau, Ô Đồ tức là Từ Văn, làm Lệnh Doãn. Cháu gọi Từ Văn bằng ông, tên là Khắc Hoàng, làm chức Châm Doãn (một chức quan) được sai đi sứ nước Tề. Khi trở về đến nước Tống, nghe ở nước nhà

có loạn gây nên bởi Tử Việt. Tùy tùng khuyên đừng nên về, Khắc Hoàng nói: Nếu tôi bỏ mệnh vua thì còn nước nào dùng tôi. Vua là trời, Trốn trời sao được. Thế là về Sở. Tàu việc xong. Xin tự nộp mình cho quan Tự Bại để làm tội. Vua Sở nghĩ tới Công Tử Văn trị nước Sở, nói: Tử Văn mà vô hậu thì còn lấy gì khuyến khích người làm điều hay. Rồi mệnh cho Khắc Hoàng cứ giữ chức cũ, mà đổi tên là Sinh.

冬 楚 子 伐 鄭

ĐÔNG, SỞ TỬ PHẠC TRỊNH MÙA ĐÔNG, SỞ TỬ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử đánh Trịnh, vì Trịnh chưa phục Sở.

Triệu Bằng Phi - Trịnh giết vua. Chư hầu không hỏi tội, mà Sở đánh là có cớ. Dù rằng Sở hưng binh là cốt phục được Trịnh, chứ không phải cốt để trị tội, nhưng khi quân tới biên giới Trịnh, vị tất đã không tuyên bố là trị tội. Thánh nhân cũng nhân cái danh từ đó mà quyền cho. Không phải là khen Sở, mà thực tại là trách Tấn.

Năm Đinh Ty. Vua Định Vương năm thứ 3.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Thành năm thứ 3. Tề Huệ năm thứ 5. Vệ Thành năm thứ 31. Sái Văn năm thứ 8. Trịnh Tương Công Kiên, năm đầu. Tào Văn năm thứ 14. Trần Linh năm thứ 10. Kỷ Hoàn năm thứ 33. Tống Văn năm thứ 7. Tần Hoàn Công Vinh năm đầu. Sở Trang năm thứ 10.

春 公 如 齊

XUÂN, CÔNG NHƯ TÊ

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG SANG TÊ

Tả Thị - Năm thứ 5 mùa xuân. Lỗ Công sang Tê, Cao Cỗ tướng nước Tê, xin vua Tê giữ vua Lỗ, để xin cưới con gái vua Lỗ là Thúc Cơ (cho Cao Cỗ).

夏 公 至 自 齊

HẠ, CÔNG CHÍ TỰ TÊ

MÙA HẠ, CÔNG TỰ TÊ VỀ

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ Công tự Tê về. Kinh chép có ý chê, thế là quá, là không phải (khi chép tự đâu về, là biết có làm lễ tại tôn miếu để cáo việc. Như thế là quá, vì lần này đi, bị nhục, chứ có gì hay đâu “tự Tê về” mà cáo miếu. Nhục vì bị bắt ép gả con gái cho một vị Khanh.

Uông Khắc Khoan - Lỗ Tuyên Công 5 lần sang Tê. Duy lần này ở qua mùa mới về. Kinh tuy kiêng chép việc bắt giữ Lỗ Công, nhưng so sánh, xét kỹ, thì việc không thể che giấu được. Tuy nhiên, Tuyên Công sang châu Tê là vẫn lo có nguy hại, lần này nguy nhất.

秋 九 月 齊 高 固 來 逆 子 叔 姬

THU, CỬU NGUYỆT, TÊ CAO CỐ LAI

NGHỊCH TỬ THÚC CƠ

MÙA THU, THÁNG CHÍN, TÊ CAO CỐ

TỚI LỖ ĐÓN TỬ THÚC CƠ

Tả Thị - Mùa thu, tháng chín, Tê Cao Cỗ, tới đón vợ, đón cho mình, cho nên Kinh chép, đón Thúc Cơ. Vị Khanh tự mình đi đón.

Cốc Thị - Vua chư hầu mà gả con cho đại phu, thì một đại

phu đưa về cho. Chữ lai là tới, tới Lỗ để tiếp nạp, để nhận. Vì việc tiếp nạp không được chính, cho nên khi chép không dùng chữ chồng, vợ.

Đỗ Dự - Gả cho chư hầu thì xưng là nữ. Gả cho đại phu thì xưng tên tự, chỉ là để phân biệt tôn với ty. Cao Cố là đại phu nước Tề. Không chép là nữ quy, là con gái về nhà chồng, là phải cho xuống bực dưới chư hầu.

Gia Huyên Ông - Áp bức để cầu hôn, đã là việc không nên, mà lại lấy đại phu ngang lễ với vua một nước, thế là Tề đối với Lỗ ngang ngược quá lắm. Xuân Thu chép là trách Lỗ, là trách Tề, mà làm tỏ rõ cái tội lằng phạm của Cao Cố nữa.

叔孫得臣卒

THÚC TÔN ĐẮC THẦN TỐT

THÚC TÔN ĐẮC THẦN MẤT

Hoàng Chấn - Mất không chép ngày, nhiều nhà bàn lại cho là một lệ. Vị tất đã như thế. Có thể chỉ là văn thiếu sót thì mới đúng.

Xét - Đắc Thần mất không biên ngày là thiếu sót. Hồ Truyền căn cứ vào lời bàn của Hà Hưu, cho rằng Đắc Thần đã không ngăn nổi mưu loạn nghịch của Trọng Toại cho nên tước bỏ ngày. Bàn như thế là sai. Trọng Toại chính là loạn nghịch, mà chết thì có chép ngày, hưởng chi là Đắc Thần. Lại như Quý Tôn Hàng Phủ cũng chạy nước Tề để giúp cho nghịch loạn thành công, là tả hữu cho Trọng Toại tận lực, lúc chết cũng chép ngày, thế thì sao lại trị riêng Đắc Thần. Cho nên nay giữ lời nhận xét của Hoàng Chấn, mà bỏ lời bàn của Hồ Truyền.

冬齊高固及子叔姬來

ĐÔNG, TỀ CAO CỐ CẬP TỬ THÚC CƠ LAI

MÙA ĐÔNG, TỀ CAO CỐ CÙNG TỬ THÚC CƠ TỚI LỖ

Tả Thị - Mùa đông tới là để trả ngựa (coi ở dưới để hiểu).

Công Thị - Sao lại chép Cao Cố tới Lỗ. Nếu chép Thúc Cơ tới mà không chép Cao Cố tới thì không được. Hay là vì song song cùng tới.

Cốc Thị - Chữ cập (cùng) là cùng lúc Thúc Cơ nước ta. Vì là tới, chứ không phải là quy.

Khổng Đình Đạt - Thiên Tử hoặc vua chư hầu gả con gái, thì lưu lại cái xe cưới. Cao Cố mà trả lại ngựa, tức là đại phu cũng phải theo lễ đó. Giữ xe lại, là đạo của người vợ, mà trả lại ngựa là nghĩa của người rể.

Người vợ tới nơi, thì buổi sớm chào bố mẹ chồng. Nếu bố mẹ chồng đã chết, thì sau ba tháng có tế, nhân thế. Sau ba tháng trả lại ngựa. Bố mẹ chồng mà còn sống, cũng cứ ba tháng sau trả lại ngựa. Theo phép thì sai sử đi, chứ không thân hành đi. Cho nên cả Kinh và Truyện đều nói rõ việc, để chê.

楚人伐鄭

SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH

NGƯỜI SỞ ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Sở Tử đánh Trịnh, Trần cùng Sở hòa. Tuân Lâm Phủ nước Tấn cứu Trịnh, đánh Trần.

Cao Kháng - Mùa đông năm trước, đánh Trịnh, thì chép là Sở Tử là để chê Trịnh. Nay chép người Sở là để rõ tội Sở.

Gia Huyền Ông - Kinh chép Sở đánh mà không chép Tấn cứu. Quy Sinh giết vua, Tấn đáng lẽ đem quân trị tội, nay đã quá năm, nhân có quân Sở tới, mà đem quân cứu Trịnh, đó là đáng đánh mà không đáng cứu. Người Trịnh ví như biết vì Trịnh mà đánh giặc, để giữ yên cho Trịnh, thì quân Sở không bị đánh cũng phải rút lui, có việc gì mà nay phải cứu.

Năm Mậu Ngọ. Vua Định Vương năm thứ 4.

六 年
LỤC NIÊN
NĂM THỨ 6

Tấn Thành năm thứ 4. Tấn Huệ năm thứ 6. Vệ Thành năm thứ 32, Sái Văn năm thứ 9. Trịnh Tương năm thứ 2. Tào Văn năm thứ 15. Trần Linh năm thứ 11. Kỷ Hoàn, năm thứ 34. Tống Văn năm thứ 8. Tần Hoàn năm thứ 2. Sở Trang năm thứ 11.

春 晉 趙 盾 衛 孫 免 侵 陳
XUÂN, TẤN TRIỆU THUẦN, VỆ TÔN MIỄN, XÂM TRẦN
MÙA XUÂN, TẤN TRIỆU THUẦN,
VÀ VỆ TÔN MIỄN, XÂM NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Năm thứ 6 mùa xuân. Tấn và Vệ xâm Trần, vì có Trần theo Sở.

Công Thị - Triệu Thuần giết vua. Đây sao lại thấy nói đến. Chính tay giết vua là Triệu Xuyên. Thế sao lại bảo là Triệu Thuần? Vì là Thuần không trị tội giặc. Tại sao? Sử nước Tấn chép rằng: Tấn Triệu Thuần giết vua là Di Cao. Triệu Thuần nói: Tôi không có tội. Tôi không giết vua. Sử Gia đáp: Ông làm việc nhân, việc nghĩa, người ta giết vua của ông, ông phục quốc mà không trị giặc, thế chả là ông giết thì còn là ai? Việc Triệu Thuần phục quốc như thế nào? Linh Công vô đạo, các đại phu đều ở trong triều cả. Bấy giờ vua mới lên trên đài cao bắn đạn xuống, để trông người chạy tránh đạn lấy làm trò vui. Triệu Thuần đã vào triều, đi ra, cùng các đại phu đứng. Thấy có người mang sọt từ trong cửa cung đi ra, mới hỏi vật gì đó, sao lại trong cung mang ra. Người ấy thưa: Ngài là đại phu. Muốn coi xin ngài lại coi. Thuần lại coi thì thấy xác người, mới hỏi: Đáp: Đây là người bếp chủ, nấu món chân gấu, không được chín, vua giận, đập chết, chặt chân tay rồi sai tôi đem bỏ đi. Triệu Thuần kêu ười, rồi rào bước vào. Linh Công trông thấy Triệu Thuần, sợ hãi chào. Triệu Thuần thông thả quay đầu về bắc, hai tay, rạp

dầu rồi đứng dậy, rảo bước đi ra. Linh Công có ý thẹn, muốn giết mới sai dũng sĩ mổ tới nhà. Dũng sĩ đi tới cổng không thấy lính canh, vào trong cửa không có ai, đến cửa phòng không có ai, bước lên thềm cũng không có ai, Cúi nhìn trông thấy Tướng Quốc đang ăn cơm rau. Dũng sĩ mới kêu lên: “Ngài thật là người có nhân. Tôi vào cổng không thấy có ai, vào đến cửa, đến buồng cũng không thấy có ai. Ngài thật là dễ dàng. Ngài là vị Thượng Khanh ở nước Tấn, mà dùng cơm rau, thế là tính cần kiệm. Vua sai tôi giết ngài, tôi không nỡ giết. Tuy nhiên, tôi không thể trở lại trông thấy vua được”. Thế là tự vận chết. Linh Công được tin, giận lắm, “lại càng muốn giết, không sai ai được, mới phục giáp sĩ trong cung cho mời Triệu Thuần tới ăn tiệc. Xa hầu của Triệu Thuần là Kỳ Di Minh, một tay lực sĩ có tiếng, cũng được theo chủ vào, đứng hầu dưới thềm. Triệu Thuần đang ăn. Linh Công mới bảo rằng: “Nghe nói ông có kiếm tốt, ông cho tôi coi”. Triệu Thuần đứng dậy định đưa kiếm, thì Kỳ Di Minh ở dưới kêu to: “Thuần ăn no rồi về, sao được lấy kiếm trước mặt vua”. Triệu Thuần hiểu ý, rảo bước xuống thềm, chạy, Linh Công có con chó ngao thả ra. Chó ngao chạy xuống thềm đuổi. Kỳ Di Minh chặn lại đập chết. Thuần quay lại nói: “Ngao của quân không bằng ngao của thần”. Bọn giáp sĩ đổ ra. Trong bọn đó, có một giáp sĩ ôm lấy Triệu Thuần rồi lên xe chạy. Thuần hỏi. Sao ta lại được người đối đãi thế. Đáp: Ngài cho tôi ăn, cứu tôi khỏi chết ở Ế Tang khi xưa,. Thuần hỏi tên. Đáp: Giúp ngài, ngài cứ chạy đi, hỏi tên làm gì. Triệu Thuần ra rồi chạy khỏi, không ai cản. Triệu Xuyên nhân dịp dân không thích vua mới giết Linh Công, rồi đón Triệu Thuần vào cùng đứng ở triều lập Thành Công là Hắc Kiên nối ngôi.

Cốc Thi - Đây là cầm quân. Sao không nói là cầm quân. Việc ngày trước bất chính, không nói được là cầm quân.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo Triệu Thuần giết vua sao lại còn thấy ở đây. Hỏi thế thật là vu vơ. Ý muốn cho là Triệu Thuần không có tội giết vua, sao không biết là cái lý lẽ không đúng, phạm bọn giết vua mà lại cứ thấy nói đến, đâu có phải chỉ có một mình Thuần. Nếu bảo là Thuần “lại thấy” tức không

phải là giết vua, thì Tống Vạn lại thấy cũng không phải là giết vua hay sao. Còn Cốc Lương thì bàn rằng, sao không chép cảm quân, là vì việc trước đã bất chính. Bàn thế là sai. Tướng giỏi quân ít, thì chép tướng, đó là thông lệ. Cốc Lương đã thường nói, thường áp dụng. Sao đây lại chợt quên thế.

Xét - Công Dương kể lại việc Triệu Thuần, cùng với Tả Thị kể thì giống nhau. Ý trách Thuần không trị tội giặc, cũng gần giống Tả Thị. Duy có bàn “Triệu Thuần lại thấy nói đến” cho là Thuần không phải giết vua, thì nghĩa chưa được ổn, để cho Lưu Sưởng bác được lời bàn, và dẫn chứng hạng giết vua lại thấy ra mặt. Cho nên giữ lời bàn của Công Dương mà san bỏ hai câu đầu.

夏 四 月

HẠ, TỬ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, vua Định Vương sai Tử Phục sang Tề, cầu con gái Tề để phong Vương Hậu.

Mùa thu, rợ Xích Địch đánh Tấn, vây đất Hoài, và đất Hình Khâu. Tấn Hầu muốn đánh. Tướng Trung quân là Hoàn tử nói: “Cứ để cho họ bị dân họ ghét vì thích chiến tranh. Ta đánh làm gì. Trong Chu Thư có câu: Rồi người ta đánh đổ được cái dòng nhà Ân cuồng ngạo, Bọn Xích Địch cũng là loại Ân đó.

秋 八 月 姤

THU BÁT NGUYỆT, CHUNG

MÙA THU, THÁNG 8, CÓ SÂU CHUNG

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Thiệu Hoàn Công, quan chức triều nhà Chu, sang nước Tề, đón Vương Hậu.

Người Sở đánh nước Trịnh, chiếm ấp Thành, rồi đem quân về.

Công Tử Mạn Mãn nước Trịnh cùng Vương Tử Bá Liêu nói chuyện, tỏ ý muốn được chức Khanh. Không có đức mà lại tham, trong Kinh Dịch đã có câu nói đến vào quẻ Ly, tự quẻ Phong ra. Không sao tránh khỏi nạn được. Một năm sau, người Trịnh giết Công Tử Mãn.

Năm Kỷ Mùi. Vua Định Vương năm thứ 5.

七年
THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tấn Thành năm thứ 5, Tề Huệ năm thứ 7. Vệ Thành năm thứ 33. Sái Văn năm thứ 10. Trịnh Tương năm thứ 3. Tào Văn năm thứ 16. Trần Linh năm thứ 12. Kỷ Hoàn năm thứ 35. Tống Văn năm thứ 9. Tần Hoàn năm thứ 3. Sở Trang năm thứ 12.

春 衛 侯 使 孫 良 夫 來 盟

XUÂN, VỆ HẦU SỬ TÔN LƯƠNG PHU LAI MINH
MÙA XUÂN, VỆ HẦU SAI TÔN LƯƠNG PHU TỚI LỖ THỂ

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân, Tôn Hoàn tử nước Vệ tới thể. Vệ, Lỗ bắt đầu giao hiếu, và bàn việc hội với Tấn.

Cốc Thị - Tới thể là đã định trước. Không chép chữ cập (cùng), là vì nói đến nước (nước Lỗ). Không nói tên ai thể, tức là nói đến cả nước. Không biên ngày là vì hội đã định trước.

Triệu Bằng Phi - Việc Lương Phu tới là vì Tần mà cầu Lỗ.

Lỗ Tuyên là vì được Tề giúp cho ở ngôi mà thờ Tề, xa Tấn, Tấn Thành lên ngôi, ý muốn hưng phục nghiệp bá, duy có Vệ là xưa nay vẫn hòa với Tấn. Khi đánh Tống, Trịnh, khi xâm Trịnh, xâm Trần, bao giờ cũng có Vệ theo. Lỗ Tuyên Công vì thường cùng người Tấn hội thể, hoặc chinh phạt nước nào, cho

nên Tấn khi sắp mở hội Hắc Nhuế, có sai Vệ mời Lỗ. Văn Công năm thứ 13, Tấn có việc ở Tân Thành, thời đó, Lỗ hòa với Tấn, cho nên vì Tấn mời Vệ, Vệ nhận lời mời, rồi hội thề ở Tân Thành. Nay Vệ nhân hòa với Tấn, cho nên vì Tấn mời Lỗ, Lỗ đâu có từ chối không theo. Cho nên mùa đông mới cùng hội ở Hắc Nhuế cùng mời nhau, để tôn vị bá chủ, chống Sở, mưu sống yên. Vì thế, Thánh nhân cho là được, không có lời chê. Tuy nhiên. Vệ mà sai Lương phu tới lễ sinh là đủ, cứ gì phải thề nữa. Vả lại, Tấn mà trách Vệ thì nhiều, mà Lỗ thì lại gần Tấn lâu. Nếu để cho Lỗ bề ngoài thì nghe Vệ mời, mà bề trong thì vẫn xa Tấn, nếu thề thì Vệ sẽ bị tội với Tấn. Cho nên thề để cố kết việc hội thực sự với Tấn. Đến hội Hắc Nhuế, thì Lỗ Công, thân hành tới hội, chắc là để khỏi hội thề với Vệ.

Xét - Cốc Lương bảo là hội thề nào đã được định trước thì không có chép ngày. Bảo thế là sai. Lúc mà Lương Phu phụng mệnh, vị tất đã có biết ngày lễ thề. Cho nên không chép ngày.

夏公會齊侯伐萊

HẠ, CÔNG HỘI TÊ HẦU PHẠT LAI

MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI TÊ HẦU ĐỂ ĐÁNH NƯỚC LAI

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ Công hội với Tê Hầu để đánh nước Lai. Việc đánh này, không có bàn mưu trước. Phàm hai nước bàn mưu với nhau, rồi mới đem quân đi, thì chép là nước họ cùng nước kia. Nếu không bàn mưu với nhau, thì chép là hội với...

Lưu Sưởng - Tả Thị bàn thế là sai. Đời xưa đã cầm quân, không phải là không có mưu kế lạ để lừa địch. Chư hầu đã cùng đem quân đi trị tội, đi đánh bọn phản叛, chắc là phải cùng bàn tính mưu kế. Chứ đâu có hợp binh hai nước, hai vua làm tướng, mà lại không cùng nhau mưu tính. Vả lại xét ngay sách của họ Tả, phàm việc mưu trước mà đánh sau, thì rất nhiều trường hợp chép chữ hội, chứ không hẳn phải dùng chữ cập là cùng.

Xét - Họ Tả mà dùng chữ “cùng mưu bàn” là ý nói hai nước ý cùng muốn đánh nước thứ ba. Cho nên chép là cập, cùng. Còn

như bảo là “không cùng mưu bàn” là ý nói, nước kia muốn đánh, mà nước ta chỉ đem quân theo thôi, cho nên chép là hội. Nước Lai ở phía đông nước Tề. Nước Lỗ ở phía tây nước Tề, Lỗ đôi với Lai là, cách Lai, cả nước Tề, vậy không có hiểm khích gì với Lai, chỉ là vì Tề muốn đánh Lai thì Lỗ giúp sức đó thôi. Cho nên chép là hội.

Nếu bảo là Tề Hầu đi đánh, mà Lỗ Công đem quân đi hội hợp, Lưu Sưởng bác đi, bảo rằng, đâu có liên hợp quân sĩ, hai vua đừng chỉ huy, mà lại không bàn mưu trước, thế thì Lưu Sưởng bác đi rất có lý. Nhưng họ Tả dùng chữ mưu, là khởi đầu việc có mưu, mà họ Lưu dùng chữ mưu, là tới việc rồi mới mưu. Cho nên hai lời bàn, nay cứ ghi cả.

秋 公 至 自 伐 萊

THU, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT LAI

MÙA THU, LỖ CÔNG TỬ ĐI ĐÁNH LAI TRỞ VỀ LỖ

Uông Khắc Khoan - (Chữ chí là về, có nghĩa, khi về nước, làm lễ cáo miếu, tức là việc quan trọng). Xưa nay, Xuân Thu chép dùng chí ở những lần: thời Hoàn Công đánh Trịnh về, thời Trang Công đánh Vệ, đánh Nhung về, thời Hy Công đánh Sở đánh Trịnh, vây Hứa về. Các lần khác, xâm hay phạt, không có chữ trí. Thế mà lần này, đánh nước Lai là nước nhỏ, đặc biệt chép chữ chí. Lỗ Công hết sức theo người, không nghĩ đến sức mình không đủ, để được tiếng trị người có tội, mà không xét chính mình có vết. Dem quân đi lâu quá mùa, phiền dân, hại quân, thế là cơ nguy cho Tuyên Công. Trước kia, đã đánh nước Cử, sau đánh nước Kỷ, đều không chép chữ chí. Thánh nhân thật là có thâm ý.

大 旱

ĐẠI HẠN

NẮNG HẠN LỚN

Phụ lục Tả Truyện - Rợ Xích Dịch xâm nước Tấn, gặt cướp lúa mùa ở ấp Hướng Âm.

冬公會晉侯宋公衛侯鄭伯于黑壤
ĐÔNG, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU,
TRỊNH BÁ, TÀO BÁ VU HẮC NHUÔNG

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, LỖ CÔNG, VỆ HẦU,
TRỊNH BÁ, TÀO BÁ TẠI HẮC NHUÔNG (ĐẤT NƯỚC TẤN)

Tả Thị - Trịnh cùng Tấn hòa là do mưu của Công Tử Tống, cho nên Tống theo Trịnh Bá dự hội. Mùa đông, hội thể tại Hắc Nhuông. Vương Thúc (chú Thiên Tử) là Hoàn Công tới dự. Hội bàn về việc bất hòa giữa nhiều chư hầu. Từ khi Tấn Hầu lên ngôi, Lỗ Công không tới châu mà cũng không cho đại phu tới lễ sinh. Người Tấn mới giữ Lỗ Công lại. Ở hội Hoàng Phủ (Hắc Nhuông), Lỗ Công không được dự thể. Nhưng về thoát được vì đã hối lộ. Kinh không chép việc thể ở Hắc Nhuông là kiêng cho vua Lỗ (kiêng việc xấu).

Uông Khắc Khoan - Lỗ Văn Công vì không châu nước Tấn mới bị đánh. Việc Xử Phủ thể các năm đầu, chỉ chép việc mà không chép Lỗ Văn Công. Về việc chư hầu lên ngôi, thì nên châu Thiên Tử, chứ không nên châu vua Tấn, tội không nên quá trách, Tuyên Công cũng vì không châu Tấn mà bị đánh. Hội thể ở Hắc Nhuông, chép Lỗ Công mà không chép việc thể, vì cho rằng đã hàng năm châu Tề thì cũng nên châu Tấn, tội thực không thể trốn được. Cái nhục của Văn Công là trách ở Tấn, còn cái nhục của Tuyên Công là trách ở Tuyên Công. Tuy nhiên, khinh mình chủ không thờ, thiếu sót việc sinh lễ, đó là lỗi nhỏ, Tuyên Công mà cướp ngôi, là có tội với vua, với cha, anh, đó là tội lớn. Người Tấn bỏ tội lớn, mà hỏi đến lỗi nhỏ, thế là đương thời, làm Bá chủ, chỉ thích thỏa nguyện vọng riêng, chỉ muốn có lợi, cho nên cho sự khinh mình là tội, rồi được hối lộ là thôi.

Tấn mà hoàn thành được việc trị tội, như Tấn Lệ Công bắt Tào Thành Công, đưa về Kinh sư, thì lại bị tội tàn ác, không tránh được.

Kinh Xuân Thu vì bực tôn vì kiêng. Mùa đông tới hội, mà

mùa xuân chép lễ “chí”, cứ tìm nguyên nhân thì thấy rõ nghĩa ngay.

Năm Canh Thân. Vua Định Vương, năm thứ 6.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Thành, năm thứ 6. Tề Huệ, năm thứ 8. Vệ Thành, năm thứ 34. Sái Văn, năm thứ 11. Trịnh Tương, năm thứ 4. Tào Văn, năm thứ 17. Trần Linh, năm thứ 13. Kỷ Hoàn, năm thứ 36. Tống Văn, năm thứ 10. Tần Hoàn, năm thứ 4. Sở Trang, năm thứ 13.

八 年 春 公 至 自 會

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA XUÂN, LỄ CÔNG TỪ HỘI VỀ

Cao Kháng - Ngày xưa, trong nước có tai nạn, như hạn hán, thì đến tế lễ, còn không sát sinh, Lễ Công mùa hạ, hội đánh nước Lai, thì mùa thu, tế chí (lễ cáo miếu lúc về trước). Mùa đông, hội Hắc Nhượng, thì mùa xuân năm sau lễ chí. Trong năm có đại hạn, không thương dân, cứ khẳng khẳng cho là cần, là gấp các việc hội, các việc xâm phạt.

Uông Khắc Khoan - Trước đây, hội Bình Châu không có lễ chí. Nộp hối lộ cho Tề. Không thấy có chi là nguy to, thì đặc biệt có lễ chí. Việc Lễ Công bị giữ ở Tấn, qua năm mới được về, hội thể là hội thường mà không được mời dự. Các hội thể đời Hoàn, đời Văn, đều không có lễ chí. Các việc Mậu, Khưu, Can, Hoài, là vào lúc Hoàn Công đã suy, việc Tấn Thành, là lúc Tấn nhờ đại phu mà Bá chủ được. Ngoài ra, không thấy chép lễ chí. Tuyên Công lễ chí về việc Hắc Nhượng việc Đoạn Đạo, trước thì bị Tấn trị, sau thì cùng Tấn mưu đánh Tề, đều là việc nguy vong cả.

夏六月公子遂如齊至黃乃復

HẠ, LỤC NGUYỆT, CÔNG TỬ TOẠI,

NHƯ TỀ CHÍ HOÀNG, NÃI PHỤC

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ,

ĐẾN ĐẤT HOÀNG, Ở NƯỚC TỀ THÌ TRỞ LẠI

Công Thi - Sao chép là tới Hoàng thì trở lại? Là bị bệnh. Mới trở về. Thế là chê. Chê vì đại phu khi đã được mệnh vua đi ra, nghe trong nước có tang (tang vua) thì đi thông thả, nhưng không trở về.

Cốc Thi - Chữ nãi là chữ dùng như không có quân mệnh, như tự ý mình. Chữ phục là trở lại, là coi như việc xong, tức là không theo mệnh vua.

Hồ Truỵện - Tới Hoàng, thì trở lại, là không theo mệnh vua. Nếu như ốm thì có nên trở về không. Phàm đại phu được mệnh vua ra đi sứ, nghe vua mất thì thông thả cứ đi, mà không trở về. Nếu chưa làm được việc mà đã chết, thì cái xác cứ việc làm việc. Khi nước Sở đánh nước Ngô, Trần Hâu, sai Công Tôn Trinh Tử tới thăm viếng Ngô. Đến đất Lương thì Trinh Tử mất. Tùyn tũn đưa xác vào Ngô. Người Ngô từ chối. Phó sứ là hu Doãn Cái nói: "Quả quân tôi sai Cái tôi phụ với sứ giả, tới thăm viếng các quan ở quý quốc, không may sứ giả mất tại đất Lương, cùng cố gắng đi tới. Nay được mệnh nhà vua ngăn, không cho sứ giả vào thành, thế là coi mệnh quả quân tôi như cỏ rác, không biết như thế có nên không".

Người Ngô không dám từ chối nữa. Người trí thức cho là biêt lẽ.

Chữ Nãi, mới, tức là tự mình, không có người trên. Chữ Phục là ý việc chưa xong.

Uông Khắc Khoan - Chữ "Nãi, mới" là chỉ việc nối tiếp, mà có ý tự tiện. Như việc Sĩ Cái "nãi hoàn, mới về", là ý tự tiện, nhưng vẫn hơn lý, còn Trọng Toại đây "nãi phục, mới trở lại", là ý tự tiện, mà không hợp lý. Công Tôn Ngao mà chép là không đến, thì thực là chưa đến Kinh Sư. Toại mà chép là

đến Hoàng, rồi câu dưới chép là chết, thì biết có bệnh mà trở lại. Thế thì tội Ngao so với Toại còn nặng hơn.

Xét - Cốc Lương cho dùng chữ phục là việc đã xong. Hồ Truỵễn thì cho là việc chưa xong. Hai lời bàn không giống nhau. Hồ Truỵễn thì phải. Xét ra, đến Hoàng mà trở lại, tức là đến giữa đường rồi trở lại, vậy việc chưa xong. Nghĩa chữ nãi là mới. Cốc Lương cho là lời của người chạy trốn ra ngoài, chỉ biết có mình, không còn biết ai nữa. Tuy là mệnh của vua, cho giao hiếu với lân bang, mà không thêm để ý, chỉ hành động theo như ý mình. Lời bàn giống như Hồ thị, không có người trên. Lời khác mà ý thì giống nhau. Uông Khắc Khoan bàn là việc nối tiếp, mà tự tiện, thì về lời, về ý đều hợp cả, không có gì là khác nhau.

辛巳有事于太廟仲遂卒于垂

TÂN TỊ, HỮU SỰ VU THÁI MIẾU,

TRỌNG TOẠI TỐT VU THÙY

NGÀY TÂN TỊ CÓ TẾ Ở NHÀ THÁI MIẾU, THÌ ĐƯỢC TIN TRỌNG TOẠI MẤT Ở THÙY, ĐẤT NƯỚC TẾ TRÊN ĐƯỜNG TẾ LỖ

Công Thị - Trọng Toại là Công Tử Trọng Toại. Không gọi là Công Tử là chê. Chê vì giết Tử Xích. Thế sao không chê ngay lúc giết? Căn cứ văn thì như không có tội. Cứ việc thì không có thời gian.

Cốc Thị - Y như đã phục mệnh rồi mới chết.

Đây là Công Tử mà sao chép là Trọng. Là không cho là thần. Không để ý đến sống chết. Nếu là thần, thì mới để ý đến việc chết. Thế là ý chê Tuyên Công, nghe tin đại phu chết, đáng nhẽ phải bỏ ca nhạc trong tế lễ.

Đỗ Dự - Trọng Toại mất không chép chữ Công Tử. Nhân các câu trên, khi đi, khi về, không có việc gì khác nữa, thì lời văn giản ước.

Lưu Sưởng - Đại Phu mất thì chép tên. Trọng là tên tự. Chép là Trọng Toại là chê. Chê là vị Khanh nối đời làm Khanh, tức là phi lễ. Tuy nhiên, bọn Thế Khanh có nhiều, sao lại chê

riêng Toại. Là vì có nguyên nhân chê thì mới chê. Nguyên nhân đây là đã giết Tử Xích. Còn các người khác, cũng nên cứ như Toại mà xét.

Cốc Lương có bàn rằng chép chữ Trọng là ý sơ không thân. Cốc Lương bàn thế sai. Nếu như Xuân Thu muốn tỏ ý là sơ, thì sao không chép "Toại mất", như chép "Vô hải mất", "Hiệp mất". Vả lại, Xuân Thu mà muốn cho là sơ, thì sao lại còn chép tên tự, chứ không chép họ.

Xét - Trọng Toại không chép Công Tử. Đỗ Dự bảo là chép ở câu trên. Nghe ra có lý. Tuy nhiên, cứ sự thực, thì Toại giết vua tức là giặc. Kinh Xuân Thu vốn trị giặc, cho nên lúc Toại chết, chép tên, thế là trị tội.

壬午猶繹萬入去籥

NHÂM NGỌ, DO DỊCH VẠN NHẬP, KHỨ THUỘC

NGÀY NHÂM NGỌ, SAU NGÀY TÂN TỶ, LẠI TẾ NỮA, CÓ CẢ PHƯỜNG MÚA, CHỈ BỎ CÓ ĐÀN SÁO

Tả Thị - Có tế lễ ở nhà Thái miếu. Tương Trọng mất, mà ngày hôm sau lại tế nữa, thế là phi lễ.

Công Thị - "Dịch" là tế lần nữa và ngày hôm sau. Vạn là lễ múa, múa bằng can (gậy). Bỏ sáo là gì? Là bỏ âm thanh (như là bỏ ca hát). Bỏ ca, giữ múa, thế nghĩa là, biết nên bỏ cả, mà cứ làm. Chữ "do" là còn có ý nói nên bỏ cả.

Cốc Thị - Chữ do là còn, là ý nói nên bỏ, thế mà vẫn "còn" giữ. Dịch, là hôm sau tế nữa để vua tôi ăn uống. Cho múa mà bỏ sáo, tức là đổi đi một chút. Thế là chê.

Lã Tổ Khiêm - Vạn vũ, múa vạn, là chữ nói chung cả múa lời văn, múa rối vũ. Thuộc vũ, múa có sáo, đàn sáo, là tên riêng lời múa vũ. Ý nghĩa là bỏ múa, trong việc tế, cùng đi vào Thái miếu, cho múa mà bỏ sáo.

Chu Tử - Do dịch, nghĩa là lại còn tế hôm sau. Ý là bất tất có Dịch, mà lại cứ có.

Xét - Toại thực là có tội. Tuyên Công đã giao cho chức vụ

dại thần, tức là Tuyên Công đối đãi lấy lễ đại thần. Theo lễ ký, Khanh mất thì bỏ tế Dịch. Nay Toại mất mà cứ tế Dịch, cho nên Thánh nhân chép để chê. Đồ Dự cho vạn là tên điệu múa, không phân biệt hai thứ múa can, múa sáo. Công Dương cho vạn là múa can, sáo là múa sáo, tức là chia hai thứ múa văn, và múa vũ. Hai thuyết đó không giống nhau. Khổng Dĩnh Đạt theo sách Trịnh Tiên cho múa vạn là múa can, chưa có gì là nhất định. Nay xét Ẩn Công năm thứ 5, xét Cung Trọng Tử, sắp lễ vạn, Lỗ Công hỏi về số vũ thì biết là vạn kiêm cả múa văn múa vũ rất rõ ràng. Miếu thờ đàn bà, chả nhẽ chỉ chuyên dùng múa vũ thôi. Cứ theo Mao thì Truyện, thì cho múa can là vạn. Lã Tổ Khiêm cho vạn kiêm cả hai thứ múa văn và vũ. Chu Tử cũng cho là như thế. Nếu như thế, tức là Công Dương sai. Vậy nay bỏ Công Dương đi.

戊子夫人嬴氏薨

MẬU TÝ, PHU NHÂN DOANH THỊ HOÀNG

NGÀY MẬU TÝ, PHU NHÂN HỌ DOANH MẤT
(MỆ TUYÊN CÔNG, VỢ VĂN CÔNG)

Uông Khắc Khoan - Kinh xuân Thu đã chép Phu nhân họ Khương mất, tại đất Di. Lại chép Phu nhân họ Phong, mất. Thì biết Ai Khương là Phu nhân của Trang Công, mà Thành Phong chỉ là thiếp. Đã chép Phu nhân họ Khương quy (về) nước Tề. Lại chép Phu nhân họ Doanh mất, thì biết Xuất Khương, (vợ đã bỏ nhà chồng) là Phu nhân của Văn Công, mà Kinh Doanh chỉ là thiếp. Thấy Kinh chép thẳng như thế, độc giả cứ so sánh việc mà khảo sát, dù thiếu Truyện nữa, thì cũng biết rõ ai là đích, ai là thiếp.

晉師白狄伐秦

TẤN SƯ, BẠCH ĐỊCH PHẠT TÂN

QUÂN ĐỘI TẤN VÀ RỢ BẠCH ĐỊCH ĐÁNH NƯỚC TÂN

Tả Thị - Mùa Xuân, Bạch Dịch hòa với Tấn. Mùa hạ hội

với Tấn đánh Tấn. Người Tấn bắt được một tên gian giảo điệp Tấn, giết ở chợ Giăng. Ngày thứ sáu, tên đó sống lại.

Xét - Tấn và Tấn đánh nhau luôn, mà Sở thì dần dần thành ra cường thịnh. Đoạn sau, nước Sở diệt nước Thư Liệu. Khảo sát, so sánh các việc thì ý nghĩa thấy rõ.

楚人滅舒蓼

SỞ NHÂN DIỆT THU LIỆU

**NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC THƯ LIỆU. THƯ LIỆU, CÓ SÁCH,
CHO LÀ MỘT NƯỚC, CÓ SÁCH CHO LÀ HAI NƯỚC**

Tả Thị - Vì các nước Thư đều chống lại nước Sở, cho nên Sở phạt nước Thư Liệu, diệt đi. Sở Tử chia giới hạn, cho đến tận sông Hoạt, ký minh ước với nước Ngô, nước Việt, rồi về.

Hoạt là sông Hoạt. Khổng Đình Đạt có chú thích: Nước Ngô, họ Cơ, con ông Thái Vương nhà Chu, là dòng dõi Thái Bá Ung. Nước Việt họ Tự, con thứ vua Thiếu Khang, họ hạ Hậu, được phong ở Cối Kê, tự hiệu là Việt.

秋七月甲子日有食之既

THU, THẤT NGUYỆT, GIÁP TÝ,

NHẬT HỮU THỰC CHI KÝ

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY GIÁP TÝ,

CÓ NHẬT THỰC. MẶT TRỜI BỊ ĂN HẾT

Phụ lục Tả Truyện - Từ Khắc nước Tấn bị bệnh có trùng. Khước Khuyết cầm quyền chính. Mùa thu, bãi Từ Khắc. Sai Triệu Sòe làm Phó Hạ Quân.

Lục Cửu Uyên - Thời Xuân Thu có 36 lần nhật thực, mà mặt trời bị ăn hết thì có ba lần. Thời kỳ nhật thực và nhật thực ít hay nhiều, người làm lịch tính trước, đã có số định, chứ không phải là tai biến. Tuy nhiên, trời và người có tương quan, có cảm thông nhau, mà vẫn theo một đường lối. Nhật là dương phận. Dương là vua, là cha. Khi mà có thực, là phải có biến.

Thực mà đến ăn hết là đại biến. Chép ngày, mà không chép là sóc mừng một, tức là nhật thực không vào mừng một. Đã là nhật thực, tức là ngày mừng một. Nếu không phải mừng một, là lịch sai.

冬十月己丑葬我小君敬嬴

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, KỶ SỬU,

TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN, KÍNH DOANH

**MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY KỶ SỬU,
LỄ CHÔN TIỂU QUÂN NƯỚC TA, LÀ KÍNH DOANH**

Tả Thị - Mùa đông, lễ chôn Kính Doanh. Năm đó hạn, không mưa, đến gai cũng thiếu. Lần đầu tiên, phải dùng dây một loài đậu, thay gai để làm thùng, chảo (theo tục, thùng để kéo xe áo quan). Trời mưa, không chôn được. Thế là đúng lễ. Theo lễ, trước khi làm lễ chôn, bói xem được ngày chôn, là để tỏ ý không thờ ơ.

Lục Cửu Uyên - Tương Trọng là giết Thái Tử Ác, là tự Kính Doanh gây ra. Kính Doanh không phải là đích mà khi chết lấy lễ Phu nhân, tiểu quân để táng. Thế là rất chê trách vua tòi nước Lỗ. Thế mới biết sách Xuân Thu được soạn là kẻ loạn thần tặc tử phải sợ.

雨不克葬庚寅日中而克葬

VŨ BẤT KHẮC TÁNG, CANH DẦN,

NHẬT TRUNG NHI KHẮC TÁNG

**MƯA KHÔNG CHÔN ĐƯỢC, NGÀY CANH DẦN,
SAU NGÀY KỶ SỬU, BUỔI TRƯA MỚI CHÔN ĐƯỢC**

Công Thị - (Chữ Kính Doanh, Công Thị, và Cốc Thị viết ra chữ Khoảnh Hùng). Khoảnh Hùng là ai? Là mẹ Lỗ Tuyên Công. Là ý gì? Là ý khó khăn. Sao khi thì dùng chữ nhi, khi thì dùng chữ nãi (nãi và nhi đều dịch là mới). Vì nãi ý khó khăn hơn nhi.

Cốc Thị - Lễ chôn đã có ngày rồi. Không vì mưa, mà đình chỉ lại. Thế mới là lễ. Mưa không chôn được, theo tang chế, không phải. Chữ nhĩ, dịch là mới, có ý nghĩa là việc đình, nay mới tiếp. Cứ trong ngày đó là được.

Xét - Cứ như câu “mưa không chôn được”, thì nên theo Cốc Lương về thuyết: Tang chế, không phải. Tả Thị cho là đúng lễ, lại còn nói rằng, từ trước phải bói ngày chôn để tỏ ý không thờ ơ. Tả Thị bàn sai bói ngày chôn nên bói từ lâu ngày trước, để tỏ ý không thờ ơ. Khi đã bói chôn, mà còn lấy cơ tang chế chưa đủ, tang chế không phải để mất ngày cát đã bói rồi, như thế chính là quá thờ ơ, còn lễ đâu nữa mà nói là đúng lễ.

城 平 陽

THÀNH BÌNH DƯƠNG

LỄ XÂY THÀNH BÌNH DƯƠNG

Tả Thị - Xây thành Bình Dương. Kinh chép cả mùa xây.

Triệu Bàng Phi - Tả Thị nói có chép mùa. Vả lại theo lệ của Tả Thị, sao Thủy mọc thì bắt đầu xây dựng. Nhưng tháng 10 nhà Hạ, không phải là tháng 10 nhà Chu. Nay thấy chép tháng 10, cho ngay là đúng mùa, thế là không biết chính sóc của hai triều đại Hạ, Chu vốn khác nhau.

楚 師 伐 陳

SỞ SƯ PHẠT TRẦN

QUÂN ĐỘI SỞ ĐÁNH TRẦN

Tả Thị - Trần hòa với Tấn. Quân Sở đánh Trần, chiếm lấy ấp Thành, rồi về.

Uông Khắc Khoan - Chép là quân đội, chép là phạt, đánh, là để rõ Sở đã mạnh, mà thương cho nghiệp Bá của Tấn không hưng khởi được.

Năm Tân Dậu. Vua Định Vương năm thứ 7.

九 年
CỬU NIÊN
NĂM THỨ 9

Tấn Thành, năm thứ 7. Tề Huệ năm thứ 9. Vệ Thành, năm thứ 35. Sái Văn năm thứ 12. Trịnh Tương, năm thứ 5. Tào Văn, năm thứ 18. Trần Linh, năm thứ 14. Kỷ Hoàn, năm thứ 37. Tống Văn, năm thứ 11. Tần Hoàn, năm thứ 5. Sở Trang, năm thứ 14.

春 王 正 月 公 如 齊

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TỀ
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG SANG TỀ

Phạm Ninh - Có tang mẹ mà đi triều hội. Phi lễ.

公 至 自 齊
CÔNG CHÍ TỰ TỀ
LỖ CÔNG TỰ TỀ VỀ LỖ

夏 仲 孫 蔑 如 京 師
HẠ, TRỌNG TÔN MIỆT NHƯ KINH SƯ
MÙA HẠ, TRỌNG TÔN MIỆT (MẠNH HIẾN TỬ)
TỚI KINH SƯ NHÀ CHU

Tả Thị - Mùa xuân, Thiên Tử cho sứ tới Lỗ báo lễ sinh. Mùa hạ, Mạnh Hiến Tử tới triều đình Chu lễ sinh. Thiên Tử thấy có lễ, thưởng cho rất hậu.

Hồ Truyền - Đọc văn, dễ hiểu. Gầm lời xét việc, đó là cách dạy của Kinh Xuân Thu. Tháng đầu năm, Lỗ Công sang châu vua Tề. Mùa hạ, thì Công cho lễ sinh Thiên Tử. Cứ xét việc, chả đợi nghe chê trách, mà thấy sự dở hiện ra. Tuyên Công lên

ngôi được 9 năm rồi, đối với Chu chỉ có một lần cho sứ lễ sinh, đối với Tề thì hai lần tới châu. Kinh cứ mỗi lần thấy sang Tề là có chép lễ trí (cáo miếu khi về nước). Thế là kết tội Lỗ Tuyên Công.

Lục Cửu Uyên - Tuyên Công ở ngôi đã chín năm, hai lần tới tề châu, một lần sai đại phu lễ sinh nhà Chu. Dấu cũ của vương giả đã mất. Cương thường đồi bại. Trăm việc đảo ngược. Không còn cho là lạ nữa, Xuân Thu soạn ra là vừa hay. Cứ việc thực mà chép. Đọc rồi so sánh, mà tâm không thấy sợ, thì tôi không còn hiểu ra sao.

齊 侯 伐 萊

TỀ HẦU PHẠT LAI

TỀ HẦU ĐÁNH NƯỚC LAI

Đái Khê - Lai giáp Tề cho nên Tề rất là muốn phục Lai. cứ xem hội Giáp Cốc, người Lai lấy quân hiệp Lỗ Hâu, thì Lai thuộc Tề như đã từ lâu.

秋 取 根 牟

THU, THỦ CĂN MÂU

MÙA THU, CHIẾM CĂN MÂU, (XỨ ĐÔNG DI)

Tả Thị - Thủ là lấy, chép một việc dễ làm.

Công Thị - Căn Mâu là Ấp của nước Châu Lâu. Sao không nói đến Châu Lâu. Vì kiêng việc quá vội.

Dương Sĩ Huân - Công Dương nhận xét là tang mẹ chưa đầy năm đã đi chiếm ấp cho nên kiêng nói đến nước Châu Lâu. Nếu như kiêng nói đến Châu Lâu mà còn trong tang mẹ, chiếm ấp một nước khác thì không phải kiêng hay sao. Hoặc cứ theo Tả Truyền thì Căn Mâu là tên nước chẳng.

Lưu Suồng - Tả Thị báo chép như là việc dễ. Không phải dễ đâu. Căn Mâu dù nhỏ, không dùng quân sĩ đánh nhau, thì lấy sao được. Lấy một nước đâu có phải là chuyện dễ. Không phân

biệt ấp hay nước, diệt hay lấy, chỉ cần biết khó hay dễ thôi, ý Kinh Xuân Thu đâu có thế.

八月 滕子卒

BÁT NGUYỆT, ĐĂNG TỬ TỐT

THÁNG TÁM, ĐĂNG TỬ MẤT

Tả Thị - Vua nước Đăng là Chiêu Công mất.

Xét - Đăng Chiêu mất không chép ngày. Hoặc là nước nhỏ không đủ lễ, khi cáo phó không có ghi ngày. Hoặc là sử có thiếu sót chăng.

八月 晉侯宋公衛侯鄭伯曹伯會

于扈 晉荀林斧帥師伐陳

CỬU NGUYỆT, TẤN HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU,

TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, HỘI VU HỒ, TẤN TUÂN

LÂM PHỦ SUẤT SƯ PHẠT TRẦN

THÁNG CHÍN, TẤN HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ,

TÀO BÁ, HỘI HỢP TẠI ĐẤT HỒ, TUÂN LÂM PHỦ

CẨM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TRẦN

Triệu Bằng Phi - Tấn họp chư hầu ở Hồ, mà lại cho Tuân Lâm Phủ đánh Trần. Xét họp hội để mời Trần. Trần không đến. Thế là đánh Trần. Thế là có cớ. Trần Linh Công phản Tấn theo Sở, Sở diệt nước Thư Liệt. Nước Trần thấy thế, sợ mà theo về Tấn. Rồi sở đánh Trần, thì Trần lại phải về với Sở. Trần cứ trong khoảng Tấn, Sở, nay Tấn mai Sở, cũng là bất đắc dĩ, không còn biết về đâu. Hội ở Hồ, chư hầu đều có mặt, trừ nước Trần. Thì Tuân Lâm Phủ đem quân đến, thế tất như thế tránh sao được. Thánh nhân liệt kê các chư hầu, mà chép tiếp ngay việc đánh Trần, tức là trách Trần nhiều.

辛酉晉侯黑臀卒于扈
TÂN DẬU, TẤN HẦU, HẮC ĐỒN, TỐT VU HỒ
NGÀY TÂN DẬU, TẤN HẦU TÊN LÀ HẮC
ĐỒN MẤT TẠI ĐẤT HỒ

Tả Thị - Hội tại Hồ, để bàn việc trị các chư hầu bất hòa. Trần Hầu không tới hội. Tấn Luân Lâm Phủ đem quân chư hầu đánh Trần. Tấn Hầu mất ở đất Hồ. Lâm Phủ đem quân về.

Công Thị - Hồ là ấp nước Tấn. Vua chư hầu mà mất ở trong cõi nước mình, thì không cần chép rõ tên nơi mất. Đây chép rõ là tại sao. Là vì mất ở hội. Chưa ra khỏi đất Hồ, cho nên không dùng chữ hội.

Cốc Thị - Chép nơi mất, vì ở ngoài. Chép ngày, vì chưa ra khỏi nước.

Xét - Đỗ Dự cho Hồ là đất nước Trịnh, cho nên có thuyết mất ở ngoài nước. Công Dương cho Hồ là đất nước Tấn, Như Trịnh Bá mất ở Tháo, Tống Công mất ở Khúc Cúc, đều mất ở trong nước, cho nên không nói rõ nước, mà rồi đọc tự hiểu, Công Dương so với Đỗ Dự, thì có phần hơn là Đỗ Dự. Khảo sát sử khắc trên tre (sử cũ) thì Tấn Xuất Công, năm thứ 22, mất ở Hồ, ý giả Hồ vốn là đất của nước Trịnh, mà sau nhập vào nước Tấn chẳng. Nay cứ theo Công Dương mà san bỏ Đỗ Dự. Xét Cốc Lương mà nói là ở ngoài, thì tức như Phạm Ninh bảo là ở ngoài quốc đô. Còn như bảo chép ngày là vì chưa ra khỏi cõi, thì đó là lấy tháng ngày cho là một lệ, không nên nghe theo.

冬十月季酉衛侯鄭卒

**ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, QUÝ DẬU,
VỆ HẦU TRỊNH TỐT**

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY QUÝ DẬU,
VỆ HẦU TÊN LÀ TRỊNH MẤT

宋人圍滕

**TỔNG NHÂN VI ĐĂNG
NGƯỜI TỔNG VÂY NƯỚC ĐĂNG**

Tả Thị - Mùa đông, người Tổng vây nước Đăng, nhân Đăng đang có tang.

Đỗ Ngạc - Chư hầu lộng quyền, đem quân vây nước người ta, lại nhân lúc người ta có tang cho nên chép là người (người Tống) để chê, không phải chỉ nhân nước Đăng có tang, mà lại nhân cả nước Tấn có tang. Nước Tấn chính trị đã suy, không còn cứu vãn được, cho nên các chư hầu chuyên quyền xâm phạm nhau. Vây chê Tống mà cũng chê cả Tấn.

楚子伐鄭晉卻缺帥師救鄭

**SỞ TỬ PHẠT TRỊNH, TẤN KHÍCH KHUYẾT
SUẤT SU CỨU TRỊNH**

**SỞ TỬ ĐÁNH TRỊNH, KHÍCH KHUYẾT
NƯỚC TẤN CẨM QUÂN CỨU NƯỚC TRỊNH**

Tả Thị - Sở Tử vì việc nước Lệ trước, cho nên nay đánh Trịnh, Khích Khuyết nước Tấn cứu nước Trịnh. Trịnh Bá đánh thua được quân Sở ở Liễu Phần, đất nước Trịnh. người trong nước Trịnh đều mừng. Chỉ có Tử Lương lo, có nói: "Chính là mối họa cho nước ta, mất ngày nào không biết".

Uông Khắc Khoan - Năm thứ 5, Tuân Lâm Phủ nước Tấn cứu Trịnh. Kinh không chép, vì thời đó, Trịnh vừa có loạn giết

vua. Đáng lẽ nên đánh, mà không nên cứu, cho nên không chép cứu. Nay chép là Khích Khuyết cứu. Cứ theo Truyện chép thì năm sau, Trịnh trị tội Quy Sinh, quật mã lên, đuổi hết cả họ đi. Nay Quy Sinh đã chết, cho nên chép là cứu, là cho Tấn là phải.

陳撥其大夫洩冶

TRẦN SÁT KỲ ĐẠI PHU TIẾT DÃ NƯỚC TRẦN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TIẾT DÃ

Tả Thị - Trần Linh Công với các đại phu là Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ thông dâm với góa phụ là Hạ Cơ, mỗi người có giữ một cái áo lót của Hạ Cơ, cùng đem ra giữa triều đình đùa nhảm. Đại phu Tiết Dã can rằng: “Công Khanh mà phô trương dâm bôn thì dân còn biết theo gương ai? Rồi đây còn nhiều tin đồn bậy. Xin nhà vua giấu cái áo ấy đi”. Công nói, “Tôi sẽ sửa lỗi”. Rồi Công bảo hai đại phu. Hai người xin giết Tiết Dã. Vua không cấm. Hai người giết Tiết Dã. Khổng Tử nói: “Kinh Thi có câu: Dân đã sẵn có lỗi tội. Đừng bày tội mình ra nữa”. Chính là việc Tiết Dã.

Cốc Thị - Giết đại phu, mà nói là nước Trần giết, tức là giết người vô tội. Sao Tiết Dã lại vô tội? Trần Linh Công đến nhà hạ Trung Thư, thông dâm, Công Tôn Ninh và Nghi Hàng Phủ cũng tới thông dâm, hoặc khoác áo Hạ Cơ, hoặc đem áo lót ra khoe giữa triều. Tiết Dã thấy thế vào can: “Dân nghe còn được. Người đứng đắn nghe không nên”. Vua xấu hổ với Tiết Dã, không nghe lời can, rồi giết đi.

Hoàng Trọng Viêm - Tả Thị đem lời Khổng Tử ra: “Dân đã sẵn có nhiều tội, đừng bày tội mình ra”. Đó không phải là câu Khổng Tử nói. Xưa kia, vua Trụ làm việc vô đạo, Vi Tử bô đi. Cơ Tử bán mình làm nô. Tỉ Can, can mà chết. Khổng Tử nói: “Nhà Ân có ba người nhân”. Cho Tỉ Can làm nhân, thì biết Khổng Tử không cho Tiết Dã là không phải. Nước vô đạo thì phải cẩn thận, đó là người không làm quan, ở ẩn dật, giữ mình cho được an toàn. Nhưng nếu đã có chức vị, ở giữa triều, đã ăn lộc của vua, thì cái thân đã hứa cho nước rồi, đâu có ngậm tằm,

cố tạm yên, theo đời, mà lấy việc trình bày sự dở làm răn, cho là giữ gìn được thân là phải. Đó không phải là lời răn dạy cách làm tôi, làm nhân thần. Kinh Xuân Thu, chép nước Trần giết đại phu Tiết Dã, là để thấy rằng, vua mà giết gián thần, chưa có vua nào là không bị táng vong. Cho nên vua Kiệt giết Long Bàng mà nhà Hạ mất, vua Trụ giết Ti Can mà nhà Ân mất. Coi Tiết Dã bị giết, mà năm sau, Linh Công bị giết, lại năm sau nữa Sở Trang, kiêm tính nước Trần. Việc đủ làm gương cho đời sau.

Xét. Tiết Dã can vua mà bị chết, còn trung nào bằng. Tiên nho rất nhiều người lấy làm bất mãn, chỉ vì không hiểu rõ ý nghĩa việc gọi tên khi biên chép. Theo lễ, vua chư hầu, lúc sống, không gọi tên, nhưng lúc chết thì gọi tên. Đến vua chư hầu còn gọi tên, huống chi là đại phu chết mà gọi tên thì là phải. Đại phu khi đã chết, như Khổng phủ Cữu Mục, Tuân Túc, đều chép cả tên. Nước Tống giết đại phu mà không chép tên, là ý nghĩa có liên can đến nhiều vị khác, cho nên không chép. Và lại các viên Tư Mã, Tư Thành, đều vì không xứng chức, mới chép chức, có quý hóa gì đâu mà không biên tên. Tử Ai chạy trốn nhưng không chết, Quý Hữu, Trọng Toại, Thúc Hật chết, tuy người hiền, kẻ gian không giống nhau, mà sinh thời được ban họ, cho nên lấy tên tự chép, không nên cho đó là lệ. Chu Tử có thích nghĩa câu: “Nước nguy không vào”, cho rằng người quân tử khi đã nhận lệnh vua, khi đã làm quan ở một nước, nước ấy rồi có nguy thì cũng không có lý gì bỏ đi được. Chữ “không vào” là áp dụng cho người ở ngoài cuộc.

Làm tôi nước Trần, ăn lộc nước Trần, nước loạn không có chính, vua tôi phô trương dâm loạn, đó là trường hợp mà người quân tử hết lòng hy sinh cứu vãn, có chết cũng không hối tiếc. Vậy, lúc người ta sống, Kinh không biết đến, thì lúc người ta chết, Kinh làm cho sáng tỏ mà nói rõ tên. Nay dùng có ép gượng giải thích, bối lông tìm vết, đổ vạ cho người, hoặc chê người thẳng thần can vua mà chịu chết, hoặc tôn người cố sạch thân trốn loạn, như kẻ ngu phu, im hơi, kín tiếng, thấy nguy thì lẩn tránh cho khỏi bị hại. Thế chỉ là gây cái ngu độn, vô liêm sỉ, sao có răn dạy được đời sau. Họ tả nói rằng Khổng Tử có dẫn Kinh

Thi dễ chê Tiết Dã. Hoàng Trọng Viêm bàn là không có chuyện Khổng Tử dẫn Kinh Thi như thế, bàn thực là cao kiến. Thuyết của Cốc Lương cho là giết người vô tội, nay lấy thuyết đó làm chủ. Còn những lời bàn rằng. Kinh chép tên là chê Tiết Dã, đều bỏ đi.

Năm Nhâm Tuất. Vua Định Vương, năm thứ 8.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tân Cảnh Công, tên là Mậu, năm đầu. Tề Huệ, năm thứ 10. Vệ Mục Công, tên là Tắc Nguyên, năm đầu. Sái Văn năm thứ 12. Trịnh Tương, năm thứ 6. Tào Văn, năm thứ 19. Trần Linh, năm thứ 15. Kỷ Hoàn, năm thứ 38. Tống Văn, năm thứ 12. Tần Hoàn, năm thứ 6. Sở Trang, năm thứ 15.

春 公 如 齊 公 至 自 齊

XUÂN, CÔNG NHƯ TỀ, CÔNG CHÍ TỰ TỀ

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG SANG TỀ. LỖ CÔNG TỰ TỀ VỀ LỖ

Uông Khắc Khoan - Công từ Tề về, thế là bốn lần châu vua Tề.

齊 人 歸 我 濟 西 田

TỀ NHÂN QUY NGÃ TỀ TÂY ĐIỀN

NGƯỜI TỀ TRẢ LẠI CHO TA RUỘNG SỨ TỀ TÂY

Tả Thị - Năm thứ 10, mùa xuân, Lỗ Công sang Tề. Tề hầu thấy ta quy phục, mới trả cho ta ruộng Tề Tây.

Công Thị - Tề đã lấy, sao còn nói là của ta. Là vì chưa rời hẳn ta. Nói rằng Tề lấy, nhưng thực ra, chưa về Tề.

Cốc Thị - Lỗ Công lấy vợ ở Tề. Tề coi như anh em. Trả lại ruộng, không chép chữ lại là trở lại. Lỗ Công sang Tề nhận ruộng.

Triệu Khuông - Công Dương bàn rằng Tề đã lấy sao còn nói “ta”, vì chưa rời hẳn ta. Đã lấy lại còn bảo chưa rời hẳn, ắt nói sao vu vơ thế. Cốc Lương thì bảo không chép chữ lai, là vì Lỗ Công sang Tề nhận ruộng. Ai Công, năm thứ 8, Tề trả ta ấp Hoan, và ấp Xiển. Lỗ Công có sang Tề đâu. Trình Cử nói: Tề Lỗ giao hiếu cho nên Tề trả ruộng. Ruộng vốn là của Lỗ. Tề lấy là phi nghĩa, cho nên nói là trả lại ta, không có gì đáng khen.

Uông Khắc Khoan - Người Tề trả ta ruộng có ba lần: Ruộng Vân, Hoan, Quy Âm. Khổng Tử lấy lễ giáo hóa được cường bạo. Tề Cảnh phải tâm phục mà trả. Kinh chép là trở lại, về, là chữ hay, chữ lịch sự. Ai Công biết sửa đổi dở thành hay, cho Châu Tử Ích về nước Châu, cho nên Tề Điều trả ta gấp hai Hoan và Xiển. Kinh chép chữ trả trả về, là chữ thuận nghĩa. Duy có việc ruộng Tế Tây, Lỗ Tuyên Công dùng lễ quá trớn để đẹp lòng Tề Huệ, Tề Huệ thích được nịnh, cho nên trả ruộng về cho Lỗ, đều là vì ý riêng, việc riêng, cho nên chép trở về ta, chữ ta là ý của ta, của riêng cho ta. Không những là khác với phương pháp thánh nhân nói theo đường đạo, mà so với Ai Công đối lỗi, cũng không thể cùng lời văn được.

夏四月丙辰日有食之

HẠ, TỬ NGUYỆT, BÌNH THÌN, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÌNH THÌN, CÓ NHẬT THỰC

己巳齊侯元卒

KỶ TÝ, TỀ HẦU, NGUYÊN, TỐT

NGÀY KỶ TÝ, TỀ HẦU, TÊN LÀ NGUYÊN MẤT

齊崔氏出奔衛

TỀ THÔI THỊ XUẤT BÔN VỆ

HỌ THÔI, NƯỚC TỀ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Mùa hạ, Tề Huệ Công mất. Thôi Trữ vốn được Huệ

Công yêu dấu tin dùng, hai họ Cao, Quốc ngại bị áp bức. Khi Công mất rồi, mới đuổi đi. Chạy sang Vệ. Kinh chép họ Thôi là không phải có tội. Mà chép là họ, chứ không chép tên. Phàm đại phu của chư hầu đã bị đuổi, phải chạy trốn, thì được báo cáo rằng: "Một đại phu nước tôi tên, họ Mỗ, đã thôi không giữ được việc thờ cúng tổ tiên. Xin báo cáo". Lời báo cáo đó chỉ gửi cho nước nào mà đại phu có trách nhiệm đi sứ tới. Còn không, thì không báo cáo cho ai cả.

Công Thị - Họ Thôi là ai? Là đại phu nước Tề. Chép "họ Thôi" là chê. Chê vì đã nổi đời giữ chức Khanh. Thế là phi lễ.

Cốc Thị - Chép họ tức là cả họ phải trục xuất.

Hồ Truyền - Kinh chép "họ Thôi" là đem cả họ chạy. Hứa Hàn bàn rằng "Thôi Trữ đi, rồi trở lại được. Trở lại mà lại giết được vua thì biết là họ có thế, cho nên lần này nói đến họ". Bàn thế thì vội đấy. Nhưng đúng đấy.

Triệu Bằng Phi - Nổi đời mà hiền, tức là truyền đời đức hiền. Nổi đời mà chuyên quyền, tức là truyền đời đức ác. Kinh Xuân Thu mà chép họ Thôi, họ Doãn, họ Vũ là không phải vì hiền. Tất cả đều là chuyên quyền. Tả Thị thấy Tương Công, năm thứ 25 có việc Thôi Trữ, nhân cho là Thôi Trữ chạy trốn. Tôi nghi là gò ép để giải nghĩa. Vì rằng từ ngày này đến năm Thôi Trữ thí nghịch có 51 năm. Cứ cho lúc đó 70 tuổi thì nay chưa đến tuổi làm lễ đội mũ, thì đã biết gì là chuyên quyền ở nước Tề. Ngày xưa 40 tuổi mới ra làm quan, 50 tuổi mới được tước phẩm. Tính đến Thôi Trữ thí nghịch thì vừa một trăm tuổi.

Xét - Họ Thôi chạy trốn. Tả Thị cho là họ Cao, họ Quốc ngại bị áp bức. Công Dương cho là chê trách về việc nổi đời chức Khanh. Cốc Lương cho là đuổi cả họ Thôi đi. Hồ An Quốc thì dùng làm thuyết Hứa Hàn cho là họ to có thế. Bàn Kinh Xuân Thu, mỗi người mỗi cách. Sự thực cũng dễ hiểu. Vì nổi đời cho nên họ có thế lực. Vì họ có thế lực, cho nên họ Cao, họ Quốc phải e ngại. Vì e ngại mới đuổi cả họ. Chả còn có nghĩa nào khác nữa. Kinh chép là họ Thôi. Công Thị không xét đầu được để biên tên. Tả Thị cho là lời Thôi Trữ. Khảo

sát về Thôi Trữ giết vua, thì quá thời nay những 50 năm. Triệu Bằng Phi bác đi là phải. Tuy nhiên, Tả Thị cũng không xa đời Thánh nhân mấy, tất có được đầu mỗi từ đầu. Nay cử để ca các lời bàn.

公 如 齊
CÔNG NHU TÊ
LỖ CÔNG SANG TÊ

Tả Thị - Lỗ Công sang Tê về việc tang nước Tê.

Cao Kháng - Tê Hầu mất, mà vội vàng sẵn sóc đến tang, đó là lấy việc nhờ Thiên Tử mà thờ vua Tê.

五 月 公 至 自 齊
NGŨ NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ TÊ
THÁNG 5, LỖ CÔNG TỪ TÊ VỀ LỖ

Triệu Bằng Phi - Mùa Xuân, Lỗ Công sang Tê nhận ruộng rồi về. Rất là hoan hỉ cho nên năm sau lại sang Tê bôn tang, giúp đáp về việc tang để báo đền Nguyên (tên vua Tê) đã cho. Lỗ Công lên ngôi được 10 năm, chưa có một lần nào đến châu tại Kinh sư, vì cho là Chu yếu, không đủ nhờ cậy, mà ta được ở ngôi vua là nhờ nước Tê. Tê là quan trọng. Năm lần tới châu Tê, được có nước, là nhờ Tê. Nước Lỗ có phải là Thiên Tử phong cho không, thế mà như là thuộc về nước Tê. Hậu với Tê mà bạc với Chu. Vậy Lỗ có tội. Mà Tê coi Lỗ không hơn nước phụ dung, thật là ngang ngược. Thánh nhân chép "sang Tê" không phải chỉ riêng trách Lỗ, mà còn trị tội Tê nữa.

癸巳陳夏徵舒弑其君平國

QUÝ TY, TRẦN, HẠ TRUNG THƯ

THÍ KỲ QUÂN, BÌNH QUỐC

NGÀY QUÝ TY, HẠ TRUNG THƯ NƯỚC TRẦN

GIẾT VUA TÊN LÀ BÌNH QUỐC

Tả Thị - Trần Linh Công, cùng Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ uống rượu ở nhà họ Hạ, Công bảo Hàng Phủ: “Trông Trung Thư (con Hạ Cơ) giống người”. Đáp: “Trông giống nhà vua”. Trung Thư nghe giận lắm. Khi nhà vua đi ra, Trung Thư nấp trong chuồng ngựa bắn ra. Công chết, hai đại phu chạy trốn sang nước Sở.

Hồ Truyền. Trần Linh Công là vô đạo, mà sao lại gọi tên đại phu giết. Không họa nào lớn bằng, gạt lời can, giết người nói thẳng. Không trung nào rõ bằng thân bị giết. Nhưng lời nói được nghiệm. Tiết Dã coi hành vi, là không sợ chết, cứ hết lời nói thẳng với vua. Chính vì thấy vua tội Linh Công thông dâm nhà họ Hạ, sợ rồi có họa, không nỡ ngồi nhìn họa tới, cho nên liều chết mà nói. Còn Linh Công thì đã không biết nghe, lại vì thế giết đi, để rồi kết quả là bị mất nước, đó là gương cho muôn đời. Đặc biệt chép họ tên Hạ Trung Thư để cho thấy lời nói trung chính của Tiết Dã đã nghiệm, thấy cái lý do sự chết của Linh Công, khiến cho những ai có nước phải xa sắc phải sửa mình, bao dung lời thẳng, lo mở đường mà thu lại lời can gián. Cho rằng tội không lây đến dân, thì chỉ chép đại phu giết, chứ không chép tên họ, thế không phải là ý của Kinh.

Xét - Trung Thư giết vua, Xuân Thu chép tên và họ, để chính tội loạn thần, tặc tử, thế là cứ việc thực mà chép thẳng, thì nghĩa tự nhiên rõ. Đỗ Dự cho rằng, chép tước đại phu là tội không lây đến dân. Cao Kháng cho rằng, tội Trung Thư, người trong nước không ghét. Triệu Bàng Phi cho rằng Trung Thư bày cái dở của mẹ ra, cho nên chép để rõ đạo làm con. Tất cả đều bàn sai. Hồ Truyền cho rằng để thấy lời trung chính có nghiệm để thấy lý do bị giết, cho thế cũng không

phải là ý chính của Kinh. Tuy nhiên, bảo rằng, những ai có nước, phải xa sắc, phải sửa mình, lo mở đường và thu nạp lời can gián, bảo thế là lời bàn luận rất chính cho nên giữ lại.

六月宋師伐滕

LỤC NGUYỆT, TỔNG SƯ PHẬT ĐĂNG
THÁNG SÁU, QUÂN ĐỘI TỔNG PHẬT NƯỚC ĐĂNG

Tả Thị - Người Đăng cậy có Tấn mà không thờ Tống, tháng 6, quân Tống đánh Đăng.

Lục Cửu Uyên - Tống là nước lớn, Đăng là nước nhỏ. Đăng hại sao được Tống. Tống mà đánh Đăng, chỉ là lằng loàn nhỏ yếu để thỏa ý muốn. Họ Tả bảo Đăng cậy có Tấn, không thờ Tống. Nhưng nghiệp Bá của Tấn đã suy. Đăng vốn nước nhỏ, có gì mà cậy được. Hoặc giả, vì có thờ Tấn mà có sơ xuất với Tống chăng. Còn Tống thì lấy nghĩa gì mà trách được Đăng không thờ mình. Lớn nên giúp nhỏ, thương là không bằng mình thì mới phải. Năm trước, nhân Đăng có tang mà tới vây. Năm nay lại hưng binh tới đánh, thế là lằng phạm nhỏ yếu để thỏa ý muốn, rõ ràng vậy.

公孫歸斧如齊葬齊惠公

CÔNG TÔN QUY PHỦ NHƯ TÊ TÁNG TÊ HUỆ CÔNG
CÔNG TÔN QUY PHỦ SANG TÊ DỰ TÁNG LỄ TÊ HUỆ
CÔNG

Trương Hiệp - Kinh Xuân Thu chép như thế là để biết rõ rằng kẻ loạn thần, tặc tử không hiểu gì về lễ tống chung. Cho nên khiếm khuyết với Thiên Tử mà hậu trọng với nước mạnh. Ai chả bảo rằng, cái oai cứu phạt (Tê Hoàn Công xưa) không thi hành. Ai chả bảo rằng cái quyền chinh phạt không còn có ảnh hưởng.

晉人宋人衛人曹人伐鄭
TẤN NHÂN, TỔNG NHÂN, VỆ NHÂN,
TÀO NHÂN, PHẠT TRỊNH
 NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI VỆ,
 NGƯỜI TÀO, PHẠT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Trịnh và Sở hòa. Quân đội của chư hầu đánh Trịnh, lấy ấp. Thành rồi kéo về.

Trương Hiệp - Chép chữ người là chê việc bỏ cái tội của kẻ loạn thân tặc tử mà khinh động việc chiến tranh, xâm lăng áp bức các nước nhỏ, không còn biết dựa vào đâu.

Triệu Dữ Quyên - Trước đây, nước Sở đánh nước Trịnh, Tấn cứu Trịnh. Nếu Tấn có thể che chở được Trịnh, thì Trịnh đâu có phải hòa với Sở. Quân không đủ để ngăn Sở. Đức không đủ để phục Trịnh. Hai bên giao chiến, Trịnh có tội gì đâu. Coi đó biết Tấn không còn làm Bá chủ được.

秋天王使王癸子來聘
THU, THIÊN VƯƠNG SỬ VƯƠNG QUÝ TỬ LAI SÍNH
 MÙA THU, THIÊN TỬ SAI VƯƠNG QUÝ TỬ
 TỚI LỄ ĐÁP LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa thu, Lưu Khang Công (vương Quý Tử) tới đáp lễ sính của Lễ khi trước.

Công Thị - Vương Quý Tử là đại phu của Thiên Tử. Gọi là Vương Quý Tử là tôn quý, vì là em cùng mẹ với Thiên Tử.

Cốc Thị - Gọi là Vương Quý vì là con vua. Dùng chữ Tử là tôn trọng. Sính là lễ sính thăm hỏi.

Hứa Hàn - Từ đó, uy của Thiên Tử mất dần dần, sính lễ càng bị khinh. Xuân Thu thôi không chép nữa.

公孫歸斧帥師伐鄴取繹

CÔNG TÔN QUY PHỦ SUẤT SU

PHẠT CHÂU THỦ DỊCH

CÔNG TÔN QUY PHỦ CẨM QUÂN,

ĐÁNH NƯỚC CHÂU, LẤY ẤP DỊCH

Tả Thị - Quân đánh nước Châu, lấy ấp Dịch.

Cao Kháng - Từ thời Văn Công, Lỗ và Châu đã có hiềm khích. Tuyên Công lên ngôi vì việc thoán nghịch, đầu tiên là vua Châu tới chầu, rồi sau duyệt tích đến 10 năm, vì thế Quy Phủ đánh Châu.

Lục Cửu Uyên - Lỗ mà đánh Châu thì không khác gì Tống đánh Đằng. Đặc biệt chép, lấy ấp Dịch, tội lại càng rõ.

Xét - Văn Công năm thứ 13, Truyện chép là nước Châu thiên đến Dịch. Dịch thành quốc đô nước Châu. Tính đến nay đã mười mấy năm rồi, vị tất đã có thiên đô lần nữa. Lấy Dịch, thế là diệt nước Châu vậy. Sách Khổng Sở có chép là Châu có một ấp Dịch khác quốc đô, là nhân núi mà thành tên, tức là một ấp nhỏ nước Châu, trùng tên. Công Dương không chép chữ Dịch, mà chép chữ Loại hoặc Li. Nên nghi là Công Dương chép đúng. Tuy nhiên, Cốc Lương với Tả Thị giống nhau cho nên cứ theo là Dịch mà luận bàn phụ thêm vào thôi.

大水
ĐẠI THỦY
LỤT TO Ở LỖ

癸 孫 行 斧 如 齊 冬 公 孫 歸 斧 如 齊
QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TÊ, ĐÔNG CÔNG
TÔN QUY PHỦ NHƯ TÊ

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TÊ, MÙA ĐÔNG,
CÔNG TÔN QUY PHỦ SANG TÊ

Tả Thị - Quý Văn Tử lần đầu lễ sinh nước Tê (vua mới). Mùa đông. Tử Gia (Công Tôn Quy Phủ) sang Tê vì có đánh nước Châu.

Lục Cửu Uyên - Năm đó Tuyên Công hai lần sang Tê. Còn sai bảy tôi, sang Tê ba lần. Chỉ thấy Thiên Tử cho sứ là Vương Quý tới Lỗ lễ sinh, chứ không nghe thấy vua Lỗ tới Kinh đô, hoặc sai sứ tới Kinh Đô. Chả cần phải khảo cứu kỹ mà tội đã thấy rõ.

Gia Huyền Ông - Hàng Phủ lấy cơ Khoảnh Công mới lên ngôi mà sang Tê là việc thường. Quy Phủ thì sang Tê để được gần gũi riêng, bày tỏ phúc tâm, thế không phải là lễ thường. Bố Quy Phủ giết cháu ngoại vua Tê, mà lập Tuyên Công lên ngôi. Tê Huệ là chủ ở nước ngoài. Khi Khoảnh Công nối ngôi thì Quy Phủ lo sợ bị trị tội chẳng. Cho nên sang Tê, khuất tất, hết sức ty tiện để mong chuyển được việc trị tội. Kinh chép cả hai vị sứ, là để trị kẻ gian.

齊 侯 使 國 佐 來 聘
TÊ HẦU SỨ QUỐC TÁ LAI SÍNH
TÊ HẦU SAI QUỐC TÁ TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Quốc Vũ Tử tới đáp lễ sinh.

Xét - Vua chư hầu còn ở trong tang, mà có việc hội, việc

thể, việc di chình phạt, cứ theo tang lễ, chép là tử: con theo lễ không có tang thì chép tước. Đang ở tang mà lễ sinh các nước gần, xét trong sách lễ, tuy không có cấm, nhưng khi sai sứ đi, thì thấy lời vị đại thần thay vua, cầm quyền chính trong nước, theo như việc khi Thiên Tử sai sứ đi đòi lễ ở Lỗ, thì không xưng là Vương sứ. Nay chép “Tể Hầu” sai thể là ghét sao đã vội dùng cát lễ (lễ khi hết tang).

饑

CƠ

ĐÓI

Công Thị - Sao lại chép. Vì quan trọng.

Trương Hiệp - Theo Vương đạo, thì trong chính trị, việc lo cho dân đủ ăn là quan trọng. Cho nên sự tích trữ trong nước là việc lớn. Trước đây hơn trăm năm, các tai nạn về nước lụt, đại hạn, sâu ăn lúa rất nhiều mà không thấy chép đói. Nay sau nạn nước lụt, chép đói để rõ chính trị ngoại giao của Tuyên Công phiên hà, tiêu dùng trong nước không biết tiết kiệm, trên dưới đều hết sạch, cho nên, mới gặp thủy nạn, mà đã đến thiếu ăn.

Triệu Bằng Phi - Xuân Thu chép nạn đói hai lần, nạn đói to một lần mà Tuyên Công ở vào một trong hai nạn đói. Tuyên Công lên ngôi đến nay là 10 năm, nạn sâu, đại hạn, lụt to, mỗi thứ một lần. Tuyên Công, lập làm vua, không được mệnh trời, trời gieo nhiều biến. Thế mà cống Tể không năm nào không. Dùng quân không có kỳ hạn. Thóc lúa hết. Kho tàng sạch không. Lại thêm tai biến về thủy hạn, để cho dân đến phải đói rét lưu ly, cũng không lấy gì làm lạ. Tuyên Công trông vào đâu được.

楚子伐鄭

SỞ TỬ PHẠT TRỊNH

SỞ TỬ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Sở Tử phạt nước Trịnh. Sĩ hội nước Tấn cứu Trịnh,

đuổi được quân Sở ở đất Đình Bắc, Quân chư hầu đóng giữ biên giới cho Trịnh.

Phụ lục Tả Truyện - Tử Gia nước Trịnh đã chết (Công Tử Quy Sinh). Người Trịnh trị tội bọn gây loạn dưới đời U Công, quật mả Tử Gia, đuổi hết họ đi, cải táng cho U Công, và đặt Thụy hiệu là Linh Công.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu có khi lời giống nhau mà ý khác nhau. Phải so sánh việc mới biết được. Năm thứ 9 Sở Tử đánh Trịnh, thì chép tước, tức là chê. Như là nói rằng: Vua tự làm tướng, cầm quân, khoe mạnh lẫn yếu, lăng phật chư hầu. Biết được là chê, là vì ở dưới là chép khuyến khích nước Tấn cầm quân cứu Trịnh. Thế đủ biết là chê Sở, Năm nay Sở Tử phật Trịnh, chép tước, là lời chép thẳng, y như nói rằng lấy việc thực mà chép, chép việc quan trọng, không cho Sở là có tội. Biết được thế, là vì: Truyện có chép Sĩ Hội nước Tấn cứu Trịnh, đuổi quân đội Sở ở Đình Bắc, thế mà Kinh thì san bỏ không chép, tức là trách Tấn. Loại này cần căn cứ vào Truyện mà bàn.

Năm Quý Hợi. Vua Định Vương năm thứ 9.

十 有 一 年
THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 11

Tân Cảnh, năm thứ 2. Tề Khoảnh Công Vô Dã năm đầu. Vệ Mục, năm thứ 2. Sái Văn, năm thứ 14. Trịnh Tương, năm thứ 7. Tào Văn, năm thứ 20. Trần Thành Công. Ngô năm đầu. Kỷ Hoàn, năm thứ 39. Tống Văn, năm thứ 13. Tấn Hoàn, năm thứ 7. Sở Trang, năm thứ 16.

春 王 正 月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏 楚 子 陳 侯 鄭 伯 盟 于 辰 陵

HẠ, SỞ TỬ TRẦN HẦU,
TRỊNH BÁ MINH VU THẦN LĂNG
MÙA HẠ, SỞ TỬ, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ
THÊ TẠI THẦN LĂNG, ĐẤT NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Mùa xuân, Sở Tử đánh Trịnh, tiến quân tới đất Lịch. Trịnh Tử Lương nói: "Tấn và Sở không chuộng đức, lại dùng binh lực ganh nhau Bá chủ. Có thể người nào tới trước thì ta theo. Tấn và Sở đều là hạng không giữ lời hứa, không có tín. Ta cần gì giữ tín với họ". Thế là Trịnh theo Sở. Mùa Hạ, Sở thê ở Thần Lăng, Trần và Trịnh theo Sở.

Phụ lục Tả Truyện - Chúc Tả Doãn nước Sở là Tử Trọng đem quân xâm nước Tống. Sở Tử chờ ở đất Diên (nước Sở). Lệnh Doãn và Vĩ Ngải Lạp đắp thành nghỉ. Sai chức Phong nhân (chức quan trọng coi nơi biên giới) tính toán công việc, rồi giao cho quan Tư Đồ. Quan Tư Đồ, xét công thợ, định số ngày làm, kích thước gỗ lạt dùng vào việc xây dựng số các thúng sọt, thuổng cuốc, ước lượng xa gần, nền móng, trữ gạo, thóc, lương khô, đặt các viên chức trông coi. Y như đã định, đúng ba mươi ngày, hoàn thành công việc.

Hồ Truyện - Tấn và Sở tranh nhau hai nước Trần và Trịnh, đã từ lâu. Nay Trần và Trịnh bỏ nước Tấn mà theo Sở thê tại đất Thần Lăng. Xuân Thu chép không có lời phê. Phép lớn của Xuân Thu là trị bọn loạn thần tặc tử. Nay Lỗ với Tề dùng binh đánh nước Cử, Tấn với Địch hội ở Toàn Hàm mà không bàn đến việc họ Thiệu Tây nước Trịnh loạn nghịch (việc hạ Trung Thu), để cho người Sở biết bàn đến, Hội thê ở Thần Lăng sở dĩ được chép trong Kinh mà không

chê. Thánh nhân trị giặc ý đã thấm thiết rõ ràng lắm.

Uông Khắc Khoan - Nước Sở từ hội Vu về sau, chưa từng xưng tước ở các hội thể. Ở đây chép tước Tử đặt trên Trần Hầu, Trịnh Bá, nước Sở lần đầu chủ hội minh. Hội Vu mà xưng tước là bị chê. Không xưng tước thì nghi là Sở đại phu, mà tội bất Tống Công không kể rõ.

Hội thể ở Thần Lăng chép tước Tử là khen. Khen cho đã trị giặc nước Trần. Sau đó, hội thể ở đất Thục Sở Công Tử Anh Tề, chép trên các đại phu các nước, là chê mà chép chữ người, tức là không cho Anh Tề được chủ các chư hầu.

Hội thể Tống Quắc, Công Tử Vi thể trước, sắp huyết trước, mà Kinh lại chép Tấn cầm đầu, là không để cho Sở được uy hiếp chủ hội.

Xem như thế, thì biết hội thể ở Thần Lăng, Sở Tử được chép lên đầu, mà không có lời chê, thế là khen.

公孫歸斧會齊人伐莒

CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI TÊ NHÂN PHẠT CỬ

**CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI VỚI NGƯỜI TÊ,
PHẠT (ĐÁNH) NƯỚC CỬ**

Đỗ Ngạc - Gọi là người Tê để chê. Tê gọi là người thi Lỗ cũng gọi là người. Chép Công Tôn Quy Phủ cũng là ghi sự chuyên quyền của đại phu.

Uông Khắc Khoan - Đánh Châu, đánh Cử đều để Quy Phủ cầm nhiều quân, rồi sau mới hội với Tê Hầu, hội với Sở Tử. Vậy Quy Phủ đều hội với các vua thì thấy rằng Tuyên Công đã trọng đãi Trọng Toại, mà lại yêu con Trọng Toại để cho chuyên quyền tại nước Lỗ. Mới biết việc đuổi ở đất Sinh là gây ra tự đây.

秋 晉 侯 會 狄 于 攢 函

THU, TẤN HẦU HỘI DỊCH VỤ TOÀN HÀM
MÙA THU, TẤN HẦU HỘI RỢ DỊCH Ở TOÀN HÀM,
ĐẤT RỢ DỊCH

Tả Thị - Khích Thành Tử nước Tấn cầu hòa với rợ Dịch. Bọn Dịch vì ghét việc Xích Dịch trước mới theo về Tấn. Mùa thu, hội tại Toàn Hàm, bọn Dịch theo cả. Về việc đó, các đại phu đều muốn mời Dịch tới Khích Thành Tử nói: "Tôi nghe nói không có đức nào bằng cần lao. Không có đức cần thì lấy gì mà phục người. Có cần thì có người theo. Xin cứ cần, Kinh Thi có câu: "Văn Vương cần đã đủ, Văn Vương vẫn cứ cần. Huống chi là người ít Đức".

Cốc Thị - Không dùng chữ cập là cùng, là vẫn cho Dịch là giống khác để ra ngoài.

Cao Kháng - Chư Hầu trông cậy vào Tấn. Tề thì đánh Cử. Tấn thì hội với Dịch, Thành ra Sở gây được nghiệp Bá. Thế là đi ngược đường.

Gia Huyền Ông - Sở bắt Trần và Trịnh thề. Tấn không biết hòa hợp chư hầu mà đi hội với rợ Dịch. Cứ so sánh và xét công việc thì thấy Tấn kém hèn lắm.

Uông Khắc Khoan - Tấn Cảnh Công tới đất rợ Dịch mà hội, so với Hi Công, năm thứ 32, người Vệ thề với người Dịch, ý nghĩa giống nhau.

冬 十 月 楚 人 撥 陳 夏 徵 舒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, SỞ NHÂN

SÁT TRẦN HẠ TRUNG THU

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGƯỜI SỞ

GIẾT TRẦN HẠ TRUNG THU

Công thị - Đây là Sở Tử. Gọi là người là chê. Không cho là phải, việc trị người đã ở ngoài nước. Mà dù có ở trong nước

cũng không cho. Nghĩa chư hầu là không được chuyên quyền trị tội đánh nước khác, nhưng sự thực thì cứ cho, là vì không còn Thiên Tử, dưới không có Phương Bá, chư hầu trong thiên hạ làm việc vô đạo, tôi giết vua, con giết cha, vậy chư hầu nào có tài trị được thì cứ trị là phải.

Cốc Thi - Đây là vào nước Trần mà giết. Không chép chữ “vào” tại sao? Là coi như Hạ Trưng Thư ở ngoài. Vậy Sở mà trị là Sở có tội.

Phạm Ninh - Đổi chữ vua Sở thành người Sở. vì đối với hạng giết vua thì người người đều được giết, cứ gì vua.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo đây là vua Sở, mà chép là người là chê. Công Dương bàn sai. Đây cũng giống như người nước Sái giết Trần Đà, có gì là khác. Vả lại giết kẻ giết vua ở nước ngoài, sao lại không được. Còn Cốc Lương thì nói: Đây là vào nước Tần mà giết, sao không chép là vào, là không coi Hạ Trưng Thư ở nước Trần. Cốc Lương bàn sai. Đã chép người Sở giết là rõ Hạ Trưng Thư có tội rồi. Vả, trước mà nói vào, sau mới nói giết, thì thành ra Hạ Trưng Thư vẫn ở Trần. Xét Xuân Thu là sách chép việc, trước giết rồi sau vào, đều là cứ chép sự thực, đâu có ngang nhiên thay đổi việc xưa, để cho theo ý riêng của mình.

丁亥楚子入陳

ĐÌNH HỘI SỞ TỬ NHẬP TRẦN

NGÀY ĐÌNH HỘI SỞ TỬ VÀO NƯỚC TẤN

Cốc Thi - Dùng chữ “vào” là ý trong nước không chịu. Chép vào là ghét việc nào. Không chịu vì không muốn cho Di Địch lấn Trung Quốc.

Hồ Truỵện - Xét Truỵện họ Tả: Sở Tử vì cố họ Hạ làm Loạn, mới đánh Trần, bảo người Trần đừng sợ, Sở chỉ trị tội họ Thiệu Tây (họ Hạ) thôi. Thế là đưa quân vào nước Trần, đem Hạ Trung Thư đến cửa Lật Môn cho xe kéo xé xác (như hình voi giầy). Kinh chép giết trước, chép vào sau, thế là khen Sở Tử biết rị tội giặc. Trị giặc là vì nghĩa, lấy nước là vì tham. Một đảng là Thuấn, một đảng là Chích, khác nhau xa, chỉ vì một đảng là thiện, một đảng là lợi. Sở Trang vì nghĩa mà trị giặc, thế là hăm hở làm điều thiện, tức là học lối vua Thuấn. Vì tham mà lấy nước tức là hấp tấp về lợi, thế là đồ đảng của đạo Chích. Hoặc thiện, hoặc ác, chỉ là tâm trí thoáng trong giây phút. Cứ theo phương pháp đó chép, cho nên Xuân Thu cho tâm là quan hệ, đọc Kinh cần xét kỹ.

Hoặc giả bàn rằng: Thánh nhân nâng đỡ người biết đổi lỗi. Sở tuy biến Trần thành quận huyện Sở, nhưng còn biết nghe lời bàn của Thân Thúc Thời, mà phong lại cho Trần, thế là biết đổi lỗi. Thế mà Kinh còn chép “Vào Trần” để chê là tại sao? Tại là: Ý Sở Trang cứ muốn diệt Trần, tuy phong lại cho Trần, nhưng lấy mỗi làng một người, đem về cho tập hợp thành một ấp gọi là ấp Hạ Châu. Rồi lại đặt lại bọn loạn thần, thế là thay đổi cả trên dưới, làm cho không còn đạo vua tôi nữa.

Người Tấn đem cho đồ lễ sang nước Trịnh, hỏi có tại sao Tử Khất được lập làm Trưởng họ. Tử Sản đáp: “Nếu như các bầy tôi của quả nhân mà để cho đại phu nước Tấn xếp đặt ngôi thứ,

thì nước Trịnh thành quận nước Tấn, còn đâu là nước nữa. Từ Sơn từ tạ không nhận lễ, rồi cho người sang Tấn đáp lễ. Người Tấn cũng xếp việc đó không nói đến nữa.

Nay đã là nước khác thì không nên dự, thế mà xếp đặt ngôi thứ cho loạn thần. Vậy hưng vong, còn mất, ai trách nhiệm.

Trọng Ni khen công trị giặc, cho nên giảm tội cho, không chép là lấy Trần, mà chép là vào Trần. Bảo là khen cũng được.

Xét - Việc vào nước Trần, Truyện kể trước việc trị giặc. Kinh thì chép sau việc trị giặc. Hồ Truyện cho là Thánh nhân khen Sở Tử về việc trị giặc, Trương Hiệp cùng một ý ấy, đều là có lý. Cốc Lương cho là giết Trưng Thụ ở ngoài nước Trần, thế là bàn sai, Lưu Suồng bác đi rất là minh bạch.

納公孫寧儀行斧于陳

NẠP CÔNG TÔN NINH, NGHI HÀNG PHỦ VU TRẦN

**CHO Ở LẠI CHÚC CƯ BỊ BỌN CÔNG TÔN NINH
VÀ NGHI HÀNG PHỦ**

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử vì cơ họ Hạ ở Trần làm loạn, tới phạt, báo dân đừng sợ, chỉ trị họ Thiếu Tây thôi. Rồi vào nước Trần, đem Hạ Trưng Thụ tới cửa Lật Môn, cho xe xé xác, rồi đặt Trần thành một huyện của nước Sở. Trần Hầu ở nước Tấn. Đại phu nước Sở là Thân Thúc Thời đang đi sứ ở nước Tề, khi về vào triều, phục mệnh rồi lui ra. Vua Sở sai trách rằng: Họ Hạ Trưng Thụ làm việc vô đạo giết vua, ta đem các chư hầu trị tội giết đi. Chư hầu cùng các Trần Thủ các huyện, ấp, nước Sở đều mừng ta. Riêng đại phu không mừng, tại sao? Đáp: "Xin biết có cho bày tỏ ý được không". Vua nói được. Thân Thúc Thời nói: "Hạ Trưng Thụ có tội to là giết vua. Trị tội giết đi, thế là nhà vua làm một việc nghĩa. Tục ngữ có câu: "Có người đem bò mình đem vạch một con đường ở vào ruộng người rồi bò bị bắt mất. Vạch con đường ở ruộng người vốn là có tội. Nhưng bắt bò là một hình phạt quá nặng. Chư hầu mà theo nhà vua là để trị kẻ có tội. Nay ngày đổi nước Trần thành một huyện

ở nước Sở, thế là tham của. Lấy việc trị tội triệu chư hầu. Rồi đuổi chư hầu về, khi lòng tham của mình đã đủ, như thế có lẽ không nên". Vua Sở nói: "Phải lắm, tôi chưa nghe được những lời nói như thế bao giờ. Vậy có nên trả lại không". Đáp: "Nên lắm, Tiểu nhân như chúng tôi nghĩ là lấy của trong túi người ta để cho người ta". Vua Sở phong lại cho Trần, chỉ lấy mỗi làng một người đem về Sở, lập thành ấp Hạ Châu.

Cho nên Xuân Thu chép: Sở Tử vào Trần, đặt lại tại Trần, Công Tôn Ninh và Nghi Hàng Phủ, Xuân Thu cho là Sở Tử có lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Sau việc Lệ Công, Trịnh Bá trốn thoát Sở, mà về được nước. Từ đó, Sở vẫn chưa có dịp được đắc chí với Trịnh. Trịnh đã chịu thế ở hội Thần Lăng, là rất may cho nước Tấn.

Công Thị - Đây điều là một đại phu cả. Sao chép là đặt lại. Vì là đảng của Trần Linh Công. Tức như cho là được.

Cốc Thị - Đặt lại, tức là trong nước không chịu. Trị tội người hại dân thì còn được. Vào nước người ta, đặt lại quan chức, làm hại đạo vua tôi người ta thì không được.

Đạm Trợ - Họ Tả cho là Xuân Thu khen là có lễ. Nếu việc đặt lại việc loạn thần là có lễ, thì thế nào là phi lễ.

Lục Thuần - Thuần nghe thầy học có dạy, Sở Tử mà trị tội Trung Thư là chính, cho nên Kinh chép chữ "người" cho là làm điều nghĩa. Đến như, vào nước người ta, đặt lại cho làm quan, bọn bầy tôi dâm loạn, thế là tà, không phải chính. Cho nên chép rõ tước, tước Tử, để rõ là không chính. Cái nghĩa Xuân Thu là phê điều hay, mà trị kẻ ác, từ cái tơ tóc không sót, đến việc thì xét nguyên nhân, xấu tốt không che giấu.

Lưu Sưởng - Công Dương cho là đặt lại đảng của Linh Công là phải. Cứ xét ngay lệ của Công Dương, thì dựng lên, đặt lại, vào nước, đều là thoán. Đây Công Tôn Ninh, Nghi Hàng Phủ, chép là nạp, là đặt lại, có phải là thoán không. Bảo là đảng của Công là thế nào?

Năm Giáp Tý. Vua Định Vương, năm thứ 10.

十 有 二 年
THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 12

Tấn Cảnh, năm thứ 3. Tề Khoảnh, năm thứ 2. Vệ Mục, năm thứ 3. Sái Văn, năm thứ 15. Trịnh Tương, năm thứ 8. Tào Văn, năm thứ 21. Trần Thành, năm thứ 2. Kỷ Hoàn, năm thứ 40. Tống Văn, năm thứ 14. Tần Hoàn, năm thứ 8. Sở Trang, năm thứ 17.

春 葬 陳 零 公
XUÂN, TÁNG TRẦN LINH CÔNG
MÙA XUÂN, LỄ CHÔN TRẦN LINH CÔNG

Công Thị - Trị được tội giặc giết vua, không phải là bọn thần tử, thì sao lại chếp lễ chôn. Đây là lời lịch sự. Nước Sở đã trị tội rồi. Thần tử Trần tuy muốn, nhưng biết trị vào đâu.

Xét - Cái nghĩa trị tội giặc, không kể ngoài nước hay trong nước. Cho nên, Trung Thư tuy là bị Sở giết mà Trần Linh cũng được chếp lễ chôn. Công Dương nhận xét đúng đấy. Hạ Trọng Thức cho là vua bị giết mà còn có thể đúng lễ nghi, phò cáo được, thì chếp lễ chôn, đó cũng là một thuyết. Tuy nhiên, coi suốt Kinh, thì nghĩa và lệ không hợp, chưa có thể theo được. Còn như Triệu Bằng Phi, Gia Huyền Ông, Hoàng Chấn, cho là Linh Công được dân đảng của Công làm lễ chôn, chứ không phải người trong nước chôn, thì lại càng sai bậy.

楚 子 圍 鄭
SỞ TỬ VI TRỊNH
SỞ TỬ VÂY NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa xuân, Sở Tử vây trịnh. Sau mười bảy ngày bị vây, người Trịnh bói xem có nên hòa không. Được quẻ không tốt. Lại bói xem có nên tế Thái miếu, rồi bỏ thành rút lui

không. Được quẻ tốt. Tất cả thành đều cầu nguyện. Quân lính gác trên mặt thành cũng khóc. Sở Tử cho quân lui xa (ý định đợi Trịnh hàng). Người Trịnh Tu bỏ lại thành quách. Sở lại cho quân vây. Sau ba tháng, vào cửa Hoàng Môn, tiến tới đường cái. Vua Trịnh trần tay áo, giắt con dê ra đón nói: “Quả nhân bị trời bỏ, không biết thờ nhà vua, làm cho vua tức giận, đi đến tệ ấp, thật là có tội, nay dám đầu không theo mệnh, dù có phải đày xuống Giang Nam, nơi gốc bể, cũng không dám trái. Hoặc chia sẻ đất đai, phân tán cho các chư hầu, hoặc sai làm tội tớ, hầu thiếp, xin nhà vua cứ ra lệnh. Nhưng nên nhớ đến tình hòa hiếu cũ hai nước, và nhờ phúc trạch các vua Lê Tuyên, Hoàn, Vũ, mà nhà vua không huỷ bỏ xã tắc, chỉ bảo cho tôi được sửa lỗi để thờ nhà vua, cho mảnh đất trong các huyện nước Sở, thế là ơn nhà vua lắm, không còn dám mong gì hơn. Xin thổ lộ nguyện vọng, tâm can, để nhà vua định đoạt”. Tả hữu vua Sở khuyên vua: “Không nên tha. Ta đã biết được nước, thì ta giữ nước”. Vua Sở nói: “Vua mà biết chịu hạ mình xuống như thế, chắc chắn là được dân phục, và dùng được dân. Ta được để làm gì.” Thế là vua Sở cho lui quân ra 30 dặm mà hứa cho hòa. Sở Phan Ưông vào thành làm lễ thể. Trịnh Tử Lương sang Sở làm con tin.

Cao Kháng - Phong Trần Hầu không phải là bản tâm của vua Sở. Đã không hay mà biết sửa lỗi đổi thành hay, cho nên chép là “vào”. Cùng Trịnh hòa, chính là mưu của Sở. Không vì lợi, không nghe khuyên về lợi, cho nên chép là vậy.

Lý Liêm - Trịnh từ đó theo Sở cho tới Lỗ Thành Công năm thứ 5, hội thể ở Chu Lao mới hướng về Tấn.

夏六月乙卯晉荀林斧帥師及楚子
戰于郟晉師敗績

**HẠ, LỤC NGUYỆT, ẤT MÃO, TẤN TUÂN
LÂM PHỦ, SUẤT SỬ CẬP SỞ TỬ
CHIẾN VỤ BẬT, TẤN SỬ BẠI TÍCH**

**MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY ẤT MÃO, TUÂN LÂM PHỦ
NƯỚC TẤN CẬP QUÂN, CÙNG SỞ TỬ CHIẾN
TẠI ĐẤT BẬT, QUÂN TẤN TAN VỖ**

Tả Thị - Mùa hạ, tháng sáu quân Tấn cứu Trịnh. Tuân Lâm Phủ chỉ huy Trung quân, Tiên Mộc làm Phó. Sĩ Hội Tướng Thượng quân, Khích Khắc làm Phó, Triệu Sóc, Tướng Hạ quân, Loan Thư làm phó. Triệu Quát và Triệu Anh Tề làm tướng sung vào Trung quân. Cùng Sóc, Triệu Xuyên sung vào Thượng quân. Tuân Thủ, Triệu Đồng, sung vào Hạ quân, Hàn Quyết làm Tư Mã.

Quân tiến đến sông Hoàng Hà, thì được tin Trịnh đã hòa với Sở. Hòn Tử muốn quay về nói: "Ta tới Trịnh chậm rồi, có tiến cũng chỉ khổ cho dân. Hãy đợi quân Sở đi rồi mới động binh (đánh Trịnh về tội theo Sở) cũng không muộn".

Tuỳ Vũ Tử (Sĩ Hội) nói: "Phải lắm. Hội nghe chưa nói về cách dùng quân. Chỉ động binh khi một chư hầu có tội. Trong một nước mà có đúng lễ nghi, luật pháp công bình, chính sự không phiền hà thì ta không coi là địch được, ta không có lý gì chinh phạt. Quân Sở đã trị tội Trịnh giận vua Trịnh vì thấy Trịnh bỏ Sở theo Tấn. Khi thấy Trịnh nhục thì thương. Không theo thì đánh. Phục rồi thì tha. Thế là về đức, về hình, được đầy đủ. Đánh kẻ phản bội là việc hình. Tử tế với kẻ đã phục là có đức. Hai thứ, Sở có cả. Năm ngoái vào nước Trần, năm nay, vào nước Trịnh. Dân không được nghỉ ngơi mà không có lời oán. Thế chính là đường hay.

Khi vua Sở lập hàng ngũ quân đội, các bọn nông thương, công cổ, cứ ai làm nghề nấy, không phải bãi nghề. Quân bộ binh, quân chiến xa, hòa mục, có trật tự. Vì Ngao làm Tể Tướng đã chọn cho nước Sở các luật lệ đích đáng, các tổ chức hoàn hảo.

Như khi quân đội tiến thì bộ binh bên hữu phải đi sát chiến xa; bộ binh bên tả lo nhất cổ để đêm nằm, Tiền đội giữ dấu hiệu và lo sự bất ngờ có giặc. Trung đội sẵn sàng ứng phó. Hậu đội có khí giới tốt nhất. Các sĩ quan cứ theo hiệu cờ mà chuyển động. Kỷ luật nghiêm minh, dù là chưa có giặc. Quân lính biết giữ quân pháp. Khi vua Sở dùng người làm quan, thì trong tôn tộc chọn người thân nhất. Trong các người không thân nhất thì chọn người đã từng làm việc. Khi thăng thì để ý đến tài đức. Khi thưởng thì tùy công lao. Đối với người già thì ban ơn riêng. Đối với khách phương xa, thì cho chỗ ở, nơi quán xá. Người có công vụ thì khác người dân thường bằng các dấu hiệu trên mũ áo. Dân thường đều có đẳng cấp. Lễ nghi phải giữ gìn. Ôn huệ được ban phát, hình phạt căn cứ vào công bình, chính trị duy nhất. Việc nào theo thời ấy. Luật được áp dụng. Lệ được theo đúng lý.

Vậy sao ta còn coi Sở là địch? Biết là tiến được thì mới tiến. Lui ngay, khi thấy khó khăn. Cách dùng binh phải như thế. “Hợp với người khác để nâng đỡ kẻ yếu, trị kẻ thù quáng ngông cuồng”. Đó là một luật trong nghệ binh. Lúc này, xin ngài chỉnh đốn lại quân đội theo binh pháp. Còn nhiều nước nhỏ yếu, còn nhiều kẻ thù quáng. Hà tất cứ phải đánh Sở. Trong Kinh Thư, Trọng Thủy có nói: Trừ loạn diệt vong, cứu kẻ yếu. Trong thiên Chúc có câu: “Quân đội vua Vũ sao mà đẹp thế. Tùy theo thời cơ, Vũ để ý đến các chư hầu thù quáng, cố sửa, sửa không được mới bãi chức. Việc hay của Vũ Vương, thì không còn việc hay nào bằng”. Nếu ta bênh kẻ yếu, ta trị bọn thù quáng, ta cố làm việc hay, thế là được”.

Trê Tử (Tiên Học) nói: “Không nên có hành động ấy. Tấn Sở dĩ Bá được chư hầu là nhờ sức tướng sĩ. Nay để mất chư hầu thì không gọi là có sức. Không đánh đuổi quân địch đã đến trước mặt, thì không gọi là có vũ. Theo như tôi, mất bá chủ, thù chết đi còn hơn. Và lại, đã hợp quân, đã đem quân ra, lại lui quân ngay khi thấy địch khỏe, thế không phải là trượng phu. Vua đã cho làm nguyên soái mà không tỏ là trượng phu, các ông làm được, chứ tôi không thể được”.

Tiên Học đem cánh quân của chính mình qua sông Hoàng

Hà. Tri Trang Tử (Tuân Thủ) nói: “Đạo binh này lâm nguy. Trong khi Kinh Dịch về quẻ Lâm, tự quẻ Sư ra, có nói: Một đạo quân ra trận phải theo luật đã ban hành. Nếu luật không hay, thế là hung. Vị chỉ huy, nếu theo đúng binh pháp thì mệnh lệnh thành hay. Nếu sai binh pháp thì mệnh lệnh thành dở. Một số đông đem chia ra thì thành yếu. Các dòng nước mà ngược nhau thì thành nước ao tù. Mệnh lệnh chủ suy y như thân thể chủ suy. Cho nên, nói được rằng mệnh lệnh có thể không hay, cũng có thể là thiếu (như nước cạn trong nơi ao chứa). Ao trước đầy, nay cạn. Thế là tai họa, một việc không nên có. Thế là hung. Không hành động gọi là “lâm”. Còn có sự “thiếu hành động” nào to hơn là một tướng như Trệ Tử, có chủ tướng mà không theo lệnh chủ tướng. Đó Kinh Dịch bảo như thế đó. Nếu ta đối với địch tất là ta thua. Trệ Tử sẽ là thủ phạm. Dù có sống, trở về Tấn thì cũng sẽ có họa, sẽ chết”.

Hàn Hiến Tử (Hàn quyết) nói với Hoàn Tử (Tuân Lâm Phủ): “Nếu vì sự bất tuân lệnh của Trệ Tử, mà một cánh quân bị hãm trận, thì ngài có tội lớn. Ngài là Nguyên Súy, quân không theo lệnh ngài, vậy ai có tội. Mất một thuộc quốc (nước Trịnh), lại mất một phần quân, đó là các tội lớn cả. Không gì bằng cứ cho quân tiến. Nếu không thắng thì tội sẽ chia ra ba đạo quân. Cả sáu tướng cùng có tội, còn hơn là tội ở một mình ngài”.

Thế là toàn quân qua sông. Sở Tử đình quân tại đất Diên phía bắc nước Trịnh. Sở Thẩm Doãn tướng Trung quân, Tử Trọng tướng Tả quân, Tử Phán tướng Hữu quân toàn quân cho uống nước sông Hoàng, để rồi kéo về nước Sở. Thì được tin quân đội Tấn đã qua sông. Sở Tử muốn lui. Nhưng cận thần là Ngũ Sâm muốn đánh. Lệnh Doãn là Tôn Thúc Ngao không muốn đánh, nói: “Năm ngoái ta vào Trần, nay ta vào Trịnh, ta đã lúc nào cũng có việc. Nếu ứng chiến mà không thắng, thì ăn thịt Sâm có đủ đền các thứ ta mất không”. Sâm đáp: “Nếu ta thắng, là Tôn Thúc vô mưu. Nếu ta thua, thì thịt Sâm sẽ ở nơi quân Tấn. Còn đâu đến quân Sở được ăn”. Lệnh Doãn cho quay đầu xe về nam, như là để theo đường về Sở, và quay cả cờ về. Ngũ Sâm nói với Sở Tử: “Các tướng Tấn toàn là mới được dùng, chưa biết chỉ huy. Phó Tướng Tiên Học là người cương nghị, mà bất nhân,

không theo mệnh trên. Ba vị suy đều theo riêng ý mình, không làm gì được. Không có trên, thì dưới biết theo ai. Quân đội Tấn trong hoàn cảnh đó, tất phải thua. Vả lại, ngài là vua, mà chạy trước bấy tôi, thì đối với xã tắc còn ra sao”.

Vua Sở nghe, động tâm, cho bảo Lệnh Doãn quay đầu xe về bắc, rồi đình quân ở đất Quảng để đợi địch.

Quân đội Tấn ở giữa khoảng hai núi Ngao và Khảo. Trịnh sai đại phu Hoàng Thú tới quân Tấn nói với Trê Tử: “Trịnh phải theo Sở là để giữ xã tắc, chứ không phải là nhị tâm. Quân Sở thắng nhiều sinh kiêu. Quân sĩ đã già mà không chinh đồn. Ngài mà đánh thì quân Trịnh sẽ theo ngài. Quân Sở tất phải thua. Trê Tử cho rằng đánh Sở phục Trịnh là ở dịp này. Cần phải giữ lời.

Loan Vũ Tử (Loan Thư) nói: Từ khi nước Sở thắng được nước Dung, không có ngày nào là Vua Sở không có lời chỉ bảo cho các quan là nếu không làm cho dân sinh sống, thì sẽ có họa ngay, phải cẩn thận, phải lo ngại, không được trễ nhác. Trong quân đội thì vua không ngày nào là không xem xét đến binh cụ, và dặn dò quân lính phải luôn luôn sẵn sàng, sự thắng là không ai chắc trước được. Vua Trụ xưa trăm trận thắng, mà rồi sau chết vô hậu. Vua bảo cho biết, nên theo gương các vua Sở xưa, là Nhược Ngao, là Phần Mạo, quần áo vá víu, dùng xe bằng cành cây kết lại, phá rừng trầy núi. Vua dạy rằng: Dân sinh nhờ ở tính cần, chuyên cần, có cần thì mới có dùng, không thiếu. Vậy không nên cho là quân đội Sở kiêu. Một đại phu của ta trước là Tử Phạm có nói: Một đạo quân mạnh là nhờ có lý nghĩa thẳng thắn. Hễ mà cong queo thì mạnh thành yếu, thành lão nhược. Ta đã thiếu đức, đã kích oán nước Sở, Sở tất thắng. Vậy quân không gọi là lão nhược được.

Chiến xa riêng của vua Sở được chia làm hai đội, mỗi đội 15 xe. Mỗi đội có trăm bộ tốt, và 25 phụ dịch. Đội hữu sửa soạn trong nom chiến xa từ gà gáy cho đến đúng Ngọ thì được đổi. Tả thay cho đến chiều, rồi có nội quan canh đêm phòng sự bất ngờ. Vậy không thể nói là quân đội Sở thiếu sự phòng cần.

Tử Lương là tướng giỏi ở Trịnh. Sư Thúc (Phan Uông) rất

được kính trọng ở Sở. Sư Thúc sang Trịnh ký minh ước. Tử Lương tới Sở làm con tin. Sở và Trịnh thành ra rất thân. Một sứ Trịnh vừa tới khuyên chúng ta đánh Sở. Nếu chúng ta thắng, thì Trịnh tới với chúng ta. Nếu ta thua, thì Trịnh bỏ ta. Y như tôi đã đoán. Vậy không nên nghe Trịnh”.

Triệu Quát và Triệu Đồng nói: “Ta đem quân đến đây là để đánh giặc. Phải đánh được giặc, và lấy lại một thuộc quốc. Còn đợi gì nữa. Phải theo quyết định của Trê Tử”. Tri Quý nói: “Nguyên (Triệu Đồng) và Bình (Triệu Quát) sẽ gây họa”. Triệu Trang Tử nói: “Loan Bá có lý lắm. Làm được như lời thì sẽ cải tổ được nước Tấn”.

Sở Thiệu Tể đi sang quân Tấn nói: “Quả quân tôi khi còn ít tuổi, gặp nhiều cảnh ngộ không may, ít được đọc sách. Có nghe nói là hai tiên quân chúng tôi. Thành Vương và Mục Vương việc trong, việc ngoài, hễ nói là làm. Quả quân tôi muốn cho vua Trịnh được như thế, chứ đâu dám quấy rối với Tấn. Xin các tướng đừng ở đây lâu nữa”. Tuy Quý đáp: “Thiên Tử Bình Vương xưa đã mệnh cho tiên quân chúng tôi là Văn Hầu rằng: Phải cùng với Trịnh cùng giúp nhà Chu, không được trễ nhác vương mệnh. Trịnh Bá không theo mệnh Thiên Tử, quả quân đã cho sứ hỏi Trịnh duyên cớ. Chúng tôi đâu dám không tiếp đón các ngài tới hỏi thăm ý chí. Kính xin chào nhà vua đã doái đến”. Trê Tử cho là Tuy Quý quá nịnh, bảo Triệu Quát đi theo sứ, đổi câu trả lời rằng: “Tuy Quý nói không được đúng hẳn. Quả quân tôi có sai quân thần không được để lại một vết tích gì của Sở ở Trịnh, không được tránh địch. Quân thần không dám trái mệnh”.

Vua Sở lại sai sứ tới quân đội Tấn cầu hòa. Người Tấn hứa thuận. Ngày thể được quyết định. Hứa Bá nước Sở đánh xe cho Nhạc Bá, có Nhiếp Thúc bên phải tới khiêu khích quân Tấn. Hứa Bá nói: “Khi muốn khiêu khích quân địch, thì người xa ngựa đánh xa nghiêng thấp cờ xuống, cho xe lướt qua lũy trại địch rồi về”. Nhạc Bá nói: “Tôi thì nghe nói rằng, khi muốn khiêu khích địch thì xạ công bắn một phát tên sang bên trái, rồi cầm cương thay cho xa ngựa. Xa ngựa xuống xe, sửa lại dây đai ngựa, rồi quay về”. Thế là, người nào làm theo ý người ấy, rồi quay về.

Quân Tấn đuổi theo, đánh cả hai bên. Nhạc Bá bắn bên trái, bắn bên phải, nhưng cũng không tiến được. Nhạc Bá còn có một phát tên, tự nhiên có con hươu chạy qua xe. Nhạc Bá bắn một phát giữa lưng. Tấn Bào Quý dương đuổi theo sau Nhạc Bá. Nhạc Bá sai Nhiếp Thúc lấy con hươu rồi biểu Bào Quý nói: Không phải săn, lễ tặng thú rừng chưa tới. Tuy nhiên xin tặng con vật này cho tùy tùng ngài dùng”. Bào Quý thôi đuổi nói: Tướng bên trái trên xe bắn khéo. Tướng cầm giáo bên phải nói khéo. Điều là quân tử”. Rồi thôi không đuổi nữa.

Ngụy Kỳ nước Tấn xin chúc Công Tộc, chưa được. Rồi giận dữ. Muốn làm cho quân Tấn thua. Xin đi khiêu khích quân Sở. Xin lấy chức sứ sang quân đội Sở. Được. Ngụy Kỳ sang, đưa chiếu thư rồi quay về. Trên đường về, đang bị Sở Phan Đẳng đuổi theo thì thấy sáu con nai ở đầm Vinh Trạch, Ngụy Kỳ bắn một con quay lại biểu Phan Đẳng nói: “Ngài bận việc quân, tùy tùng không có thịt tươi cung cấp bữa ăn. Xin đem con vật này biểu tùy tùng ngài”. Thúc Đẳng (Phan Đẳng) cho lệnh thôi đuổi.

Triệu Chiên, con Triệu Xuyên, xin làm Khanh. Chưa được. Vả lại hậm hực về việc dễ thoát sứ Sở đến khiêu chiến, không đuổi giết. Chiên xin đi khiêu chiến. Không được. Xin đi nghị hòa. Được. Thế là cả hai Triệu Chiên và Ngụy Kỳ đều được mệnh chủ tướng ra đi. Khích Hiến Tử (Khích Khắc) nói: “Hai người đều có mối uất hận. Ta phải dự bị trước, nếu không sẽ thua”. Trệ Tử nói: “Người Trịnh khuyên ta chiến. Ta không nghe lời khuyên. Tướng Sở muốn hòa nhưng ta không thể giao hiếu với họ được. Quân đội chưa có lệnh. Sửa soạn làm làm gì”. Sĩ Quý nói: “Sửa soạn là phải. Nếu không thì hai người (Triệu Chiên và Ngụy Kỳ) làm cho Sở giận, quân Sở sẽ sông tới, quân đội ta chưa biết thua lúc nào. Không gì bằng phòng bị trước. Nếu Sở không có ác ý thì ta sẽ bỏ phòng bị mà hội thể thì việc giao hiếu có gì là tồn tại. Nếu Sở có ác ý thì ta có bị, tất không bại. Vả lại các vua chư hầu có lễ tương kiến cũng phải có quân hộ vệ, việc đó cần”. Trệ Tử không cho là phải.

Sĩ Quý sai Cung Sóc và Hàn Xuyên đặt bẫy lầy trước núi Ngao. Cho nên cánh Thượng quân không thua. Triệu Anh Tề sai

quân mình soạn trước thuyền bè trên sông Hoàng, vì thế sau khi bại trận, cánh quân đó được sang sông thoát trước tiên.

Sau khi Phan Đăng đã đuổi Ngụy Kỳ, Triệu Chiên đêm tới trại quân Sở, ngồi ở cửa trại, rồi cho tùy tùng vào.

Sở Tử đã sẵn sàng đặt ba mươi chiến xa riêng làm hai đội tả hữu. Đội hữu thì gióng xe từ gà gáy cho đến trưa, thì thay ngựa. Đội tả thế chân cho đến mặt trời lặn, lại thay ngựa. Ở đội hữu, Hứa Yển làm xa ngự, Dương Do Cơ cầm giáo ngồi bên phải. Ở đội tả, Bành Danh làm xa ngự, Khuất Đăng làm xa hữu. Ngày Ất Mão, vua Sở ngồi trên xe đi đầu đột tả, để đuổi Triệu Chiên. Triệu Chiên bỏ xe chạy chân, vào trong rừng. Khuất Đăng bắt được, lột lấy giáp cùng áo ngoài. Các tướng Tấn ngại cho hai tướng Triệu Chiên và Ngụy Kỳ quá khích quân đội Sở, có cho chiến xa đi đón. Phan Đăng trông thấy bụi mù đằng xa, sai một kỵ binh báo cáo ngay là quân Tấn tới. Tướng tá Sở cũng sợ là vua Sở có bị rơi vào giữa quân Tấn mới đem ngay quân ra xếp thành hàng trận. Tôn Thúc nói: “Ta cứ tiến lên. Thà mình đánh người còn hơn bị người đánh. Kinh Thi có câu: Đi trước địch thì làm giảm nhuệ khí địch. Vậy ta đánh trước”.

Thế là toàn quân Sở tiến. Chiến xa ra roi ngựa. Bộ binh chạy chân. Tràn vào quân Tấn. Hoàn Tử không còn biết làm thế nào. Sai đánh trống giữa quân đội và ra lệnh: “Ai qua sông được trước là có thưởng”. Thế là Trung quân và Hạ quân tranh nhau thuyền đến nổi trong thuyền còn nhật được từng ngón tay bị chặt. Hai đạo quân Tấn đó chuyển nhau về bên phải. Đạo Thượng quân chưa chuyển động. Chúc Sở Công Doãn, tên là Tề coi cánh hữu quân, đuổi theo hạ quân Tấn. Sở Tử sai Đường Giáo và Sái Cưu báo Đường Huệ Hầu (vua chư hầu Đường) và bảo rằng: “Quả nhân đã thiếu đức lại tham gặp giặc mạnh. Thật là có tội, nhưng nếu không thắng thì vua bị nhục. Vậy dám nhờ hồng phúc nhà Vua để giúp quân Sở”. Sở Tử mới truyền cho Phan Đăng dẫn đầu 40 chiến xa phụ, theo Đường Hầu lập thành một tả đoàn để rượt theo Thượng quân Tấn.

Câu Bạch, Phó Thượng quân nói: Ta còn đợi nữa không. Tùy Quý đáp: “Quân Sở đang sung sức, nếu dón đánh ta, ta sẽ chết

hết. Không gì bằng ta tụ quân lại đây rồi rút lui. Đánh cũng có tội, nhưng cứu được quân ta". Hai người mới đặt đạo quân của mình vào Hậu quân Tấn, vừa chống vừa lùi. Không bị bại.

Sở Tử mới cho chiến xa mình nhập vào Hữu quân. Khuất Dăng can: "Nếu ngài đi đầu đội hữu, thì cứ phải giữ Hữu mãi". Thế là từ đây Sở Tử cứ đi đầu Tả chiến xa như trước.

Một chiến xa Tấn mắc bánh vào một cái hố, không đi được. Một tên lính Sở bảo người gióng xe bỏ cái chấn ngang đi (cái chấn để treo các binh cụ). Thế là bánh xe lên được, nhưng ngựa quay ngang. Tên lính Sở lại bảo bỏ nốt cái cờ hạ xuống càng xe. Thế là xe tiến lên. Người gióng xe thoát nạn quay lại nói: "Chúng tôi không quen chạy như các ông bên Sở".

Triệu Chiên lấy hai con ngựa tốt của mình nhường cho người anh và người chú, để chú cháu chạy thoát, còn mình lấy ngựa khác. Nhưng gặp quân địch và vì ngựa xấu không thoát được, phải bỏ xe chạy chân vào rừng gần đấy. Đại phu Tấn là Phùng cùng hai con cưỡi xe vừa đi qua. Phùng trông thấy, bảo con đừng quay cổ lại. Nhưng hai con quay cổ lại nói: "Ông Triệu đi sau". Triệu Chiên giận, ra lệnh cho hai đứa con xuống, chỉ cho một gốc cây bảo: "Chúng mày sẽ được phơi thây ở đây". Phùng quăng cái thùng xuống. Chiên nắm thùng leo lên xe, được cứu thoát, xác hai con Phùng thấy ở gốc cây, hai người cùng bị bắt trời vào một chỗ.

Hùng Phụ Kỹ nước Sở bắt tù Trí Anh. Trí Trang Tử đem cả họ tới để cứu con. Trù Vũ Tử gióng xe Trang Tử. Một phần đông quân, cánh Hạ quân, theo tướng Trang Tử. Mỗi khi Trang Tử bắn là lấy tên trong túi tên của Trù Vũ Tử. Trù Vũ Tử giận nói: "Có phải là ông đến cứu con ông không. Sao ông hà tiện tên ông thế. Ông tưởng đâm Đồng sản được nhiều tên lắm đấy". Trí Trang Tử nói: "Tôi cần phải tên tốt như của ông mới bắn nổi quân Sở để cứu con tôi". Trang Tử bắn một phát vào Sở Liêu Doãn, Tương Lão, đặt xác lên xe. Bắn cả con Sở Tử là Công Tử Cốc Thần, bắt làm tù binh, rồi quay về đội quân Tấn. Tối đến, quân Sở đóng lại ở Bật. Tàn quân của Tấn không nghỉ được ở một chỗ nào, rồi chuyển qua sông suốt đêm, ồn ào không ngớt tiếng.

Ngày Bình Thìn, các xe chở quân cộ tới Bật. Quân đội thì đình lại ở đất Hành Ung. Phán Đảng nói: “Sao nhà vua không cắm trại, cho thu nhặt xác quân Tấn chết, chôn vào một nơi, đắp gò cao để cho đời sau được biết Vũ công”. Vua Sở nói:

“Tôi thì không được nghe thấy như thế. Xét về chữ, thì chữ Vũ là việc quân, do hai chữ chỉ qua là xếp giáo. Khi Vũ Vương đã diệt xong nhà Thương, thì có một bài Tụng, trong có dẫn câu của Vũ Vương: Ta đã cho thu hết mộc giáo, đã cho xếp cung tên vô túi. Cổ vun, giống đức tốt, gây đức tốt cho bốn phương. Ngôi vị vua, ta cần giữ cho đích đáng. Trong thiên Vũ Tụng, chương cuối có câu: Vũ Vương đã làm xong công vụ. Chương thứ ba, Vũ Vương nói: Phải suy xét, nghĩ ngợi, noi gương Văn Vương. Chương thứ sáu có câu: các nước được yên mùa màng đầy đủ. Xét việc vũ là để ngăn cấm sự tàn bạo để cho hết chiến tranh, để giữa được nước, để giúp cho qui mô được vững bền, nhân dân an ninh, quần chúng hòa hợp, sản xuất đầy đủ. Vì thế, Vũ Vương đã cố cho hậu thế đừng quên các lời dạy đó. Còn như tôi đây, tôi đã hại bao nhiêu xương máu hai nước. Thế là bạo. Lấy binh lực uy hiếp chư hầu, đâu tôi có phải làm cho hết chiến tranh. Tôi đã làm được gì để giữ nước. Nước Tấn còn, thì quy mô của ta vững bền sao được. Tôi đã làm nhiều việc trái ý dân, thì làm sao được an ninh. Tôi đang ganh quyền với chư hầu không phải bằng đức, mà lại bằng binh lực, thì sao gây được hòa hợp. Tôi đã tìm lợi riêng trong tai nạn của người ta và tìm sự sống yên trong sự họa loạn của người mà lại lấy thế làm vinh. Tôi đã làm gì cho sản xuất đầy đủ, Vũ phải đủ bảy đức, tôi không có lấy một. Vậy tôi còn dạy gì được cho hậu thế.

Ta chỉ dựng miếu cho tiên quân, cáo trình công việc ta đã làm. Thế thôi. Thời xưa, vua sáng, phạt bầy tôi bất kính, bị coi như là loài kinh nghệ, tức là có tội lớn, chôn vào gò đồng, để nhắc tội, để ngăn ngừa các điều tàn ác. Nay không có ai làm nên tội. Tấn đã vô tội. Quần thần lại tận trung, lấy chết theo mệnh vua, thế thì nêu cái gì”.

Sở Tử mới sai tế sông Hoàng Hà, dựng một ngôi miếu thờ các vua trước, rồi đem quân về nước.

Việc chiến tranh xong, Trịnh Thạch Chế đi sang quân đội Sở đề nghị chia đôi nước Trịnh, một nửa cho nước Sở, một nửa cho Công Tử Ngư Thần làm chủ. Ngày Tân Mùi, nước Trịnh giết Bộc Thúc (Ngư Thần) và Tử Phục (Thạch Chế).

Người trí thức bàn: Câu nói của Sở Dật: “Không nên lợi dụng loạn”, được áp dụng trong trường hợp này. Kinh Thi có câu: Loạn ly khắp nơi, ta biết về đâu. Nghĩa là ta có nên theo bọn lợi dụng loạn không.

Công Thị - Đại phu thì không đối ngang với vua. Đây sao để tên họ đối ngang với Sở Tử. Thế là không cho nước Tấn là phải, mà lại cho Sở Tử là có lẽ. Tại sao, Trang Vương đánh nước Trịnh, tới cửa Hoàng Môn, vào thành tới đường cái ngã chín. Trịnh Bá trần vai áo, tay cầm cờ, tay cầm đao, đi đón Trang Vương, nói: “Quả nhân, không ra gì bị tội trời, để cho nhà vua phải phiền, đi tới nước tôi. Nếu nhà vua còn thương đến kẻ hèn này, thì cho dầy tới sa mạc, cho yên phận, cũng xin theo mệnh”. Sở Trang Vương nói: “Bây tôi của nhà vua không theo lệnh nhà vua, cho nên tôi được yết kiến”. Rồi vua Sở tay cầm cờ, chỉ huy quân đội, cho lui bảy dặm. Tướng là Tử Trọng có can: “Đất Nam Đình với nước Trịnh cách nhau vài nghìn dặm, đã có mấy đại phu bị chết, bọn dịch phu chết mất vài trăm người. Nay vua thắng Trịnh mà lại không lấy Trịnh, thì có phí sức của thần dân đã hy sinh hay không”. Trang Vương nói: “Thời xưa, nếu không vì thiếu thốn, thì đâu đi khỏi nước, là muốn nói người quân tử phải trọng lễ khinh lợi, trọng người mà không trọng đất. Người ta đã theo mà không nghe, là bất tường. Ta lấy bất tường mà dạy dân, thì tai họa sẽ tới ngay bản thân, chưa biết ngày nào”. Thế rồi, khi Tấn đến cứu Trịnh, tướng Sở xin đánh. Trang Vương ưng thuận, Tướng quân Tử Trọng can: “Tấn là nước lớn. Quân sẽ khó nhọc, xin nhà vua đừng cho đánh”. Trang Vương nói: “Yếu thì ta áp bức, mạnh thì ta trốn chạy. Như thế quả nhân còn mặt mũi nào đối với đất nước”. Thế là ra lệnh quân quay lại đón đánh quân Tấn. Đánh cho Tấn thua to, tranh giết nhau để xuống được thuyền chạy trốn, qua sông, đến nổi trong thuyền từng vốc ngón tay bị chặt. Trang Vương nói: “Thôi hai vua không hòa với nhau, bách tính có tội gì đâu”. Rồi ra lệnh đem quân về, thả giặc.

Cốc Thi - Tích trong chữ bại tích, nghĩa là công lao. Công lao, tức là việc. Chép chữ tích, nghĩa là việc hồng.

Lưu Sưởng - Đánh nhau mà nói là cật, là cùng, là ý đúng vị chủ trong hai ngôi chủ, khách. Cũng như nói: Tuân Lâm Phủ ghi chép một việc chiến tranh. Công Dương mà bàn rằng “đại phu không đối ngang với vua, đây sao chép tên họ đối ngang vua, là cho Tấn là không phải mà lại cho Sở là có lẽ”. Công Dương bàn sai. Đại phu không đối ngang vua, mà Tuân Lâm Phủ riêng được chép tên họ để đối ngang với Sở Tử, như thế, có thể bảo được là cho Tấn là phải, mà không cho Sở là có lẽ, chứ không phải như Công Dương nói. Việc chiến ở Thành Bộc, Tử Ngọc Đắc Thần, không được chép tên họ, Công Dương bảo rằng đại phu không đối ngang với vua, vậy Tử Ngọc không chép tên họ là không đối ngang với vua. Công Dương bàn về hai người đó như thế, thì còn ai hiểu sao được.

Chu Tử - Tả Truyện chép việc chia tội, chia trách nhiệm, gán dấy các vị trí thức đều cho là như thế, vì chỉ cốt theo nhân tình, như việc ở Bật của Tuân Lâm Phủ, Tiên Hộc trái mệnh sang qua sông mà bảo rằng cái tội chuyên quyền đó, nay cả sáu người cùng chịu, thế sao gọi là có kiến thức được. Đương lúc đó, Tuân Lâm Phủ chỉ nên đóng quân một nơi gọi Tiên Cốc tới, xử tử.

Triệu Bằng Phi - Tấn vốn là cứu Trịnh, mà Thánh nhân không chép là cứu, vì không thấy có sự thật, thì không cho được cái danh cứu. Phàm việc quân, nước bị đánh là chủ. Sở đánh Trịnh, mà lấy Tấn làm chủ, tức như cho Tấn là Trịnh. Tấn tuy rằng cất quân vô lý mà rồi vô công, nhưng Thánh nhân chép thế, là để hạ bớt Sở hung bạo, mà giữ lấy đại nghĩa. Nếu bảo là chê Tấn, khen Sở, thì đâu có phải là ý của Kinh.

Gia Huyền Ông - Bọn bàn luận cho rằng vì việc bại ở đất Bật mà Sở thành Bá. Bàn luận thế sai. Tấn cứu Trịnh mà không được chép, là vì cứu chậm. Trách Tấn, không phải là khen Sở. Lâm Phủ dùng quân, không tiến, Xuân Thu điều chỉnh định tội bọn trái luật pháp. Trách Lâm Phủ, chứ không phải là khen Sở. Đâu có phải vì một trận thua của Tấn, mà có thể cho hạ tiệm ngôi như Sở, được lên làm Bá chủ.

Hoàng Chính Hiến - Xét Sở Trang là vua cường bạo, khinh miệt các nước: vào nước Trần, vây nước Trịnh, không ai dám ngăn. Uy thế hống hách, bằng mười Sở Thành. Nay xét Tề Hoàn ở Thiệu Lăng, còn phải hội hợp quân sáu nước cùng đánh. Vụ chiến ở Thành Bộc, Tấn Văn Công cũng có quân viện trợ của ba nước. Uy lực, lẫn nhân tâm, dần dần đã tiêu tán hết, thế mà còn muốn cho Lâm Phủ lấy một cánh quân đương đầu với Sở là giống hổ lang. Ví phỏng như các tướng đều đồng tâm, ba đạo quân đều theo mệnh lệnh, thì được thua cũng chưa lấy gì dám chắc, huống hồ Lâm Phủ, coi quân, mệnh tướng, đã không nghiêm, mưu kế không duy nhất. Lúc đầu nghe lời Hàn Quyết về việc chia tôi, chia quyền sau lại hồng về việc Kỳ, Chiến xin sang Sở nghị thể, mà thành khiêu chiến vì thế, quân Sở xong ra, quân Tấn thắng thốt bất ngờ. Tuy nhiên, việc bại trận đó, không phải riêng Tiên Hộc có tội. Sau trận Tấn thua ở Bật, Sở diệt được nước Tiêu, vây được nước Tống. Thế Sở càng ngày càng ngang dọc.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá và Hứa Nam sang Sở.

Mùa thu, quân đội Tấn về đến Tấn. Hoàn Tử (Tuân Lâm Phủ) xin chịu tội chết. Tấn Hầu định chấp thuận. Sĩ Trịnh Tử can: "Không nên. Sau trận đánh nhau ở Thành Bộc, quân đội Tấn được đến ba ngày lương của quân Sở, thế mà Tấn Văn Công, nét mặt vẫn có sắc lo. Tả hữu hỏi: "Trong việc mừng nhà vua, thế như có việc lo, thì nhà vua có mừng không". Vua Tấn đáp: "Sở Đắc Thần còn đây, thì chưa hết mối lo. Con vật đến lúc còn cần, huống hồ một vị Tướng quốc". Khi Sở xử tử Tử Ngọc (Đắc Thần) Văn Công mới mừng, lộ ra ngôn ngữ, cử chỉ và nói: Thôi ta không còn lo nữa. Vì thế, mà Sở bị đến hai đời sau mất thế lực. Nay học giả, trời muốn cảnh cáo Tấn mà ta lại giết Lâm Phủ, tức là làm cho Sở lại thắng nữa. Thế lực Sở sẽ được

vững bền lâu. Lâm Phủ là hạng người khi tiến hết lòng trung, khi lui cố sửa lỗi mình, giữ gìn xā tắc. Sao lại giết đi. Xét việc thua trận, ví như mặt trời, mặt trăng ăn nhau, có chút ánh sáng nào đâu.

Tấn Hâu nghe can, cứ để Hoàn Tử giữ chức vị.

冬十有二月戊寅楚子滅蕭
ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, MẬU DẦN,
SỞ TỬ DIỆT TIÊU

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY MẬU DẦN,
SỞ TỬ DIỆT NƯỚC TIÊU

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử phạt nước Tiêu. Hoa Tiêu nước Tống đem quân nước Sái cứu nước Tiêu. Quân Tiêu bắt được Hùng Tướng Nghi Liêu và Công Tử Bính. Vua Sở cho nói với địch đừng có giết thì tôi lui quân. Người giết đi. Sở Tử giận lắm, vây thành Tiêu. Dân Tiêu giải tán. Vua nước Thân là Vu Thân nói với vua Sở, quân Sở rét lắm. Vua Sở đi tuần suốt ba mặt trận, phủ dụ quân sĩ. Toàn quân quên rét y như được ấm áo, rồi tiến tới thành.

Tướng nước Tiêu là Hoàn Vô Xā nói với Sở Tư Mã, xin cho gọi tướng Sở là Thân Thúc Triễn. Thúc Triễn tới, hỏi: "Có men lúa mì không"? Đáp: Không. Lại hỏi: Có sơn khùng để thay men không? Đáp: Không (Thúc Triễn nói lỏng, vì hai nước đương ở trong thế chiến, không được tư giao. Sơn khùng làm men, là thứ thuốc chữa bệnh thấp. Vậy ý bảo Vô Xā lợi nước bùn mà tránh đi. Nhưng Thúc Triễn không hiểu). Lại hỏi: Con cá trong sông đâu sắp chết làm thế nào? Vô Xā hiểu mới nói: "Cứ nhìn vào giếng khô, rồi kéo ra". Thúc Triễn nói thêm: "Đặt ít cỏ gà lên trên, nghe tiếng kêu tức là tôi".

Hôm sau, quân Tiêu tan vỡ. Dân chạy bốn phía. Thúc Triễn nhìn xuống các giếng khô, thấy trên một giếng có cỏ gà, mới kêu lên, rồi kéo được Vô Xā ra khỏi giếng.

Cao Kháng - Sở đã được nước Trần, nước Trịnh, lại đánh thua quân Tấn, rồi đi sâu vào nước người ta, lằng loàn nước nhỏ, diệt nước người ta. Chép để cho rõ việc Sở tàn bạo.

Gia Huyền Ông - Tiêu là nước phụ dụng của nước Tống. Sở Trang đem quân lực ra oai với nước lớn, từ đó Tống sinh lầm việc, rồi đến nạn đổi con, thay cơm, đốt xương thay củi.

晉人宋人衛人曹人同盟于清邱
TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TÀO NHÂN,
ĐỒNG MINH VU THANH KHUU

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TÀO,
CÙNG THỂ Ở ĐẤT THANH KHUU, TRONG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Nguyên Hộc nước Tấn, Hoa Tiêu nước Tống, Khổng Đạt nước Vệ là người Tào cùng thể ở đất Thanh Khưu. Trong mình ước có câu: "Giúp yếu kém, phạt phản bội". Tên các vị khanh, Kinh không chép, vì họ không giữ lời.

Lưu Suồng - Tả Thị cho là không chép tên các vị Khanh, vì họ không giữ lời. Tôi thì cho là thời Xuân Thu, không giữ lời thì có rất nhiều, cứ gì một bọn này.

Gia Huyền Ông - Hội thể ở đất U, trong, ngoài, lớn nhỏ, cùng nhau hội họp, cùng tới, là khi nghiệp bá nước Tề đang thịnh. Hội thể ở Tân Thành, các chư hầu đã tản nát, nay là họp, là khi nghiệp Bá nước Tấn tạm suy. Hội thể ở Thanh Khưu, xét về dị, đồng, thì dị nhiều, đồng ít, biết là Tấn không còn nổi nghiệp Bá được nữa.

Trác Nhĩ Khang - Sở phục được Trần, Trịnh, bại được quân Tấn ở đất Bật, diệt nước Tiêu để ra oai với Tống, xem ra chí không nhỏ. Vì thế mới có hội thể ở Thanh Khưu, dù có sợ khó liên kết, mà thế lực không cạnh tranh được nữa, mưu không thành được nữa.

Cho nên gọi là nhân, người, là chép lược qua thôi.

宋師伐陳衛人救陳

TỔNG SỰ PHẠT TRẦN, VỆ NHÂN CỨU TRẦN
QUÂN TỔNG PHẠT NƯỚC TRẦN, NGƯỜI VỆ CỨU TRẦN

Tả Thị - Tống vì đã có hội thề, cho nên đánh Trần (vì Trần đi theo Sở). Người Vệ (đã cùng hội thề với Tống), lại đi cứu Trần. Khổng Đạt nói: "Tiền quân của hai nước có thề, nếu bị một nước lớn đánh, thì hai nước phải cứu nhau cho đến chết".

Triệu Bằng Phi - Sở đang hung hăng, bạo ngược khinh thường các nước. Chư hầu cần phải góp sức, đồng tâm, gần nhỏ theo lớn, để chống đỡ. Nay nước Tấn đặt ra hội thề Thanh Khu, người Trần không dự, quân Tống đánh Trần, hỏi tội Trần, mà Vệ thì phản Tấn, giúp Trần để đánh Tống. Kết quả là Trần vẫn cứ không hội, mà Tống thì lại bị Sở vây, tất cả đều tại Vệ. Thánh nhân nói về Tống thì chép quân đội Tống, là khen Tống động binh để hỏi tội. Thánh nhân nói về Vệ thì chép người, là trách về giao hiếu với kẻ loạn.

Gia Huyền Ông - Hồ Thị cho là quân Tống phi nghĩa, mà Trần là đáng thương. Tôi cho Hồ Thị nói thế không phải. Sở dùng mưu gian vào đất Trần, như là vào một nước không có người, Kinh Xuân Thu không cho là phải. Tống mà đánh một nước đã theo Sở, là việc khó ít ai dám làm, mà bảo là phi nghĩa thì không được. Vệ mới thề ở Thanh Khu mà cứu Trần, để nịnh Sở, cho cứu là nghĩa thì cũng không được.

Năm Ất Sửu. Vua Định Vương, năm thứ 11.

十 有 三 年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Cảnh, năm thứ 4. Tề Khoảnh, năm thứ 3. Vệ Mục, năm thứ 4. Si Văn năm thứ 16. Trịnh Tương, năm thứ 9. Tào Văn, năm thứ 22. Trần Thành, năm thứ 3. Kỷ Hoàn, năm thứ 41. Tống Văn, năm thứ 15. Tấn Hoàn, năm thứ 9. Sở Trang, năm thứ 18.

春 齊 師 伐 莒

XUÂN, TÊ SƯ PHẠT CỬ

MÙA XUÂN, QUÂN TÊ ĐÁNH NƯỚC CỬ

Tả Thi - năm thứ 13. Mùa xuân, Quân Tê đánh nước Cử vì Cử cậy có Tần không theo Tê.

Ngô Trường - Nước Tê cậy mạnh lấn yếu, đánh nước Cử. Năm thứ 11, Tê đánh thì chép là người Tê. Đây thì chép là quân đội Tê, thế có nghĩa là lấy toàn quân đánh một nước nhỏ.

Uông Khắc Khoan - Công Dương thì chép là đánh Vệ. Nay cứ xét lời văn ở Kinh Xuân Thu thì trước sau đều không có việc oán thù giữa Tê và Vệ. Còn như nước Cử thì năm thứ 4, có việc binh loạn cho Cử mà Cử không chịu, mà rồi Lỗ đánh. Năm thứ 11, Tê lại đánh nữa. Thì chắc lần này cũng lại đánh Cử, không nghi là sai được.

夏 楚 子 伐 宋

HẠ, SỞ TỬ PHẠT TỔNG

MÙA HẠ, SỞ TỬ ĐÁNH NƯỚC TỔNG

Tả Thi - Mùa hạ, Sở Tử phạt Tống, lấy cớ Tống đã cứu Tiều. Người quân tử bàn: Về hội Thanh Khuu chỉ có Tống là khỏi trách.

Trương Hiệp - Thiên hạ vô đạo, nhỏ phải làm việc cho lớn, yếu phải làm việc cho mạnh. Tống không theo con đường khuất thân, co duỗi, lấy một sức mình chống với một nước lớn, vì thế mới có chuyện Sở đánh.

Triệu Bằng Phi - Sở đánh Tống, lấy cớ là quân Tống đánh Trần. Trần phản Tấn mà theo Sở, không dự hội Thanh Khuu, Trần mà không dự hội, đáng nhẽ Tấn phải hỏi, mà không dám hỏi. Tống thay Tấn phạt Trần, vì thế Tống làm cho Sở giận. Vì Tấn, phải thay Tấn để đánh Trần, làm xúc phạm đến Sở, cho nên ngày nay Tống bị Sở đánh. Thế thì đáng nhẽ Tấn phải cứu mà không dám cứu. Vậy chư hầu còn trông mong gì. Nên phạt Trần mà không phạt, nên cứu Tống mà không cứu, thế mà

Tấn Cảnh lại còn muốn nổi nghiệp Bá của Văn Công, của Tương Công, ta biết là không thể làm được đâu.

Xét - Tổng đánh Trần như gọi là Sở tới, cho nên Hồ Truyền chê là thất sách. Tuy vậy, thấy người Sở được chép tước đã cho là lời khen việc đánh, thì lời bàn bậy. Năm trước, Sở diệt Tiều, năm sau vây Tống, hung bạo quá lắm, mà đều chép là Sở Tử, thế thì có phải là được khen không. Xét thời đó, hội đồng, hội thể, chinh phạt, các vua chư hầu đều không thân chinh, mà quyền chính thì ở cả đại phu, thế cho nên đều kém Sở. Thánh nhân nhiều lần chép Sở Tử để thấy các vua thân hành làm việc không còn nữa, khác với hội thể Thần Lăng.

秋 蟲

THU, CHUNG

MÙA THU, CÓ NẠN SÂU CHUNG

冬 晉 撥 其 大 夫 先 穀

ĐÔNG, TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU TIỀN HỘC

MÙA ĐÔNG, TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TIỀN HỘC

Tả Thị - Mùa thu, Rợ Xích Dịch đánh Tấn, tiến tới ấp Thanh, vì Tiên Hộc đã triệu tới. Mùa đông người Tấn muốn trừng phạt việc thua trận tại đất Bật và việc Rợ Xích Dịch tràn đến, mới buộc tội cho Tiên Hộc và giết đi, rồi diệt cả họ. Người quân tử bàn: Họa mà tới, là người gây ra, rồi bị họa ngay vào mình. Lời ấy áp dụng cho Tiên Hộc.

Phụ lục Tả Truyện - Sau hội thể ở Thanh Khu, Vệ còn cứu Trần, Tấn muốn hỏi tội Trần. Vệ sai sứ đi. Sứ không chịu đi nói: Tội không có về ai cả. Thế nào cũng xảy ra chiến tranh. Vệ Khổng Đạt nói: "Nếu có lợi cho xã tắc, thì cứ xin trừng phạt tội để được lòng Tấn. Tội ở tôi. Tôi giữ quyền chính trong nước. Tôi đã chống lại đại quốc Tống, Tống đã muốn trị tội Trần. Tôi trách nhiệm. Xin chịu chết".

Hồ Truyền - Tiên Hộc trái mệnh làm cho quân Tấn thua

to. Nguyên suý không biết dùng quân pháp, không trị tội ngay. Đến nay, tội thêm nặng hơn, người Tấn mới trị. Giết đi là phải lắm. Nhưng tại sao lại chép là nước giết, mà lại không bỏ chức tước? Xét về việc binh, có quan hệ đến sự an nguy, tức là việc lớn trong nước. Không dùng đúng tướng, tất phải thua. Ví như tướng dùng đúng mà lại để cho người thân cận xen vào công việc thì cũng phải thua. Dùng người cứng cổ, ngang ngạnh không chịu tuân mệnh, cũng đến thua. Phàm ba thứ hỏng đó là lỗi tự vua. Trận đánh ở Hà Khúc, Triệu Xuyên ra trận một mình mà mưu của Du Biền không được dùng. Việc dùng quân ở bên bờ sông Kinh, Loan Yếp muốn đánh, mà lệnh của Tuân Yên không thi hành được. Nay Lâm Phủ mới làm tướng Trung Quân, lại lấy Tiên Học làm phó, khiến cho bên địch, bốn mươi sĩ, biết ngay quan lại Tấn toàn là mới vào đường chính trị, lệnh chưa được nghiêm. Thế thì tội ai? Cho nên giết người, mà chép là nước giết, không bỏ quan tước, là tội liên lụy đến người trên.

Cao Kháng - Việc đất Bật hai quân hai nước đều muốn về. Tiên Học cố đòi đánh, rồi đến thua. Đến bây giờ, mới bảo là trị tội, nhưng lại bỏ Triệu Chiên, Ngụy Kỳ không trị tội. Chỉ riêng giết Tiên Học, cầm quyền chính mà không công bằng. Đã trị tội lại không biết làm việc giết cả họ, ác đến thế là cùng.

Trương Phổ - Tấn giết Tiên Học là trị về trận thua ở đất Bật. Học Phó Trung quân, làm cho quân thua tan là đáng bị giết. Nhưng khi thua ở Bật đem quân về. Tuân Lâm Phủ xin chịu tội chết. Sĩ Trinh Tử có can vua. Dem chuyện Sở Đắc Thần ra dẫn chứng. Tấn Hâu lại cho giữ chức vị cũ. Tha tướng mà giết Tá, Học không thể phục được. Rồi lại thêm tội gọi quân Rợ Địch tới. Giết cả họ mới hả. Bao công lao của Tiên Chấn mà đành tuyệt tự ở Tấn. Tấn Văn Công đánh thua được Sở ở Thành Bộc mà vẫn giết Diên Hiệt. Chu Chi Kiều, Kỳ Mãn, giết ba người mà dân phục. Nay trận ở Bật đã qua năm mới giết cả họ Tiên. Giết Học lại không lấy quân chính, quân Pháp buộc tội mà chỉ tùy theo lúc hỷ nộ, mừng giận cá nhân. Như thế, Xuân Thu đâu có nữ tước bỏ quan chức.

Năm Bính Dần. Vua Định Vương năm thứ 12.

十 有 四 年
THẬP HỮU TỬ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tấn Cảnh năm thứ 5. Tề Khoảnh năm thứ 4. Vệ Mục năm thứ 5. Sái Văn năm thứ 17. Trịnh Tương năm thứ 10. Tào Văn năm thứ 23. Trần Thành năm thứ 4. Kỷ Hoàn năm thứ 42. Tống Văn năm thứ 16. Tần Hoàn năm thứ 10. Sở Trang năm thứ 19.

春 衛 撥 其 大 夫 孔 達
XUÂN, VỆ SÁT KỲ ĐẠI PHU KHỔNG ĐẠT
MÙA XUÂN, VỆ GIẾT ĐẠI PHU LÀ KHỔNG ĐẠT

Tả Thị - Năm thứ 14, mùa xuân, Khổng Đạt tự thất cổ. Thế là người Vệ làm cho hài lòng người Tấn, để thoát nạn. Rồi báo cáo chư hầu rằng: “Quả quân chúng tôi có bấy tôi là Đạt đã làm cho đại quốc Tấn không bằng lòng với tiểu quốc. Đạt đã phục tội rồi. Xin báo cáo”. Người Vệ nghĩ đến công của Đạt, cho con Đạt lấy con gái Vệ Hầu và cho nối chức vị của cha.

Hồ Truỵện - Khổng Đạt đã bỏ mất đức tin, làm cho xã tắc lâm nguy, người Vệ xét tội mà giết đi. Dùng người mưu việc nước, mà lại phạm đến mình chủ, đến nỗi phải xử tử, thì lỗi tại ai. Chép là nước giết, không tước bỏ quan tước, là tội có liên can đến người trên. Kinh Xuân Thu làm cho ngay từ cội rễ, làm cho trong từ suối nguồn, cho nên thư pháp như thế.

Hồ Ninh - Khổng Đạt mà chết, là vì mưu không được cẩn thận. Tiên quân tuy có lời ước, nếu như nước có tội, mà nước lớn trị tội, thì có thể không theo lời tiên quân. Đã không biết xét rõ thế, lại còn vừa mới hội thề xong, huyết thề nuốt miệng chưa ráo, mà đã chống lại với đại quốc tới trị tội, làm cho xã tắc nguy, đành lấy thân chết, để vừa lòng Tấn, đành chết vì nơi khe ngòi, sao mà nghĩ sai thế. Đương lúc đó, Trần nhị tâm đi theo Sở, giá như Khổng Đạt nghĩ mưu chín chắn, cứ theo ước

cũ (tức là hai nước giúp nhau) bảo cho Trần biết là không nên nhị tâm, thì cũng vẫn được.

Trần Phó Lương - Khổng Đạt tự giết mà Kinh chép là nước giết, là ý vua giết.

Triệu Bằng Phi - Vệ Mục phản bội lời thề ở Thanh Khuu, phản Tấn mà theo Sở, nay muốn bội Sở mà theo Tấn, thì không còn nói sao cho trôi. Vậy giết Khổng Đạt để được lòng Tấn. Nói rằng: Cái mưu bữa trước là có tội Khổng Đạt, nay đã giết có lợi là công ở mình, mà có hại là tội ở bấy tôi. Mới biết đúng được ở triều đình là khó lắm. Việc này với việc công tử Mạo không khác nhau. Cho nên lời văn là nước giết.

夏五月壬申曹伯壽卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, NHÂM THÂN, TÀO BÁ THỌ TỐT

**MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY NHÂM THÂN,
TÀO BÁ TÊN LÀ THỌ MẮT**

晉侯伐鄭

TẤN HẦU PHẠT TRỊNH

TẤN HẦU ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, Tấn Hầu phạt Trịnh vì việc đất Bật. Bá cáo chư hầu, họp quân lại, rồi kéo quân về. Chính là theo mưu của Trung Hàng, Hoàn Tử (Tuân Lâm Phủ) có nói: "Làm cho Trịnh biết là ta đã dự bị đủ, khiến cho phải suy nghĩ và trở lại với ta". Dân Trịnh sợ. Trịnh cho Tử Chương sang thay Tử Lương ở Sở làm con tin. Trịnh Bá sang Sở bàn việc Tấn. Trịnh gọi Tử Lương về, vì cho Tử Lương là người biết điều, sẽ cần đến.

Triệu Bằng Phi - Năm thứ 12. Sở Tử vây nước Trịnh. Tấn cứu không kịp Trịnh sau phải về với Sở. Hội thề Thanh Khuu. Trịnh không có mặt, cho nên Tấn Hầu đánh Trịnh. Tuy nhiên, ở hội thề Thanh Khuu. Tấn cảnh không thân hành tới, lại lấy đại phu dùng lễ nghi đồng minh. Thánh nhân chê, coi như không

có thể, chê mới dùng chữ người. Nay, Cảnh Công biết thân hành, mặc đồ binh, thế là may cho thiên hạ, còn có chê gì nữa, cho nên biên chép cả tước. Thánh nhân thấy có người mạnh bạo làm việc hay, thì vui mừng cho là liệt quốc có bá chủ. Như thế, bọn nho còn cho là chê, là thế nào. Đâu có phải là Sở không được phạm đến, mà Trịnh không nên đánh chằng. Như Trịnh phản, mà Sở mạnh, thế là Xuân Thu muốn thế chằng. Dù đánh Trịnh vị tất đã được Trịnh, nhưng cái chí hưng phục là được rồi, cho nên khen.

Xét - Trịnh vì Tấn thua ở đất Battle, mới phản Tấn, theo Sở. Nên Tấn Cảnh Công thân chinh đi đánh vậy. Cho nên chép là Tấn Hâu. Hồ Truệ cho là đạo quân đi báo thù, cứ thẳng chép cho nghĩa tự rõ. Hồ nghi thế sai.

秋 九 月 楚 子 圍 宋

THU, CỬU NGUYỆT, SỞ TỬ VỊ TỔNG
MÙA THU, THÁNG CHÍN, SỞ TỬ VÂY TỔNG

Tả Thị - Sở Tử sai Thân Chu (Vô Uy) sang Tề lễ sinh, dặn rằng cứ đi qua lại đất Tống không cần xin phép Tống. Rồi sai Công tử Phùng sang Tấn lễ sinh cũng dặn rằng cứ đi qua đất Trịnh không cần xin phép Trịnh. Thân Chu nhớ khi đi sấn ở đất Mạnh Chu, đã gây chuyện làm nhục vua Tống mới nói: “Vua Trịnh thì sáng suốt, nhưng vua Tống thì không biết nghe, đi sứ Tấn thì không sao, nhưng tôi thì chắc là chết.” Vua Sở nói: “Người mà bị giết thì ra đánh Tống ngay”. Thân Chu giới thiệu con, xong rồi đi sứ. Đến đất Tống, người Tống ngăn lại. Hoa Nguyên nước Tống nói: “Qua nước tôi mà không xin mượn đường qua, thế là coi nước tôi không phải là một nước. Giết sứ đi, thế tất, Sở đem quân đánh, thì nước tôi không còn là một nước nữa. Thôi thì đừng nào cũng mất nước. Ta giết sứ”. Vua Sở khi nghe tin sứ bị giết rồi, bỏ cả áo ngoài không kịp khoác, đứng dậy đi ra cửa, không kịp đi giày, đeo gươm, ra tới chợ thì xe ngựa mới theo kịp. Mùa thu, tháng chín, vua Sở vây nước Tống.

Triệu Bằng Phi - Đánh Tống mà Tống không chịu khuất

Tiếp đến vây Tống, chắc Tống phải phục. Tướng Sở vây vùng ngang dọc. Các nước Hứa, Sái đã theo. Các nước Trần, Trịnh đã phục. Nay đến lượt Tống. Tống là cửa ngõ các chư hầu. Được Tống sẽ được Tề, Lỗ, cho nên Sở cố thu phục được Tống. Đã qua ba mùa mà quân sở cứ vây. Nhất định được Tống rồi mới chịu thôi. Muu của Sở ác thật. Mà Tấn vốn sợ Sở, không dám cứu Tống. Tống một mình sao mà chống lại được. Thế tất phải hòa với Sở cũng là bất đắc dĩ.

Xét - Năm trước, Sở đánh Tống. Năm nay vây Tống. Nhất định cho xong việc. Kinh Xuân Thu chép luôn từng việc cho rõ là Sở bạo tàn, là Tấn đáng trách vì không cứu được Tống.

Hồ Truyền về việc Vệ cứu Trần cho là để rõ tội Tống. Việc đánh Tống, vây Tống là tự Tống gây ra, ý ấy chắc không phải ý Kinh Xuân Thu.

葬曹文公

TÁNG TÀO VĂN CÔNG

LỄ CHÔN TÀO VĂN CÔNG

冬公孫歸斧會齊侯于穀

ĐÔNG, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI TỀ HẦU VU CỐC

MÙA ĐÔNG, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI

VỚI TỀ HẦU TẠI ĐẤT CỐC

Tả Thị - Mùa đông, Công Tôn Quy Phủ hội với Tề Hầu tại đất Cốc. gặp Tề Án Hoàn Tử (Án Anh). Cùng nói chuyện về Lỗ. Rất vui. Hoàn tử sau có bảo Cao Tuyên Tử: "Quy Phủ chết mất. Bàn nhiều về quan tước chức vụ, tức là thèm khát. Đã thèm khát thì mưu hại người. Mưu hại người thì người cũng mưu hại mình. Mưu hại nhau như thế sống sao được."

Phụ lục Tả Truyền - Mạnh Hiến Tử nói với vua Lỗ rằng: "Tôi nghe nói nước nhỏ muốn bị nước lớn khởi xâm phạt, thì cho sứ tới cống hiến lễ vật, mà vua thì tới chầu, để trình các

công việc về nước, về dân, cử chỉ ngôn ngữ cho khéo, lại thêm lễ vật đưa trước còn hơn là lúc bị đánh nhau, mới nghĩ tới. Nay vua Sở đang ở Tống, xin nhà vua xét nghĩ". Vua Lỗ cho là phải.

Triệu Bằng Phi - Cha con Quy Phủ thờ nước Tề, dựa vào Tề để chuyên quyền tại Lỗ. Mưu thật là sâu. Vua Tề thì cũng thích được siểm nịnh, quên mình là vua, mà lại cứ cùng mưu với Quy Phủ cùng hàng, cốt có lợi là được, quên hành động tiếm quyền. Khi đó tình hình Tống rất nguy vì Sở. Tống mà về Sở thì Tề, Lỗ sẽ giáp giới với Sở. Vậy hội ở Cốc là để bàn việc đối với Sở. Cho nên, năm sau Quy Phủ hội với vua Sở tại đất Tống. Có Lỗ mà không có Tề, không phải là Tề không sợ Lỗ, mà chỉ vì Lỗ đã yên, thì Tề cũng được yên. Đó là cơ chính về việc Tề Hầu hội với Quy Phủ.

Gia Huyền Ông - Bố Quy Phủ, giao thiệp với Tề, giết vua, rồi chuyên quyền. Đến con thì càng gian狡. Hội với vua Tề, hội với vua Sở. Cứ so sánh các việc, cũng đủ biết nên để ý từ cái sẩy này ra cái ung.

Năm Đinh Mão. Vua Định Vương năm thứ 13.

十 有 五 年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tân Canh năm thứ 6. Tề Khoảnh năm thứ 5. Vệ Mục năm thứ 6. Sái Văn năm thứ 18. Trịnh Tương năm thứ 11. Tào Tuyên Công Lư năm đầu. Trần Thành, năm thứ 5. Kỳ Hoàn năm thứ 43. Tống Văn năm thứ 17. Tần Hoàn năm thứ 11. Sở trang năm thứ 20.

春 公 孫 歸 斧 會 楚 子 于 宋

XUÂN, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI SỞ TỬ VU TỐNG

**MÙA XUÂN, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI
VỚI VUA SỞ TẠI NƯỚC TỐNG**

Tả Thị - Năm thứ 15, mùa xuân, Công Tôn Quy Phủ hội với Sở Tử ở Tống.

Đỗ Dự - Theo lời của Mạnh Hiến Tử năm trước.

Triệu Bằng Phi - Quy Phủ hội với Sở Tử tại Tống, là mưu cho nước được yên, khỏi bị Sở dòm ngó. Thế mà bọn bàn luận thấy trong Kinh, câu sau chép việc Tống và Sở hòa, cho ngay là Quy Phủ dàn hòa được mối giận hai nước Tống Sở. Thế là vội bình luận không xét sự thực. Mùa xuân, Quy Phủ hội với Sở Tử. Mùa hạ tháng năm, Tống, Sở mới hòa. Đầu dơi mấy tháng rồi mới hòa, thật là vô lý. Vậy Lỗ mà có gặp Sở, là chỉ để tự mưu cho nước mình. Tống giáp với Lỗ. Tống đi chắc Sở đến. Lỗ thấy Tống nguy mà chưa hầu thì sợ Sở, không dám cứu Tống, cho nên Lỗ sợ, vội xin phục tòng Sở, đón trước ý vua Sở để quân Sở thôi không tới Lỗ nữa. Tự mưu cho mình còn ngại chưa xong hưởng hồ lại còn dám mưu cho Tống. Vậy bàn rằng Lỗ mưu cho Tống và Sở hòa là lời bàn bậy.

夏五月宋人及楚人平

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TỐNG NHÂN CẬP SỞ NHÂN BÌNH
MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGƯỜI TỐNG VÀ NGƯỜI SỞ HÒA

Tả Thị - Người Tống sai Nhạc Anh Tề cáo cấp với Tấn. Tấn Hầu muốn cứu. Bá Tôn nói: "Không nên. Người xưa nói rằng: Dù roi có dài cũng không tới được bụng ngựa. Nay trời giúp Sở, chưa có thể tranh giành với Sở được. Tấn dù mạnh đấy, nhưng có trái mệnh trời không? Tục ngữ có câu: Cao hay thấp là ở như tâm. Sông hồ chứa bùn. Rừng cây giấu bệnh. Ngọc lành có vết. Cho nên vị quốc quân thường chịu đựng sự không hay. Đó là đạo trời. Xin nhà vua hãy đợi".

Vua Tấn mới thôi không cứu. Mà lại sai sứ là Giải Dương sang Tống khuyên vua Tống đừng hàng Sở. Quân Tấn đang sửa soạn sắp tới cứu. Người Trịnh bắt được Giải Dương giữa đường đem nộp cho vua Sở đang vây thành Tống. Vua Sở ban tặng rất hậu, để sai Dương nói với Tống một cách khác. Trước không thuận. Đến lần thứ ba thì chịu. Sở cho đứng trên thang lầu, đặt lên chiếc chiến xa. Rồi đứng đó nói vào thành. Thế là Giải Dương nói to như lời vua Tấn đã sai. Vua Sở sắp đem chém, sai báo

cho rõ tội: “Đã hẹn mà rồi sai hẹn, không phải là ta không có đức tin, chính là người có tội. Vậy nay người chịu hình phạt”. Giải Dương trả lời: “Tôi nghe nói, quân biết trị dân, vì nghĩa, thần biết hành mệnh vì tín. Tín để làm nghĩa, mà làm nghĩa để lợi cho dân. Vua trọng việc làm, cứ để ý đến lợi xã tắc mới đáng là chủ dân. Theo nghĩa thì không thể có hai thứ tín. Đã làm thì không có hai mệnh. Nhà vua ban lộc cho tôi để mua chuộc tội, thế là nhà vua không biết mệnh lệnh. Tôi đã nhận sứ mệnh, ra đi để thi hành, dù có chết thì cứ phải thi hành. Nhà vua có nên ban lộc cho không. Tôi đã hẹn với vua tôi là thi hành mệnh vua tôi. Tôi chết. Thế là vua tôi có hạng thần biết giữ tín. Tôi dù hèn, cũng đã làm tròn phận sự, đến chết. Tôi còn cần gì hơn”. Vua Sở tha cho Giải Dương về nước.

Mùa hạ, tháng năm, quân đội Sở định giải vây Tống, rút về. Thân Tề rạp đầu trước ngựa tâu với vua Sở: “Vô Úy (bố Thân Tề) biết là chết mà không dám không tuân mệnh nhà vua. Sao nhà vua lại thất tín”. Vua Sở không biết trả lời làm sao. Khi đó, Thân Thúc đánh xe cho vua Sở mới tâu: Nếu ta cho dựng nhiều nhà ở đây, rồi có một phần quân về cày ruộng, thì dân Tống cho là nhất định chiếm, thế tất phải theo lệnh. Vua Sở nghe theo. Dân Tống sợ thật. Tối đến Tướng Tống là Hoa Nguyên, tới trại Sở, vào giường nằm Tử Phán, đánh thức dậy nói: Quả quân tôi sai tôi báo cáo tình trạng khốn khó. Dân đã phải đổi con làm thịt thay cơm, lấy xương khô làm củi. Nhưng thành hạ yêu mình là nhục lắm, thà mất nước còn hơn. Nếu quân Sở lui xa thành 30 dặm, thì vua sở ra mệnh gì, chúng tôi cũng xin tuân”. Tử Phán sợ, cùng thể với Hoa Nguyên, rồi báo trình vua sở. Quân Sở lui xa 30 dặm. Hai nước Tống và Sở nghị hòa. Hoa Nguyên sang Sở làm con tin. Trong hòa ước có câu: Sở không lừa Tống mà Tống không dối Sở.

Công Thị - Các nước ngoài hòa ước với nhau thì không chép. Đây sao chép. Vì cho là việc quan trọng. Sở Trang Vương vây Tống, Quân còn có bảy ngày lương. Hết lương thì phải về. Vì thế, vua Sở mới sai Tử Mã Tử Phán lên ụ cao dòm vào thành, xét tình hình. Bên Tống tướng Hoa Nguyên cũng lên mặt thành,

rồi cùng nói chuyện. Từ Phấn hỏi, bên ông sao? Một mỗi lăm. Sao vậy? Tống tôi đã đến lúc đổi con làm thịt ăn và lấy xương thay củi. Sở Từ Phấn nói: “Ồ, đến thế ư. Nhưng thường lý ra, tôi thấy trong quân, ngựa bị khóa mõm không được ăn, chỉ mấy con béo tốt được ăn để dối quân địch là mình vẫn đầy đủ. Vậy vì sao ông lại nói thực”. Tống Hoa Nguyên nói: “Tôi nghe hạng quân tử thấy người ta khổ thì thương, hạng tiểu nhân thấy người ta khổ thì mừng. Tôi xem ông là quân tử cho nên lấy tình thực mà nói”. Sở Từ Phấn nói: “Vâng, ông cố giữ, quân tôi lương còn bảy ngày, không thắng là rút về”. Nói xong vái chào đi về phục mệnh.

Trang vương hỏi thế nào. Thừa khổ, đói lăm rồi. Đến mức nào. Đã phải đổi con làm thịt, lấy xương làm củi. Trang Vương: “Ồ đến như thế ư. Vậy ta lấy thành rồi rút quân. Từ Phấn”: Không nên. Thần bảo cho biết quân ta còn có bảy ngày lương. Trang Vương giận: “Ta sai đi xét tình hình, sao lại đi nói thật”. Tâu: Hèn kém như Tống mà còn có người đại phu không nói dối, huống chi nước Sở ta, vì thế, thần nói thật”. Trang Vương nói: “Được, ta đóng trại ở lại. Lấy xong thành mới rút quân”. Từ phấn: “Xin nhà vua ở lại, thần xin về”. Trang Vương nói: “Người đi ta ở lại với ai? Thôi ta cũng về”. Thế là dẫn toàn quân về. Cho nên người quân tử cho việc hòa, định đoạt bởi hai đại phu là quan trọng. Tại sao lại viết là người Tống, người Sở, sao lại chê. Là vì, việc hòa định đoạt tự người dưới.

Cốc Thi - Bình, là hoà. Khéo ước lượng sức mà dùng nghĩa đúng. Chữ nhân, người, là nói dân chúng. Việc hòa mà chép là chúng, là cả trên lẫn dưới đều muốn hòa. Đã đánh nước ngoài hoà, thì sử ta không chép. Nhưng sự mất còn, có liên quan đến ta (Tống còn, ta được yên) cho nên chép.

Đồng Trọng Thư - Từ Phấn với Hoa Nguyên hòa. Trong thì chuyên quyền ngoài thì tiếm quyền.

Đạm Trợ - Hoà mà không thể thì gọi là bình.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: quan trọng việc đại phu nghị hòa. Bàn thế sai. Bấy tôi không được riêng khen hay, xưa nay vốn như thế. Vả lại Trang Vương cũng không phải là bậc hiền.

Tử Phán không trở về trại mà bàn với vua, mà cứ tự tiện cùng Tống hòa, thế có phải là làm việc đúng nghĩa không, còn Cốc Lương thì bàn rằng hòa chép chữ quần chúng, ý cho là trên dưới đều muốn hòa. Bàn thế là sai. Tiếp đến việc Tề hòa thì sao không nói rằng người Tề hoà. Cốc Lương còn bàn rằng nước ngoài hòa thì không chép, đây chép vì nước Lỗ ta được yên. Bàn thế không đúng. Người Sở vây Tống đã trải qua ba mùa, may mà được hòa, thì báo cáo với chư hầu cho nên sử nước Lỗ mới có chép việc. Vả lại các người ngoài có hội, có thể, vẫn thường được Lỗ sử chép. Việc nước ngoài có gì là không nên chép.

六月癸卯晉師滅赤狄潞氏以
潞子嬰而歸

**LỤC NGUYỆT, QUÍ MÃO, TẤN SU, DIỆT XÍCH ĐỊCH,
LỘ THỊ, DĨ LỘ TỬ ANH NHI QUY**

**THÁNG SÁU, NGÀY QUÍ MÃO, QUÂN TẤN DIỆT HỌ LỘ,
RỖ XÍCH ĐỊCH, BẮT TÙ TRƯỞNG LÀ ANH NHI VỀ TẤN**

Tà Thị - Vợ Anh Nhi là chị Tấn Cảnh Công, Phong Thư cầm quyền chính nước Lộ Dịch, giết vợ Anh Nhi, và đánh Anh Nhi bị thương ở mắt. Tấn Hầu định đem quân đánh thì các quan can là Phong Thư có tài, nên để cho hắn có người nối dã. Bá Tôn nói: Cứ nên đánh. Hắn có năm tội, tài không bù được. Không cúng tế thần linh là một tội. Nghiện rượu là hai. Cách chúc Trọng Chương và tiếm đoạt đất đai họ Lê là ba. Giết Bá Cơ nước ta là Bốn. Làm cho vua bị thương ở mắt là năm. Cậy tài, không sửa đức, lại càng thêm tội. Người nói chúc có thể trọng về đức, về nghĩa, để phụng sự quốc gia, rồi làm cho chính quyền được vững, ta đợi tới lúc đó mới đánh hay sao? Nếu ta không trừng phạt kẻ có tội, bảo rằng hãy đợi, thế thì càng đợi càng sinh nhiều cơ để hoãn, vậy bao giờ mới trừng phạt. Nếu cứ đánh ngay. Ý lại vào tài năng, vào quần chúng, là đường đi tới chỗ hỏng. Đó là trường hợp vua Trụ nhà Thương phải chết. Khi mà trời đã làm cho đảo ngược mùa màng, là có tai hoạ. Khi đất đã làm cho đảo ngược chỗ sản xuất là có quái gỡ, khi dân đã làm cho

đảo ngược đạo lý là có loạn rối. Hễ rối loạn thì sinh ra tai họa, quái gở. Khi chữ viết không đều, thì không còn biết chỉ vật gì. Tất cả điều đó hiện nay đều có ở xứ Địch”.

Tấn Hâu nghe lời bàn. Tháng sáu, ngày Quý Mão, Tấn Tuấn Lâm phủ đánh tan Xích Địch tại đất Khúc Lương. Ngày Tân Hợi diệt Lộ. Phong Thu chạy trốn sang nước Vệ. Người Vệ đưa về Tấn, người Tấn giết đi.

Công Thi - Lộ sao lại chép là tước tử. Là vì khen. Hiền mà mất nước. Không thể không chép được. Lạc vào Di Địch, chưa hợp với Trung Quốc. Khi quân Tấn đánh, Trung Quốc không cứu. Mà Di Địch cũng không biết đến. Vì thế mất nước.

Cốc Thi - Diệt nước có ba cách chép. Nếu là Trung Quốc thì có ghi ngày, nước nhỏ thì ghi tháng. Di Địch thì không ngày tháng. Đây ghi ngày là vì Lộ Tử hiền.

Đỗ Dự - Lộ là họ. Tử là tước.

Khổng Đình Đạt - Địch có giống Xích. Có giống Bạch. Giữa hai giống Bạch, Xích có nhiều giống, loại khác. Lộ thì đây là một ngành trong giống Xích Địch.

Lưu Suồng - Công Dương bàn. Sao Lộ chép là Tử, là khen hiền mà mất nước. Công Dương bàn sai. Lộ Tử chép là Tử là theo Chu Lễ, chứ không phải vì: hiền mà mất nước. Thế là nhầm về tước.

Cốc Lương bàn, diệt nước có ba cách chép. Bàn thế là sai. Các nước Hạng, Toại, Đàm, Ôn, Lương, Hội, Sái, Quắc, đều không chép ngày. Lộ Tử, Giáp thị Thư Cưu, Lục Hôn, đều không chép mùa. Cốc Lương bàn Lộ Tử hiền, Bàn thế cũng sai. Cứ như ý cho chép chữ Tử là khen, thế là không biết tước người ta là nước Tử, chứ không phải vì người ta hiền mà nâng lên. Đã mất nước, thân bị bắt, thì còn hiền gì”.

Uông Khắc Khoan - Tấn Cảnh Công hội với Địch ở Toàn Hàm mà không đánh nước Trần. Diệt nước Lộ thị giống Xích Địch mà không cứu nước Tống, thôi không còn nói đến nghiệp bá được nữa.

秦 人 伐 晉
TẦN NHÂN PHẠT TẤN
NGƯỜI TẦN ĐÁNH NƯỚC TẦN

Tả Thị - Mùa thu, tháng bảy, Tần Hoàn Công đánh Tấn, dừng quân ở Phụ Thị (Tấn). Ngày Nhâm Ngọ, Tấn Hâu họp quân tại Tắc (Tấn) để đi chiếm đóng đất Dịch, lập lại Lê Hâu trước đã bị Dịch đuổi, rồi quay trở về. Khi tới đất Lạc ở Tấn, thì Ngụy Khòa đánh tan quân Tần ở Phụ Thị, bắt được Đỗ Hồi, người có tiếng khỏe nhất nước Tần.

Xưa, Ngụy Vũ Tử có người thiếp yêu, không có con. Khi Vũ Tử có bệnh dặn con lớn là Khòa phải gả chồng cho người thiếp. Đến khi bệnh nặng thì dặn là phải đem chôn theo. Vũ Tử chết, Khòa cho gả chồng và nói: "Bệnh nặng thì trí loạn. Ta theo mệnh lúc còn sáng suốt". Khi đánh trận ở Phụ Thị, Khòa thoáng trông thấy một ông già cứ kết cỏ vào chân Đỗ Hồi. Đỗ Hồi đi vướng bị ngã rồi bị bắt. Đêm Khòa mê thấy ông già nói: "Tôi là cha người thiếp mà ông đã gả chồng cho. Vì ông theo mệnh lúc sáng suốt, cho nên nay tôi báo đền". - Phụ Thị là đất nước Tấn.

Cao Kháng - Từ năm thứ hai, quân Tần đánh Tấn, Tấn không báo thù. Nay 14 năm rồi, Tần trở lại đánh Tấn là nhân thừa dịp Tấn đang bận việc Di Dịch. Vì thế, chép là người Tần là ý chê.

王 扎 子 搬 召 伯 毛 伯
VƯƠNG TRÁT TỬ SÁT THIỆU BÁ, MAO BÁ
VƯƠNG TRÁT TỬ GIẾT HAI QUAN TRONG TRIỀU (CHU)
LÀ THIỆU BÁ VÀ MAO BÁ

Tả Thị - Vương Tôn Tô có hiềm khích với họ Thiệu, họ Mao về quyền chính, sai Vương Tử Tiệp (Trát) giết Thiệu Đái Công và Mao Bá vệ. Rồi sau, Tương là con Đái Công lại được lập thay cha.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hâu thưởng cho Hoàn Tử (Tuân

Lâm Phủ) một nghìn nhà trước kia phụ thuộc về rợ Dịch. Lại thường cho Sĩ Bá (Sĩ Trinh Tử) huyện Qua Diễn và bảo rằng: “Ta chiếm được đất đai Dịch là nhờ công của ngươi. Không có ngươi thì ta sẽ mất Bá thị (Hoàn Tử)”. Dương Thiệt Chức (Thúc Hương Phủ) thấy ban thưởng như thế rất vui vẻ và nói: “Trong Chu Thư có khen Văn Vương dùng hiền tài, thật đúng như hành động nhà vua. Sĩ Bá tiến cử Trung Hàng Bá. Vua nghe, giao cho một quan chức. Thế gọi là làm cho đức được sáng tỏ. Vua Văn Vương sở dĩ lập nên nhà Chu, cũng chỉ vì có thế. Cho nên Kinh Thi có câu : “Trời ban phúc cho nhà Chu”. Văn Vương đã được trời ban phúc cho con cháu. Nếu cứ noi gương đó, thì vua chư hầu nào làm việc gì mà chả có kết quả hay”.

Tấn Hâu sai Triệu Đồng tới nhà Chu hiến các người, vật, lấy được của rợ Dịch. Triệu Đồng có thái độ bất kính. Lưu Khang Công, quan chức triều Chu nói : “Không đầy 10 năm, họ Nguyên Thúc (Triệu Đồng) sẽ có tai họa. Trời đã lấy mất phách đi rồi”.

Công Thị - Vương Trát Tử là ai? Là danh hiệu các con vua.

Cốc Thị - Chữ Vương Trát Tử viết lên trên. Giết Thiệu Bá, Mao Bá không nói rõ là ai. Thế là hai bên giết nhau. Nếu hai bên giết nhau thì Xuân Thu sao lại chép. Đây chép là vì có gì. Là giá mệnh vua giết, chứ không muốn cho ai biết là tư thù, thế gọi là lấy mệnh vua mà giết. Đã lấy mệnh vua mà giết thì sao Xuân Thu lại chép. Làm chủ thiên hạ là trời. Nói trời là vua. Còn được gọi là vua là nhờ ở “mệnh”. Làm bầy tôi mà lấn mệnh vua để dùng mệnh vua, thế không phải là bầy tôi. Làm vua mà mất mệnh, thế không phải là vua nữa. Vua không ra vua, tôi không ra tôi, thế là thiên hạ nghiêng đổ.

Tôn Phục - Quyền sinh sát là đặc biệt của Thiên Tử, cho nên theo Kinh Xuân Thu, không phải là Thiên Tử thì không được chuyên quyền giết. Vương Trát Tử là bầy tôi. Bầy tôi mà giết Thiệu Bá, Mao Bá, tại triều, Thiên Tử là Định Vương không ngăn được, còn thứ chuyên quyền nào hơn thế nữa. Cho nên chép rằng: Vương Trát Tử giết Thiệu Bá, Mao Bá là để trừng trị tội lỗi.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo: không chép là ai, tức là hai

bên giết nhau; Cốc Lương đã bàn sai. Phàm giết đại phu mà nói rõ, thế là vua giết. Đây liệu có viết được: Vương Trát Tử giết đại phu là Mao Bá và Thiệu Bá không.

秋 蟲

THU, CHUNG

MÙA THU, CÓ SÂU CHUNG ĂN HẠI LÚA (CHÂU CHÁU)

仲 孫 蔑 會 齊 高 固 于 無 婁

TRỌNG TÔN MIỆT HỘI TÊ CAO CỐ VU VÔ LÂU

TRỌNG TÔN MIỆT HỘI VỚI TÊ CAO CỐ
TẠI VÔ LÂU (ĐẤT NƯỚC KỶ)

Chú thích: Năm thứ 4, Ân Công, người nước Cử đánh nước Kỷ lấy được ấp Vô Lâu. Vậy nay đã là ấp nước Cử rồi. Nghi có nhầm.

Cao Kháng - Tê Hầu ở Cốc thì Công Tôn Quy Phủ tới hội. Quan Khanh nước Tê ở Vô Lâu, thì Công Tôn Miệt tới hội. Thế là Lỗ theo về Tê từ lâu rồi. May mà Tấn với Sở đương tranh giành nhau, không nghĩ đến hại Lỗ ta. Rồi bỗng Lỗ can thiệp vào việc Tống Sở hoà, Quy Phủ phải xin hội với Tê Hầu để Tê Hầu khỏi nghi Lỗ ta theo Sở. Nay Miệt lại hội để giữ dịp giao hiếu xưa.

初 稅 畝

SƠ THUẾ MẪU

BẮT ĐẦU ĐÁNH THUẾ VÀO RUỘNG TƯ

Tả Thị - Bắt đầu đánh thuế vào ruộng tư. Thế là không đúng lệ luật. Cứ theo lệ luật, lúa thuế vẫn lấy ở ruộng công, để cho dân được no đủ.

Công Thị - Xưa, là từ lúc đầu. Bắt đầu lấy thuế ruộng tư, là chê. Khi xưa, ruộng công, lớn, nhỏ, xấu, tốt có một phần mười. Thế là đúng. Cho nên dân vui.

Cốc Thị - Xưa là từ lúc đầu. Bắt đầu lấy thuế ruộng công một phần mười. Nay mới bắt đầu lấy thuế ruộng tư, thế là bất chính. Xưa ba trăm bước làm một dặm, đặt phép tính điền. Tính điền là 900 mẫu. Ruộng công một phần. Ruộng tư gặt hái không được tốt, không phải tại quan lại. Ruộng công gặt hái không được tốt không phải tại dân chúng. Xưa kia chỉ kể đến ruộng công, chứ không đánh thuế ruộng tư. Mười phần đã lấy một. Còn là của dân, thế là đủ. Ruộng công làm nơi ở, bếp nước toàn ở đấy.

Hồ Truyền - Mạnh Tử nói: “Đối với dân cày ruộng, giúp mà không đánh thuế, thì dân cày ai là chẳng vui mừng, mà chăm chỉ cày cấy”. Kinh chép bắt đầu đánh thuế ruộng tư, là chê bỏ sự giúp mà dùng sự đánh thuế. Theo luật nhà Ân, công điền, chính là để giúp, gọi là tịch. Nhà Chu nhân phép đó gọi là triệt. Tịch và triệt đều là danh từ chỉ một phần mười. Thời cổ, kẻ trên, người dưới thân cận nhau. Trên đối với dưới thì nói (mong): Cố làm ăn đi, trong 30 dặm, là ý chỉ lo kẻ dưới thiếu thôn. Còn dưới đối với trên thì nói: Mong cho mưa xuống ruộng công để đến cả ruộng ta, là ý chỉ sợ ruộng công không được tốt. Cho nên phép trợ, giúp, được thì hành, mà dân vui có ca dao khen. Đến khi đạo kém, đời suy, trên dưới ghét nhau, dân chỉ biết lợi riêng, mà không làm việc công, trên chỉ biết thu thóc vào kho mà không nghĩ đến lợi cho dân. Rồi các tai họa, hạn hán nối tiếp xảy ra, hoặc giả lúa công thu không đủ, mới đánh thuế ruộng tư chẳng. Kinh chép chữ bắt đầu là ghi việc đầu tiên biến đổi pháp luật, rồi sau đặt ra các phép Khưu giáp, điền phú v.v. là khởi đầu từ Lễ Tuyên Công, cho nên nói rằng: căn cứ vào nghĩa lý làm ra pháp luật còn sợ mắc tiếng tham, thế mà căn cứ vào tham thì thế nào. Có quốc gia, tất là muốn giữ điển lễ không đổi, vậy tất là phải chuộng căn bản.

Đỗ Dự - Phép công điền, mười phần lấy một, nay lại lấy cả ở các phần kia, vì thế Ai Công, cuối đời Xuân Thu nói: “hai thứ thuế, ta còn chưa đủ”. Rồi cho lấy thuế thế là thường. Cho nên Kinh chép chữ sơ là bắt đầu.

Chu Tử - Người nhà Thương lấy 630 mẫu vạch làm chín

khu, mỗi khu bảy mươi mẫu, khu giữa là ruộng công, các khu ngoài, tám nhà hưởng, đều hết sức cày cấy ruộng công, không phải đóng thuế ruộng mình. Phép nhà Chu, mỗi người được một trăm mẫu, rồi cùng với những người dùng chung giếng nước, hợp sức, chia nhau đất đai, thành chín phần, dành một phần công, cho nên gọi là thuế triệt. Nước Lỗ, từ vua Tuyên Công đặt ra thuế ruộng tư, lấy một phần mười, thế thành ra mười phần mà lấy đến hai.

Xét - Về việc lấy thuế các ruộng, hai Truyện Công và Cốc, đều cho là thuế lấy một phần. Nhưng cũng là đã bỏ phép trợ pháp xưa. Đỗ Dự bảo là đã lấy công điền, lại lấy thuế một phần mười ruộng tư, tức là mười phần mà lấy đến hai. Hồ Truyện thì theo Công thị, Cốc thị. Chu Tử thì theo Đỗ Thị. Nay ta để cả để đợi khảo sát.

冬 緣 生

ĐÔNG, DUYÊN SINH

MÙA ĐÔNG, CHÂU CHẤU NỮ

(DUYÊN CUNG LÀ MỘT THỨ CHÂU CHẤU)

Tả Thị - Mùa đông, châu chấu nữ. Đói. Còn là may.

Công Thị - Chưa từng nói châu chấu nữ. Đây chép là để rõ sự may. May vì người trên biển đổi phép thường, thì trời cũng biển đổi ra tai. Các việc xảy ra đều có cơ cả.

Cốc Thị - Châu chấu không phải là tai. Chép châu chấu không phải là tai họa tự việc đánh thuế sinh ra.

Tôn Phục - Sáu chung giữa mùa thu chưa hết, mùa đông lại sản ra, tức là duyên. Thế là hai lần tai.

Tôn Giác - Duyên là con sâu chung. Mùa thu của Xuân Thu, là mùa hạ của nhà Hạ. Mùa Đông của Xuân Thu là mùa thu của nhà Hạ. Sáu Chung làm tai họa về mùa hè, mà sáu duyên sản về mùa thu. Một năm hai lần tai cho nên ghi chép kỹ. Xét Tá Thị, Công Dương đều bàn là may, vì duyên sinh vào mùa đông, lúc đã gặt, không có gì hại. Xét mùa thu là mùa mà mọi

lúa má rau đậu đều chín, sao lại bảo được là không có hại. Vả lại sẵn ra mà không tai hại thì chép làm gì. Cốc Lương mà bàn là cái tai họa tự việc đánh thuế, tức là bàn gương.

Vương Bảo - Duyên là tự chung sinh ra. Theo sách Nhi Nhã, sâu chung sinh sản không do giống đục cái như mọi giống, mà tự sinh, cũng như giống sâu Hoàng, cho nên Kinh Xuân Thu chép là tai.

Hoàng Trọng Viêm - Sâu chung khi mới sinh thì chính là duyên. Sâu chung, sâu phi, bay rợp trời, từ đâu đến không biết. Vì không được biết lúc sâu chung sinh, cho nên không chép "chung sinh". Còn như duyên thì sinh ngay ở trong đất nước được thấy cho nên chép "sâu chung sinh".

饑

CƠ

NẠN ĐÓI

Trương Hiệp - Đời Tuyên Công hai lần chép đói, một lần sau nạn nước lụt, một lần sau nạn sâu chung, sâu duyên. Thật rõ là nước không biết tích trữ thì dân sống sao được.

Gia Huyền Ông - Sâu chung thì chép kể mùa. Mà đói thì kể năm.

Năm Mậu Thìn. - Vua Định Vương, năm thứ 14.

十 有 六 年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tấn Cảnh, năm thứ 7. Tề Khoảnh, năm thứ 6. Vệ Mục, năm thứ 7. Sái Văn, năm thứ 19. Trịnh Tương, năm thứ 12. Tào Tuyên, năm thứ 12. Trần Thành, năm thứ 6. Kỷ Hoàn, năm thứ 44. Tống Văn, năm thứ 18. Tần Hoàn, năm thứ 12. Sở Trang, năm thứ 21.

春王正月晉人滅赤狄甲氏及留吁

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT TẤN NHÂN

DIỆT XÍCH ĐỊCH, GIÁP THỊ, CẬP LƯU HU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGƯỜI TẤN

DIỆT XÍCH ĐỊCH, GIÁP THỊ, VÀ LƯU HU

Tả Thị - Năm thứ 16, mùa xuân, Tấn Sĩ Hội cầm quân diệt các xứ Xích Dịch là Giáp Thị, và Lưu Hu Đạc Thần. Tháng ba, Tấn dâng Thiên Tử các người vật lấy được ở Dịch. Ngày mậu thân, sau khi tiêu Thiên Tử, vua Tấn phong Sĩ hội làm tướng Trung quân, và giao cho phẩm phục, lại cho làm Thái Phó. Từ đây bọn trộm cướp trốn chạy sang đất Tần. Dương Thiệt Chúc nói : “Tôi nghe, vua Vũ nhà Hạ khi dùng người hay, thì người dở vội lánh xa. Y như ngày nay, Kinh Thi có nói: Năm năm nơm nớp như đi trên vực sâu, như dẫm trên vầng mỏng. Người hay và tài cầm quyền, thì dân không còn chỉ trông cậy vào may rủi. Tục ngữ có nói : Khi dân có nhiều người bước đi quàng xiên, nhờ may rủi thì nước chính là không may. Thế nghĩa là không có người hay, người tài.

Đỗ Dự - Giáp thị, Lưu Hu, là các ngành trong giống Xích Dịch. Tấn đã diệt Lộ thị, nay lại kiêm hết các họ khác.

Cao Kháng - Kinh chép chữ cập, và là để rõ hai họ khác nhau.

Gia Huyền Ông - Tấn diệt Lộ thị thì chép là đánh kẻ có tội. Đã đánh rồi thì quen cứ dùng quân mãi không thôi cho tới khi diệt được hết các họ Dịch mới thôi. Người có lòng nhân đâu có thế. Cho nên Kinh chép là nhân, người, để chê.

Người Sở vây Tống, vua Tấn ngồi nhìn, không cứu, lại nghe can: “Roi dù có dài cũng không vút vào bụng ngựa được”. Rồi lại diệt họ Lộ, họ Giáp thị, họ Lưu Hu. Có thể thôi, mà cứ không thôi. Chí của Tấn là chỉ trục lợi, mà không biết cứu người đang mắc nạn. Đối với chư hầu còn ra sao nữa.

夏 成 周 宣 榭 火

HẠ, THÀNH CHU, TUYÊN TẠ, HỎA MÙA HẠ Ở THÀNH CHU, ĐÀI TUYÊN BỊ CHÁY

(Công Thị, Cốc Thị viết là chữ tai)

Tả Thị - Mùa hạ, ở Thành Chu, đài Tuyên bị cháy. Người mà làm cháy, thì gọi là cháy. Tự nhiên, tức là trời làm cháy thì gọi là hỏa tai.

Công Thị - Thành Chu là Đông Chu. Đài Tuyên là cung miếu Tuyên Vương. Sao chép : Thành Chu, đài Tuyên hỏa tai. Vì ở cung có để các đồ nhạc khí. Ở nước ngoài không chép. Đây sao chép. Vì là nhà Tân Chu, tức là nhà Chu mới thiên đô.

Cốc Thị - Tai của nhà Chu thì không cần ghi. Chép là đài Tuyên vì ở đó có để đồ nhạc khí.

Đỗ Dự - Truyện đều chép là tự người gây ra. Đài Tuyên là nơi Giảng Vũ của Thành Chu ở Lạc Dương.

Khổng Đình Đạt - Sử nước Sở có nói: Tiên Vương cho dựng Đài và Tạ. Tạ là chỗ để giảng tập quân sự. Đài là để trông xa, xét khí sắc lành dữ. Vậy biết Tạ là nhà Giảng vũ. Thành Chu là đô phía nam của nhà Chu. Tạ đây ở tại Lạc Dương, khi giảng và tập việc vũ thì mới tới. Sách Nhĩ Nhã có thích nghĩa : Không có "nhà ở" thì gọi là Tạ. Còn nói : Ụ cao trên thành cũng gọi là đài. Nếu có cây cao thì gọi là Tạ.

Lý Tuấn nói: Đài là đắp đất dựng lên cột để trông xa. Trên đài, có nhà thì gọi là tạ. Vậy Tạ là nhà trên đài. Ở đài mà coi xét Giảng vũ, cho nên không có nơi ăn ngủ vì không có tường vách, y như nay ta gọi là sân đường.

Lưu Suồng - Công Dương bàn: tai nạn nước ngoài thì không chép, đây chép vì là nhà Tân Chu mới thiên đô. Bàn thế sai.

Cốc Lương nói, tai họa nhà Chu không chép. Cốc Lương nói sai. Đến tai họa nước Tống còn chép, huống tai họa nước Chu. Cứ có báo cáo cho nước ta là có chép.

Tôn giác - Công Thị, Cốc Thị đều nói là có chứa đồ nhạc khí, Tạ mà đã chứa nhạc khí thì sao đặt tên là Tuyên.

Xét - Công Dương cho Tuyên Tạ là Tuyên Cung. Hà Hưu thì bảo khi Tuyên Vương trung hưng, miếu không hủy, Bảo thế sai. Tuyên miếu nên hủy từ lâu. nếu chưa hủy, thì sao không ở Kinh sư mà lại ở Thành Chu. Hồ Truyện cho là miếu tựa như Tạ, cho nên gọi là Tạ, Hồ Truyện cũng sai. Sách Nhĩ Nhã, có ghi các miếu, tẩm, đài, tạ, đều khác nhau về thể thức, thì đây sao luộm thuộm cho là một. Đỗ Dự thích nghĩa Tạ là nơi nhà Giảng vũ, Khổng Dĩnh Đạt dẫn sách Sở làm chứng có thì luận bàn thế là đích đáng. Tuy nghĩa chữ Tuyên có chỗ chưa rõ hết, nhưng Thành Chu là đông đô nhà Chu. Coi những câu trong Kinh Thi, các nhật, xa công, ngâm vịnh, ngợi khen Tuyên Vương thời đương thịnh, thì dài Tuyên là dựng nên cho vua Tuyên Vương, thật là không còn sai nữa.

秋 郊 伯 姬 來 歸

THU, ĐÀM BÁ CƠ LAI QUY

**MÙA THU, ĐÀM BÁ CƠ RỜI NƯỚC ĐÀM TRỞ VỀ
Ở NƯỚC LỖ,**

Tả Thị - Mùa thu, Đàm Bá Cơ trở về Lỗ. Thế là bỏ nhà chồng.

Phụ lục tả Truyện - Vì nạn Mao và Thiệu, nhà vua bị rối loạn. Vương Tôn Tô chạy sang nước Tấn. Người Tấn bắt trở về Kinh đô Chu. Mùa Đông, Tấn Hầu sai Sĩ Hội dẹp loạn Vương thất. Thiên Tử thiết tiệc. Nguyên Tương Công quan chức trong triều làm Tướng lễ. Thịt được thái từng miếng nhỏ. Vũ Tử (Sĩ Hội) hỏi riêng Nguyên Tương. Vua nghe, mới nói: “Ông chưa rõ hay sao. Khi Thiên Tử có việc “hường”, thì thịt cắt làm hai. Khi có tiệc “yến”, thì thịt cắt từng miếng nhỏ. Công thì dự hưởng. Khanh thì dự yến. Đó là lễ nghi ở vương thất”. Vũ Tử khi về Tấn, mới khảo sát lại các lễ nghi, để sửa lại pháp lễ ở Tấn.

冬大有年

ĐÔNG. ĐẠI HỮU NIÊN

MÙA ĐÔNG, ĐƯỢC MÙA TO

Cốc Thi - Cả ngũ cốc đều được mùa, thì gọi là được mùa to.

Tôn Giác - Được mùa to là phi thường. Chép được, ý là không đáng được. Kinh mà chép được mùa đều là về thời Hoàn, Tuyên. Ý Thánh nhân dễ nhận biết.

Năm Kỷ Ty - Vua Định Vương, năm thứ 15.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tấn Cảnh, năm thứ 8. Tề Khoảnh, năm thứ 7. Vệ Mục năm thứ 8. Sái Văn, năm thứ 20. Trịnh Tương, năm thứ 13. Tào Tuyên, năm thứ 3. Trần Thành, năm thứ 7. Kỷ Hoàn, năm thứ 45. Tống Văn, năm thứ 19. Tần Hoàn, năm thứ 13. Sở Trang, năm thứ 22.

春王正月庚子許男錫我卒

XUÂN. VƯƠNG. CHÍNH NGUYỆT. CANH TÝ

HỨA NAM, TÍCH NGÃ TỐT

MÙA XUÂN. VƯƠNG. THÁNG GIÊNG, NGÀY CANH TÝ,

VUA NƯỚC HỨA TÊN LÀ TÍCH NGÃ MẤT

丁未蔡侯申卒

ĐINH MÙI. SÁI HẦU THÂN TỐT

NGÀY ĐINH MÙI, SÁI HẦU TÊN LÀ THÂN MẤT

夏葬許昭公葬蔡文公

HẠ. TÁNG HỨA CHIÊU CÔNG. TÁNG SÁI VĂN CÔNG

**MÙA HẠ. LỄ CHÔN HỨA CHIÊU CÔNG,
LỄ CHÔN SÁI VĂN CÔNG**

Quý Thao - Thời đó, Hứa và Sái theo Sở, đều có cáo phó.
Lỗ tới viếng phúng. Thế là có giao thiệp với Sở.

六月癸卯日有食之

**LỤC NGUYỆT, QUÍ MÃO, NHẬT HỮU THỰC CHI
THÁNG SÁU, NGÀY QUÍ MÃO, CÓ NHẬT THỰC**

己味公會晉侯衛侯曹伯鄴
子同盟于斷道

**KỶ MÙI. CÔNG HỘI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ,
CHÂU TỬ, ĐỒNG MINH VU ĐOẠN ĐẠO**

**NGÀY KỶ MÙI, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VỆ HẦU,
TÀO BÁ, CHÂU TỬ, CÙNG LỄ THỂ Ở ĐOẠN ĐẠO, ĐẤT TẤN**

Tả Thị - Mùa xuân. Tấn Hầu sai Khích Khắc sang tề mời vua Tề hội. Vua Tề là Khoảnh Công cho thê thiếp đứng trong màn để coi sứ giả (có tật khiễng chân). Khi Khích Khắc bước lên thêm, bọn đàn bà cười ở trong màn. Hiến Tử Khích Khắc giận, khi đi ra có thê: "Nếu không báo được hạn này, không trở về qua sông Hoàng". Thế rồi về Tấn trước Phó sứ, bảo Phó sứ Loan Kinh cứ đợi tin ở Tề, chuyến này về mà không báo được Tề thì hãy liệu.

Khích Khắc tới Tấn, xin phép vua đem quân đánh Tề. Vua không thuận. Xin dùng quân riêng, vua cũng không thuận.

Tề Hầu sai các đại phu Cao Cố, Án Nhược, Sái Triều, Nam Quách Yến tới hội. Khi sứ đoàn đi tới Liêm Vu thì Cao Cố trốn về. Mùa hạ, hội tại Đoạn Đạo, cốt để trị tội các nước không theo.

Lễ thề tại Quyển Sở. Sứ nước Tề không được dự. Người Tấn giam Ân Nhược ở đất Dã Vương; giam Sái Triều ở đất Nguyên; Giam Nam Quách Yển ở đất Ôn. Phần Hoàng nước Miêu, vốn người Sở trốn ẩn tại Tấn, được vua Tấn sai tới hội, có thăm Ân Nhược Hoàn Tử. Khi về Tấn, nói với vua Tấn rằng: “Xét Ân Tử có tội gì. Xưa kia, các vua chư hầu thờ tiên quân ta, chỉ sợ không nhanh tuân lệnh. Nay các vua sợ bọn đại phu ta không đủ tín nghĩa, muốn bỏ ta. Vua Tề cũng ngại không được Tấn lấy lễ đối đãi, không thân hành tới mà sai bốn đại phu đi thay. Tả hữu có can rằng, nếu vua không đi thì sứ thần ta sẽ bị bắt giam. Cho nên Cao Cố tới Liêm Vu trốn mất. Ba đại phu còn lại bảo nhau, thà bị tội chết còn hơn làm hại tình giao hiếu hai vua. Vì thế, họ mạo hiểm tới hội. Không gì hay hơn là đón họ, tiếp đãi tử tế khách tứ phương. Nay ta lại bắt giam, tức là cho kẻ can vua Tề nói phải, nói đúng. Thế là ta có lỗi. Có lỗi mà không biết đổi lỗi, cứ làm lỗi mãi, để họ phải hối là đã tới hội, liệu ta có được lợi gì không. Ta làm cho người sứ Tề trốn trước là tiên tri. Giam giữ sứ thần, ta làm cho các vua chư hầu sinh nghi sợ. Ta có lợi gì”. Người Tấn mới thả sứ Tề, đối đãi tử tế.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, tháng tám, Tấn đem quân về, (thôi không đánh Tề).

Phạm Vũ Tử đã già, dặn dò con là Văn Tử tên là Tiếp: “Ta nghe nói sự mừng hay giận, mà lại cứ hay chệch về việc khác. Kinh Thi có câu: Người quân tử nổi giận, loạn sẽ được đẹp. Người quân tử tỏ mừng (mừng nghe lời nói hay), loạn sẽ tắt. Vậy mừng, giận của quân tử là để dẹp loạn. Nếu không phải thế, thì ta sợ loạn thêm. Ta già rồi. Ta cứ để cho Khích Tử cầm quyền chính. Có lẽ yên được loạn. Còn như con, thì cứ theo các đại phu, cốt nhất phải kính cẩn”.

Thế rồi Sĩ Hội xin về hưu vì tuổi già. Khích Hiến Tử cầm quyền chính.

Cốc Thi - Chữ đồng (đồng minh) là có đồng, có cùng, cùng nhau chống Sở.

Lý Liêm - Việc thề này, các Truyện cho là vì việc nước Tề, mà riêng Cốc Lương cho là vì Sở. Xét ra, ví có theo lệ thường,

cùng giúp, cùng chống, thì vẫn e không phải sự thực. Việc thể này, ngay sau khi Tống và Sở hòa, mà mời Tề tới hội tuy là ý đầu tiên, sự thực vẫn là sợ Sở. Vả lại Khích Khắc giận Tề mới có mưu đánh Tề, Cốc Lương cũng không phải là không có căn cứ.

Xét - Hội thì ở Đoạn Đạo, các truyện cho là để đánh Tề, Cốc Lương cho là để chống Sở. Xét đến sự tình, cả hai thuyết đều có lý. Tống và Sở vừa hòa. Phương nam đang cạnh tranh, Tào, Vệ, có chuyện. Tấn làm mình chủ, họp chư hầu, để mưu toan, thì chống Sở phải là căn bản. Còn Khích Khắc triệu tập mà Tề Hầu không tới lại sai bốn đại phu tới hội, người Tấn giận mà bắt giam, thì việc đánh Tề cũng ở hội đó mà ra. Vì thế Lý Liêm bàn luận dùng cả hai thuyết.

秋 公 至 自 會

THU, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

冬 十 有 一 月 壬 午 公 弟 叔 肸 卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, NHÂM NGỌ,

CÔNG ĐỆ, THÚC HẠT TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY NHÂM NGỌ, EM CÔNG LÀ

THÚC HẠT MẤT (EM CÙNG MẸ, PHẠM EM CÙNG MẸ VỚI

THÁI TỬ, BỐ CÒN THÌ GỌI LÀ CÔNG TỬ, BỐ MẤT

THÌ GỌI LÀ EM. PHẠM ĐÃ GỌI LÀ EM ĐỀU LÀ CÙNG MẸ)

Cốc Thị - Chép là em Công, tên Thúc Hạt là khen. Tại sao vua Tuyên thí nghịch mà Hạt trách. Nhưng Hạt sao không rời khỏi nước. Vì là anh em. Còn đi đâu được. Cho của thì Hạt nói, tôi đủ rồi. Rồi khâu giày bán, kiếm gạo ăn, suốt đời không ăn lương lộc của Tuyên Công. Người quân tử cho thế là đúng tình lý, mà Xuân Thu cho là hiền.

Xét - Quý Hữu và Thúc Hạt đều là anh em hiền. Hữu có công làm cho yên loạn. Hạt đối xử đúng tình lý. Khi hai người

chết, Kinh Xuân Thu chép tên, chép tự, để khen, chứ không phải để so sánh với Trọng Toại. Hữu gọi là Công Tử. Hật gọi là Công đệ. Hữu mất vào thời Hi Công, thì không dùng chữ đệ được. Hồ Truyền, về truyện Trọng Toại, Quý Hữu, đều cho là lúc sống được ban cho họ, nối đời giữ chức Khanh, còn về Thúc Hật thì cho là không nhận giữ chức gì. Nay xét khi Hật chết rồi, chưa qua ba năm, mà con là Anh Tề cầm quân, các đời sau là đại phu. Xét Hật không nhận lương lộc, mà Tuyên Công cứ gia ân cho con cháu, thì việc ban họ chưa chắc đã hẳn là không có. Hồ Truyền đã lâu đời, cứ giữ lại, để đời khảo cứu.

Năm Canh Ngọ - Vua Định Vương, năm thứ 16.

十 有 八 年
THẬP HỮU BÁT NIÊN
NĂM THỨ 18

Tấn Canh, năm thứ 9. Tề Khoảnh, năm thứ 8. Vệ Mục, năm thứ 9. Sái Canh Công, tên Cố năm đầu. Trịnh Tương, năm thứ 14. Tào Tuyên, năm thứ 4. Trần Thành, năm thứ 8. Kỷ Hoàn, năm thứ 46. Tống Văn, năm thứ 20. Tấn Hoàn, năm thứ 4. Sở Trang, năm thứ 23.

春 晉 侯 衛 世 子 臧 伐 齊
XUÂN, TẤN HẦU, VỆ THẾ TỬ TANG PHẠT TỀ
MÙA XUÂN, TẤN HẦU, THẾ TỬ TANG,
NƯỚC VỆ CÙNG ĐÁNH TỀ

Tả thị - Năm thứ 18, mùa xuân, Tấn Hầu, Vệ Thế Tử Tang đánh Tề. Quân tới đất Dương Cốc. Vua Tề tới vua Tấn xin thể ở đất Tăng, cho Công Tử Cương sang Tấn làm con tin. Quân Tấn quay về. Sái Triều và Nam Quách Yên trốn về.

Xét - Tấn làm mình chủ triệu chư hầu hội họp. Tề không tới, Tấn Hầu mà đánh thì còn có lý. Hồ Truyền bàn rằng: Thượng Khanh cầm quyền chính trong nước, lấy mệnh vua mà làm việc riêng, chép để cho rõ Tấn đánh Tề là có lỗi. Nay xét Tả Truyền,

Khích Hiến Từ xin vua cho đánh Tề, Vua Tấn không thuận. Xin lấy quân đội riêng đánh, vua cũng không thuận. Thế thì việc Dương Cốc, đâu có phải vua thân chinh để báo thù cho Khích Khắc. Nếu mấy nước cùng đánh nhau thì ra Khích Khắc được thỏa chí ở Tề thật.

公伐杞

CÔNG PHẠT KỶ

LỖ CÔNG ĐÁNH NƯỚC KỶ

Từ Ngạn - Lỗ Công đánh các nước Cử, Lai, Châu, Kỷ, Phàm các nước nhỏ ở gần Lỗ đều bị đánh. Lỗ Công tàn ác thật.

夏四月

HẠ TỬ NGUYỆT

MÙA HẠ THÁNG TƯ

Phụ Lục Tả Truyện - Mùa hạ. Lỗ Công sai sứ sang Sở xin quân, muốn đánh Tề.

秋七月邾人戕曾子于曾

THU, THẮT NGUYỆT, CHÂU NHÂN TƯỜNG

TĂNG TỬ VU TĂNG

MÙA THU, THÁNG 7, NGƯỜI CHÂU GIẾT

VUA TĂNG Ở ĐẤT TĂNG

Tả Thị - Mùa thu, người Châu giết Tăng Tử ở Tăng. Phàm trong nước, loạn nghịch giết vua, thì gọi là thí. Người nước ngoài giết thì gọi là tường.

Công Thị - Tường Tăng Tử ở Tăng là thế nào. Là giặc cướp tàn sát.

Cốc Thị - Tường cũng nghĩa như chữ tàn là giết.

Uông Khắc Khoan - Châu chép là người. Chính là vua Châu. Chép là người để chê. Nếu còn muốn kiêng, thì chép là giặc cướp

giết vua Tăng tên là mỗ. Đây chép là người Châu thì rõ là vua Châu. Châu Văn Công dùng Tăng Tử để tế. Châu Định Công giết Tăng Tử. Đây chép là người Châu, ghét lối nói đời hung ngược quai thường bội lý. Sái Linh và Sái Chiêu mà bị giết thì ghi tên, còn hai vua nước Tăng, thì không ghi tên tức là không có lỗi mà bị họa.

甲戌楚子旅卒

GIÁP TUẤT, SỞ TỬ LỮ TỐT

NGÀY GIÁP TUẤT, SỞ TỬ TÊN LÀ LỮ MẤT
(LẦN ĐẦU CHÉP VUA SỞ MẤT)

Tả Thị - Sở Trang Vương mất. Quân Sở đình (không giúp Lỗ). Lỗ dùng quân Tấn. Thế là Sở cho quân đánh thực (Thực là đất nước Lỗ).

Công Thị - Sao không chép lễ táng. Vua Ngô, vua Sở không chép là táng vì Kinh Xuân Thu tránh chép thụy hiệu.

Cốc Thị - Đối với xứ Di Địch, vua chết không có chép. Chép là nâng lên một bậc. Có chép cũng không ghi ngày. Ghi ngày là nâng lên một bậc. Ghi ngày mà không nói rõ ở đâu, là gián lược.

Hồ Truyện - Sở tiếm tước Vương. Không chép lễ táng, là e dân không hiểu là tiếm hiệu. Tránh chép hiệu chính là tự Trọng Ni bỏ đi.

Xét - Sở không được chép lễ táng Hồ Truyện theo Công Dương cho là tránh thụy hiệu. Đúng đấy, Bảo rằng nước Sở, nước Ngô, nước Từ, đều bị giáng cấp, ghi là Tử tước, cùng hàng với các nước Đàng Hâu, Kỷ Bá. Bảo thế nghe chưa lọt. Xét Đàng, Kỷ, tước vốn là Hâu, là Bá, vì Thiên Tử đương thời truất, cho nên hạ xuống tước Tử, chứ không phải là Thánh nhân giáng chức. Sở, Ngô tiếm hiệu xưng vương, mà Thiên Tử đương thời không cấm nổi, cho nên theo tước phong lúc đầu mà gọi là Tử để cho rõ cái tội tiếm nghịch, không phải là Thánh nhân giáng chức. Vì nếu cho là Kinh Xuân Thu, tự thăng, giáng, chức chư hầu, thì chính Xuân Thu đã tiếm quyền. Như thế còn dạy ai. Vậy nay san bớt các lời bàn của họ Hồ.

公孫歸斧如晉

CÔNG TÔN QUY PHỦ NHƯ TẤN

CÔNG TÔN QUY PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Công Tôn Quy Phủ có bố là Tương Trọng trước có công lập lên ngôi, cho nên được Công tin dùng. Quy Phủ muốn triệt ba nhà Tam Hoàn, để nâng quyền nhà vua, mới mưu với Công, giao thiệp với Tấn, nhờ Tấn giúp.

Hồ Truyền - Tuyên Công nhờ Tề được ngôi, cho nên nhất tâm thờ Tề, tuy đã đổi mấy vua Tề mà Lỗ vẫn cứ thờ. Rồi đến Tề Khoảnh Công, không biết kính cần lễ nghi, làm cho Thượng Khanh nước Tấn, nước Lỗ phải giận. Khích Khắc cầm quyền chính Tấn, lại định đánh. Tấn đang cường thịnh, Tề có phần kém. Thế là Lỗ bội Tề mà thờ Tấn, trong việc bang giao, cứ theo lợi mà trở mặt, chứ không nghĩ đến trung tín, thành thực. Xét Tả Truyền, Quy Phủ mà muốn triệt Tam Hoàn, để cho vua thêm uy quyền, cùng vua mưu, rồi lễ sứ nước Tấn, muốn nhờ người Tấn triệt Tam Hoàn. Xét, khinh thường việc bội ước đối với một nước, dễ dàng trong việc mưu triệt thế gia, mà không xét nghĩ tới căn bản, thì chưa thấy việc thành, lại không có hại. Vậy muốn cho vua thêm quyền là phải, thì nên làm thế nào. Sao không đưa vua vào đường đạo lý: chính tâm mình để chính triều đình. Săn sóc Lễ, Nhạc, Hình, Chính, tự mình làm gương, thì sao không được. Việc gì phải nhờ nước ngoài giúp trừ Tam Hoàn. Thế là trừ mụn ghẻ mà chuốc lấy tâm tật. Sao kém thế.

冬十月壬戌公薨于路寢

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, NHÂM TUẤT,

CÔNG HOÃNG VU LỘ TẮM

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY NHÂM TUẤT,

LỖ CÔNG MẤT TẠI LỘ TẮM

Cốc Thị - Lộ tắm là chính tắm.

Vương Nguyên Kiệt - Tuyên Công ở ngôi 18 năm. Đến

đại nghĩa đã mất, thì ở nước còn được gì nữa. Vị đích mẫu là không có lý nào rút được, mà để cho phải khóc, trở về Tề. Bỏ thiên luân, làm thí nghịch, hối lộ Tề để được định ngôi. Đang trong tang, mà đón vợ, thành hôn. Trong bảy năm, mà năm lần tới châu nước Tề, quá đến già con gái cho cường thần nước Tề. Luôn 10 năm, chăm sinh lễ, hết sức hầu hạ, nịnh nọt vua tôi Tề, khinh nhờn, không theo Tấn. Trục lợi, chiếm đất Hương, đất Thích, dương vây đánh nước Cử, nước Châu. Bị nhục ở hội thề Hắc Nhuỡng, che giấu việc xấu ở hội Bình Châu. Rồi đến các nạn sâu Chung, sâu Duyên kế tiếp. Cơ cận liên niên, lại thêm đánh thuế ruộng tư, thế là sức dân kiệt quệ. Hội thề Đoạn đạo với Tấn, để mong triệt Tam Hoàn mà thêm uy quyền nhà vua. Vua tuyên chết, da thịt chưa lạnh, thì họ Đông Môn đã mất cúng tế. Còn được chết ở chính tâm, chỉ là may thôi.

歸斧還自晉至筮遂奔齊

QUY PHỦ HOÀN TỰ TẤN, CHÍ SINH, TOẠI BÔN TỀ

QUY PHỦ TỪ TẤN VỀ, TỚI ĐẤT SINH, (HOẶC SANH)
RỐI CHẠY SANG TỀ - (SINH, ĐẤT NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Mùa đông, Lỗ Công mất, Quý Văn Tử (Quý Tôn Hàng Phủ) nói với triều đình rằng: “Làm cho ta giết con đích, lập con thứ, để mất sự viện trợ của một nước lớn chỉ là vì Trọng”. Tang Tuyên Thúc giận, nói rằng: “Đương thời đó đã không dám trị, thì con nối dõi có tội gì. Các ông muốn đuổi, vâng, tôi xin đuổi”. Thế là đuổi cả họ Đông Môn đi khỏi Lỗ. Từ Gia Quy Phủ rời Tấn về đến đất Sinh ở Lỗ.

Hành vi Quy Phủ là phải. Nên lấy lời bàn đó quyết định.

XUÂN THU QUYỂN THỨ CHÍN

成 公

THÀNH CÔNG

THÀNH CÔNG

Phạm Ninh - Cõi quyển Lỗ Thế gia, Thành Công tên là Hắc Quảng, là con Tuyên Công. Lên ngôi thời Chu Định Vương năm thứ 17, theo phép đặt thụy hiệu, an dân lập chính thì gọi là Thành.

Năm Tân Mùi. - Vua Định Vương, năm thứ 17.

元 年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Cảnh, năm thứ 10. Tề Khoảnh, năm thứ 9. Vệ Mục, năm thứ 10. Sái Cảnh, năm thứ 2. Trịnh Tương, năm thứ 15. Tào Tuyên, năm thứ 5. Trần Thành, năm thứ 9. Kỷ Hoàn, năm thứ 47. Tống Văn, năm thứ 21. Tần Hoàn, năm thứ 15. Sở Cung Vương, Thẩm, năm đầu.

元 年 春 王 正 月 公 即 位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TÚC VỊ
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

二月辛酉葬我君宣公
NHỊ NGUYỆT, TÂN DẬU,
TÁNG NGÃ QUÂN, TUYÊN CÔNG
THÁNG HAI, NGÀY TÂN DẬU,
LỄ CHÔN VUA TA LÀ TUYÊN CÔNG

無 冰

VÔ BĂNG

KHÔNG CÓ BĂNG (BĂNG LÀ NƯỚC VÀNG GẮN THÀNH ĐÁ)

Phụ Lục Tả Truyện - Tấn Hầu sai Hà Gia dàn xếp cho rợ Nhung khỏi quấy rối đất nhà Chu. Thiện Tương Công, dự chính tại triều đình Chu, tới Tấn cảm ơn việc Tấn dàn xếp. Lưu Khang Công, con Thiên Tử dò xét rợ Nhung định chinh phạt. Chức quan là Thúc Phục can: “Bội mình ước mà dối một nước lớn là nước Tấn thì sẽ bị thua. Bội mình ước đã là bất tường, dối một nước lớn lại là bất công. Như thế thì Thần và người đều không giúp, còn làm sao mà thắng được. Khang Công không nghe, cứ đem quân vào đất Mao Nhung. Tháng ba, ngày quý mùi, quân bị tan vỡ ở đất Nhung Từ Ngô (Mao Nhung là một giống Nhung, Từ Ngô là một giống Mao Nhung).

Cốc Thi - Cuối mùa mà không có băng thì ghi. Đây chưa cuối mùa mà nói không có băng, tại sao thế. Thế là cuối mùa cũng không có, lại có ý nói là rét.

Đạm Trợ - Tháng hai xưa, ngày nay là tháng 12. Ghi là không có băng thì biết là một mùa không có băng. Nếu cứ đợi cuối mùa mới ghi thì nay là tháng giêng, chả nhè lại nói thêm không có băng. Lời bàn của Cốc Lương là sai.

三 月 作 邱 甲

TAM NGUYỆT TÁC KHUU GIÁP

THÁNG BA, LỖ ĐẶT RA THUẾ KHUU GIÁP

Một “tỉnh” có chín đình. Mười sáu tỉnh là một khuu. Bốn khuu là một “điện”. - Vậy mỗi khuu nộp một giáp nghĩa là bốn ngựa, mười hai bò, ba người lính có áo giáp, bảy mươi hai bộ binh. Vậy một khuu nay đóng thuế bằng bốn lần.

Tả Thị - Vì ngại nước tề cho nên đặt ra Khuu giáp.

Công Thị - Sao lại chép. Là để chê. Chê bắt đầu đánh thuế khuu.

Cốc Thị - Tác là làm, là nộp. Khuu giáp không phải là chính. Vì thời xưa, khi lập một quốc gia, có đủ trăm quan. Các nhà nông và công đều có phận sự thờ người trên. Thời xưa có bốn thứ dân: sĩ, thương, nông, công. Xét về “giáp”, không phải mọi người làm ra được. Khuu mà bắt làm giáp, không được là chính đạo.

Lưu Sưởng - Năm đầu đã đặt khuu giáp. Nước Lỗ không cần nhiều đức, chỉ cần nhiều sức, không chuộng thêm nghĩa, chỉ chuộng thêm quân. Cứ theo pháp chế vương giả mà luận bàn, thì làm ra khuu giáp là tội to. Chư hầu không được chuyên quyền đánh thuế, bắt lính. Đánh thuế chỉ để đủ ăn tiêu. Lấy lính chỉ để đủ giữ nước. Đủ ăn, đủ giữ, là dân tin. Vậy không được lạm quyền. Thuế do các tiên vương đặt ra, là vừa đủ ăn. Quân do các tiên vương định số, là để vừa đủ dùng. Nay không theo tiên vương, cứ lấy ý riêng định đoạt, thế là làm loạn đạo thường, phạm vào điều cấm kỵ của Thánh nhân. Đỗ Thị có nói: một cỗ xe, bốn ngựa chiến, mười hai con bò, ba giáp sĩ, bảy mươi hai bộ tốt, đó là thuế về việc quân của một “điện”. Nay Lỗ lấy làm thuế khuu. Tôi nhận thấy khuu chỉ là 16 tỉnh, mà điện là 64 tỉnh. Bắt khuu cung thuế điện, thế là bắt thuế nặng gấp bốn. Lỗ tất là không làm thế. Công Dương thì nói: Chê bắt đầu thuế từ khuu. Nói thế sai. Nếu thật là thế, thì Kinh đã chép: Khuu cung thuế giáp, chứ không chép đặt ra thuế Khuu giáp - Cốc Lương

thì nói: Khuu làm giáp. Nói sai. Xét, nếu sai dân làm giáp thì sao Kinh không chép tỉnh làm giáp, ấp làm giáp, nhà nông làm giáp, mà lại chép là khuu làm giáp.

Gia Huyền Ông - Thuyết Khuu Giáp, ba truyện không giống nhau. Công Thị và Cốc Thị cho là bắt dân Khuu đóng thuế, tự làm ra giáp, tựa như chưa phải ý của Kinh. Họ Đỗ thì cho là xưa bốn khuu là một điện. Điện nộp ba giáp sĩ. Nay bắt một khuu nộp số giáp một điện.

Người một khuu dẫu có nộp được số giáp một điện. Dù có đòi dân nhiều, cũng không thể đòi nhiều đến mức ấy. Xét về Chu Lễ, và Tư Mã Pháp, thì bốn khuu làm một điện là 576 dân phu, phải cung cấp ba người giáp sĩ, 72 bộ tốt. Nay mà thành khuu giáp, mỗi khuu cung một giáp, thì mỗi điện phải cung bốn giáp. Thế là binh chế xưa bị hỏng từ đây.

夏 臧 孫 許 及 晉 侯 盟 于 赤 棘

HẠ, TANG TÔN HỨA CẬP TẤN HẦU

MINH VU XÍCH CÚC

MÙA HẠ, TANG TÔN HỨA CÙNG XÍCH HẦU

THỂ TẠI ĐẤT XÍCH CÚC, ĐẤT NƯỚC TẤN

Tả Thị - Nghe nói Tề sắp đem quân đánh, mới có hội thể ở Xích Cúc.

Triệu Bằng Phi - Lỗ trước vẫn theo Tề. Về cuối đời Tuyên Công, Lỗ có xa Tề. Công Tôn Quy Phủ sang Tấn là phản Tề. Chưa kịp phản, thì Lỗ Tuyên Công mất. Quy Phủ chạy. Tề cùng Lỗ vốn vẫn chiều Tấn. Nhưng Tấn nghi: Quý Phủ ở Tề thì Lỗ tất là có nhị tâm với Tề. mà Lỗ cũng nghi Tấn là không tin mình. Cho nên có hội thể ở Xích Cúc, Lỗ thực là tuyệt với Tề. Chỉ Lỗ là nhờ Tề. Năm sau, Tề đánh biên giới bắc nước Lỗ ta, mà bốn vị Khanh họp quân đội Tấn để đánh trận đất An ở Tề. Muu chắc được định đoạt ở hội Xích Cúc.

秋王師敗績于茅戎

THU, VƯƠNG SƯ BẠI TÍCH VU MAO NHUNG

MÙA THU, QUÂN NHÀ VUA (CHU) BỊ THUA TÀN

Ở MAO NHUNG

Tả Thị - Mùa thu, sứ nhà vua tới báo cáo thua.

Công Thị - Ai đánh thua. Chính là Tấn. Hoặc cho là Mao Nhung. Nhưng sao không chép Tấn đánh cho thua. Vì đã là vương giả thì không có địch, ai dám địch.

Cốc Thị - Không chép chữ chiến, vì ai dám là địch. Vì tôn trọng thì tránh chữ địch, nhưng không phải tránh chữ thua. Vì thân thì tránh chữ thua, không tránh chữ địch. Đó là nghĩa tôn hạng đáng tôn, và thân hạng đáng thân. Thế thì ai đánh. Chính là Tấn.

Đỗ Dự - Không chép chữ chiến. Vương giả là bậc chí tôn, thiên hạ, ai là dám đương. Cho nên lời văn thì cứ như là tự mình thua. Không chép nơi thua. Chép Mao Nhung. Rõ ràng Mao Nhung đánh thua. Chép mùa thu là theo lời báo cáo.

Đạm Trợ - Công Dương bàn: ai đánh cho thua. Thực là Tấn. Hoặc cho là Mao Nhung. Nhưng sao không chép: Tấn đánh thua. Vì vương giả không có địch. Ví như Tấn đánh cho bại quân nhà vua, mà đổi làm Mao Nhung, thế tức là che cái xấu. Vậy Kinh còn răn dạy ai.

Gia Huyễn Ông - Cốc Lương bàn vì tôn trọng nên kiêng tránh nói đến địch, nhưng không kiêng tránh nói đến bại, Cốc Lương bàn thế, là chính lý. Còn như Cốc Thị, Công Thị đều cho rằng Tấn đánh quân nhà vua, việc đó chắc là không có.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Tang Tuyên Thúc nước Lỗ ra lệnh, bắt phu địch sửa khí giới, chiến cụ công thủ, và nói:

“Tề và Sở kết hiếu. Ta mới cùng Tấn thù. Tấn Sở tranh nhau ngôi mình chủ. Quân Tề sẽ tới đánh ta. Quân tấn cho có tràn vào Tề. Sở cũng cứu Tề. Tề Sở hợp nhau chống ta. Biết họa mà giữ gìn trước thì có thể tránh được họa”.

Cốc Thi - Quý Tôn Hàng Phủ (Lỗ) hỏi đầu. Khích Khắc (Tấn) chột mắt. Tôn Lương Phu (Vệ) thọt chân. Công Tử Thủ (Tào) gù lưng. Cùng một thời gian tới lễ sính nước Tề. Tề sai người hỏi đánh xe cho sứ sói, người chột mắt đánh xe cho sứ chột mắt, người khập khiễng đánh xe cho sứ thọt chân, người còng lưng đánh xe cho sứ gù. Tiêu Thái mẹ Tề Khoảnh Công ngồi trên Sùng đài nhìn ra, cười lớn, bên ngoài đều nghe thấy. Các sứ giận, đi ra, hợp nhau lại bàn định, rất lâu. Người Tề, người nào biết chuyện cũng đoán là khởi thủy tai họa cho nước Tề.

Phạm Ninh - Cốc Lương làm Truyện là thích nghĩa Kinh Xuân Thu, chưa từng có đặt ra chuyện mà trong Kinh không chép. Vậy nghĩ rằng dưới đông thập nguyệt ở Kinh, có câu Quý Tôn Hàng Phủ sang Tề, sáu chữ đó có lẽ bỏ sót.

Năm Nhâm Thân. Vua Định Vương năm thứ 18

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tân Canh năm thứ 11. Tề Khoảnh năm thứ 10. Vệ Mục năm thứ 11. Sái Canh năm thứ 3. Trịnh Tương năm thứ 16. Tào Tuyên năm thứ 6. Trần Thành, năm thứ 10. Kỷ Tuyên, năm thứ 48. Tống Văn, năm thứ 22. Tần Hoàn, năm thứ 16. Sở Cung, năm thứ 2.

春 齊 侯 伐 我 北 鄙

XUÂN, TỀ HẦU PHẠT NGÃ BẮC BỈ

MÙA XUÂN, TỀ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC TA

Tả Thi - Năm thứ 2. Mùa xuân. Tề Hầu đánh Bắc bỉ nước

Lỗ ta, vây ấp Long. Người cận vệ của Tề Hầu là Lư Bô tới cửa. Người đất Long bắt ngay. Tề Hầu cho nói nếu không giết thì sẽ hòa, mà không đem quân vào thành. Người ấp không nghe, giết đi, phanh thây trên mặt thành. Tề Hầu, tay đánh trống trận, thúc quân đánh, ba ngày vào được thành, rồi tràn vào Nam Lỗ cho tới đất Sào Khưu.

Gia Huyên Ông - Đây là nước Tề tranh giành với nước Tấn để làm chủ Lỗ. Trước kia, Lỗ Tuyên Công thờ Tề, Tấn cũng không có sinh chuyện. Nay người Lỗ bỏ Tề theo Tấn, có hội thể ở Xích Cúc, quân đội Tề tới ngay. Chép là “Tề Hầu đánh ta”, tức là chỉ mặt đặt tên, mà chê trách. Xét đã làm nhục sứ Tấn, lại đem quân tới Lỗ, thế là chí tự coi Tấn là thù địch, muốn đánh mà không tự lượng sức, thật đúng là Tề Khoảnh Công.

夏四月丙戌衛孫良夫帥師

及齊師戰于新築衛師敗績

**HẠ TỬ NGUYỆT, BÌNH TUẤT, VỆ TÔN LƯƠNG PHU,
SUẤT SỰ CẬP TỀ SỰ CHIẾN VỤ TÂN TRÚC,
VỆ SỰ BẠI TỊCH**

**MÙA HẠ, THÁNG TỬ, NGÀY BÌNH TUẤT, TÔN LƯƠNG
PHU NƯỚC VỆ CẦM QUÂN CÙNG QUÂN TỀ
GIÁP CHIẾN TẠI ĐẤT TÂN TRÚC (ĐẤT NƯỚC VỆ)
QUÂN VỆ BỊ TAN VỠ**

Tả Thị - Vệ Hầu sai Tôn Lương Phu, Thạch Tác, Ninh Tương. Hướng Cầm, cầm quân xâm nước Tề, gặp quân đội Tề. Thạch Tử muốn lui về, Tôn Tử nói: “Không nên. Dem quân đi đánh nước người, gặp quân đội nước người mà lại lui về vua sẽ nghi sao. Nếu biết là vô tài, thì đi làm gì. Nay đã ra đi, đã gặp địch, thì chỉ còn có việc đánh thôi”. Đây sử thiếu sót một đoạn, tức là đoạn đánh nhau, Vệ thua. Thạch Tác nói: “Quân thua rồi. Ông (Tôn Tử) nên dừng một chút. Nếu lại cứ đánh thì thua to. Mất hết quân, thì phục mệnh thế nào”. Không ai trả lời. Thạch Tác lại nói: “Ông là chức Khanh. Nước mất thì ông nhục. Xin ông

dem toàn quân lui. Tồi ở lại với một ít quân để chống Tề". Lúc đó, quân báo là có nhiều chiến xa tới. Quân Tề dừng lại tại đất Cúc Cừ. Viên giữ thành Tân Trúc tên là Trọng Thúc, Vu Hề tới cứu Tôn Hoàn Tử (Tôn Lương Phu). Hoàn Tử được thoát nạn.

Việc xong, Vệ thưởng cho Vu Hề một ấp. Vu Hề từ chối nhưng xin được dùng một vài thứ phẩm phục cho mình và một vài trang bị cho ngựa cưỡi như của vua chư hầu. Được chấp thuận.

Trọng Ni nghe chuyện có nói: "Tiếc thay, ban cho nhiều ấp còn hơn. Không có thực thì không nên cho hư hàm".

Vua cần phải cẩn thận để ý tới. Danh phải có tín. Có tín tức là có danh chức, thì có huy hiệu. Có huy hiệu thì có lễ nghi. Lễ nghi dạy cho hiểu nghĩa lý. Thì hành theo nghĩa lý mới có lợi cho dân. Đó là then chốt trong việc cai trị. Nếu chức tước giả dối, thì không còn gì là chính trị. Quốc gia sẽ hỏng, không cứu được.

Cúc Cừ là đất ở nước Vệ.

Xét - Trận đánh nhau ở Tân Trúc, người bàn cho là Vệ đánh Tề. Hoặc cho Tân Trúc là đất nước Vệ, và chiến đấu ở Vệ, thì lại là Tề đánh Vệ. Xét về sự tình, thì quân Vệ đánh quân Tề còn ở đất Vệ, mà quân Tề đánh thắng được Lỗ rồi, thừa thế đánh (phạt) Vệ. Hai quân gặp nhau ở Tân Trúc, Lương Phu làm mất quân, làm nhục nước, cho nên để làm chủ chiến, mà khi chép, dùng chữ cập là cùng. Cùng quân Tề giáp chiến.

六月癸酉季孫行斧臧孫許叔孫僑如公
孫嬰齊帥師會晉卻克衛孫良夫曹公子
首及齊侯戰于安齊師敗績

**LỤC NGUYỆT, QUÝ DẬU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ,
TANG TÔN HỨA, THÚC TÔN KIỂU NHƯ, CÔNG TÔN
ANH TÊ, SUẤT SƯ HỘI TẤN KHÍCH KHẮC, VỆ TÔN
LƯƠNG PHU, TÀO CÔNG TỬ THỦ, CẬP TÊ
HẦU CHIẾN VU AN. TÊ SƯ BẠI TÍCH**

**THÁNG SÁU, NGÀY QUÝ DẬU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ,
TANG TÔN HỨA, THÚC TÔN KIỂU NHƯ, CÔNG TÔN ANH
TÊ, CẦM QUÂN, HỢP VỚI TẤN KHÍCH KHẮC, VỆ TÔN
LƯƠNG PHU, TÀO CÔNG TỬ THỦ, ĐÁNH NHAU
VỚI TÊ HẦU Ở ĐẤT AN, QUÂN TÊ TAN VỖ**

An là đất nước Tê, Cốc Lương nói, An cách quốc đô Tê 500 dặm. Đồ Thông Điển bảo là đất An ở vào huyện Bình Âm, mà huyện này bây giờ cách Lâm Chuy 500 dặm, muốn như hợp với sách Cốc Lương. Nhưng theo Tả Truyện, thì từ lúc các quân hợp nhau cho đến lúc Tê thua, thì có một ngày. Núi Hoa Bất Chủ ở vào Tê Nam Thành Bắc cách Bình Âm 230 dặm, sao mà lại chạy nhanh tới được. Gắn đây sách mới có chưa là đất An xưa chính là đất Lịch Hạ. Có lẽ đúng.

Tả Thị - Tôn Hoàn Tử về Tân Trúc. Không vào Thành. Đi sang Tấn xin quân. Tang Tuyên Thúc cũng sang Tấn xin quân. Đều tới ở nhà Khích Hiến Tử, Tấn Hầu hứa cho 700 cỗ xe. Khích Tử nói: Đó là số xe dự trận Thành Bộc. Nhờ tiên quân sáng suốt, và các tướng tài ba, đã thắng trận. Khắc tôi cầm quân không được như các đại phu xưa xin cho 800 chiến xa. Vua chấp thuận. Khích Khắc làm tướng Trung quân. Sĩ Tiếp tướng Thượng quân. Loạn Thư tướng Hạ quân. Hàn Quyết giữ chức Tư Mã. Quân lên đường đi cứu Lỗ và Vệ. Lỗ, Tang Tuyên Thúc đi trước dẫn đường. Quý Văn Tử đem quân nước Lỗ mình hợp lại. Khi quân tới nước Vệ, Hàn Hiến Tử (Quyết) sắp xử trăm một

người. Khích Hiến Tử vội đi nhanh để cứu. Đến nơi thì tên đó đã bị hành hình rồi. Khích Tử cho báo cáo cho toàn quân biết. Riêng bảo tùy tùng: Tôi muốn chia với Hàn Hiến Tử lỗi trừng phạt đó.

Quân đội Tấn tìm tới quân đội Tề tại đất Sần trên đất nước Tề. Tháng sáu, ngày Nhân Thân, tới đất Mi Kê. Tề Hâu sai khiêu chiến và nói: “Ông đã đem quân nhà vua tới tề ếp. Sớm mai tôi xin đem ít quân tới yến kiến”. Tấn tướng đáp: “Tấn cùng Lỗ và Vệ là anh em. Lỗ, Vệ có cho báo là đại quốc sớm tối cũng đến để trút căm hờn cho Lỗ, Vệ. Quả nhân tôi, lòng bất nhẫn, có sai chúng tôi là thần hạ, tới xin đại quốc, không muốn cho chúng tôi ở lâu trên đất nhà vua, đã tiến thì không thoái được. Nhà vua không cần phải cho sứ tới lần nữa”. Tề Hâu nói: “Đại phu muốn thế nào thì quả nhân cũng muốn thế. Dù đại phu không thuận, tôi cũng tới yết kiến”.

Tề Cao Cố xông vào được trong quân đội Tấn, dùng đá ném đập một người, bắt được, nhảy lên xe của tù nhân, chạy về quân đội Tề, trói tù nhân vào gốc cây dâu, rêu rao: Ai mua dùng thừa của ta, ta bán cho. Ngày Quý Dậu, hai bên dàn trận tại đất An. Bình Hạ đánh xe cho vua Tề. Phùng Sửu Phu làm ngựa hù. Bèn Tấn thì Giải Chương đánh xe cho Khích Khắc. Trịnh Khuê Hoàn làm hù ngựa.

Vua Tề nói: “Ta giết hết chúng đã, rồi mới dùng cơm”. Thế là cho xe tiến, không cần khoác giáp sắt cho ngựa. Khích Khắc bị thương vì một phát tên, máu chảy xuống đến giày, vẫn cứ cầm dài thúc trống trận. Sau nói: Thôi ta yếu lắm rồi. Chương Hâu (Giải Chương) nói. Ngay từ lúc đầu, tôi đã bị hai phát tên, một vào bàn tay, một vào khuỷu tay. Tôi đã nhổ đi, rồi cứ cầm cương, bánh xe ta nhuộm máu, đâu tôi dám kêu đau. Xin ngài cố chịu khó”. Hoàn nói với Khích Khắc: “Từ lúc đầu, khi nào thấy hiểm trở, tôi xuống thúc ngựa, đẩy xe, ngài đâu có trông thấy. Nay sao ngài lại muốn thôi”. Chương Hâu lại nói với Khích Khắc: “Quân ta đều dễ mất đề tai vào cờ trống. Tiến hay thoái đều theo hiệu cờ, hiệu trống. Cốt có người lái xe ta có thể làm trọn việc. Nay ngài thấy mỏi mệt, không muốn đánh nữa, ngài định

làm hỏng việc nhà vua hay sao. Ai đã mặc giáp cầm gươm là đi thẳng vào chỗ chết. Ngài bị đau chưa đến chết. Xin ngài cố gắng gượng”. Thế là Chương Hầu tay trái cầm cương, tay phải cầm lấy đuôi đánh trống. Ngựa phi, không ngừng. Toàn quân theo, đánh tan quân Tề, đuổi theo ba vòng núi Hoa Bất Trụ.

Đêm hôm trước Hàn Quyết mê thấy cha bảo, lúc này con dừng nên ngồi bên tả hay bên hữu trên xe. Vì thế, Hàn Quyết mới ngồi giữa và cầm cương xe đuổi theo xe vua Tề. Bính Hạ bảo vua Tề, xin bắn tên đánh xe, trông ra về quân tử. Tề Hầu nói: “Biết là quân tử, mà lại còn bắn thế là trái lễ”. Vua mới bắn tả ngựa lặn xuống xe. Lại bắn người bên phải chết ngay trên xe. Cơ Vô Chương, đại phu Tấn, mất xe, gặp Hàn Quyết, xin nhờ xe. Hàn Quyết cho lên, bắt đứng sau, rồi cúi xuống đặt lại cho ngay ngắn xác hữu ngựa.

Phùng Sưu Phủ đổi chỗ cho Tề Hầu (để lừa địch: nhận mình là Tề Hầu). Khi xe tới gần suối Hoa Tuyền, ngựa tham vương vào cây, xe dừng lại. Trước kia, Sưu Phủ nằm ngủ trong chiếc bình xa, một con rắn bò dưới. Sưu Phủ tay không, đánh, bị cắn. Vẫn được dùng làm xa ngựa. Khi đó vì tay chưa lành, không gỡ nổi ngựa, bị Hàn Quyết đuổi tới. Hàn Quyết tưởng là vua Tề, cầm một vòng đai ngựa, quỳ trước ngựa, dập đầu, hai lạy, bưng cốc và ngọc bích dâng lên nói: “Quả quân sai thần xin cho Lỗ và Vệ, không muốn cho thần đem quân tới đất Tề, không may cho thần ở giữa quân không thể tránh được. Và lại, nếu trốn tránh e có hại cho hai nước Tề, Tấn. Thần vốn là vũ bị, dù vô tài, xin cầm cương giúp nhà vua trong trường hợp này”. Sưu Phủ bảo Tề Hầu (thực) xuống xe ra suối Hòa Tuyền lấy nước uống. Trịnh Chu Phủ đem một xe khác tới. Uyển Phạt ngồi bên hữu. Thế là cùng đem vua Tề thật lên xe, trốn thoát.

Hàn Quyết trình Sưu Phủ, Khích Hiến Tử biết, định đem chém. Sưu Phủ kêu lên: “Từ nay đừng có thay vua trong bước hoạn nạn. Đây là người đã thay vua mà sắp bị giết”. Khích Tử nghĩ ra người này chết thay vua, giết đi là bất thường. Nếu tha cho, có thể khuyến khích việc thờ vua. Thế là tha cho.

Tề Hầu thoát. Tự thân hành đi tìm Sưu Phủ. Dẫn đầu một

đạo quân Tề ba lần xông vào quân Tấn, ba lần bị đánh lui. Mỗi lần lui là đi đoạn hậu. Lần thứ ba, sa vào đám quân Dịch (về phe với Tấn). Nhưng, bọn Dịch đi quanh vua Tề, lấy gáo mộc che chở cho, đưa đến đám quân Vệ, quân Vệ để đi cho thoát (Dịch và Vệ vốn vẫn sợ thế Tề. Rồi Tề Hâu qua cửa Từ quan về Tề. Qua các thành ấp, đều bảo bọn Trấn Thủ, cố gắng đi, quân Tề ta thua rồi. Gặp một người đàn bà chặn giữa đường hỏi: “Vua có việc gì không”. Quân trả lời không. Lại hỏi: “Quan Chương Nhuệ Bình có việc gì không”. Trả lời không. Người đàn bà nói: “Vua và cha đã thoát, tôi còn cần biết thêm làm gì”. Thế là lui ra đi. Tề Hâu cho là biết lẽ, cho hỏi là ai, mới biết là vợ viên quan coi các doanh trại. Sau, vua cho viên đó áp Thạch Diếu.

Quân Tấn đuổi quân Tề, từ Khuư Dư vào đất Tề, rồi đánh thành Mã Hình. Vua Tề sai Tân My Nhân đem dâng Tấn ít đất các đồ quốc bảo, như Kỷ Ngạn, Ngọc Khanh, và dặn dò rằng: Nếu Tấn không chấp thuận thì coi Tấn muốn đòi những gì. Tân My Nhân vâng mệnh. Tấn không nhận và đòi cho Tiêu Đồng Thúc Tử sang làm con tin, lại đòi Tề phải sang sông qua các ruộng đồng, theo một chiều từ Tây sang Đông. Sứ thần nói với tướng Tấn: “Tiêu Đồng Thúc Tử là ai. Chính là mẹ quả nhân tôi. Hai nước ngang hàng, thì mẹ vua Tề cũng như mẹ vua Tấn. Ông muốn ra lệnh cho chư hầu mà lại bắt mẹ người ta làm con tin, thì mệnh lệnh còn ra sao. Thế là cái lệnh bất hiếu. Kinh Thi có câu: Con có hiếu, không có gì gọi là đủ sức, mà còn phải làm gương cho tôn tộc, cho thiên hạ. Nay lại lấy bất hiếu ra lệnh cho chư hầu, rồi lại muốn cho đồng loại bất hiếu. Còn như đất nước, thì tiên vương chia trị thiên hạ đã bảo phải tùy thế đất nước. Kinh Thi cũng có nói: Đất ta, ta trị, hoặc cho nước chảy theo tây đông, hay là theo nam bắc, tùy sở nghĩ. Nay ông bảo xé sông cho toàn một lối về đông, thế là chỉ lợi cho việc hành quân của ông, chứ không xét đến thổ nghi, có phải là trái với mệnh tiên vương không. Trái với nghĩa tiên vương thì còn làm mình chủ sao được. Nếu Tấn muốn theo gương bốn đời vương, thì phải trông đức cho mọi sứ, phải giúp dân tùy theo thổ nghi, cho dân được lợi. Năm vị Bá đều cố công gắng sức với dân, để theo kịp nếp các vị vương. Nay ông đã không nghĩ đến chư hầu,

chỉ nghĩ đến ý muốn riêng không bờ bến. Kinh Thi có câu: Chính sự vui vẻ, thì trăm hay đều tới. Nay ông bỏ việc vui, tức là bỏ một điều hay. Chư hầu đâu có hại. Quả nhân tôi sai tôi, tất có dẫn dò rằng: “Quân đội ngài sang nước tôi. Nước tôi nghèo không đủ thuế mà để khao quân. Sợ uy vua Tấn, quân đội tôi tán loạn. May cho nước Tề tôi nếu ông không diệt xã tắc tôi, thì xin cho nổi lại cự hiếu, đất đai cùng quốc bảo đâu có dám tiếc. Nếu ông không ưng thuận, thì chúng tôi đành thu thập tàn quân dựa thành quyết với ông một trận. Tề tôi mà thắng, thì sẽ liệu xin theo mệnh. Không may lại thua thì khi ấy, Tấn bảo gì chả được nghe”.

Lỗ và Vệ cùng can Tướng Tấn rằng: “Tề ghét ta lắm. Sẽ liệu chết, sống coi như chết. Nếu ngài không cho, thù sẽ thành to. Vả ngài còn muốn gì nữa. Ngài thì được quốc bảo. Chúng tôi được đất. Dân được yên. Danh giá được thêm. Việc Tề, Tấn đều có trời định đoạt, đâu riêng nước Tấn”. Tấn mới chịu và nói: “Chúng tôi đem quân đi là vì có lời Lỗ, Vệ xin. Nay đã được ý nhà vua, tôi sẽ tâu lại với quả nhân tôi, và xin vâng theo ý nhà vua. Tướng Lỗ là Cẩm Trịnh đem quân về phục mệnh.

Công Thi - Nước Tào không có đại phu. Công Tử Thủ sao được chép. Là vì coi việc nước.

Cốc Thi - Chép ngày là lối chép khi chiến, hoặc khi chiến xong. Còn như nước Tào, không có đại phu, sao lại chép Công Tử? Vì có bốn đại sư có mặt rồi, rồi nhắc lên hàng đại phu cho tôn quý hơn.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn, nước Tào không có đại phu, Công Tử Thủ sao được chép, là vì coi việc nước. Bàn thế sai. Kinh Xuân Thu không có lấy Lỗ thay Chu, tôi đã nói rồi. Nước Tào sao lại riêng không có đại phu. Nếu bảo là tiểu quốc không có đại phu, thế thì Trịnh cũng chỉ có tước bá, thì cũng không có đại phu hay sao. Vả lại Xuân Thu là chính danh các chư hầu, để ý đến tước, chứ không để ý đến rộng, hẹp, lớn, nhỏ. Tào, Trịnh, cùng hàng tước, một nước được có đại phu, một nước không được có, sao lại thế.

Trần Phó Lương - Các Tướng Sứ, nếu không là Khanh

thì không chép. Dù là Khanh mà không là Tướng Sứ, thì cũng không chép. Chép nước Lỗ, bốn vị Khanh, thế tức là mỗi vị Khanh là một tướng sứ. Từ cuối đời Văn Công, không có Phó sứ, đến nay không có chức Phó Tướng. Cái thế của ba nhà họ Hoàn ở Lỗ đã thành rồi. Thế rồi. Vệ thì chép Lương Phủ. Tào thì chép Công Tử Thủ. Thường công trận ở đất An. Tấn có sáu vị Khanh. Coi đó biết việc chinh phạt nay quyền ở đại phu, không riêng gì một nước Lỗ. Lấy đại phu bốn nước định việc đánh Tề thì rõ đại phu là thế nào.

Xét - Bốn nước đánh nước Tề ở đất An. Các đại phu hưng binh chỉ cốt báo thù lại cái nhục một tiếng cười. Cho nên kẻ bàn chuyện, cho là gây việc binh vì uất hận. Tuy nhiên, thời đó, thế Sở đang lên mạnh. Tề là một nước lớn ở phương đông, muốn giao hiếu với Sở. Tấn muốn phục lại nghiệp Bá, nếu không được Tề, thì các nước Lỗ, Vệ, Tào, Châu, sẽ chập chờn, chưa chắc theo ai. Cho nên có hội thề Đoạn Đạo, tuy chống Sở mà cũng là mưu việc Tề. Rồi đến hội thề Viên Lâu, thì Tề thôi không bội Tấn nữa, cũng được đến hơn 20 năm. Sở cũng nhụt nhuệ khí một chút. Nhờ đó mà nghiệp Bá của Tấn chưa đổ. thế thì trận đánh ở đất An, cũng làm cho được yên một chút.

秋七月齊侯使國佐如師己酉及
國佐盟于袁婁

**THU, THẮT NGUYỆT, TỀ HẦU SỨ QUỐC TÁ NHU SƯ
KỶ DẬU CẬP QUỐC TÁ MINH VU VIÊN LÂU
MÙA THU, THÁNG BẢY, TỀ HẦU SAI QUỐC TÁ SANG
QUÂN ĐỘI TẤN. NGÀY KỶ DẬU, QUỐC TÁ CÙNG
QUÂN ĐỘI MINH ƯỚC TẠI VIÊN LÂU**

Tả Thị - Mùa thu, tháng bảy, quân đội Tấn cùng Tề Quốc Tá thề tại Viên Lâu, bắt Tề phải trả Lỗ ta đất Văn Dương.

Phụ lục Tả Truyện - Lỗ Công hội với quân đội tấn tại đất Thượng Minh, hậu ban lộc cho ba vị Tướng sứ cùng các tướng khác theo chức vị.

Công Thị - Vua không sai sứ tới đại phu. Trong trường hợp này, sao lại sai? Là vì vua thoát bị bắt. Quân Tấn đem được vua Tề về. Tấn Khích Khắc bỏ đồ binh, tiến tới, hai lạy dập đầu trước ngựa. Phùng Sưu Phủ là Xa Hữu, diện mạo, y phục, giống như Khoảnh Công, lại ngồi vào chỗ Khoảnh Công, bèn tả, lại sai Khoảnh Công đi lấy nước uống, Khoảnh Công cầm hồ đi lấy nước, thế là đi thoát không trở lại. Phùng Sưu Phủ nói: Nhờ thần linh xă tắc, vua tôi đã đi thoát. Khích Khắc nói: Lừa dối ba quân, pháp luật trừng phạt thế nào, có biết không? Đáp. Giết đi. Thế là cho giết Sưu Phủ. Ngày Kỷ Dậu, quân đội Tấn, cùng Tề Quốc Tá thể tại đất Viên Lâu? Tại sao không thể ngay ở trong quân, mà lại tới thể ở Viên Lâu. Trước khi đó, Khích Khắc, cùng Tang Tôn Hứa, đồng thời tới sinh lễ tại nước Tề, Tiêu Đồng Diệt Tử (hoặc Thúc Tử, mẹ vua Tề) đứng lên nơi cao để dòm khách, thấy hai người, một người chột mắt, một người khiêng chân. Người chột mắt lại được người chột mắt đánh xe đón đưa. Người khiêng chân lại được người khiêng chân đánh xe đón đưa. Hai vị sứ khi đi ra, cùng đứng bàn với nhau ở cổng, gần hết ngày rồi mới đi về.

Người Tề đều bảo nhau, đó là dấu mối tai họa. Hai sứ khi về đến nước cùng xin đem quân đánh. Quân Tề thua to ở đất An. Tề Hậu sai Quốc Tá đi sứ sang quân đội Tấn. Khích Khắc bảo, phải biểu tạ ngọc Kỷ ngạn, phải trả cho Vệ, Lỗ, đất Tề xâm lăng, phải sẽ sông từ tây sang đông mà phải cho Tiêu Đồng Diệt Tử làm con tin. Có thể, mới tha. Quốc Tá nói: Lấy ngọc Kỷ ngạn, xin vâng. Trả Lỗ. Vệ đất xâm lăng xin vâng. Còn như bảo xẻ nước chảy từ tây sang đông và phải cho Tiêu Đồng Diệt Tử làm con tin, thì xẻ nước là trái với thổ nghi, mà Tiêu Đồng là mẹ vua Tề, cũng như mẹ vua Tấn, không thể vâng được. Vậy xin chiến, không thắng thì lại chiến, không thắng nữa, thì lại chiến nữa. Lần thứ ba mà không thắng, thì nước Tề hoàn toàn là của ông, còn cần gì một mình Tiêu Đồng làm con tin". Vái rồi lui ra. Khích khắc được các sứ Lỗ, Vệ, cùng khuyên và xin cho Tề, mới hứa chấp nhận. Đi tới Viên Lâu thì cùng thể.

Cốc Lương - An, cách xa quốc đô 500 dặm. Viên Lâu cách 50 dặm. Một lần chiến, mà mặt trận dài 500 dặm, chiến xa

nổi nhau, phía đông đến bể. Người trí thức bàn: “Quá lắm. Tề tự gây họa”. Tại sao. Tề đánh thua Vệ ở trận Tân Trúc, xâm vào biên giới phía Bắc nước Lỗ ta, coi thường triều cống Khích Hiến Tử. Việc Viên Lâu là sau trận Tề thua. Khích Khắc có cho biết: Tề phải trả cho Lỗ, Vệ đất đã xâm lược. Phải biểu Tấn, ngọc Kỷ ngạn. Phải cho Tiêu Đồng Thúc Tử làm con tin. Phải xẻ đường qua Tề từ Tây sang đông. Có thế mới cho hòa. Quốc Tá nói: “Hai điều là biểu ngọc và trả đất thì xin vâng. Còn điều lấy Tiêu Đồng Thúc Tử làm con tin thì không được vì Tiêu Đồng là mẹ vua Tề cũng như mẹ vua Tấn. Và điều làm ruộng cứ phải cho nước xẻ theo một chiều về đông thì trái thổ nghi, không được. Xin lại đánh nhau. Thua trận đầu, thì đánh trận hai. Thua trận hai, đánh trận ba. Thua trận ba, đánh trận tư, trận năm. Đến trận năm mà không được, thì biểu cả nước Tề”. Thế rồi quân đội Tấn thuận cho hòa.

Lưu Suồng - Tề hầu sai Quốc Tá sang sứ quân đội Tấn Công Dương có bàn: Vị vua không sai sứ tới vị đại phu. Đây sao lại sai. Vì vua thoát bị bắt. Bàn thế sai. Vua mà không thông sứ với đại phu, là ở trong thời bình yên vô sự. Nay hai nước đánh nhau. Tướng mà đang chỉ huy quân đội, thì có khi mệnh vua còn không nghe. Ví như mệnh vua có chỗ không nghe, thì biết là quan trọng, và chuyên chế. Như thế, mà vua Tề có cho thông sứ, thì có gì là hại.

Lại như truyện chư hầu hội với quân đội với quân đội Tấn ở Phi Lâm xưa, thực ra là quân đội Triệu Thuần, chép quân đội Tấn là ý không muốn cho vua hội với đại phu, vì thế chép quân đội Tấn mà không thể chép Triệu Thuần. Nay cũng chép là quân đội Tấn, thế là đủ lắm, là lời văn thường rồi. Sao còn bàn đến chuyện vua không thông sứ với đại phu.

八月壬午宋公鮑卒

BÁT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TỔNG CÔNG BÀO TỐT
THÁNG TÁM, NGÀY NHÂM NGỌ, VUA TỔNG TÊN LÀ BÀO MẤT

Tả Thị - Tháng tám, Tống Văn Công mất. Lần đầu Tống có lễ chôn trọng thế. Than để dùng trên quanh cữu, trong huyết

thì dùng than vò sò, vò hén. Dùng nhiều xe, ngựa, đồ mã. Lăn đầu tiên cho người sống, chôn theo. Dùng nhiều đồ về nghi lễ. Ngoài quách đặt bốn đòn ngang. Áo quan được trang sức chung quanh, trên dưới. Người trí thức có bàn: Các đại phu Hoa Nguyên và Nhạc Cừ trong trường hợp này không được là trung thần. Một trung thần khi vua sống, thì ngăn các điều trái của vua, dù có nguy đến tính mệnh. Nay hại bấy tôi đó, khi vua sống thì để cho vua túng dục, khi vua chết thì bày các thứ xa xỉ, làm cho vua mang tiếng không được tốt. Thế không phải là đạo làm tôi.

庚寅衛侯速卒

CANH DẦN, VỆ HẦU TỐT TỐT

NGÀY CANH DẦN, VỆ HẦU TÊN LÀ TỐT MẤT

Tả Thị - Tháng chín, Vệ Mục Công mất. Ba Tướng chỉ huy quân đội Tấn ở đất Tề về, tới quốc đô Vệ, khóc viếng trước cửa cung. Các quan ra nghênh tiếp. Vệ Phu nhân đứng khóc ở trong sân gần cửa. Rồi sau, các nghi lễ về chôn cất đều được theo đúng cả.

Phụ lục Tả Truyện - Khi Sở đi đánh Tần để trị tội họ Hạ thì Trang Vương muốn đem Hạ Cơ về. Thân Công Vu Thần nói: "Không nên. Nhà vua triệu các chư hầu tới để trị tội. Nay lại nạp lấy Hạ Cơ, thế là tham sắc, thế là dâm. Dâm là tội lớn. Trong Chu Thư có câu: Văn Vương làm sáng tỏ đức, dùng hình phạt thận trọng. Có thể mới lập ra nhà Chu. Sáng tỏ đức, nghĩa là có vung trồng đức. Hình phạt thận trọng, nghĩa là cốt trừ hết tội để khỏi trừng phạt. Nay nhà vua triệu các chư hầu để rồi đến mình lại đáng bị phạt thì như thế không phải là dùng hình phạt thận trọng. Xin nhà vua nghĩ lại". Trang Vương mới thôi.

Tử Phán muốn đem Hạ Cơ đi. Vu Thần lại can: "Đó là loại bất tường. Đã làm cho Tử Man chết non, đã giết chồng là Ngự Thúc, giết Linh Hầu, giết con là Hạ Nam, đã đuổi Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ, đã làm hại quốc gia, còn thứ bất tường nào hơn. Mong được sống, thật khó, vì người

ta có ai khỏi chết. Thiên hạ thiếu gì đàn bà đẹp. Cứ gì phải người ấy”. Tử Phần mới thôi.

Vua Sở đem Hạ Cơ cho tướng Liên Doãn là Tương Lão. Tương Lão sau chết ở trận Bật. Quân Sở không thu được xác (Tấn giữ). Con là Hắc Yêu thông dâm với Hạ Cơ. Vu Thần sai người báo Hạ Cơ: Về Trịnh đi, tôi sẽ cưới làm vợ. Rồi Vu Thần vận động làm cho Trịnh triệu Hạ Cơ về, báo cho biết rằng: Xác của Tương Lão có thể xin được nhưng Hạ Cơ phải thân hành xin mới được. Hạ Cơ tâu với vua Sở, Vua Sở hỏi Khất Vu tức là Vu Thần. Vu Thần nói: “Đúng đấy. Cha của Trí Anh là trọng thần của Tấn Thành Công, và là em cùng mẹ của Trung Hàng Bá, Tuân Lâm Phủ. Tuân Thủ (Cha Trí Anh) mới được phong làm Tá Trung quân, rất thân thiện với Hoàng Thù nước Trịnh. Cha rất yêu con, muốn cho con được tha về, chắc là nhờ Trịnh xin rồi Tấn sẽ trả ta Vương Tử, họ đã bắt được Trần ở đất Bật, cùng xác Tương Lão. Từ trận Bật, dân Trịnh sợ Tấn và muốn được lòng Tấn. Chắc là họ sẽ chấp nhận lời xin của Tuân thủ. Vua Sở mới sai Hạ Cơ về. Khi sắp ra đi, Hạ Cơ báo tùy tùng rằng, nếu không xin được xác, thì không về. Vu Thần xin cưới Hạ Cơ, vua Trịnh chấp thuận. Đến khi Sở Cung Vương lên ngôi, mới sửa soạn việc Dương Kiều (coi các trang sau), vua Sở sai Vu Thần (Khất Vu) sang Tề lễ sinh, và báo cáo thời kỳ suất sư, Vu Thần đem cả gia đình đi. Đi đường, bị Thân Thúc Quý gặp. Quý theo cha sang đất Đinh, có nói: “Lạ thay, Phu Tử phải lo chớ ba đạo quân, mà dáng mặt vui mừng, như là đem được vợ đi trốn”. Vu Thần khi tới Trịnh, sai người đem hết đồ lễ sinh về Sở, trả lại cho vua, ý muốn ở lại Tề với Hạ Cơ. Sắp đi sang Tề, thì thấy tin quân Tề thua, mới nói rằng: “Ta đừng nên ở trong nước nào không thắng. Thế là chạy sang Tấn, rồi nhờ Khích Tử, được làm quan ở Tấn, người Tấn phong cho đại phu đất Hình.

Sở Tử Phan xin vua Sở, lấy đồ lễ quý biếu vua Tấn, xin đừng dùng Vu Thần. Vua Sở nói: “Thôi. Trong mưu kế cho bản thân, ta thấy Vu Thần nhầm. Nhưng mưu kế cho tiên quân, ta thấy là trung. Vì Trung cho nên xã tắc được vững. Thế là đủ tha được nhiều lỗi. Và lại nếu Vu Thần lợi được cho Tấn, thì đồ lễ của

ta cũng không chuyển được Tấn. Mà nếu Vu Thần không có lợi cho Tấn, thì sẽ bị bỏ rơi, ta ngăn cản làm gì”.

Khi quân đội Tấn về đến nước, thì Phạm Văn Tử (Sĩ Tiếp) về sau cùng. Vũ Tử Sĩ Hội (là cha) bảo: “Con có biết là ai cũng mong đợi không”. Đáp: “Quân đội có công, cả nước đều mừng đón. Nếu con về trước, sẽ được tai mắt quan chiêm, thế là cướp mất danh của chủ suý. Vì thế, không dám về trước”. Vũ Tử nói: “Phải, đỡ bị ghen ghét”.

Khích Bá (Khích Khắc) yết kiến vua Tấn, vua nói: “Nhờ chủ suý mà ta được thắng”. Khích Khắc đáp: “Đó là nhờ nhà vua chỉ bảo, và nhờ các tướng. Thần có tài năng gì đâu. Khi Phạm Văn Tử vào chầu, vua khen cũng như khen Khích Bá. Văn Tử đáp: “Đó là cứ theo mệnh lệnh của Canh (Tuân Canh tướng Thượng quân” và pháp chế của Khắc. Thần là Tiếp có tài năng gì đâu”. Loan Bá vào chầu. Công Khen như khen mấy tướng trước. Đáp: “Đó là theo lời dặn bảo của Tiếp, quân sĩ cứ theo mà làm. Thần là Thư có tài năng gì”.

Dương Kiều là đất nước Lỗ.

取 汶 陽 田

THỦ VẤN DƯƠNG ĐIỀN

LẤY RUỘNG VẤN DƯƠNG

Công Thị - Được ruộng Vấn Dương là nhờ trận đất An

Đỗ Dự - Tấn sai Tề trả cho Lỗ, cho nên chép là lấy. Không phải được vì giao hiếu, cho nên không chép chữ qui là về.

冬 楚 師 鄭 師 侵 衛

ĐÔNG, SỞ SƯ, TRỊNH SƯ, XÂM VỆ

MÙA ĐÔNG, QUÂN SỞ, QUÂN TRỊNH XÂM NƯỚC VỆ

Cao Kháng - Trịnh theo Sở mà đầu nêu việc đánh nước Vệ đang có tang. Thật là nổi giận cho giặc dễ đánh họ hàng thân thích. Giết đi chưa hết tội. Chép Trịnh dưới Sở để rõ tội Trịnh.

十有一月公會楚公子嬰齊于蜀

**THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI SỞ
CÔNG TỬ ANH VỀ VU THỰC**

**THÁNG 11, LỖ CÔNG HỘI VỚI SỞ
CÔNG TỬ ANH TẾ TẠI ĐẤT THỰC**

Tả Thị - Lỗ Tuyên Công sai sứ cầu giao hiếu với Sở. Tuyên Công mất, Sở Trang Vương mất. Hòa hiếu chưa thành. Lỗ Thành Công lên ngôi, chịu hòa ước với Tấn, hội với Tấn đánh Tề. Người Vệ thôi không cho sứ sang Sở và cũng hội với Tấn để cho Tấn đánh Tề. Cho nên lệnh Doãn Sở tên là Tử Trọng gây ra việc Dương Kiều để cứu Tề. Lúc sắp hưng binh, thì Tử Trọng nói: “Vua thì bé (12 tuổi) quần thần không bằng các quan xưa. Quân đội ta có đông hơn mới mạnh. Trong Kinh Thi có câu: Các tướng đầy rẫy. Nhờ các tướng mà Văn Vương vững được ngôi. Xét đến Văn vương mà còn cần quân đội đông hướng chỉ là chúng ta. Và lại tiên quân Trang Vương có dặn rằng: Khi mà không cho tứ phương ở xa, được nhờ ân đức mình, thì không gì bằng ra ơn cho dân mình, thương dân, khéo cùng dân.”

Thế là Tử Trọng kiểm soát lại dân số. Hạng khốn khó được hết vay nợ, hạng già, quả, được trông nom, cùng khốn được giúp đỡ, tội phạm được giảm xá. Quân đội thành đầy đủ. Thị vệ cũng phải tòng quân. Tướng Bành Danh làm xa ngự cho vua (dù vua bé không ra trận nhưng xe vua cứ đi), Sái Cảnh Công làm Xa Tả. Hứa Linh Công, làm xa hữu. Hai vị Công này tuy ít tuổi nhưng được coi là thành niên.

Mùa đông, quân Sở xâm nước Vệ, rồi đánh quân Lỗ ta ở đất Thực. Lỗ Công sai Tang Tôn tới quân Sở. Tang Tôn từ chối nói: “Quân Sở đã đi xa, lại lâu ngày, rồi phải tự lui. Tôi không có tài gì mà sẽ được tiếng là làm cho giặc lui. Tôi không dám nhận tiếng đó”. Sở tiến tới Dương Kiều. Mạnh Tôn xin tới hồi lộ quân Sở. Dem đi bọn thợ mộc, thợ may, thợ dệt tất cả trăm người và Công Tử Hành (con Lỗ Thành Công) để làm con tin, xin hòa với Sở. Sở chấp thuận.

Cốc Thị - Sở không có đại phu. Sao chép chữ Công Tử. Vì Anh Tề giỏi.

Đạm Trợ - Cốc Lương bàn, Sở không có đại phu. vậy sao chép chữ Công Tử. Vì Anh Tề giỏi. Truyện có chỗ nói Sở Phủ không chép họ vì giỏi, chỗ này lại nói chép họ là giỏi. Sao truyện tự mâu thuẫn thế.

申公及楚人秦人宋人陳人衛人鄭人
齊人曹人邾人薛人甄人盟于蜀

**BÍNH THÂN, CÔNG CẬP SỞ NHÂN, TÂN NHÂN,
TỔNG NHÂN, TRẦN NHÂN, VỆ NHÂN, TRỊNH NHÂN,
TỀ NHÂN, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN, TIẾT NHÂN,
TẮNG NHÂN, MINH VU THỤC**

**NGÀY BÍNH THÂN, LỄ CÔNG CÙNG NGƯỜI SỞ,
NGƯỜI TÂN, NGƯỜI TỔNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI VỆ,
NGƯỜI TRỊNH, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI TIẾT,
NGƯỜI TẮNG HỘI THỂ Ở ĐẤT THỤC**

Tả Thị - Tháng 11, Lễ Công làm lễ thể tại đất Thục với Sở Công Tử Anh Tề. Sái Hầu, Hứa Nam, đại phu Duyệt nước Tân, đại phu Hoa Nguyên nước Tống, Công Tôn Ninh nước Trần, Tôn Lương Phu nước Vệ, Công Tử Khứ Tật nước Trịnh, một đại phu nước Tề. Không chép các vị Khanh, Minh ước ấy gọi là “Quý minh”, nghĩa là thiếu sót, không đủ, không thi hành được. Sở Tấn, cho nên trộm thể với Sở, vì thế gọi là Quý minh. Sái Hầu và Hứa Nam, Kinh không chép vì cùng ngồi trên xe của Sở thể là mất ngôi vị.

Người quân tử bàn Ngôi vị không nên không cẩn thận. Vua Sái, Vua Hứa, khi đã mất ngôi thì không được liệt vào hàng các vua chư hầu. Kinh Thi có câu: Ở ngôi mà không lười nhác, thì dân được yên vui. Chính là trường hợp này.

Phụ lục Tả Truyện - Quân Sở với Tống. Công Hành (contin) trốn chạy về Lỗ. Tang Tuyên Thúc nói: Hành Phủ không

cổ nhần nhục được vài năm, đã bỏ việc nước, nước sẽ đổi sử ra sao. Ai gỡ được lỗi. Người sau sẽ chịu kết quả. Thật là hại cho nước. Trong cuộc chiến này, Tấn đánh Sở, ngại quân Sở đông.

Người quân tử bàn: Quân đông vẫn là cần. Vua dù có bé, các tướng, có được nhiều quân vẫn cứ thắng, huống chi là, có được vua sáng, biết sử dụng nhiều quân. Trong Kinh Thư, thiên Đại thệ, có nói: Nhà Thương, có đông người, mà mỗi người mỗi ý, nhà Chu có mười người trị nước mà mười người một chí hướng. Điều là nói đến sự quan trọng của số đông.

Tấn Hầu sai Cung Sóc tới triều nhà Chu, hiến người, vật, thu được của Tề. Thiên Tử không ra coi người và vật hiến tới, cho Thiên Tương Công từ tạ rằng: “Các Xứ Man, Di, Nhung, Địch mà không theo mệnh Thiên Tử, dâm dật, trái đạo thường, Thiên Tử cho trừng phạt, các người, vật thu được hiến tới triều đình. Thiên Tử thân coi châu và tùy lao các vị đã thắng. Thế là trừng phạt kẻ bất kính, khuyến khích người công lao. Khi một chư hầu trong hàng tôn thất, có hành động trái pháp lệnh Thiên Tử, đã bị trừng phạt theo lệnh Thiên Tử thì khi thành công, nước thành công chỉ có việc báo cáo thôi, chứ không đưa người, vật, thu được tới triều đình. Như thế là để nhắc cho hàng “chư hầu thân thích” đối với vua phải kính, và cần đối với bản thân phải sửa lỗi. Nay Thúc phụ đã có công lao ở Tề, nhưng sao lại không sai một mệnh Khanh (vị Khanh có chức phong do Thiên Tử) tới báo cáo triều đình. Chỉ sai một người là Cung Bá, chưa có chức tước ở triều Chu, đó là một việc thiếu sót lễ nghi tiên vương đã đặt ra. Dù tôi muốn chiêu Cung Bá, cũng không dám bỏ điển lễ cũ, e rồi có hại lây đến Thúc Phụ (vua Tấn). Còn như Tề, là nước cô hữu, mà là dòng dõi Thái Sư, giá như ngăn cấp khuyến can được từ trước đừng cho phóng túng làm bậy, thì đâu đã làm cho Thúc Phụ phải giận”.

Sĩ Trang Bá Cung Sóc không đáp lại được.

Vua sai ba vị Tam Công tiếp đãi Cung Sóc, theo lễ đối với vị mà các chư hầu thắng trận sai tới báo công lễ có kém vị Khanh một bậc. Thiên Tử thiết tiệc, ban lộc riêng, sai bảo cho biết, những đồ ban đó là riêng, ra ngoài lễ, vậy không chép vào thẻ (sử sách).

Công Thị - Đây là Sở Công Tử Anh Tề. Chép là người. Thế là một lần bị chê.

Cốc Thị - Sao sở lại chép là người. Từ đó Lỗ Công được thích nghi. Hội nghị với Hội thể, mà cùng trong tháng thì chỉ chép nơi hội nghị, không chép nơi hội thể. Nếu không cùng trong tháng, thì chép nơi hội nghị, không chép nơi hội thể. Nếu không cùng trong tháng, thì chép nơi hội nghị, và chép nơi hội thể. Ở đây lại chép cả hai nơi là tại sao. Là vì Lỗ công được việc thích nghi, vậy nói cho rõ việc. Nay cúi đầu là trước vênh mặt.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo chép là người là một lần chê. Tôi không hiểu chê về việc gì. Còn Cốc Lương bàn thế là sai. Hội nghị thì có một bước. Hội thể thì có mười một nước. Tháng 11, Lỗ Công hội với Sở Công Tử Anh Tề tại Thục. Ngày Bính Thân, Công thể ở Thục với người Sở, Tần, Tống, Trần, Vệ, Trịnh, Tề, Tào, Châu, Tiết, Tảng. Vậy thế là hai hội, hội nào cũng chép nơi hội. Đúng lý lắm. Có gì mà bảo là bày ra cho rõ.

Trình Tử - Sở mạnh thịnh, khinh ngược chư hầu. Chư hầu ví như giữ vững được lãnh thổ, các nước lân cận, giao hiếu, kết hợp với nhau, thì sao không tự yên được, nay sợ mà phục Sở, cùng ký minh ước, cho nên đều chép là người, thế thấy rõ cách suy hèn, đã trách chư hầu, thì Lỗ phải làm thế nào, dễ hiểu.

Xét - Sở và Tần ghi lên trên các chư hầu, thế là kể đến mạnh lớn. Sử cũ cứ theo lời phó cáo. Thánh nhân cũng nhân sử ấy mà chép. Sái và Hứa mà không chép thì Tả thị bàn đúng đấy.

Năm Quý Dậu. Vua Định Vương, năm thứ 19

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ BA

Tấn Cảnh, năm thứ 12. Tề Khoảnh, năm thứ 11. Vệ Định Công tên là Tang, năm đầu. Sái cảnh, năm thứ 4. Trịnh Tương năm thứ 17. Tào Tuyên, năm thứ 7. Trần Thành, năm thứ 11. Kỳ Hoàn, năm thứ 49. Tống Cung Công tên là Cổ năm đầu. Tần Hoàn, năm thứ 17, Sở Cung, năm thứ 3

春王正月公會晉侯宋公衛侯曹伯伐鄭
**XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU,
TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ PHẠT TRỊNH**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỄ CÔNG HỘI TẤN
CÔNG, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ ĐỂ ĐÁNH TRỊNH,**

Tả Thị - Năm thứ 3. Mùa xuân. Chư hầu đánh Trịnh, dùng quân tại Bá Ngưu, đất Trịnh, muốn báo thù trận Bật trước. Rồi tràn vào miền đông nước Trịnh. Trịnh Công Tử Yên cầm quân chống lại, đặt phục binh ở Mạn, đất biên giới phía đông nước Trịnh, đánh được quân chư hầu tại Khuu Dư, đất trịnh. Hoàng Thù đem nộp Sở đồ vật, và người bắt được của địch.

Gia Huyền Ông - Lỗ, Vệ, Tống, Tào, bỏ Sở cường thịnh, mà theo Tấn suy nhược để đánh nước có tội, đó là Xuân Thu vốn vẫn khen. Bốn nước thì chép cả tước, để Tấn lên đầu, tức như còn cho là Tấn là Bá.

辛亥葬衛穆公
TÂN HỘI, TÁNG VỆ MỤC CÔNG
NĂM TÂN HỘI, LỄ CHÔN VỆ MỤC CÔNG

二月公至自伐鄭
NHỊ NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH
THÁNG HAI, LỄ CÔNG TỪ ĐÁNH TRỊNH VỀ LỖ

甲子辛宮災三日哭
GIÁP TÝ, TÂN CUNG TAI, TAM NHẬT KHỐC
NGÀY GIÁP TÝ, TÂN CUNG CHÁY, LÀM LỄ KHỐC BA NGÀY

Công Thị - Tân Cung là cung miếu Tuyên Công. Gọi là Tân Cung, vì không nở gọi tên. Ba ngày khốc là theo lễ. Đây là chép một tai họa.

Cốc Thi - Tân cung là Nễ cung. Ba ngày khóc, là ai thương, là theo lễ. Vì còn gần ngày, chưa gọi thụy hiệu (Tuyên Công) là cung kính. Lời cung mà ai, thế là ý không trách Thành Công.

乙亥葬宋文公

ẤT HỢI, TÁNG TỔNG VĂN CÔNG

NGÀY ẤT HỢI LỄ CHÔN TỔNG VĂN CÔNG

夏公如晉

HẠ, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA HẠ, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thi - Mùa hạ, Công sang Tấn, tạ ơn việc nhận ruộng Văn Dương.

Uông Khắc Khoan - Hi Công lấy Tề Tây diên, mà sai Công Tử Toại sang Tấn tạ ơn, đã không được là chinh. Huống hồ Thành Công lấy ruộng Văn Dương mà thân sang châu vua Tấn. Tề Tây, Văn Dương đều là ruộng đất cũ của Lỗ, nay cho là nhờ ơn nước Bá, mà tới triều sinh. Coi đó biết Lỗ không chán hưng được.

鄭公子去疾帥師伐許

TRỊNH CÔNG TỬ KHÚ TẬT SUẤT SƯ PHẠT HỨA

TRỊNH CÔNG TỬ KHÚ TẬT CẨM QUÂN ĐÁNH HỨA

Tả Thi - Hứa cậy Sở mà không thờ Trịnh. Tử Lương (Khú Tật) đánh Hứa.

Trương Hiệp - Tấn đương giận Trịnh không phục mình. Đó là một mối lo cho Trịnh, chưa thôi, chưa hết. Thế mà Trịnh lại giận Hứa là không theo mình, lại sai tướng động binh để đánh Hứa. Thế mới biết Trịnh không biết xét đức mình, và đo sức mình.

公 至 自 晉
CÔNG CHÍ TỰ TẤN
LỖ CÔNG TỬ TẤN VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Người tấn trả Sở Công Tử Cốc Thần và thi thể Liên Doãn Tương Lão, để đổi lấy Trí Anh. Khi đó Tuân Thủ bố Trí Anh coi Trung quân bên Tấn. Vì thế Sở mới bằng lòng đổi. Vua Sở, khi cho Trí Anh về, có hỏi: Người có oán ta không. Đáp: "Hai nước đương có việc binh nhưng, thần vì bất tài, không đương nổi nhiệm vụ, bị bắt. Các tướng nhà vua đã không đem làm thịt, lại cho về chịu tội ở tề quốc, thật là nhờ lượng nhà vua. Thần rõ là bất tài, còn dám oán gì". Hỏi: "Thế thì có ơn ta không". Đáp: "Hai nước đang lo việc xã tắc, đang mong cho dân yên, nước nào cũng cố nén nổi khích hiềm, cùng khoan hòa, cùng thả tù, để kết hiếu. Hai nước mà giao hiếu, thần đâu có được dự, thì đâu dám có ơn". Hỏi: "Người về, sẽ báo đáp ta thế nào"? Đáp: "Nhờ trí sáng suốt nhà vua, thần được đem thân về, để vua thần trị tội, thì ơn riêng nhà vua thần vẫn nhớ. Nếu theo gương nhà vua, mà bản quân không làm tội, lại giao cho ngoại thần là Tuân Thủ, Tuân Thủ sẽ xin với bản quân làm tội thần trước gia miếu, thần chết, lượng trên nhà vua vẫn nhớ. Nhưng nếu thần được tha, được giữ việc cúng tế nhà thờ, mà lại cứ tòng sự trong quân đội phòng giữ biên cương, rồi sẽ gặp các tướng của quý quốc, thần sẽ xin hết sức cho đến chết để làm tròn phận sự, không sinh hai lòng, theo đúng đạo làm tôi đối với vua. Đó là thần báo đáp nhà vua đó". Vua Sở nói: "Nước Tấn chưa có thể đánh được". Trọng đãi Trí Anh rồi cho về.

Hồ Truyện - Tuyên Công mất đến nay đã ba năm, hết tang. Đáng nhẽ phải vào châu Kinh sư, nhận mệnh, rồi mới về nước tuyên chính, coi xã tắc làm trọng. Thế mà nay không triều nhà Chu, lại lấy cớ tạ ơn: được lấy lại đất Vấn Dương đi châu nước Tấn, hành vi thật là trái đạo. Vì thế, mới phải có Kinh Xuân Thu.

秋叔孫僑如帥師圍棘

THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ SUẤT SU VI CÚC
MÙA THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ CẨM QUÂN VÂY
ẤP CÚC TRONG ĐẤT VẤN DƯƠNG

Tả Thị - Mùa thu, Thúc Tôn Kiều Như vây đất Cúc để lấy ruộng Văn Dương. Ấp Cúc không phục, cho nên phải vây.

Công Thị - Cúc là ấp ở đất Văn Dương, không chịu phục tòng. Vây vì dân không theo.

Hồ Truyện - Xét đến việc Văn Dương trong Truyện Tả Thị, thì dân Cúc không phục cho nên phải vây. Đi nhận lại ấp cũ, mà dân không nghe, đến nỗi phải sai Thượng tướng dùng đại binh, vây ấp, đánh thành là thế nào. Lỗ ở thời đó, mới đánh thuế ruộng tư, đặt ra thuế Khuê giáp sưu dịch càng ngày càng nặng. Cúc tuy là được trở lại với nước cũ, nhưng không muốn vì lẽ ấy chẳng. Thành Công không biết giảm sưu dịch, tu đức chính, để được dân, mà lại cứ đem quân lực đàn áp, dù có được rồi cũng đến mất.

大 雩

ĐẠI VU

LỄ CẦU ĐÀO

晉郤克衛孫良父伐屠咎如

TẤN KHÍCH KHẮC, VỆ TÔN LƯƠNG PHỦ,
PHẠT TƯỜNG CAO NHƯ

KHÍCH KHẮC NƯỚC TẤN, TÔN LƯƠNG PHỦ NƯỚC VỆ ĐÁNH
TƯỜNG CAO NHƯ, MỘT NGÀNH TRONG GIỐNG XÍCH ĐỊCH

Tả Thị - Tấn Khích Khắc, Vệ Tôn Lương Phủ, đánh Tường Cao Như là giống Xích Dịch còn sót lại. Rợ đó tan rã, vì Từ Trường bị dân bỏ.

Hồ Ninh - Kinh Xuân Thu không chép việc Tường Cao Như tan rã, Tấn đã diệt các rợ trong giống Xích Địch như Lộ Thị, Giáp Thị, Lưu Hưu. Còn sót lại, đều tụ tập vào rợ Tường Cao Như. Thế mà lại giết cho hết thì không phải là tâm người có đức nhân. Họ Đoàn xin diệt giống rợ Khương. Rợ Khương tuy diệt mà nhà Hán cũng mất. Đời sau, đâu có hết cái họa rợ Khương, Tường Cao Như tan rã, Kinh không chép mới rõ tình ý Thánh nhân.

冬十有一月晉侯使荀庚來聘

**ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT,
TẤN HẦU SỬ TUÂN CANH LAI SÍNH
MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, TẤN HẦU SAI
TUÂN CANH TỚI LỄ LỄ SÍNH**

衛侯使孫良夫來聘邴午及荀庚盟

丁未及孫良夫盟

**VỆ HẦU SỬ TÔN LƯƠNG PHU LAI SÍNH. BÌNH NGỌ,
CẬP TUÂN CANH MINH. ĐÌNH MÙI CẬP
TÔN LƯƠNG PHU MINH**

**VỆ HẦU SAI TÔN LƯƠNG PHU TỚI LỄ LỄ SÍNH, NGÀY
BÌNH NGỌ LỄ CÙNG THỂ VỚI TUÂN CANH,
NGÀY ĐÌNH MÙI, LỄ CÙNG THỂ VỚI TÔN LƯƠNG PHU**

Tả Thị - Mùa đông tháng 11, Tấn Hầu sai Tuân Canh tới lễ sinh, và để thể, tức là ký minh ước. Vệ Hầu sai Tôn Lương Phu tới lễ sinh và để thể. Lỗ Công hỏi Tang Tuyên Thúc rằng: "Trung Hàng Bá (Tuân Canh) ở Tấn giữ chức Tam Mệnh là ngôi thứ cao nhất. Tôn Tử (Lương Phu) ở Vệ cũng là ngôi thứ cao nhất. Vậy đặt ai trước ai sau"? Tang Tuyên Thúc đáp: "Thượng Khanh của nước nhỏ thì bằng Trung Khanh của nước lớn. Trung Khanh của nước nhỏ thì bằng Hạ Khanh của nước lớn. Hạ Khanh của nước nhỏ thì bằng Thượng đại phu của nước lớn. Thượng đại

phu của nước nhỏ thì bằng Hạ đại phu của nước lớn. Cổ Pháp chế là như thế. Nước Vệ tuy là không kém nước Tấn, nhưng vua Tấn là minh chủ. Vậy Tấn ở trên". Ngày Bính Ngọ lễ thề với Tấn. Ngày Đinh Mùi, lễ thề với Vệ. Thế là đúng lễ nghi.

Công Thị - Trong việc sinh lễ này, lại chép cả thề, là tại sao. Là muốn nói: nối thề xưa.

Cốc Thị - Chép ngày là có Lỗ Công dự. Tới lễ sinh mà xin thề, chép không dùng chữ cập, là lấy nước thề với nước. Không chép nhân, người cũng thế. Không chép chữ cầu, xin là vì hai nước cùng muốn thề với nhau.

Xét - Tuân Canh và Tôn Lương Phu vừa lễ sinh vừa lễ thề. Tả Thị, Công Thị đều cho là muốn, tìm, cầu thề. Thế tức là hai bày tôi sinh và thề đều đã được mệnh vua sai, chứ không phải chỉ phụng mệnh tới lễ sinh, mà rồi tự chuyên quyền cùng với Lỗ thề. Lưu Sưởng bàn là chuyên quyền sinh sự. Bàn sai, Sưởng lại bàn rằng không có liên hệ gì đến nước, để thấy việc là bày, không nhớ là phụng sứ mà tới, đã chép chữ Tấn Hầu. Vệ Hầu, thì đến lễ thề sao lại không liên hệ đến Tấn, đến Vệ.

鄭伐許

TRỊNH PHẠT HỨA

NƯỚC TRỊNH ĐÁNH NƯỚC HỨA

Phụ lục tả truyện - Tháng 12, ngày Giáp Tuất, Tấn Hầu lập sáu đạo quân, mỗi đạo quân 12.500 người. Hàn Quyết, Triệu Quát, Củng Sóc, Hàn Xuyên, Tuân Chuy, Triệu Chiên, đều được phong làm Khanh để thưởng công thắng trận An.

Tề Hầu tới châu Tấn, vừa định dâng ngọc bích cho vua Tấn, Khích Khắc vội bước lên nói: "Nhà vua tới lần này là vì phu nhân cười giễu, vậy quả quân tôi đâu dám nhận ngọc". Tấn Hầu đặt tiệc mời Tề Hầu. Tề Hầu trông thấy Hàn Quyết. Hàn Quyết nói: "Nhà vua có nhận ra Quyết này không". Vua Tề nói: "Y phục nay có khác (trước ở mặt trận có quân phục)". Quyết bước lên dâng cốc nói: "Thần trước không dám liều chết, là còn muốn hai vua cùng ngồi chuyện trong cung này".

Khi Tuân Anh bị giam giữ ở Sở, có người lái buôn nước Trịnh bàn mưu, định giấu vào trong một cái bao túi rồi đem ra khỏi nơi giam giữ. Mưu bàn xong, chưa thi hành, thì Tuân Anh được thả về Tấn. Khi người lái buôn sang Tấn, Tuân Anh thấy mừng lắm, như là thấy người cứu mình. Người lái buôn nói: "Tôi không có công giúp ngài, đâu dám nhận ơn ngài. Tôi chỉ là hạng thường dân, không dám mong người quân tử hậu đãi". Thế là đi sang Tề.

Hồ Truỵện - Tấn và Sở cùng tranh được Trịnh, Trịnh theo cả hai. Đến khi bị thua ở trận Bật, mới phải chuyển tâm về Sở. Tấn dù có đem quân tới, Trịnh cũng không theo. Đến nay mới được một năm mà đã trở lại đánh Hứa, thì quá lắm. Đã không biết chọn lấy con đường nghĩa mà theo, lại ăn hiếp kẻ suy yếu, cô đơn, trong một năm, hai lần dùng binh đánh nước láng giềng, thế sao mà chẳng là quá lắm.

Khổng Dĩnh Đạt - Kinh chép thẳng là nước Trịnh. Truỵện không chép. Biết là lời văn báo cáo cho Lỗ sơ lược, cho nên Sở chép thế. Giả Quỳ có nói: "Trịnh là nước nhỏ, tranh giành với nước lớn là để lấy uy thế với chư hầu. Lần thứ hai đánh Hứa, không chép tướng suý, như là chê trách, không biết gì". Năm đó, mùa hè, Trịnh Công Tử Khứ Tật cầm quân đánh Hứa, trước sau không có lời trách. Vậy riêng lần này sao lại báo là chê trách.

Xét - Việc thề ở đất Thục, chư hầu phải theo Sở, phần đông là bắt đắc dĩ. Như Hứa, Sái, nước nhỏ bị uy hiếp, thì không đáng trách. Trịnh là nước trong vòng đất Cơ nội, vì trận thua ở Bật mà bỏ Tấn đã đánh nước Vệ, rồi trong một năm hai lần đánh Hứa, cho nên Xuân Thu chê ghét, Hồ Truỵện nhân đó cho là Trịnh không chọn đường nghĩa để noi theo, lại còn áp bức nhỏ yếu, không chép tướng suý cầm quân. Khổng Dĩnh Đạt, bàn theo Đỗ Thị, cho là chép theo lời báo cáo sơ lược mà bác lời bàn của Giả Quỳ trước sau hai lần đánh Hứa không có lời chê sao lại cho lần này là chê. Lời bàn nghe ra có lý, vậy chép cả ra đây.

Năm Giáp Tuất. Vua Định Vương năm thứ 20

四 年
TÚ NIÊN
NĂM THỨ 4

Tấn Cảnh, năm thứ 13. Tề Khoảnh, năm thứ 12. Vệ Định, năm thứ 2, Sái Cảnh năm thứ 5. Trịnh Tương, năm thứ 18. Tào Tuyên, năm thứ 8. Trần Thành, năm thứ 12. Kỷ Hoàn năm thứ 50. Tống Cung, năm thứ 2. Tấn Hoàn, năm thứ 18. Sở Cung, năm thứ 4.

春 宋 公 使 華 元 來 聘
XUÂN, TỔNG CÔNG SỬ HOA NGUYÊN LAI SÍNH
MÙA XUÂN, TỔNG CÔNG SAI HOA NGUYÊN TỚI
LỖ LỄ SÍNH

Tả thị. Năm thứ 4, mùa xuân, Tống Hoa Nguyên tới sinh. Lỗ giao hiếu với vua Tống mới nối ngôi.

三 月 壬 申 鄭 伯 堅 卒
TAM NGUYỆT, NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ KIÊN, TỐT
THÁNG BA, NGÀY NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ TÊN LÀ KIÊN
MẤT

杞 伯 來 朝
KỶ BÁ LAI TRIỀU
KỶ BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị. Kỷ Bá tới châu. Nguyên nhân là để cho Thúc Cơ về Lỗ (đuổi về). Thúc Cơ là vợ Kỷ Bá, em gái vua Lỗ.

Đỗ Dự. Sắp đuổi Thúc Cơ. Trước tiên, hãy làm lễ châu để nói rõ sự tình.

夏四月甲寅臧孫許卒

HẠ, TỬ NGUYỆT, GIÁP DẦN, TANG TÔN HỨA TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY GIÁP DẦN, TANG TÔN HỨA MẮT

公如晉

CÔNG NHƯ TẤN
LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị. Mùa hạ, Công sang Tấn. Tấn Hầu tiếp Công. Không có ý kính Quý Văn Tử nói: “Tấn Hầu sẽ không khỏi có tai nạn. Trong Kinh Thi có câu: Phải kính. Việc trời vốn rõ. Mệnh trời giữ được không dễ. Mệnh trời cho Tấn là còn tùy ở các vua chư hầu. Không kính thì sẽ ra sao”.

Uông Khắc Khoan. Thành Công năm ấy, Châu Tấn bị nhục. Chính là lễ quá nhiều, thân quá hèn, đều tự mình làm ra cả.

葬鄭襄公

TÁNG TRỊNH TƯƠNG CÔNG
LỄ TÁNG TRỊNH TƯƠNG CÔNG

秋公至自晉

THU, CÔNG CHÍ TỰ TẤN
MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ TẤN VỀ

Tả Thị. Mùa thu, Lỗ Công từ Tấn về. Muốn cầu giao hiếu với Sở để phản Tấn. Quý Văn Tử nói: “Không nên. Tấn tuy là vô đạo, nhưng chưa có thể bỏ được. Bách quan còn hòa mục. Nước lại gần nước ta. Còn nhiều chư hầu theo. Chưa phải lúc thay đổi chính sách. Trong sử họ Dật thời Văn Vương, có câu: “Không phải loài ta, thì tâm khác ta”. Sở dù mạnh lớn, nhưng không cùng tổ tiên với ta, liệu đối với ta có tử tế không”. Lỗ Công mới thôi.

Gia Huyền Ông- Thật hẳn là, Lỗ Thành Công không có chủ đích, tâm chí biến đổi luôn. Trước thì cùng với Tấn hợp binh đánh Tề, được trận thắng ở đất An, vậy cùng hòa mục với Tấn là phải. Mới được vài tháng, lại gióng giả chực hầu tới thê ở Sở, còn may là Tấn không trị tội. Năm trước sang Tấn, năm sau lại sang Tấn, chính là để cứu cái lỗi giấu giếm thê với Sở. Rồi mới bị Tấn không lấy lễ đón tiếp thê là chọc phẫn Tấn theo Sở. Kinh Xuân Thu, đến Lỗ Thành Công, về việc theo Sở sang Tấn, đều chép đầy đủ để chê.

冬 城 鄆

ĐÔNG, THÀNH VẬN

MÙA ĐÔNG, ĐẮP THÀNH ẤP VẬN (ĐỂ CHỐNG TẤN)

Đái Khê- Thời Trịnh Công, Tề trả các ruộng đất Vận, Hoan, Qui Âm, Đỗ Thị bàn là ba ấp đó tức là Ván Dương. Lỗ đã được Ván Dương cho nên xây lại thành Vận cho bền chắc.

Xét- Kinh chép là xây thành Vận. Tả Thị không chép. Đỗ Dự Bàn là để chống Tấn nhân vì Lỗ Công không được chép Tấn đổi dãi có lẽ. Đái Khê thì bàn là Lỗ được Ván Dương cho nên xây thành Ván để giữ cho bền chắc, đối với sự tình muốn đúng hơn cả.

鄭 伯 伐 許

TRỊNH BÁ PHẠT HỨA

TRỊNH BÁ ĐÁNH NƯỚC HỨA

Tả Thị- Mùa đông, tháng 11, Công Tôn Thân, nước Trịnh, cầm quân tới phân cương giới nước Hứa. Quân đội Hứa đánh cho thua ở đất Triển Pha, và chiếm đất Sừ Nhiệm cùng đất Linh Đôn. Loạn Thư nước Tấn chỉ huy Trung quân, có Tuân Thủ làm Phó, Sĩ Tiếp Phó Thượng quân cùng đi cứu Hứa và đánh Trịnh, lấy đất Phiếm Tế. Tử Phán nước Sở cứu Trịnh. Trịnh Bá kiện Hứa Nam với Tử Phán. Hoàng Thú thay Trịnh Bá phân trần. Tử Phán không biết sử làm sao, mới nói: Nếu hai vua tới quả quân, quả quân cùng các vị Công, Khanh, nghe lời hai bên mới

hiếu được, chứ như trác tôi đây không đủ để hiếu bên nào phải. Triển Pha là đất nước Hứa. Sừ Nhiệm, Linh Đôn đều ở trong đất Hứa. Phiếm Tế là đất nước Trịnh, phía đông Thành Cao có Phiếm Thủy.

Phụ lục Tả Truyện- Tấn Triệu Anh thông với Triệu Trang Cơ.

Trình Tử- Chép là Trịnh Bá, thấy ngay là không có coi tang ra gì, hưng binh ngay.

Năm Ất Hợi. Vua Định Vương, năm thứ 21.

五 年
NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 5

Tấn Cảnh, năm thứ 14, năm thứ 13. Vệ Định năm thứ 3. Sái Cảnh, năm thứ 6. Trịnh Diệu Công Phí, năm đầu. Tào Tuyên, năm thứ 9. Trần Thành, năm thứ 13. Kỷ Hoàn, năm thứ 51. Tống Cung, năm thứ 3. Tần Hoàn, năm thứ 19. Sở Cung, năm thứ 5.

春 王 正 月 杞 叔 姬 來 歸

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT,

KỶ THỨC CƠ LAI QUY

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, KỶ THỨC CƠ TRỞ VỀ LỞ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Nguyên (tức là Triệu Đồng) và Bình (Triệu Quy), dâng sang nước Tề, Triệu Anh (vì đã thông dâm, với con dâu của người anh là Triệu Thuận, bọn đó, Nguyên, Bình, Anh là anh em cùng mẹ) nói: "Tôi còn ở đây, thì họ Loan không có hại. Tôi mà đi, thì hai anh em sẽ phải lo ngại. Vả lại, người ta ai cũng có điều hay điều không hay. Để cho tôi cứ ở đây thì có hại gì". Hai người không nghe. Triệu Anh dè mề thấy sứ trời bảo cúng đi thì sẽ ban phúc. Anh mới hỏi Sĩ Trình Bá. Đáp: "Không hiểu". Nhưng nói với người quen rằng: "Thần

làm phúc cho người hay, mà ra họa cho kẻ bậy. Đã làm bậy mà không bị tội nặng, thế là có phúc. Nếu cùng đi, thì chỉ bị đi đầy thôi”. Thế là Anh cúng, rồi hôm sau ra đi.

Cốc Thi - Lễ Nghi dàn bà đi lấy chồng, gọi là quy, bỏ về gọi là lai quy.

Gia Huyền Ông - Đời Xuân Thu, đạo lý, chức phận thiếu sót. Đạo vợ chồng sai lạc, có khi xuất thuê, đúng nghĩa, có khi trái lẽ. Kỷ Bá lại châu năm trước, mà năm sau Thúc Cơ lai quy. Thế là không giống với hạn bội nghĩa khác. Chắc là Thúc Cơ không thể yên được ở nước Kỷ chứ không phải là Kỷ bỏ dứt. Cho nên khi Cơ chết, nước Kỷ đón tang về chôn cất. Vậy Cơ đối với Kỷ, nghĩa chưa dứt.

Uông Khắc Khoan - Thúc Cơ khi đi lấy chồng, “xuất giá”, không thấy chép trong Kinh, cùng với Đàm Bá Cơ, việc thường, không thấy chép. Đàm Bá Cơ, Kỷ Bá Cơ đều là lai quy (bỏ nhà chồng về nhà mình). Nhưng Thúc Cơ thì có chép “tốt”, khi mất, chép lễ đón tang về Kỷ. Còn Đàm Bá Cơ thì sau khi lai quy không thấy nói ở Kinh nữa. Vậy, hay dở, được, hỏng, không thể bình luận qua loa giống nhau được.

仲孫蔑如宋

TRỌNG TÔN MIỆT NHƯ TỔNG

TRỌNG TÔN MIỆT SANG TỔNG

Tả Thi- Mạnh Hiếu Tử, Trọng Tôn Miệt sang Tổng, đáp lễ Tổng Hoa Nguyên.

夏叔孫僑如會晉荀首于穀

HẠ THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI TẤN

TUÂN THỦ VU CỐC

**MÙA HẠ, THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI VỚI TẤN
TUÂN THỦ TẠI ĐẤT CỐC (TRÊN ĐẤT NƯỚC TÊ)**

Tả Thi- Mùa hạ, Tấn Tuân sang Tê đón dâu, cho nên Tuyên Bá (Thúc Tôn Kiều Như) biểu lương thực tại đất Cốc.

Trịnh Ngọc- Cốc là đất nước Tề. Đại phu nước khác có đi qua nước ta đâu, mà lại sai đại phu tới hội. Thế là phi lễ. Nếu như Kiều Như mà họp hội riêng thì lại càng là chuyên quyền, phóng túng. Cho nên Xuân Thu chép cẩn thận.

梁山崩

LƯƠNG SƠN BĂNG

NÚI LƯƠNG SƠN ĐỔ

Tả Thị - Núi Lương Sơn đổ. Vua Tấn cho xe ngựa trạm đi triệu đón Bá Tồn. Trên đường đi, có xe chở hàng đi trước, Bá Tồn bảo người giơ xe hàng tránh cho xe trạm đi, thì người giơ xe nói: "Đội tôi lái được thì không bằng ông đi sang con đường ngang, nhanh hơn". Hỏi ở đâu, đáp là ở đất Giáng. Hỏi Giáng có chuyện gì không. Đáp: Có núi đổ. Vua cho Triệu Bá Tồn để hỏi về việc đó. Bá Tồn mới hỏi: Thế thì nên làm thế nào. Đáp: "Đất trên núi, có khi rã rời, sụt lở, phải làm thế nào. trong một nước, vua là chủ trông coi núi sông. Khi có núi lở, hay có sông cạn, thì vua ăn chay, mặc quần áo thường, đi xe không trang sức, bãi ca nhạc, ra ở ngoài cung. Sai quan Vu Chúc tế sơn thần, sai sử quan ghi các tội lỗi. Đúng lễ là như thế, mà chỉ như thế thôi. Dù cho Bá Tồn, cũng chẳng làm gì hơn được". Bá Tồn nghe xong, vội đề nghị tiến cử lên vua. Người ấy từ chối, Bá Tồn tới Triều nói lại hết các lời đó. Vua Tấn nghe theo.

Phụ lục Tả Truyện - Hứa Linh Công kiện Trịnh Bá tới vua Sở. Tháng sáu, Trịnh Diệu Công tới Sở hầu kiện. Không được kiện. Người Sở bắt Hoàng Thú và Tử Quốc. Trịnh Bá trở về nước và cho Công Tử Yên tới Tấn xin hòa. Mùa thu, tháng tám, Trịnh Bá cùng Triệu Đồng nước Tấn ký minh ước tại Thùy Cốc trên đất Tấn.

Công Tử Vi Quy nước Tống (con Tống Văn Công) làm con tin ở Sở. Khi trở về Sở được Hoa Nguyên mời dự tiệc. Vi Quy vốn ghét Nguyên đã bắt mình đi thay làm con tin, mới nói với vua Tống xin cho phép khi ra vào nhà mình, có trống đánh, có

hồ reo, là để tập trận, và rồi để đánh họ Hoa. Tống Công mới giết Vi Quy đi.

Công Thi - Lương Sơn là núi trên bờ sông Hoàng. Núi đổ sao chép. Là ghi việc, việc lớn. Vì lấp sông, dòng không chảy trong ba ngày. Việc lạ nước ngoài không chép. Đây chép, là vì thiên hạ mà chép.

Cốc Thi - Sao không ghi ngày. Trên cao có đường lối để cho đổ xuống. Đã thế sao còn chép. Vì Lương Sơn đổ, lấp sông Hoàng trong ba ngày dòng nước không chảy. Vua Tấn triệu Bá Tôn để hỏi. Bá Tôn đi đường gặp xe chở hàng không tránh. Sai xa hữu xuống trách. Người đánh xe nói, nếu tránh lại càng chậm, Bá Tôn xuống xe hỏi có nghe biết chuyện gì không. Đáp: Lương Sơn đổ, lấp dòng sông ba ngày. Bá Tôn nói: Vua vì thế, triệu ta hỏi. Vậy làm thế nào? Người đánh xe nói: Trời có núi. Trời làm cho lở. Trời có sông, trời làm cho lấp. Dù có triệu Bá Tôn, có làm gì được. Bá Tôn cố hỏi. Đáp: Vua mặc đồ trắng, cùng bách quan khóc rồi tể thì nước sông chảy. Bá Tôn tới. Vua hỏi: Lương Sơn đổ, sông không chảy đã ba ngày, làm thế nào, Bá Tôn nói: Vua mặc đồ trắng cùng quần thần khóc rồi tể, thì nước chảy. Khổng Tử nghe chuyện có nói: Bá Tôn bậy, gây ra loạn.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn: Sao không chép ngày. Vì ở trên cao có đường lối cho núi lở, thì còn chép làm gì. Cốc Lương cho là có đường lối cho núi lở, thì không nên chép, nay lấy việc Tấn Hầu hỏi Bá Tôn cho nên mới chép Cốc Lương bàn thế, đâu có phải là ý Kinh Xuân Thu (nghĩa là Cốc Lương bàn sai).

Cao Kháng - Theo pháp chế tiên Vương, các núi sông có tiếng, thì không phong. Lương Sơn tuy thuộc về đất Hàn mà không phải là đất thụ phong của chư hầu, cho nên Xuân Thu chép Lương Sơn đổ mà không gán buộc vào một nước nào. Vì thiên hạ mà chép một việc lạ. Vì thế, không chép nước Tấn. Đại quốc mà chỉ núi sông, đâu có riêng gì một nước Tấn.

秋大水

THU, ĐẠI THỦY

MÙA THU, NƯỚC TO

冬十有一月己酉天王崩

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT,

KỶ DẬU, THIÊN VƯƠNG BĂNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY KỶ DẬU,

THIÊN TỬ MẤT (BĂNG)

十有二月己丑公會晉侯齊侯宋公

衛侯鄭伯曹伯鄆子杞伯同盟于蟲牢

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ SỬU, CÔNG HỘI TẤN

HẦU, TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ,

TÀO BÁ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ, ĐỒNG MINH VU

TRÙNG LAO

THÁNG 12, NGÀY KỶ SỬU, LỄ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TÊ

HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CHÂU TỬ,

KỶ BÁ, CÙNG ĐỒNG MINH TẠI ĐẤT TRÙNG LAO, ĐẤT

NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, đồng minh tại Trùng Lao. Thế là Trịnh phục tòng. Chư hầu định họp hội nữa. Vua Tống sai Hưởng Vi Nhân từ chối lấy cớ đang có việc của con là Tử Linh (việc Vi Quy).

Hồ Truyền - Xét Tả Thị “Hứa Linh Công kiện Trịnh Bá tại Sở, Trịnh Bá sang Sở hầu kiện, về, rồi xin giao hiếu với Tấn, hội thề tại đất Trùng Lao, thế là Trịnh Phục tòng”. Trịnh phục, thì sao lại chép được là đồng minh, Thiên Tử băng. Phô cáo đã tới. Các chư hầu chép vào thề, tức là theo lễ thì kẻ trước,

người sau, phải tới bên tang. Thế mà, chín nước họp lại, hội thể không bỏ, cho nên đặc biệt chép đồng minh, để thấy đều là loại bất thần rồi.

Trình Tử. Thiên Vương bằng, mà hội thể không bỏ, chép là đồng minh.

Triệu Bằng Phi - Tấn Cảnh lên ngôi đã 5 năm, thường có những hội thể Thanh Khưu. Đoạn Đạo, để cố kết chư hầu. Chư hầu không chuyên nhất. Tấn không làm chủ được. Nay ở hội Trùng Lao, uy thế mới bắt đầu chấn hưng. Mà lấy lại được Trịnh đã lâu cứ phản bạn, tuy chưa đủ sánh với công Hoàn Công, Văn Công, nhưng chí cũng đã đáng khen.

Xét - Hội thể Trùng Lao, Hồ Truyên bàn là chín nước không biết bên tang, lời bàn rất là chính đính. Nhưng thời đó. Tề mới theo, Trịnh vì kiện Hứa không xong. Cũng xoay chiều theo Tấn, Tấn tổ chức được hội thể đó để cố kết tâm chư hầu, cũng là mong phục lại nghiệp Bá. Vậy thuyết của Triệu Bằng Phi cũng nên chép lại.

Năm Bính Tý. Vua Giải Vương năm đầu.

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Cảnh, năm thứ 15. Tề Khoảnh, năm thứ 14. Vệ Định, năm thứ 4. Sái Cảnh, năm thứ 7. Trịnh Diệu, năm thứ 2. Tào Tuyên, năm thứ 10. Trần Thành, năm thứ 14. Kỳ Hoàn, năm thứ 52. Tống cung, năm thứ 4. Tần Hoàn, năm thứ 20. Sở Cung, năm thứ 6. Ngô Tử Thọ Mộng năm đầu.

春 王 正 月 公 至 自 會

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ**

Phụ lục Tả Truyên - Năm thứ 6, mùa xuân. Trịnh Bá sang

Tấn, tạ ơn việc hòa. Đi theo có Tử Du, tức là Công Tử Yến. Vua Trịnh trình ngọc bích (theo lễ) ở phía đông cột bên đông cung điện. Sĩ Trịnh Bá đoán: “Trịnh Bá có lẽ chết. Không để ý đến phẩm cách. Mắt nhìn lơ mờ. Chân đi hấp tấp. Đứng ngồi không yên chỗ. Không còn sống lâu được”.

二月辛巳立武宮

NHỊ NGUYỆT, TÂN TÝ, LẬP VŨ CUNG

THÁNG HAI, NGÀY TÂN TÝ, XÂY VŨ CUNG

Tả Thị - Tháng hai, Quý Văn Tử nhân thắng trận ở An cho xây miếu Vũ Cung. Thế là phi lễ. Khi nhờ nước ngoài mà ta khỏi nạn, thì không có xây cung về việc cũ. Chỉ xây cung khi nào chính mình lập nên công, chứ không do người.

Công Thị - Vũ Cung là gì? Là cung cho Vũ Công. Chép xây là ý không nên xây. Vậy xây Vũ Cung là phi lễ.

Cốc Thị - Xây tức là không nên xây.

Lưu Sưởng - Lỗ là chư hầu. Tiếm lễ của Thiên Tử, dù có muốn tôn trọng tổ mình, thì quỷ thần cũng không hưởng. Bọn học giả tập lễ ở nền cũ nước Lỗ, khoa trương nói rằng: “Đây là miếu Lỗ Công, đời đời tập văn. Đây là miếu của Vũ Công đời đời tập vũ”. Người ta mê muội đã lâu rồi. Chỉ vì tiếm lễ cho nên Xuân Thu mới ra đời.

Khuu Minh cho Vũ Cung là Vũ Quân, Đồ Thị đã biết là nhầm, là sai, lại nhân đó bàn thêm là đã lập Vũ quân, sau lại làm cung tiên quân là Vũ Công. Cả hai thuyết đều không phải. Tả Thị thì muốn thích nghĩa Kinh, nhầm cho Vũ Cung là Vũ Quân (quân là quân binh). Đồ Thị thì muốn thích nghĩa Tả Truyện, rồi cho Vũ Quân là Vũ Cung. Thuyết nào nghe cũng không thông.

Uông Khắc Khoan - Kẻ bàn luận, nhân bài vị ở nhà Minh Đường cho ngay Vũ Cung là Thế Thất tức là Tôn Miếu. Nay khảo cứu Xuân Thu, mà chép chữ Thái Miếu, thì chính là miếu Chu Công, Xuân Thu mà chép chữ Thế Miếu, thì chính là miếu Lỗ Công. Còn miếu các Công khác thì lấy Thụy hiệu đặt miếu, như

Vũ Cung, Dạng Cung, Hoàn Cung, Hi Cung. Nếu chép là Thế Thất. Thế, nghĩa là đời đời không hủy bỏ. Vậy thì đâu có đợi đến Thành Công, rồi mới xây. Năm Chiêu Công thứ 15, có việc ở Vũ Cung, không gọi là Thế Thất, thế thì cho Vũ Cung làm Thế Thất là bậy, huống Dạng Cung là Thế Tổ thứ 6 của Vũ Công, đến Chiêu Công đã tính được 20 đời. Mà Hoàn Cung chính là Thế Tổ thứ 10 của Ai Công. Còn Hi Công là Thế Tổ thứ 7 của Ai Công. Đều nên gọi là Thế Thất. Dạng. Cung ở trên Vũ Cung, Vũ Cung gọi là Thế Thất mà Dạng Cung riêng không gọi là Thế Thất hay sao. Coi đó thì biết vị Minh Đường, bọn tục nho đời sau, nhân Lỗ tiếm Lễ mà nói đến, chứ như thời Xuân Thu thì không có cái tên Thế Thất. tuy nhiên khảo sát Thành Công năm thứ 18, Tấn Diệu Công tới châu ở Vũ Cung, thời Chiêu Công, năm thứ 17, đương đời Tấn Khoảnh Công mà Trung Hàng Mục Tử có lễ hiến phù ở Văn Cung, từ Tấn Vũ Công tới Diệu Công, từ Văn Công tới Khoảnh Công, đều đã có 10 đời, thế mà cung vẫn cứ còn. Coi đó, biết miếu chư hầu đương đời, toàn là không có bị hủy, không riêng vì Lỗ vậy.

取 專

THỦ CHUYÊN

LẤY NƯỚC CHUYÊN, NƯỚC PHỤ DUNG

Tả Thị - Lấy Chuyên. Nói ra ý dễ chiếm.

Công Thị - Chuyên là ấp của nước Châu Lâu. Sao không nói đến Châu Lâu. Là vì kiêng đã nhiều lần, vội vả quá.

Uông Khắc Khoan - Công Dương về Căn Mậu, Chuyên Thị, đều chép là ấp nước Châu. Tuy nhiên chưa chép việc lấy đất một nước, mà không nói đến trước. Ví như kiêng là nhiều lần, nên không nói đến nước Châu, thì sao Hi Công lấy Tu Câu, Tí Lâu, cũng có thể gọi là nhiều lần, thì sao khi ấy, lại nói đến Châu Lâu.

VỆ TÔN LƯƠNG PHU SUẤT SỰ XÂM TỐNG

TÔN LƯƠNG PHU NƯỚC VỆ CẨM QUÂN XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Tháng ba, Tấn Bá Tôn, Tấn, Hạ Dương Duyệt, Vệ, Tôn Lương Phu, Vệ, Ninh Tương, người Trịnh, ngành Y và Lạc rợ Nhung, họ Man rợ Lục Hồn, hợp cả lại, tràn vào Tống, lấy có Tống đã không dự hội. Quân dừng lại ở đất Kiềm. Dân Vệ, không có phòng bị để chống giặc, chống những việc có thể xảy ra bất ngờ. Tấn Duyệt bàn nên đánh Vệ bất ngờ, dù không chiếm được quốc đô, nhưng bắt được nhiều quân cụ và tù binh đem về. Có lỗi cũng không đến chết. Tấn Bá Tôn nói: “Không nên. Vệ vốn tin Tấn ta. Vì tin cho nên quân đội toàn ở ngoài cõi, mà thành thì không binh bị. Nếu ta đánh úp, thì ta mất tín nhiệm. Cho có được nhiều tù binh, nhiều quân cụ, nhưng mất tín nhiệm thì vua Tấn ta đối xử sao với các chư hầu khác”. Mưu mới được bỏ không dùng. Quân đội kéo về. Dân Vệ lên mặt thành coi.

Họ Man thị là một giống trong rợ Nhung.

Phụ lục Tả Truyện - Người Tấn dự trừ rợ quốc đô Giáng đi nơi khác, các đại phu đều nói: “Xin cứ ở đất họ Tuân Hà cũ nghĩa là quốc đô Giáng, đất phì nhiêu lại gần ruộng muối. Dân được lợi, vua được vui. Đừng nên bỏ”. Hàn Hiến Tử làm Tướng đạo Trung quân, kiêm Bộc đại phu. Tấn Hầu tới nhà chào rồi bước vào. Hiến Tử vội theo Công, đứng hầu ở sân. Vua hỏi nên thế nào. Đáp: “Không nên ở đây. Trong đất họ Tuân Hà này, đất thì bạc, nước thì nông, lại dễ mắc bệnh phong, thấp, phù thũng. Dầu được như ở Tân Điền, đất phì nhiêu, nước chan chứa, không lo bệnh hoạn. Song Phần, và sông Khoái, dòng nước mạnh, không ngưng đọng chất độc. Dân không khốn khó thì rảnh việc để được học điều hay. Đến 10 đời vẫn cứ còn đủ lợi. Xét ra, núi rừng, đầm ao, ruộng muối đều là quý, là lợi đấy. Dân giàu dân ra kiêu sa, dân dật. Tương đối nhà vua lại là nghèo, sao gọi là vui được” Vua bằng lòng nghe theo. Mùa hè, tháng tư, ngày Đinh Sửu, vua Tấn thiên đô ra Tân Điền. Tuân Hà là tên nước cổ.

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu không chép Tấn thiên đô. Phàm chép thiên đô là nước nhỏ yếu, bị các nước cường bạo áp bức, bất đắc dĩ mới phải thiên đô. Đây người Tấn so sánh về lợi mà thiên đô, chứ không phải vì bất đắc dĩ, cho nên Kinh không chép.

夏六月鄴子來朝

HẠ, LỤC NGUYỆT CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, CHÂU TỬ TỚI CHÂU

Cao Kháng - Lỗ chiếm lấy ấp Chuyên mà Châu tử lại châu thì đủ biết thế mạnh yếu. Thiên Tử mới lên ngôi, Châu Tử không tới châu, lại đi châu nước Lỗ, thế tức là ta chỉ sợ những người nào xâm lăng ta.

Uông Khắc Khoan - Thế là Thành Công lên ngôi. Nay Châu mới tới châu.

公孫嬰齊如晉

CÔNG TÔN ANH TÊ NHU TẤN

CÔNG TÔN ANH TÊ SANG TẤN (TỨC LÀ TỬ THÚC

THANH BÁ, CHÁU LỖ VĂN CÔNG) VUA TẤN SAI

VỀ NÓI VỚI VUA LỖ, ĐI ĐÁNH TỔNG

Đỗ Dự - Anh Tê là con Thúc Hật.

Uông Khắc Khoan - Năm thứ 2, và năm thứ 3. Lỗ Công hai lần châu Tấn. Năm ấy. Anh Tê Hàng Phủ lại hai lần lễ sính Tấn. Lỗ thù Tê mà dựa vào Tấn làm chỗ cứu viện, cho nên vua tôi đi lại luôn luôn rất chăm thờ vị Bá, quên không biết là đối với Thiên Tử đã khinh mạn quá lắm.

壬申鄭伯費卒

NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ PHÍ TỐT

NGÀY NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ TÊN LÀ PHÍ MẤT

Tả Thị - Tháng sáu, Trịnh Diệu Công mất.

秋 仲 孫 蔑 叔 孫 僑 如 帥 師 侵 宋
THU, TRỌNG TÔN MIỆT, THÚC TÔN KIỀU
NHU SUẤT SU XÂM TỔNG

MÙA THU, TRỌNG TÔN MIỆT, THÚC TÔN KIỀU
NHƯ CẨM QUÂN XÂM TỔNG

Tả Thị - Mùa thu, Mạnh Hiến Tử (Trọng Tôn Miệt) và Thúc Tôn Tuyên Bá (Kiều Như) đem quân xâm Tống theo lệnh Tấn.

Cao Kháng - Sai Lỗ đánh Tống, tuy là mệnh của Tấn, nhưng Lỗ không biết bàn luận về đại nghĩa, cứ vội hưng binh, thế thì tội là ở Lỗ. Cho nên Kinh chép chữ xâm, trách là y như Vệ Lương Phù.

楚 公 子 嬰 齊 帥 師 伐 鄭
SỞ CÔNG TỬ ANH TÊ SUẤT SU PHÁT TRỊNH
SỞ CÔNG TỬ ANH TÊ CẨM QUÂN ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Tử Trọng nước Sở đánh Trịnh vì Trịnh theo Tấn.

冬 癸 孫 行 斧 如 晉
ĐÔNG, QUÍ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN
MÙA ĐÔNG, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa đông, Quý Văn Tử sang Tấn, mừng việc thiên đô.

晉 欒 書 帥 師 救 鄭
TẤN LOAN THƯ SUẤT SU CỨU TRỊNH
LOAN THƯ NƯỚC TẤN CẨM QUÂN CỨU TRỊNH

Tả Thị - Tấn Loan Thư cứu Trịnh, gặp quân đội Sở ở Nhiều Giác, đất nước Trịnh, quân đội Sở lui về, Quân Tấn mới xâm nước Sái. Sở Công Tử Thân và Công Tử Thành, lấy quân ở hai

ấp nước Sở là Thân và Túc, đi cứu Sái, ngăn được quân Tấn ở Tang Toại, trên đất Sái, Tấn Triệu Đồng và Triệu Quát muốn giáp chiến, xin phép Vũ Tử (Loan Thư). Vũ Tử định cho phép. Tri Trang Tử (Tuân Thủ), Phạm Văn Tử, và Hàn Hiến Tử can ngăn nói: “Xin đừng đánh, ta tới là để cứu Trịnh. Quân Sở thấy ta đã rút lui. Nay ta tới Sái. Đánh Sở ở đây chỉ là đổi nơi trùng phạt. Cứ thế mãi không thôi, mà kích thích quân Sở. Nếu giáp chiến thì ta không thắng được. Mà dù ta có thắng cũng không hay gì. Ta đem toàn quân để thắng quân hai ấp có danh giá gì. Thế mà không thắng được chúng, thì ta bị nhục lắm. Chỉ bằng lui”. Thế là sửa soạn cho quân về.

Nhưng khi đó, các Tướng Sứ và Phó tướng sáu đạo quân Tấn đều muốn đánh. Có vài người nói với Loan Vũ Tử rằng: “Hạng Thánh nhân cũng nghe theo số đông, vì thế công việc mới thành, sao ngài không theo đa số. Ngài là nguyên sứ, ngài cần biết ý kiến số đông. Mười một tướng điều khiển dưới quyền ngài. Chỉ có ba là không muốn đánh. Vậy người muốn đánh nhiều hơn. Trong Kinh Thư, về Thiên Thượng Thư có nói, ba người cùng đoán quẻ, nếu hai người cùng một ý, thì cứ theo hai người, vì là số đông”. Vũ Tử đáp: “Phải cân nhắc mưu bàn của người giỏi, trước khi theo đại số. Người giỏi, khôn, là phần chủ, khi phần ấy đã quyết định thì cũng như là phần đông rồi. Sao lại không nghe”.

Cao Kháng - Sở đánh Trịnh đang có tang. Mà Trịnh Diệu Công lại chưa chôn. Tấn đi cứu, quân sĩ khó nhọc mà không dám bội ước Trùng Lao. Cứu thật là phải.

Gia Huyền Ông - Trong việc đó, tướng muốn chiến thì nhiều. Có ba tướng bàn không nên. Loan Thư nhận lời bàn đó mà rút quân. Kinh cho việc cứu Trịnh là được, nhưng sao không trách việc rút rề, loanh quanh không đánh. Vì Tấn và Sở gặp nhau ở Nhiều Giác, quân Sở lui về. Trịnh thế là thoát nạn. Tấn chuyển binh tới nước Sái, lại gặp Sở ở đất Tang Toại, Tấn lại đem quân về, thì Sái được thoát nạn. Vậy không trách.

Năm Đinh Sửu, Vua Giản Vương, năm thứ 2.

七 年
THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tân Cảnh, năm thứ 16. Tê Khoảnh, năm thứ 15. Vệ Định, năm thứ 5. Cảnh Sái, năm thứ 8. Trịnh Thành Công tên là Cổn năm đầu. Tào Tuyên, năm thứ 11. Trần Thành, năm thứ 15. Kỷ hoàn, năm thứ 53. Tống Cung, năm thứ 5. Tần Hoàn, năm thứ 21. Sở Cung, năm thứ 7. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 2.

春王正月麋鼠食郊牛角改卜牛

麋鼠又食其角乃免牛

**XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, HỀ THỦ THỰC
GIAO NGƯU GIÁC, CẢI BỐC NGƯU, HỀ THỦ
HỤ THỰC KỲ GIÁC. NÂI MIỄN NGƯU**

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG GIỐNG CHUỘT HỀ
THỦ CẢN SỪNG BÒ NUÔI TẾ GIAO. BÓI CHỌN BÒ
KHÁC CŨNG LẠI BỊ CẢN, THÔI KHÔNG DỪNG BÒ NỮA**

Cốc Thị - Không ghi ngày, là việc gấp, cho là quan Hữu Tư có lỗi, (Hữu Tư, viên quan có trách nhiệm). Bò để tế Giao, hàng ngày coi sừng, thì biết là có bị thương. Thế là xong phận sự trông coi. Nhưng phận sự phòng bị tai họa thì chưa đủ. Bói để đổi bò tế, bò lại bị Hề tử cản sừng, chứ lại ghi đây là có ý nối tiếp, lời hòa hoãn. Thế là không lỗi ở người. Vì thế, quan Hữu Tư không có lỗi. Khi miễn dùng con vật tế thì quan Hữu Tư cho con vật khoác áo đen, xiêm đỏ, dắt tới Nam Giao. Miễn dùng bò, lễ cũng như thế. Miễn dùng vật, không phải là không có lễ Giao. Miễn dùng bò cũng thế.

Lưu Hướng - Chuột là con vật nhỏ, tính lén lút. Hề lại bé hơn. Con bò là vật lớn, vật để tế đứng chỉ tôn là trời. Sừng ở trên đầu là tượng uy vua. Con chuột rất nhỏ mà cản sừng tế bực chỉ tôn, đó là tượng trưng họ Quý lén lút vụng trộm quyền

hành, sắp tiếm quyền chính, giảm uy vua, mà hại cho việc thờ tự Chu Công. Đã bói đôi bò tể, mà bò bị cắn, thế là trời ra tay cho biết.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn là lời hòa hoãn. Bàn sai. Trước có nói: Chuột “Hề thử” cắn sừng bò tể Giao. Chép, không thể bỏ không nói sừng, chứ không phải là nói đến sừng là hòa hoãn. Nay nói đến sừng là lời văn nên như thế chứ không phải là để tỏ ý hoãn.

“Sở dĩ miễn lỗi cho quan Hữu Tư”, lời bàn ấy của Cốc Lương cũng không phải. Kinh Xuân Thu mà chép tai dị là để chê trách vua chư hầu đương thời, và để rõ việc quỷ thần hưởng đức, nhìn về sâu, tới xa, không sót. Chứ đâu có phải là để miễn lỗi cho quan Hữu Tư.

“Mới miễn bò tể”, Cốc Lương bàn là cho khoác áo đen, xiêm đỏ, quan Hữu Tư đưa đến nền Nam Giao. Vị tất đã như Cốc Lương bàn. Tuy rằng điển lễ tàn mất, khó khảo cứu được, nhưng việc mặc áo người cho bò thì quần áo kích thước phải thế nào. Phàm bò để tể Nam Giao, bò để tể nền Tắc, tất là phải nuôi ở chuồng riêng ba tháng. Nay bò đã bị thương, thì không để ở trong chuồng riêng nữa, thế là miễn. Nếu bảo là không được miễn, thì tức là lưu lại để sửa soạn kỳ tế Giao sau, thế là bất kính, là phi lễ. Cho nên Xuân Thu cũng chê.

吳伐鄰

NGÔ PHẠT ĐÀM

NƯỚC NGÔ ĐÁNH NƯỚC ĐÀM (LẦN ĐẦU THẤY XUẤT HIỆN NƯỚC NGÔ TRONG KINH XUÂN THU)

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân. Nước Ngô đánh nước Đàm. Nước Đàm xin hòa. Quý Văn Tử ở Lỗ nói: “Trung Quốc không chán chinh quân lũ, để cho Man Di Ngô vào đánh, mà không ai sót thương, thăm viếng. Trong kinh thì có nói: Trời cao không thương ta loạn không hết được. Chính là đúng vào trường hợp này. Bực trên không thăm hỏi thì chư hầu rồi ai là không bị trong vòng loạn. Ta chết đến nơi”.

Người quân tử bàn: Đã biết sợ như thế thì không chết.

Phụ lục Tả Truyện - Từ Lượng nước Trịnh đi theo vua Trịnh Thành Công sang Tấn, tạ ơn việc cho cứu vua.

夏五月曹伯來朝

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÀO BÁ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, TÀO BÁ LAI CHẦU

Tả Thị Mùa hạ, Tào Tuyên Công lại chầu.

不郊猶三望

BẤT GIAO, DO TAM VỌNG

ĐÃ KHÔNG CÓ TẾ GIAO, LẠI CÒN TẾ TAM VỌNG

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu chép "Còn tế Tam Vọng" cả thấy ba lần: Hi Công năm thứ 31, chép miễn vật sinh tế, mà thêm vào câu lại còn Tế Tam Vọng, không chép là không tế Giao mà miễn vật tế thì biết là không có tế Giao. Tuyên Công năm thứ 3, vì bò chết không có tế Giao mà thêm vào câu lại còn Tam Vọng, không chép miễn vật tế, bò đã chết làm gì có sinh mà miễn, cho nên tất là không có tế Giao. Năm đó đã chép miễn bò tế, lại thêm câu, không có lễ tế Giao. Nhân có việc Tào, việc Ngô, hai việc không thể lại nói: lại còn tế Tam Vọng. Cho nên lấy câu không có tế Giao cho biết ý.

Xét - Hi Công năm thứ 31, lại còn tế Tam Vọng. Hồ Truyền dựa vào Công Dương, cho Tam Vọng là: 1) Thái Sơn, 2) sông Hoàng Hà và 3) Bể, và bàn rằng sông Hoàng Hà và bể không có trong cương giới Lỗ, Lỗ không được tế. Nay lại dẫn thuyết Chu Trường Văn, cho là Thiên Tử có Tứ Vọng, thì Thái Sơn, Lỗ nên tế. Tam Vọng là tiếm lễ Thiên Tử. Thế thì ngoài Thái Sơn, còn có Tam Vọng. So với thuyết trước không ăn nhau. Vậy san bỏ Hồ Truyền.

秋 楚 公 子 嬰 齊 帥 師 伐 鄭 公 會 晉 侯 齊
侯 宋 公 衛 侯 曹 伯 莒 子 鄆 子 杞 伯 救 鄭
八 月 戊 辰 同 盟 于 馬 陵

**THU, SỞ CÔNG TỬ ANH TÊ SUẤT SỰ PHẠT TRỊNH
CÔNG HỘI TẤN HẦU, TÊ HẦU TỔNG CÔNG, VÊ HẦU,
TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ, CỨU TRỊNH, BẮT
NGUYỆT MẬU THÌN, ĐỒNG MINH VU MÃ LĂNG**

**MÙA THU, SỞ CÔNG TỬ ANH TÊ CẨM QUÂN ĐÁNH TRỊNH.
LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, VÊ
HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ CỨU TRỊNH,
THÁNG TÁM, NGÀY MẬU THÌN, ĐỒNG MINH TẠI ĐẤT MÃ
LĂNG. (ĐẤT NƯỚC VÊ)**

Tả Thi - Mùa thu, Tử Trọng nước Sở tràn vào Trịnh, đóng quân tại Phiếm, trên đất Trịnh. Nhiều chư hầu đi cứu Trịnh. Cung Trọng và Hầu Vũ nước Trịnh chống đối quân Sở bắt được Chung Nghi, vua nước Vận, đem nộp các tướng Tấn. Tháng tám, hội đồng minh tại Mã Lăng nổi lại hội thề Trùng Lao. Và cũng vì có nước Cử mới phục tòng. Người Tấn bắt Chung Nghi về giam trong một trại quân.

Cao Kháng - Mùa đông trước, Loạn Thư cứu Trịnh, mà quân Sở lui về, chưa được đặc chỉ với Trịnh cho nên lại tới đánh.

Gia Huyền Ông - Trước đây, Tấn cứu Trịnh, đều lấy đại phu cầm một đạo quân. Lần này họp quân chín nước. Vua tự là tướng. Xuân Thu mà kể tước các chư hầu, lại chép chữ cứu Trịnh, thế là khen.

公 至 自 會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ LỖ

NGÔ NHẬP CHÂU LAI

NƯỚC NGÔ VÀO CHÂU LAI, ẤP NƯỚC SỞ

Tả Thị- Trong trận Sở vây Tống, khi quân Sở về. Tử Trọng, xin được thưởng công hai ấp Thân và Lã, hai ấp vốn là phụ dung của nước Sở. Vua Sở thuận. Thân Công Vu nói: “Không nên. Hai ấp đã thành hai nước, dân có đóng thuế để chống với các xứ phía Bắc khi có xâm lăng. Nếu lấy đi thì hai nước không còn gì nữa. Tấn và Trịnh sẽ lan rộng tới sông Hán”. Vua mới thôi, không cho đất, Tử Trọng sinh thù Vu Thân.

Khi Tử Phán muốn lấy Hạ Cơ, Vu Thân ngăn cản, rồi Vu Thân lấy đem đi. Tử Phán cũng sinh thù Vu Thân. Đến khi Sở Cung Vương lên ngôi, Tử Phán và Tử Trọng giết hết họ hàng nhà Vu Thân, trong đó có những người như Tử Diêm, Tử Đảng, Phát Ky. Họ giết cả Hắc Yêu, con Tương Lão, rồi chia nhau tài sản bọn bị giết, Tử Trọng chiếm nhà cửa của Tử Diêm, thúc giục Thẩm Doãn, và Vương Tử Bải chia nhau gia tài của Tử Đảng, Tử Phán thì chiếm gia tài Hắc Yêu và Phát Ky. Vu Thân khi đó ở Tấn, gửi cho hai người bức thư, trong có nói: “Các người đem những tính chê gièm, tham lam, biển lận, gian dối, để thờ vua, giết bao nhiêu người vô tội. Nhất định ta phải bắt các người trốn chạy rồi chết.”

Vu Thần xin đi xứ nước Ngô. Vua Tấn thuận cho. Vua Ngô tên là Thọ Mộng rất vui mừng. Thế là Ngô giao thiệp với Tấn. Khi đi, Vu Thần đem theo một tốt (Trăm quân) và một lạng (25 người) cùng một ít chiến xa. Khi rời nước Ngô, Vu Thần để lại cho một biên, (chín chiến xa) và một lạng, ra lệnh cho bọn bắn nỏ, bọn giòng xe, phải luyện tập cho các tướng sĩ Ngô, các cách dùng chiến xa, xếp hàng trận, để cho Ngô thoát ly sự áp bức của Sở. Vu Thần cho con là Hồ Dung làm chức Hành nhân ở Ngô.

Ngô bắt đầu đánh Sở, tràn vào hai ấp Sở là Sào và Từ. Tử Trọng chạy trốn mới thoát chết. Sau hội Mã Lăng, Ngô vào ấp Châu Lai ở Sở, Tử Trọng đương trốn tại Trịnh, lại chạy. Thế

là Từ Trọng và Từ Phán trong một năm bảy lần chạy để khỏi chết. Ngô chiếm hết các vùng Man Di vốn thuộc Sở, rồi bắt đầu giao thiệp với các nước Trung Quốc.

Cao Kháng - Ngô và Sở tranh cường, bắt đầu từ đây. Châu Lai thuộc Sở. Ngô đem quân tràn vào, rõ ràng là Sở tuy cậy mạnh, mà Ngô dám đối địch.

Trần Phó Lương - Ngô và Sở giao chiến. Kinh xưa nay không chép, nay mới chép. Ngô mới giao thiệp với Trung Quốc là tự Tấn gây ra. Hội thề ở Bồ Cảnh, Công bắt đầu mời Ngô không tới, đến hội Chung Ly mới tới. Đồng minh tại Kê Trạch, Điều Công lại đón Ngô Từ. Ngô Từ không tới, đến hội Thích mới tới. Ngô không dám tự liệt vào hàng chư hầu, mà Tấn thì cứ cầu cho được, cốt để giảm sức Sở. Sở mà hết hoạt động thì Tấn cũng hết nghiệp Bá. Việc Ngô vào Châu Lai không thể không chép là bước đầu được.

冬 大 雪

ĐÔNG, ĐẠI VU

MÙA ĐÔNG, TẾ CẦU ĐẢO LỚN

Cốc Lương - Tế Vu không ghi tháng, mà chỉ ghi mùa, ý cho là không nên. Mùa đông không có cứ để cầu đảo.

Lưu Sưởng - Mùa đông không có cứ để cầu đảo. Xét tháng mười ở nhà Chu, ngày nay là tháng tám. Nếu lâu không mưa thì cũng phải cầu đảo. Lại còn có lệ nếu cầu đảo được mưa, thì nói là cầu đảo. Nếu năm đó cầu đảo mà không mưa, thì chép là hạn. Vả lại, sắp chép hạn, thì không chép cầu đảo hay sao.

衛 孫 林 斧 出 奔 晉

VỆ TÔN LÂM PHỦ XUẤT BÔN TẤN

TÔN LÂM PHỦ NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN SANG TẤN

Tả thị. Vệ Định Công ghét Tôn Lâm Phủ. Mùa đông Tôn lâm Phủ chạy trốn sang Tấn. Vệ hầu sang Tấn. Tấn trả lại Vệ đất Thích (đất của họ Lâm Phủ khi chạy sang Tấn)

Đỗ Dự -Lâm Phủ còn là con Tôn Lương Phủ. Thích là đất được phong, đời đời ăn lộc của họ Tôn. Sau khi Lâm Phủ chạy trốn thì đất Thích, theo chủ thuộc về Tấn.

Gia Huyền Ông - Lâm Phủ đã giao kết với quyền thần nước Tấn từ lâu. Đến nay, chạy trốn sang Tấn, cậy thế Minh chủ (vua Tấn) để chống lại với người trên. Ít lâu sau, trở về nước, gặp lúc vua Vệ là Khản không đáng làm vua, đem quân đuổi lập một Công Tử khác. Rồi sau, lấy ấp Thích làm phần, làm cho Vệ khốn khó đến 40 năm, thực là chỉ tại Tấn.

Năm Mậu Dần. Vua Giản Vương, năm thứ 3.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Cảnh, năm thứ 17. Tề Khoảnh, năm thứ 16. Vệ Định, năm thứ 6. Sái Cảnh, năm thứ 9. Trịnh Thành, năm thứ 2. Tào Tuyên, năm thứ 12. Trần Thành, năm thứ 16. Kỷ Hoàn, năm thứ 54. Tống Cung, năm thứ 6. Tấn Hoàn, năm thứ 22. Sở Cung, năm thứ 8. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 3.

春 晉 侯 使 韓 穿 來 言 汶 陽 之 田 歸 之 于 齊

XUÂN, TẤN HẦU SỬ HÀN XUYÊN LAI NGÔN VĂN

DƯƠNG CHI ĐIỀN QUY CHI VU TÊ

**MÙA XUÂN, TẤN HẦU SAI HÀN XUYÊN TỚI NÓI VỀ VIỆC
RUỘNG VĂN DƯƠNG, BẢO LỖ TRẢ LẠI CHO TÊ**

Tả Thị - Năm thứ 8, mùa xuân, Tấn Hầu sai Hàn Xuyên tới nói về ruộng Văn Dương, Lỗ trả lại cho Tề. Lỗ Quý Văn Tử làm việc tiền có nói riêng rằng: “Đại quốc ở ngôi Minh chủ, lấy nghĩa làm pháp luật, thì chư hầu đều mong ân đức, mà sợ trừng phạt, không nước nào nhị tâm. Ruộng Văn Dương vốn là đất cũ nước chúng tôi và Tấn đã phải đánh cho Tề thua, bắt Tề trả lại Lỗ. Nay Tấn lại cho mệnh khác, nói là

Lỗ trả Tề. Hành nghĩa thì phải có tín. Có nghĩa để thì hành được mệnh. Đó là điều nước tôi mong ước ở Quý quốc. Nếu Tấn lại thiếu tín, thiếu nghĩa, thì trong bốn cõi chư hầu nào mà không rời bỏ. Trong Kinh Thi có đoạn: Tôi là vợ chàng, tôi không sai lời. Chàng là chồng tôi, đã đổi thái độ hai ba lần. Tình ý thay đổi hai ba lần. Trong vòng bảy năm, Tấn đã khi thì cho, khi thì lấy lại ruộng đó. Thế là không chuyên nhất. Người chồng không chuyên nhất, còn mất tình người vợ, huống chi một vị Bá chủ, chắc là mất tín nhiệm. Kinh Thi có nói: Nhìn không được xa, cho nên phải can. Vậy Hàng Phủ tôi sợ Tấn không nhìn xa, mất ảnh hưởng với chư hầu. Tôi xin phép tường trình ý riêng”.

Công Thị - Chép là lai ngôn (tới nói) là ý gì. Là nói riêng, Bức hiệp Lỗ ta, sai ta trả Tề ruộng. Trong trận ở đất An, Tề thua to.

Tề Hầu về nước, săn sóc người bị thương, thăm nom nhà người chết. Bảy năm không uống rượu, không ăn thịt. Tấn Hầu nghe phải nói: “Ồ, thế nào mà lại để cho vua bảy năm không uống rượu, không ăn thịt, vậy phải trả lại cho những đất đã chiếm được”.

Cốc Thị - Đối với Tề, là lời khoan hòa, mà không để cho oán ta.

Lưu Sưởng - Trận đánh ở đất An, quân Tề thua to. Tề Hầu châu Tấn, thờ Tấn, Tấn Hầu vui mừng, sai Lỗ và Vệ trả lại đất chiếm đời xưa, vua chư hầu không được chuyên quyền đòi chác đất đai. Trả Tề ruộng Ván Dương là phi lễ. Công Dương bàn là lời nói riêng cũng là bàn sai. Đây chẳng chép việc, có gì là riêng tây. Cốc Lương lại nói: Không để oán ta, cũng là bàn sai. Cứ thẳng chép để chê Tấn, không để oán ta là vô nghĩa lý.

Triệu Bằng Phi - Ngày trước cho là tạm được (khen) thì như ngày nay đừng có bảo trả. Ngày nay cho là nên trả, thế thì ngày trước, đừng có chiếm. Cả hai hành vi đều là có tội. Ngày trước, chiếm ở đất Tề, Tề đã mất đất. Tấn có mất gì đâu. Ngày nay lấy ruộng cho Tề, thì Tề được đất, Tấn có được gì đâu.

Mất đã không tổn hại cho mình, được cũng không thêm gì

cho mình. Vì thế, người Tấn khi chiếm thì nhẹ nhàng, dễ dàng, cũng như khi trả. Đã khoe công với Lỗ, lại lấy ơn với Tề.

Xưa, tại trận An, Lỗ thực đem toàn lực trong nước ra theo, mà Lỗ ta không có nghĩ lấy một chút lợi. Chỉ vì người ta khó nhọc thì phải có chút báo đền, cho nên lấy ruộng Văn Dương. Khi đã đánh cho Tề thua rồi, thì được Khoảnh Công cúi đầu thờ Tấn. Tấn từ Văn Công về sau, Tề vẫn cứ mạnh thế ở các nước phía đông, vị thường phải khuất tất với Tấn. Một trận thua ở An, mất hết nhuệ khí. Đến hội thê Trùng Lao, về việc cứu Trịnh, phải tới uống máu ăn thề theo lệnh Tấn. Tấn được Tề phục tòng lấy làm hành diện rồi. Vì thế cho việc chiếm ruộng là hại Tề. Người Lỗ được ruộng, người Tấn không được thêm gì. Người Lỗ mất ruộng, người Tấn không tổn hại gì mà được ơn huệ với Tề. Cho nên thà để cho Lỗ mất ruộng mà Tấn không hại cho Tề lắm. Vì thế mới có việc Hàn Xuyên tới Lỗ.

Uông Khắc Khoan - Chép “lai ngôn, tới nói” thì biết là mệnh của vua Tấn mà không gấp. Vả lại tự biết là lời nói ra không được thuận vị tất Lỗ đã nghe theo. Chép “quy chi vu, trả lại cho”, thì thấy là lấy ruộng đất của Lỗ là việc dễ. Một lời nói của quan Khanh nước Tấn, trọng hơn ba quân, mà không dám chống cự. Xưa, Tấn, Hàn Tuyên Tử, có chiếc vòng. Chiếc thứ hai, vốn là một đôi, thì lại ở nhà một người lái buôn nước Trịnh, Hàn xin với đại phu Trịnh là Tử Sản, cho chiếc vòng đó. Tử Sản chối từ, Tử Sản sau mua lại được. Nhưng người lái buôn nói cần phải có phép của Tử Sản. Hàn Tử lại xin. Tử Sản lại từ chối nói: Người của nước lớn ra lệnh cho nước nhỏ, đòi gì được nấy, thì rồi ra, đủ cung cấp sao được. Nay Lỗ Quý Văn Tử vốn biết rằng Tấn khi lấy, khi cho ruộng Văn Dương đều là trái nghĩa, đã biết thế mà lại không dám ngăn, thế là mệnh lệnh không chính đính, chỉ biết a dua nghe theo, thế là đem cả nước làm thuộc quốc của Tấn. Xét một chiếc vòng của người lái buôn mà Tử Sản còn không chịu bị áp bức, thì biết bọn Vũ Tử, Trung Hàng, Hiến Tử, đều giữ chức Khanh có tên tuổi, mà không biết giúp vua theo đường chính, lại ra lệnh mất tín nhiệm, đổi mệnh mất thành thực. Mới biết hội thê Trùng Lao, Mã Lăng, Tề đã theo Tấn, Tấn sai Lỗ trả Tề ruộng Văn Điền, chỉ là để cố kết

lấy Tề. Thế là không có nghĩa đã thất tín với Lỗ, tức là thất tín với chư hầu. Được một nước Tề theo mệnh mà bốn phương rời bỏ. Có thể nữa cũng không cưỡng ép ai theo được. Xuân Thu chép việc đánh nhau ở An, việc lấy ruộng Văn Dương, việc Hàn Xuyên tới nói trả ruộng, càng rõ nghiệp Bá của Tấn ra sao.

晉 欒 書 帥 師 侵 蔡

TẤN LOAN THƯ SUẤT SƯ XÂM SÁI

LOAN THƯ NƯỚC TẤN CẨM QUÂN XÂM NƯỚC SÁI

Tả thị - Tấn Loan Thư xâm nước Sái, rồi xâm nước Sở bắt được Thân Ly. Khi Sở lui rồi, Tấn xâm nước Thẩm, bắt được vua Thẩm là Thẩm Tử Tập. Từ lúc đầu, Loan Thư toàn theo kế sách của ba người, Trí Trang Tử, Phạm Văn Tử, Hàn Hiến Tử. Người quân tử bàn: Nghe người hay, như theo nước chảy xuôi. Thế là nên lắm. Kinh Thi có nói: Vua nhã nhận vui vẻ, người hay sao lại chẳng tới giúp. Văn vương tìm người tài, đức, cho nên công việc thành. Trong việc hành binh này, vua Trịnh khi đem quân theo quân Tấn, có qua nước Hứa, đánh vào cửa đông thành Hứa, bắt được nhiều người cùng vật.

Hứa Hàn. Xâm nước Sái là báo thù việc đánh Trịnh. Nước lớn, tranh giành nhau, nước nhỏ chịu thua hại. Kinh Xuân Thu thương xót.

公 孫 嬰 齊 如 莒

CÔNG TÔN ANH TỀ NHƯ CỬ

CÔNG TÔN ANH TỀ SANG NƯỚC CỬ

Tả Thị - Thanh Bá (Anh Tề) sang nước Cử, là để đón vợ.

Ngô Trường - Đại phu lấy cơ đi sứ lễ sính, rồi cưới vợ, đón vợ, có nhiều, vốn là phi lễ.

宋公使華元來聘

TỔNG CÔNG SỬ HOA NGUYÊN LAI SÍNH

TỔNG CÔNG SAI HOA NGUYÊN TỐI LỄ SÍNH

Tả Thị. Hoa Nguyên tối lễ sinh để xin cưới Cung Cơ.

夏宋公使公孫壽來納幣

HẠ, TỔNG CÔNG SỬ CÔNG TÔN THỌ LAI NẠP TỆ

MÙA HẠ, TỔNG CÔNG SAI CÔNG TÔN THỌ NỘP LỄ HỎI

Tả Thị. Mùa hạ, Tổng Công sai Công Tôn Thọ tới nộp lễ hỏi. Thế là đúng lễ.

Công Thị. Lễ nạp tệ không có chép. Đây chép là chép việc Bá Cơ.

Xét. Lệ chép sử, có chỗ tường, có chỗ lược. Sử cũ tuy không còn nữa, nhưng từ Sử Ban Cố, Tư Mã về sau, vẫn chép tùy theo người hiền hay không hiền. Như Bá Cơ, đức hạnh có tiếng hiền, sử cũ đặc biệt chép tường tận, cho nên thánh nhân cũng không đổi. Chép nạp tệ, chép đưa thiệp giảng, chép trở về Tổng, chép cả, không bớt bỏ, ghi cả gốc, cả ngọn. Công Dương cho ghi chuyện Bá Cơ là phải. Hồ Truyền cho việc sai vị Khanh đi nạp tệ là quá lễ. Hồ Truyền bàn thế là sai. Tả Thị cho là đúng lễ. Đỗ Dự cũng cho là nên sai vị Khanh, chắc là đều có căn cứ. Trang Công sang Tề nạp tệ. Cốc Lương cho là việc của đại phu, nghĩa là chỉ chê Trang Công không nên thân hành, chứ đâu có bảo là không nên sai vị Khanh. Huống trong các nước, vị Khanh cầm quyền chính, thường vẫn lấy đại phu. Cho nên giữ lời bàn của Công Dương, mà bỏ lời bàn của Hồ Truyền.

晉撥其大夫趙同趙括

TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU TRIỆU ĐỒNG, TRIỆU QUÁT

TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TRIỆU ĐỒNG, TRIỆU QUÁT

Tả Thị - Triệu Trang Cơ nước Tấn, vì việc Triệu Anh bị đuổi,

mới gièm với vua Tấn rằng: Nguyên và Bình (tức là Đồng và Quát), sắp làm loạn. Lấy họ Loạn, họ Khích làm chứng. Tháng sáu, Tấn Hầu sử tử Triệu Đồng, Triệu Quát, Triệu Vũ con Triệu Sóc theo mẹ là Trang Cơ, nuôi ở trong cung, Tấn Hầu lấy tài sản của họ Triệu, đem cho họ Kỳ Hề. Hàn Quyết nói với vua rằng: “Triệu Thôi, Triệu Thuần, công lao như thế mà vô hậu, thì các vị trung thần sinh lo sợ. Các vua đời tam đại giữ mệnh trời hàng mấy trăm năm. Trong các ngài, sao chẳng có vị kém đức, nhưng không việc gì, vì nhờ phúc các vua trước. Trong Chu Thư có câu: Văn Vương không dám khinh thường người quan quá, là cốt cho sáng rõ đức” Tấn Hầu mới cho Triệu Vũ giữ lại họ Triệu, và trả lại cho các tài sản đã thu chiếm.

Uông Khắc Khoan - Hoặc nói rằng: Tấn hầu nhận lời gièm của Trang Cơ mới nhờ xét việc Triệu Thuần giết vua, mà rồi giết Triệu Đồng, Triệu Quát, việc hoặc có thể thật chẳng. Thế mà Sử ký thì chép là Đồ Ngạn Giả diệt họ Triệu, giết Sóc. Đồng, Quát, Anh, tức là cả họ. Còn như Xuân Thu, thì chỉ chép giết Đồng và Quát, chứ không chép giết Sóc và Anh. Thế thì Sử ký không những trái với Truyện, mà cả với Kinh nữa, vậy không nên tin.

Trác Nhĩ Khang - Triệu Đồng, Triệu Quát, hiếu dũng, tính lại khinh thường, việc ở đất Bật, cùng Loạn Thư đi cứu Trịnh, hai người đều không lượng sức, chỉ thích chiến, giá không có Loạn Thư, thì Tấn đã thua. Triệu Anh dâm loạn, tội đáng xử tử đầy, thế mà Đồng, Quát không tâu vua, tự đuổi đi, rõ là chuyên quyền, không biết có vua, thế thì sao mà không có tội. Tuy nhiên, Tấn Hầu nghe họ Cơ gièm, đem phanh thây hai đại phu, không nhớ đến công lao Triệu Thôi, cướp lấy ấp lộc, thế là bất chính, thất hình rồi. Cho nên chép là nước Tấn giết.

秋七月天子使召伯來四公命

THU, THẤT NGUYỆT, THIÊN TỬ SỬ

THIỆU BÁ LAI TỨ CÔNG MỆNH

MÙA THU, THÁNG BẢY, THIÊN TỬ SAI THIỆU BÁ

TỐI BAN CHO CÔNG SẮC PHẨM HUY HIỆU

Công Thị và Cốc Thị viết chữ tứ ra chữ tích.

Tả thị. Mùa thu, Thiệu Hoàn Công, tối ban mệnh cho Lỗ Công.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn hầu sai Thân Công Vu Thần sang nước Ngô. Nhờ đường nước Cừ. Cùng với Cừ Khuu Công đứng trên bờ hào, Vu Thần nói: "Tuồng thành này đã hư rồi". Vua Cừ nói: "Nước tôi kém hèn, ở nơi di tích, còn nước nào nghĩ tới mà phải lo". Đáp: "Nước nào chả có người giảo quyết, muốn cho rộng đất đai, lợi xã tắc nước mình. Vì thế, các đại quốc mới càng ngày càng nhiều thêm. Cá nhân dù có dũng cảm cũng phải đóng chặt cửa, hướng chí vua một nước mà không có thành chắc chắn".

Công Thị - Sao lại chép chữ Thiên Tử, Xuân. Vương. Tháng giêng. Thế là chính rồi. Các chữ khác đều là thường.

Cốc Thị - Lễ có lẽ chịu mệnh, chứ không có lẽ đi tới cho mệnh. Thế không phải là chính. Sao lại viết chữ Thiên Tử. Là một cách nói.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn, sao chép chữ Thiên Tử, đó là một cách nói, nghĩa là Thiên Tử với Thiên Vương, mỗi chữ là một cách nói. Bàn thế thật là thiên cận.

Xét - Thiên Vương, Thiên Tử, đều là tiếng thông thường chỉ nhà vua. Tử và tích đều là những chữ nói trên cho dưới. Hoặc bảo là cứ lấy nghĩa của chữ mà nói, thì Thiên Vương là tôn mà Thiên Tử là thân. Gia ơn đã nhiều lần thì gọi là tứ. Lấy phạt, lấy nghĩa là sai, thì gọi là tích. Kỳ thủy là tích cho Hoàn Công, thì bỏ chữ thiên mà dùng chữ Vương, thế là cho rõ nghĩa và phạt. Khi tích cho Văn Công thì dùng chữ Thiên Vương, cũng là còn rõ nghĩa và phạt. Đến khi Tứ cho Thành Công, thì dùng

chữ Thiên Tử thì cho là nghĩa và phân đều bớt mất rồi, mà ơn trên thì thi ra nhiều lần rồi. Đó cũng là một thuyết.

冬十月癸卯杞叔姬卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, QUÝ MÃO, KỶ THÚC CƠ TỐT
MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY QUÝ MÃO, KỶ THÚC CƠ MẤT

Tả Thị - Mùa đông, Kỷ Thúc Cơ mất. Việc lai quy là tự, nước Kỳ, cho nên chép.

晉侯使士燮來聘叔孫僑如會晉

士燮齊人鄆人伐鄆

TẤN HẦU SỬ SĨ TIẾP LAI SÍNH, THÚC TÔN KIỀU NHƯ
HỘI TẤN SĨ TIẾP, TÊ NHÂN, CHÂU NHÂN, PHẠT ĐÀM
TẤN HẦU SAI SĨ TIẾP TỚI LỄ SÍNH, THÚC TÔN KIỀU NHƯ
HỘI VỚI TẤN SĨ TIẾP, NGƯỜI TÊ, NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH
NƯỚC ĐÀM.

Tả thị. Tấn Sĩ Tiếp tới sinh, nói việc đánh nước Đàm, vì Đàm theo Ngô. Lỗ Công hỏi lộ để hoãn việc binh. Văn Tử Sĩ Tiếp không chịu, nói: “vua Tấn tôi đã cho lệnh. Tôi không sai được. Thất tín sẽ không được yên. Không được nhận đồ lễ. Việc không được hai mang. Nếu nhà vua không theo các chư hầu, thì quả nhân tôi không giúp được nhà vua nữa”. Tiếp sắp ra về. Quý Tôn sợ sai Tuyên Bá cầm quân hội với Tấn để đánh nước Đàm.

衛人來媵

VỆ NHÂN LAI GIẢNG

NGƯỜI VỆ CHO ĐƯA GIẢNG THIẾP TỚI

Tả Thị. Người Vệ cho thiếp giảng đi theo Cung Cơ về Tống. Thế là lễ. Phàm chư hầu gả con gái, thì người trong họ làm giảng thiếp. Người ngoài họ không được.

Công Thị - Giăng không có chép. Đây chép là vì Bá Cơ.

Cốc Thị - Giăng là việc nhỏ không ghi. Đây ghi cả là vì Bá Cơ, không được đáng nơi, cho nên chép hết mọi việc.

Lưu Suồng - Giăng là gì? Chư hầu này gả con cho chư hầu khác, thì cho em, cho cháu theo làm giăng, thiệp. Hai nước khác đưa thiệp giăng đi, cũng lấy trong hàng em, cháu. Thế là đưa vợ cùng giăng có ba nước. Giăng không chép. Đây chép là chê. Vì là phi lễ. Chê cả ba nước. Người Vệ đưa giăng. Tả thị bàn rằng chư hầu gả con gái thì cho người cùng họ làm giăng, khác họ không được. Bàn thế là sai. Ba nước thì mỗi nước một họ. Như vua các họ Doanh, Tào, Quy, Dặc, gả con, mà cứ phải giăng cùng họ, thì các chư hầu sao cung cho đủ giăng được. Phi của Thiên Tử là 120, liệu có cùng một họ được không.

Trình Tử - Giăng là việc nhỏ, không có chép. Bá Cơ đi lấy chồng, chư hầu cung cấp giăng. Cho nên chép để thấy một người con gái mà hiền còn được tiếng với chư hầu, hưởng chi là hạng quân tử.

Xét - Chư hầu gả con gái. Tả Thị bảo là khác họ không được làm giăng. Lưu Suồng cho là có nước dư, mỗi nước một họ. Hai lời bàn đó không giống nhau. Cứ để cả, rồi về sau khảo cứu.

Năm Kỷ Mão. Vua Giản Vương, năm thứ 4.

九 年 CỬU NIÊN NĂM THỨ 9

Tấn Cảnh, năm thứ 18. Tề Khoảnh, năm thứ 17. Vệ Định, năm thứ 7. Sái Cảnh, năm thứ 10. Trịnh Thành, năm thứ 3. Tào Tuyên, năm thứ 13. Trần Thành, năm thứ 17. Kỳ Hoàn, năm thứ 55. Tống Cung, năm thứ 7. Tần Hoàn, năm thứ 23. Sở Cung, năm thứ 9. Ngô Thọ mộng, năm thứ 4.

春王正月杞伯來逆叔姬之喪以歸

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, KỶ BÁ LAI

NGHỊCH THỨC CƠ CHI TANG DĨ QUY

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA KỶ

TỚI ĐÓN TANG THỨC CƠ, ĐEM VỀ KỶ

Tả Thị - Năm thứ 9, mùa xuân. Kỷ Hoàn Công tới đón tang Thúc Cơ, Vua Lỗ có mời vua Kỷ tới. Kinh chép là Kỷ Thúc Cơ, vì là vợ vua Kỷ. Còn như đón tang, là vì Thúc Cơ mất ở nước Lỗ ta.

Công Thị - Kỷ Bá sao lại tới đón tang Thúc Cơ đem về Kỷ. Là nói việc trong nước. Bất Kỷ phải đưa về.

Cốc Thị - Lê ra, chồng không đón tang vợ đã bỏ. Đây thì khác.

Xét - Tả Thị bảo là Lỗ mời Kỷ. Công Dương bảo là Kỷ bị Lỗ bắt buộc. Hai thuyết tựa như khác nhau, mà thực thì là một, Thúc Cơ bị bỏ, hoặc không phải là có tội, cho nên Lỗ mới mời được Kỷ tới đón tang về. Người Kỷ sợ bị tội với Lỗ, tuy không muốn mà cũng cứ nghe theo, thế thì bảo là bị áp bức cũng phải.

公會晉侯齊侯宋公衛侯鄭伯

曹伯莒子杞伯同盟于蒲

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TÊ HẦU, TỔNG CÔNG,

VÊ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ,

KỶ BÁ, ĐỒNG MINH VU BỒ

LỖ CÔNG HỘI TẤN HẦU, TÊ HẦU, TỔNG CÔNG,

VÊ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, KỶ BÁ,

CÙNG THÊ TẠI ĐẤT BỒ NƯỚC VÊ

Tả Thị - Việc trả lại Tê đất Ván Dương, các chư hầu ý muốn bỏ Tấn, Tấn sợ. Vua Tấn triệu tập hội tại đất Bồ, để nhắc lại hiệp ước Mã Lăng. Quý Văn Tử nói với Phạm Văn Tử rằng: “Đức

mà đã kém, thì hội mình có làm gì”. Phạm Văn Tử nói: “Cố sức giúp các nước, đối với các nước lấy khoan hòa, đối với địch bằng cương dũng, nhờ thần linh, ủng hộ việc thế, dễ dàng với người đã phục tòng, trừng phạt kẻ đối địch, đó chính là đức”. Trong hội mình này, lần đầu tiên nước Ngô được mời, nhưng người Ngô không tới.

公 至 自 會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ LỖ

二 月 伯 姬 歸 于 宋

NHỊ NGUYỆT, BÁ CƠ, QUY VU TỔNG

THÁNG HAI, BÁ CƠ GẢ VỀ NƯỚC TỔNG

Phụ lục Tả Truyện - Người Sở hối lộ nhiều cho Trịnh, Trịnh Bá mới tới đất Đặng, hội sở Sở Công Tử Thành.

夏 季 孫 行 斧 如 宋 致 女

HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TỔNG TRÍ NỮ

MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ ĐI SỨ

NƯỚC TỔNG THĂM BÁ CƠ

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Văn Tử được sai sang Tống, thăm Bá Cơ. Khi về Lỗ phục mệnh, Lỗ Công đãi tiệc. Văn Tử ngâm bài thơ Hàn Dịch, thiên thứ năm. Bà Mục Khương mẹ Bá Cơ, nghe tiếng hát, ở trong phòng bước ra, hai vái rồi nói: “Đại phu khó nhọc không quên tiên quân, mới nghĩ đến tỵ quân, đến cả vị vong nhân đây. Tiên quân được thỏa nguyện vọng. Vậy xin tạ ơn đại phu đã khó nhọc”. Nói xong, cho hát thiên cuối thơ Lục Y, rồi trở về phòng.

Công Thị - Chưa bao giờ chép việc cho sứ tới thăm hỏi con gái ở nhà chồng. Đây chép “trí nữ” là vì chép việc Bá Cơ.

Cốc Thị - Chép chữ “trí” tức là không nên trí. Đàn bà khi còn ở nhà thì nghe cha, đi lấy chồng thì theo chồng. Câu “như Tống trí nữ, sang Tống, thăm hỏi con gái”, là chép việc Lỗ ta, đến đó là hết. Vì không được chính cho nên dùng chữ con gái. Kể việc tường tận, vì cho Bá Cơ là hiền.

Lưu Suồng - Trí nữ, là thế nào? Đàn bà đã đi lấy chồng, ba tháng thì tới lễ ở miếu, chép là “trí”, tức là việc hoàn thành Cốc Lương bảo là không được chính cho nên không chép vào sử. Xét đại phu trong nước được mệnh vua đi sứ, không gọi là sứ giả, không chép vào sử. thì sao lại bảo là vua sai đi thăm được.

Trình Tử - Con gái đi lấy chồng, cha mẹ sai người thăm, thì gọi là trí nữ. Thời xưa, sau ba tháng, vào lễ miếu, lễ tổ, mới thành vợ. Vì Bá Cơ hiền, nước Lỗ trọng, cho nên sai vị Khanh “trí” là thăm.

晉人來滕

TẤN NHÂN LAI GIẢNG

NGƯỜI TẤN ĐƯA GIẢNG TỚI

Tả Thị - Người Tấn đưa giảng tới, thế là đúng lễ.

Công Thị - Giảng thì không có chép. Đây chép là vì Bá Cơ.

Cốc Thị - Giảng là việc nhỏ mọn không ghi. Đây ghi vì thấy Bá Cơ về không được đáng nơi đáng chốn, cho nên chép đủ mọi việc.

秋七月邾子齊侯無野卒

THU, THẤT NGUYỆT, BÌNH TÝ, TÊ HẦU VÔ DÃ TỐT

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY BÌNH TÝ,

TÊ HẦU TÊN LÀ VÔ DÃ MẤT

晉公子嬰齊帥師伐莒庚申

莒潰楚人入鄆

**TẤN NHÂN CHẤP TRỊNH BÁ, TẤN LOAN THU
SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH**

**NGƯỜI TẤN BẮT TRỊNH BÁ. LOAN THU
NƯỚC TẤN CẨM QUÂN ĐÁNH TRỊNH**

Tả Thị -

Mùa thu, Trịnh Bá sang Tấn. Người Tấn trị về tội đã theo Sở, bắt giữ tại Đông đê, Loan Thu đánh Trịnh. Người Trịnh sai Bá Quyên tới xin hòa. Người Tấn giết đi. Thế là phi lễ: hai bên đánh nhau, theo lễ không được giết sứ. Tử Trọng nước Sở đánh Trần (đồng minh với Tấn) để cứu Trịnh.

Phụ lục Tả Truyện - Vua Tấn đi thăm các kho, trại, trông thấy Chung Nghi mới hỏi tả hữu: Người đội mũ xứ Nam mà bị giữ là ai thế. Quan chức vụ tâu: Đó là tù nhân nước Sở, người Trịnh bắt được, nộp ta. Tấn Hầu cho cởi trói, gọi lên, ra về thương xót. Chung Nghi hai tay lạy rạp đầu. Tấn Hầu hỏi đến gia thế. Nói ông cha trước giữ chức Nhạc quan ở triều đình Sở. Tấn Hầu hỏi có biết ca nhạc không đáp: Đó là nghề của cha xưa, đâu dám thay nghề khác. Tấn Hầu mới sai đưa cho đàn cầm. Chung Nghi gảy một bài điệu nam. Hỏi đến vua Sở thì đáp: Tiểu nhân đâu dám biết. Gặng hỏi thì nói: khi vua Sở còn là Thái Tử, có Thái Phó cùng Thái Bảo trông coi. Sớm cùng với Anh Tề (Tử Trọng), chiều cùng với Trắc (Tử Phạm). Còn việc khác thì không được biết. Tấn Hầu nói chuyện lại với Phạm Văn Tử. Văn Tử nói: "Người tù này là bậc quân tử. Nói đến chức vụ của ông cha, tức là không bội bản, phản gốc. Đàn điệu nam là không quên nước cũ. Nói đến thời vua làm Thái Tử, là không vì tình riêng, lợi riêng. Gọi tên tục hai đại thần, là tôn kính nhà vua. Vậy không quên gốc là có đức nhân. Nhớ nước là trung. Không tư lợi là tín. Tôn kính vua là thông mẫn. Nhân để tiếp tục công việc. Tín để giữ được việc. Trung để thành được việc. Mẫn để làm việc. Hạng ấy, việc khó đến đâu, rồi cũng làm được. Sao nhà vua không

tha cho về, sai mưu việc hòa giữa Sở với Tấn". Tấn Hầu nghe theo, trọng đãi Chung Nghi, tha cho về Sở, để mưu nghị hòa.

Cốc Thị - Không chép là đánh nhau là có Trịnh Bá. Vì tôn kính mà tránh một việc nhục. Vì quý hiền mà tránh điều lỗi, vì tình thân, mà kiêng tật xấu.

Lưu Sưởng - Chép chữ nhân, người, để làm việc. Bất, không phải là lỗi hàng Bá trị tội. Tại sao chép thế. Người Sở cho Trịnh nhiều hối lộ, để Trịnh Bá theo hội với Sở. Người Tấn giận. Đến khi Trịnh Bá tới châu thì bắt lấy, rồi đem quân đánh Trịnh. Người Trịnh lập ngay vua khác để chống cự. Sau Tấn tha Trịnh Bá về. Trịnh mà sinh loạn là do Tấn gây ra.

Cốc Lương có bàn, không chép chữ chiến là vì Trịnh Bá. Bàn thế sai. Xuân Thu phạt mà không có chiến, thì nhiều lần lắm, đâu có phải là có phạt thì cứ phải có chiến.

Vì người thân, mà kiêng nói tật cũng là bàn sai. Bất vua người ta, để đánh nước người ta, rất là vô đạo, phải chê, còn kiêng gì.

Gia Huyền Ông - Căn cứ vào Truyện, Trịnh Bá sang Tấn, thế là Trịnh chưa cáo tuyệt với Tấn. Bất vua, đánh nước, chính trị của nước Tấn sai bậy rồi. Chép là: nhân, người, là: chấp, bắt, là: phạt, đánh, thế là trị tội nước Tấn.

Uông Khắc Khoan - Tấn không lấy lễ mà nâng dất, không lấy đức mà phục tòng các nước xa, giận Trịnh hai lòng theo Sở, bắt vua Trịnh, đánh nước Trịnh, giết sứ Trịnh đến cầu hòa, thật là bạo ngược. Tuy nhiên, Xuân Thu chép Loan Thư cầm quân, chép chữ phạt, đánh mà không thêm lời biếm, chê, còn người Sở phạt Trần để cứu Trịnh, thì Kinh tước đi không chép, thế là vẫn nâng Tấn, mà hạ Sở.

冬十有一月葬齊頃公

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT.

TÁNG TẾ KHOẢNH CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, LỄ TÁNG TẾ KHOẢNH CÔNG

楚公子嬰齊帥師伐莒庚申

莒潰楚人入郢

**SỞ CÔNG TỬ, ANH TẾ XUẤT SỰ PHẠT CỬ
CANH THÂN, CỬ HỘI. SỞ NHÂN NHẬP VẬN**

**CÔNG TỬ TẾ ANH NƯỚC SỞ CẨM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CỬ
NGÀY CANH THÂN, QUÂN NƯỚC CỬ TAN VỠ,
QUÂN ĐỘI SỞ VÀO ẤP VẬN NƯỚC CỬ**

Tả Thị - Mùa đông, tháng 11, Tử Trọng nước Sở, từ nước Trần, đem quân tràn vào nước Cử, vây thành Cử Khưu. Tường lũy xấu, dân mới chạy tới quốc đô. Ngày Mậu Thân, quân Sở vào Cử Khưu. Người Cử bắt được Công Tử Bình nước Sở. Sở cho người bảo đừng giết Bình, thì thả tù binh Cử. Người Cử cứ giết. Quân đội Sở vây quốc đô. Tường lũy đã hư hỏng không chắc. Ngày Canh Thân, Cử tan vỡ. Sở vào đất vận. Cử vì thiếu sự phòng bị nên thua. Người quân tử bàn: Tướng là mình hèn kém, không cẩn phòng bị, thế là tội to. Phòng bị để phòng việc không ngờ, mới là giỏi. Nước Cử cho là mình bé nhỏ, không ai tới dòm ngó, không sửa sang thành quách, chỉ trong khoảng 12 ngày mà quân Sở lấy được ba thành, chỉ là vì không có phòng bị. Kinh Thi có nói: Dù cho có sợi tơ, sợi gai, cũng đừng bỏ lau, bỏ cỏ. Đàn bà dù có những họ Cơ, Khương, cũng đừng khinh thường những họ Tiêu, Tuy. Phàm quân tử xưa, nay và sau, không ai là không bị, một lần phải thay thứ tốt bằng thứ kém hơn. Nói thế nghĩa là cần phòng bị từ trước Cử Khưu là tên ấp.

Cốc Thị - Chép ngày, vì Cử tuy ở khoản Di Dịch, mà còn là Trung Quốc, Đại phu thấy nước Cử tan, chạy sang Sở. Thế

là chỉ biết tới chỗ hơn. Thật đáng ghét, cho nên cẩn thận chép ngày.

Lưu Sưởng - Cốc Lương chép rằng, đại phu thấy tan, mới chạy tới Sở. Chép thế là bậy. Kinh chỉ chép Cử tan vỡ, chứ không có chữ chạy sang Sở, thế thì Cốc Lương lấy ở đâu ra những chữ đó. Mà “hội, tan vỡ” không phải là đại phu làm cho hội, cho tan vỡ, vì có gì lại gán cho đại phu. Hình như là không hiểu nghĩa chữ “hội, tan vỡ”. Phàm gọi là hội là coi như nước chảy.

Gia Huyền Ông - Sở mà đánh Cử là để cứu Trịnh. Cử là đồng minh của Tấn ở hội Mã Lăng, hội Bồ. Tấn trông thấy Cử nguy vong, mà ngồi trông không giúp. Xuân Thu vốn ghét lối đó. Trịnh bội với Sở, thì bắt lấy vua, mà đánh vào nước. Còn Cử bị Sở đem quân, đánh thua, thì ngơ đi, không hỏi đến, đạo người Minh chủ như thế đã phải chưa.

秦人白狄伐晉

TẦN NHÂN, BẠCH ĐỊCH PHẠT TẤN

NGƯỜI TẦN VÀ GIỐNG BẠCH ĐỊCH ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Người Tần và Bạch Dịch đánh Tấn, vì chư hầu đã nhĩ tâm.

Cao Kháng - Tấn làm Minh chủ, đã bắt Trịnh Bá lại không cứu nước Cử, cho nên chư hầu sinh nhĩ tâm, mà người Tần liên kết với Bạch Dịch để đánh. Thế mới biết Cảnh Công không làm Bá được.

Gia Huyền Ông - Tuyên Công năm thứ 8, có chép quân Tấn cùng Bạch Dịch đánh nước Tấn. Là chê Tấn. Tuy nhiên, chép còn dùng chữ quân đội Tấn. Nay Kinh chép chữ (Tần nhân) và Bạch Dịch đánh Tấn là chê Tấn. Sao chê? Vì là dăng với Sở mà đem quân đi đánh Tấn.

鄭 人 圍 許

TRỊNH NHÂN VI HỨA

NGƯỜI TRỊNH VÂY NƯỚC HỨA

Tả Thị - Người Trịnh vây Hứa, để cho Tấn biết là Trịnh không cần gì vua bị giam giữ. Đó là mưu của Công Tôn Thân, Thân bàn: Ta đem quân vây Hứa làm như sắp đổi ngôi vua, hoãn việc đi sứ. Tấn tất thả vua ta về.

Cao Kháng - Trịnh vì Tấn giam mất vua, cho nên truy cứu trách cứ ở Hứa, và vây Hứa.

城 中 城

THÀNH TRUNG THÀNH

XÂY ĐẮP THÀNH TRUNG THÀNH

Tả Thị - Xây đắp Trung Thành, Chép mùa. Đúng mùa.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 12, vua Sở sai Công Tôn Thân sang Tấn để đáp lại việc Chung Nghi được vua Tấn tha về và sai nghị hòa Tấn Sở.

Cốc Thi - Xây Trung Thành, không phải là không lo cho dân.

Xét - Mạnh Tử bàn về địa lợi có nói: Thành cao hào sâu. Nói với Đằng Văn Công, có câu: đào hào, xây thành. Vây đã có nước, cần đặt nơi hiểm để giữ nước. Người Sở đã đánh Cử, sẽ tới Lô, cho nên phải phòng bị, phải sửa thành, mà không hại đến ngày giờ công việc của dân. Thế thì không bị chê. Hồ Truyện căn cứ vào Cốc Lương, cho là phạm chép xây thành là có chê, như thế không phải là lời bàn đúng lý.

Năm Canh Thìn. Vua Giản Vương, năm thứ 5.

十 年
THẬP NIÊN
NĂM THỨ 10

Tấn Cảnh, năm thứ 19. Tề Linh Công tên là Hoàn, năm đầu. Vệ Linh, năm thứ 8. Sái Cảnh, năm thứ 11. Trịnh Thành, năm thứ 4. Tào Tuyên, năm thứ 14. Trần Thành, năm thứ 18. Kỷ Hoàn, năm thứ 56. Tống Cung, năm thứ 8. Tần Hoàn, năm thứ 24. Sở Cung, năm thứ 10. Ngô Thợ Mộng, năm thứ 5.

春
XUÂN
MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 10, mùa xuân. Tấn Hầu sai Dịch Phiệt, sang Sở đáp lễ Thái Tể Tử Thương (Công Tử Thần nước Sở).

衛侯之弟黑背帥師侵鄭
VỆ HẦU CHI ĐỆ, HẮC BỐI SUẤT SƯ XÂM TRỊNH
EM VỆ HẦU LÀ HẮC BỐI CẨM QUÂN XÂM TRỊNH

Tả Thị - Tử Thúc Hắc Bối nước Vệ, xâm Trịnh, do mệnh, ước Tấn.

Gia Huyền Ông - Em cùng mẹ đi sứ về việc lễ sinh thì còn được. Sai cẩm quân, thì không phải là yêu em. Chép là chè. Vệ theo mệnh Tấn, đi xâm nước Trịnh, sai em cẩm quân là trách Vệ. Sai chư hầu đánh chư hầu là trách Tấn. Thế tức là một câu mà hai thứ trách.

Ngô Trường - Tấn đã giam Trịnh Bá, lại sai Loan thư đánh Trịnh. Nay lại sai Vệ xâm Trịnh. Đó là vì một nước Bá như thế. Thế thì sao mà làm cho Trịnh phục được.

夏四月五卜郊不從乃不郊

HẠ, TỬ NGUYỆT, NGŨ BỐC GIAO,

BẤT TỔNG, NÃI BẤT GIAO

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NĂM LẦN BÓI TẾ GIAO

KHÔNG ĐƯỢC, MỜI THÔI TẾ GIAO

Công Thi - Chép mới thôi tế Giao, là thế nào? Vì không miễn con vật tế, cho nên chép, mới thôi tế giao.

Cốc Thi - Mùa hạ tháng tư, là không phải mùa. Năm lần bói là cố cho được. “Mới” là ý không phải tự người không muốn.

Sư Hiệp - Bói đến năm lần, là bảy. Trời mà có hưởng là đúng theo đạo trời. Đâu có cố được, cầu được.

Cao Kháng - Lỗ không nên tế Giao. Nay không tế Giao không phải là đã theo lễ. Chỉ vì năm lần bói mà không được.

五月公會晉侯齊侯宋公衛侯曹伯伐鄭

NGŨ NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỔNG

CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, PHẠT TRỊNH

THÁNG NĂM, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TẾ HẦU, TỔNG

CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thi - Công Tử Ban nước Trịnh biết mưu của Thúc Thân, Tháng ba, Tử Như, lập Công Tử Nhu. Mùa hạ, tháng tư, người Trịnh giết Nhu, lập Khôn Ngoan, con lớn Trịnh Thành Công. Tử Như (Công Tử Ban) chạy sang nước Hứa. Loan Vũ Tử nước Tấn nói: “Người Trịnh lập vua. Ta giữ một người Trịnh ở đây vô ích (vì không là vua nữa). Không bằng, nay đánh Trịnh trả lại vua rồi cho hòa”. Tấn Hầu có bệnh nặng. Tháng năm, người Tấn lập Thái Tử là Châu Bồ lên thay. Rồi họp chư hầu đi đánh Trịnh. Tử Hân nước Trịnh (con Mục Công) hối lộ tướng bằng đồ quý là cái chuông Tương Chung Tử Nhiên (một con ngựa của Mục Công) thể với Tấn tại đất Vu Trạch. Tử Tứ (một con ngựa), làm con tin. Ngày Tân Tỵ, Trịnh Bá được về.

Xét - Sau hội đó không lâu, thì Tấn Hầu mất. Kinh không

chép là mất ở trong quân. Cho nên Tả thị chép thêm, cho là Tấn Hầu bệnh nặng, lập Thái Tử làm vua để hội tập chư hầu. Xuân Thu là Kinh dạy muôn đời, đâu lại có chuyện thay bố còn sống làm vua mà cứ chép tước là vua. Cho nên bọn tiên nho bác đi.

齊人來滕

TÊ NHÂN LAI GIẢNG

NGƯỜI TÊ ĐƯA GIẢNG TỚI

Tả Thị - Giảng thì không chép. Đây là vì Bá Cơ. Ba nước cung cấp giảng là phi lễ. Sao lại đều là vì Bá Cơ mà chép. Người đàn bà được cung cấp như thế là quá con số đã định.

Cao Kháng - Bá Cơ già chồng đã lâu. Chư hầu cho là hiền, còn gửi giảng tới. Tuy nhiên, nước Tấn, nước Vệ đã cung đủ số, sao lại còn gia tăng nữa.

Xét - Chư hầu một lần lấy vợ, được thêm chín người giảng. Bá Cơ làm phu nhân của Tống Công. Người Tê lại tiếp theo Tấn và Vệ, Cung thêm giảng, thành con số 12. Thánh nhân về việc Bá Cơ, chép tường tận, đủ gốc ngọn, mà cũng nhân đó nhận thấy việc thất lễ.

邲午晉侯耨卒

BÍNH NGỌ, TẤN HẦU NẬU TỐT

NGÀY BÍNH NGỌ, TẤN HẦU TÊN LÀ NẬU MẤT

Tả Thị - Tấn Hầu mộng thấy một con quỷ cao lớn, tóc dài chấm đất, tự vỗ ngực, nhảy lên, rồi nói: Người giết oan cháu ta. Ta tâu Thượng đế rồi. Quỷ đập phá cửa cung, cửa phòng, đi vào. Tấn Hầu sợ bước vào buồng nằm. Quỷ lại đập cửa buồng, đi vào. Tỉnh dậy cho gọi người thầy bói ở Tang Điền tới. Người bói nói ngay nhà vua mộng thấy gì rồi đây việc sẽ tới đúng. Vua hỏi việc gì. Người bói nói y như việc thấy trong mộng và đoán trước là nhà vua không được ăn lúa mạch, tức là chết trước mùa gặt.

Công bệnh nặng, cho tới nước Tần mời thầy thuốc. Tần Bá sai thầy thuốc tên là Hoãn sang Tấn. Trước khi thầy thuốc tới, Tấn Hầu mê thấy hai đứa bé bàn nhau: hần là thầy thuốc giỏi. Hại chúng ta. Trốn đầu được. Một đứa nói: Chui vào trên chỗ hoang, dưới chỗ cao, thì làm gì được ta. Thầy thuốc tới coi bệnh xong nói: Bệnh không chữa được vì đã vào đến cao hoang, dưới cao, trên hoang, mỗ xê không được, thuốc không tới. Xin chịu. Tấn Hầu khen thật là lương y. Ban cho hậu lộc, cho về. Tháng sáu, ngày Bính Ngọ, Tấn Hầu muốn ăn cháo mạch, sai người ngoài ruộng “điện”, hiến lúa mạch mới để nấu, Tấn Hầu cho gọi người bói tới, cho biết là có lúa mạch, rồi xử tử ngay. Khi sắp ăn, thì đau bụng đi vào cầu tiêu, ngã ra, chết ngay. Buổi sớm, có một thị vệ mê thấy công Tấn Hầu đi lên trời. Buổi trưa, chính tên đó khiêng ra khỏi cầu tiêu. Rồi về sau, bị làm lễ chôn trên ma vua Tấn Hầu (Lễ gọi là Tuấn tử, chôn theo).

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá khi được tha về nước, trị tội vua mới lập. Ngày Mậu Thân, giết Thúc Thân, Thúc Cầm. Người quân tử bàn Trung vì người có đức còn cần chọn, huống chi người không có đức.

秋 七 月 公 如 晉

THU, THẤT NGUYỆT, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Mùa thu. Lỗ Công sang Tấn. Người Tấn giữ Công lại để dự việc tổng táng. Khi đó, Tấn Dịch Phiệt đi sứ Sở chưa về. Mùa đông, lễ chôn Tấn Cảnh Công. Lỗ Công dự tổng táng. Chư hầu không ai có mặt. Người Lỗ xấu hổ. Cho nên Kinh không chép. Kiêng.

Hồ Truyện - Đây là lễ chôn Tấn Hầu. Không chép, là kiêng. Tang Thiên tử quan hệ đến tất cả các nước, mà công việc trông coi là phần chư hầu. Tang chư hầu thì quan hệ đến các nước cùng giao hiếu, mà công việc trông coi là phần các đại phu. Lỗ Công ở lại chôn Tấn Công là phi lễ. Giá như đối với Thiên Tử thì phải vậy. Truyện chép là người Tấn giữ Lỗ Công để dự tổng táng mà các chư hầu không ai dự, người Lỗ nhục lắm, cho nên kiêng không

chép. Bàn thế sai. Giá thử chư hầu đều đủ mặt, người Lỗ không lấy làm nhục, thế thì Kinh nên chép hay sao.

Cao Kháng - Khi xưa, Thiên Tử mất, Lỗ Công không có bôn tang. Nay lại bôn tang Tấn Hầu, lại bị người Tấn giữ, sai phải làm việc tống táng cho nên việc lễ chôn Tấn Cảnh Công, không dụng chạm đến.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Năm Tân Tỵ. Vua Giản Vương, năm thứ 6.

十 有 一 年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Lệ Công, tên là Châu Bô, năm đầu. Tề Linh, năm thứ 2. Vệ Định, năm thứ 9. Sái Cảnh, năm thứ 12. Trịnh Thành, năm thứ 5. Tào Tuyên, năm thứ 15. Trần Thành, năm thứ 19. Kỷ Hoàn, năm thứ 57. Tống Cung, năm thứ 9. Tần Hoàn, năm thứ 25. Sở Cung, năm thứ 11. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 6.

春 王 三 月 公 至 自 晉

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA. LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ LỖ

Tả Thị - Năm thứ 11, Mùa xuân, Vương tháng ba, Lỗ Công từ Tấn về. Người Tấn cho Công là nhị tâm, theo Sở, cho nên giữ Công. Công xin chịu thề, rồi mới được tha về.

Triệu Bằng Phi - Lỗ Công, từ năm trước, tháng bảy sang nước Tấn, đến nay là tháng ba, mới về Lỗ, ở lại Tấn vừa chín tháng. Lỗ cũng có nhân dân, có xã tắc, cần phải bảo vệ. Tấn Hầu tên là Nậu mất vào tháng năm, thì tháng chín có lễ chôn.

Đã chôn xong, mà còn lưu giữ lại sáu tháng nữa, thật là đáng sợ hộ cho Thành Công.

晉侯使卻犇來聘杞丑及卻犇盟

TẤN HẦU SỬ KHÍCH SƯU LAI SÍNH, KỶ SỬU

CẬP KHÍCH SƯU MINH

**TẤN HẦU SAI KHÍCH SƯU TỚI SÍNH LỄ NGÀY KỶ SỬU,
CÔNG CÙNG KHÍCH SƯU THỂ**

Tả Thi. Khích Sưu tới sinh lễ, và để lễ thể.

Mẹ đẻ ra Thanh Bá khi lấy chồng (bố Thanh Bá) không đủ lễ cưới. (Thanh Bá là Công Tôn Anh Tề, bố tên là Thúc Hật là em cùng mẹ với Lỗ Tuyên Công). Mục Khương, vợ Tuyên Công thường nói: "Tôi không coi một người thiệp là em dâu tôi được". (vì không đủ lễ cưới thì không được là thê). Người ấy đẻ ra Thanh Bá, rồi bị chồng là Thúc Hật bỏ, mới lấy người nước Tề tên là Quản Vu Hề, được hai con, một trai, một gái, rồi hóa chồng, trở về Lỗ cùng hai con, ở với chồng trước là Thanh Bá. Sau Thanh Bá cho đứa em khác cha làm đại phu và đứa em gái khác cha thì gả cho Thi Hiếu Thúc nước Lỗ.

Khi Khích Sưu tới Lỗ lễ sinh xong, nói với Thanh Bá muốn lấy vợ. Thanh Bá đem ngay vợ Thi Hiếu Thúc (em gái khác cha) gả cho. Vợ hỏi chồng: Loài chim muông còn biết giữ nhau. Chàng định sao. Chồng nói: Tôi không có tài chết hoặc bỏ nhà cửa ra đi được. Thế là người vợ theo Khích Sưu về Tấn, sinh được một trai, một gái, rồi bị góa, rồi bị người Tấn cho cùng với hai con về với chồng cũ. Thi Hiếu Thúc ra đón vợ cũ ở bờ sông Hoàng, dìm hai đứa con xuống nước chết. Người vợ giận nói: Trước, người đã không che chở cho vợ, để vợ phải đi xa. Nay lại không biết nuôi hai đứa mồ côi, mà giết đi, rồi đây người sẽ chết cách nào. Thế là thê không làm vợ Thi Hiếu Thúc nữa.

Cao Kháng - Lỗ Công lưu lại ở Tấn chín tháng. Tấn Hâu không cùng thể với Công. Kịp đến khi Công được về nước, thì Tấn Hâu lại cho ngay đại phu sang cùng thể. Thật rõ là Tấn Hâu rất vô lễ với Lỗ Công.

Gia Huyền Ông - So với việc thời Thành Công năm thứ 3, Tuần Canh tới lễ sinh rồi thì thế, thì cách biên chép giống nhau. Việc Tuần Canh thế, là do Lỗ tự hiềm là nhị tâm, cho nên cầu cho thế, tuy là cùng sánh với đại phu, mà đáng trách là trách ở Lỗ. Nay Tấn vô lễ với Công, sợ Công theo Sở, cho nên sai Khích Sư làm lễ thế đó, đáng trách là ở Tấn, Tấn Lệ, mới lập làm vua, thấy vô lễ đối với chư hầu, nên chép để chê.

Ngô Trường - Tấn Cảnh Công mất. Thành Công đầu tiên tới bôn tang, có thể cho được là kính cần trong việc thờ phụng nước lớn. Thế mà Tấn không lấy lễ đối xử, lại giữ lại để châu chực việc tống táng, thật là làm cho rất nhục. Việc tống táng đã xong, lại không tha cho về. Lỗ Công mới xin chịu thế tỏ là không có nhị tâm, cho nên sau ba tháng mới được về. Vừa tới Lỗ thì Khích Sư đã tới kịp, Khích Sư đâu có phải là thực tâm tới lễ sinh, chỉ là để áp bức Lỗ Công phải thế.

夏季孫行斧如晉

HẠ. QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Văn Tử sang Tấn, đáp lễ sinh và cũng để thế.

Phụ lục Tả Truyện - Đại thần Triều Chu, là Chu Công, tên là Sở ghét vua Huệ, vua Tương, cho là bị áp bức, mà cũng muốn tranh quyền chính với vị đại thần tên là Bá Dư. Không tranh nổi, mới bỏ nước đi. Đi mới tới Dương Phàn, còn trong đất nhà Chu, thì vua Chu cho Lưu Tử triệu lại, lập minh ước ở đất Quyên. Về đến Kinh sư được ba ngày thì Chu Công lại chạy sang Tấn.

Hoàng Trọng Viêm - Người Tấn giữ Lỗ Công 9 tháng, rồi sau cho về. Tuy nhiên sinh lễ với Lỗ luôn, đâu có phải là muốn thân với Lỗ, chỉ là vì nghi Lỗ phản, muốn giữ lại thời. Lỗ Hầu bị Tấn làm nhục, tuy còn thường thường tới châu Tấn, đâu có phải là tâm phục Tấn, chỉ vì sợ uy mà nịnh nọt, cung phụng

đó thôi. Một đảng cố kết cho là tín, một đảng xiêm ninh cho là lễ. Cả hai đều là cách tiêu nhân đối với nhau.

秋 叔 孫 僑 如 如 齊

THU, THÚC TÔN KIỂU NHƯ NHƯ TÊ
MÙA THU, THÚC TÔN KIỂU NHƯ SANG TÊ

Tả Thị - Mùa thu, Tuyên Bá lễ sinh ở Tê. Để nối việc giao hiếu trước.

Xét - Kiêu Như sang Tê, bọn nho cho là bị Tấn làm nhục cho nên đổi ra thờ Tê, lý hoặc giả thế chẳng. Thời đó, Tê mới ở sau cuộc bại trận, Lỗ mà theo Tê, thì Tê cũng chưa dám chống Tấn. Vả lại, Lỗ sợ Tấn không đủ nhờ cậy, rồi Tê có thể thừa cơ gây việc binh, thì Lỗ xoay sở làm sao. Cho nên cùng với Tê giao hiếu trước cho yên chuyện. Vì thế, Hàng Phủ và Kiêu Như nối nhau sang Tấn, sang Tê.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT
MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện. Khích Chi nước Tấn tranh ấp Hâu ở đất nhà Chu. Vua mệnh cho Lưu Khanh Công, Thiện Tương, đến nước Tấn để cho vua Tấn sử. Khích Chi nói: “Ôn, tên nữa của ấp Hâu, là đất đai của họ nhà tôi, tôi bỏ sao được”. Lưu Khang Công và Thiện Tương Công nói: “Xưa nhà Chu diệt xong nhà Thương, có vạch ranh giới các nước chư hầu, để các vua chư hầu chia trị. Tô Phấn Sinh được đất Ôn và giữ chức Tư Khấu. Đất đó cũng như đất của Đan Bá, rộng tới sông Hoàng. Họ Tô thì đất tới rợ Dịch, rồi không thể cùng ở với Dịch được, phải lui về Vệ. Tương Vương thưởng công cho Tấn Văn Công mới cho Ôn. Rồi Ôn thuộc về các họ Hồ, họ Dương, rồi đến họ ngài. Vậy nếu ngược lên, thì thấy chỉ là một ấp của một quan chức triều Chu. Ông chiếm thế nào được”. Tấn Hâu truyền cho Khích Chi thôi không được tranh nữa.

Hoa Nguyên nước Tống là bạn với Tử Trọng, lệnh đoàn nước Sở và Loan Vũ Tử nước Tấn. Hoa Nguyên được tin là người Sở đã hứa với Dịch Phiệt nước Tấn, cùng Tấn hòa, và sai Dịch Phiệt đưa tin về cho vua Tấn. Mùa đông, Hoa Nguyên sang Sở, rồi sang Tấn để làm trung gian cho Tấn, Sở hòa.

Tần và Tấn muốn hòa, hẹn nhau họp tại Linh Hồ, đông ngạn sông Hoàng, Tấn Hầu đến trước. Nhưng Tần Bá không chịu qua sông, ngừng lại Vương Thành đợi. Sai Sử quan là Khảo sang bên đông sông Hoàng, để thề với Tấn Hầu. Còn Khích Sư với nước Tấn, thì sang phía tây sông Hoàng, để thề với Tần Bá. Phạm Văn Tử nói: Thề như thế thì có ích gì. Cùng làm mình ước là để giữ chữ tín. Mỗi đầu đã thiếu, thì còn có gì là chắc chắn. Tần Bá khi về đến triều là bội ước ngay.

Năm Nhâm Ngọ. Vua Giản Vương năm thứ 7.

十 有 二 年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tấn Lệ năm thứ 2. Tề Linh, năm thứ 3. Vệ Định, năm thứ 10. Sái Cảnh, năm thứ 13. Trịnh Thành, năm thứ 6. Tào Tuyên, năm thứ 16. Trần Thành, năm thứ 20. Kỷ Hoàn, năm thứ 58. Tống Cung, năm thứ 10. Tần Hoàn, năm thứ 26. Sở Cung, năm thứ 12. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 7.

春 周 公 出 奔 晉

XUÂN, CHU CÔNG XUẤT BÔN TẤN

MÙA XUÂN, CHU CÔNG CHẠY SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị. Năm thứ 12. Mùa xuân, Sứ Thiên Tử, tới báo cáo nạn Chu Công Kinh chép là Chu Công đi ra khỏi nước và chạy đến Tấn. Xưa nay, không ai ra khỏi nước Chu (vì cả thiên hạ là Chu). Đây là Chu Công rời khỏi quyền trực tiếp Thiên Tử.

Công Thị - Chu Công là một trong ba vị Tam Công ở triều

đình Chu. Nhà vua không có trong, ngoài vì đâu đâu cũng là đất nhà vua. Đây nói là ra khỏi nước là thế nào. Là từ ấp riêng mà đi ra.

Cốc Thi - Chu chỉ có vào, không có ra. Nói là ra, thì kể trên, người dưới thế nào, nhận ra rõ ngay. Nói đạo của trên dưới, thế là không còn nữa. Trên dù có mất, dưới đâu dám được. Nay trên dưới thế là đều mất.

Đỗ Dư -. Thiên Tử không có trong ngoài. Cho nên chạy trốn, không nói là xuất, ra, ra khỏi nước. Chu Công được vua triệu trở lại, mà rồi tự mình rút với Chu, cho nên chép chữ xuất là buộc tội.

Lục Thuần - Công Dương ban: Vương giả không có trong ngoài. Đây chép là xuất, ra, là từ ấp riêng chạy ra. Xét nhà Chu là nước ở trong khu Điện nội, thì không nên dùng chữ ấp riêng.

Tôn Giác - Theo nghĩa Xuân Thu, thì từ Chu không đi ra nước nào. Thiên hạ chỉ có một chu. Đi đâu thì cũng là Chu. Thiên Vương ở Trịnh, Chu Công chạy sang Tấn, là việc lạ. Ý của Khổng Tử là: Vua, sở dĩ là vua, vì có ngôi vị, mà cả thiên hạ là của vua. Vua được xét là xuất, ra, là tự mình rút với ngôi vị mình mà lại không còn có thiên hạ nữa. Thiên hạ đã không có nữa, thì tuy ở Trịnh, cũng không thể không chép là xuất. Chu Công sở dĩ là Chu Công, vì là tá hữu của Thiên Tử, mà cùng Thiên Tử cùng trị. Làm Tam Công mà tự mình rút, rời, khỏi Thiên Tử, thì không còn gọi là Tam Công nữa. Tuy chỉ là chạy đến Tấn, mà cũng như đã chạy ra ngoài bốn bể.

Thiên hạ có một vương. Mà vương có tam công. Kinh Xuân Thu chép là xuất, dụng ý nói là thiên hạ không có vương, mà vương không có tam công.

HẠ, CÔNG HỘI TẤN HẦU, VỆ HẦU, VU TỎA TRẠCH
MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TẠI TỎA TRẠCH

Tả Thị - Hoa Nguyên nước Tống cố hoàn thành được việc hòa giữa Tấn và Sở. Mùa hạ, tháng năm. Sĩ Tiếp nước Tấn hội với công tử Bại và Hứa Yến. Ngày Quý Hợi, thê ở ngoài cửa tây Quốc đông Tống. Trong minh ước có nói: “Không bao giờ Tấn và Sở giao chiến. Cùng nhau, hay như dờ (yêu ai, ghét ai giống nhau). Giúp nhau trong hoạn nạn. Cứu nhau trong hung hại. Kẻ thù nào hại Sở thì Tấn đánh. Kẻ thù nào hại Tấn thì Sở đánh. Sứ thần hai nước đi lại, quan ải, đạo lộ, không ngăn cản. Hai nước cùng mưu kế đối với kẻ bất phục tùng, và trừng trị những ai phản chủ. Nếu ai trái minh ước, thì thần linh, trừng phạt làm cho quân đội tan vỡ, không giữ được đất nước”. Vua Trịnh đi tới Tấn để nhận các điều kiện hòa, khi nghe thấy Sở và Tấn cùng hội tại Tỏa Trạch, mà đã ký kết minh ước rồi.

Lưu Sưởng - Tả Thị nói: Tống Hoa Nguyên cố hoàn thành được việc hòa giữa Tấn và Sở. Trịnh Bá sang Tấn để nhận các điều kiện hòa, khi nghe thấy Sở và Tấn cùng hội tại Tỏa Trạch mà đã ký kết minh ước rồi. Tuy nhiên, hội Tỏa Trạch vốn để họp Sở và Trịnh. Nay Sở và Trịnh không tới, Lỗ và Vệ tự thê là thế nào. Vả lại họp Tấn và Sở, là do Tống, Tống cũng không dự, thế là thế nào. Phàm Tấn và Sở mà hòa, thì nên đại hội chư hầu để phô trương hòa hảo. Nay chỉ có ba nước hội mà thôi, thế lại là thế nào. Vậy thì các lời chép ở Truyện không thể tin được.

Xét - việc thê ở cửa tây thành Tống, Tả Thị kể tường tận, mà lại không thấy chép trong kinh. Triệu Khuông sau phải cho là một thuyết phụ vào. Triệu Khuông bàn sai. Nếu quả là không có hội thê ấy, thì Khích Chí và Công Tử Bại, đi lại luôn luôn làm gì.

Xét - Việc Tấn Sở hòa, Xuân Thu vốn ghét, cho nên Thánh nhân san đi không chép. Hội Tỏa Trạch, Kinh chép Lỗ với Tấn,

Vệ, mà không có Trịnh Bá. Truyện thì kể Trịnh Bá sang Tấn, mà lại không kể Lỗ, Vệ. Cho nên Lưu Sưởng cho là Truyện không đủ tin. Tuy nhiên, việc Xuân Thu thì phải căn cứ vào Tả Truyện. Và lại, cứ như thế đã lâu rồi. Vậy cứ để.

秋 晉 人 敗 狄 于 交 剛

THU, TẤN NHÂN BẠI ĐỊCH VỤ GIAO CƯƠNG

MÙA THU, NGƯỜI TẤN ĐÁNH BẠI RỢ ĐỊCH TẠI GIAO CƯƠNG

Tả thị. Người Dịch nhân khi Tấn và Sở đang hội thề ở quốc đô Tống, mới tràn vào Tấn, dù dự bị chưa đủ. Mùa thu, Tấn đánh tan quân Dịch tại đất Giao Cương.

Cốc Thi. Về việc Trung Quốc với Di Dịch thì không chép chữ chiến. Điều nói là đánh cho thua. Đối với Di Dịch không chép ngày.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Khích Chí nước Tấn sang nước Sở lễ sinh và cũng để ký kết minh ước. Vua Sở thết tiệc. Tử Phán giữ chức Tướng lễ, có cho đào dưới đất một nếp nhà, để đặt chuông và trống. Khi Khích Chí sắp bước lên thêm thì chuông giống ở dưới đất. Chí hoảng sợ rảo bước đi ra. Tử Phán nói: Bóng chiều đã xế. Quả quân tôi đợi trong điện. Mời ngài vào. Khích Chí đáp: Nhà vua không quên tình giao hiếu của các tiên quân Sở và Tấn, ơn tới cả cho đến hạ thần, ban cho đại lễ, cử nhạc. Ví như, trời thêm phúc, hai vua gặp nhau thì còn lễ nào trọng hơn được. Hạ thần không dám nhận những lễ nghi này. Tử Phán nói: Ví như nhờ trời, hai vua gặp nhau, tức là mỗi vị có phát tên để tặng nhau. Thế thì có dùng gì đến nhạc. Hiện nay quả nhân tôi đợi, xin mời vào. Khách nói: Ví như hai vua lấy phát tên tặng nhau, thì đó là một tai họa lớn, đâu còn gọi là nhờ phúc trời. Khi khắp thiên hạ

đều có kỷ cương, các vua chư hầu không phải bận rộn về việc của Thiên Tử, thì sẽ luôn luôn gần nhau ở triều đình, lúc đó có lễ nghi, tiệc hưởng, tiệc yến. Trong các tiệc hưởng, các vua, treo gương cung kính, cẩn kiệm. Trong các tiệc yến, mới thấy các vua từ ái, ân huệ. Cung kiệm để đủ lễ. Từ huệ để hành chính. Hành chính có lễ mới thành. Dân được yên vui. Trăm quan không phải cần cù suốt tối ngày. Thế mới thực là vua chư hầu trông coi, săn sóc dân. Cho nên Kinh Thi có câu: Các Tướng chăm việc, đem thân làm mộc, làm thành cho vua. Trong thời loạn các chư hầu, tham gian, cướp quyền, phóng dục. Khi muốn tranh một mảnh đất, thì quăng ra chỗ chết, tất cả quân dân. Lấy các tướng làm chân tay, làm nanh vuốt, làm ruột gan, nghĩa là dùng các tướng làm thỏa dục vọng. Cho nên Kinh Thi lại có câu: Các tướng chăm việc, làm phúc tâm cho vua. Khi thiên hạ có kỷ cương, thì Công, Hầu, tựa như tấm mộc, bức thành của dân, mà biết điều khiến phúc tâm, thời loạn thì khác hẳn. Nay lời ngày vừa nói ra là gây mối loạn, không thể lấy làm phép được. Tuy nhiên ngài là chủ, Chí tòi đâu dám không theo. Nói xong đi vào, dự tiệc cho đến cuối.

Khi về Tấn, nói với Phạm Văn Tử. Phạm Văn Tử bảo: Vô lễ thì sẽ ăn lời. Không khéo ta nguy đến nơi.

Mùa đông, Công tử Bại sang Tấn lễ sinh, và để ký minh ước. Tháng 12 Tấn Hầu và Sở Công Tử Bại ký ước tại đất Xích Cúc.

Năm Quý Mùi. Vua Giản Vương năm thứ 8.

十 有 三 年 THẬP HỮU TAM NIÊN NĂM THỨ 13

Tấn Lệ năm thứ 3. Tề Linh, năm thứ 4. Vệ Đinh, năm thứ 11. Sái Cảnh, năm thứ 14. Trịnh Thành, năm thứ 7. Tào Tuyên, năm thứ 17. Trần Thành, năm thứ 21. Kỷ Hoàn, năm thứ 59. Tống Cung, năm thứ 11. Tần Hoàng năm thứ 27. Sở Cung, năm thứ 13. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 8.

春 晉 侯 使 卻 錡 來 乞 師

XUÂN, TẤN HẦU SỬ KHÍCH KỲ LAI KHẮT SƯ

MÙA XUÂN, TẤN HẦU SAI KHÍCH KỲ TỚI XIN QUÂN

Tả Thị. Năm thứ 13. Mùa xuân, Tấn Hầu sai Khích Kỳ tới xin quân, Khích Kỳ tỏ vẻ không kính. Mạnh Hiến Tử nói: Họ Khích chết đến nơi. Lễ đối với người như cái thân cây đối với cây. Kính là nền tảng. Khích Tử không có nền tảng. Vả lại chỉ là nổi cha giữ chức vụ. Theo mệnh chủ tới xin quân, tức là làm một việc quan trọng cho xã tắc. Thế mà ra ý trề nhác, coi thường mệnh chủ. Thoát chết sao được.

Cốc Thị - Xin là chữ nặng. Người xưa cho việc binh là quan trọng, cho nên dùng chữ xin.

Xét - Tấn làm mình chủ, sai sứ gọi quân, mà nói là xin. Đồ Dự thì cho là lời khiếm nhã. Hồ Truyền thì cho là khuất tất kém hèn, thế là nhầm. Thời đó, Tấn đương vô lễ với Lỗ. Lỗ châu thì giữ lại không cho về. Lỗ hội thì ngăn, không cho dự, cho cùng thể với đại phu. Khích Sư là khinh. Bất Hàng Phủ làm cho nhục. Như thế, đâu có thái độ hèn kém, khuất tất.

三 月 公 如 京 師

TAM NGUYỆT CÔNG NHƯ KINH SƯ

THÁNG BA, LỖ CÔNG TỚI KINH SƯ

Cốc Thị - Lỗ Công mà sang Kinh Sư, thì không chép tháng. Chép tháng thì không phải là sang. Không sang mà chép là sang, thế là ý vẫn không bội phản Kinh sư.

Hoàng Trọng Viêm - Thời Xuân Thu, nước Lỗ kế tiếp 12 vị Công. Mà tới châu Thiên Tử có hai vị, đều cùng không bảo được là châu theo lễ nghi, là: Hi Công châu ở Vương Sở, nơi vua đình lại, và Thành Công sang Kinh sư. Hi Công theo đúng lễ châu Thiên Tử, nhưng không phải là ở Kinh sư, tức không phải là nơi châu. Thành Công mượn đường qua Kinh sư, nhân tiện châu vua, mà ý không phải ở châu vua. Cho

nên đều không được coi là đúng lễ. Vì không được coi là đúng lễ, cho nên chép.

夏五月公自京師遂會晉侯齊侯

宋公衛侯鄭伯曹伯鄆人滕人伐秦
**HẠ NGŨ NGUYỆT, CÔNG TỰ KINH SƯ, TỤY HỘI TẤN
HẦU, TẾ HẦU, TỔNG CÔNG VỆ HẦU, TRỊNH BÁ,
TÀO BÁ, CHÂU NHÂN, ĐẲNG NHÂN, PHẠT TRẦN
MÙA HẠ, THÁNG NĂM, LỖ CÔNG, TỬ KINH SƯ RỜI HỘ
VỚI TẤN HẦU, TẾ HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ
TÀO BÁ, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẲNG, ĐỂ ĐÁNH TẤN**

Tả Thi - Tháng ba, Lỗ Công tới Kinh sư. Tuyên Bá muốn được Thiên Tử ra ơn riêng. Mới xin đi trước vua tới Kinh sư. Thiên Tử đối đãi như một vị Hành nhân thường (sứ giả). Mạnh Hiến Tử theo Lỗ Công. Thiên Tử coi như phó của Công ban cho lễ rất hậu. Lỗ Công cùng với chư hầu châu vua. Rồi theo Lưu Khang Công. Thành Túc Công, hội với Tấn Hầu để đánh Tần. Vua nước Thành là Thành Tử, nhận phần tể ở nền xà, ý không được kính cần. Lưu Tử nói: "Tôi nghe, dân sống được, nhờ các tinh ba giữa khoảng trời và đất, thế gọi là mệnh. Cho nên có các phép tắc, quy chế về lễ nghĩa, uy nghi, để chuẩn mệnh đó. Người khôn biết theo, thì được phúc. Người dại không theo thì bị họa. Vậy quân tử chuyên cần lễ; tiểu nhân chuyên cần sức. Chuyên cần lễ không gì hơn, xử sự lấy cung và kính. Chuyên cần sức, không gì bằng làm việc cho chắc và tốt. Cung, kính về tế lễ. Chắc tốt về chức nghiệp. Việc lớn của quốc gia là tế tự cùng binh cách. Tế tự thì cần hiến dâng đồ tế, binh cách thì cần phát nhận phần tể. Đó là các điểm chính trong lễ nghi. Nay Thành Tử tỏ ra bất kính. Thế là không cần đến mệnh. Liệu Thành Tử có trở về được không". Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Ngọ, Tấn hầu sai Lã Tương, tuyệt giao với Tần và nói với Tần rằng: "Xưa, từ Hiếu Công tôi giao hiếu với Tần Mục Công, tận lực, đồng tâm, đã có minh ước, lại thêm kết hôn nhân, gặp

khi nước Tấn tôi bị thiên tai Văn Công (Tấn Trùng Nhĩ) phải sang tề, Huệ Công (Tấn Di Ngô) phải sang Tấn. Khi Tấn Hiến Công (sinh ra Trùng Nhĩ và Di Ngô) thất lạc. Tấn Mục Công giữ đức cũ, thấy Huệ Công có thể giữ được tôn miếu mới giúp cho về nối nghiệp. Nhưng không hoàn thành được công quả, phải đem quân tới đất Hàn. Bắt Huệ Công trong lòng có hối, nên lại giúp Văn Công. Vậy Văn Công được về làm vua là nhờ Tấn Mục Công. Văn Công Thân không rời giáp trụ, gian nan hiểm trở, thu phục các chư hầu mặt đông, đều là dòng dõi đế Vương các thời Ngu, Hạ, Thương, Chu để cùng quay về với Tấn. Đối với Tấn, thế là báo được ân đức xưa. Rồi đến việc nước Trịnh xâm lấn bờ cõi nhà vua (vua Tấn) thì Văn Công lại đốc thúc các chư hầu tới giải vây cho Tấn. Thế là các quan bên Tấn không theo mưu kế Văn Công tôi, lại riêng hòa ước với Trịnh. Các chư hầu đều giận, định cùng với Tấn một mất một còn. Văn Công tôi sợ. Cố làm cho chư hầu được yên lòng; quân Tấn mới được rút về không bị đánh. Thế là nước Tấn tôi có công tái tạo ra cho Tấn. Văn Công thất lạc. Tấn Mục Công không điều tang, cho là người đã chết rồi thì không cần đến nữa. Vua Tương Công tôi nối nghiệp còn mới mẻ thì Tấn đánh úp ngay đất Hào của nước tôi, thế là hoà hiếu gián đoạn. Thế là lấy Bảo Thành của nước tôi, diệt nước Bí Hoạt là đồng tính với Tấn tôi, tức là giảm hại anh em chúng tôi. Trịnh với Tấn là đồng minh. Đánh Trịnh tức là nhiều loạn đồng minh tôi. Nước tôi bị nghiêng ngửa. Tương Công tôi chưa quên ơn vua Tấn. Nhưng vì phải bảo vệ xã tắc, cho nên mới có trận đất Hào, còn đương mong mới Tấn Mục Công xá tội cho, thì Mục Công không nghe, lại liên kết với Sở để định thôn tính nước Tấn tôi. Trời thấu hiểu lòng người. Sở Thành Vương bị giết, thành ra Tấn Mục Công không được đắc chí với Tấn. Rồi Mục Công, Tương Công thất Lạc. Tấn Khang Công, Tấn Linh Công nối nghiệp. Tấn Khang Công đã là cháu ngoại Tấn Hiến Công mà lại muốn hại họ Tấn, làm hồng xã tắc Tấn, xúi giục giúp đỡ phản nghịch, khác gì để cho sâu bọ ăn hại thóc lúa. Vì thế bắt buộc đi phải có trận ở đất Linh Hồ. Tấn Khang Công vẫn không đổi chí hướng lại xâm lăng các đất Hà Khúc, Túc Xuyên, Vương Quan, Ky Mã. Vì thế Tấn tôi phải

có trận Hà Khúc. Đường phía đông, không dùng được nữa, hoàn toàn vì Tần Khang Công.

Rồi đến nhà vua lên ngôi. Khi đó, vua Tấn tôi là Cảnh Công, nhìn về phía tây, tự hỏi liệu tây Tần có cho ta yên không. Nhà vua (Tần Hoàn Công) chẳng nghĩ gì đến mình ước, thừa cơ Tấn đang có việc, đem quân vào Hà Huyện, đốt hai ấp Cơ, Cáo phá hết ruộng lúa, giết dân ở nơi biên thù. Vì thế, mới có trận phụ địa. Nhà vua cũng hối hận, e họa hai nước cứ lâu dài mãi. Muốn gây lại cái phúc của các tiên quân Hiến Công, Mục Công có sai Bá Xa sang nói với Cảnh Công tôi: Nay Tần muốn bỏ hiềm cũ, nối lại hòa hiếu, sửa đức xưa, nhớ đến công ơn xưa. Chưa kịp hoàn thành mình ước, thì Cảnh Công thất lộc.

Quả quân tôi cứ theo ý vua cũ. Mới có hội Linh Hồ. Nào ngờ nhà vua không thực, lại bội ước, bỏ hội. Nước Bạch狄 với nước Tần cùng ở trên một dải đất, hai nước là thù địch, mà Bạch狄 thì lại là nước hôn nhân của Tấn tôi. Thế mà nhà vua cho sang bảo vua Tấn tôi rằng. Hai ta cùng đánh nước狄. Vua tôi sợ nhà vua, không dám nghĩ đến tình hôn nhân, xin vâng với sứ giả. Ai ngờ nhà vua hai lòng, lại bảo狄. Tấn sẽ đánh người đấy.狄 vâng, nhưng nghi ngại mới bảo riêng cho vua tôi. Sở cũng ghét nhà vua là hai ba lòng, có báo cho vua tôi là: Tần đã bội ước Linh Hồ, lại muốn đồng minh với Sở, vua Sở đã cáo với Hoàng Thiên, với các tiên quân Sở, tiên quân Tần rằng. Tần có đi lại với Tấn chỉ vì lợi thôi. Lại cáo sự thiếu đức thành của Tần với các chư hầu, đề răn trừng kẻ bất nhất. Các chư hầu nghe nói, đều đau lòng, bận trí, tới thăm quả quân tôi. Quả quân tôi, nay giống già chư hầu để cầu hòa hiếu. Nhà vua nếu nghĩ đến chư hầu, rồi thương quả quân, cho mình ước, thì quả quân tôi mãn nguyện và khuyên chư hầu lui quân, không quấy rối. Nhược bằng nhà vua không ra ơn, thì vua tôi bất tài, không khuyên chư hầu lui quân được.

Mấy lời nói rõ với quan chấp sự, để dẫn đo lợi hại”.

Tần Hoàn Công đã cùng Tấn Lệ Công thề tại Linh Hồ, lại triệu tập rợ狄 cùng nước Sở để đưa đi đánh Tấn. Vì thế chư

hầu mới hợp với Tấn. Tấn Loan Thư, tướng Trung quân Tuân Canh làm phó. Sĩ tiếp tướng Thượng quân, Khích Kỳ làm phó. Hàn quyết tướng Hạ quân, Tuân Oanh làm phó, Triệu Chiên tướng Tân quân, Khích Chí làm phó, Khích Nghị giữ chức Ngự Nhung (đánh xe vua) có Loan Chăm làm Xa hữu.

Mạnh Hiến Tử nói: Chủ sủy và các tướng tá về chiến xa đều ăn khớp với nhau, quân đội tất là thắng.

Tháng năm, ngày Đinh Hợi, quân Tấn cùng quân các chư hầu đánh quân Tần tại Ma Toại. Quân Tần tan vỡ. Các tướng Tần, Thành Sai và Bất Canh Nhữ Phủ bị bắt. Tào Tuyên Công mất trong quân. Quân đội qua sông Kinh tới đất Hầu Lệ mới quay lại. Gặp Tấn Hầu ở Tân Sở. Tấn Hầu dừng tại Tân Sở trên đất Tần.

Thành Túc Công mất ở đất Hà trên đất Tần,

Phụ lục Tả Truyện - Tháng sáu, ngày Đinh Mão, đêm Công tử Ban nước Trịnh, từ ấp Tí trên đất Trịnh, cố vào trong Thái Cung (Thái miếu), không vào nổi. Giết Tử Ấn, Tử Vũ (hai con Trịnh Mục Công) rồi tập hợp quân đội của mình ở trong chợ. Ngày Kỷ tị, Tử Tứ một con của Mục Công tập trung dân ở Thái Cung, cùng ký một khoán ước. Đuổi được Ban, đốt tan chợ. Giết con Ban là Tử Như, em cùng mẹ với Ban là Tử Mang, cả mấy con của Tử Như là Tồn Thúc, Tồn Tri.

Công Thị - Chép là "từ Kinh sư" là thế nào? Lỗ Công đặt ra thời đó tỏ ý là hãy còn không dám khinh thường Thiên Tử.

Cốc Thị - Chép là thụ mệnh, được mệnh, là ý chưa dám bỏ qua triều đình chu.

Trình Tử - Không chép chữ châu vua. Nhân hội hợp đánh Tần mới đi tới, nên không thành lễ châu vua. Việc đánh Tần là quan Trọng.

Trần Phó Lương - Trận đánh nhau ở đất Ma Toại, quân Tần tan vỡ, thì chép đánh Tần. Trận đánh nhau ở đất Lịch. Quân Tấn tan vỡ, thì chép đánh Tấn. Tức như cho là không đủ để kể tường tận.

Gia Huyền Ông - Chép sang Kinh sư, từ Kinh sư. Ý cho

là còn biết có vương. Chép từ Kinh sư hội chư hầu đánh Tấn, là ý có tâu vua y như chinh phạt vẫn là tự quyền Thiên Tử. Đó là ý Xuân Thu: Tôn Chu, Tôn nhà Chu, Lưu Khang Công, Thành Túc Công, đều cùng đi, nhưng Kinh không chép. Tấn với Tần đánh nhau riêng, các vị đó không nên cùng dự, vậy không chép, hay là ý thế chẳng.

曹伯盧卒于師

TÀO BÁ LƯ TỐT VỤ SƯ

TÀO BÁ TÊN LÀ LƯ MẤT TRONG QUÂN

Tả Thị - Người Tào để cho Công tử Phụ Sô (con Tuyên Công), giữ nước, người con khác là Hân Thời đi đón tang Tào Bá. Mùa thu, Phụ Sô giết Thái tử, rồi tự lập làm vua. Các chư hầu nói với Tấn cùng đi trị tội. Tấn xét việc quân đã khó nhọc, xin hoãn đến năm khác.

Cốc Thị - Truyện bàn rằng, về việc tang, ở trong quân thì nói là quân, ở trong hội thì nói là hội.

秋七月公至自伐秦

THU, THẮT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TÂN

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỖ CÔNG TỬ PHẠT TÂN VỀ LỖ

Vương Bảo - Trong năm nay, Xuân Thu về thứ pháp, khen chê, san bỏ, có nhiều lệ biến đổi. Đầu tiên, chép “xin quân” thì biết việc đánh Tần là do ý của Tấn Lệ Công. Rồi đến “sang Kinh sư” thì biết Lỗ Thành Công đi châu vua, chứ không phải chuyên quyền đi chinh phạt, Rồi đến chép “từ Kinh sư đánh Tấn” là để công việc nối tiếp, không thể sắp mặt Thiên Tử được. Cuối cùng chép “từ đánh Tần về đánh Lỗ” thì rõ Lỗ Công ra đi không phải vì việc châu Thiên Tử. Lời và ý đều là thực. Xuân Thu được coi là Vi mà Hiển, rất ít lại rất rõ, không phải Thánh nhân còn ai soạn được.

冬 葬 曹 宣 公

ĐÔNG, TÁNG TÀO TUYÊN CÔNG
MÙA ĐÔNG, LỄ CHÔN TÀO TUYÊN CÔNG

Tả Thị - Mùa đông, lễ chôn Tào Tuyên Công. Sau lễ chôn, Từ Tang (Hân Thời) sửa soạn bỏ nước ra đi. Dân tỏ ý đi theo cả. Thành Công (Phụ Sô), sợ, nhận tội, mời ở lại. Hân Thời ở lại, nhưng giao trả ấp, ấp được phong xưa nay vẫn ở.

Cốc Thị - Mùa táng, được đúng.

Năm Giáp Thân. Vua Giản Vương năm thứ 9.

十 有 四 年

THẬP HỮU TỬ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tấn Lệ năm thứ 4. Tề Linh năm thứ 5. Vệ Định năm thứ 12. Sái Cảnh năm thứ 15. Trịnh Thành năm thứ 8. Tào Thành Công Phụ Sô năm đầu. Trần Thành năm thứ 22. Kỳ Hoàn năm thứ 60. Tống Cung năm thứ 12. Tấn Hoàn năm thứ 28. Sở Cung năm thứ 14. Ngô Thọ Mộng năm thứ 9.

春 王 正 月 莒 子 朱 卒

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, CỬ TỬ CHU TỐT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CỬ TỬ TÊN LÀ CHU
MẤT

夏 衛 孫 林 斧 自 晉 歸 于 衛

HẠ, VỆ TÔN LÂM PHỦ TỰ TẤN QUY VU VỆ
MÙA HẠ, TÔN LÂM PHỦ NƯỚC VỆ TỪ TẤN VỀ VỆ

Tả Thị - Mùa xuân, Vệ Hâu sang Tấn. Tấn Hâu cố muốn cho Vệ Hâu tiếp Tôn Lâm Phủ hiện ở Tấn. Vệ Hâu không tiếp.

Mùa hạ, Vệ Hưu đã về nước. Tấn Hưu sai Khích Sư đưa Tôn Lâm Phủ về Vệ xin yết kiến. Vệ Hưu ý không muốn. Phu nhân Định Khương can: “Không nên thế. Đó là con một tôn khanh thân thích. Và lại một nước lớn làm trung gian xin hộ mà không cho thì nguy sẽ tới. Dù nhà vua có ghét, cũng nên cho yết kiến, còn hơn bị nguy vong. Xin nhà vua nhân nài. Đã yên dân, mà lại tha cho vị khanh trong họ, thì còn gì bằng”. Vệ Hưu nghe, cho vào châu, phục chúc cho.

Vệ Hưu đãi tiệc Khổ Thành Thúc (Khích Sư) có Ninh Huệ Tử làm tướng lễ. Khổ Thành Thúc có vẻ ngạo. Ninh Huệ Tử nói: Họ khổ Thành chết đến nơi. Xưa, đặt ra hưởng yến tiệc, là để coi uy nghi mà đoán được họa phúc. Cho nên Kinh thi có câu: Sừng tê cong, đựng rượu ngon mà êm dịu, tân khách không ngạo, trời ban phúc lộc nhiều. Nay xét, khách hành động ngạo, rồi sẽ mang họa.

Tôn Phục - Năm thứ 7, Tôn Lâm Phủ chạy sang Tấn, lại chép: từ Tấn về Vệ, là do Tấn Hưu mà được về. Đại phu Vệ do Tấn Hưu mà được về, thì công việc nước Vệ ra sao, có thể nhận thấy được.

秋叔孫僑如如齊逆女

THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ NHƯ TÊ NGHỊCH NỮ

**MÙA THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ
SANG TÊ ĐÓN DÂU (VỢ VUA LỖ)**

Tả Thị - Mùa thu Tuyên Bá sang Tê đón dâu. Kinh chép cả họ (Thúc Tôn) là tôn trọng mệnh vua.

Lưu Sưởng - Năm thứ 14, Thúc Tôn Kiêu Như sang Tê đón dâu. Tháng 9, Kiêu Như đưa phu nhân Khương Thị từ Tê về. Tả Thị bàn chép cả họ là tôn mệnh vua, bỏ họ đi là tôn phu nhân. Bàn sai. Một việc mà cần nói đến hai lần, thì lần sau cứ chép tên thôi, đó là lỗi văn thường thấy ở Kinh Xuân Thu, chứ không phải là tôn mệnh vua mà ghi cả họ, tôn phu nhân mà bỏ họ.

鄭公子喜帥師伐許

TRỊNH, CÔNG TỬ HỖ SUẤT SƯ PHẠT HỨA

TRỊNH CÔNG TỬ HỖ CẨM QUÂN ĐÁNH NƯỚC HỨA

Tả Thị - Tháng tám, Trịnh Tử Hân, đánh Hứa. Hân bị thua. Ngày Mậu Tuất Trịnh Bá lại đánh Hứa. Ngày Canh Tý vào được cửa ô. Dân Hứa xin hòa và giao trả đất do Thúc Thân đã phân chia hồi năm thứ tư.

九月僑如以夫人婦姜氏至自齊

CỬU NGUYỆT, KIỀU NHƯ ĐI PHU NHÂN

PHỤ KHƯƠNG THỊ CHỈ TỰ TỀ

**THÁNG 9, KIỀU NHƯ TỪ TỀ ĐƯA KHƯƠNG THỊ
VỀ LÀM PHU NHÂN LỖ CÔNG**

Tả Thị - Tháng 9 Kiều Như đưa phu nhân Khương thị từ Tề về. Chép bỏ họ là để tôn trọng phu nhân. Cho nên người quân tử bàn: Xuân Thu chữ ít mà rõ. Chuyện ghi như mập mờ, mà sự thực thì sáng tỏ. Nói được hết mà tường tận, khuyên điều hay, trị việc ác. Ngoài thánh nhân còn ai soạn được.

Cốc Thị - Đại phu không đón phu nhân. Đón phu nhân, không được là chính lễ. Chê sao không thân hành đi đón. Kiều Như là do mệnh vua sai đi.

Xét - Bọn tiên nho cho là chư hầu nên thân hành đón vợ. Riêng Trình Tử bác đi, cho là chỉ thân nghênh từ quán xá. Chưa từng thấy đã có tôn miếu xã tắc mà đi ra nước ngoài đón vợ. Thuyết ấy đúng. Kiều Như từ Tề đưa phu nhân về. Cốc Lương cho là Kinh chê, sao không thân nghênh, mà Hồ Truyền cũng nghe theo. Hoặc giả đón ở trong quốc đô, hoặc giả đón ở trong bờ cõi, các thuyết chưa nhất định. Nếu là đón ở trong bờ cõi, thì khi chưa đến bờ cõi, vẫn cứ phải có một đại phu đi đón.

Nay cứ theo Trình Tử, còn những câu thân nghênh thì bỏ đi.

冬十月庚寅衛侯臧卒

**ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, CANH DẦN,
VỆ HẦU TANG TỐT**

**MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY CANH DẦN,
VỆ HẦU TÊN LÀ TANG MẤT**

Tả Thị - Vệ Hầu có bệnh, sai Khổng Thành Tử, Ninh Huệ Tử, lập con người thiếp, Kính Tự tên là Khản, làm Thái tử. Mùa đông tháng 10. Vệ Định Công mất. Phu nhân Khương Thị, lễ khóc rồi, lui về nghỉ, thấy Thái tử không có chút gì thương xót, đã cầm chén, không buồn uống nước, than rằng: “Trông người như thế, không những làm hại cho nước Vệ, mà đầu tiên hãy hại cho vị vong này. Thương thay, trời ra tai cho nước Vệ ta. Ta không định đoạt được cho Chuyên làm chủ xã tắc” (Chuyên là em Khản, cũng là con thiếp Kính Tự). Đại phu nghe đều lo. Tôn Vãm Tử, từ đó, chuyển hết các đồ quý giá về ấp riêng, ấp Thích và thân thiện với các đại phu nước Tấn.

秦伯卒

TÂN BÁ TỐT

TÂN BÁ MẤT

Năm Ất Dậu. Vua Giản Vương năm thứ 10.

十有五年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tấn Lệ năm thứ 5. Tề Linh năm thứ 6. Vệ Hiến Công tên là Khản năm đầu. Sái Cảnh năm thứ 16. Trịnh Thành năm thứ 9. Tào Thành năm thứ 2. Trần Thành, năm thứ 23. Hý Hoàn năm thứ 61. Tống Cung năm thứ 13. Tân Cảnh Công năm đầu. Sở Cung năm thứ 15. Ngô Thọ Mộng năm thứ 10.

春王二月葬衛定公

XUÂN, VƯƠNG. NHỊ NGUYỆT, TÁNG VỆ ĐỊNH CÔNG
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, LỄ CHÔN VỆ ĐỊNH CÔNG

三月乙巳仲嬰齊卒

TAM NGUYỆT, ẤT TỶ, TRỌNG ANH TÊ TỐT
THÁNG BA, NGÀY ẤT TỶ, TRỌNG ANH TÊ MẤT

Công Thi - Trọng Anh Tê là Công Tôn Anh Tê. Sao lại gọi là Trọng Anh Tê. Vì là huynh hậu, nghĩa là nối dõi cho người anh. Đã là huynh hậu thì sao lại lấy họ tên là Trọng Anh Tê. Vì rằng đã nhận là "hậu", tức như nhận là con. Thế sao lại họ Trọng? Vì lấy tên tự của cha làm họ. Vậy thì Anh Tê hậu cho ai? Cho Quy Phủ. Quy Phủ đi ở xứ Tấn mà chưa về. Sao lại hậu cho Quy Phủ. Coi việc Thúc Trọng Huệ Bá và Tử Xích.

Văn Công mất, con còn bé. Công tử Toại bảo Thúc Trọng Huệ Bá rằng: Vua còn bé lắm. Làm thế nào? Xin cùng ngài lo bàn. Thúc Trọng Huệ Bá nói. Ngài làm tướng cho vua. Lão phu xin ẩm vua, vua bé thì có làm sao. Công tử Toại biết là không cùng bàn được, lui ra, rồi giết Thúc Trọng Huệ Bá, rồi thí (giết) Tử Xích, Lập Tuyên Công. Tuyên Công chết, Thành Công còn bé. Tang Tuyên Thúc làm tướng. Vua chết, không dự lễ khóc, họp các đại phu rồi hỏi rằng: "Khi xưa, việc Thúc Trọng Huệ Bá ai chủ mưu?" Các đại phu đều nói: Có phải họ Trọng chăng? Thế là đuổi họ Quy Phủ đi, rồi mới làm lễ khóc. Quy phủ đang đi sứ ở nước Tấn. Từ Tấn về đến đất Sanh, nghe vua đã chết, nhà và họ bị đuổi, mới đặt màn trắng, khóc vua, đủ nghi thức, trình lại việc cho vị Phó, rồi từ nơi ấy chạy sang Tề. Người Lỗ thương Quy Phủ vô hậu (không có con nối dõi tông đường) mới bảo Anh Tê làm hậu.

Cốc Thi - Đây chính là Công Tôn (cháu Tước Công). Sao lại đặt là Trọng. Đã là con, thì theo cha, lấy họ tên.

Hồ Truyền - Anh Tê là con Công tử Toại là em Công Tôn

Quy Phủ. Quy Phủ chạy trốn sang Tề. Người Lỗ thương là vô hậu, bảo Anh Tề làm hậu, cho nên chép là Trọng Anh Tề. Như thế có thể cho là loạn hàng Chiêu, hàng Mục (trên dưới cha con) trong việc tế tự. Xét về tình cha con, muốn cho Quy Phủ có hậu, thì em không thể lấy cái hậu của anh được, cho làm hậu của Tương Trọng, lấy chữ Trọng là họ cũng là không phải.

Hà Hưu - Chưa thấy ở Kinh chép tên là Công Tôn Anh Tề, nay vì đại phu chết, thấy ở Kinh tên là Trọng Anh Tề. Vì nghĩa em không làm con nối cho anh thành loạn hàng Chiêu, hàng Mục, mất tình thân của cha con, cho nên không nói là Trọng Tôn, rõ ràng không cho con là cháu cha.

Lưu Suồng - Anh Tề làm hậu cho ai? Cho Quy Phủ, Quy Phủ chạy trốn sang Tề. Người Lỗ thương là vô hậu, vì thế bảo Anh Tề làm hậu, thế không phải là chính. Người xưa có phân biệt thờ tự một chiêu một mục. Cốc Lương bàn, tên họ con tùy cha đặt. Vậy đã không được gọi là Công Tôn, thì Quy Phủ vì cơ gì mà xưng là Công Tôn?

Tôn Giác - Anh Tề là con Công Tử Toại, là em Quy Phủ. Công Tôn Quy Phủ chạy sang Tề, thế là Trọng Toại tuyệt hậu. Lỗ không muốn cho Trọng Toại tuyệt hậu, cho nên nói là Trọng Anh Tề. Cốc Lương cho là con do ở cha đặt, thì chính cha có tội, cứ gì con.

Xét - Công Dương bảo Anh Tề làm hậu cho anh, bọn nhỏ nhiều người nghe theo. Tôn Giác bảo Lỗ sai Anh Tề làm hậu cho Trọng Toại, cho nên gọi là Trọng Anh Tề chứ không phải làm hậu cho Quy Phủ. Gia Huyển Ông, Hạ Trọng Thức, đều theo thuyết đó. Hai thuyết không giống nhau. Hồ Truệ thì căn cứ vào Công Dương, mà lại bảo rằng chữ tên tự của cha không thể lấy được làm họ. Rồi cũng cho họ là Anh Tề làm hậu cho Tương Trọng. Nay cứ giữ cả hai thuyết.

Hoặc bảo rằng: Quy Phủ, Anh Tề, đều là con Trọng Toại, thì Kinh chép về Quy Phủ, sao lại chép là Công Tôn, mà Anh Tề sao lại chép là Trọng. Xét Tương Trọng, sinh ra chép là Công tử Toại. Khi chết, chép là Trọng Toại. Chỉ là một người mà trước sau gọi khác tên. Như thế thì còn nên nghĩ gì về Quy Phủ, Anh Tề.

Xét sinh ra, mà cho họ (Thị) vốn không phải là lễ. Lấy tên tự của cha làm họ (Thị) cũng không phải là lễ. Cho nên ở lúc sinh ra, gọi là Công tử. Công tôn, là để theo gốc mà gọi. Đến khi chết, buộc lấy cho họ (Thị), ý muốn tỏ rạng đời sống mới cho họ (lấy tên tự cha làm họ). Thế là phi lễ.

Tôn Phục và Hoàng Trọng Viêm cho Anh Tề làm con Quy Phủ, xét không có căn cứ, không thể theo.

季丑公會晉侯衛侯鄭伯曹伯宋世子

成齊國佐鄆人同盟于戚

**QUÍ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ,
TÀO BÁ, TỔNG THỂ TỬ THÀNH, TỀ QUỐC TÁ,
CHÂU NHÂN, ĐỒNG MINH VU THÍCH**

**NGÀY QUÍ SỬU, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VỆ HẦU,
TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, TỔNG THỂ TỬ THÀNH, TỀ QUỐC TÁ,
ĐỂ HỘI THỂ TẠI ẤP THÍCH**

Cao Kháng - Hội ở Thích là định trị tội Tào Bá. Đã định đánh Tào Bá thì đừng có hội. Mượn có việc khác để cùng hội, cùng thể, đã thể mà lại bắt, cho nên đặc biệt chép chữ đồng minh để chê.

晉侯執曹伯歸于京師

TẤN HẦU CHẤP TÀO BÁ QUY VU KINH SƯ

TẤN HẦU BẮT TÀO BÁ ĐƯA VỀ KINH SƯ

Tả Thị - Năm thứ 15, mùa xuân hội tại đất Thích, để đánh Tào Thành Công, bắt Tào Bá đem về Kinh sư. Kinh Xuân Thu chép. Tấn Hầu bắt Tào Bá, Tào Bá không có lỗi gì đối với dân. Khi một vua chư hầu, đối với dân vô đạo thì các hầu khác trừng trị mà có bắt giữ thì Kinh Xuân Thu chép: "Dân nước Giáp bắt hầu Ất". Nếu không như thế thì lời văn lại có ý khác.

Chư hầu định đem Tử Tang em Tào Bá vào châu, xin Thiên

Tử cho lập thay Tào Bá. Tử Tang từ chối nói: “Hạng Thánh thì việc gì cũng hiểu biết mà làm xong được. Kém một bức thì biết thủ tiết, là giữ phận sự trong chức vụ mình. Kém nữa thì thất tiết. Làm chủ một nước, không phải là tiết của tôi. Tuy không được là bức Thánh, tôi đâu dám mất sự thủ tiết”. Thế rồi chạy trốn sang nước Tống.

Cốc Thi - Chỉ rõ là Tấn Hầu bắt Tào Bá là chê trách. Không dùng chữ “chi”, chi vu Kinh. (để đưa đến Kinh) là ý nói việc vội vàng, cấp tốc, quyết đoán do Tấn Hầu.

Hồ Truyền - Chép là Hầu, để chỉ rõ người bắt, thế là lỗi chức vị Bá chủ trừng phạt kẻ có tội. Thế nào là lỗi vị bá. Tấn hợp chư hầu để đánh Tần. Tào Tuyên Công mất ở trong quân. Người Tào sai công tử Phụ Sô để giữ nước. Sai Công tử Hân Thời đi đón Tang Tào Bá. Phụ Sô giết Thái tử rồi tự lập làm vua. Đến bấy giờ, Tấn Hầu bắt lại không dám tự mình làm tội mà đưa về Kinh sư để tùy Thiên Tử gia hình. Thế tức là vị Bá trừng phạt. Đời Xuân Thu, việc bắt vua chư hầu có nhiều, nhưng chưa bắt đúng tội như lần này. Cho nên đặc biệt chép tước.

Lưu Sưởng - Tả thị bàn: Tấn Hầu bắt Tào Bá. Tào Bá không có lỗi gì với dân. Phàm vua chư hầu đối với dân vô đạo mà các chư hầu khác trừng trị thì chép. Dân nước Giáp bắt hầu nước Ất, nếu không như thế, thì lời văn lại khác. Tả Thị bàn thế là sai. Phụ Sô giết Thái tử để cướp ngôi. Dân trong nước cho là bất nghĩa, đều muốn theo Công tử Hân Thời bỏ nước, ra nước ngoài. Như thế chả là vô đạo thì còn là gì? Vả lại, lớn nhất là trời đất. Dưới trời đất là vua tôi. Có người nào giết vua mà lại không vô đạo với dân. Có người nào tàn nhẫn với vua mà lại không phải vô đạo với dân? Xét tội Phụ Sô, chưa thấy ở Kinh. Tấn Hầu bắt Phụ Sô, bây giờ mới thấy tội. Nếu cứ lấy lệ của Tả Thị mà xét thì Phụ Sô không phải là vô đạo đối với dân, mà Tấn Hầu bắt bậy. Bàn như thế có phải không? Cốc Lương bàn: Chỉ rõ Tấn Hầu bắt Tào Bá là chê trách Tấn Hầu. Bàn thế sai. Ví như chép rằng người Tấn bắt Tào Bá, Cốc Lương có thể cho như người Tề bắt Viên Đào Đồ, mà không chê trách không?

Trương Hiệp - Xuân Thu chép tước Tấn Lệ Công trong công việc bắt Tào Bá là khen cho việc trị tội. Tuy nhiên. Giả như không bắt ép Tào Bá đến dự lễ, mà bắt giữ ngay từ trước, để khích lệ chư hầu, rồi mới họp chư hầu lễ, như thế thì hay biết bao nhiêu. Xét người Tào xin với vua Tấn rằng, nếu có tội thì nhà vua nói ra giữa hội. Chỉ vì một cử động không đích đáng mà mở cửa cho kẻ gian thoát tội, thật không phải chỉ là một lầm lỡ nhỏ.

Lã Đại Khuê - Hoặc việc Phụ Sô giết Thái tử là đáng nghi vì Kinh không thấy chép. Ví thử có thật, thì sao Xuân Thu lại không chép? Hay là chưa được rõ hẳn sự thực. Tuy nhiên cứ lấy phép Xuân Thu chép việc mà xét đoán, thì các việc bắt vua khác đều chép người bắt, là người, là nhân, riêng lần này chép tước (Tấn Hầu). Thế thì sao nói được là không phải vì Bá trị tội. Cõi Kinh cùng Truyện, ý giống nhau, càng đủ làm bằng chứng.

公 至 自 會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ NƯỚC

夏 六 月 宋 公 固 卒

HẠ, LỤC NGUYỆT, TỔNG CÔNG CỐ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, TỔNG CÔNG TÊN LÀ CỐ MẤT

Tả thi - Mùa hạ, tháng sáu, Tổng Công Cố mất.

楚 子 伐 鄭

SỞ TỬ PHẠT TRỊNH

SỞ TỬ ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thi - Sở sắp đem quân lên phía bắc (Trịnh và Vệ). Từ Tương nói: Mới cùng Tấn lễ mà bội ước ngay, có lẽ không nên. Từ Phán nói: Đã tranh mỗi lợi, thì mình ước có dùng làm gì.

Thân Thúc Thời đã già, ở tại đất Thân, nghe thấy chuyện đó có đoán: “Tử Phấn tất chết. Có tín để giữ lễ. Có lễ để giữ thân. Tín và lễ đều mất. Khỏi tội sao được”.

Vua Sở tràn vào Trịnh, tiến tới Bao Toại, rồi xâm nước Vệ, Tiến tới đất Thủ Chi. Trịnh Tử Hân xâm Sở, chiếm được ấp Tân Thạch. Loạn Vũ Tử muốn báo thù Sở. Hàn Hiến Tử nói: Vô ích, cứ để cho vua Sở càng ngày càng thêm ác ngược, rồi dân sẽ bỏ. Khi không còn dân nữa, thì lấy quân đâu mà chiến.

Triệu Bằng Phi - Sở Tử đánh Trịnh là tự Trịnh chuốc lấy. Năm trước Trịnh Công Tử Hỷ vô cớ đánh nước Hứa. Hứa là thuộc Sở. Xưa Trịnh thường đánh Hứa. Mà Sở không để ý tới, cho là Trịnh theo Sở. Nay Trịnh theo Tấn, mà lại đi đánh một nước của Sở, thì Sở sao lại không ghét Trịnh. Cho nên Sở Tử đánh Trịnh là vì Hứa.

秋八月庚辰葬宋供公

THU, BÁT NGUYỆT, CANH THÌN,

TÁNG TỔNG CUNG CÔNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY CANH THÌN,

LỄ CHÔN TỔNG CUNG CÔNG.

Cốc Thị - Mất thì chép tháng. Táng thì chép ngày. Táng thường không chép. Đây chép vì đã lễ táng Cung Cơ thì không thể không lễ táng Cung lấy lại được. Theo nghĩa, phu nhân không vượt qua vua được. Vì người hiền mà được tôn sùng.

Lưu Suồng - Cốc Lương bàn thế là sai. Nếu vì táng phu nhân, thế tất phải táng vua. Thế thì Trang Công, năm thứ 29, Táng Kỷ Thúc Cơ mà rồi không thấy Táng Kỷ Hâu, tại sao thế?

Quý Bản - Tống Cung Công mất được ba tháng chôn ngay. Vì con nối ngôi còn bé. Sợ sinh biến, vội cho xong việc. Nhận thấy tang lễ có cầu thả.

宋華元出奔晉 宋華元自晉歸于宋
宋撥其大夫山 宋魚石出奔楚

**TỔNG HOA NGUYÊN XUẤT BÔN TẤN. TỔNG HOA
NGUYÊN TỰ TẤN QUY VU TỔNG. TỔNG SÁT KỲ ĐẠI
PHU SƠN. TỔNG NGƯ THẠCH XUẤT BÔN SỞ
TỔNG HOA NGUYÊN CHẠY SANG TẤN, TỪ TẤN LẠI VỀ
TỔNG, TỔNG GIẾT ĐẠI PHU SƠN. TỔNG NGƯ THẠCH
CHẠY TRỐN SANG SỞ**

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám. Lễ táng Tống Cung Công. Khi đó, Hoa Nguyên giữ chức Hữu sư mà Ngư Thạch giữ chức Tả sư. Đãng Trạch làm Tư ma, Hoa Hỷ làm Tư đồ, Công Tôn sư làm Tư Thành, Hương Vi Nhân làm Tư Khấu. Lân Chu làm Thiếu Tư Khấu, Hương Đái làm Thái Tế, Ngư Phủ làm Thiếu Tế, Đãng Trạch nhân họ nhà vua yếu hèn mới giết Công tử Phì, con Tống Văn Công. Hoa Nguyên nói: "Ta là Hữu sư trông coi về phận sự vua và tôi đối với nhau là việc của ta. Nay nhà vua mất quyền, ta không ngăn cản được việc bậy. Tội ta rất to, đã không hay làm đủ phận sự, còn dám mong dẫu ơn trên". Thế là chạy trốn sang Tấn.

Hoa Nguyên và Hoa Hỷ đều là con cháu họ Đái, Tư Thành, Công Tôn Sư là dòng họ Trang Công. Còn sáu Đại phu kia đều là dòng Hoàn Công.

Ngư Thạch muốn giữ Hoa Nguyên lại. Ngư Phủ nói: Quan Hữu sư mà trở về nước, tất trừng trị kẻ có tội, tức là không còn dòng Hoàn Công nữa (ý nói sáu người sẽ chết). Ngư Thạch đáp: Nếu ta giữ lại Hữu sư được, ta cứ để cho trừng phạt, chắc là không dám dẫu. Và lại nhiều công to được dân mến. Nếu Hữu sư không trở về, e rằng họ Hoàn sẽ không có người thờ tự ở nước Tống nữa. Nếu Hữu sư có trừng phạt thì cũng không giết hết sẽ còn người như là Hương Thú, chắc không chết hết. Ngư Thạch thân hành đi tới Hà Thượng mời Hoa Nguyên về.

Hoa Nguyên xin trừng trị. Ngư Thạch ưng thuận. Hoa Nguyên

mới quay về, sai Hoa Hỷ, Công Tôn Sư đem dân tới đánh nhà họ Đãng. Rồi xử tử Tử Sơn. (Đãng Trạch). Kinh Xuân Thu chép là Tống giết đại phu Sơn. Sơn đã không nhận họ nữa (tức là giết Công Tử Phi).

Ngư Thạch, Hương Vi Nhân, Lân Chu, Hương Đái, Ngư Phủ đều bỏ nước ra đi. Nghĩ lại trên sông Tuy. Hoa Nguyên sai người ngăn lại không được. Mùa đông, Tháng mười Hoa Nguyên thân hành tới mời cũng không được. Ngư Phủ nói: "Nếu ta không nghe Hoa Nguyên thì ta không trở về Tống nữa. Mắt nhìn nhanh, lời nói cũng nhanh, chắc có ý khác. Tôi nghỉ rồi về sau không cho ta về. Nay chắc là đi vội". Lên cao nhìn theo thì thấy đi vội thật. Cả lũ mới đi vội để theo kịp về Tống. Nước sông Tuy lên to tràn bờ. Khi về tới thành, thì thấy cửa thành đóng, quân canh gác cẩn nghiêm. Thế là một Tả Sư, hai Tư Khấu, hai Tế phải chạy sang Sở.

Hoa Nguyên sai Hương Thú giữ chức Tả sư, Lão Tá làm Tư Mã, Nhạc Duệ làm Tư Khấu. Dân Tống được yên.

Phụ lục Tả Truyện - Ba người họ Khích: Khích Kỳ, Khích Suu, Khích Chi, cố chí hại Bá Tôn, gièm rồi giết đi, giết cả Loan Phát Kỳ. Bá Châu Lê (con Bá Tôn) chạy sang Sở. Hàn Hiến Tử nói: "Họ Khích sống làm sao được. Hạng người thiện, tốt, trời đất sai làm mực thước cho người ta. Nếu cứ giết dần đi, thì mình cũng đợi gì mà không chết". Xưa, mỗi khi thấy Bá Tôn vào châu, vợ có dặn dò: "Trộm bao giờ cũng ghé chủ nhà. Dân ghét người trên. Ông chỉ ưa nói thẳng, thế nào cũng bị nạn."

Đỗ Dự - Đãng Thị là họ với Tống Công, thế mà quay lại hại họ Công cho nên chép bỏ chữ họ, để rõ tội.

Vương Bảo - Hoa Nguyên xưa muốn chạy sang Tấn, đến sông Hoàng thì trở về, thế là chưa đến Tấn. Nay sao lại chép là từ Tấn về Tống. Vì đã chạy trốn, ý muốn cho Tấn đánh, trị bọn tiếm quyền, để lấy lại quyền cho nhà vua. Nay vì Ngư Thạch can ngăn, hứa cho trị Đãng Thị, thì không khác gì Tấn trừng trị. Cho nên Chu Công, quan nhà Chu, thời vua Giản Vương, năm thứ 7, đã đi rồi lại trở lại. Đã trở lại Chu rồi lại chạy sang Tấn. Người quân tử bàn: như thế là tuyệt với nhà Chu, chép

là xuất, trốn đi, để rõ tội. Hoa Nguyên vì Ngư Thạch can ngăn mới trở lại chức vị. Xuân Thu khen, cho nên chép là từ Tấn trở về Tống, để hoàn thành chí hướng.

Uông Khắc Khoan - Năm đại phu cùng chạy trốn, lại cùng trở về. Xét: Chép Ngư Thạch, Hoa Hối, Hương Ninh, Hoa Định, Tống Công Độ Thần, Trọng Đà, Thạch Khu, Công tử Địa, lúc ra, lúc vào đều kê rõ họ tên. Như Ngư Thạch là đầu tội thủ tướng, quan trọng, chép rõ, còn bốn người kia không đủ để ghi. Bảo rằng họ Trần sợ di tội nặng là vì thế, Hối Ninh, Định, Thần, Đà, Khu, Địa, tội đều ngang nhau, cho nên ghi đủ tên.

冬十有一月叔孫僑如會晉士燮齊高
無咎宋華元衛孫林斧鄭公子秋鄆人會
吳于鍾離

**ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, THỨC TÔN
KIỂU NHƯ HỘI TẤN SĨ TIẾP, TÊ CAO VÔ CỬU,
TỔNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ,
TRỊNH CÔNG TỬ THU, CHÂU NHÂN
HỘI NGÔ VU CHUNG LY**

**MÙA ĐÔNG, THÁNG 11 THỨC TÔN KIỂU NHƯ HỘI
VỚI TẤN SĨ TIẾP, TÊ CAO VÔ CỬU, TỔNG HOA NGUYÊN,
VỆ TÔN LÂM PHỦ. NGƯỜI CHÂU, HỘI VỚI
NƯỚC NGÔ TẠI CHUNG LY TRÊN ĐẤT SỞ**

Đây là lần đầu có nước Ngô hội và lần đầu Tấn lấy đại phu các nước chư hầu hội.

Tả Thị - Tháng 11 hội nước Ngô tại Chung Ly, bắt đầu chư hầu thông hiếu với Ngô.

Công Thị - Sao lại chép riêng chữ hội với nước Ngô. Là để Ngô ra ngoài. Ngoài là thế nào? Xuân Thu cho trong là nước mình, ngoài là các nước khác; nội chư hầu mà ngoại di địch, nghĩa là trong chư hầu, mà ngoài ra rợ mọi. Xét đã là vương, là muốn

cả thiên hạ đều bình, bằng nhau, sao lại có chữ nội và ngoài. Hình như bắt đầu từ nơi gần.

Cốc Thị - Dùng hai chữ hội, vì cho Ngô là ngoài.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: sao lại riêng Ngô ra. Là cho Ngô ra ngoài. Bàn sai, một nơi mà hai lần dùng chữ hội, vẫn chỉ là một hội. Nước Ngô thì có vua, chưa có thể lấy nước mà thông hiếu. Mà cũng không thể chép là người Ngô. Chép là người thì phải theo lệ các đại phu. Cho nên cứ gọi là “hội Ngô” cho xuôi.

Cốc Lương thì bàn: hai chữ hội là đặt Ngô ra ngoài. Bàn sai. Coi câu trên.

Trình Tử - Ngô càng ngày càng mạnh, lớn, cầu được hội với chư hầu. Chư hầu thì nhiều nước muốn hội. Cho nên chép các nước tới hội. Thời đó chư hầu sợ Sở, cho nên thân với Ngô. Tương Công năm thứ 10, có hội Tra, năm thứ 14 có hội Hưởng, cũng là ý đó.

Triệu Bằng Phi - Thời đó hai nước Ngô, Sở đều thịnh Tấn đã chống Sở thế tất phải gần Ngô, e Sở thân Ngô. Hợp chư hầu ở Chung Ly là vì thế. Tuy nhiên Tương Công, năm thứ 5, tại hội Thích, người Ngô có mặt, mà không riêng ra ngoài là vì sao? Vì: Chung Ly, Tra, Hưởng, đều gần Ngô. Tấn họp chư hầu đi tới hội, cho nên vẫn có hai chữ hội, nghĩa là hội lại để mà đi hội Thích là đất nước Vệ, Tấn Hảo họp chư hầu ở Thích. Ngô cho người tới hội, cho nên không đặt riêng ai ra ngoài, việc đã khác thì lời chép cũng khác, đừng nghi làm gì. Thế mà có người lại bàn là tôn Ngô, cho nên đặt Ngô riêng, cùng với việc Thủ Chỉ, vẫn giống nhau, có biết đâu rằng, hội Thủ Chỉ, Kinh chép chữ cập là và, chứ không phải như ở đây, hai chữ hội, ý nghĩa có khác. Thánh nhân đâu có đem Ngô so sánh với Vương Thế Tử.

Lại có người bàn rằng, Hội chư hầu để mà đi hội, là cho Ngô ra ngoài. Thế thì hội thể ở Tề, hội ở Vu, không có để Sở ra ngoài, mà đây riêng đặt Ngô ra ngoài. Coi Tấn giống giả chư hầu đi tới hội, nghĩa thật là rõ. Còn phải bày đặt những thuyết, ngoại Ngô, tôn Ngô làm gì.

許 天 于 葉

HỨA THIÊN VU DIỆP

NƯỚC HỨA THIÊN ĐÔ TỚI ĐẤT DIỆP

Tả Thị - Hứa Linh Công sợ bị Trịnh áp bức xin với Sở tới thiên đô. Ngày Tân Sửu, Sở Công Tử Thân thiên đô Hứa tới đất Diệp.

Cốc Thị - Thiên là hãy còn có quốc gia để lui tới. Thế là Hứa còn có đất.

Năm Bính Tuất. Vua Giản Vương năm thứ 11.

十 有 六 年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tấn Lệ năm thứ 6. Tề Linh năm thứ 7. Vệ Hiến năm thứ 2. Sái Cảnh năm thứ 17. Trịnh Thành năm thứ 10. Tào Thành năm thứ 3. Trần Thành năm thứ 24. Kỷ Hoàn năm thứ 62. Tống Bình Công, tên là Thành năm đầu. Tân Cảnh năm thứ 2. Sở Cung năm thứ 16. Ngô Thọ Mộng năm thứ 11.

春 王 正 月 雨 木 冰

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, VŨ MỘC BĂNG

**MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG,
MƯA XUỐNG CÂY, HÓA THÀNH BĂNG**

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Sở Tử ở Vũ Thành sai Công tử Thành lấy ruộng Nhữ Âm đem biếu Trịnh. Cầu Trịnh bỏ Tấn. Trịnh Tử Tứ tới Vũ Thành ký minh ước.

Công Thị - Mưa xuống cây thành băng, sao chép. Là chép việc lạ.

Cốc Thị - Mưa xuống cây hóa thành băng, là ghi việc lạ. Truyện có ghi thêm: Rễ, cành, gãy.

Trình Tử - Kinh Xuân Thu chép tai dị, là để cho biết người và trời hưởng ứng. Nhưng khi kiến thức nông hẹp thì cho là không ứng. Thực ra vẫn có ứng. Tuy nhiên, các Hán nho cho rằng, tai dị đều là ngẫu nhiên, không đủ tin, rồi bọn nho đều cho là thế, cho nên bỏ.

Chu Tử - Trên âm cho nên mưa mà không có tuyết. Dưới lạnh cho nên đến cây thì thành băng.

夏 四 月 辛 未 滕 子 卒

HẠ, TỬ NGUYỆT, TÂN MÙI, ĐĂNG TỬ TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN MÙI, ĐĂNG TỬ MẤT

Tả thị - Mùa hạ tháng tư. Đăng Văn Công mất.

鄭 公 子 喜 帥 師 侵 宋

TRỊNH CÔNG TỬ HỖ SUẤT SƯ XÂM TỔNG
CÔNG TỬ HỖ NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỔNG

Tả Thị - Tử Hân nước Trịnh đánh Tống, tướng nước Tống là Tương Sừ Nhạc Cự, đánh cho thua tại Chúc Pha, rồi lui về đóng tại Phù Cừ. Người Trịnh lại kéo tới. Quân Tống không đề phòng bị thua tại Chúc Lăng, Tương Sừ Nhạc Cự bị bắt. Tống thua vì khinh địch.

Chức Phu, Chức Lăng, Phù Cừ, đều là đất nước Tống.

Phụ lục Tả Truyện - Vệ Hâu đánh Trịnh, đến đất Ô Nhạn là vì Tấn.

六 月 邠 寅 朔 日 有 食 之

LỤC NGUYỆT, BÌNH DẦN SỐC, NHẬT HỮU THỰC CHI
THÁNG SÁU, NGÀY BÌNH DẦN, CÓ NHẬT THỰC

晉侯使欒黶來乞師
TẤN HẦU SỬ LOAN YỂM LAI KHẮT SƯ
TẤN HẦU SAI LOAN YỂM TỚI LỖ XIN QUÂN

Tả Thị - Tấn Hầu sắp đánh Trịnh. Phạm Văn Tử nói: Theo ý tôi, nếu tất cả chư hầu đều phản Tấn, thì Tấn sẽ hay (sẽ tự sửa chữa). Nếu chỉ có Trịnh phản tôi, thì Tấn sẽ có việc lo ngại đến nơi. Loan Vũ Tử nói: Chúng ta còn sống, nên tránh cho Tấn đừng mất quyền bá chủ, vậy phải đánh Trịnh. Thế là sửa soạn quân đội.

Loan Thư tướng Trung quân. Sĩ Tiếp làm Phó. Khích Kỳ Tướng thượng quân. Tuân Yếm làm phó. Hàn Quyết tướng Hạ quân. Khích Chí Phó Tân quân. Tuân Oanh ở lại giữ thành. Khích Sư sang Vệ, rồi sang Tề. Đều là để xin quân. Loan Yếm tới xin quân. Mạnh Hiến Tử đoán tất là thắng trận vì thấy Yếm có lễ độ.

甲午晦晉侯及楚子鄭伯戰于鄢陵楚
 子鄭師敗績

GIÁP NGỌ, HỐI, TẤN HẦU, CẬP SỞ TỬ, TRỊNH BÁ
CHIẾN VU YỂM LĂNG. SỞ TỬ, TRỊNH SƯ BẠI TÍCH
NGÀY GIÁP NGỌ, CUỐI THÁNG, TẤN HẦU GIÀN TRẬN ĐỂ
ĐÁNH SỞ TỬ VÀ TRỊNH BÁ TẠI YỂM LĂNG. SỞ TỬ VÀ
QUÂN TRỊNH THUA TO. YỂM LĂNG, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Ngày Mậu Dần, quân Tấn bắt đầu di chuyển. Người Trịnh được tin, sai sứ báo cho Sở Tử. Diêu Câu Nhĩ đại phu Trịnh đi theo sứ. Sở Tử cứu Trịnh. Tử Mã Tử Phán tướng Trung quân. Lệnh Doãn Tử Trọng tướng Tả quân. Hữu Doãn Tử Tân tướng Hữu quân.

Đi qua đất Thân. Tử Phán vào yết kiến Thân Thúc Thời, hỏi: "Xin ngài cho biết ý kiến về hành binh này". Thúc Thời

đáp: “Đức, hình, tường (chăm chỉ), nghĩa, lễ, tín và các điều cần thiết trong việc chiến đấu. Đức là để thi ơn. Hình là để sửa điều lỗi. Tường là để thờ thần linh. Nghĩa là để làm cho việc có lợi. Lễ là để thuận thời. Tín là để giữ được mọi vật. Có sáu đức ấy thì dân no ấm và cư xử thẳng thắn. Việc có lợi thì mọi việc đều hòa. Thuận thời thì mọi việc thành, trên dưới hòa mục. Hành vi không trái lễ. Muốn chi được nấy. Ai cũng biết thế nào là hay.

Kinh Thi có câu: Dân toàn nhờ ở đức của các vị đó mà có ăn. Thế thì thần xưa vẫn ban phúc cho người hay. Mùa không có tai họa, dân được đầy đủ, vì hòa hợp biết nghe người trên. Hy sinh để cho đầy đủ chỗ khuyết thiếu. Trong cuộc chinh chiến, các điều đó đều cần để thắng. Nay vua Sở ở trong thì không thăm nom đến dân, ở ngoài thì mất dần nước bạn. Đã hiệp ước, mình ước rồi bỏ ngay. Nói rồi ăn lời ngay. Làm việc gì cũng trái thời, cứ tùy sở thích, mà để dân lao khổ. Dân không có tín nhiệm. Dân dù tiến hay thoái cũng vẫn cứ bị tội, bị trừng phạt, không biết rồi sẽ ra sao. Thế thì còn ai là có tâm hy sinh.

Thưa ngài, xin ngài cố gắng, nhưng tôi không được gặp ngài nữa đâu”.

Điều Câu Nhĩ về Trịnh trước tiên. Tử Tứ hỏi. Điều đáp: “Quân đội Sở đi hấp tấp, qua nơi hiểm mà không có hàng lối. Đã hấp tấp thì không có gì xếp đặt trước. Đi lộn xộn mất hàng lối, thì còn đánh được ai. Tội e Sở không có lợi gì cho ta”.

Tháng năm, quân đội Tấn qua sông Hoàng. Được tin quân đội Sở tới. Phạm Văn Tử muốn lui trở lại nói: “Ta giả làm như tránh Sở, có thể đỡ lo. Việc hợp các chư hầu thì ta không làm được, phải nhường ngôi cho người có tài. Chúng ta đây được hòa mục để thờ vua, đã làm quý rồi”. Vũ Tử nói: “Như thế không được”.

Tháng sáu, quân Tấn gặp quân Sở ở Yên Lăng, trên đất Trịnh. Phạm Văn Tử không muốn chiếm, Khích Chí nói: “Trận chiến ở Hàn. Huệ Công không dẫn được quân đội. Sau trận đất Cơ, Tiên Trăn không phục mệnh (nghĩa là chết) . Sau trận Bật, Tuân Bá, khi về theo con đường khác. Các sự thất bại đó nhục

cho Tấn. Ngài cũng biết hết công việc tiến quân, nay ta mà tránh Sở thì lại nhục hơn nữa”. Văn Tử nói: “Tiền quân ta chiến là luôn có cơ. Tấn,狄, Tề, Sở bốn nước đều mạnh. Nếu các ngài không cố sức tranh đấu, thì đời con cháu sau sẽ yếu hèn. Ngày nay, ba nước đã phục tòng, ta chỉ còn có Sở là địch thôi. Chỉ có bậc thánh nhân, thì cả trong lẫn ngoài, không có lo. Chưa được là bậc thánh nhân, thì ngoài được tất trong có lo. Sao ta không coi Sở là việc lo ở ngoài”.

Ngày Giáp Ngọ, cuối tháng, buổi sớm, quân Sở tới sát quân Tấn, dàn thành trận. Tướng tá Tấn lo ngại. Phạm Cãi con Phạm Văn Tử, dạo trước các hàng quân, truyền lệnh: “Lấp giếng đi, Phá bếp đi. Xếp thành hàng nơi quân trung. Tấn thắng hay Sở thắng là ở trời. Có gì mà lo. Văn Tử cầm cái kích đuổi con mắng: Nước nay còn hay mất là ở trời. Con nít như mày được biết gì. Loan nói: “Quân Sở tính nhẹ dạ dễ biến. Ta sửa rào lũy cho kiên cố thêm rồi đợi. Sau ba ngày là chúng phải lui. Khi chúng lui thì ra đánh. Nhất định thắng”.

Khích Chí nói: “Quân đội Sở có sáu lỗi. Ta cần lợi dụng hai tướng ghét nhau (Tử Trọng, Tử Phán). Vệ sĩ thì ở trong quân đội đã lâu. Quân Trịnh thì không tề chỉnh. Quân Man thì không có hàng lối. Sở không sợ dàn trận vào ngày nguyệt tận. Quân Sở khi đứng vào hàng thì hò hét hơn. Ai cũng nghĩ đến mình, không có tâm chiến đấu. Đã ở lâu trong quân thì còn đâu là sức hăng hái. Lại phạm vào nguyệt kỵ. Vậy chúng ta thắng”.

Vua sở bèn trèo lên thang để quan sát quân Tấn. Tử Trọng sai Thái Tề là Bá Châu Lê theo sát vua. Vua Sở đứng trên thang hỏi Châu Lê: Bên quân Tấn, người thì chạy sang tả, người thì chạy sang hữu, thế là thế nào? Đáp: Là để mời các tướng. Hỏi: Các tướng họp ở giữa trại? Đáp: Là để bàn mưu kế. Hỏi: Họ dựng lên một tướng? Đáp: Thế là để bói rùa trước các bài vị tiên quân. Hỏi: Họ đã dỡ tường. Đáp: Thế là vua Tấn sắp ra lệnh. Hỏi: Họ hò hét và thấy có bụi mù? Đáp: Thế là họ lấp giếng, phá bếp, lập hàng ngũ. Hỏi: Sau khi lên chiến xa, bọn xa hữu và xa tả cầm đồ binh bước xuống. Đáp: Thế là xuống nghe lệnh chủ帥. Hỏi: Liệu họ có tuyên chiến không? Đáp: Chưa

giết được. Hồi: Sau khi lên xe, họ lại xuống. Đáp: Trước khi chiến, họ tế thần linh.

Bá Châu Lê (người Tấn từ trước trốn sang Sở) trình với vua Sở các công việc trong quân Tấn.

Bên Tấn, thĩ Miêu Phần Hoàng theo sát Tấn Hầu. Cũng nói cho vua biết các hành động trong quân Sở. Quân Tấn đều nói: "Trong quân đội Sở có một tướng người nước ta. Quân nhiều, hàng ngũ đông. Không địch được". Miêu Phần Hoàng nói với Tấn Hầu rằng: " Bên Sở hàng thiện chiến đều ở đạo Trung quân, là trong tôn tộc. Xin nhà vua chia quân làm hai cánh, để đánh tả và hữu của địch. Rồi cả ba đạo quân hợp lại đánh Trung quân của Sở Tử. Nhất định thắng.

Vua Tấn bói rùa. Đoán là triệu cát, được quẻ phục, nghĩa là các nước miền Nam (Sở, Trịnh) sẽ suy, nguyên súy sẽ trúng phải tên, mà vua Sở sẽ bị thương ở mắt. Chả thua, thì thế nào mới là thua. Vua Tấn nghe theo.

Trước trại quân có một vùng lầy. Muốn tránh vùng lầy khi đi ra, Quân Tấn phải chia hai bên tả hữu đi quanh. Bộ Nghị (Khích Nghị) giơng xe Tấn Lệ Công. Loan Kiềm làm Ngự Hữu. Bành Danh giơng xe Sở Cung Vương. Phan Đẳng làm Xa Hữu. Loan Vũ Tử và Phạm Văn Tử cùng quân đội mình đi hai bên xe vua Tấn. Xe mắc vào vùng lầy. Loan Thư chủ tướng, định mời vua Tấn sang xe mình, mà chính mình cầm cương. Loan Kiềm (con) bảo Loan Thư: "Thư, lui ra (trước mặt vua, con phải gọi tên cha). Đã có chức phận quan trọng trong nước, không được tự ý bỏ để đi giơng xe được. Vả lại chiếm việc người khác là tham. Bỏ việc mình là nhác. Bỏ ngôi thứ mình là loạn. Ba tội ấy phải tránh". Nói xong, Kiềm kéo được xe ra khỏi vùng lầy.

Ngày Quý Tỵ. Phan Đẳng cùng Dương Do Cơ chống nhiều áo giáp lên để tập bắn xuyên qua. Tên suốt được đến bảy giáp một lần. Nói với vua Sở rằng: Vua có hai bảy tên như thế, còn lo gì không chiến thắng. Vua Sở giận nói: Thế không phải là hay cho nước. Sáng mai ra trận sẽ biết. Sinh ư nghệ, tử ư nghệ.

Tấn Ngụy Kỳ mê thấy bắn lên mặt trăng, đúng. Nhưng khi

lui về, sa vào một cái đầm lầy. Người đoán mộng nói: Những người họ Cơ như vua Tấn là mặt trời. Họ khác là mặt trăng. Mặt trăng chỉ vua Sở. Ông sẽ bắn vua Sở trúng. Khi lui ông sa đầm lầy (nghĩa là ông sẽ chết). Trong trận Ngụy Kỳ bắn một phát vào Sở Cung Vương, trúng con mắt. Vua Sở gọi Dương Do Cơ tới, giao cho hai phát tên bắn Lã Kỳ (Ngụy Kỳ). Kỳ bị trúng cổ, ngã chết trên bao tên. Dương Do Cơ còn một phát, tới tâu vua Sở là đã thi hành mệnh lệnh.

Tấn Khích Chí ba lần gặp vệ sĩ vua Sở. Thấy vua Sở là xuống xe bỏ mũ trụ, rồi rảo bước. Vua Sở sai chức Công Doãn Tương ra chào Khích Chí rồi (theo lễ) đưa trình một chiếc cung và bảo Tương nói: “Đang lúc có việc cấp mà tướng mang ủng đồ tồ ra vé quân tử. Trông thấy ta, nhận được ngay, mà rảo bước, có bị thương không?” Chí thấy có người tới hỏi bỏ mũ đi đón tiếp nói: “Ngoại thần (bầy tôi ở ngoài nước) của nhà vua hôm nay theo tá quân (vua Tấn tôi) về việc binh nhung. Tôi mang giáp trụ không thể là lễ tạ quân vương. Xin trình với nhà vua đừng ngại tôi bị thương. Vì tình thế hôm nay, dám xin cúi vái sứ giả”. Khích Chí ba lần vái rồi lui.

Tấn Hàn Quyết đuổi theo Trịnh Bá, người gióng xe cho Hàn. là Đồ Hồn nói: “Ta đuổi mau lên, vị xa ngự cứ trông hai bên, không trông ngựa, ta đuổi không kịp”. Hàn Quyết nói: “Không nên làm nhục một vị quốc quân nữa”. Thế là Hàn Quyết dừng lại, rồi sau Khích Chí đuổi Trịnh Bá. Xa Hữu là Phát Hàn Hồ nói: “Xin cho khinh binh đi trước. Tôi sẽ đi sau, chắc bắt sống được. Khích Chí nói: “Làm nhục vị quốc quân là có tội” rồi cũng không đuổi nữa.

Thạch Phủ, tướng gióng xe cho vua Trịnh nói: “Vệ Ý Công xưa chỉ vì không bỏ cờ xuống mà bị thua trận tại đất Huỳnh”. Thế là Thạch Phủ bỏ cờ xuống, cho vào bao cờ. Xa Hữu là Đường Cầu nói: “Ngài lúc nào cũng ở bên vua, ngài mà thua thì hại vô cùng. Xin ngài cùng vua đi ngay. Tôi ở lại chiến”. Rồi sau Thạch Phủ chết trận. Quân đội Sở bị lừa vào hai bên sườn núi. Sở Thúc Sơn Nhiễm bảo Dương Do Cơ: “Dù vua có nói trước mệnh của ông, nay vì nước, xin ông dùng đến cung tên”. Dương Do Cơ

cầm cung bắn ra hai phát, mỗi phát giết một người. Thúc Sơn Nhiễm nắm lấy một người, quăng mạnh vào xe, gãy cả một càng xe. Quân Tấn mới thôi. Trận kết liễu. Tấn bắt được Sở Công Tử Phiệt.

Loan Kiềm thấy cờ của Tử Trọng, xin với vua Tấn: Quân báo đó là cờ của Tử Trọng. Khi trước, thần sang sứ nước Sở. Tử Trọng có hỏi về dân Tấn. Thần có cho biết là dân Tấn có dũng, trong lúc bối rối rất đông đảo, vẫn được tề chỉnh. Có hỏi lại là thế nào. Thần đáp là dân Tấn ưa nhàn hạ. Hôm nay hai nước đánh nhau, không thông sứ được. Không thể khoe là vẫn chỉnh tề. Vậy thần muốn nói sai lời, xin phép cho vua sai một người thay mặt thần vào chào mời Tử Trọng. Vua ưng thuận. Loan Kiềm sai một tướng bung ly rượu tới mời Tử Trọng và nói: “Quả nhân không có tướng nào khác, có sai Kiềm cầm giáo đứng hầu, cho nên không thể khao quân ngài được. Vậy có sai tôi tới mời ngài uống rượu”. Tử Trọng đáp: “Phu Tử thường có nói chuyện với nước tôi. Vì thế sứ sai tới tôi. Sao tôi lại không nhớ những lời Phu Tử đã cho biết”. Tử Trọng nhận rượu rồi uống, xong cho sứ giả lui, rồi tay lại cầm dùi trống thúc trận. Trận khởi đầu buổi sớm, đến sao mọc chưa xong. Tử Phấn sai các tướng tá coi xét người bị thương, lấy quân mới thay các quân đã chết trên chiến xa, sửa lại giáp trụ, binh khí, xếp hàng lại ngựa và xe, nghe gào gáy thì ăn cơm rồi chờ lệnh.

Người Tấn thấy thế, có ý ngại. Miêu Phần Hoàng đạo trước các hàng quân nói: Coi lại chiến xa, thay thế các tử binh. Cho ngựa ăn cỏ. Mài lại gươm giáo. Xếp lại hàng ngũ ăn cho no. Khẩn kỹ thần linh. Mài lại đánh trận. Ra lệnh xong, thả tù binh Sở cho về.

Vua Sở khi nghe được các lệnh tướng Tấn cho quân đội, mới triệu Tử Phấn đến để bàn việc. Lính hầu đã cho Tử Phấn uống rượu say quá không tới được. Vua Sở nói: “Trời bắt Sở thua. Ta còn đợi gì đây”. Đến đêm, đem quân lui về. Quân Tấn vào trại, còn được thừa gạo Sở để ăn trong ba ngày.

Phạm văn Tử đứng trước xe vua nói: “Nhà vua còn ít tuổi. Các tướng không có tài, mà lại được như ngày hôm nay. Xin

vua cần thận. Trong sách Chu Thư có nói: Mệnh trời không phải bất di bất dịch. Chỉ có người đức là giữ được”.

Công Thi - Hối (cuối tháng) nghĩa là gì? Là tối. Sao lại chép. Là chép sự lạ. Thua, chép là “Sự quân đội”. Sở sao không gọi là quân đội. Vì vua bị thương. Bị phát tên. Quân đội bị coi thường.

Cốc Lương - Việc làm gấp ngày hối thì chép là hối. Bốn phía cùng tan vỡ thì gọi là bại. Đây bại vì vua bị thương ở mắt. Sở không chép là quân đội. Vua trọng hơn quân đội.

Tôn Giác - Cuộc chiến ở Hàn. Tấn Hầu đều bị bắt. Không chép quân đội Tấn bại, vua đã bị bắt, tức là quân đội bại. Cuộc chiến ở Yến Lăng. Sở Tử bị thương. Không chép quân đội Sở bại. Vua đã bị thương, thế là quân đội bại.

Uông Khắc Khoan - Thời Xuân Thu, trong 242 năm, Tấn mà thắng được Sở. Duy có trận Thành Bộc và Yến Lăng. Từ khi Tống Tương Công bị thua ở đất Hoàng thì Sở quân hoành hành các nước. Đến Thành Bộc thì bị ngăn chí hướng. Từ trận Bật. Thân Lâm Phủ bị thua, thì Sở lại ngang ngược, hội minh đất Thục. Đại phu chư hầu theo tới dự mười một nước. Đến trận Yến Lăng thì mất nhuệ khí. Từ trước đến nay chưa có chư hầu nào giúp Sở để đánh nhau. Duy chỉ có ở Yến Lăng thì Trịnh giúp để chống lại Tấn. Ví như không có Lã Kỳ bắn trúng. Thì Sở sẽ dựa vào thế cứu viện của Trịnh, đem quân trường khu tới trung nguyên mà gây hại, chưa biết đến chừng nào. Chỉ đáng tiếc là lúc đầu. Lệ Công không có kế sách chế thắng được, không biết nhẫn nại theo mưu của Loan Thư, lũy cao hào sâu, để cho quân Sở phải trốn. Cuối cùng là thiếu đức để mong thắng, thiếu chính trị để sửa sang ở trong nước, chỉ muốn khoa trương với nước ngoài. Vì thế, ba lần giả mệnh Thiên Tử để đánh Trịnh mà Trịnh cứ không phục tùng. Nghe lời gièm càng ngày càng tàn sát, rồi đến chết. Hành vi không khác Sở Kiền mấy.

Xét ra, trận Yến Lăng, cứ cố thủ là phải thắng. Lệ Công không theo kế sách đó để thắng, cho nên không thành được nghiệp bá.

楚 撥 其 大 夫 公 子 側

SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU CÔNG TỬ TRẮC
NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TỬ TRẮC
(TỬ PHẢN CON MỤC SỞ CÔNG)

Tả Thị - Quân đội sở về tới đất Hà (đất nước Sở). Sở Vương cho bảo Tử Sở rằng: “Đại phu xưa là Tử Ngọc thua trận, nhưng vua không dự. Ngày nay lỗi không phải ở đại phu. Chính là quả nhân có lỗi”.

Tử Phán rạp đầu hai lạy nói: “Vua cho thần chết, thần vẫn ơn vua. Quả thực là quân đội thần thua chạy. Lỗi tại thần”. Tử Trọng sai bảo Tử Phán rằng: “Xưa, có việc thua trận, hại quân, ông đã nghe nói, sao ông không nghĩ tới”. Tử Phán đáp: “Dù không có việc tiên đại phu. Nhưng nay ngài truyền cho Trắc tôi chết, tôi dám đầu cho lệnh ấy là không hợp lý. Trắc tôi đã làm mất quân, dám đầu quên là phải chết”. Sở Vương cho người tới ngăn. Sứ tới không kịp. Tử Phán đã chết.

秋 公 會 晉 侯 齊 侯 衛 侯 宋 華 元 鄆 人 于
沙 隨 不 見 公

THU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TÊ HẦU, VỆ HẦU TỔNG
HOA NGUYÊN, CHÂU NHÂN VU SA
TÙY BẤT KIẾN CÔNG

MÙA THU, LỖ CÔNG TỚI SA TÙY ĐẤT NƯỚC TỔNG,
ĐỂ HỘI VỚI TẤN HẦU, TÊ HẦU, TỔNG HOA NGUYÊN,
NGƯỜI CHÂU, TẤN HẦU KHÔNG TIẾP LỖ CÔNG

Ngày trận Yển Lăng, Quốc Tá và Cao Vô Cữu nước Tê tới theo quân đội Tấn. Vua Vệ cũng ra khỏi đất Vệ. Vua Lỗ thì từ Hoại Đồi đi tới. Tuyên Bá cùng mưu với Mục Khương (mẹ vua Lỗ) đuổi Quý Văn Tử và Mạnh Hiện Tử để chiếm lấy gia tài. Khi Lỗ Công sửa soạn ra đi, thì Mục Khương tới ấp Hoại Đồi tiễn đưa và bảo đuổi hai họ đi. Vua trình bày khó khăn đang

bị mắc với Tấn và nói: “Xin hãy chờ, khi trở về, xin nghe lệnh”. Mục Khương giận. Công tử Yến và Công tử Sừ vừa bước rào qua (hai người là em vua khác mẹ). Mục Khương chỉ tay bảo vua Lỗ rằng: “Nếu không làm thì một trong hai người này sẽ thay ngôi đó”.

Lỗ Công lo ngại, mới đình lại, để dần dò chuẩn bị phòng giữ cung điện, giao cho Mạnh Hiến Tử, rồi mới ra đi, vì thế tới hội chậm. Mùa thu, tại Sa Tuyền, chư hầu hội, bàn việc đánh Trịnh. Tuyên Bá sai người nói với Khích Suu: “Vua Lỗ đã đợi ở Hoại Đồi để coi ai thắng”. Khích Suu chủ đạo Tân quân, lại là Công tộc đại phu giúp vua coi chư hầu mặt đông. Suu nhận được đồ lễ của Tuyên Bá mới gièm vua Lỗ với Tấn Hầu. Vua Tấn nghe rồi không tiếp vua Lỗ nữa.

Công Thị - Không tiếp Lỗ Công nữa nghĩa là gì. Là Lỗ Công không được yết kiến, do ý của một đại phu. Sao lại tới hội. Vì không thấy nhục. Không thấy nhục vì còn bé.

Cốc Thị - Không tiếp là ý có thể tiếp. Có thể tiếp mà không tiếp là chê các chư hầu.

Trình Tử - Tấn giận Công tới chậm cho nên không tiếp Công. Người quân tử cần cho mình chính đã, chứ không trách người. Lỗ mà tới chậm là vì trong nước có việc khó khăn. Tấn không thể là Tấn trái. Họ công, ta ngay, cho nên không có gì là nhục.

Lưu Sưởng - Năm thứ 16, hội Sa Tuyền, không tiếp Công. Công Dương bàn Lỗ Công không được tiếp kiến vì một đại phu. Sao lại tới hội, vì không thấy nhục, không thấy nhục vì còn bé. Công Dương bàn, sai. Xét Công lên ngôi đến nay đã 16 năm, sao còn nói được là bé.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ LỖ

Phụ lục Tả Truyện - Người Tào xin với Tấn rằng: Từ khi tiên quân nước tôi mất đi, dân Tào tự hỏi phải biết làm thế

nào, mỗi lo vẫn chưa dẹp hết. Tấn lại trị tội quả quân tôi làm cho em vua tôi là Tử Tang đang giữ xã tắc thay vua vắng mặt phải bỏ trốn ra nước ngoài, nước Tào tôi lâm nguy. Tiên quân tôi hay là có tội chăng? Nếu như vua tôi có tội, thì sao đã được dự hội với chư hầu. Vua Tấn làm bá chủ, về thi ân đức, về thi hình phạt, không có chỗ thiếu sót, sao lại để thiếu sót nước Tào tôi. Dám xin trình bày.

公會尹子晉侯齊國佐鄒人伐鄭
**CÔNG HỘI DOÃN TỬ, TẤN HẦU TÊ QUỐC TÁ,
CHÂU NHÂN PHẠT TRỊNH**

**LỖ CÔNG HỘI VỚI DOÃN TỬ (QUAN TRIỀU CHU), TẤN HẦU,
QUỐC TÁ NƯỚC TÊ, NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH TRỊNH, (LẦN
ĐẦU, VỊ QUAN TRIỀU CHU DỰ HỌP VỀ VIỆC TRỪNG PHẠT)**

Tả Thi - Tháng bảy, Lỗ Công hội với Doãn Vũ Tử, cùng chư hầu để đánh Trịnh. Khi Lỗ Công sắp đi, bà mẹ lại xin như lần trước. Vua Lỗ lại giao cho quan giữ gìn cung điện rồi mới đi. Quân các nước đình lại ở phía tây nước Trịnh. Quân Lỗ đình lại ở Đốc Dương, phía đông nước Trịnh, nhưng không dám đi qua Trịnh. Tử Thúc Thanh Bá sai Thúc Tôn Báo đón quân Tấn, báo cho biết là tới sát thành Trịnh mới ăn cơm, khi quân đội Tấn tới. Thanh Bá bốn ngày nhịn ăn. Khi sứ của Báo đến cho biết tin thì mời xong sứ ăn cơm, mình mới ăn.

Quân chư hầu chuyển đến đóng ở Chế Diên. Tri Vũ Tử làm phó đạo Hạ quân. Cùng quân đội ở nước khác, Tri Vũ Tử tràn vào nước Trần, rồi tiến tới Minh Lộc. Rồi tràn vào Sái. Trước khi Tri Vũ Tử lui quân, thì chư hầu chuyển đến đồn tại đất Dĩnh. Ngày Mậu Ngọ, Tử Hân nước Trịnh, đêm họp quân tại Dĩnh. Các quân Tống, Tê, Vệ đều tan.

Uông Khắc Khoan - Trước đây, chưa có quan chức triều nhà Chu dự tiệc chinh phạt, Hoàn Công, Văn Công tuy không xin mệnh vua, tuy cứ chuyên quyền làm việc, mà vẫn có tâm tôn Chu để yên thiên hạ, chưa có khinh thường, dám để quan nhà Chu dự chinh chiến. So với giả mệnh Thiên Tử để lấy uy với

chư hầu thì vẫn còn là hơn. Vua Tấn Lệ Công nói nghiệp Bá, lấy thù riêng mà đánh nước Tần, đem Lưu Khang Công, Thành Túc Công cùng đi. Khi có tâm tranh Trịnh, thì đem Doãn Vũ Công, Thiện Tương Công cùng đi. Thế là Vương Thần, bầy tôi triều Chu, đi đi lại lại không thể rút để làm đồ dùng cho Bá chủ. Kinh Xuân Thu về việc đánh Tần, không có chép Lưu Công, Thành Công, là để san bỏ việc xin quân Thiên Tử, và rõ cái tội lười nhác việc triều Thiên Tử. Về việc đánh Trịnh, thì hai lần chép Doãn, Thiện, là để cho rõ tội khinh mạn Vương thần.

Xét - Ví như đánh Tần, chép Lưu Công, Thành Công, mà lại có việc tới chầu Thiên Tử, xin lấy mệnh, rồi đi, thì là phải. Đánh Trịnh mà đừng có tội, mới ép Vương thần, chỉ trị kẻ phản bội, chỉ giảm thế Sở, thì cũng không phải là dở. Bút Thánh nhân san giảm thật là rõ ràng.

曹伯歸自京師

TÀO BÁ QUY TỰ KINH SƯ

TÀO BÁ TỪ KINH SƯ TRỞ VỀ NƯỚC TÀO

Tả Thị - Dân Tào lại xin với Tấn cho vua về ở. Khi đó. Tử Tang em vua Tào tránh sang Tống. Vua Tống nói với người Tào có mời Tử Tang thì cũng cho Tào Bá về, Tử Tang giao trả vua tất cả các đất đai mình không được phong, từ chức vụ cũ, rồi về, không nhận một chức mới nào.

Công Thị - Bất mà cho về thì chép tên. Đây là Tào Bá sao không chép tên. Mà sao không nói là trở về Tào. Vì là dễ, thế nào là dễ. Vì Công tử Hỷ Thời ở trong nước. Hỷ Thời ở trong nước thì có gì là dễ. Công tử là người có đức nhân. Trong giữ được nước yên để đợi. Ngoài, nghĩ việc ở nơi kinh sư để cho Tào Bá được thoát. Sao chép là Kinh sư về. Chép như là việc dễ lắm. Ở đó, không có thấy gì là lo ngại.

Cốc Thị - Không nói về đâu. Cứ thế tất là hay. Khi ra đi, khi trở về, không chép tên, cho là không mất nước. Về thì là hay. Từ ở nơi nào về là thêm hay.

Lưu Sưởng - Đây là “lại trở về” tại sao lại không chép

chữ lại. Không cho “lại” là phải. Tại sao? Đó là hạng giết con vua. Chép rằng kinh sư là sao? Là Thiên Tử cho là kẻ có tội. Cốc Lương mà bảo rằng không chép nơi về, vì cho về là phải; khi đi, khi về, không gọi tên, cho là không mất nước. Cốc Lương đã bàn sai. Cái tội của Tào Bá ai đã học thì đều biết; thế mà Cốc Lương Tử không biết, Tào Bá còn có gì là hay. Cho về là phải, là hay, từ nơi chỗ về là thêm hay. Bàn thế cũng sai. Vệ Huyền, Vệ Hâu, Trịnh có gì là hay đâu. Và lại, từ nơi Mỗ, rõ là có được lệnh, không vì: muốn cho phải, hay không phải, mà nghĩ việc.

Trình Tử - Tào Bá không chép tên, không chép là phải trở về. Thiên Tử chưa mất vị. Tử Kinh sư nghĩa là theo mệnh Thiên Tử.

Dư Quang - Thời đó, vua nhà Chu chỉ có hư danh mà thôi. Quyền sinh sát, quyền thăng thưởng, không còn nữa, cứ coi người Tào, xin Tấn lần đầu, xin Tấn lần thứ hai, chứ đâu có nghe nói cho sứ đến triều đình Chu. Đến khi Tấn Hâu hứa cho Tào Bá được về, và Tử Tang trở lại, thì thấy rằng quyền ngang dọc, toàn là ở Tấn, đặc biệt giữ từ ở Kinh sư, chỉ là mượn tiếng nhà Chu thôi. Quyền Thiên Tử không chấn hưng. Chu hầu toàn theo ý muốn riêng. Thế đạo suy, lại càng đáng tiếc.

Xét - Phụ Sô, giết vua, cướp ngôi, đúng pháp là phải trị. Thế là Thiên Tử không giết, đó là Xuân Thu chê.

Dư Quang dẫn thuyết họ Quách, cho là dọc ngang toàn từ nước Tấn, theo sự tình đương thời thì cũng đúng.

九月晉人執季孫行斧舍之于荅邱

**CỬU NGUYỆT, TẤN NHÂN, CHẤP QUÍ TÔN
HÀNG PHỦ XÁ CHI VU ĐIỀU KHUU**

**THÁNG 9, NGƯỜI TẤN BẮT QUÝ TÔN HÀNG
PHỦ GIỮ LẠI TẠI ĐIỀU KHUU (NƯỚC TẤN)**

Tả Thị - Lỗ Tuyên Bá sai người nói với Khích Khưu rằng: “Lỗ mà có họ Quý, họ Mạnh cũng như Tấn có họ Loan, họ Phạm.

Chính lệnh là ở trong tay. Nay nếu lại bàn rằng: “Chính trị ở Tấn chia ra nhiều họ chứ không ở vua Tấn, vậy không nên theo Tấn, nên theo Tề hay Sở. Lỗ ta muốn khỏi hại đừng theo Tấn nữa” Tấn muốn được đặc chí ở Lỗ thì nên bắt Hàng Phủ xử tử đi. Tội ở Lỗ sẽ giết Miệt (Mạnh Hiến Tử), thế là giúp Tấn đấy. Miệt nhĩ tâm muốn bỏ Tấn. Nếu ông không nghe thì tội Miệt khi về nước, sẽ phản ông”.

Tháng 9, người Tấn bắt Quý Văn Tử tại đất Điều Khưu.

Lỗ Công khi ở mặt trận về, dừng lại ở ấp Vận phía tây nước Lỗ, sai Tử Thúc Thanh Bá tới Tấn xin tha cho Quý Tôn Hàng Phủ thì nước tôi với nước ngài thân nhau hơn họ hàng thân thích”. Thanh Bá đáp: “Tình ý của Kiều Như chắc ngài đã rõ. Nếu Ngài bỏ Miệt và Hàng Phủ, thế tức là bỏ cả nước Lỗ, mà cho là quả quân đã dùng hai họ ấy là có tội. Nếu ngài không bỏ Lỗ, nếu ngài còn làm ơn cho Lỗ, thì nhờ uy linh Chu Công, ngài cho phép quả quân tôi được thờ vua Tấn.

Hai người ấy là bấy tôi xã tắc nước Lỗ, sớm chết đi, thì chiều nước Lỗ cũng mất theo. Vì Lỗ gần nước thù với Tấn là Tề và Sở. Lỗ sẽ theo một trong hai nước, sẽ thành thù địch. Lúc đó Tấn sẽ còn trị sao được”.

Khích Sư nói: “Tôi sẽ vì ông xin phong ấp cho ông ở Tấn”. Thanh Bá đáp: “Anh Tề tôi đây chỉ là một tiểu tướng ở Lỗ, dám dẫu dựa vào một nước lớn để mong phú quý. Tôi được mệnh quả quân tôi sang xin ngài. Nếu xin được, thế là ngài đã ban cho tôi một ơn to. Tôi còn dám mong gì hơn”.

Phạm Văn Tử bảo Loan Vũ Tử: “Quý Tôn ở Lỗ đã thờ hai đời vua. Thiếp không mặc đồ lụa. Ngựa không ăn thóc. Chính là hạ trung thân. Ta tin lời gièm pha gian mà bỏ người trung lương, thì chư hầu đối với ta sẽ ra sao. Tử Thúc Anh Tề phụng mệnh vua không nghĩ lợi riêng, mưu việc quốc gia, không hài lòng, nghĩ đến mình, mà không quên vua, nếu ta không chấp thuận lời xin, thế là ta bỏ người hay. Xin ngài nghĩ kỹ”. Loan Vũ Tử mới để cho Lỗ được yên, và thả Quý Tôn.

Công Thị - Đã là bị bắt, thì chưa từng thấy chép chữ “được

ở". Đây chép thế, ý cho là có đức nhân. Ở Điền Khuu thì buồn khổ. Bị bắt chưa có nói đến hạng bị bắt có nhân. Đây nói đến nhân, vì sao. Vì bắt Hàng Phủ thay vào bắt Lỗ Công. Trước đó, người Tấn tới xin quân, Lỗ không cho. Lỗ Công hội với Tấn Hầu. Tấn Hầu sắp bắt Lỗ Công Quý Tôn Hàng Phủ nói: Đó là tội thần. Thế là Tấn bắt Hàng Phủ Lỗ Thành Công sắp hội với Tấn Lệ Công. Lỗ Công tới chậm. Tấn sắp bắt Lỗ Công. Quý Tôn Hàng Phủ nói: "Thần có tội, lại bắt vua. Con có tội, đi bắt cha. Thế là lỗi to, nhầm to, đối với tôn miếu". Vì thế, Tấn bắt Quý Tôn Hàng Phủ.

Cốc Thi - Đã bị bắt thì không có "cho ở". Nay cho ở là đáng để nơi Lỗ Công. Kẻ bị bắt thì phải xét hỏi. Đây thì không. Vì còn có Lỗ Công. Đã bị bắt mà lời chép nhẹ nhàng vì còn để cho Lỗ Công yên. Đã có ý ấy, là Lỗ Công còn được yên.

Lưu Suồng - Công Dương bàn rằng, bắt Hàng Phủ thay vào bắt Lỗ Công, cho nên cho là nhân. Bàn thế sai. Phàm về việc nước, có tội thì vị Chính Khanh bị bắt là đúng lẽ.

Công Dương lại bàn là vua còn nhỏ tuổi, thì tội không phải ở Công làm ra, mà vị Chính Khanh phải đương lấy. Thế tức là Hàng Phủ gieo cái nhục cho Công. Vậy sao Kinh Xuân Thu lại cho là nhân.

Lại ví như, theo lý lẽ chưa đủ, để cho là nhân, thì việc để cho ở Điền Khuu cũng không phải như Công Dương đã bàn.

冬十月乙亥叔孫僑如出奔齊
**ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, ẤT HỢI, THÚC TÔN KIỀU
NHƯ XUẤT BÔN TÊ**

**MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI, NGÀY ẤT HỢI,
THÚC TÔN KIỀU NHƯ CHẠY SANG NƯỚC TÊ**

Tả Thi - Mùa đông, tháng mười người Lỗ đuổi Thúc Tôn Kiều Như đi, rồi cũng thề ước với nhau. Kiều Như chạy sang Tê.

十 有 二 月 乙 丑 季 孫 行 斧 及 晉 卻

犇 盟 于 扈

**THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT SỬU, QUÍ TÔN HÀNG
PHỦ CẬP TẤN KHÍCH SƯU MINH VU HỒ**

**THÁNG 12, NGÀY QUÍ SỬU, QUÍ TÔN HÀNG PHỦ VÀ
TẤN KHÍCH SƯU LẬP MINH ƯỚC TẠI ĐẤT HỒ**

Tả thị - Tháng 12, Quý Tôn và Khích Sưu thề tại đất Hồ. Khi về Lỗ, Hàng Phủ giết Công Tử Yến, triệu Thúc Tôn Bác ở Tề về, lập lên làm chủ họ Thúc Tôn.

**公 至 自 會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỬ HỘI VỀ LỖ**

Phụ lục Tả truyện - Thanh Mạnh Tử nước Tề (mẹ Tề Linh Công) thông với Kiều Như. Ta muốn xin cho Kiều Như được chức như họ Cao, họ Quốc ở Tề. Kiều Như nói: “Không nên tái tội, làm tội lần nữa”. Thế là chạy sang Vệ, lại cũng được vào hàng Khanh.

Tấn Hầu sai Khích Chí tới triều đình Chu, dâng các người và vật bắt được của Sở. Khi nói chuyện với Thiện Tương Công ở Chu, Khích Chí khoe công thắng trận. Thiện Tương Công sau nói chuyện với các quan rằng: “Ôn Quý, (Khích Sưu) chết đến nơi. Ở Tấn có bảy người chức vị cao hơn, mà Ôn Quý không coi ra gì. Thế là tích oán. Oán là gốc loạn. Ở yên sao được. Sách Hạ Thư có nói: Có căn đời được thấy oán rõ rệt được. Ta phải để ý trước khi xảy ra. Nay Khích Khuu đã làm cho oán xảy ra rồi. Sống thế nào được”.

Cao Kháng - Đại phu bị bắt thì phải chép rõ tại sao. Việc Hàng Phủ không chép rõ. Lỗ Công đợi Hàng Phủ cùng về. Chép Lỗ Công cho là quan trọng. Tuy nhiên Lỗ Công không có dự hội, mà chép “từ hội về”, là nói thác ra như thế. Xét: Hội Sa Tuyền,

Công đã không được tiếp, hội Thánh Trịnh, Công không được dự. Vị Khanh, ngôi cao nhất bị bắt. Lỗ Công ở ngoài nước, muốn trình bày rõ việc với Tấn thì không được thoát nạn. Mùa thu, Công ra đi, hết mùa đông mới về. Lúc đi thì có đánh Trịnh, lại không được dự hội, bàn việc. Vua bị nhục, tôi bị bắt. Thế là việc nhục cho nước. Đến khi Công về không thể lấy việc, đánh Trịnh xong rồi về, mà chép. Cho nên nói thác ra là từ hội về, để thấy Công không dự việc đánh Trịnh.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu mà không chép rõ gốc việc, duy chỉ có năm nay, vì đánh Trịnh mà chép hội, và năm thứ 18, Tương Công vây Tề, mà chép là “Công từ đánh Tề về”.

乙酉刺公子偃

ẤT DẬU, THÚ CÔNG TỬ YẾN

NGÀY ẤT DẬU, CÔNG TỬ YẾN BỊ GIẾT

Cốc thị - Đại phu chết, chép chữ “tốt”, là theo chính nghĩa trước chép chữ giết, sau chép chữ tên, là giết kẻ vô tội.

Lưu Sưởng - Sao không chép ai giết. Vì giết kẻ có tội. Tội gì. Vì là đảng Thúc Tôn Kiều Như, hàng các Công tử. Cốc Lương lại bàn, cho là giết kẻ vô tội. Cốc Lương bàn sai. Lấy lý mà xét, trước chép chữ giết, sau chép chữ tên, chính là kẻ giết có tội. Nếu trước chép tên, sau chép giết, thế đủ rõ là chưa biết tội, không hỏi tội được ở các quan chấp sự, ở quần chúng.

Ngô Trưng - Tên Tượng định giết Thuấn. Đến khi Thuấn lên ngôi Thiên Tử, thì phong tước cho Tượng, có phải là Thuấn không biết Tượng định giết mình đâu, cho nên Mạnh Tử bàn đó là hành động của người có đức nhân đối với em, không có tích chứa oán thù, cứ thân mến, cứ cho giàu sang. Thế là thuận biết đạo làm anh, mà về đạo làm người thì đến tột bậc. Yến dù có bị Mục Khương chỉ tay (coi lại các trang trên) nhưng bất quá Mục Khương chỉ là chép Lỗ Công theo ý mình, chứ chưa thấy thực có mưu phế lập, và Yến cũng thế. Nay Kiều Như đã bị đuổi. Thành Công nên tu thân, tề gia, để cảm hóa người mẹ. Uy quyền là ở mình. Yến dù có thực tà tâm cũng không làm

gì nổi. Nay không hay can được mẹ, lại còn giận đến em, giết đi; coi truyện Thuần đối với Tượng còn ra thế nào.

Công tử không phải là chữ họ, , mà là chữ chỉ hệ thuộc, tức như chép là con của tiên quân. Thế thì có nên giết không.

Xét - Trước có chữ giết, sau có chữ tên, bọn tiên nho phần nhiều theo Lưu Sưởng, cho là có tội. Riêng Ngô Trùng trách Thành Công mất đạo thân ái. Ngô Trùng bàn theo lẽ chính đáng. Xét Yên tuy có tội, mà lại em vua thì còn có thể xét đến trường hợp thân thích. Nay thành công không nghĩ gì đến tình anh em, hèn học giết đi, thì đâu phải tâm người có đức nhân, cho nên ta để cả hai thuyết.

Năm Đinh Hợi. Vua Giản Vương năm thứ 12.

十 有 七 年
THẬP HỮU THẤT NIÊN
NĂM THỨ 17

Tấn Lệ năm thứ 7. Tề Linh năm thứ 8. Vệ Hiến năm thứ 3. Sái Cảnh năm thứ 18. Trịnh Thành năm thứ 11. Tào Thành năm thứ 4. Trần Thành năm thứ 25. Kỷ Hoàn năm thứ 63. Tống Bình năm thứ 2. Tần Cảnh năm thứ 3. Sở Cung năm thứ 17. Ngô Thọ Mộng năm thứ 12.

春 衛 北 宮 括 帥 師 侵 鄭
XUÂN, VỆ, BẮC CUNG QUÁT, SUẤT SƯ XÂM TRỊNH
MÙA XUÂN, BẮC CUNG QUÁT CẨM QUÂN XÂM
NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Năm thứ 17, mùa xuân, Vương, tháng giêng. Từ Tứ nước Trịnh xâm ấp Hư, ấp Hoạt nước Tấn. Bắc Cung Quát nước vệ cứu Tấn, xâm Trịnh, quân tiến đến cao Thị.

Kim Hiền - Tiên nho bảo là mệnh của nước Tấn. Vì người khác, nước khác mà động binh, thì chép là xâm, là chê. Bảo thế là sai. Vệ đã nhận được mệnh của Bá chủ thì Xuân Thu sao

lại chê. Lại bàn rằng: Trịnh phản Tấn, vẫn còn sợ Tấn mạnh, đâu dám hưng sư chống Tấn. Bàn thế cũng sai. Trịnh mà xâm Tấn, biết đâu chẳng phải là mệnh vua Sở. Sở dĩ dám hưng binh là dựa vào Sở. Sở Công tử Thành, và Công tử Đán đóng quân tại Trịnh để phòng Tấn. Công Tử Anh Tề thì dẫn quân tại Thủ Chi. Công tử Thân thì đóng quân tại Nhữ Thượng. Ta coi thế là đủ hiểu.

夏公會尹子單子晉侯齊侯宋公

衛侯曹伯鄆人伐鄭

**HẠ, CÔNG HỘI DOÃN TỬ, THIÊN TỬ, TẤN HẦU,
TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CHÂU
NHÂN PHẠT TRỊNH**

**MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI DOÃN TỬ, THIÊN TỬ, TẤN HẦU,
TÊ HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, NGƯỜI CHÂU
ĐỂ ĐÁNH TRỊNH**

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 5, Trịnh thái tử là Khôn Ngoan, và đại phu Hâu Nữu làm con tin ở Sở. Công tử Thành công tử Dân nước Sở dẫn thú tại Trịnh. Lỗ Công hợp với Doãn Phủ Công, Thiên Tương Công và các chư hầu để đánh Trịnh. Quân đi từ Hí Đồng tới Khúc vị.

Phụ lục Tả Truyện - Phạm Văn Tử (Sĩ Tiếp), nước Tấn khi ở Yên Lăng về, sai Vu Chúc (Quan coi việc cúng tế ở Thái Miếu), cầu thần linh cho được chóng chết, nói rằng: “Đã kiêu, trời lại cho thắng trận để kiêu thêm. Ai yêu ta thì cố xin thần linh cho ta chóng chết để khỏi phải tai họa. Đó là phúc cho cả họ Phạm ta”.

Tháng Sáu, ngày Mậu Thìn, Sĩ Tiếp mất.

Cao Kháng - Nước Tấn giả mệnh Thiên Tử để đánh nước Trịnh, lại đem theo hai khanh sĩ triều đình. Tấn thì chủ việc binh mà chép Doãn, Thiên, lên trên là trọng mệnh vua. Xét Tấn Lệ tuy vô đạo mà còn nhiều lần hợp được chư hầu, còn ngăn được Sở, lấy mệnh Thiên Tử sai chư hầu mà làm việc nghĩa.

六 月 乙 酉 同 盟 于 柯 陵

LỤC NGUYỆT, ẤT DẬU, ĐỒNG MINH VU KHA LĂNG
THÁNG SÁU, NGÀY ẤT DẬU, HỘI THỀ TẠI KHA LĂNG
(ĐẤT NƯỚC TRỊNH)

Tả Thị - Ngày Ất Dậu, đồng minh tại Kha Lăng, nhắc lại cuộc đồng minh tại đất Thích.

Cốc Thị - Hội thề ở Kha Lăng, bàn việc lại đánh Trịnh.

Trình Tử - Chư hầu cùng ghét Sở.

Tô Triệt - Chép chữ đồng minh là vì Trịnh phản. Khi nước Tề, nước Tấn dương thịnh, tuy đại phu của Thiên Tử có dự hội, cũng không có thề, ý nghĩa là còn tôn nhà Chu. Ở hội Kha Lăng, Doãn Tử, Thiện Tử bắt đầu thề, từ đó trở đi, thề coi là việc thường, thề là phi lễ.

秋 公 至 自 會

THU, CÔNG CHÍ TỰ HỘI
MÙA THU, CÔNG TỰ HỘI VỀ

Tả Thị - Sở Tử cứu Trịnh, quân tới Thủ Chi. Quân chư hầu lui về.

Cốc Thị - Không chép là từ đánh Trịnh trở về, vì Lỗ Công không dự. Sao biết. Vì chép là từ hội về. Sao biết là lại thề để mưu bàn việc đánh Trịnh. Vì thấy những tên ở hội trước đều lại chép cả. Không có ý về việc đánh Trịnh thì sao lại chép ngày. Cũng là để rõ Công không có bội cuộc thề ở Kha Lăng.

Ngô Trưng - Đang muốn nêu rõ tội của Trịnh để đi đến chỗ đánh Trịnh mà Sở đã tới cứu. Chư hầu sợ Sở mà phải lui về, chưa thường được đánh thật, đánh hằn, cho nên không dùng chữ phạt, mà dùng chữ hội để chép Lỗ Công từ hội về.

Lý Liêm - Lần này, đánh xong, rồi thề, cho nên chép Công từ hội về. Thế tức là Cốc Lương kể hai việc liên tiếp, lấy việc sau mà cắt nghĩa chữ từ hội về, đặt thành một lệ, cũng như

năm thứ 11 Lỗ Tương Công, đánh Trịnh rồi hội tại đất Tiều Ngư, và năm thứ tư, Định Công đánh Sở rồi thể ở Cao Dữu. Lẽ chép không đúng nhau, Thế mà ở đây Cốc Lương lại nói: không chép là “từ đánh Trịnh về”, là vì Lỗ Công không dự đánh Trịnh. Kê thích nghĩa cho là Lỗ Công dự hội để giữ chữ tín, chứ thực là bị chư hầu áp bức thế, ý Công không muốn đánh Trịnh. Vậy đối với các lời bàn trước, Cốc Lương đã tự mâu thuẫn. Lời bàn sau không cần cứ vào đâu.

齊 高 無 咎 出 奔 莒

TÊ CAO VÔ CỬU XUẤT BÔN CỬ

VÔ CỬU NƯỚC TÊ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC CỬ

Tả Thị - Khách Khắc (Khanh Phong Phủ) nước Tê thông với Thanh Mạnh Tử (mẹ vua Tê. Mặc quần áo đàn bà ngồi xe cho kéo vào cung, Bào Khiên trông thấy báo cáo với Quốc Vũ Tử. Vũ Tử cho triệu Khách Khắc đến khuyên bảo. Khách Khắc đóng cửa ở nhà, nhưng báo cho phu nhân biết và nói: Quốc Tử đã gắt mắng. Phu nhân giận. Quốc Tử đi theo Linh Công tới hội. Cao Vô Cửu và Bào Khiên ở lại giữ quốc đô trong khi vắng vua. Được tin vua sắp về, hai tướng sai đóng cửa thành để phòng gian. Thanh Mạnh Tử vu ngay cho là ý không cho vua vào thành, để mưu lập con Khoảnh Công tên là Giốc, rồi nói với vua.

Mùa thu tháng 7, ngày Nhâm Dần, Bào Khiên bị chặt chân. Cao Vô Cửu bị đuổi. Vô Cửu chạy sang nước Cử. Cao Nhược, con Vô Cửu, đem dân tới ấp Lư của mình nổi loạn. Người Tê tới Lư triệu Bào Quốc em Bào Khiên, lập nên chủ họ Bào.

Khi trước, Bào Quốc bỏ họ Bào, tới Lỗ làm gia thần cho họ Thi Hiếu Thúc. Họ Thi có bói để định một vị Tể. Bói được một người tên là Khuông Cú Tu. Tể họ Thi được lộc một ấp trăm gia đình. Cú Tu nhường cả ấp, cả chức Tể cho Bào Quốc. Thi Hiếu Thúc nói: “Ông được quả cát”. Cú Tu nói: “Còn cát nào hơn có tài năng, mà trung và lương”. Bào Quốc làm Tể nhà họ Thi tận trung. Cho nên dân Tê chọn làm chủ tộc họ Bào.

Khổng Ni có nói: Cái trí của Bào Trang Tử (Bào Khiên) không được như hoa quì, vì hoa quì còn che được chân hoa.

九 月 丰 稔 用 郊

CỬU NGUYỆT, TÂN SỬU, DỤNG GIAO

THÁNG CHÍN, NGÀY TÂN SỬU, CÓ XẾP ĐẶT TẾ GIAO

Công Thị - Chữ dụng, xếp đặt, là có ý nói không nên đặt tháng chín, không phải mùa tế Giao. Chính ra là ngày Thượng tân. Hoặc giả là hãy còn sửa soạn. Rồi sau mới tế Giao.

Cốc Thị - Đầu mùa hạ là có thể tiếp theo xuân. Còn như cuối mùa thu mà muốn tiếp theo xuân thì không thể được. Tháng chín, xếp đặt tế Giao thì không nên. Chỗ quan cư không có, thì không tế được. Y không phục sức thì không tế được. Xe ngựa khí giới không đủ, thì không tế được. Một quan Hữu tư, không kiêm hết được mọi chức vụ, thì không tế được. Phàm tế là phải cho đúng mùa, cho đủ cung kính, cho tốt đẹp về mọi thứ, chứ không phải chỉ cần để thần hưởng vị thôi.

Xét - Lưu Sưởng thì bảo “dụng giao” là dụng nhân (dùng người để tế). Thế là không phải. Năm thứ 10, Chiêu Công Quý Bình Tử mới bắt đầu dụng nhân ở Hào Xã. Nếu năm ấy mà dụng nhân, thì năm thứ 10, Chiêu Công đã không chép được là bắt đầu. Nước Châu dụng vua nước Tắc (lấy máu Tắc Tử vua nước Tắc để tế), nước Sở dụng Thế tử Sái đều là lấy kẻ thù địch để khoát tâm, khoát ý với non sông. Còn như thời Lỗ Thành Công, thì vị thường đã bắt được người nước thù địch nào mà lại đem giết kẻ vô tội để tế Thượng Đế. Lý đó tất là không thể tin được. Hồ Truyện nói: Đến lúc sức còn không muốn dùng, huống chi lại dám dùng người. Vậy cần biện luận cho rõ.

晉 侯 使 荀 息 來 乞 師

TẤN HẦU SỬ TUÂN ANH LAI KHẮT SƯ

TẤN HẦU SAI TUÂN ANH TỚI LỖ XIN QUÂN

Phạm Ninh - Trịnh Tự bảo là để sắp đánh Trịnh.

冬公會單子晉侯宋公衛侯曹伯齊
人鄆人伐鄭

**ĐÔNG, CÔNG HỘI THIÊN TỬ, TẤN HẦU,
TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, TÊ NHÂN,
CHÂU NHÂN, PHẠT TRỊNH**

**MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG HỘI VỚI THIÊN TỬ, TẤN HẦU,
TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, NGƯỜI TÊ,
NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH TRỊNH**

Tả Thị - Mùa đông, chư hầu đánh Trịnh. Tháng 10, ngày Canh Ngọ, vây Trịnh.

Cốc Thị - Thế là biết Lỗ Công không bội mệnh ước ở Kha Lăng.

Lý Liêm - Tấn từ Yến Lăng về sau, quân uy không phải là không phấn khởi, nghiệp bá không phải là không cố giữ, thế mà Trịnh cứ không phục, mới biết Lê Công không có đức phục được người.

十有一月公至自伐鄭
**THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG CHÍ
TỰ PHẠT TRỊNH.**

THÁNG 11, LỖ CÔNG TỪ ĐÁNH TRỊNH VỀ LỖ

Tả thị - Công Tử Thân nước Sở cứu Trịnh, quân đóng trên bờ sông Nhữ, giáp Trịnh. Tháng 11, quân chư hầu lui về.

壬申公孫嬰齊卒于狸脰
**NHÂM THÂN, CÔNG TÔN ANH TÊ TỐT VU LY THẦN
NGÀY NHÂM THÂN, CÔNG TÔN ANH TÊ MẤT TẠI LY THẦN**

Tả Thị - Xưa, Thanh Bá, Anh Tê, nằm mê thấy đi qua sông Hoàn. Có một người để vào mồm mình, Ngọc Quỳnh khôi (đỏ

phan hàm). Nước mắt chảy ra, biến thành ngọc, đầy trong mình. Anh Tề (cũng trong lúc mê) có hát: “Qua sông Hoàn nhận được ngọc quý, về đi thôi, về đi thôi, ngọc đầy người”. Khi tỉnh dậy, im sợ chết, không dám bảo ai đoán mộng. Rồi tự Trịnh về. Ngày Nhâm Thân, về đến Ly Thần, muốn nhờ người đoán mộng, mới nói rằng: Tôi sợ chết, không dám bảo ai đoán. Biết bao người đã ba năm nay theo tôi chiến trận, không bị thương, thì tôi không sợ nữa. Vừa nói xong thì chết.

Phụ lục Tả truyện - Tề Hầu cho Thôi Trữ làm đại phu, cho Khánh Khắc làm phó, sai cầm quân vây đất Lư. Quốc Tá đang theo chư hầu vây Trịnh, vì có biến ở Tề xin phép trở về. Thế là về ấp Lư giết Khánh Khắc, rồi cùng dân Lư làm phản, Tề Hầu phải kí minh ước tại Từ Quan và cứ để Quốc Tá giữ nguyên chức. Tháng 12, Lư hàng, Quốc Tá sai con là Quốc Thắng, báo cáo công việc khó khăn với Tấn, và bảo con đừng về, cứ đợi lệnh ở đất Thanh.

Công Thi - Không phải đúng ngày, tháng, như Kinh đã chép. Tại sao lấy ngày tháng ấy Anh Tề mất. Vì đời mệnh vua rồi mới chép là mất. Tại sao thế. Vì trước đó, Anh Tề chạy Tấn. Lỗ Công đi hội. Tấn Hầu định bắt Công. Anh Tề xin cho Công. Rồi Công hứa khi về, cho làm đại phu. Anh Tề về đến Ly Thần thì mất. Chưa có mệnh vua, chưa chép đại phu mất. Khi Lỗ Công tới nơi nói: “Ta có hứa rồi khi về, cho làm đại phu”. Thế mới chép là mất.

Cốc Thi - Tháng 11, không có ngày Nhâm Thân. Nhâm Thân ở vào tháng 10. Chép Công về rồi mới chép đại phu mất, thế là đúng nghĩa thần tử. Còn nơi chết thì chưa qua biên giới.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo, chép việc vua, rồi mới đến việc tôi. Xét kinh Xuân Thu là sách chép năm, tháng, việc cứ theo trước sau. Và lại chép vị Khanh mất, rồi sau đến công về, đều cứ theo sự thực thì có hại gì.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo, không phải ngày tháng ấy, vì đời mệnh vua rồi mới chép đại phu mất. Bảo thế là sai. Vua đã hứa cho Anh Tề làm đại phu là từ trước. Vua về tới nơi, thì lại rõ như thế. Tuy nhiên, chép Anh Tề mất, nên vào lúc trước

khi Công về là đúng, không nghi. Nếu bảo là Anh Tề đi trở về chưa tới nơi cho nên không chép được là đại phu mất, Anh Tề mất lúc chưa phong đại phu. Nếu bảo như thế, thì dù sao cũng đừng có chép Anh Tề mất nữa, đừng có cho việc chết lùi lại sau khi vua về. Nếu cho là Công đã hứa, thì tức là Anh Tề đã thành đại phu rồi, như thế, chép việc chết trước việc Công về, thì có hại gì đâu. Giả sử người trong nước chưa biết lệnh vua cho làm đại phu, mà không chép Anh Tề mất thì Công sau báo cáo cho biết, thì cũng có thể cứ truy lục chép lại việc chết. Đã truy lục, thì cứ đặt vào trước việc Công về, cho rõ là Công đã hứa cho làm đại phu từ trước. Thế làm gì mà không được.

Lại như Công Tôn Ngao mất ở Tề, có đời mệnh của Công đầu, mà sao chép việc mất.

十 有 二 月 丁 巳 朔 日 有 食 之

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH TÝ,

SÓC NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 12, NGÀY ĐINH TÝ, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

鄒 子 獲 且 卒

CHÂU TỬ, CUỘC THỦ TỐT

CHÂU TỬ TÊN LÀ CUỘC THỦ MẤT

晉 撥 其 大 夫 卻 錡 卻 犢 卻 至

TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU KHÍCH KỲ,

KHÍCH SƯU, KHÍCH CHÍ

TẤN GIẾT CÁC ĐẠI PHU KHÍCH KỲ,

KHÍCH SƯU, KHÍCH CHÍ

Tả thị - Tấn Lệ Công, tính đã phóng dục, lại nhiều bế thần, tức là bọn nịnh thần được vua mê, tin. Từ khi ở Yến Lăng về, ý muốn bỏ hết các đại phu, để cho bọn bế thần thay vào. Tư

Đồng là bế thần. Khích Kỳ có chiếm ruộng của Di Dương Ngũ, một bế thần. Khích Sư tranh ruộng với Trương Ngư Kiều, đóng gông lại, trói vào cang xe, cùng với bố mẹ, vợ, và con. Sau Trương Ngư Kiều cũng thành một bế thần. Loan Thư thì thù Khích Chí, vì đã không theo lệnh đến nổi bị thua quân Sở. Muốn cách chức Chí, Thư bảo con vua Sở là Công Tử Phiệt đang bị làm tù binh ở Tấn, nói với Tấn Hầu: Trận Yển Lăng chính là Khích Chí đã mời vua Sở tới khiêu chiến vì quân phía đông giúp Tấn chưa tới, các chủ sớ cũng chưa đủ vị. Khích Chí nói: Chúng tôi sẽ thua. Thua rồi, sẽ lập Tôn Chu (chắc của Tấn Tương Công) rồi theo về Sở. Tấn Hầu kể lại với Loan Thư. Thư nói: Chắc có thật. Nếu không thì sao Khích Chí đã liều chết trong trận đó. Xin nhà vua thử sai Chí đi sứ tới Kinh sư, rồi cho theo dõi hành động. Khích Chí được lệnh tới triều Chu sính lễ. Loan Thư sai Tôn Thư tới thăm. Tấn Hầu sai người thám thính, thấy có Tôn Chu, mới nghi và ghét Khích Chí.

Ngày kia, Lệ Công đi săn, cho phép các đàn bà dự và uống rượu. Xong rồi đến lượt các đại phu đi săn. Khích Chí bắn được con lợn rừng, mang đến cho Lệ Công. Mạnh Chương là chuông bọn nội giám, cướp lấy Khích Chí bắn cho một phát chết. Lệ Công tưởng là lợn của Mạnh Chương nói: Khích Chí khinh ta, bắt đầu định gây chuyện. Tư Đồng nói: Nên trừ ba tên Khích trước, họ ấy đông, mà nhiều kẻ thù. Diệt họ ấy đi, ngài sẽ đỡ bị áp bức. Diệt một họ có nhiều kẻ thù, tất là dễ. Tấn Hầu nói: Phải.

Họ Khích nghe biết chuyện. Khích Kỳ muốn đánh Công, nói: Dù sao mình cũng chết, thì mình hãy làm cho Công nguy khôn đã. Khích Chí nói: Người ta đáng làm người vì có ba điều tớn, trí và dũng. Có tớn thì không phản vua. Có trí thì không hại dân. Có dũng thì không làm loạn. Mất ba điều ấy thì còn ai theo ta. Chết mà nhiều người oán thì không nên, vua có tội trung mà giết đi thì có đáng là vua không. Nếu ta thực là có tội thì nay chết cũng là muộn rồi. Nếu vua giết người vô tội, thì sẽ mất bấy tôi, có muốn yên cũng không được. Ta cứ chờ lệnh thôi. Ta được ơn huệ nhiều để lập thành một đảng. Nay lại dùng đảng để chống mệnh vua, còn tội nào to hơn.

Ngày Nhâm Ngọ, Từ Đồng, Di Hương Ngũ, đem tám trăm giáp binh, định đánh họ Khích. Trương Ngưu Kiều xin dùng dùng nhiều quân. Tấn Hâu sai Thanh Phí Đồi giúp Kiều. Kiều cầm giáo, sóc áo lên, làm như sắp sửa đánh nhau với Thanh Phí Bồi. Ba nhà họ Khích bàn định với nhau ở trên đài. Kiều lấy giáo đâm chết Câu Bá Khích Kỳ, và Khổ Thành Thúc Khích Sư ngay trên ghế ngồi. Ôn Quý Khích Chí nói: Hung hân thế ta đành chạy, rồi chạy ra ngoài. Kiều đuổi kịp xe, đâm chết nốt. Ba xác phanh ra giữa triều.

Tư Đồng đem giáp sĩ bắt Loan Thư và Trung Hàng Yến giữa triều. Kiều nói: Nếu không giết hai người này, thì vua sẽ có sự lo ngại. Vua nói. Một buổi sớm, đã phanh thây ba đại phu, ta bắt nhần giết thêm. Kiều nói: “Người ta đối với vua lại không bắt nhần. Tội nghe nói loạn ở ngoài thì gọi là gian, loạn ở trong thì gọi là phản. Ngăn gian thì cần có đức mà ngăn phản thì cần có hình phạt. Giết mà không tha thì không gọi là có đức. Bấy tôi áp bức mà không trị, thì không có hình phạt, đã thiếu đức và hình gian và loạn sẽ sinh. Thần xin phép đi thôi”. Thế là chạy trốn sang nước Dịch.

Tấn Hâu sai tha hai người, và cho bảo rằng: Vua đã trị tội bọn Khích. Bọn đó đã bị trừng phạt. Các đại phu không có bị nhục lây. Ai nấy giữ chức vụ. Loan Thư và Trung Hàng Yến tới rạp đầu hai lạy nói: Nhà vua trị kẻ có tội mà tha cho thần, thật là ơn nhà vua hai thần dù chết không dám quên đức. Thế là ra khỏi triều về nhà. Tấn Hâu phong Tư Đồng làm Khanh.

Tấn Hâu tới chơi nhà Tương Lệ, một bề thần. Loan Thư, Trung Hàng Yến nhân dịp bắt Công. Cho gọi Sĩ Cái. Sĩ Cái từ chối. Cho gọi Hàn Quyết, Hàn Quyết từ chối và nói: Xưa, tôi ở với họ Triệu. Khi Mạnh Cơ gièm họ Triệu, tôi đã tránh không dùng đến đồ binh. Người xưa có nói: khi giết con bò già, còn không nở nhìn, huống là vị vua. Các ông mà không muốn thờ vua nữa, thì còn cần gì đến Quyết này.

Cốc Thị - Tự gây tai họa là bắt đầu từ đây.

楚人滅舒庸

SỞ NHÂN DIỆT THU DUNG
NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC THU DUNG

Tả thị - Thu Dung một nước nhỏ rợ Đông Di bị quân Sở đánh bại, bởi dẫn người nước Ngô tới vây đất Sào, tràn vào ấp Giá, rồi vây đất Lý và đất Hủy (trong nước Sở). Rồi cậy có nước Ngô, không phòng bị. Công tử Thác người nước Sở đem quân đánh úp Thu Dung, rồi biệt đi.

Sào, Giá, Lý, Hủy là bốn ấp của nước Sở.

Phụ lục Tả truyện - Tháng 12 nhuận, ngày ất mão, cuối tháng, Loạn Thư và Trung Hàng Yến giết Tư Đồng. Dân không ưa thích họ Khích. Tư Đồng gây loạn cho vua. Cho nên đều chép: Nước Tấn giết đại phu.

Năm Mậu Tý. Vua Giản Vương năm thứ 13.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN
NĂM THỨ 18

Tấn lệ, năm thứ 8. Tề Linh, năm thứ 9. Vệ Hiến, năm thứ 4. Sai Cảnh, năm thứ 19. Trịnh Thành, năm thứ 12. Tào Thành, năm thứ 5. Trần Thành, năm thứ 26. Kỷ Hoàn, năm thứ 64. Tống Bình, năm thứ 3. Tần Cảnh, năm thứ 4. Sở Cung, năm thứ 18. Ngô Thọ Mông, năm thứ 13.

春王正月晉撥其大夫胥童
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TẤN SÁT
KỲ ĐẠI PHU TƯ ĐỒNG
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG,
NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU TƯ ĐỒNG

Gia Huyền Ông - Ba người họ Khích chết là Tấn Lệ Công

giết. Tư Đồng chết là Trung Hàng Yên giết. Kinh Xuân Thu đều cho là nước Tấn giết, để rõ Tư Đồng đưa vua đến tai nạn, mà vua vì thế chết. Đồng cũng là người có tội ở nước Tấn. Bấy tôi cùng vua đều chết về nạn thì gọi là tử tiết. Tư Đồng với Lê Công chết trước, chết sau. Xuân Thu buộc vào cho là nước giết, thế nghĩa là có tội đáng giết. Nếu Đồng có đại tiết thì đã dùng giọng văn chép Khổng Phủ chết theo vua.

庚申晉弑其君州蒲

CANH THÂN, TẤN THÍ KỶ QUÂN CHÂU BỐ

NGÀY CANH THÂN, NƯỚC TẤN GIẾT VUA LÀ CHÂU BỐ

Tả thị - Năm thứ 18, Vương, tháng giêng, ngày Canh Thân, Tấn Loan Thư, Trung Hàng Yên sai đại phu Trình Hoạt giết Lê Công, cho một xe đi chôn ở ngoài cửa đông. Rồi sai Tuân Anh và Sĩ Phưởng đến Kinh Sư đón Chu Tử về để lập lên ngôi. Chu Tử, 14 tuổi. Các đại phu đi đón tận Thanh Nguyên. Chu Tử bảo: Tôi có mong đâu đến vị này. Hoặc là tự mệnh trời. Còn người thì muốn có một vua để ra lệnh. Nếu đã lập nên mà lại không theo lệnh thì lập theo làm gì. Nếu các đại phu muốn dùng tôi thì bây giờ nói ngay đi. Nếu không muốn thì bây giờ cùng nói ngay đi. Nếu biết cung kính, theo mệnh vua, thì thần linh ban phúc. Các quan nói: Tuân mệnh là ý nguyện của quần thần, dám đâu không dám theo.

Ngày Canh Ngọ, Chu Tử cùng các quan kí mình ước rồi vào thành, tạm ở nhà Bá Tử Đồng. Ngày Tân Ty, ra coi châu tại Vũ Cung. Đuổi bầy vị quan không theo.

Chu Tử còn có người anh, nhưng dấn độn, đến nỗi không phân biệt được hạt thóc với hạt đậu, cho nên không được lập,

Cốc Thị - Chép là nước giết vua, thì biết là vua có tội nặng.

Xét - Chép là nước để giết, Cốc Lương cho là vua có tội nặng. Hồ Truyền thì cho là chép lược qua, bọn nhỏ phần nhiều nghe theo, bàn rằng vua mà để cả nước ghét thì quần chúng giết là để chia trách nhiệm với đông người. Xét Xuân Thu mà ra đời là để dạy đạo làm tôi, thì làm sao chia tội ác ra cho mọi người,

hại đến lễ nghĩa, còn mong dạy ai. Xét trong 12 đời Công, được biên chép, vua vô đạo bị giết vốn có nhiều. Lấy việc nước Tấn mà bàn luận. Linh Công với Lệ Công chưa xa nhau mấy, mà Linh Công thì chép Thuần giết, Lệ Công thì chép nước giết. Tại sao thế? Khi Triệu Xuyên giết Linh Công, thì thời đó, có Sứ là quan Đồng Hồ, cứ chép thẳng. Triệu Thuần đành chịu tội, không dám cãi. Lần này, chép việc giết Lệ Công, Sứ quan vị tất được như Đồng Hồ, người bị chép vị tất đã chịu tội. Tờ cáo phó cho các chư hầu tất buộc tội cho một người nào để tránh người có tội thực. Sứ cũ nước Lỗ cứ theo cáo phó biên chép. Kinh Xuân Thu đã nhận xét rõ mới chép là nước Tấn giết vua, để cho thiên hạ đời sau đến sự thực của việc giết. Như thế thì tên hung thủ không thoát khỏi lưới. Đó là đặc bút của Thánh nhân thấy rõ ở năm thứ 16 Lỗ Văn Công, người Tống giết vua.

齊 撥 其 大 夫 國 佐

TÊ SÁT KỲ ĐẠI PHU QUỐC TÁ NƯỚC TÊ GIẾT ĐẠI PHU LÀ QUỐC TÁ

Tả Thị - Nước Tê vì việc loạn xảy ra từ họ Khánh, ngày Giáp Thân cuối tháng, theo lệnh vua Tê, Sĩ Hoa Miên cầm giáo giết Quốc Tá tại nội cung, vào một buổi chiều. Quân sĩ được giấu trong cung, của phu nhân. Kinh Xuân Thu chép: “Nước Tê giết đại phu Quốc Tá”. Vì Quốc Tá đã không tuân mệnh vua, tự chuyên sử tử Khánh Khắc và lấy dân Cốc làm phản, vua Tê sai dân đất Thanh giết Quốc Thắng con Quốc Tá, Quốc Nhược chạy trốn tới Lỗ. Vương Tu trong Đảng Quốc Tá trốn đến đất Lai. Khánh Phong con Khánh Khắc được phong đại phu, và Khanh Tá giữ chức Tư Khấu. Vua Tê lại gọi Quốc Nhược về cho làm chương tộc họ Khánh. Như thế là đúng lẽ.

Phụ Lục Tả Truyện - Tháng hai, ngày Ất Dậu, mừng một Tấn Diệu Công lên ngôi trong triều, sai các quan thi ân, tha phu dịch, triển hạn các trái khoản, trông nom đến quan phu quả phụ, trung cầu hiền tài, giúp đỡ hạng cùng dân, kẻ nghèo khổ, ngăn cấm dâm dăng, bớt thuế má, bớt tiêu dùng, tùy mùa dùng

dân vào việc công. Cho lên chức Khanh, bọn Ngụy Tương (con Ngụy Kỳ), Sĩ Phưởng (Con Sĩ Hội) Ngụy Hiệt (con Ngụy Khôa) và Triệu Vũ (con Triệu Sóc).

Tấn Hầu cho làm Công tặc đại phu, bốn người là Tuân Gia, Tuân Hội, Loan Yểm, và Hàn Vô Kỵ. Sai bốn người phải dạy con em các quan, Khanh, Đại phu, cho biết các điều hiếu lễ, cung kiệm. Phong Sĩ Ác Trọc làm Thái Phó, sai coi xét pháp luật, Phạm Vũ Tử đã đặt ra, để rồi áp dụng. Phong Hữu Hàng Tâm làm Tư Không, sai coi lại và thi hành điều lệ Sĩ Vi đã đặt ra. Biền Cù giữ chức Ngự Nhung, coi các liêu thuộc, dạy cho các điều cần biết khi điều khiển chiến xa. Tuân Tân làm xa hữu coi các giáp binh cầm giáo đi bên hữu xe, dạy cho biết tùy cơ ứng biến. Các vị Khanh không được có quan chức riêng về chiến xa riêng, công việc giao cho hàng úy trong quân đội.

Kỳ Hề coi Trung quân, Dương Thiệt Chức làm Phó. Ngụy Giáng làm Tư Mã. Trương Lão làm Hậu Yểm (coi xét, thăm thử, làm tiền đội trong quân), Đạc Át Khấu coi Thượng quân. Tịch Yểm làm Tư Mã, dạy cho tướng sĩ, quân lính, khi hành quân, biết hợp tác. Trình Thịnh giữ chức Thặng Mã Ngự coi hết các phu dịch sẵn sóc về ngựa chiến xa, dạy cho biết lễ nghi phải trái.

Các quan trong sáu bộ đều được dân khen, ai cũng làm hết phận sự. Ai biết việc người ấy, không chen vào việc người khác. Tước không vượt quá tài năng. Tướng một đạo quân không dám vượt quyền nguyên súy. Tướng một lữ không dám vượt quyền tướng một quân. Trong dân gian không thấy có một lời chê. Tề có cơ phục được nghiệp Bá.

Tô Triệt - Quốc Tá tuy là bị buộc vào tội tự chuyên giết người, phản vua, nhưng tội phát ra từ Khánh Khắc. Người Tề ưa Khánh Khắc mà giết Tá. Cho nên chép là nước giết là tội có liên lụy đến trên.

Lý Liêm - Đây là mở đầu các việc Thôi, Khánh chuyên quyền.

公如晉
CÔNG NHU TẤN
LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Công sang Tấn, là để châu vua mới.

夏楚子鄭伯伐宋宋魚石復入于彭城

HẠ, SỞ TỬ, TRỊNH BÁ, PHẠT TỔNG,

TỔNG NGƯ THẠCH PHỤC NHẬP VU BÀNH THÀNH

MÙA HẠ, SỞ TỬ, TRỊNH BÁ ĐÁNH TỔNG,

TỔNG NGƯ THẠCH LẠI VÀO BÀNH THÀNH (ẤP NƯỚC TỔNG)

Tả Thị - Mùa hạ, tháng sáu, Trịnh Bá xâm nước Tống, quân tới ngoài cửa Tào môn, quốc đô Tống. Rồi hợp với quân Sở, Tử để đánh Tống, lấy được Triều Giáp. Tử Tân nước Sở và Hoàng Thần nước Trịnh tràn đến Thành Cáo và lấy được U Khưu. Hai người cùng đánh Bành Thành. Rồi cho vào thành các tướng Tống hiện chạy trốn ở nước Sở là: Ngư Thạch, Hương Vi Nhân, Lân Chu, Hương Đài, Ngư Phủ, Giao cho 300 chiến xa để đồn thú rồi đem quân về.

Kinh Xuân Thu chép: Ngư Thạch lại vào Phàm đã bỏ nước ra đi, mà nước lại đón về để lập lên thì coi là vào. Phục lại chức vũ thì gọi là về. Còn như được các chư hầu đem về thì gọi là về. Nếu lại phải dùng sức mới được thì gọi là lại vào.

Người Tống lo sợ. Đại phu Tây Sừ Ngô nói: Ta làm thế nào. Nếu người nước Sở cũng như ta, cũng ghét Ngư Thạch mà lấy đức dài ta, thì ta có thể trung với Sở, không nhị tâm. Nhưng e rằng nước Sở lớn, tham lam, khinh ta, coi ta như thù địch. Nếu Sở không muốn lấy đức dài ta, nếu Sở binh Ngư Thạch mà ta vốn ghét, và cho dự vào chính trị để coi chừng ta, để tìm cơ hại ta, thì ta phải lo. Ngày nay, Sở đem Bành Thành cho Ngư Thạch, thế là dâng lên cao một kẻ đã phản chủ, mà cắt đất của chủ cho kẻ đó, để cắt đứt Di Canh đường giao thông với nước Tấn và Ngô. Việc làm này, đưa gian phải vui sướng, nhưng

mất lòng các nước xưa nay theo Sở. Làm cho các nước đó ghét Sở, và làm cho Ngô và Tấn nghi Sở. Thế là lợi cho ta đó. Vậy nghi như thế, thì ta lại không lo. Và lại ta theo Tấn để làm gì. Tấn tất là giúp ta.

Triều Giáp là đất nước Tống, Thành Cáo, U Khưu là đất nước Tống, Di Canh là đường đi quan trọng nối với Ngô và Tấn.

Hồ Ninh - Tôn Lâm Phủ, Tống Thần, Triệu Ưởng. Tuân Dân, đều ở ấp ngoài để tự giữ mình, cho nên chép là phản bạn. Ngư Thạch, Loan Doanh, ý muốn làm loạn ở trong nước, cho nên chép là lại vào.

Lý Liêm - Kinh chép "lại vào" là Ngư Thạch, Loan Doanh là đại phu không có "nôi đời" cho nên chép chữ lại. Là rất chệ.

公 至 自 晉
CÔNG CHÍ TỰ TẤN
LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

晉 侯 使 士 丐 來 聘
TẤN HẦU SỬ SĨ CÁI LAI SÍNH
TẤN HẦU SAI SĨ CÁI TỚI LỄ SÍNH

Tả thị - Lỗ Công từ Tấn về. Tấn Phạm Tuyên Tử tới lễ sinh, và đáp lễ Lỗ Công đã tới châu. Người quân tử bàn, lần này Tấn biết lễ.

Hứa Hàn - Lỗ Công đi châu vừa về thì sứ Tấn lễ sinh tới ngay. Tấn Diệu đổi sử với chư hầu có cung kính, vì thế các nước được hòa mục. Mà nước phản bội rồi cũng phải phục tòng.

秋 杞 伯 來 朝
THU, KỶ BÁ LAI TRIỀU
MÙA THU, KỶ BÁ LAI CHẦU

Tả Thị - Mùa thu, Kỷ Hoàn Công tới châu, mừng vua Lỗ

về việc Lỗ Công sang Tấn, và nhân hỏi chuyện Tấn. Lỗ Công khen Tấn, thế là Kỷ Bá vội tới châu Tấn và xin kết hôn.

Phụ lục Tả truyện - Tháng bảy, Lão Tá và Hoa Hỷ nước Tống tới vây Bành Thành, Lão Tá mất (Thôi không vây nữa).

八月州子來朝

BÁT NGUYỆT, CHÂU TỬ LAI TRIỀU

THÁNG TÁM, CHÂU TỬ TỚI CHÂU

Tả Thị - Tháng tám, Châu Tuyên Công tới châu, vì mới lên ngôi.

築鹿園

TRÚC LỘC HỮU

XÂY VƯỜN NUÔI HƯƠU

Tả Thị - Xây vườn nuôi hươu. Chép một việc không đúng mùa.

Công Thị - Sao lại chép? Là để chê, chê vì đã có vườn rồi, lại xây nữa.

Cốc Thị - Xây không có chép. Đây sao chép? Các lợi lấy ở núi, rừng đầm, ao là để cùng dân hưởng. Nếu để riêng vui thì không phải là chính.

己丑公薨于路寢

KỶ SỬU, CÔNG HOÃNG VU LỘ TẨM

NGÀY KỶ SỬU, LỖ CÔNG MẤT TẠI CUNG LỘ TẨM

Tả Thị - Ngày Kỷ Sửu, Công mất tại Lộ Tẩm. Kinh chép cho là một việc thuận.

Cốc Thị - Lộ Tẩm là nơi chính. Chồng chết ở nơi tay vợ, thế là có thủy, có chung.

Lý Liêm - Thành Công ở ngôi 18 năm. Từ trận An về sau,

trước khi đất Văn Dương chưa trở về Tề thì Lỗ thờ Tấn rất cẩn thận. Từ sau khi Văn Dương về Tề, thì giữa Lỗ Tấn có hiềm khích. Tuy nhiên, Lỗ vẫn còn thờ Tấn. Đông có thù với Tề, nam bị khuất với Sở, đặt ra Khưu Giáp thì việc Bình, Chính có đổi. Bốn vị Khanh thêm quyền, thì nhà vua kém, suy. Lỗ không còn có được một điều gì hay nữa. Kịp đến khi có lỗi với Tấn, Lỗ hội lễ táng mà bị giữ, tới lễ sinh mà phải chịu thê. Bị khốn ở Sa Tuyền. Bị nhục ở Thiệu Khưu. Kiều Như gian dối. Phu nhân kém đức. Loạn tự trong sinn ra. Từ Ân Công tới nay, Lỗ chưa từng đến thế. Về cuối đời, may được Điều Công hưng khởi, quốc gia vô sự, mà một thời có được các bầy tôi như Quý Văn Tử, Mạnh Hiến Tử, Tử Thúc Thanh Bá, Tang Tuyên Thúc, Tang Vũ Trọng, đều là hạng hiền trí, cho nên còn có thể duy trì được, và gỡ được các nạn trong nước. Nếu không thì Lỗ không còn gì nữa.

冬 楚 人 鄭 人 侵 宋

ĐÔNG, SỞ NHÂN, TRỊNH NHÂN XÂM TỔNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TRỊNH, XÂM NƯỚC TỔNG

Tả Thị - Mùa đông tháng 11, Tử Trọng nước Sở cứu Bành Thành, đánh Tống. Tống Hoa Nguyên sang Tấn cáo cấp. Hàn Hiến Tử cầm quyền chính ở Tấn nói: "Nếu ta muốn được người thì trước hết ta phải giúp người đã. Văn Công Thành được nghiệp bá, vững được thế lực, là bắt đầu giúp Tống". Tấn Hầu mới đem quân tới Thai Cốc để cứu Tống. Rồi gặp quân Sở ở đồng Mi Giốc (đất Tống). Quân Sở sợ lui về.

Lý Liêm - Tề Hoàn Công dựng nghiệp bá, bắt đầu là bình được loạn ở nước Tống. Tấn Văn Công dựng nghiệp bá, bắt đầu là giải được vây ở nước Tống. Điều Công muốn dựng nghiệp bá là bắt đầu ở ấp Bành Thành, cứu Tống. Cho nên nói được rằng, thành được nghiệp bá, vững được thế, là bắt đầu giúp Tống. Trước thì Sở và Trịnh đều xưng tước mà chép là phạt. Nay thì Sở và Trịnh đều xưng là người mà chép là xâm. Thế Tấn thịnh dần, thế mà Sở suy dần.

晉侯使士魴來乞師

TẤN HẦU, SỬ SĨ PHƯỜNG LAI KHẮT SƯ

TẤN HẦU SAI SĨ PHƯỜNG TỚI LỖ XIN QUÂN

Tả Thị - Tấn Sĩ Phường tới xin quân. Quý Văn Tứ hỏi Tang Vũ Trọng về số quân có bao nhiêu. Đáp: "Về việc đánh Trịnh, Tri Bá (Tuân Anh) thân hành tới. Tri Bá là phó hạ quân. Nay Trệ Quý (Sĩ Phường), cũng Phó Hạ quân. Số quân nên như thời đánh Trịnh. Đối với nước lớn, cứ theo nghi lễ, tùy tước chức sứ giả và nên kính cẩn". Quý Văn Tứ nghe theo.

十有二月仲孫蔑會晉侯宋公衛侯

鄆子齊崔杼同盟于虛

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TRỌNG TÔN MIỆT, HỘI TẤN

HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, CHÂU TỬ,

TÊ THÔI TRỮ, ĐỒNG MINH VU HƯ THỊNH

THÁNG 12, TRỌNG TÔN MIỆT, (LỖ MẠNH HIẾN TỬ)

HỘI VỚI TẤN HẦU, TỔNG CÔNG, VỆ HẦU, CHÂU TỬ,

THÔI TRỮ NƯỚC TÊ TẠI HƯ THỊNH

Tả Thị - Tháng 12, Mạnh Hiến Tử hội tại Hư Thịnh, bàn việc cứu Tống. Người Tống từ tạ chỉ xin quân để vây Bành Thành. Mạnh Hiến Tử xin phép chư hầu được về nước trước tiên lo việc tống táng.

Hứa Hàn - Tương Công không hội vì đang cư tang. Điều Công đối với chư hầu có nhân.

Uông Khắc Khoan - Chư hầu đồng tâm sợ Sở mà mưu việc cứu Tống. Cho nên chép là đồng minh.

丁昧葬我君成公

ĐINH MÙI TÁNG NGÃ QUÂN THÀNH CÔNG

NGÀY ĐINH MÙI, LỄ CHÔN VUA TA LÀ THÀNH CÔNG

Tả Thị - Ngày Đinh Mùi, lễ chôn vua ta là Thành Công. Xuân Thu chép thế tức là công việc được thuận.

Đỗ Dự - Mất tại Lộ Tẩm. Năm tháng thì chôn. Quốc gia yên tĩnh dòng đích nối ngôi. Cho nên chép là thuận.

HẾT TẬP III

MỤC LỤC

XUÂN THU QUYỂN THỨ BẢY

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU	5
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI	12
TAM NIÊN - NĂM THỨ BA	22
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ	28
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM	32
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6	35
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7	41
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8	50
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9	55
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10	63
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11	66
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12	70
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13	76
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14	82
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15	92
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16	102
THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17	110
THẬP HỮU Bát NIÊN - NĂM THỨ 18	115

XUÂN THU QUYỂN THỨ TÁM

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU	126
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI	136

TAM NIÊN - NĂM THỨ BA	143
TỬ NIÊN - NĂM THỨ TƯ	149
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM	154
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6	158
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7	161
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8	165
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9	173
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10	180
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11	190
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12	198
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13	214
THẬP HỮU TỬ NIÊN - NĂM THỨ 14	218
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15	222
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16	233
THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17	237

XUÂN THU QUYỂN THỨ CHÍN

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU	246
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 2	251
TAM NIÊN - NĂM THỨ 3	268
TỬ NIÊN - NĂM THỨ 4	276
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 5	279
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6	284
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7	291
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8	297
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9	305
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10	314

THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11	318
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12	322
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13	326
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14	333
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15	336
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16	347
THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17	365
THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 18	375

XUÂN THU TAM TRUYỆN – TẬP 3

HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

Bìa : QUANG HUY

Trình bày : QUANG MINH

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp in Số 5

**Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 1245-28/XB-QLXB do Cục Xuất
Bản ký 11-09-2001. Giấy trích ngang KHXB số 405/TNKHXB-2002 do
Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19-07-2002. In xong
và nộp lưu chiểu Quý III - 2002.**

Khổng Tử



Xuân Thu TAM TRUYỆN



Phát hành tại nhà sách

QUANG MINH

416 Nguyễn Thị định Khu - P.5 - Q.3 - Tp.HCM
ĐT: 8322386 - 8340990 - 090.3800274 - Fax: 84.8.8342457
E-mail: quangminhbookshop@hcm.vnn.vn

Giá: 46.000đ